HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Tân Niên 2000



tranh Lê Bá Đẳng

SỐ 51, THÁNG 2 & 3 NĂM 2000



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 265-1394 - Email: tchl@aol.com

http://www.saigonline.com/hopluu/

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 51 tháng 2/2000 & 3/2000

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Thể lệ gửi bài:

Kèm theo bài xin ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài), hoặc email. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



CHÚC MỪNG NĂM MỚI

HỢP LƯU

SỐ 50, XUÂN CANH THÌN



MỤC LỤC

Tranh bìa:
Tĩnh Vật, *sơn dầu* **Khánh Trường**





Thư tòa soạn



*S*ố báo này đặc biệt kỷ niệm mười năm Hợp Lưu góp mặt trên tiền trường văn học hải ngoại, và cũng là số báo đáng dấu năm đầu tiên của thiên kỷ thứ ba, một thiên kỷ hứa hẹn nhiều thành tựu vượt bực cũng như nhiều thay đổi sâu xa trong mọi lĩnh vực. Tất nhiên, không loại trừ lĩnh vực văn học nghệ thuật.

Vì là số báo kỷ niệm đặc biệt, nên *Hợp Lưu* đã cố gắng khắc phục mọi khó khăn để tăng trang, tăng bài, tăng ấn bản, hầu gửi đến quí độc giả một hợp tuyển văn học nghệ thuật biên khảo gồm những sáng tác giá trị của các cây bút tên tuổi trong, ngoài nước. *Hợp Lưu* muốn minh chứng qua số báo này, nỗ lực không ngừng của ban chủ trương. Đó cũng là cách ngầm bày tỏ lòng biết ơn sâu xa của *Hợp Lưu,* với mọi văn hữu cộng tác, và với độc giả. Nếu không có các văn hữu, tờ báo không thành hình. Nếu không có độc giả, tờ báo không thể tồn tại đến hôm nay.

Mở đầu phần biên khảo, Huỳnh Hữu Ủy với *Hành trình của con Rồng qua văn hóa và mỹ thuật Việt Nam,* sẽ giúp chúng ta có được một cái nhìn khái quát về hình tượng con Rồng, một "linh vật" thần thoại, gắn bó mật thiết với dân tộc ta qua mọi sinh hoạt xã hội, văn hóa và nghệ thuật.

Thụy Khuê, mặt khác, *Thử tìm một li tiếp cận văn học sử về hai*

mươi lăm năm văn học Việt Nam hải ngoại - 1975-2000

Nguyễn Hưng Quốc bàn về *Chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt Nam.*

Hoàng Nguyên Nhuận xét lại cách phân loại của Hoài Thanh, Hoài Chân về "thơ ca lãng mạn tiền chiến" qua tiểu luận *Một tâm hồn mã thượng ham vui.*

Phan Thị Trọng Tuyến chuyển ngữ trích đoạn tiểu luận của Milan Kudera, *Di sản đã mất giá của Cervantes.*

Nguyễn Tuấn Anh tiếp tục loạt bài "đọc sách" của ông về các tác giả lớn của nhân loại.

Đặc biệt, trung tướng Trần Độ nói về hiện tượng "cởi trói", "đổi mới " văn nghệ tại VN qua *Mấy dòng ghi chép.*

Dương Thu Hương nói về sự *Tự do ảo, khoảng sinh tồn của ngòi bút.*

Phần văn thơ rất phong phú, đa dạng qua các sáng tác của Mai Ninh, Võ Đình, Ngô Thế Vinh, Du Tử Lê, Hà Quốc Huy, Trần Mộng Tú, Phạm Hải Anh, Hồ Minh Dũng, Nguyễn Trùng Dương, Lê Minh Khuê, Lê Minh Hà, Phùng Nguyễn, Phan Ni Tấn, Nao Dao, Đỗ Quyên, Nguyễn Tôn Nhan, Thường Quán, Nguyễn Khải, Đặng Hiền, Hà Nguyên Du, Thu Từ, Ngô Nhựt Tân, Cổ Ngư, Huỳnh Liễu Ngạn, Nguyễn Quang Thiều, Trần Thị Ngh., Hannah L.G. Võ Đình, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Vũ Anh Mai, Song Thao...

Hợp Lưu hy vọng văn hữu & độc giả sẽ hài lòng với số báo đặc biệt này, đồng thời cũng xin trân trọng gửi đến quí vị một lời chúc lành, nhân mùa Xuân mới, mùa Xuân của toàn nhân loại trên hành tinh này, đang sửa soạn đón chào tân thiên kỷ.

HỢP LƯU



HUỲNH HỮU ỦY

Hành trình của con Rồng qua văn hóa và mỹ thuật Việt Nam



Hình tượng Rồng đã có nhiều gắn bó thâm sâu đặc biệt với dân tộc chúng ta, từ những ngày đầu dựng nước cho mãi đến ngày nay. Cả một biến chuyển lâu dài từ thần thoại, từ tư tưởng cổ sơ đến những định hình rõ nét trong lịch sử, con Rồng có mặt khắp nơi.

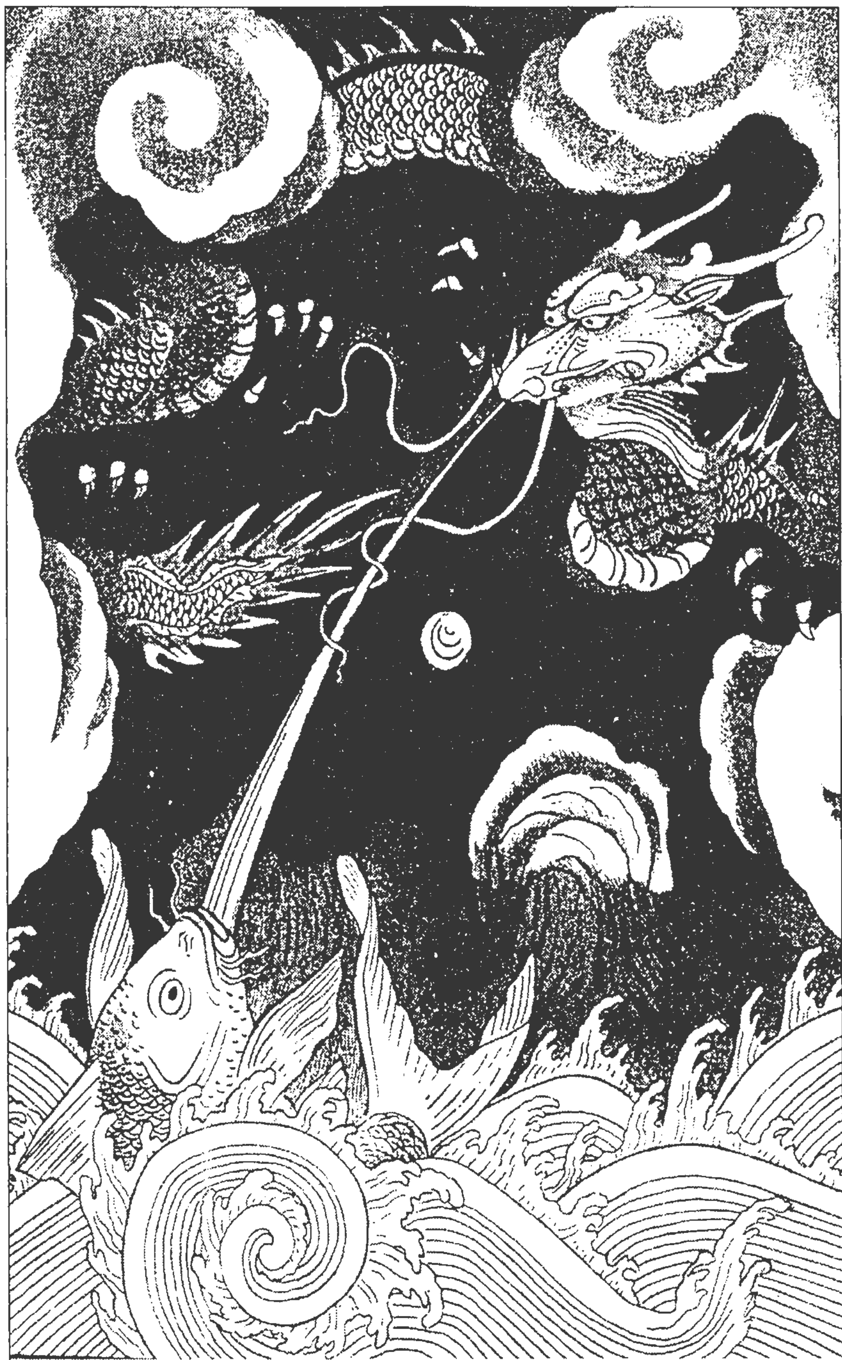
Trong các cổ thư Trung Hoa, Rồng được mô tả là giống vật thần, ao hồ không thể dung nạp nổi. Đầu và sừng trông rất uy nghi, sự biến hóa của nó thực là khôn cùng, xòe vuốt bay lên trời, mây dập dờn trôi theo. Với dân tộc ta, con vật thần thoại ấy quả là hết sức phổ biến, thân thiết, rất quen thuộc trong nhiều mặt sinh hoạt của đời sống cũng như trong nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, hội họa.

Công trình khảo sát tích cực về sử mỹ thuật trong vòng nửa thế kỷ vừa qua đã xác định được phần nào tiến trình hình thành của nền mỹ thuật dân tộc. Trong tất cả cái chung ấy, hình ảnh con Rồng cũng phần nào được xác định với những biến chuyển, thay đổi tùy vào từng thời kỳ lịch sử. Chúng ta đã tìm thấy nhiều dấu vết của con rồng thời sơ sử, cũng như sự khác biệt của những con rồng các niên đại kế tiếp, của các thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn.

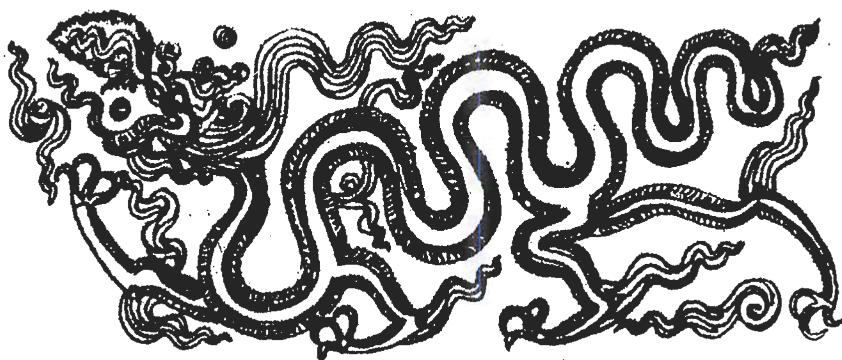
Thuộc hệ thống văn hóa Đông Nam Á, nằm giữa hai nền văn minh lớn Hoa-Ấn cổ đại, đất nước ta đã tiếp nhận nhiều ảnh hưởng đến từ hai vùng này, tuy nhiên có một điều khá đặc sắc là sự tiếp nhận chỉ có tính giao lưu văn hóa, vừa tiếp thu vừa biến đổi với một năng lực bản-địa-hóa rất cao. Rất dễ hiểu khi nhận ra trong hình dáng con Rồng Việt Nam nhiều vết tích của con Rồng Trung Hoa và con Makara trong huyền thoại và nghệ thuật tạo hình Ấn Độ. Con Rồng là biểu tượng của những ước mơ phồn thực, của phong đăng hòa cốc, của những cư dân trồng lúa nước, trên lưu vực các con sông lớn từ Trung Hoa qua vùng Đông Nam Á sang đến tận Ấn Độ, cho nên không thể nào loại bỏ bóng dáng vật linh trong tín ngưỡng của người Việt cổ tác động vào đây.

Là con rồng tô-tem của giòng giống con rồng cháu tiên, như tổ tiên chúng ta đã tự xác định mình trong buổi bình minh hoang sơ đầu tiên của lịch sử đất nước. Nhưng càng về sau khi các triều đại phong kiến thiết lập đã vững chắc, con Rồng dần dà trở thành biểu tượng của vương quyền, trong xu hướng áp đặt một số cảm quan và ý thức cơ bản của cộng đồng vào con đường chánh thống. Từ hình ảnh một con vật thần thoại của nhân dân, Rồng trở thành độc quyền của nhà vua, tiếp thu hình tượng và nhiều đặc tính của con rồng phương Bắc, được mô tả là loài rắn có sừng và chân, vảy có năm sắc , đầu lạc đà, sừng nai, mắt quỷ, tai bò, cổ rắn, chân cọp, móng chim ưng, bụng cá sấu. Dùng sừng làm thính giác. Trên lưng lại có 81 cái vảy (81 tức là 9 X 9 là số cực dương). Rồng là thần vật, lúc ẩn lúc hiện, thường vùng vẫy dưới nước, có lúc lại theo các vầng mây mà bay lên, tung lượn trên bầu trời và phun các cơn mưa tưới rải xuống đất đai, mang lại ơn mưa móc lớn nhất cho con người trong những xứ sở chuyên canh lúa nước. *Đại Nam Quấc Âm Tự Vị* của Huình Tịnh Của và *Việt Nam Tự Điển* của Lê Văn Đức / Lê Ngọc Trụ đã cung cấp cho chúng ta nhiều từ và thành ngữ liên hệ đến con Rồng phong kiến. Vì Rồng là biểu tượng của vương đế, nên khi nói: Đền rồng có nghĩa là đền vua, Ngai rồng: ngai vua ngự; Bệ rồng: bệ vua ngự; Thuyền rồng: thuyền vua ngự; Hội rồng mây: hội vua tôi gặp gỡ v.v... (1) Hay một số từ khác như Long thể: mình rồng tức thân thể vua (ví dụ *Long thể bất an*); Long nhan (Long diện): mặt rồng, mặt vua, dung mạo vua; Long mạch (Long huyệt): mạch đất có rồng ở dưới, nơi cất nhà hay để mả tốt, con cháu về sau có thể làm vua (theo khoa địa lý); Long sàng: giường ngủ của vua; Long giá: xe vua và đoàn tùy tùng; Long án: bàn viết của vua; Long cổn: áo lễ có thêu hình rồng của vua (2).

Lật lại trang sử cũ, chúng ta còn nhớ dưới triều Lý, sau bao



Ngư long hí thủy, mỹ thuật Huế



Con Rồng thời Lý (bản vẽ Trần Tuy)

nhiêu gian lao, khổ ải và những đêm dài tăm tối ngoại thuộc, năm Thuận Thiên Nguyên niên (1010) thủ đô của cả nước được dời về một vị trí phía hữu ngạn sông Hồng. Rực rỡ dưới ánh sáng độc lập, tự chủ, vùng đất trung tâm của tổ quốc lại mang cái tên hùng vĩ nhưng cũng rất thi vị và kiều diễm là Thăng Long Thành. Với tên hiệu ấy, con Rồng càng chứa đựng một ý nghĩa lớn lao hơn, là hình ảnh tượng trưng của toàn dân tộc, và cùng lúc nó đồng hóa vào uy lực cao nhất của đế quyền.

Con Rồng của huyền thoại và thời dựng nước

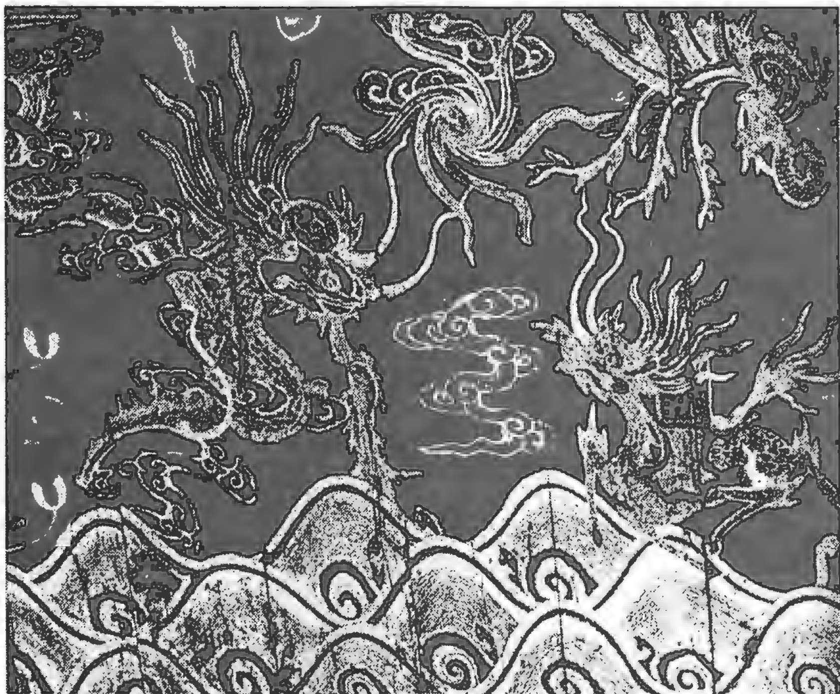
Trong một bài khảo về hành trình của con rồng trong văn hóa và mỹ thuật Việt Nam, viết chung với nhà dân tộc học Lê Văn Hảo, chúng tôi đã có dịp đề cập đến con rồng của huyền thoại và thời sơ sử, xin trích lại ở đây phần viết về chủ điểm này:

"Căn cứ vào huyền thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ và phong tục lâu đời xăm mình bằng hình rồng của người Việt xưa, từ thời đại dựng nước cho mãi đến đời Trần (thế kỷ XIII-XIV), chúng ta hoàn toàn có thể chia sẻ với người Việt Nam ở mọi thời đại niềm tự hào về dân tộc Việt Nam là con Rồng cháu Tiên, xuất phát từ cặp vợ chồng khởi nguyên của nòi giống Việt Nam là mẹ Âu cha Rồng.

Có thể xem bố Rồng hay vua Rồng (*vua, bua* cũng gốc từ *bô (bô lão)* hay *bố* mà ra) là vị anh hùng khai sáng văn hóa lớn nhất của huyền thoại Việt Nam, từ biển tới, từ sông lên, diệt Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh, khai sáng miền châu thổ sông Hồng, dọn đường cho con cháu là các vua Hùng và nhân dân Việt cổ xây dựng nền văn minh châu thổ sông Hồng. Bố Rồng cũng là vị anh hùng khai sáng văn hóa

đầu tiên chống sự xâm lấn từ phương Bắc, bảo vệ lãnh thổ cho cháu con dựng nước, tạo dựng văn hóa. Có vua Rồng là anh hùng văn hóa, có vua Hùng là anh hùng chính trị, có ông Gióng là anh hùng trận mạc, người Việt cổ đã sẵn sàng bước lên vũ đài lịch sử, xây dựng nên nhà nước đầu tiên và hiên ngang làm chủ một phương ở miền Đông Nam Á thời cổ đại.

Rõ ràng huyền thoại mẹ Âu - cha Rồng với ý nghĩa biểu



Rồng cùng với Lân và Phượng Hoàng, tranh tường, đền thờ An Dương Vương, mỹ thuật thời Hậu Lê

dương cội nguồn nòi giống đã góp phần giúp cho nhân dân Việt cổ tập hợp lực lượng chiến đấu và chiến thắng trong quá trình dựng nước và giữ nước. Nhưng tại sao cho đến ngày nay, chúng ta vẫn chưa tìm thấy hình tượng con Rồng trên những hiện vật của văn hóa-văn minh Việt cổ ở thời đại dựng nước, thời đại Hùng Vương, thời đại Văn Lang - Âu Lạc.

Trong bộ sách *Hùng Vương dựng nước* (4 tập) của Viện Khảo Cổ Học, nhiều nhà nghiên cứu đã xem xét những hoa văn hình con bò sát có chân, đuôi dài, có vẩy và đôi khi có tóc trên một vài di chỉ đồ đồng Đông sơn nhưng chưa khẳng định được dứt khoát con rồng Việt

Nam vốn xuất phát từ một con vật cụ thể nào, mà chỉ nói chung chung rằng đó có thể là con giao long, con thuồng luồng, con giải, con cá sấu hoặc con rắn khổng lồ. Từ Điển Việt Nam (Văn Tân chủ biên, 1967) thì lại khẳng định: tô-tem (vật tổ) của người Việt nguyên thủy là con cá sấu; còn Đinh văn Khánh và Chu Xuân Diên trong bộ sách *Văn Học Dân Gian Việt Nam* thì nói rõ hơn: lân trùng (rắn có vảy) hay giao long là một loài cá sấu. Con rồng chính là con sấu vẽ nên. Như vậy thì giữa con sấu và con rồng có mối quan hệ như thế nào? Gần đây, nhà nghiên cứu Nguyễn Minh Hiệu, bằng những cứ liệu văn học dân gian, ngôn ngữ học, khảo cổ học và dân tộc học đã cố gắng chứng minh rằng nguồn gốc của con rồng chính là con cá sấu, mà con cá sấu lại là vật tổ chủ yếu của người Việt cổ cách đây trên dưới 4000 năm (3). Đây là một luận điểm quan trọng đối với những nhà nghiên cứu lịch sử văn hóa - nghệ thuật Việt Nam, và là một trong những lý giải có sức thuyết phục trong vấn đề tìm hiểu nguồn gốc con rồng - một hình tượng quán xuyến trong tiến trình mỹ thuật cổ truyền từ thời đại Lý - Trần đến các thời Lê, Nguyễn.

Vậy thì con cá sấu đã xuất hiện như thế nào và đã trải qua những biến đổi ra sao trong nền văn minh Việt cổ và trong truyền thống văn hóa nghệ thuật Việt Nam?

Những phát hiện khảo cổ học trong những năm gần đây đã



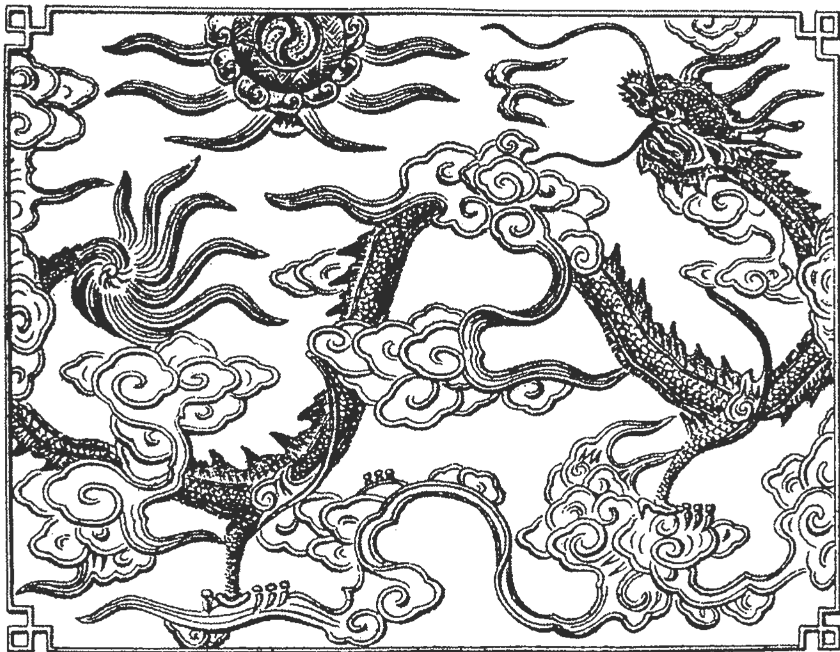
Chân đèn chạm nổi hình rồng, thế kỷ XVI

cho chúng ta thấy hình tượng con cá sấu trên nhiều di chỉ đồ đồng Đông Sơn thuộc nền văn minh sông Hồng.

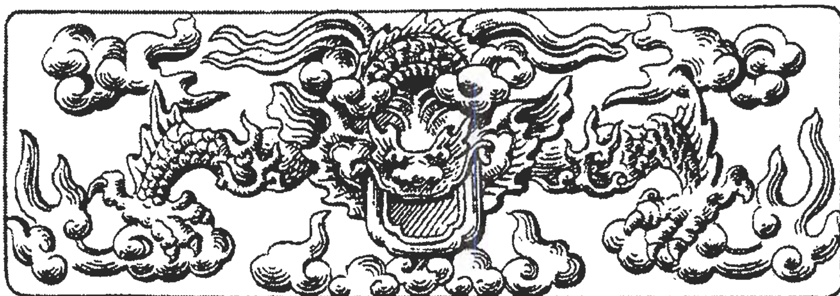
Trên thạp đồng Đào Thịnh, giữa hình những con thuyền có khắc họa hình những con cá sấu; trên qua đồng Núi Voi cũng có khắc hình cá sấu.

Trên một lưỡi giáo và một dao găm đồng tìm được ở di chỉ Đông Sơn nổi tiếng (Thanh Hóa) thấy có hình ảnh của hai cặp cá sấu với nét khắc chìm khá sâu: một cặp cá sấu già có chân đang hé miệng, đuôi cuộn, và một cặp cá sấu khác được cách điệu hóa đang lao đi dưới nước như hai mũi tên.

Trên một chiếc vòng đồng (cũng tìm thấy tại di chỉ Đông Sơn) có khắc chạm hình những con cá sấu chạy vòng quanh ở vành ngoài cùng. Nhà nghiên cứu Nguyễn Minh Hiệu đã nhấn mạnh rằng những chiếc thạp đồng, lưỡi giáo đồng và chiếc vòng đồng có chạm khắc hình tượng con cá sấu đều thuộc loại hiện vật đặc biệt, co´ lẽ là những báu vật được chế tác riêng cho các vua Hùng và các Lạc hầu, Lạc tướng. Trên một chiếc trống đồng Đông Sơn loại I thấy chạm khắc rất đẹp hình của 6 con cá sấu mõm nhọn, đuôi cuộn vồng lên, ở



Rồng chạm nổi trên một chiếc tráp, mỹ thuật Huế



Đồ án mặt rồng, mỹ thuật Huế

tư thế lao về phía trước. Chiếc trống độc đáo này tìm thấy ở Hòa Bình (Hà Sơn Bình) trong nhà họ Đinh (họ lớn nhất trong 6 dòng họ lang đạo của người Mường xưa) có lẽ thuộc loại "trống rồng trống khú" mà mấy ngàn năm trước đây là hiện vật cao quý dành riêng cho các lãnh tụ (thủ lãnh bộ lạc) của đất nước Văn Lang - Âu Lạc.

Trong tiếng Mường và trong văn học dân gian Mường, hai từ Rồng và Khú thường đi đôi với nhau (người Mường đọc là Rôông và Khù). Ví dụ: *Nòi nhà Lang là dòng máu chó, Nòi kẻ khó là dòng máu khú máu rồng* (tục ngữ); *Nhà ông cun Đủ đạo Đà, có trống rồng trống khú* (truyện thơ Mường); *con khú làm chồng, con rồng làm nhân ngãi* (sử thi Đẻ đất đẻ nước).

Cặp từ rồng - khú làm ta liên tưởng đến sấu bởi vì theo những quy luật ngữ âm học của tiếng Việt - Mường thì /u/ dễ dàng chuyển hóa thành /âu/, /kh/ thành /c/.

ví dụ: con tru - con trâu; nước su - nướcsâu.

cân khi cân khèng (Mường) - cây si cây sanh (Việt)

trây khù (Mường) - trái sấu (Việt)

khù: núi (Mường) - cù: núi (Việt) như cù mẹ, cù con, cù đinh, cù mông, cù lao,v..v..

Và như thế thì con khú, con rồng (con khù, con rôông) dễ dàng chuyển thành con sấu, con rồng. Con khú (khù) Mường chính là con sấu Việt. Ở miền Trung và miền Nam, người Việt vẫn dùng từ cổ cù để chỉ con cá sấu, ví dụ: hiện tượng cù dậy, thànhngữ *con cù mọc sừng*, câu ca dao: *kìa xem con cù nó mọc sừng, nó hóa cái gạc nó vẫy vùng làm mưa*. Nguyễn Minh Hiệu đã chứng minh khú, khù, cù trong tiếng Việt - Mường cổ,

tiếng Mường hiện đại và tiếng Việt bình dân chính là những dạng cổ của từ sấu. Con cá sấu đã trở thành con rồng qua hiện tượng tiếp biến văn hóa trong lịch sử." (4)

Con Rồng thời Lý

Nếu không kể đến những con sấu vừa đề cập, hình tượng rồng thực sự bắt đầu xuất hiện trong một thể thống nhất từ thời Lý, rồi qua gần mười thế kỷ, con rồng càng ngày càng gắn bó bền chặt với nền nghệ thuật tạo hình dân tộc, từ Lý, Trần, Lê cho đến thời kỳ phong kiến sau cùng là các triều đại nhà Nguyễn.

Từ thế kỷ XI, với một khả năng đề kháng và tồn tại hết sức đặc biệt, đất nước Đại Việt đã vươn mình đứng dậy, xây dựng một tổ quốc hùng mạnh, phát triển một nền văn minh rực rỡ chưa từng thấy. Qua hình ảnh ngôi chùa Diên Hựu, dân gian quen gọi là Chùa Một Cột dựng năm Kỷ Sửu (1049), chúng ta đã hình dung được phần nào về kỷ nguyên độc lập này, là đóa sen bừng nở , thanh mảnh, cao khiết mà vững chãi giữa ao lầy tối tăm của mười thế kỷ trước. Chính trong lối nhìn ấy, chúng ta dễ dàng hiểu ra được tại sao những đồ án hình rồng đời Lý rất nhất quán và độc đáo. Rất Việt Nam, dù ít nhiều vẫn còn dấu vết của con rồng phương Bắc cũng như của con Makara trong nhiều nền nghệ thuật Đông Nam Á.



Cành mai hóa rồng, mỹ thuật Huế

Con Rồng Lý là hình tượng khá hoàn chỉnh, cấu tạo rất chặt chẽ, phong phú và rất đẹp. Trên nhiều vết tích của thành Thăng Long cũ, ở chùa Phật Tích (Hà Bắc), ở tháp Chương Sơn (Nam Hà), ở chùa Long Đọi, chùa Ngô Xá (Nam Hà), chùa Bà Tấm (Gia Lâm, Hà Nội), dù ở nơi đâu, khi xuất hiện thì những con rồng ấy đều ở trong một thể



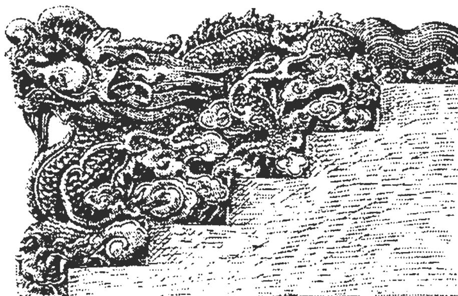
Hình rồng chạm
trên cánh cửa chùa Phổ Minh,
thời Trần

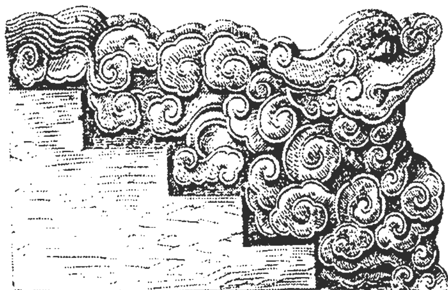
dạng chung, mang cùng một phong cách. Chúng ta gặp thấy trên đất nung, trên gốm hay điêu khắc trên đá. Trên các dạng đồ án hình tròn, hình thoi, hình chữ nhật hay hình lá sen, lá đề, những con rồng ấy luôn vươn dài thoải mái, linh hoạt, có thân rắn uốn lượn thành nhiều vòng rất uyển chuyển. Thân mình phủ một lớp vảy, con nhỏ thì mình trơn, chuyển động trên bốn chân chim với móng sắc nhọn, thường khi là ba móng nhưng cũng có lúc năm móng. Mắt lồi to, mang nở phình, mào bốc lên như ngọn lửa, bờm và râu như những đợt sóng nhịp nhàng. Nguyễn Đỗ Cung ghi nhận dáng vẻ sinh động ấy: "Cái râu thoát ở hàm trên ra, có hai đường sóng cuộn vào nhau và toàn thể phập phồng như một chiếc lá bị gió thổi, hay một ngọn lửa dị kỳ. Cái bờm sau gáy thoát ra nhiều đợt, từ dưới cổ họng cuồn cuộn bốc lên, lượn nhịp nhàng về đằng trước hoặc lướt về đằng sau như một lá cờ đuôi nheo đang reo với gió." (5) Phát triển ghi nhận này, trong một chương sách viết về nghệ thuật trang trí thời Lý, nhà nghiên cứu Nguyễn Đỗ Bảo đã đúc kết về dáng vẻ của dạng rồng thời Lý: uốn khúc nhẹ nhàng, thanh thoát, khác hẳn với những con rồng nặng nề trong những thế kỷ kế tiếp. Đầu rồng Lý bao gồm những thành phần xa lạ với bất cứ một con rồng nào khác đã có; cái mũi không có chút nào tả thực, toàn bộ hình tượng con rồng như đang lượn nhẹ nhàng trên không trung, và nếu so sánh với hình rồng phương Bắc của các triều đại Hán, Đường thì lại càng khác xa hơn nữa. Rồng phương Bắc có dáng thú bốn chân, có sừng và đuôi như đuôi hổ. Nguyễn Đỗ Bảo cũng nhắc nhở chúng ta lưu ý đến văn dạng thuận chiều và ngược chiều hình chữ S ở đầu rồng; những hình chữ S này đã

thấy nhiều trên các di vật Đông Sơn, biểu thị ý niệm về hiện tượng "lôi vũ", mây mưa sấm chớp (6). Bước đi tiếp trong cách nhìn bên trên, Thái Bá Vân còn nhìn thấy nơi con rồng thời Lý "như một làn sóng đang dâng lên giữa mây, nước siêu hình." *(7)*

Nhìn lại hình ảnh con rồng thời Lý, dáng vẻ uốn lượn nhiều vòng uyển chuyển ấy ẩn chứa nhiều điều từ một thời xa xăm nào trong quá vãng, bao gồm những thành phần cấu tạo tượng trưng cho nguồn nước và mây mưa. Hãy liên tưởng đến một hình ảnh quen thuộc như trong dân gian thường nói: *Rồng lấy nước,* mà tự điển Paulus Của giải thích: "Vòi mây hoặc gió trốt xây đụn giữa biển, tục hiểu là rồng lấy nước mà làm mưa." Hình ảnh con rồng uốn lượn uyển chuyển thực hết sức phù hợp với giấc mơ thường xuyên của nhân dân một đất nước chuyên canh lúa nước, lúc nào cũng cầu cho trời đất được mưa thuận gió hòa, lúc nào cũng:

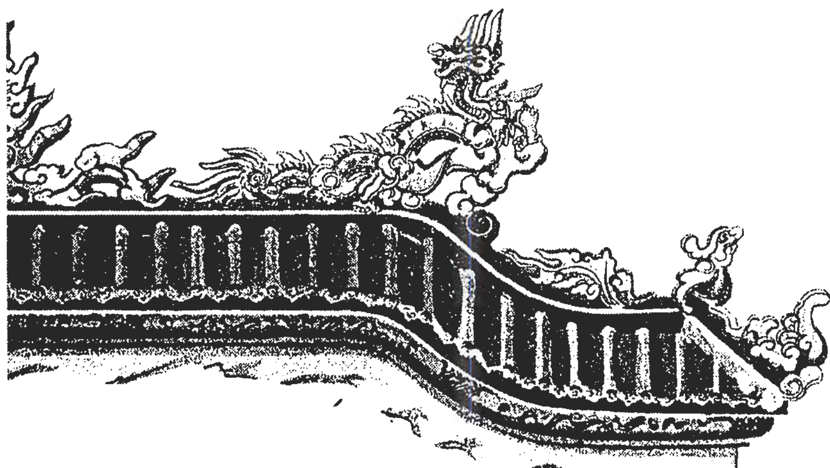
Trông trời trông đất trông mây
Trông mưa trông gió trông ngày trông đêm





Trên thành bậc cấp,
mỹ thuật Huế

Mưa gió thuận hòa đầy đủ là điều kiện cơ bản đầu tiên trong nghề nông như kinh nghiệm đã đúc kết: *nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.* Giữa cuộc sống lao động thô sơ, con người chỉ còn biết trông cậy vào sự tuần hoàn nhuần nhụy của trời đất, vậy nên đã có những lễ tiết nông nghiệp, những khúc hát lễ cầu mưa theo nhịp trống như nhiều hình ảnh mà các nhà khảo cổ và dân tộc học ngày nay còn đọc được trên trống đồng. Dựa vào ước đoán của nhiều tác giả trước đây, nhà nghiên cứu văn học dân gian Cao Huy Đỉnh liên tưởng đến âm điệu cầu mưa của những cư dân Việt cổ còn phảng phất lại nơi câu hát:



Lưỡng long triều nguyệt, trên mái bình phong, mỹ thuật Huế

Lạy trời mưa xuống
Lấy nước tôi uống
Lấy ruộng tôi cày
cho đầy bát cơm
Lấy rơm đun bếp
Lấy nếp bánh chưng (8)

Với dáng vẻ uốn lượn sinh động ấy, giữa những đám mây cũng lượn sóng nhẹ nhàng, theo học giả Trung Quốc Từ Tùng Thạch trong sách *Việt Giang Lưu Vực nhân dân sử*, chính là kiểu văn dạng của chữ Lôi cổ tự: một ký hiệu về các hiện tượng mưa, gió, sấm, chớp (9). Chúng ta có thể ước đoán rằng điều đó hoàn toàn phù hợp với sự tưởng tượng của nhân dân ta thời cổ, về những vị thần sấm, thần mưa, thần nước, chính là biểu tượng sức mạnh của thiên nhiên đang hổ trợ cho cuộc sống canh tác, cấy cày. Điều ước đoán càng trở nên vững chắc hơn khi các tài liệu khảo cổ học gần đây đã chứng minh được rằng nền văn minh lúa nước của tổ tiên chúng ta, giữa các cư dân khác ở vùng Đông Nam Á đã có một nguồn gốc rất sâu xa: đã biết trồng cây, mài đá làm đồ dùng, làm đồ gốm, và cả kỹ thuật đúc đồng trước người Trung Hoa, Ấn Độ và cả cận đông hàng mấy ngàn năm (10). Và như thế, chúng ta còn có nhiều cơ sở vững chắc hơn để tiến đến gần với kết luận: con rồng chính là sản phẩm văn hóa của cư dân Việt cổ.

Con Rồng thời Trần và Lê sơ

Sang đến thời Trần, dạng rồng đã có nhiều thay đổi, tuy nhiên,

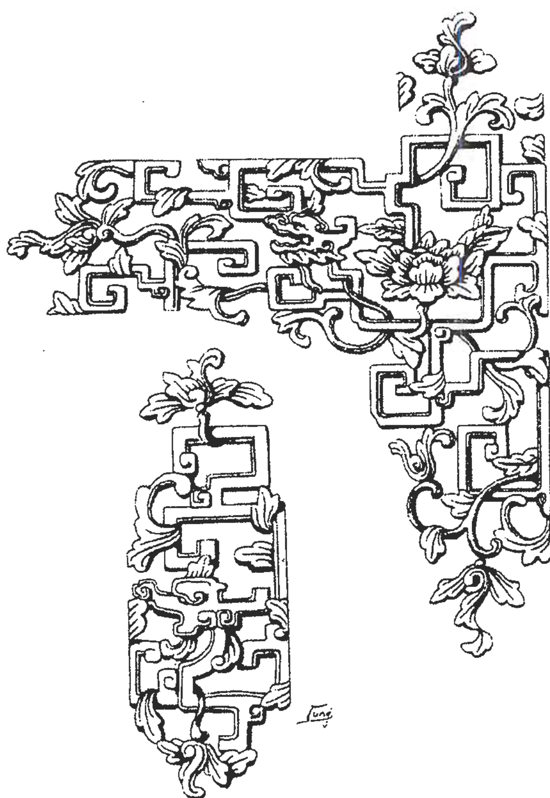
nó cũng chỉ là một bước phát triển mới của con Rồng thời Lý. Hơi mất đi vẻ mềm mại, nuột nà của con rồng Lý, nhưng dường như lại đạt đến một vẻ đẹp mới, ấy là vẻ chắc khỏe, là cái thô tháp dân dã, nghĩa là quan niệm thẩm mỹ dân gian đã xâm nhập và tác động mạnh trên nền mỹ thuật gốc rễ cung đình. Đến cuối đời Trần, chúng ta gặp con rồng bắt đầu xuất hiện nơi trang trí của một số chùa làng như chùa Thái Lạc (Hải Hưng), chùa Bối Khê, chùa Ngọc Đình (Thanh Oai, Hà Sơn Bình)... Đây là một sự kiện đáng kể trong quá trình biến chuyển, thăng trầm của các con rồng trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam. Như thế, con rồng không còn là biểu tượng và sản phẩm độc quyền của các bậc đế vương, chỉ được đắp tạc và vẽ vời, trang trí nơi hoàng cung hay các nơi nhà vua thường lui tới. Chúng ta cũng cần nhớ lại, tục xâm hình rồng rất phổ biến thời Trần, từ vua quan đến dân dã. Lấy chàm thích hình rồng lên thân mình để không sợ Giao Long làm hại, mà cũng là để nhớ đến ngọn nguồn, gốc tổ như lời Thượng Hoàng nói với vua Trần Anh Tông:"Nhà ta vốn là người vùng hạ lưu, đời đời ưa chuộng hùng dũng, thường thích hình rồng vào vế đùi... để tỏ là không bao giờ quên gốc." (11).

Căn bản thì thân rồng đời Trần vẫn giữ dáng dấp rồng Lý, chuyển động thành những đường cong tròn tiếp nhau, nhỏ dần về phía đuôi như đuôi rắn nhưng có vẻ thô hơn chứ không còn nhịp nhàng uyển chuyển như trước. Như nơi bệ tượng phật bằng đá ở chùa Bối Khê, do dáng dấp ấy, toàn thân rồng trông có vẻ uốn khúc chắc, mạnh, đạp vững chãi trên bốn chân vươn ra rất khỏe khoắn.

Thay đổi nhiều nhất chính là ở cái đầu, có những dấu hiệu trở thành đầu của một loài thú. Bờm và râu không còn nhịp nhàng như những đợt sóng, mào không còn rung rinh và bốc lên phơi phới như một ngọn lửa, một trong những cụm tóc đã biến thành cái tai, mọc thêm đôi sừng hai chạc hay ba chạc.

Rồng dạng rắn đã chuyển mình trở thành Rồng dạng thú, đấy là đặc trưng của con Rồng đời Trần, chúng ta phải ghi nhận ảnh hưởng của quan niệm và mỹ thuật Trung Hoa đã xâm nhập mạnh vào đây. Mặt khác, một số hình tượng quen thuộc của Phật giáo vẫn gắn bó với hình rồng như hoa sen, lá đề đã mất dần, báo hiệu rằng quan niệm Nho giáo là nền tảng của thể chế chính trị bấy giờ bắt đầu dần dà thay thế cho tư tưởng Phật giáo rất thịnh đạt dưới thời Lý trước đây.

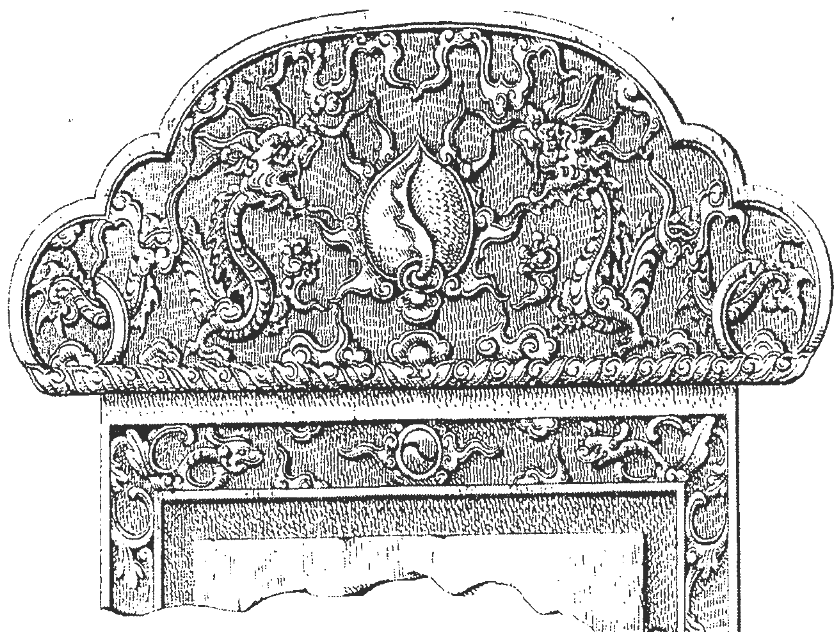
Những con rồng ở thành bậc cấp phía trước nhà bái đình chùa Phổ Minh, hay đôi rồng cũng nơi chùa Phổ Minh khắc chạm trên bộ cánh cửa bằng gỗ lim (được ước đoán cùng niên đại với chùa: 1262) là những điển hình của con rồng thời Trần, với thể dạng của hình khối


Đường hồi văn và hoa, lá hóa rồng, mỹ thuật Huế

căng cứng, mập mạp, vững chắc trụ xuống trên mặt đất, chứ không còn nhẹ nhàng tung lượn trên không trung như con rồng Lý trước đây nữa (12). Đặt sự biến chuyển của con rồng thời Trần trong toàn bộ sự biến chuyển của nền mỹ thuật thời Trần, và sở dĩ có sự biến chuyển ấy thì nói như Thái Bá Vân là vì "nếu nghệ thuật Lý xưa kia là hình ảnh của một suy nghĩ lý tưởng trong tinh thần đạo Phật, thì nghệ thuật thời Trần giờ đây là của một hành động, phản đề của cuộc sống thực cuồn cuộn sức chiến đấu, bên cạnh lý tưởng siêu thoát thuần khiết của đạo Phật thời Lý, là đóng góp rõ ràng của nghệ thuật thời Trần cho tổng đề Đại Việt." (13)

Đến thời Lê sơ, sau cuộc kháng chiến chống xâm lược phương Bắc hoàn toàn thắng lợi, nhà nước phong kiến Việt Nam lại tìm cách xây dựng một chế độ chính trị mô phỏng Trung Hoa, nhằm củng cố quyền lực trung ương. Trong tình thế như vậy, Nho giáo trở thành khí cụ cực kỳ lợi hại, làm chỗ dựa cho người cầm quyền nên đã đạt đến một thời kỳ cực thịnh ở nước ta. Các kiến trúc phật giáo phát triển rực rỡ trước đây bị khựng lại. Vết tích mỹ thuật với những sắc thái đặc biệt của thời đại hầu hết đều tụ tập chung quanh khu lăng tẩm ở Lam Sơn, Thanh Hóa, và con rồng thời kỳ này tất nhiên vẫn còn kế thừa những nét căn bản của rồng Lý và Trần, tuy nhiên đã có nhiều chuyển biến để tiến đến gần con rồng phương Bắc, là một tượng trưng nghiêm ngặt của nhà Vua. Nét chung của các con rồng thời kỳ này là dáng dấp

hung tợn, chân xòe các ngón, móng quặp lại đầy vẻ quyền uy, như trên bia Vĩnh Lăng dựng năm 1433 để ca ngợi công đức của Lê Lợi, và về sau trên bia lăng Lê Thánh Tông, bia lăng Lê Hiến Tông... Đánh mất dần vẻ mềm mại uyển chuyển của con rồng phồn thực, tượng trưng cho mây mưa, hiển lộ giấc mộng cầu vũ của một cư dân trồng lúa nước như mấy thế kỷ trước, chỉ còn là biểu tượng của vương quyền, chân xòe năm móng, hung dữ uốn khúc với dáng vẻ đầy đe dọa và khí thế hùng tráng. Chính con rồng ấy trên bia lăng Lê Thái Tổ đã hiện ra giữa một vòng tròn, vòng tròn lại đặt giữa một hình vuông. Hình tròn

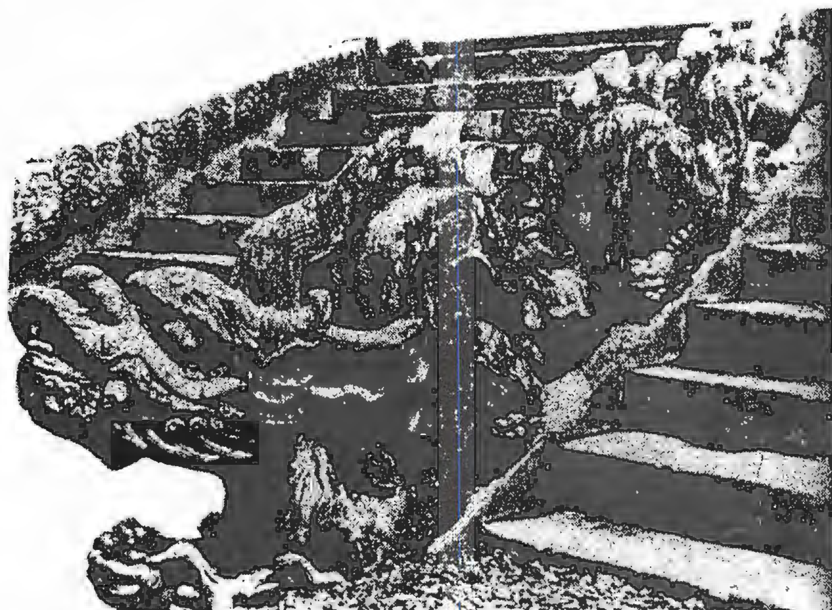


Trên trán bia, mỹ thuật Huế

và hình vuông ấy, ngoài tính cách của một cấu trúc trang trí, phải chăng nó còn bao hàm ý nghĩa "trời tròn đất vuông." Con rồng ở giữa vòng tròn là ngự ngay giữa trung tâm của trời đất, đạt đến điểm cực dương trong cuộc tuần hoàn của vũ trụ, là vị trí tượng trưng tối thượng của một vì thiên tử.

Con rồng thời Lê, như vậy, chỉ là một bước chuyển tiếp từ nền thẩm mỹ Lý - Trần đi xuống, nhưng bởi vì nó thuộc về một vương triều đang muốn phô trương thanh thế, sức mạnh của thời đại và nhà cầm quyền phong kiến, nên đã mang một dáng vẻ quyền uy, hùng tráng, gần với con rồng Trung Hoa.

Cũng cần ghi nhận: có một vài mô típ rồng chưa từng thấy



Rồng tạc trên bậc thềm Kính Thiên, thời Hậu Lê

trước đây, như hình chạm khắc đôi rồng chầu vào một con rồng khác, là một hình tượng nổi bật trên các bia lăng các vua và hoàng hậu thời Lê sơ; hoặc ở trán bia chùa Thúy Lai có hình hai con rồng chầu vào mặt trời tỏa ra nhiều tia sáng, hình thức này trước thời Lê sơ hoàn toàn chưa thấy, phải từ thời Mạc trở đi, mới trở thành lối trang trí trán bia phổ biến. (14)

Chúng ta đã xem xét qua những dáng rồng của các thời Lý, Trần, Lê sơ. Trước khi tiếp tục khảo sát về con rồng trên các di tích mỹ thuật Nguyễn, có lẽ cũng nên đề cập đến đôi chút về dáng rồng của một triều đại bất ổn, hổn loạn, nội chiến, suy tàn, có lúc còn nhục đến quốc thể nữa, mà lạ thay, những con rồng ấy thực khá đáng kể, là những con rồng trên đồ gốm thời Mạc (1527 - 1592). Chất dân giả của gốm thời Mạc, từ hình dáng đến trang trí rất đặc thù, để lộ ra tính cách của một thứ nghệ thuật đầy tự do. Dường như người nghệ nhân làm gốm đã bước qua được những gò bó quy ước của quyền lực chính trị đương thời, để phát triển một thứ nghệ thuật bình dị mà riêng biệt hoàn toàn. Những chân đèn thời Mạc, thế kỷ XVI đã ghi một dấu mốc rất đặc biệt của mỹ thuật gốm Việt Nam. Chúng ta lưu ý đến những chân đèn cao chừng khoảng 0.60m đến 0.80m, dáng tựa như một bình hoa với những hình rồng uốn lượn thoải mái chạy vòng quanh phần giữa giá đèn. Những hình rồng ấy hầu hết là được đắp nổi lên quanh

thân đèn, chất đất thô mộc không tráng men nên sau khi nung sẽ chín đỏ duyên dáng và sẽ nổi bật trên màu men trắng và những hình lân, phượng, hoa sen cách điệu, và những đường hồi văn mộc mạc mà rất thanh nhã. Những chân đèn với hình rồng dán nổi uốn lượn ấy ngày nay đã trở thành di vật quý giá của mỹ thuật Việt Nam.

Con Rồng thời Nguyễn

Gần gũi với chúng ta là mỹ thuật thời Nguyễn, tuy rằng trải qua nhiều biến cố và chịu đựng khá nhiều bão táp thời đại, đã để lại một di sản văn hóa vật chất đồ sộ là kinh thành Huế và những lăng tẩm với vẻ mặt bên ngoài gần như nguyên vẹn. Trên những di tích ấy, chúng ta cũng sẽ nhận ra rằng con rồng thời Nguyễn vẫn chỉ là con Rồng thừa kế của mỹ thuật dân tộc từ nhiều thế kỷ trước, có lẽ là một tổng hợp thể của những con rồng chúng ta gặp phải trên đất Bắc từ khoảng thế kỷ thứ X trở lại, có khi là con rồng mình rắn đời Lý, có khi là con rồng mình thú đời Trần hay đời Lê.

Con rồng ở Huế, tất nhiên cũng là tượng trưng của vương quyền nhưng có lẽ không nghiêm ngặt như những thời đại trước. Thời Lý, hình rồng chỉ được chạm khắc nơi nhà vua ở (kinh đô Thăng Long) hoặc các nơi nhà vua thường qua lại (hành cung). Thời Lê sơ, mức độ nghiêm ngặt đạt đến đỉnh cao nhất. Nhưng đến thời Nguyễn, chúng ta dễ dàng tìm thấy hình ảnh con rồng ở khắp nơi, ngoài các cung điện và lăng tẩm là chủ yếu, còn gặp thấy nơi các đình, chùa , miếu, vũ, phủ đệ. Ngay ở các tư gia, nơi các nhà vỏ cua, nhà rường chạm trổ, rồng là mô thức trang trí đầu cột, đầu xà. Và trên các vật dụng thường dùng như đồ gỗ, đồ sành, sứ, đồ thêu, trên các tranh thờ hay trong các khu vườn lặng lẽ, tịch mịch, thơ mộng, những cây cảnh nhuộm vẻ cổ kính, rêu phong đôi lúc đã hóa thân thành một con rồng đang vươn mình uốn lượn do bàn tay khéo léo uốn nắn cùng tấm lòng của chủ nhân phả hơi thở vào.

Con rồng trong mỹ thuật Huế, nhìn chung có những điểm chính: sừng dài có chạc, mắt lồi dữ tợn, vảy mọc khắp mình, râu và bờm xồm xoàm, vây lưng chạy dọc dài suốt mình từ cổ đến đuôi, móng sắc nhọn mạnh mẽ, đuôi xoắn hình trôn ốc.

Như chúng ta đã biết, con rồng là tượng trưng của bậc đế vương, trong trường hợp này chân nó có năm ngón với móng vuốt sắc vươn ra hay quặp lại rất vững chắc. Trong những trường hợp khác, khi con rồng xuất hiện mà không phải là dấu hiệu của nhà vua, chân rồng



Rồng phun nước đùa giỡn với cá, mỹ thuật Nguyễn

chỉ có bốn vuốt mà thôi. Chính vì thế, khi gặp một cổ vật bằng sành sứ, áo thêu, tranh tượng, những đồ gỗ chạm trổ như sập gụ, tủ chè, khay trầu, tráp đựng giấy tờ mà có dấu vết con rồng năm móng (Long ngũ trảo), chúng ta khẳng định được ngay đấy là những đồ ngự dụng. Chính trong ý nghĩa ấy, nhà sưu tập cổ ngoạn Vương Hồng Sển ghi nhận được một tục ngữ còn nghe thấy ở Huế: "Con cá hóa long, con rồng năm móng." (15)

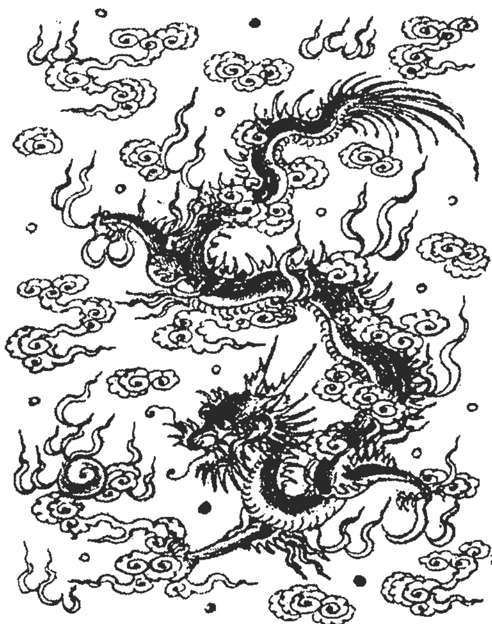
Trong sinh hoạt chung của người Việt, chứ không phải chỉ thuộc riêng vùng cựu kinh Huế, con rồng còn là tượng trưng cho người đàn ông, người chồng, ngược lại là con Phượng tượng trưng cho người đàn bà, người vợ.

Vào những dịp cưới xin, cùng với dấu hiệu song hỷ tượng trưng cho hạnh phúc lứa đôi, chúng ta thường gặp thấy hình hai con rồng-phượng đang vui đùa múa lượn cùng nhau trên những tấm pan-nô bằng gỗ chạm, hoặc bằng hoa lá kết lại trang trí trước ngõ vào, hoặc trên những bức trướng thêu rực rỡ với nền gấm hay vải đỏ điều và những đường viền kim tuyến óng ả cùng với những màu ngũ sắc khác, rất ấm cúng, trang trọng, vui tươi. Nơi mỹ thuật trang trí Huế, con rồng hiện ra trong nhiều kiểu thức khác nhau. Có khi nó được thể hiện theo lối nhìn thẳng, không phải toàn thân mà chỉ có khuôn mặt với hai chân trước đưa ra hay uốn cong lên. Ngay giữa đỉnh trán có một chữ Vương hay chữ Nhâm. Kiểu này ở Huế vẫn gọi là *mặt rồng*; hay gần như vậy nhưng chung quanh khuôn mặt rồng còn có thân mình bao quanh thành một hình chữ nhật, như là một con rồng khoanh mình nằm trong ổ đã

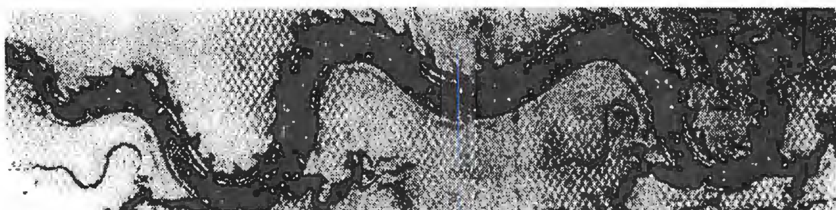
được cách điệu, mô típ này gọi là *Rồng ổ*. Cũng tương tự như thế, đôi khi trong miệng rồng lại ngậm thêm một chữ thọ đã biến cách, rõ ràng mang ý nghĩa của một lời chúc phúc, an khang, trường thọ. Đồ hình này quen gọi là *Long hàm thọ* hay Con *Rồng ăn chữ thọ*. Các đồ hình *mặt rồng, rồng ổ, rồng ăn chữ thọ* thường được thể hiện thành phù điêu trang trí đầu chái nhà các chùa chiền, dinh thự.

Nhưng thường thì con Rồng được khắc chạm hay đắp toàn thân đang uốn khúc, như trên vị trí các thành bậc, do yêu cầu trình bày đăng đối, hai bên các bậc cấp, bao giờ cũng là hai con Rồng trong tư thế và dáng dấp hoàn toàn giống nhau. Cũng chỉ là con Rồng ấy, đôi lúc lại biến dạng đi, những chi tiết về sừng, vây, bờm, râu, đuôi, vảy biến đổi một cách nhẹ nhàng, bay bướm, trở thành những mảng hoa văn lớn tựa như những cụm mây, nhờ thế làm giảm đi vẻ nặng nề, chằm vằm, dữ tợn, và khắc nghiệt của con rồng phong kiến cố hữu. Trên bậc cấp của những cung điện trong hoàng thành, ở các lăng tẩm, chúng ta bắt gặp những hình rồng như thế khắp nơi.

Một kiểu thức rất quen thuộc là *Lưỡng long triều nguyệt*, tức hai con rồng tranh nhau giành mặt nguyệt. Nguyệt ở đây không phải là mặt trăng, mà đó là một khối cầu tròn bốc lửa. Quả cầu bốc lửa tượng trưng cho những tia sấm sét chớp nhoáng trên bầu trời, mà tiếp theo hiện tượng này bao giờ cũng là những cơn mưa rào đổ xuống. Hai con rồng đối mặt nhau chầu vào khối cầu lửa tượng trưng cho thần nước, thần mưa, những vị vua ở thủy cung (16), nói chung nó biểu lộ ước muốn cầu vũ, lòng mong muốn pha nhiều tính chất huyền hoặc về một cuộc sống mưa thuận gió hòa, lúc nào đất đai cũng được tưới tắm nhuần nhụy, là giấc mơ tuy bình dị



Mẫu thêu hình rồng của một phường thợ thêu Hà Nội, khoảng 20 năm đầu thế kỷ XX



Rồng, gốm men, chân đèn chùa Bối Khê, Hà Tây

nhưng có lẽ là thâm sâu nhất của những cư dân trồng lúa nước. Hiển nhiên, đồ hình *Lưỡng long triều nguyệt* chứa đựng ý nghĩa và ước muốn của con người từ một thời vô cùng xa xăm trong lịch sử hàng ngàn năm trước rồi kéo dài mãi cho đến thời Nguyễn, và đọng lại một cách vô thức trên những tác phẩm mỹ thuật bấy giờ.

Đồ hình *Lưỡng long triều nguyệt* thường thực hiện bằng chất liệu pháp lam, hay được gắn bằng sành sứ trên nóc các cung điện hay đình chùa, miếu mạo, cũng thường được khắc chạm trên các vật dụng thường dùng bằng tre, gỗ, ngà, xương. Một kiểu khác, tương tự kiểu trên là *Lưỡng long tranh châu*, là hai con rồng đang tranh nhau giành một khối ngọc. Hơi khác đồ hình trên một chút, quả cầu thường nhỏ hơn và không bốc lửa.

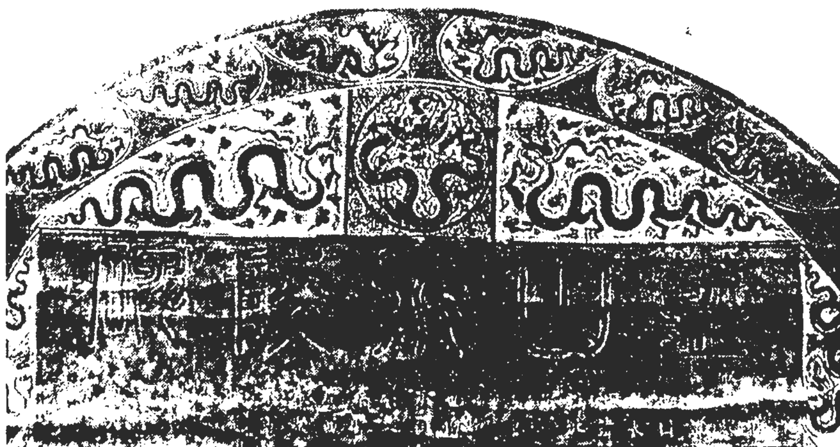
Ngoài đồ hình *Lưỡng long triều nguyệt, Lưỡng long tranh châu,* chúng ta cũng thấy được thêm một thể dạng tương tự nữa là đồ hình Rồng chầu mặt trời (*Lưỡng long triều nhật)* (17) Như hình tạc trên bia đá chùa Linh Mụ, được dựng năm Vĩnh Thạnh thứ 11 (1715) đời Lê Dũ Tôn.

Con rồng còn được thể hiện chỉ một mình nó, hiện ra nguyên vẹn giữa những đám mây hay những lưỡi lửa. Có khi đang uốn mình bên trên như để chế ngự những đợt sóng lô xô dồn dập phía dưới.

Cũng có khi nó ẩn mình giữa những đám mây, *Long ẩn vân,* thân mình ẩn hiện từng khúc giữa những cụm mây. Như trên nhiều tô chén ký kiểu men lam Minh Mạng, Thiệu Trị, chúng ta thường gặp lối vẽ này. Những dáng *Long ẩn vân*, nói chung là những hình rồng uốn lượn linh động trên những đồ sứ men lam (Bleu de Hué), ngày nay chúng ta vẫn có thể tìm xem lại ở một vài bộ sưu tập đặc biệt, ví dụ là bộ sưu tập của nhà bảo tàng Guimet, Paris (18) hoặc ở một vài bộ sưu tập quý giá của tư nhân như bộ sưu tập Vương Hồng Sển, hoặc của nhà sưu tập cổ ngoạn Trần Đình Sơn ở Sài Gòn.

Hình rồng quen thuộc nhất trong hội họa là *Ngư long hí thủy,* vẽ rồng và cá chép (ở Huế gọi là cá gáy) đang đùa giỡn cùng nhau trên sóng nước. Con Rồng ẩn mình giữa những vầng mây, phun xuống

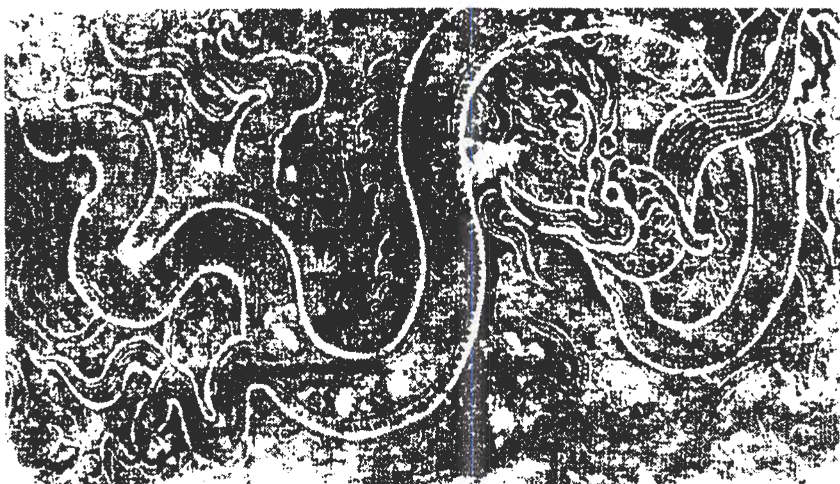
những tia nước, ở bên dưới, nửa mình vượt khỏi những đợt sóng, cá chép đưa miệng lên đớp lấy tia nước ấy. Lối vẽ này, từ trong cung điện, triều miếu đã lan tràn ra ngoài dân gian, được vẽ thành tranh thờ trong các am miễu, đền miếu và các đình làng, hoặc được khắc chạm và khảm xà cừ trên các án thờ bằng gỗ trong sinh hoạt bình thường của nhân dân. Nhắc đến con rồng trong hội họa, không thể nào không đề



Rồng trên trán bia lăng Lê Lợi (Lam Sơn, Thanh Hóa, 1443)

cập đến hai bức tranh nề (fresco) vẽ rồng trang trí trên trần nhà nội thất điện Khải Thành, lăng Khải Định và chánh điện chùa Diệu Đế (19). Có thể nói rằng đây là một thành tựu và là một vết tích rất đặc biệt về nghệ thuật vẽ rồng của nền mỹ thuật cổ truyền được thực hiện đầu thế kỷ XX. Chúng ta có thể tạm lật lại tờ tạp chí *National Geographic* số tháng 11. 1989 để xem bức hình chụp khá đẹp nội thất điện Khải Thành; bên trên trần nhà, những con Rồng dương móng vuốt, uốn lượn vô cùng linh động giữa những vầng mây cuồn cuộn. Những mảng màu xanh lam, xám nhạt, những đường viền đen khá mạnh, điểm xuyết đây đó những gợn vàng nhạt, tất cả đã hòa hợp rất trang nhã, cổ kính. Trong tổng thể của nội thất, thì những con rồng uốn lượn ấy lại khá hòa hợp với trang trí thềm điện bên dưới, bằng một thứ mosaic sành sứ đỡ lấy chiếc ngai rồng, bên trên ngai rồng là pho tượng vua Khải Định thếp vàng. Tất cả đã hợp lại cùng nhau để đưa đến một cái đẹp khá mới, cũng có thể hơi có chút gì diêm dúa, hơi có chút gì baroque, nhưng vẫn rất đẹp.

Khi khảo cứu về con rồng trong mỹ thuật Huế, có một chi tiết cần phải được quan tâm. Ấy là, ngoài con rồng chúng ta vừa đề cập,



Hình rồng trên bệ tam thế (đá), chùa Thanh Sam (Trường Thịnh Ứng Hòa, Hà Sơn Bình), mỹ thuật thời Trần

trong họ hàng con vật truyền thuyết này còn có hai con vật khác nữa: con giao và con cù.

Con giao, theo tự điển P. Couvreur là con rồng không sừng, dạng như rắn, cổ nhỏ, có bốn chân và râu bạc trắng dưới yết hầu. Theo Genibrel, nó chính là loài cá sấu.

Con cù, theo Eitel là con rồng non có sừng. Theo Paulus Của (*Đại Nam Quấc Âm Tự Vị*), là loài rồng không sừng, thường nằm dưới đất và khi nó vươn mình dậy thì chỗ ấy thành sông. Giữa sông, giữa biển nổi lên những hòn cù lao là do cù dậy mà tạo thành (20).

Giữa con rồng và con giao quả là rất khó phân biệt, vậy nên đứng trước một mỹ thuật phẩm mà nét khắc chạm mơ hồ, có người cho là hoa văn hình rồng, người khác lại bảo hoa văn hình giao, và ngay cả những nghệ nhân chuyên nghiệp cũng không khẳng định được. Khi con rồng được trình bày nguyên vẹn cả thân hình, hẳn rằng ai cũng nhận ra ngay, nhưng trong trường hợp cách điệu thì rất dễ lẫn lộn Giao và Rồng. Một ông quan lớn của triều đình Huế nói chuyện với cha Léopold Cadière về một đồ vật bằng gỗ của gia đình mình đã được dùng từ lâu lắm , quả quyết rằng nét chạm trổ cách điệu trên món đồ dùng này là hoa văn con giao, bởi vì ngày xưa không ai dám chơi hình rồng chính tông, mà chỉ sử dụng hình giao và cù trang trí trong nhà (21). Như vậy thì Giao hay Cù cũng chỉ là rồng nhưng ở một hạng thấp hơn. Ở một đôi nơi, trước các đường hồi văn biến cách thành rồng nhưng vẫn thường gọi là con giao, Léopold Cadière dịch sang tiếng Pháp là

Serpent - Dragon, có thể một phần do ảnh hưởng của định nghĩa P. Couvreur, phần khác do chính sự quan sát trên thực địa Huế rồi suy luận lấy, và điều này rất thú vị là đã trùng hợp ít nhiều với con Rồng thời Lý trên đất Bắc, tức Rồng - dạng - rắn, Rồng - hình - dun hay Rồng - hình - dây đã khẳng định rồi.

Về các chạm trổ hình con Cù thì dễ nhận ra hơn, một phần vì đặc điểm hình dáng, phần khác vì ở những vị trí nó xuất hiện cố hữu. Ví dụ, nơi những vì kèo đỡ lấy mái nhà, phía ngoài các hàng cột, có chạm cù nên gọi là xà cù. Và nơi tay dựa những ngai thờ các vị nữ thần thường dựng ngoài trời, cũng hay chạm trổ những cái đầu như đầu rồng, đây chính là con Cù.

Ngoài những đồ hình chủ yếu trên về con Rồng, có lẽ chúng ta cũng nên kể đến một vài cách điệu khác nữa. Có khi chỉ là một đường hoa văn, có khi lại là một cành hoa lá, một nhành trái, một thân cây hay một đám mây biến cách mà thành Rồng. Hoặc cũng chỉ là thế, nhưng bố cục có hơi khác, trái cây (như trái phật thủ), đóa hoa (như hoa sen, hoa mẫu đơn, hoa cúc), ghệt lá (như lá lật) được đặt ngay chính giữa theo dạng mặt rồng, gợi được ngay nơi người xem ấn tượng về một con Rồng hiển hiện. Cũng trong dạng này, chúng ta còn gặp thêm kiểu thức con giao phun ra từ miệng một ghệt hoa, vẫn thường gọi là giao hoa .

Chúng ta vừa xem qua những hình dáng Rồng, từ chính thống đến biến thể và cách điệu trên những di tích kiến trúc lớn, cũng như trong toàn bộ sinh hoạt chung của mỹ thuật Huế. Đã qua rồi thời kỳ của những đánh giá đầy định kiến, ngày nay dường như hầu hết mọi người đều có thể nhận ra cái đẹp riêng của một giai đoạn lịch sử đất nước hiện ra nơi đây. Trên quần thể kiến trúc và thiên nhiên hòa hợp thơ mộng và tuyệt đẹp của Huế, những con Rồng ấy cũng góp phần làm cho cái đẹp chặt chẽ, bền vững và có hồn hơn. Trong tình hình hiện nay, khi đi tìm lại vốn cổ của dân tộc đã mất mát quá nhiều, mỹ thuật Huế nói chung, con Rồng trong mỹ thuật Huế nói riêng chắc chắn sẽ được chắt chiu, gìn giữ cũng như sẽ có những cống hiến với hiệu quả cao nhất.

Đôi giòng kết luận

Trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, cũng chuẩn bị bước vào thiên niên kỷ mới, chúng ta lại đặc biệt đang đứng ở thời điểm của năm con Rồng cuối cùng của thiên niên kỷ này, có lẽ đây cũng là một



Hình rồng trên mặt bát gốm thế kỷ XV,
viện bảo tàng Lịch Sử Việt Nam

dịp để kiểm điểm và xem xét lại nguồn gốc và hình tượng thực của con Rồng trong văn hóa và mỹ thuật Việt Nam, từ khởi thủy cho đến ngày nay.

Con Rồng hầu như có mặt khắp trên các công trình kiến trúc, điêu khắc lớn của dân tộc, phổ cập trong cuộc sống của nhân dân. Nó là những đường viền trang trí, những dấu nhấn để hoàn chỉnh cái đẹp, có thể nói mà không phải quá lời rằng: giả thử như vắng mặt những con Rồng ấy, chưa biết được bóng dáng nền mỹ thuật cổ của chúng ta đã hiện ra hay biến chuyển khác đi như thế nào. Trên con đường siêu vượt và đấu tranh để tồn tại của dân tộc, trên mỗi chặng đường của lịch sử, con Rồng có những thay đổi, những dấu ấn riêng của từng thời kỳ. Nhìn chung, kể từ thế kỷ thứ X trở lại đây, thể dạng con Rồng là một đường lượn rất hài hòa về mặt thẩm mỹ, một biểu tượng của sự hòa điệu nhịp nhàng giữa con người và trời đất, giữa hiện thực và siêu linh, cùng lúc cũng chứa đựng những ý nguyện bình dị mà nền tảng nhất của dân tộc về một cuộc sống mưa thuận gió hòa, ấm no, thái bình, an lạc.

Nếu tính luôn từ con cá sấu Việt cổ, con Khú mường, con Cù dân gian Việt đến Con Rồng truyền thống, thì con đường biến hóa đã trải qua hàng ngàn năm. Khởi từ con cá sấu nguyên mẫu của vật tổ

Rồng, bố Rồng, vua Rồng Lạc, con Rồng đã chuyển hóa để trở thành hình tượng Rồng tượng trưng quyền uy tối thượng của vua chúa các thời đại phong kiến, bên cạnh con Rồng dân gian của đình chùa miếu vũ và trong sinh hoạt thường ngày của nhân dân. Sự biến chuyển qua lịch sử của con Rồng Việt đã làm phong phú và sâu thẳm cuộc sống tinh thần của dân tộc, mà về mặt hình thái bên ngoài thì cũng đã góp phần làm cho nền nghệ thuật trang trí kiến trúc, điêu khắc và hội họa vô cùng giàu có, sinh động bằng một hình tượng tiêu biểu của vẻ đẹp kiều diễm và tính chất cao quý, phóng khoáng, hùng tráng và đầy khí thế vươn lên: hình tượng biến hóa khôn lường của con Rồng Việt Nam. (*)

Viết trong những ngày chuẩn bị đón Tết con Rồng năm 2000
HUỲNH HỮU ỦY

---

chú thích

(1) Huình-Tịnh Paulus Của, *Đại Nam Quấc Âm Tự Vị*, Tome II, Imprimerie Rey, Curiol & Cie, Saigòn, 1896.
(2) Lê Văn Đức cùng một nhóm văn hữu soạn, Lê Ngọc Trụ hiệu đính, *Việt Nam Tự Điển*, quyển thượng (A-L), Khai Trí, Saigòn, 1970.
(3) Nguyễn Minh Hiệu, *"Từ hình tượng thực của con Rồng Việt Nam thuở ban đầu đến tên Lạc Long Quân trong tiếng Việt,"* Khảo Cổ Học, số 2, Hà Nội, 1983.
(4) Lê Văn Hảo và Huỳnh Hữu Ủy, "Từ con Sấu, con Cù của người Việt cổ đến con Rồng trong mỹ thuật truyền thống Việt Nam", Thế Kỷ 21, California, số 40 tháng 8. 1992
(5) Nguyễn Đỗ Cung, *Nhân đọc quyển "Tiểu Luận về nghệ thuật An Nam", Mỹ thuật Đại La hay mỹ thuật Lý ?* Thanh Nghị, số 96, 1944.
(6) Nguyễn Đỗ Bảo, *"Trang trí thời Lý"* trong *Mỹ thuật thời Lý*, Nguyễn Đức Nùng chủ biên, Nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1973, trang 67- 68.
(7) Thái Bá Vân, *Tổng luận Mỹ thuật Việt Nam,* bản thảo viết tay dài 25 trang, trang 8.
(8) Cao Huy Đỉnh, *Tìm hiểu tiến trình Văn Học dân gian Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976, trang 86.
Đề nghị xem thêm: Trần Quốc Vượng, *"Vài suy nghĩ tản mạn về Trống đồng"* trong *Trong Cõi*, Trăm Hoa, California, 1993, để lắng nghe những lý giải về tiếng trống gắn liền với lễ tiết nông nghiệp, những cảnh cầu mưa, lễ thức cầu mưa, tiếng trống cầu mưa...
(9) Anh Trứ dẫn trong *"Hình tượng con Rồng trong nghệ thuật tạo hình Việt Nam"*. Tạp chí Mỹ Thuật, bản in ronéo, Viện Mỹ Thuật Mỹ Nghệ, số 9, Hà Nội, 1970.
(10) -Wilhelm G. Solheim II, *Chiếu rọi ánh sáng mới vào một quá khứ đã quên lãng (New Light on a forgotten past)*, National Geographic, Vol. 139, No 3, March

1971, p.p 330- 339.
-Time- Life Books, Đông Nam Á: *Một quá khứ xa xăm được tìm thấy lại (SouthEast Asia: A past regained)*, Virginia, 1995.
(11) *Đại Việt Sử ký Toàn Thư*, dẫn lại trong *Mỹ Thuật thời Trần*, Nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1977, trang 78.
(12) Xem thêm: - Huỳnh Hữu Ủy, *"Mấy đặc điểm của mỹ thuật đời Trần"*, Giai Phẩm Người Việt, Xuân Đinh Sửu, California, 1997.
-Viện Nghệ thuật (Bộ Văn Hóa), *Nghệ thuật chạm khắc cổ Việt Nam*, Sài Gòn, 1975.
- Viện Nghệ Thật (Bộ văn Hóa), *Mỹ Thật Thời Trần*, Nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1977
(13) Thái Bá Vân, *Tổng luận Mỹ thuật Việt Nam*, bản thảo đã dẫn, trang 9.
(14) Chu Quang Trứ, "Hội họa và trang trí" trong *Mỹ thuật thời Lê sơ* (do Nguyễn Đức Nùng chủ biên), Nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1978, trang 56.
(15) Vương Hồng Sển, *Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa*, Xuân Thu in lại, California, 1989, trang 145.
(16) Leopold Cadière, *L'Art à Hué*, L'Association des Amis du Vieux Hué, 1919, p. 87.
(17) Có lẽ dựa vào cách giải thích của L. Cadière vừa đề cập ở chú thích (16) bên trên, Vương Hồng Sển cho rằng chữ Nhật ở đây không có nghĩa là mặt trời, mà "đó là cục lửa sấm sét có mây sòi bao quanh, ngụ ý rồng làm mưa đem nước cho dân làm mùa." (*Khảo về Đồ sứ cổ men lam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, trang 135)
(18) Đề nghị xem tạm mấy tấm hình chụp các hình rồng trên đồ sứ men lam thuộc bộ sưu tập Bảo tàng Guimet, in lại trong *Mỹ thuật cổ truyền Việt Nam* của Nguyễn Khắc Ngữ, Tủ sách Nghiên cứu Sử địa, Montréal, 1981, trang 338- 342.
(19) Theo một số nhà nghiên cứu về văn hóa và mỹ thuật Huế, tác giả hai bức tranh nề này là họa sĩ Phan Văn Tánh, người nghệ sĩ có biệt tài kỳ lạ, là có thể nằm ngửa trên dàn giáo mà vẽ những con rồng đồ sộ và rất linh động. (xem *Mỹ thuật thời Nguyễn trên đất Huế*, Nguyễn Hữu Thông và nhiều tác giả khác, Nxb Hội Nhà Văn, T. Ph Hồ Chí Minh, 1992, trang 170)
(20) Những định nghĩa về Con Giao và Con Cù bên trên đều được dẫn lại trong L. Cadière, sách đã dẫn, trang 87.
(21) L. Cadière, L'Art à Hué, trang 88.

(*) Các hình ảnh đính kèm bài viết được trích từ các tài liệu:
- *Nghệ thuật chạm khắc cổ Việt Nam (Qua các bản rập)*. Viện Nghệ Thuật, Bộ văn Hóa, 1975.
- *Địa chí Văn Hóa Dân Gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội*. Sở Văn Hoá & Thông Tin Hà Nội, 1991
- *Les Arts Décoratifs au Tonkin*, Marcel Bernanose, Paris, 1922.
- *L'Art à Hué*, Cadière, L'Association des Amis du Vieux Hué, 1919.
- *L'Art du Vietnam*, Imre Patkó& Miklós Rév. Editions Aimery Somogy, Paris, 1967.
- *Le Vietnam, De la Préhistoire à la fin* de L'occupation Chinoise. L. Bezacier, Paris, 1972.



THỤY KHUÊ

Thử tìm một lối tiếp cận văn sử học về

Hai mươi lăm năm văn học Việt Nam hải ngoại 1975-2000



Hai mươi nhăm năm. Một phần tư thế kỷ. Khi nhìn lại chặng đường vừa qua của văn học Việt Nam, người ta nhận thấy do một tình cờ, một định mệnh hay một thần giao cách cảm nào đó, dòng văn học của người Việt sống ở nước ngoài có những lưu lượng ghềnh thác, chung nhịp với dòng văn học đổi mới[1] ở trong nước.

Cùng chung thời kỳ phôi thai những năm 78-79, khi ở ngoài nước, những tờ *Đất Mới* của Thanh Nam, *Hồn Việt* của Nguyễn Hoàng Đoan, và *Văn Học Nghệ Thuật* của Võ Phiến, Lê Tất Điều bắt đầu khởi sắc những năm 77-78, thì ở trong nước, tháng 11/1978 trên báo Văn Nghệ Quân Đội có bài viết tựa đề *Viết Về Chiến Tranh* của Nguyễn Minh Châu, ngụ ý phê bình *nền văn học miền Bắc trước 75 và Việt Nam sau 75, chưa có tiểu thuyết thực sự về chiến tranh.* Rồi ngày 9/6/1979, trên tờ Văn Nghệ số 23, Hoàng Ngọc Hiến có bài triết luận tựa đề *Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua,* chứng minh tính cách *phải đạo* của nền văn học trong nước. Hai tiểu luận này được coi là những bài viết khai quang cho nền văn học đổi mới trong nước.

Cả hai dòng văn học *hải ngoại* và *đổi mới* cùng phát triển mạnh mẽ những năm 86-88, với số tác giả và tác phẩm cao nhất về phẩm cũng như về lượng. Rồi cùng trầm lắng xuống, từ năm 90 trở đi, với những lý do hoàn toàn khác nhau, nhưng ít nhiều, cả hai đã tìm cách giao lưu âm thầm với nhau, để hợp chung thành một dòng văn học Việt có trong, có ngoài, trong sự cảm thông giữa những người cầm bút.

Tính chất giao lưu này đã khiến cho một số tác giả gặp khó khăn in ấn trong nước, có thể thấy tác phẩm của mình ra đời ở nước ngoài. Rồi những tác phẩm hải ngoại, cũng được chuyền "chui" về nước, theo một hệ thống đường ngầm mà chính quyền Việt Nam không thể kiểm soát hết được. Người trong nước đã có thể *lỗ mỗ* tiếp nhận văn học hải ngoại như lời Nguyễn Huệ Chi. Từ sự tiếp nhận *lỗ mỗ* ấy, thoát thai những bài viết :"nhận diện" văn học Việt Nam hải ngoại, khá nghiêm chỉnh, như bài của Lê Hoài Nguyên, tựa đề *Một cái nhìn mười tám năm văn học Việt Nam ngoài nước*[2] , mô tả và đưa ra những nhận định khá sát với thực tế văn học Việt ngoài nước. Sáu tháng sau, Nguyễn Huệ Chi viết bài *Vài cảm nhận văn học Việt Nam hải ngoại*[3] trong chiều hướng hòa hợp dân tộc, giới thiệu một số tác phẩm ngoài nước dưới nhãn quan đứng đắn của người nghiên cứu phê bình, không phân biệt lằn ranh địa lý, chính trị.

Ở Phạm Xuân Nguyên, sự giao lưu trở thành một đòi hỏi có tính quyết liệt để *Hình dung một bức tranh hoàn chỉnh về văn học dân tộc*[4] . Phạm Xuân Nguyên chỉ trích quan niệm lỗi thời, đơn nhất về nền văn học cách mạng, văn học miền Bắc, và biện minh cho một cái nhìn toàn diện và đa hợp về văn học Việt Nam trong thế kỷ này.

Đó là thời điểm 93, 94, 95 một số nhà biên khảo đứng đắn đã có thể bầy tỏ công khai những nhận định của mình về văn học ngoài nước, về sự kết hợp một nền văn học Việt Nam hoàn chỉnh, có nhiều nhánh, không phân biệt ranh giới Bắc Nam, trong ngoài.

Những năm gần đây, nếu căn cứ vào một số bài viết trên các báo chính thức ở trong nước, tình hình có vẻ xấu đi. Bài viết *Nhận diện văn học hải ngoại*[5] của Hoàng Huân, được giải thưởng phê bình văn học năm 98 của tạp chí Văn Nghệ Quân Đội, chứng minh cái nhìn phiến diện và hằn học đối với văn học hải ngoại của lăng kính chính thức ngày nay. Tất nhiên, những bài báo kém phẩm chất, tự nó sẽ bị đào thải, nhưng nó chứng tỏ một đường lối chính quy không tốt đối với văn nghệ mà ký ức văn học ít khi bỏ qua. Tất nhiên người ta có thể ghi nhận những *tiến triển* qua việc cho in một vài tác phẩm *hiền lành* của người viết ở hải ngoại như *Ký sự đi Tây* của Đỗ Khiêm, *Tuyển tập những nhà văn nữ...*, và mới đây, *Sông Côn mùa lũ*, bộ trường thiên tiểu thuyết lịch sử về anh em Tây

Sơn của Nguyễn Mộng Giác. Nhưng điều đó không khỏa lấp câu hỏi: Tại sao, một phần tư thế kỷ sau ngày hợp nhất đất nước, những tờ báo có tính cách thuần túy văn học như *Văn, VănHọc, Hợp Lưu, Tạp Chí Thơ, Việt*, v.v... vẫn chưa được *công khai* có mặt trong nước? Tại sao những tác phẩm tiêu biểu của văn học hải ngoại vẫn chưa được lưu hành trong nước? Ví dụ trường hợp nhà văn Nguyễn Mộng Giác, tác phẩm chủ yếu của ông là bộ *Mùa Biển Động*[6] . Bộ trường thiên này đã phản ảnh được xã hội và tâm trạng người miền Nam, ít nhất trong thành phần trung lưu, trí thức thành thị. Đây là một trong những tác phẩm có thể giúp người đọc trong nước, nhất là người đọc miền Bắc, hiểu được phần nào nếp sống tinh thần và vật chất của người miền Nam trong chiến tranh. Và có lẽ chỉ có sự tìm hiểu về nhau giữa đôi bên sau khi cuộc chiến chấm dứt, xuyên qua tác phẩm văn học, mới có thể đưa đến một sự hòa hợp sâu xa. Văn học đích thực trong chiều hướng phục vụ sự thật, có khả năng hòa giải hữu hiệu hơn bất cứ bài thuyết luận nào.

Danh xưng

Có nhiều ý kiến khác nhau về danh xưng, nên gọi là *văn học hải ngoại, ngoài nước* hay *lưu vong*? Bùi Vĩnh Phúc[7] đưa ra một phân tích đặc sắc, ông cho rằng: Hai chữ Hán Việt *hải ngoại* không sát nghĩa bằng hai chữ thuần Việt *ngoài nước.* Vì *hải ngoại* chỉ có nghĩa là *ngoài biển*, trong khi *ngoài nước* có nghĩa là *ngoài nước Việt Nam.*

Theo ông, chữ *nước* ở đây không phải là *hải* (là thủy) mà là *quốc.* Vậy muốn diễn tả đúng ý *ngoài nước Việt Nam* thì tiếng Hán Việt phải dùng là *quốc ngoại* chứ không phải là *hải ngoại.* Nhưng vẫn theo ông, âm vang của từ *ngoài nước* làm ta cảm thấy gần gũi với đất nước và người Việt hơn là khi dùng từ *quốc ngoại..*

Sự phân tích của Bùi Vĩnh Phúc khá cặn kẽ và sâu sắc, nhưng chúng tôi xin nêu thêm một ý khác: Chữ *nước* trong danh từ *đất nước* của chúng ta, có hàm nghĩa nước là thủy, như nước sông, nước biển, mà chữ *quốc* của người Trung Hoa không có. Và có lẽ ít ngôn ngữ nào trên thế giới diễn tả được hình ảnh *đất nước* với hai yếu tố xương thịt cơ bản tác thành nên nó: *đất* và *nước* như tiếng Việt. Nếu không có *đất* và không có *nước* thì không có sự sống, không có vật và người. Hai yếu tố cơ bản này, *đất-nước* gắn bó với xác thịt và linh hồn dân tộc, đã được Bình Nguyên Lộc trải, bầy, đúc, tả trong toàn bộ tác phẩm của ông. Ngoài ra *nước biển* còn có liên hệ tử sinh với người vượt biển, thành phần chủ chốt của văn học Việt Nam hải ngoại.

Vậy *nước* trong chữ *hải* (biển) cũng là thành tố của đất nước. Và *hải ngoại* chỉ là một cách nói khác, để chỉ những gì *ngoài đất nước*. Do đó *hải ngoại* và *ngoài nước* là những từ tương đương.

Lưu vong vừa là một *tình trạng* (người bị xa nước), vừa là một *tâm trạng* (nhớ nước). Có người không xa nước nhưng vẫn nhớ nước như Bà Huyện Thanh Quan. Từ tâm trạng *nhớ nước* xẩy ra hành động hướng về đất nước dưới nhiều hình thức, trong đó có sinh hoạt văn chương: Viết bằng tiếng Việt. Như vậy, *lưu vong* là động cơ thúc đẩy con người hướng về nước, nhưng trong văn học tính chất lưu vong chỉ là một biệt cách của mỗi tác giả:

- Lưu vong, theo nghĩa đối kháng chính quyền xuất hiện trong những hồi ký chính trị, cải tạo. (Ở đây chúng tôi không bàn đến những tác phẩm ca tụng chính quyền vì đó không phải là văn học đích thực trong chiều hướng phục vụ *tự do* và *sự thật*).
- Lưu vong, theo nghĩa nhớ nước: Sâu sắc trong thơ Phạm Tăng, trong văn Võ Đình, khơi động ở thời kỳ đầu, qua những tác phẩm như *Đất Khách* của Thanh Nam, *Thơ Cao Tần*, v.v... Càng về sau càng dịu đi, nhường chỗ cho tính chất *hội nhập* và *hòa hợp*.

Truyền thống văn học lưu vong, khởi sinh từ những năm đầu thế kỷ, khi Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, từ hải ngoại gửi những tâm văn, huyết thư về nước. Tiếp nối truyền thống ái quốc lưu vong là dòng nghệ thuật thuần túy những năm 30, khi các họa sĩ đầu tiên của Việt Nam như Mai Thứ, Vũ Cao Đàm, Lê Phổ, Lê Thị Lựu... xuất dương và định cư tại Pháp.

Sau họ là lớp thứ nhì, với những tên tuổi như Lê Bá Đảng, Võ Đình, Phạm Tăng, v.v... cùng thời với những nhà biên khảo như Hoàng Xuân Hãn, Tạ Trọng Hiệp, Trương Đình Hòe v.v...

Tất cả những lớp người đi trước này là tiền thân của *văn học nghệ thuật Việt Nam hải ngoại* hôm nay. Cho nên khi gói trọn *văn học Việt Nam hải ngoại* trong *phạm vi những tác phẩm của người Việt di tản*, chúng ta dễ bị sa vào những lấn cấn, ngộ nghĩnh buồn cười: Ví dụ như việc cãi vã về Phạm Thị Hoài, có nên "cho" Phạm Thị Hoài vào văn học Việt Nam hải ngoại hay không?

Thật ra vấn đề rất đơn giản: Phạm Thị Hoài là nhà văn Việt Nam, với những tác phẩm viết và in trong nước và những tác phẩm viết và in ngoài nước, cũng như Võ Phiến, Mai Thảo, Nhật Tiến, v.v... Khi muốn phân chia theo địa lý văn học thì phần viết và in ở nước ngoài của họ thuộc về văn học hải ngoại.

Picasso, dù xây dựng toàn bộ sự nghiệp hội họa ở Paris, nhưng

đối với quốc tế, ông vẫn là họa sĩ Tây Ban Nha. Xem như thế, *nguồn gốc* quan trọng nhường nào.

Nabokov đi lưu vong, mang theo linh hồn và văn hóa Nga trên đất Mỹ, Pháp, rồi Thụy Sĩ... nhưng ông không được ghi nhận như nhà văn Nga mà là nhà văn Mỹ, gốc Nga, bởi vì tác phẩm của ông, phần lớn viết bằng tiếng Mỹ. Do đó, ngôn ngữ thiết yếu đến đâu.

Nguồn gốc và *ngôn ngữ* là hai yếu tố xác định "quốc tịch" nghệ thuật, dù biết rằng nghệ thuật không có và không cần quốc tịch. Riêng đối với văn chương, thì *ngôn ngữ* là yếu tố xác định. Những phần tử như địa lý, chính trị,... chỉ là những tiết tố có thể có ảnh hưởng đến bản chất nghệ thuật và tư tưởng của tác giả.

Văn học Việt Nam hải ngoại được hình thành ở thời điểm nào?

Báo chí là khởi điểm cho sự đọc, sự viết, cho một đời sống tinh thần. Ngay từ khi còn ở đảo Guam hoặc mới bước chân lên những trại tỵ nạn đầu tiên trên đất Mỹ, người Việt đã có báo. Minh Đức Hoài Trinh, trên báo *Hồn Việt Nam*, số 1, phát hành tại Paris ngày 15/10/1975, nhắc đến chuyện đã *đọc báo Chân Trời Mới ở các trại như Pendleton, Guam, Asan vào giai đoạn đầu của cuộc ly hành mùa xuân Ất Mão* và bà còn cho biết *theo báo Đất Mới: Một nhóm các người làm báo ở Hoa Thịnh Đốn đang thành lập một ủy ban để giúp các người làm báo Việt Nam tìm người bảo trợ và công việc làm ăn tại Hoa Kỳ.*

Võ Phiến, trong bài *Xuất Trại*[8] nhắc nhở đến tờ *Đất Lành*[9] *cuối tháng 8-75, liên tiếp mấy số liền, có những bài đăng ở trang nhất, cố gắng giải thích, khuyên nhủ, dỗ dành, mỉa mai, rồi... hăm dọa, nhằm thúc đẩy dân tỵ nạn mạnh dạn ra đi lập lại cuộc đời mới.*

Từ những *Chân Trời Mới*, những *Đất Lành, ...* người Việt đã thành lập những tờ báo có tính chất văn học nghệ thuật. Nhìn lại giai đoạn tiên khởi này, những tờ báo có khuynh hướng văn học nghệ thuật xuất hiện sớm nhất ở hải ngoại có thể là:

- Nguyệt san *Hồn Việt Nam* của Minh Đức Hoài Trinh, số 1 ra ngày 15/10/1975 ở Paris, số chót Xuân Mậu Ngọ 1978.
- Báo *Quê Mẹ* của Võ Văn Ái ở Paris, số 1 đầu năm 76, chuyên về văn học nghệ thuật. Sau đó ngừng. Tiếp theo là tạp chí *Quê Mẹ*, chuyên về thời sự, chính trị, đấu tranh, có thêm trang văn học.
- Báo *Quê Hương*[10] của Du Tử Lê, Đinh Thạch Bích, Võ Văn Hà, Phạm Cao Dương ở Costa Mesa, đầu năm 76, ra được ba số thì đình bản. Sau đó

Du Tử Lê chủ thương tờ *Nhân Chứng. Nhân Chứng* tồn tại được hai năm, ra khoảng 20 số.
- Báo *Đất Mới*[11] với Huy Quang Vũ Đức Vinh, Nguyễn Văn Giang là một trong những tờ báo đầu tiên xuất bản tại Hoa Kỳ từ tháng 7/75. Đến tháng 4/76, Thanh Nam được mời cộng tác[12] . Rồi từ 79 đến 81 có thêm Mai Thảo[13] .
- Báo *Hồn Việt*[14] của Nguyễn Hoàng Đoan ở San Diego, ra đời đầu năm 76 mà số Xuân Đinh Tỵ (1977) đã có đầy đủ tư thế của một tờ văn học nghệ thuật với sự đóng góp bài vở của Lê Tất Điều, Võ Phiến, Thanh Nam, Tạ Ký, Nhất Tuấn, Cung Tiến, Nguyên Sa, Túy Hồng...
- Võ Phiến ở Santa Monica và Lê Tất Điều ở San Diego cho xuất bản nguyệt san *Văn Học Nghệ Thuật* từ tháng 4 năm 1978, ra được 13 số thì đóng cửa vào tháng 9/1979. Tái bản bộ mới số 1, tháng 5/85 đến tháng 12/86 đình bản, trao lại cho Nguyễn Mộng Giác đổi thành *Văn Học.*
- Tờ *Việt Chiến* do Giang Hữu Tuyên, Hoàng Xuân Sơn và Ngô Vương Toại chủ trương ở Hoa Thịnh Đốn.
- Cùng thời điểm này, Đỗ Ngọc Yến sáng lập tờ *Người Việt*, số báo đầu tiên phát hành tháng 12/78 ở quận Cam, California. *Người Việt* là tờ thông tin nghị luận, mới đầu là báo hàng tuần, sau trở thành báo hàng ngày, có nhiều độc giả nhất trong cộng đồng người Việt ở Mỹ và là cơ sở nuôi sống nhiều nhà văn, nhà báo.

Đó là sơ lược một số báo đã hiện diện trong những ngày đầu, cho phép người viết trụ lại để tạo thành bộ mặt văn học hải ngoại.

Những hướng đi đầu tiên: Báo Hồn Việt Nam và những biến chuyển từ 30/4/75 đến cuối năm 76

Trong con số ước lượng 130,000 người Việt rời nước ở thời điểm 30/4, những văn nghệ sĩ ra đi sớm nhất có thể là nhóm Võ Phiến, Lê Tất Điều, Thanh Nam, Túy Hồng, Viên Linh, Vũ Huyến,... nhân viên của đài phát thanh Mẹ Việt Nam[15] , được đưa ra Phú Quốc ngay từ 21/4/75 để chờ tầu Mỹ tới "bốc"[16] . Minh Đức Hoài Trinh cũng đi trước 30/4 để tham dự hội thảo ở Thái Lan, Mã Lai, Phi Luật Tân về đề tài gia tài văn hóa của Đông Nam Á. Ngoài ra, những tên tuổi như Phạm Duy, Hoài Trung, Nguyễn Khắc Ngữ, Vũ Khắc Khoan, Nguyên Sa, Cao Văn Luận, Thái Văn Kiểm, Chu Tử[17] , Du Tử Lê, Cao Tiêu, Duy Thanh, Đỗ Quý Toàn, Hà Huyền Chi, Trùng Dương, Phan Lạc Tiếp, Nhất Tuấn... cũng đều rời nước ở thời điểm 30/4[18] .

Hồn Việt Nam, với tiêu đề chính "văn hóa và dân tộc" và với mục đích "cơ quan thông tin giữa người trong và ngoài nước", in ngay dưới tên tờ báo, nói rõ hướng đi của người chủ trương: Minh Đức Hoài Trinh. Tuy chỉ là tờ báo in ronéo, 3 số đầu có 17 trang, sau tăng lên 30 trang, và có lẽ ngày nay không mấy người biết đến; nhưng nội dung, tinh thần và những biến chuyển của *Hồn Việt Nam*, lại gần gụi với tâm trạng của người Việt hải ngoại lúc bấy giờ.

Sau ngày 30/4, tinh thần chống Cộng chưa xuất hiện mà ngược lại, tinh thần hòa giải Bắc Nam có phần ưu thế. Mọi người tiếp nhận biến cố 30/4 như một biến chuyển lớn lao, còn ngơ ngác, không biết nên vui hay nên buồn: Vui vì đất nước hết chiến tranh. Buồn vì phải chia lìa, ly tán. Minh Đức Hoài Trinh đã thể hiện khá chính xác, hiện tình ấy trong bài viết mở đầu:

Trước những biến chuyển của đất nước, trước những vui buồn, những ngơ ngác, hân hoan của mỗi người, trước những đau khổ, nhục nhã của cuộc ly hành, chúng tôi có bổn phận phải làm gì để chia sẻ.[19] Và Hồn Việt Nam muốn *"trở thành mối liên lạc giữa kẻ ở với người đi."*

Trong *bức thư* gửi độc giả Bách Khoa, hàng tháng, Minh Đức Hoài Trinh bày tỏ ước muốn tiếp tục công việc của *anh chị Châu*[20] , làm một thứ Bách Khoa thu nhỏ, với tất cả những khó khăn, giới hạn, nghèo nàn về người viết cũng như tìm tiền để in báo.

Nội dung, ngoài sáng tác, có bốn mục chính: Mỗi tháng đều có bài viết nhắn nhủ người Việt đừng để cho con em quên tiếng Việt[21] . Một bài biên khảo đứng đắn về văn hóa của Hoàng Đạo. Một bài viết khá kỹ, giới thiệu các danh nhân Việt Nam do Giao Trinh phụ trách. và Mục thông tin, liên lạc tin tức giữa người Việt trong và ngoài nước. Tuy tờ báo do gia đình Minh Đức Hoài Trinh đảm nhiệm (với Triều Dương và Giao Trinh) nhưng dù dưới hình thức *thô sơ, nghèo nàn,* nội dung của nó vượt khỏi phạm vi gia đình, rộng hơn tính cách cộng đồng, để đến với *văn hóa và dân tộc.*

Ở chính chỗ không ngờ nhất, mục *Tin tức* và *Nhắn tin* trên báo *Hồn Việt Nam* vừa phản ánh vừa tạo dựng những chuyển biến trong tâm cảm người Việt ở nước ngoài, ít ra là ở Pháp.

Sau ngày 30/4, những thông tin trong nước gửi ra rất hiếm. Và Paris là phần đất ưu tiên tiếp nhận những nguồn tin hiếm hoi từ Việt Nam. Rồi từ Paris, tin tức được chuyển đi Hoa Kỳ và khắp nơi.

Độc giả đọc được ngay trên số đầu của *Hồn Việt Nam,* tháng 10/75, những tin tức như:

Thái Thanh, Mai Thảo, Hoài Bắc không đi, chỉ có Hoài Trung và gia đình Phạm Duy ở Hoa Kỳ.

Nhà văn Lê Tất Điều gửi xin anh em có ai còn giữ được mấy quyển sách của Điều, xin gửi cho mượn để chép tay.

Trong số báo thứ nhì, có thư của một độc giả trả lời, giữ trọn bộ sách của Lê Tất Điều. Và trong *Hồn Việt Nam,* số 3, ngày 15/11/75, bài *Thư bạn* của Lê tất Điều gửi Minh Đức Hoài Trinh, có những câu:

Ôi! Chữ Việt Nam ta bây giờ quý lắm, kể cả chữ nghĩa viết thư, không thể để chúng lưu lạc được. Bạn có tin gì về N.T. (Nhật Tiến) không? [..] Điều mình ước mong được biết là tin tức mọi người. Bây giờ thì không thể viết gì được nữa ngoài việc lâu lâu thảo vài hàng thư thăm bạn bè [...]

Đời sống hiện tại khá đầy đủ. cái mà mình thiếu bây giờ là những khuôn mặt của bạn bè, những con đường cũ của mấy chục năm cũ. Lắm lúc nhớ nhà, nhớ Sàigòn, nhớ Đà Lạt muốn phát điên [...]

Rất mừng thấy bạn còn viết được, còn làm báo được. Đọc mục Nhắn tin của Hồn Việt Nam khi nào cũng cảm động [...]

Về phương diện văn nghệ, bạn hãy coi tôi như người bỏ đi. Bây giờ chỉ thèm được đọc.

Đó là tâm sự của Lê Tất Điều vào cuối tháng 10/75. Những *tin tức* ngắn ngủi ấy, chứa đựng những *nội dung* mà ít bài văn, bài thơ nào chuyên tải được.

Rồi tiếp nối tin: Ba trại Pennsylvania, Florida và California đóng cửa trong tháng 10/75. Tháng 12/75 có gần 3000 người tỵ nạn xin hồi hương. Trại tỵ nạn cuối cùng, Fort Chaffee, tiểu bang Arkansas, đóng cửa trước Giáng Sinh năm 75. Cuối năm 75, *đường phố Sàigòn phải đổi tên.* Đầu năm 76 *báo chí Việt Nam tại hải ngoại ra đời như bươm bướm*[22] . Giữa tháng 2/76: *Nghĩa trang quân đội có bảng ghi ở bên ngoài: Đây là nơi an nghỉ của những đứa con phản quốc.* Tháng 3/76, xuất hiện những tin đầu tiên về người vượt biển: Tới cuối tháng 11/75 còn *nhiều gia đình trốn khỏi Việt Nam bằng thuyền nhỏ*[23] . Sau Tết Nguyên Đán 76: *những công chức, quân nhân chế độ cũ đều chưa được thả về từ các trại cải huấn.* Mặc dù họ được báo trước dự trù cải tạo một tuần hay một tháng[24] .

Ngày 15/5/76, Hồn Việt Nam ra số kỷ niệm ngày đệ nhất chu niên ngày *Ly Hành.* Đây là *số đặc biệt, số kỷ niệm để đánh dấu một ngày, không biết nên gọi là gì? Buồn? Vui?* Nhưng dường như khát vọng hòa bình vẫn muốn quạt trôi những tin tức bi quan táp đến. Minh Đức Hoài Trinh cho in bài thơ *Chiến tranh hết rồi* làm tại Paris năm 74, với những tín hiệu khép kín vết thương chiến tranh, mở ra một trang hòa bình:

Và xác chết xác chết khỏi trừng trừng mở mắt
Nuối cuộc đời, tiếc kỷ niệm đau thương
Ngậm căm hờn nghe máu hòa trong đất

Thân vẹn toàn không từng mảnh thịt xương
......
Sông núi ơi! Vùng lên mà ca hát
Khúc thanh bình gào đến tận muôn phương
Hiền cỏ cây nghiêng đầu ru gió mát
Dưới mặt trời, gỗ đá cũng yêu đương.

Tháng7/76: Trong *Hồn Việt Nam* số 10, có bài viết về cái chết tự tuẫn của Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam. Có tin Vũ Hoàng Chương phải đi học tập. Giọng văn của tờ báo, lần đầu tiên, có vẻ châm biếm nhà nước. Tháng 8 và 9/76 trở đi, tình hình trầm trọng hơn: Ủy Ban Vận Động Cứu Trợ Những Người Việt Nam Trên Đường Tỵ Nạn ra đời tại Hoa Thịnh Đốn, thông báo: Số người vượt biển ra đi chỉ sống sót khoảng 35%, vì tầu ngoại quốc không chịu vớt và láng giềng xua đuổi không cho lên bờ.

Những người vượt biển đầu tiên tới Pháp, cho biết hiện tình trong nước: *Họ có thể đột nhập vào bất cứ nhà ai, bất cứ nơi nào và lúc nào.*

Theo tin BBC, mỗi tháng ước lượng có khoảng 200 người trốn khỏi Việt Nam. Tháng 10 năm 76: Doãn Quốc Sỹ bị bắt. Vũ Hoàng Chương từ trần. Tháng 11/76: Nhà xuất bản Lá Bối tái hiện ở Paris với bức tâm thư *Tiếng Chim Gọi Đàn* gửi các văn nghệ sĩ và học giả, yêu cầu gửi bản thảo, Lá Bối sẽ xuất bản. Đây là nhà xuất bản đầu tiên hoạt động tại hải ngoại theo đúng quy ước in sách mới, không sao chụp sách cũ như Đại Nam, Xuân Thu, Sóng Mới, v.v...

Tháng 11/76, trong Hồn Việt Nam số 14, Minh Đức Hoài Trinh *viết cho một người nằm xuống* là Vũ Hoàng Chương và mặc niệm cho tình hình trong nước: *Chưa thấy một ánh sáng nào mà chỉ thấy bóng tối càng ngày càng phủ dầy. Trên lãnh vực văn nghệ sĩ thật đáng thương [...] chỉ có văn bộc mới sống nổi, những kẻ chân chính đều bị tiêu diệt hoặc tự tiêu diệt.*

Giữa năm 77, Hoà Thượng Thích Trí Thủ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo loan báo: Chính quyền bắt giam 6 vị thượng tọa, đại đức trong ban quản trị Viện Hóa Đạo. Việc đốt sách, đốt bản thảo... gia tăng. Tháng 10/77, *Hồn Việt Nam* ra bộ mới, chuyển hướng sang đấu tranh chính trị, với một ban biên tập mới, ngoài Minh Đức Hoài Trinh có Trần Tam Tiệp, Phạm Hữu, Vũ Phong. Trên báo xuất hiện những từ *phục quốc, nội công, ngoại kích, mất nước.* Và lá thư tòa soạn có những câu:

Quê hương Việt Nam đang sống trong đau khổ, uất hẹn, tủi nhục, người Việt tha hương không thể thụ động khoanh tay, cúi đầu.

Tờ báo chính trị cũng chỉ sống được 4 tháng rồi đình bản. Có thể

nó đã không phù hợp với tinh thần văn hóa và dân tộc của người sáng lập. Nhưng cuộc đời ngắn ngủi của nó (từ tháng 10/75 đến tháng 10/77) trong 2 năm, đã báo động và phản ảnh những biến đổi tâm thức của người Việt hải ngoại: *Từ ý hướng hòa hợp dân tộc, xây dựng lại đất nước sau chiến tranh, chuyển sang thái độ trực diện, đối đầu.*

Tâm thức hòa hợp dân tộc và xây dựng đời sống mới.

Không chỉ ở Minh Đức Hoài Trinh mà có lẽ đó là tâm thức chung của người Việt sau 30/4: Tin tưởng ở người Việt. Miền Nam chấp nhận thua trận và có ý hướng cộng tác. Hồi ký *Cùm Đỏ* của Phạm Quốc Bảo mô tả giai đoạn đầu tiên, sau ngày tiếp quản Sàigòn, chương trình *học tập cải tạo* được tiếp nhận một cách lạc quan và nhanh chóng như sự tiếp thu những từ mới: Mỹ Ngụy, cách mạng, giải phóng, hồ hởi phấn khởi, đạt yêu cầu, đăng ký, thu hoạch, v.v... Người Việt miền Nam tự xưng mình là *ngụy* và nói về *cách mạng*, về *giải phóng* như thật. Một người vừa vượt biển, trả lời phỏng vấn báo Hồn Việt Nam, dù đã tới Paris, vẫn còn lập đi lập lại: Ngày xưa ngụy nó... thế này, thế kia, v.v...

Sự thay đổi ngôn từ chứng tỏ tính chất mềm dẻo, lau sậy của người dân nhưng không phải là không ẩn dấu một hình thức chấp nhận và hội nhập, dù chỉ một chiều. Trong *Đáy Địa Ngục*, Tạ Tỵ kể chuyện một thương phế binh cụt chân, nhất quyết ghi tên đi học tập. Cán bộ trả lời:

Thôi, cho anh về, chờ khóa sau. Anh tàn tật vậy, chúng tôi sẽ cấp giấy chứng nhận được hoãn.

- Dạ, xin cho tôi được đăng ký học khóa này. Trước, sau cũng phải học. Một lần cho xong, để yên tâm làm ăn[25] .

Và Tạ Tỵ đưa ra lập luận của ông, và có lẽ cũng là lập luận chung của những người đi học tập lúc đầu: *Một khi đã phục tùng, chắc họ sẽ sẵn sàng theo đúng chính sách hòa giải hòa hợp dân tộc để cùng xây dựng lại đất nước sau mấy chục năm dài chinh chiến.* (trang 55)

Báo chí xuất hiện trong giai đoạn đầu, mang hai loại tên: Khuynh hướng tại ngoại tin tưởng với *Chân Trời Mới, Đất Lành, Đất Mới...* khuynh hướng vọng về đất nước như *Hồn Việt Nam, Hồn Việt, Quê Hương, Quê Mẹ, Người Việt...* Cả hai khuynh hướng đều có ít nhiều lạc quan: *Báo Quê Mẹ* ở Paris, số đầu, bài vở chuyên về văn học nghệ thuật trong chiều hướng chào mừng hòa bình và thống nhất đất nước. Võ Phiến nói đến tâm trạng *kẻ vui gượng ở ngoài nước chẳng nên dài lời mà chi đối với cái vui gượng của người ở trong nước* trong bài *Vui Gượng*, đăng trên *Hồn*

Việt, Xuân Đinh Tỵ 1977.

Thanh Nam, để kỷ niệm một năm ngày 30/4 có những câu thơ:

Về đây chung phận chung đời
Chung tay tiếp lửa đẩy lùi bóng đêm
Thôi, chào quá khứ ngủ yên
Những đau thương cũ vùi quên cuối trời.
(Buổi Đầu, Seatle 30/4/76 trong tập Đất Khách)

Nhưng tâm thức hòa hợp hay niềm lạc quan xây dựng đời sống mới không được lâu bền. Lưu đầy Đất Khách và thực tại Quê Hương đã khiến Thanh Nam, 1982 -ba năm trước khi mất- đau đớn *xót thân vô dụng, một đời nín câm.*

Rồi những biến cố không hay dồn dập đến: Chưa được một năm sau ngày thống nhất đất nước, sách vở miền Nam bị thiêu hủy, các văn nghệ sĩ hàng loạt đi tù. Vũ Hoàng Chương bị bắt ngày 13/4/76[26] . Người đi cải tạo không về. Người vượt biển vong thân. Vũ Hoàng Chương mất ngày 17/9/76, năm ngày sau khi được thả. Cái tang cải tạo. Cái tang vượt biển: Tang chung. Cái tang văn học: Tang riêng. Nặng trên tâm thức người cầm bút.

Cái chết của Vũ Hoàng Chương

Vũ Hoàng Chương vẫn được coi là một trong những khuôn mặt đại diện cho nền văn học Việt Nam trải hai thời kỳ: tiền chiến và chia đôi đất nước. Cùng với Đinh Hùng, là hai thiên tài tiền chiến không tắt lửa sáng tạo sau 45. Vũ Hoàng Chương: một nhà thơ và một kẻ sĩ, không khuất phục trước thế quyền[27] trong *Lửa Từ Bi.*

Có thể vì đã cảm nhận được vị trí độc đáo của Vũ Hoàng Chương trong văn học sử và trong lòng người, cho nên trong thời gian đầu, chính quyền cộng sản không bắt Vũ Hoàng Chương[28] .

Nhưng cũng có thể vì đã cảm nhận vị trí ấy, nên họ bắt ông sau đó. Thời điểm ấy Vũ Hoàng Chương đã yếu lắm, không biết sống chết lúc nào. Bốn tháng tù. Được thả. Năm ngày sau, ông mất. Dập tắt một nhà thơ lớn bằng lao tù. Đó là sự vụng về thê thảm nhất. Bởi khi thân thể nhà thơ nằm xuống là lúc tác phẩm của họ đứng lên. Nhập vào lòng người. Chỉ cần đọc những dòng Mai Thảo viết về Vũ Hoàng Chương cũng đủ thấy sức công phá của ngọn lửa Từ Bi hồi sinh, đưa Mai Thảo đến bờ xung kích.

Và chính Mai Thảo, trong niềm đau xót đứt lìa, tái sinh động lực chuyển tải chúc thư văn học, trở nên linh hồn của một thời kỳ văn học sau đó.

Cái chết của Vũ Hoàng Chương, ở trong nước, bị dấu diếm. Gia đình không được quyền đăng cáo phó. Hàng xóm không được quyền đến thăm. Bạn hữu như Mai Thảo còn đang bị truy lùng. Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng đã đi cải tạo lớp đầu. Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Mạnh Côn, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Duyên Anh, Dương Nghiễm Mậu... đã bị bắt. Vũ Hoàng Chương ra đi *trong giới nghiêm tăm tối, trong trống không vô cùng tận. Trên một mặt sàn gác xép hiu quạnh.* Theo lời Mai Thảo.

Người trong nước không được biết tin.

Nhưng Paris biết ngay. Trong Hồn Việt Nam số tháng 9, Minh Đức Hoài Trinh khấp báo. Paris tổ chức lễ truy niệm nhà thơ.

Có thể ngọn Lửa Từ Bi đã là một trong những nguyên nhân sâu xa thúc đẩy người cầm bút di tản hình thành mau chóng một nền văn học. Vừa có tính cách bảo tồn tiếng Việt, vừa khơi đống tro tàn, in lại những tác phẩm văn học miền Nam đã bị hóa vàng, vừa có tính chất sử quan gắn liền với thân phận õlưu vongữ, với những khó khăn hội nhập đất khách.

Văn học Việt Nam hải ngoại, vì thế rất cách ly với những dòng văn học lưu vong khác trên thế giới. sâu xa nhất là:

Người Việt viết tiếng Việt.

Người Việt viết tiếng Việt

Cung Trầm Tường, thời kỳ Tình Ca Paris những năm 55-60, dù người yêu là Pháp nhưng đã cảm thấy *tôi cần phải làm thơ bằng tiếng Việt, bằng tiếng mẹ đẻ của tôi. Tôi có làm thơ tiếng Pháp nhưng xé hết*[29] . Đối với Minh Đức Hoài Trinh *"văn hóa, ngôn ngữ quy định cả một kiếp người.*[30] "

Võ Phiến viết: *Tiếng nói của một dân tộc nó sống như một cơ thể [...] Chúng ta yêu ngôn ngữ của cha ông, chúng ta đem nó theo trên từng bước ly hương; nhưng chúng ta sẽ không thể bồi bổ nuôi dưỡng nó, chúng ta sẽ làm cho nó héo hắt trên quê người [...] Chúng ta đưa nó đi, cố giữ nó, nhưng sẽ giữ nó như thể giữ gìn một cái xác ướp.*

Trong chúng ta, những kẻ viết lách phải lấy làm lo hãi trước nhất. Vì văn chương là bộ môn nghệ thuật xây dựng trên ngôn ngữ. Cho nên từ ngày bỏ nước ra đi, tôi đâu còn nghĩ tới chuyện nghệ thuật văn chương nữa[31] .

Từ cái *lo hãi* của Võ Phiến về một *xác ướp tiếng Việt*, ông đã trở thành người khai quật "xác ướp", tiếp máu hồi sinh.

Ý hướng *viết bằng tiếng Việt*, giữ gìn tiếng Việt, che khuất ước muốn *để cho thế giới biết mặt biết tên*, làm mờ nhạt tâm trạng *phô bầy với thế giới bộ mặt thực của chế độ cộng sản*, giải thích sự kiện tại sao sau *một nghìn năm đô hộ giặc Tàu, một trăm năm đô hộ giặc Tây*, tiếng Việt vẫn tồn tại. Và sau cùng làm sáng tỏ nhận thức về vị trí *nhược tiểu* của dân tộc Việt Nam.

Nhận thức này đã được thể nghiệm qua những người đi trước như Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng... Nguyên Sa đã sớm nhận thấy: *sẽ không bao giờ một trí thức Tây phương, dù cởi mở như Sartre, có ý học tiếng Việt để đọc truyện Kiều trong nguyên taùc, chưa bao giờ thực sự muốn tìm hiểu Đông phương. Do đó, văn hóa Đông phương, dù cao như văn hóa Tàu, cường như văn hóa Nhật... vẫn không có chỗ đứng đích thực trong xã hội phương tây.*

Cho nên sẽ không thể có một trường hợp Soljenitsyne Tàu, Việt, Miên... nếu như có một người Trung quốc, Việt Nam hay Cambodge quyết định *lột trần và quật ngã chế độ cộng sản* như một người Nga Soljenitsyne.

Sống ở Hoa Kỳ, Võ Phiến và Mai Thảo đã nhận thấy điều đó, rõ ràng và sâu sắc. Mai Thảo viết:

Trên phương diện nghệ thuật. Trên phương diện văn chương. Đối với lưu vong Đông phương. Đối với Á Châu tị nạn. Ta với ta thôi, với họ, vô phương, mọi con đường đều chặn lấp, mọi cánh cửa đóng chặt, Võ Phiến nói. Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Hoa tới đây đã mấy đời, còn đứng bên ngoài lề, làm gì có tiếp nhận và chỗ đứng nào cho Việt Nam mới tới. Chúng, Bình Định kêu Mỹ bằng chúng, giữ đất thật kỹ. Họa hoằn chỉ một vài thiên tài lỗi lạc lưu vong của Âu Châu lọt được vào và tạo được danh vọng được tên tuổi. Da vàng tuyệt đối không, dù bậc thầy, dù thiên tài. Như vậy cho hết thẩy mọi ngành, từ văn chương tới hội họa, từ sân khấu tới âm nhạc.

Nhận thức sáng suốt mà ở ngoài mọi ảo tưởng này, Võ Phiến đã có được và thật sớm. Trước chúng ta. [...]

Hoa Kỳ rộng rãi tiếp nhận tị nạn thế giới vào xứ sở mình. Đồng ý. Nhưng "nó" có tiếp nhận, mở đường, trải chiếu hoa, dâng đất đứng cho văn học nghệ thuật tị nạn hay không, đó lại là chuyện khác. Võ Phiến hiểu được rất rõ điều đó. Câu trả lời của ông là không. Cho những người làm văn học nghệ thuật ta tới đây, chưa tạo dựng nổi một tầm vóc với thiểu số mình đã vọng động vọng tưởng cho mình một tầm vóc quốc tế hư ảo lố bịch. [...] Là yếu tính của văn minh văn hóa Hoa Kỳ đã đặt định,

bành trướng, tất cả được thi hành như một quốc sách Mỹ trước toàn cầu và trước mọi giòng văn hóa khác, in tuồng một sách lược chính trị, một kế hoạch kinh tế, vấn tất một thế lực chinh phục. Chính sách ấy đã được tỏ hiện và khẳng định không che dấu, ngay từ lập quốc Mỹ. Bằng tinh thần nội dung bản hiến pháp Mỹ. Bằng tuyên cáo Jefferson. Bằng lập thuyết Roosevelt, bằng chủ thuyết Monroe. Bằng "lối sống" Mỹ, giá trị Mỹ trước sau được rao giảng truyền bá như mẫu mực cứu cánh của loài người, đang tiến chiếm thế giới như một ngọn triều ào ạt.

Tờ Văn Học Nghệ Thuật cho tới ngày đình bản cũng đã được Võ Phiến thực hiện từ nhận thức vừa nói.[32]

Những dòng trên đây của Mai Thảo ghi nhận công lao của Võ Phiến đối với văn học Viện Nam hải ngoại có thể xem như một *tuyên ngôn văn học chung của Võ Phiến và Mai Thảo.*

Chỉ mình với mình thôi là một nhắn nhủ, tự nhủ âm thầm mà quyết liệt, không phải ai cũng nhận thức, ai cũng tiếp sóng, nhưng nó tiềm ẩn trong sáng tác như nét đặc thù của văn chương Việt ngoài nước: Niềm đau của họ không hoành tráng, khốc liệt như niềm đau phơi bầy của nhiều dân tộc khác, mặc dù cuộc đổi đời của họ không kém bi thiết, thương tang.

Về câu hỏi: Tại sao người Việt di tản không có *tác phẩm lớn* về cuộc vượt biên? Về tù cải tạo? Về việc thành lập cộng đồng lưu vong...? - Là có, nhưng cái "lớn lao" của người Việt không theo nghĩa thông thường: Họ đã xé nhỏ đau thương trong toàn bộ :"cái viết": Từ cải tạo, đến vượt biên, vượt biển... nỗi đau của họ không bồng lên mưng mủ, nó tản mạn lưu vong khắp huyết quản, huyết cầu... Họ đã không bỏ qua một khía cạnh nhỏ nhoi nào, dưới nhiều hình thức viết: Từ nhật ký, thư riêng, đến hồi ký, tùy bút, thơ, phiếm luận, truyện ngắn, truyện dài... nếu ai có *can đảm* đọc lược qua toàn bộ tác phẩm của người Việt ở hải ngoại trong 25 năm nay, thì sẽ ghép được mảnh puzzle lớn lao về lịch sử, xã hội, chính trị Việt Nam trong cuộc dâu bể nửa thế kỷ này.

Cái lớn của họ là tích tiểu thành đại.

Tích tiểu mới là khó. Vì xưa nay, những *đại nạn* ít khi trở thành một tác phẩm lớn.

Mỗi dân tộc có những niềm đau lớn khác nhau, do những nguyên do khác nhau. Không thể so sánh niềm đau diệt chủng của người Do Thái với niềm đau diệt chủng của người Khmer. Cũng không thể ví ngục tù Goulag Liên Xô với ngục tù cải tạo Việt Nam. Và cũng không thể đo thảm cảnh vượt biển của người Việt ty nạn với Exode khỏi Ai cập của người Do Thái cổ. Nhưng dường như ở mọi cực điểm của niềm đau, con người không có chữ để diễn tả: Niềm đau diệt chủng Do Thái và Khmer không

có tác phẩm lớn. Exode Do Thái xưa và thảm cảnh thuyền nhân Việt Nam nay: không có tác phẩm lớn, bởi đó là *giới hạn* của văn chương, *thất bại* của ngôn ngữ trước những tột độ trong cái sống và cái chết của con người.

*

Nói như vậy không có nghĩa là ở văn học hải ngoại, tất cả đều được. Tự bản chất *nhược tiểu*, nẩy sinh nhược điểm: *làng xã*. Dù thoát ra nước ngoài, người Việt vẫn không tẩy được bẩm sinh làng xã: Đọc nhau và viết cho hợp ý nhau. Từ đó thoát thai những tình trạng suy tôn cá nhân văn học không kém tai hại như sùng bái cá nhân chính trị. Bởi nó giới hạn tầm đọc tầm nhìn của độc giả trong một vài tên tuổi được tôn sùng trong quy tắc chính trị địa phương, khu vực. Ở khía cạnh này, văn học hải ngoại có những nét bảo thủ giống văn học chính thống trong nước: Ta đọc ta thôi. Người Việt hải ngoại không đọc hay không thích đọc những tác phẩm trong nước, nhất là những tác phẩm mà trong đó, người viết, sử dụng những cấm kỵ như Mỹ, Ngụy... hoặc có ý chê bai, miệt thị quân đội miền Nam... hoặc xưng tụng Bác, Đảng...

Đây là một bệnh trưng (syndrome) của chiến tranh, của lịch sử, khó có thể vượt qua.

Mai Thảo, Túy Hồng tuyên bố: Không đọc *họ*. Thế thì làm sao *họ* có thể đọc *ta*? Và họ và ta đều là người Việt. Chỉ khi nào người Việt vượt lên trên lịch sử, chịu khó đọc *nhau.* Nếu người ngoài nước có thể đọc Xuân Diệu, Huy Cận, Tố Hữu, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Tuân, Tô Hoài,... kể cả ở những chỗ Xít-ta-Lin, Bác, Đảng, đánh, giết,... hùng hổ nhất, thì người trong nước, miền Bắc, cũng có thể đọc Mai Thảo, Võ Phiến, Hà Thúc Sinh, Tạ Ty,... ở những chỗ miệt thị cộng sản gay gắt nhất. Đọc trong tinh thần đứng trên hệ lụy lịch sử, với tâm thức bình thản, gạn đục, khơi trong, tìm hiểu những hận thù, mê chấp của một thế hệ chiến tranh, giam cầm, tù hãm trong những cắt đứt giữa đất, đoạn giao giữa người.

Đòi hỏi một nền văn học Việt toàn diện của thế kỷ XX, thông qua tất cả các giai đoạn chiến tranh, trước tiên là thực hiện việc *đọc nhau.* Chấp nhận những thái quá của nhau như một tất yếu lịch sử và từ đó tìm ra chân giá trị văn học và tư tưởng -nếu có- của mỗi tác giả trong một thế kỷ mà lịch sử hung hãn đã dày xéo tác phẩm, ngộ độc văn chương.

Nhược điểm thứ hai của văn học hải ngoại là chưa có thành tựu khai phá những chân trời nghệ thuật mới. Sự tiếp xúc với văn hóa Âu Mỹ dường như chỉ mới rất hình thức. Một số bài viết nhắc đến tác giả này,

trích dẫn tác giả kia... phần lớn trong chiều hướng phô bầy kiến thức hơn là thể hiện những suy tư sáng tạo độc đáo, đặc sắc của một thời. Lớp nhà văn, nhà thơ muốn thoát ra cái *cũ* vẫn còn trên đường tìm kiếm, một vài truyện ngắn, tùy bút đó đây, chưa xác định được vị trí, bản sắc.

Không có một phong trào như *Tự Lực*, như *Sáng Tạo*. Giá trị đổi mới văn thơ trong khoảng hai mươi năm gần đây đến từ những tác giả trong nước: cựu *Nhân Văn* như Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, ... hoặc trẻ hơn như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài...

*

Chất lượng văn học hải ngoại trong hai mươi nhăm năm qua, phần lớn, vẫn nằm trong những tác phẩm được gọi là *cổ điển* của những Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo, Nguyên Sa, Võ Phiến, Nhật Tiến, Duyên Anh, Nguyễn Mộng Giác... và những nhà văn thuộc dòng văn học tiếp nối truyền thống văn học miền Nam. Thế Giang, Trần Vũ, Đỗ Khiêm là những ngoại lệ. Phạm Thị Hoài biệt cách. Điểm đáng nói là văn học chiến tranh xuất sắc với những cây bút *lính* đã đưa sự thật vào văn học ở những bậc thang cao: Cao Xuân Huy, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Ỷ Thuần, Khánh Trường... đã viết về chiến tranh trong cái phanh phui cuối cùng đến lõa thể. Thực chất văn học Việt Nam hải ngoại vẫn là một nền văn học *hiện thực bám* sát thực tại lịch sử. Mỗi tác phẩm là một mảnh vỡ lắp ghép lại thành một đại cảnh của miền Nam trải dài từ những năm 60, những năm chính quyền Ngô Đình Diệm đổ (qua tiểu thuyết *Mùa Biển Động* của Nguyễn Mộng Giác). Triệt thoái 75 với hồi ký Cao Xuân Huy, Hoàng Khởi Phong. Tuyệt lộ chiến tranh: Khánh Trường. Đứng riêng một cõi: Vũ Khắc Khoan. Sử: Nguyễn Khắc Ngữ. Miền Nam *giải phóng* và di tản: Nhật Tiến, Mai Thảo, Duyên Anh, Nguyễn Đức Lập... Cải tạo với hồi ký Phạm Quốc Bảo, Tạ Tỵ, Hà Thúc Sinh, Hoàng Liên... Thơ tù với Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng... Hồi ký văn học có Phạm Duy, Nhã Ca, Nguyễn Tường Bách... Những ngày đầu đến đất Mỹ với Võ Phiến, Thanh Nam, Cao Tần, Du Tử Lê, Viên Linh, Trần Diệu Hằng... Hội nhập đất khách với Võ Đình, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Bá Trạc, Ngu Yên, Hồ Trường An, Thế Uyên, Kiệt Tấn, Mai Kim Ngọc, Hồ Đình Nghiêm, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Bùi Bích Hà... Hồi ký ly khai với Bùi Tín, Vũ Thư Hiên... Thế hệ Đông Âu với Lê Minh Hà... Tìm con đường mới với Tạp Chí *Thơ*...

Tất nhiên còn nhiều tên tuổi nữa. Nói nhanh, nói qua như vậy để thấy rằng ở sự tác thành những tên tuổi ấy, văn học hải ngoại có những nét lớn lao trong cái nhỏ li ti của nó: Đâu đó chợt bắt được một hình ảnh:

Du Tử Lê đi làm cu li, tom góp được đồng nào là dốc vào in báo. Biết ra rồi chết nhưng vẫn gồng mình ra.... Đa số đi làm cu li ban đêm, ban ngày quay đầu vào viết. Một vài đồng, một vài chục cũng gửi cho Du Tử Lê góp vào ra nguyệt san và giai phẩm Quê Hương. Đó là Đạo Cù Trần Tam Tiệp viết về Du Tử Lê[33] . Hoặc một hình ảnh khác: *Cái thế giới làm báo tước lược, chay tịnh đến cùng cực của Võ Phiến. Cái thế giới hý hoáy, cặm cụi, nhũn nhặn một mình của chữ nghĩa khổ hạnh, không tiếng, của ngồi xổm đọc bản thảo, của cởi trần ngồi gõ máy, của mẩu bánh mì, ly nước lạnh.* Đó là Mai thảo viết về Võ Phiến. Viết là để kính trọng nhau, là để nói lên một thực tại: Tất cả đều cần cù. Đều làm *cu li* cho chữ nghĩa từ 25 năm nay. Minh Đức Hoài Trinh, Du Tử Lê, Võ Phiến, Lê Tất Điều, chán, bỏ, có ngay Viên Linh, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Trịnh Y Thư, Khánh Trường... xông vào. Mai Thảo buông tay có ngay Nguyễn Xuân Hoàng gánh vác... Tất cả đều *cởi trần, gõ máy, với mẩu bánh mì, ly nước lạnh... phản ánh tận cùng cho những năm tháng khởi đầu nơi quê người* và giữ lửa đến hôm nay. Bởi *nhà văn*, vẫn tiếp lời Mai Thảo, *văn chương y và diễn đàn y dựng nên chính là hiện thân của đọa đầy bi thảm phơi bầy dưới hết thảy mọi khía cạnh, không thể là gì hơn, không thể là gì khác*[34] . Chính thế. Mai Thảo ra đi nhưng *diễn đàn* ông dựng nên. Còn ở lại. Mãi mãi ở lại.

(kỳ tới: Sự phân chia giai đoạn và khuynh hướng)

THUY KHUÊ
Paris, tháng 10/99

---

[1] chữ *đổi mới* được dùng trong nghĩa đích thực của nó, khác với sự *đổi mới* giả mà Trung tướng Trần Độ gọi là *đổi mới như cũ* hiện nay, trong bài viết mới nhất của ông vừa gửi ra ngoài.

[2] tạp chí Quê Hương, cơ quan ngôn luận của ban Việt kiều trung ương, số tháng 8 năm 1993, in lại trên Hợp Lưu số 14, tháng 12-93 và 1-94.

[3] Tạp chí Văn Học, số tháng 2-1994, in lại trên Hợp Lưu số 18, tháng 8-9/1994.

[4] Hợp Lưu số 22, tháng 4-5 năm 1995.

[5] đăng trên phụ san Văn Nghệ Quân Đội, số 18, ngày 25-8-1998.

[6] mặc dù đối với Nguyễn Mộng Giác, *Sông Côn Mùa Lũ* quan trọng hơn, nhưng sự đánh giá của tác giả và độc giả nhiều khi không giống nhau.

[7] trong bài *Một cách nhìn về mười ba năm văn chương Việt ngoài nước (1975-*

1988), trong cuốn *Lý luận và phê bình*, trang 499, nhà xuất bản Văn Nghệ, 1996.
[8] *Xuất Trại*, in trong tập *Thư Gửi Bạn*, in lại trong *Tùy Bút II*, trang 247, nxb Văn Nghệ 1987.
[9] *Đất Lành*, báo ở trại tỵ nạn Fort Indiantown gap, Pennsylvania, nơi Võ Phiến tạm trú khi mới đặt chân lên đất Mỹ.
[10] chúng tôi chưa có tài liệu đích xác về ngày phát hành những số báo này.
[11] Tờ Đất Mới là hậu thân của tờ Chân Trời Mới, ban đầu được chính phủ Mỹ trợ cấp với mục đích thông tin cộng đồng. Sau dần dần tự túc. (Theo *Sơ kết 15 năm văn học Việt Nam lưu vong* của Nguyễn Hữu Nghĩa trên Văn Xã, số 3, tháng 10-1990)
[12] theo Huy Quang Vũ Đức Vinh trong bài *Viết cho những người yêu Thanh Nam*, Khởi Hành, bộ mới, số 8, tháng 6/1997.
[13] Mai Thảo trong bài *Lần thăm cuối cùng*, Văn Học số 5, Tưởng niệm Thanh Nam, tháng 6/1986.
[14] Theo Nguyễn Hữu Nghĩa, bài đã dẫn, *Nguyễn Hoàng Đoan thực hiện tờ Hồn Việt vào tháng 11/1977 (có lẽ là NHN viết nhầm, 1976 thì đúng hơn, vì báo Hồn Việt Nam, số Xuân 76 đã nhắc đến báo Hồn Việt -chú thích TK-) với Thành Nam làm phụ tá chủ nhiệm chủ bút, Nguyễn Hữu Đông làm tổng thư ký, về sau Võ Phiến thay Thành Nam và Lê Tất Điều thế chỗ Nguyễn Hữu Đông. Sau khi Võ Phiến và Lê Tất Điều ra làm tờ Văn Học Nghệ Thuật ít lâu, Nguyễn Hoàng Đoan bán tờ báo cho nhà Đại Nam (Đỗ Ngọc Tùng). Mai Thảo được mời làm chủ bút. Về sau Mai Thảo đứng ra làm tờ Văn. Ngọc Hoài Phương lên thay. Năm 1990, ông Tùng bán tờ báo cho Ngọc Hoài Phương.*
[15] một đài bí mật phát thanh thẳng ra Bắc từ một trạm tuyến ở Đông Hà. Nơi làm việc là số 7, đường Hồng Thập Tự, Sàigòn (theo Viên Linh, *Chia Tay Đất Khách*, Khởi Hành số 23, tháng 6/97)
[16] Thanh Nam, *Tháng 4 Phú Quốc và thơ Cao Tần*, Văn Học số 5, tháng 6/1986, Tưởng Niệm Thanh Nam.
[17] bị trúng đạn, tử nạn trên tàu ngày 30/4.
[18] cuối năm 1975 có 150 000 người tỵ nạn Đông Dương đến Hoa Kỳ. Định cư đông nhất ở California (35 000) và Texas (10 000)
[19] *Hồn Việt Nam ra mắt độc giả*, trang 1, số 1 ngày 15/10/1975
[20] Lê Ngộ Châu
[21] Khẩn thiết yêu cầu Bộ Giáo Dục Pháp mở thêm lớp và giờ dạy tiếng Việt để *tránh cho con em chúng ta cái nạn vong bản. Vì văn hóa, ngôn ngữ quy định cả một kiếp người.* (Hồn Việt Nam, số 3, 15/12/1975, trang 20)
[22] theo Nguyễn Hữu Nghĩa, bài đã dẫn: *Tới năm 84, 85 ngành báo chí Việt Nam phát triển mạnh đến độ lạm phát: Khoảng 600 tờ báo*
[23] thống kê chính thức của Cao Ủy Tỵ Nạn: Trong năm 75 có 377 thuyền nhân vượt biển sau ngày 30/4. (Rồng Vàng Vượt Biển của Vũ Thụy Hoàng, Việt Nam Books Inc. 1982, trang 223)
[24] theo thông cáo ngày 10/6, 11/6 và 20/6/75, ký tên Ủy Ban Quân Quản Thành Phố Sàigòn-Gia Định: *Yêu cầu những người đi học tập cải tạo phải đem theo đầy đủ vật dụng cá nhân và tiền bạc dùng trong 10 ngày. Riêng đối với sĩ quan cao cấp, cảnh sát, dân biểu, thượng nghị sĩ, các lãnh tụ đảng phái* phản động *thì trong một tháng.*

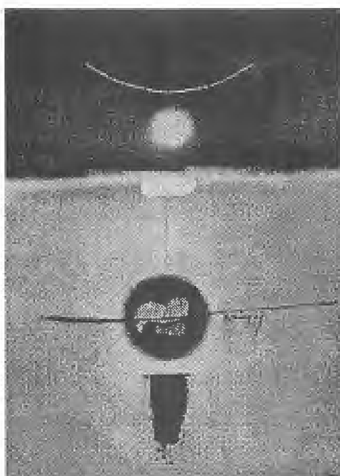
(theo Tựa, Đại Học Máu, Hà Thúc Sinh, Nhân Văn, 1985)
25 (*Đáy Địa Ngục*, Thằng Mõ xuất bản 1985, trang 34-36)
26 Chúng tôi ghi lại ngày 13/4/1976, theo hồi ký *Mấy Tháng Cuối Cùng Với Vũ Hoàng Chương* của Mai Thảo, trong cuốn Chân dung mười lăm nhà văn, nhà thơ Việt Nam, Văn Khoa, 1985; tài liệu xuất hiện sớm nhất và viết rõ nhất về Vũ Hoàng Chương -Mai Thảo viết ngay từ 1979, in trên tờ Đất Mới-. Theo bài viết của Mai Thảo thì Vũ Hoàng Chương bị bắt tại nhà, sáng hôm 13/4/76 ông đang ốm, nằm đắp chăn vì đêm trước lộng gió, lạnh, thi sĩ bị cảm. Mai Thảo ghi theo lời bà Vũ Hoàng Chương thuật lại.

Về sau, trong cuốn *Bốn Mươi Năm Thơ Việt Nam 1945-1985*, tập hai, Quê Mẹ, Paris 1993, Thi Vũ đưa ra một thoại khác: Ngày Phật Đản, 25/5/76, giữa khuôn viên trường Đại Học Vạn Hạnh, Vũ Hoàng Chương đứng lên ngâm bài thơ *Lửa Từ Bi*, và hôm sau bị bắt. Viên Linh cũng tường thuật như vậy trong bài *Vũ Hoàng Chương, lịch sử thơ*, đăng trong Khởi Hành số 35, tháng 9/1999.
27 thời kỳ đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm.
28 *tên ông không có trong danh sách những văn nghệ sĩ sẽ bị bắt*, theo Mai Thảo, sđd.
29 Nói chuyện với Cung Trầm Tưởng trên đài RFI ngày 23/10/1999.
30 Hồn Việt Nam, số 3, tháng 12/75
31 *Thư gửi bạn đọc, viết trên đất khách ngày thứ 300 của một năm lưu lạc*, in lại trong Tùy Bút II, Văn Nghệ, trang 241-242)
32 Mai Thảo, *Những buổi trưa ở Chinatown của Võ Phiến*, Chân dung mười lăm nhà văn nhà thơ Việt Nam, Văn Khoa, 1985
33 Đao Cù Trần Tam Tiệp, Tạp ghi, Hồn Việt Nam, bộ mới, số 2, tháng 10/77
34 Mai Thảo, *Những buổi trưa ở Chinatown của Võ Phiến*, Chân dung mười lăm nhà văn nhà thơ Việt Nam, Văn Khoa, 1985



NGUYỄN HƯNG QUỐC

Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam



Phản-trí thức là tâm lý hoài nghi, hơn nữa, thù nghịch với trí thức, xem trí thức không bằng kinh nghiệm, lý trí không bằng trực giác, lý thuyết không bằng thực hành. Trong tâm lý phản-trí thức, tất cả những gì liên quan đến học thuật và những gì có tính chất trừu tượng và uyên bác đều bị xem là "cao vĩ", "viển vông", thậm chí "vu khoát"; chúng không những không đáng tin cậy mà còn đáng bị ghét bỏ, chế diễu và loại trừ. Có thể nói một cách vắn tắt, phản-trí thức thực chất là phản-lý thuyết, từ đó, nó dẫn đến thái độ phản-hàn lâm và việc nghi kỵ những sự phân tích có tính sách vở nói chung.

Nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của tâm lý phản-trí thức rất đa dạng. Dân chúng ghét trí thức vì trí thức đồng nghĩa với quyền lực; nhà cầm quyền ghét trí thức vì trí thức đồng nghĩa với tinh thần phê phán; giới lãnh đạo tôn giáo ghét trí thức vì trí thức dẫn đến sự hoài nghi; giới kinh doanh ghét trí thức vì muốn tập trung vào những lợi ích thực tế và cụ thể; ngay chính một phần giới trí thức cũng ghét trí thức vì trí thức bao giờ cũng có khuynh hướng dị hoá, phân hoá và vượt bỏ, do đó, nó trở thành một đe doạ cho những ai không sẵn sàng theo đuổi những hiểu biết mới vốn không ngừng sinh sôi nẩy nở hầu như từng

ngày, từng ngày.

Phản-trí thức, do đó, là thứ tâm lý phổ biến hầu như ở khắp nơi trên thế giới. Đầu thập niên 60, Leonard Woolf nhận định là "không có dân tộc nào khinh bỉ và nghi kỵ trí thức và giới trí thức cho bằng người Anh"[1] . Mấy năm sau đó, Richard Hofstadter, một học giả Mỹ, đã viết hẳn một cuốn sách nhan đề *Anti-intellectualism in American Life* để chứng minh sự nở rộ của phong trào phản-trí thức tại Mỹ vào thập niên 50 không phải là một hiện tượng bất bình thường mà chỉ là sự bộc phát của một tâm lý tiềm tàng từ lâu trong xã hội Mỹ.[2] Riêng tại Úc, từ rất lâu, giới nghiên cứu đã nhận ra phản-trí thức là một đặc điểm nổi bật trong tâm lý của quần chúng: đó là lý do tại sao nói chung phần lớn dân chúng Úc thường thích những chính khách bình dân, nói năng giản dị về những vấn đề cụ thể trước mắt hơn là những chính khách có viễn kiến với những chính sách lâu dài và do đó, mơ hồ. Tâm lý phản-trí thức ấy có khi phát triển mạnh mẽ đến độ người ta sẵn sàng ủng hộ những chính khách thiển cận, thậm chí, ngu dốt như trường hợp của Pauline Hanson, một phụ nữ bán fish and chips chuyển qua làm chính trị với lập trường bài thổ dân và châu Á làm ầm ĩ dư luận tại Úc trong mấy năm vừa qua.

Tuy vậy, theo tôi, có lẽ không ở đâu bệnh phản-trí thức lại rõ rệt và trầm trọng như ở Việt Nam. Ngày xưa, cả hơn một ngàn năm, mặc dù dân chúng, dưới ảnh hưởng của Nho giáo, quý trọng giới trí thức, hơn nữa, thèm thuồng địa vị của giới trí thức, nhưng hầu hết lại vẫn nghi ngờ trí thức, cái mà họ hoàn toàn không tiếp cận được. Mà chính giới trí thức cũng không hiểu hết ý nghĩa và tác dụng của những kiến thức họ thu lượm được từ sách vở vốn được viết và in ra ở Trung Hoa xa lơ xa lắc. Kiến thức biến thành một trò chơi lắp ghép chữ nghĩa vừa huyền bí vừa vô bổ. Khi đọc, người ta vẫn cắm cúi vào các trang sách như bất cứ ở đâu khác; nhưng khi sống và khi làm việc, bất cứ là việc gì, từ việc trồng một luống khoai cho đến việc làm một cái nhà hay cả việc viết văn và làm thơ, người ta chỉ nương cậy vào bản năng, trực giác và kinh nghiệm của chính mình mà thôi.

Đến thời Pháp thuộc, đặc biệt từ đầu thế kỷ 20, tâm lý quần chúng thay đổi theo hướng ngược lại: người ta coi trọng trí thức vì hy vọng là với nó, người ta có thể đẩy mạnh quá trình hiện đại hoá đất nước để sớm thoát khỏi cảnh nô lệ, nhưng người ta lại coi thường giới trí thức, vốn phần lớn, dưới mắt họ, chỉ là những thư lại trong guồng máy chính quyền thực dân, những kẻ, nói như Tú Xương, "sáng vác ô đi, tối vác về". Nhưng sự thay đổi này chưa kịp gây một ảnh hưởng đáng kể nào ngoài một số cuộc tranh luận khá ngây thơ về các vấn đề

lý thuyết, từ chuyện duy tâm và duy vật đến chuyện nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh thì cách mạng tháng Tám bùng nổ, mở đầu một kỷ nguyên mới, với chủ trương đề cao giai cấp công nhân và nông dân, ở đó, cả trí thức lẫn giới trí thức đều bị khinh bỉ. Câu nói của Mao Trạch Đông, "trí thức là cục phân" trở thành một "danh ngôn" và chính sách một thời[3]. Sau này, vớ được một câu nói của Goethe, qua sự trích dẫn của Lenine, "Lý thuyết thì xám xịt mà cây đời thì mãi mãi xanh tươi", người ta liền biến ngay tính chất phi lý thuyết trong văn hoá Việt Nam thành một niềm tự hào.

Có thể nói, từ góc độ lịch sử, phản-trí thức là một trong những truyền thống lớn của Việt Nam: đó là một trong những nơi hiếm hoi trên thế giới không hề có và cũng không cần có bất cứ lý thuyết nào. Không những không có lý thuyết, chúng ta cũng không có những công trình nghiên cứu về lý thuyết và thậm chí, không có cả những khái niệm mang tính lý thuyết. Điều đó có nghĩa là, tính chất phản-trí thức ở Việt Nam vô cùng phổ biến và sâu đậm. Có thể nói, ở các nước khác, thường chỉ có quần chúng bình dân mới ghét trí thức; ở Việt Nam, ngay cả giới trí thức cũng ghét trí thức; ở các nước khác, đa số dân chúng ghét lý thuyết; ở Việt Nam, hầu như tất cả mọi người đều ghét lý thuyết.

Trong một truyền thống phản-trí thức như thế, dân chúng sống chủ yếu với giai thoại. Đã đành, ở đâu cũng có giai thoại. Nhưng ở các nơi khác, giai thoại chỉ là giai thoại, thường được đăng tải trên các tờ báo thương mại và giải trí, dành cho tầng lớp khá bình dân. Ở Việt Nam, giai thoại là sử liệu (trường hợp các truyền thuyết thời lập quốc và gần đây, cuốn *Những mẩu chuyện trong cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* của Trần Dân Tiên là ví dụ!), được phổ biến trên các tạp chí chuyên ngành hàng đầu trong cả nước (*Văn Nghệ, Văn Nghệ Quân Đội*, v.v...), và tác giả của chúng có thể được gọi là... học giả hoặc nhà phê bình. Trong sinh hoạt văn hoá Việt Nam, giai thoại chiếm một địa vị cực kỳ quan trọng. Nền tảng của các tín ngưỡng, ở những nơi khác, là giáo lý; ở Việt Nam, là giai thoại. Nền tảng của các hoạt động chính trị, ở các nơi khác, là chính sách; ở Việt Nam, cũng là giai thoại. Nền tảng của hoạt động văn học, ở những nơi khác, là các quan điểm sáng tác và phong cách nghệ thuật; ở Việt Nam, lại vẫn là các giai thoại liên quan đến cuộc đời của tác giả.

Thù nghịch với các lý thuyết, văn học Việt Nam có một đặc điểm nổi bật hiếm thấy ở những nơi khác: không hề có các trường phái. Chịu ảnh hưởng nặng của văn học Trung Quốc, nhưng trong khi văn học Trung Quốc, ngay từ xưa, đã rất đa dạng với những trường

phái sáng tác khác hẳn nhau, có khi đối nghịch nhau kịch liệt, văn học trung đại Việt Nam, ngược lại, từ đầu đến cuối, chỉ có một dòng duy nhất, ở đó, mọi sáng tác đều hao hao như nhau, trên một nền thẩm mỹ chung, hầu như bất biến. Đầu thế kỷ 20, chịu ảnh hưởng nặng nề của văn học Pháp, nhưng trong khi văn học Pháp đầy tinh thần duy lý, văn học Việt Nam vẫn nặng về cảm tính, do đó, vẫn không có một nhà văn hay nhà thơ nào đủ tự giác để đứng hẳn vào một trào lưu nào nhất định. Có lúc người ta phân chia văn học thời 1932-45 thành hai dòng lãng mạn và hiện thực, tuy nhiên, về sau, ai cũng thấy là những sự phân chia như thế đầy tính quy ước và giả tạo. Trên thực tế, ranh giới giữa hai dòng rất mong manh và mờ nhạt.

Tính chất nhập nhoà trong phương pháp sáng tác ấy làm cho văn học Việt Nam nói chung yên ả một cách đặc biệt. Trong thế kỷ 20, ở phần lớn các quốc gia khác, sự xuất hiện của một trào lưu hay một thế hệ văn học mới thường được mở đầu bằng một loạt các sự phê phán nhắm vào phương pháp sáng tác của các các trào lưu hay các thế hệ cũ. Văn học trở thành một chiến trường lúc nào cũng sôi sục, ở đó, mỗi một trào lưu hay mỗi một thế hệ mới là một khí thế mới. Ở Việt Nam, ngược lại, không khí văn học lúc nào cũng lặng lẽ. Lâu lắm, mới có chút ồn ào. Ồn ào là do cãi cọ, chứ không phải do tranh luận. Tranh luận, nếu có, chủ yếu là tranh luận về những khía cạnh chính trị, xã hội hay văn hoá của văn học chứ không phải vì bản thân văn học. Đầu thập niên 30, chống lại thơ cũ, không ai quan tâm đến việc phân tích mỹ học của thơ Đường, cũng như chống thơ mới, không ai bỏ công tìm hiểu về chủ nghĩa lãng mạn. Ngay cả cuối thập niên 50, ở Sài Gòn, khi nhóm Sáng Tạo hô hào vượt qua Thơ Mới, cũng không ai nêu lên được lý do tại sao Thơ Mới cần phải bị vượt qua một cách thoả đáng. Nhưng khi không quyết liệt chống lại cái cũ thì cái mới sẽ không bao giờ mới trọn vẹn. Hậu quả là trong sáng tác, không ai đi đến cùng một điều gì. Tính chất độc đáo của giới cầm bút Việt Nam, có lẽ một phần vì thế, thường khá giới hạn. Điều này lại dẫn đến một tình trạng đầy nghịch lý: một mặt, diện mạo của văn học Việt Nam tuỳ thuộc hẳn vào từng cá nhân; nhưng mặt khác, diện mạo của các cá nhân ấy lại không có những nét khu biệt thật rõ.

Hiện tượng thiếu lý thuyết, và cùng với nó, tính trường phái, không những giảm thiểu sự độc đáo mà còn làm giảm thiểu tính chất tự giác của từng người cầm bút. Công việc sáng tác mãi mãi được tiến hành trong sự mù loà gần như hoàn toàn của ý thức. Không có nguyên tắc thẩm mỹ hay nguyên tắc sáng tác nào được đúc kết để có thể truyền lại cho thế hệ theo sau hoặc để kế thừa hoặc để đả phá và sáng

tạo. Sự phát triển của văn học, do đó, vô cùng chậm chạp, và hơn nữa, què quặt: trong ba bộ phận chính yếu tạo thành sinh hoạt văn học - sáng tác, phê bình và lý luận -, ở Việt Nam, chỉ có sáng tác là phát triển tương đối mạnh.

Cũng chỉ mạnh một cách tương đối thôi. Bởi sáng tác khó mà có thể khởi sắc trên nền tảng một ý thức thẩm mỹ vừa yếu đuối vừa lạc hậu. Và ở đây, điều đáng lo ngại nhất là, bước sang thế kỷ 21, tính chất yếu đuối và lạc hậu trong ý thức thẩm mỹ ấy chưa có dấu hiệu gì sẽ được khắc phục cả.

Ngày xưa, chúng ta không có lý luận văn học đúng nghĩa. Thôi thì, cũng được. Đến thập niên 30 của thế kỷ 20, lý luận văn học Việt Nam mới bắt đầu manh nha. Thôi thì, cũng được. Trễ còn hơn không. Nhưng đến tận cuối thế kỷ 20, lý luận văn học Việt Nam vẫn tiếp tục ở giai đoạn... manh nha. Tư duy văn học ở cuối thế kỷ vẫn giống như ở đầu hay giữa thế kỷ. Cứ mở các cuốn sách lý luận văn học ở cuối thế kỷ 20 ra so sánh với cuốn *Văn học khái luận* của Đặng Thai Mai xuất bản từ năm 1944, chúng ta sẽ thấy ngay sự khác biệt không nhiều. Sau này, người ta thêm một số kiến thức mới, một số khái niệm mới, một số tên tuổi mới. Nhưng những vấn đề chính mà người ta quan tâm cũng như những quan điểm chính trong những vấn đề ấy thì lại không có gì thay đổi. Vẫn những ưu tư về vấn đề thể loại và vấn đề chức năng của văn học. Vẫn những loay hoay khốn khổ về vấn đề quan hệ giữa văn học và chính trị hay đạo đức. Vẫn thái độ muốn xem văn học như một công cụ, nhằm phục vụ cho một cái gì khác. Vẫn quan điểm xem văn học, trước hết, như một cách bộc lộ tâm tình hay phản ánh hiện thực của xã hội. Vẫn. Không có gì thay đổi.

Sự phát triển còi cọc của lý luận làm cho phê bình cũng còi cọc theo. Tôi không biết trên thế giới có nước nào như Việt Nam, cho đến nay, vẫn còn tồn tại, hơn nữa tồn tại một cách rất phổ biến và trang trọng, loại phê bình căn cứ rất ít vào tác phẩm mà tập trung chủ yếu vào tác giả; ở tác giả, mối quan tâm chính không phải là những tư tưởng văn học hay phương pháp sáng tác mà là những chuyện nhí nha nhí nhách trong đời sống hàng ngày của họ, từ chuyện ăn mặc, ăn uống đến chuyện vợ con và chuyện quan hệ với bạn bè. Ở các nước khác, quá trình phát triển của phê bình văn học thường là đi từ việc tìm hiểu tác giả qua việc phân tích tác phẩm và cuối cùng, gần đây, bước sang giai đoạn tìm hiểu những quy ước thể loại, ngôn ngữ và văn hoá chi phối các tác phẩm để những tác phẩm ấy trở thành những tác phẩm văn học, hơn nữa, tác phẩm văn học lớn. Phê bình văn học ở Việt Nam, ngược lại, đi từ việc tìm hiểu phong cách văn học của tác

giả vốn định hình từ thời 1930-45 đến việc tìm hiểu tư tưởng chính trị và xã hội của tác giả vốn thịnh hành thời 1954-85, cuối cùng, gần đây, chuyển sang việc tán nhảm về những giai thoại ngồ ngộ và vui vui trong sinh hoạt văn học[4]

Không phải chỉ có sự thay đổi về "phương pháp luận" mà còn có sự thay đổi khá đồng loạt về phong cách diễn tả. Trong suốt thập niên cuối cùng của thế kỷ 20, người ta dễ thấy ở Việt Nam nổi lên xu hướng viết phê bình như một lối nói chuyện phiếm. Các tập sách gọi là phê bình và tiểu luận thường là sự tập hợp những bài viết vốn được sáng tác để đăng trên các tờ báo ngày hay báo tuần với một tầng lớp độc giả đã được xác định rõ: bình dân. Nếu văn học Việt Nam, tự bản chất là một thứ văn học bình dân hoặc nửa bình dân, thì chưa bao giờ tính chất bình dân ấy lại đậm nét như là bây giờ.[5]

Song song với xu hướng bình dân là xu hướng phản - academic mà biểu hiện cụ thể nhất là tâm lý ghét sự phân tích, đặc biệt những sự phân tích cần trích dẫn nhiều tư liệu, đặc biệt các tư liệu từ Tây phương, đặc biệt hơn nữa là Tây phương hiện đại. Người ta đồng nhất công phu nghiên cứu với thói tầm chương trích cú; đồng nhất sự trích dẫn với sự vay mượn; đồng nhất khả năng tổng hợp với sự sao chép. Hậu quả là trong sinh hoạt văn học Việt Nam hiện nay, chúng ta không những không có những tác phẩm lý luận lớn, những tác phẩm phê bình lớn mà, tệ hại hơn nữa, chúng ta còn không có, hoặc nếu có, chỉ có một cách hiếm hoi, cả những công trình nghiên cứu nghiêm túc về các vấn đề lý thuyết văn học. Không cần lớn, chỉ cần nghiêm túc thôi. Mà đó không phải là điều gì quá khó khăn. Ở nước người, việc biên soạn những công trình nghiên cứu như thế nằm trong tầm tay giới đại học, những người, thành thực mà nói, không cần sáng tạo và cũng không cần thật nhiều tài năng, chỉ cần thủ đắc một số phương pháp nghiên cứu nhất định và nhất là, chuyên cần. Thế thôi.

Vâng, chỉ đơn giản thế, chúng ta vẫn chưa có. Và có lẽ còn lâu lắm chúng ta mới có nếu ngay cả giới phê bình và lý luận văn học vẫn còn mắc bệnh phản-trí thức và vẫn còn sợ hãi những vấn đề phức tạp. Nhưng bao giờ thì họ mới thoát khỏi những điều đó? Tôi không biết. Chỉ biết là có người - vốn cũng được xem là nhà phê bình – sợ những sự phức tạp đến độ khái quát hoá thành một nguyên tắc: "phải giản dị hoá những điều phức tạp và không bao giờ được phức tạp hoá những điều giản dị"[6].

Tác giả có vẻ tâm đắc với cách chơi chữ của mình. Nhưng đó chỉ là một chủ trương phản-trí thức ở dạng thô sơ nhất. Thử tưởng tượng nếu Newton cũng cho việc trái táo rơi xuống đất là một sự giản dị thì

làm sao nhân loại có được một nền khoa học và kỹ thuật phát triển mạnh mẽ như ngày nay? Nếu Freud cũng cho việc nói nhịu, nói mớ của con người là những sự giản dị thì làm sao có được ngành phân tâm học với những ảnh hưởng sâu rộng trong hầu hết các lãnh vực nhân văn như hiện nay? Trong lãnh vực khoa học, biến một quan niệm như thế thành một nguyên tắc là một điều thiếu khôn ngoan. Lý do là, trong khoa học, không có cái gì có thể được xem là thực sự 'giản dị': tất cả đều có thể bị nghi vấn, bị đặt thành vấn đề. Riêng ở Việt Nam, lại càng không nên khinh thường những cái gọi là 'giản dị'. Chỉ giới hạn trong phạm vi văn học mà thôi, có vô số những điều chúng ta tưởng là 'giản dị' thực ra là vô cùng phức tạp, từng là đề tài tranh luận của các chuyên gia lỗi lạc trên thế giới suốt cả thế hệ hay cả thế kỷ mà vẫn chưa tìm ra một giải đáp nào được coi là thoả đáng. Tất cả mọi vấn đề liên quan đến lý thuyết văn học, chẳng hạn, rộng thì có các vấn đề như định nghĩa văn học, chức năng của văn học, các thể loại văn học, các quan điểm văn học, các đặc điểm khu biệt văn học và các ngành nghệ thuật khác, v.v...; hẹp hơn một chút thì có các vấn đề như thực chất của tác phẩm, của tác giả, quan hệ giữa tác giả và tác phẩm, giữa tác phẩm và người đọc, v.v... đều là những trường hợp như thế. Nói cho cùng, ví dụ chỉ giới hạn trong một bài thơ cụ thể nào đó, chúng ta cũng không thể xem bất cứ một từ, một chữ nào trong đó là 'giản dị', là không cần 'phức tạp hoá', vì lẽ giản dị: không có gì chắc là chúng ta đã hiểu trọn vẹn từ ấy, chữ ấy. Dẫu bỏ hết cả đời chúng ta cũng chưa chắc đã giải thích nổi tất cả những huyền nhiệm của một từ, một chữ.

Bất cứ người nào đọc sách nghiên cứu hay lý luận văn học của Tây phương nhiều, hẳn cũng đều nhận thấy một điều: hầu như với bất cứ một vấn đề gì, một khía cạnh gì, cho dù 'nhỏ' đến đâu, cũng có kẻ bàn luận cặn kẽ trong nguyên cả một cuốn sách dày cộm hàng mấy trăm trang. Mà vấn đề vẫn còn để ngỏ. Để người khác lại bàn tiếp trong hàng loạt các cuốn sách khác, cuốn nào cũng dày cộm, cũng chật cứng tư liệu và ý tưởng. Nhìn lại Việt Nam, chúng ta thấy khác hẳn: cái gì chúng ta cũng chỉ bàn lớt phớt, qua loa trong vài dòng, vài đoạn. Bởi vậy, bây giờ tuyệt đối không phải là lúc chúng ta sợ sự "phức tạp hoá". Ngược lại, nếu tiếp tục truyền thống "giản dị hoá" mọi chuyện như từ xưa đến nay, sinh hoạt lý luận và phê bình của Việt Nam sẽ mãi mãi ở trong tình trạng ấu trĩ, thậm chí, ấu trĩ một cách què quặt.

Tiếc thay, một quan niệm phản-trí thức như thế cũng xuất hiện cả trong những cây bút phê bình và lý luận hàng đầu ở Việt Nam. Như trường hợp của Hoàng Ngọc Hiến, chẳng hạn.

Trong bài "Phê bình văn học của Hoài Thanh và phê bình văn học hiện nay" đăng trên tạp chí Hợp Lưu số 49 (tháng 10 & 11.1999), Hoàng Ngọc Hiến khẳng định các nhà phê bình sau này viết kém hẳn Hoài Thanh ngày trước. Thì cũng được. Dù có thể không đồng ý, chúng ta vẫn phải chấp nhận vì đó là quyền của ông: quyền đánh giá của một người đọc. Tiếp theo đó, Hoàng Ngọc Hiến cố gắng giải thích ưu điểm của Hoài Thanh, những yếu tố góp phần làm cho Hoài Thanh vượt trội hẳn các nhà phê bình khác. Theo ông, "[v]ăn phê bình của Hoài Thanh thoáng gọn và đầy ý vị: tác giả chỉ quan tâm và biết nói những điều đáng nói." Thì cũng được. Dù có thể không đồng ý, chúng ta vẫn phải chấp nhận vì đó là quyền của ông: quyền có một quan niệm riêng về cái hay và cái đẹp trong văn chương phê bình. Sau đó, dùng văn phong của Hoài Thanh làm chuẩn, Hoàng Ngọc Hiến cho các nhà phê bình sau này thường vấp phải khuyết điểm chung là "ý kiến riêng thì nghèo nàn, nói ra phải dựa dẫm, thay cho sự trình bày phán đoán riêng là sự phô trương những kiến thức chung chung, thường có tính chất nhà trường". Thì cũng được. Quả thật, trong không hiếm bài viết gọi là phê bình hiện nay, tác giả chỉ lải nhải những kiến thức cực kỳ phổ thông, loại *second-hand,* được lượm nhặt từ các sách giáo khoa trung học hoặc từ các tờ báo không phải chuyên san về văn học. Vấn đề chỉ xuất hiện khi, từ đó, Hoàng Ngọc Hiến đi đến kết luận, xa hơn và khái quát hơn: theo ông, "[đ]iều đáng quan tâm, đáng lo ngại hiện nay không phải là "cơ sở lý luận' mà là 'trình độ văn hoá' của người làm phê bình."

Lạ. Kết luận ấy, theo tôi, không những sai mà còn sai một cách lạ lùng. Đúng là trong phê bình của ta có hiện tượng "sống sượng" trong lý luận do nhà phê bình chưa thuần hoá được những gì mình học, nhưng điều đó chỉ chứng tỏ là khả năng của họ còn hạn chế chứ không phải các "cơ sở lý luận" là vô ích. Là một trí thức, đáng lẽ Hoàng Ngọc Hiến phải biết rõ cái điều sơ đẳng, chẳng hạn, không thể vì sự thất bại của một số, dù là số đông, bác sĩ mà phủ nhận sự cần thiết của cả nền y khoa. Là một nhà giáo, đáng lẽ Hoàng Ngọc Hiến phải biết rõ tầm quan trọng đặc biệt của "cơ sở lý luận", bao gồm cả phương pháp luận: đây là điều mà bất cứ một sinh viên hậu đại học nào cũng phải biết khi viết chương đầu tiên của luận án. Là một nhà lý luận văn học, đáng lẽ Hoàng Ngọc Hiến phải hiểu rõ là một cơ sở lý luận mới sẽ có khả năng làm thay đổi cách nhìn, từ đó, cách phê bình văn học, và do đó, muốn đổi mới phê bình, người ta không thể không bắt đầu từ cái gốc của nó: cơ sở lý luận văn học.[7]

Hiện nay, mối quan hệ giữa cơ sở lý luận và công việc phê bình

đã là điều hiển nhiên. Chỉ cần mở các công trình phê bình về các nhà phê bình trên thế giới ở thế kỷ 20, chúng ta sẽ thấy ngay là không có bất cứ một nhà phê bình lớn nào lại không phải là một nhà lý thuyết. Nhà phê bình lớn tất yếu phải là một nhà lý thuyết. Lịch sử phê bình trở thành lịch sử các lý thuyết về phê bình.

Trong bối cảnh như thế, quan niệm cho "cơ sở lý luận" không phải là điều đáng quan tâm và lời hô hào trở lại lối viết "thoáng gọn", chỉ cần rút trong "bụng" ra chứ không cần tra cứu và trích dẫn từ một nhà lý luận và phê bình, hơn nữa, một giáo sư hàng đầu về lý luận và phê bình, quả là một điều khó tưởng tượng được.

Nghe, cứ như là một... giai thoại.

NGUYỄN HƯNG QUỐC
27.10.1999

---

1 Dẫn theo Richard Hofstadter (1966) trong cuốn *Anti-intellectualism in American Life*, Vintage Books, New York, tr. 20.

2 Richard Hofstadter (1966), sđd.

3 Trong bài "Những bước thử nghiệm của một lớp người viết chúng tôi" (Phạm Phú Phong ghi) in trong cuốn *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học, 1945-54*, do Ban Văn học Việt Nam hiện đại biên soạn, in lần 2, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, nhà văn Nguyễn Thành Long kể: "Khi đọc tài liệu 'Văn Nghệ Diên An' của Mao Trạch Đông, tôi còn nhớ nguyên văn một câu gây ấn tượng dai dẳng trong tôi: "Trí thức là cục phân". Chúng tôi phải tin theo điều này và tự phủ nhận bản thân mình." (tr. 527)

4 Tiêu biểu nhất là cuốn *Chân dung và đối thoại* của Trần Đăng Khoa, nxb Thanh Niên, Hà Nội, 1998 (được tái bản nhiều lần). Một chương trong cuốn sách ấy, "Xuân Diệu" được in lại trên tạp chí *Văn Học* (California) số 158 (6.1999), tr. 19-32.

5 Trong cuốn *Những kiếp hoa dại* (nxb Hội nhà văn, Hà Nội, 1993, tr. 130-2) Vương Trí Nhàn nêu ra một trường hợp bạn của ông, sau khi du học từ nước ngoài trở về, nuôi mộng tập trung dịch các tác phẩm văn học cổ điển của thế giới ra tiếng Việt; nhưng không bao lâu sau, trước sức ép của đời sống, người ấy đành bỏ giấc mộng tốt đẹp ấy để quay qua dịch các mẩu tin giật gân, vui vui cho các tờ báo thương mại để kiếm tiền. Vương Trí Nhàn cũng ghi nhận là hiện tượng bỏ những công trình lớn để chạy theo viết hoặc dịch những bài viết nặng tính chất giải trí như thế đang rất phổ biến ở Việt Nam. Ông gọi đó là thứ "văn hoá quà vặt". Tiếc thay, phê phán thì phê phán, nhưng chính Vương Trí Nhàn dường như cũng không thoát khỏi cái thứ "văn hoá quà vặt" ấy. Chính cuốn *Những kiếp hoa dại* và gần đây, cuốn *Cánh bướm và đoá hướng dương* (1999) của ông cũng được viết dưới dạng giai thoại "nhẹ nhàng dễ tiêu" như thế. (Một số đoạn trong cuốn sau được in lại trên tạp chí *Văn Học* (California) số 160 (8.1999), tr. 13-23).

6 Lại Nguyên Ân và Ngô Thảo (biên soạn) (1995), *Nhà văn Việt Nam, chân dung*

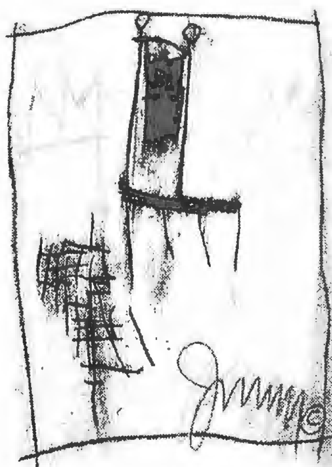
tự hoạ, tập 1, nxb Văn Học, Hà Nội, tr. 55.

7 Đáng lẽ thì như thế. Nhưng tôi có cảm tưởng Hoàng Ngọc Hiến chưa nhận thấy mối quan hệ chặt chẽ, thậm chí tất yếu giữa lý luận và phê bình. Chính vì vậy, trong các bài viết của ông, ông hay vấp phải những sự thiếu nhất quán đáng tiếc. Ví dụ, trong bài "Phê bình văn học của Hoài Thanh và phê bình văn học hiện nay", nếu ông xem việc viết văn có "vị" là phẩm chất chính của văn phong phê bình, là yếu tố chính phân biệt Hoài Thanh và các nhà phê bình khác thì, thứ nhất, khi đề cao Hoài Thanh, Hoàng Ngọc Hiến phải phân tích cái "vị" trong văn của Hoài Thanh, đằng này, ông lại dành hơn nửa bài viết để chứng minh là Hoài Thanh có kiến thức sâu rộng đến độ biết cả... Baudelaire, một nhà thơ lớn của Pháp, mất năm 1867, tức hơn 70 năm trước khi Hoài Thanh viết cuốn *Thi nhân Việt Nam*. Thứ hai, nếu căn cứ trên tiêu chuẩn của cái "vị", Hoàng Ngọc Hiến không thể nói là văn phê bình của Xuân Diệu trước đây hay của Trần Mạnh Hảo hay Trần Đăng Khoa... là kém hơn văn phê bình của Hoài Thanh: tất cả đều viết văn rất có "vị", đều rút từ trong bụng ra viết, và viết rất tâm huyết, dù, đôi khi, đó là cái tâm huyết của một kẻ bất lương. *Ở những nơi khác, Hoàng Ngọc Hiến cũng thường vấp phải những sự thiếu nhất quán tương tự. Một ví dụ tiêu biểu nhất là trong cuốn* Văn học - Học văn, *do trường Cao đẳng Sư phạm tp Hồ Chí Minh và trường Viết văn Nguyễn Du xuất bản năm 1990, sau khi nêu ra nguyên tắc cho khi giảng văn, các thầy cô giáo phải biết bám vào ngôn từ, vào giọng điệu của tác phẩm, Hoàng Ngọc Hiến đã viết một bài giảng văn làm mẫu, gọi là "Phân tích tác phẩm văn học như là một mô hình nghệ thuật", trong đó, văn bản được ông chọn phân tích là bản dịch, hơn nữa, lại là bản dịch ra văn xuôi, một bài thơ nguyên tác chữ Hán của Hồ Chí Minh (bài "Hỏi tội")! (tr. 72-75).*



HOÀNG NGUYÊN NHUẬN

Một tâm hồn mã thượng ham vui



Nếu thơ là một trò chơi vô cầu với ngôn từ và vần điệu, nếu lãng mạn là phóng khoáng tự do (1) hay xa rời những điều kiện và bận tâm sinh hoạt thường nhật (2) thì thơ nào mà chẳng là thơ lãng mạn. Thế đó mà giai đoạn phồn thịnh nhất của thơ mới Việt Nam - còn được gọi là thơ tiền chiến, lại đã vô tình bị đóng khung vào mấy chữ thơ lãng mạn hay thi ca lãng mạn. Những người bị đóng khung như thế là oan hay ưng thì chưa biết, nhưng người thợ khung làm chuyện ấy đầu tiên có lẽ là Hoài Thanh - Hoài Chân với quyển Thi Nhân Việt Nam (3) thu góp và bình giải một số bài thơ được coi là tiêu biểu của 43 thi tài nổi trội trong giai đoạn 1932 - 1945.

Quyển sổ bộ thi ca của Hoài Thanh - Hoài Chân cố tình loại bỏ một vài nhà thơ thành danh trong giai đoạn đó cũng như một vài khía cạnh khác khía cạnh lãng mạn của phong trào thi ca nầy. Vì lý do chính trị, đã hẳn. Những tư tưởng cấp tiến xã hội của Hàn Mặc Tử là một ví dụ. Tố Hữu chẳng hạn là một ví dụ khác. Còn Tố Hữu có lãng mạn không và có thuộc phong trào lãng mạn nầy không là chuyện khác. Với Hoài Thanh thì hình như là không. Vì Tố Hữu không có một chỗ đứng nào trong định nghĩa lãng mạn và thơ lãng mạn của Hoài Thanh cả. Thật vậy, về quan hệ của thi ca trong giai đoạn nầy với

những chuyển biến của lịch sử dân tộc thì Hoài Thanh cho rằng: ... *những câu thơ buồn nản hay thơ mộng vẩn vơ cũng đều là đồng minh của giặc. Giặc chỉ có thể xây dựng cơ đồ của chúng trên phần bạc nhược của con người. Chúng ta không dám làm người thì chúng nó mới có khả năng làm giặc (4).* Những lời đó được viết năm 1951. Có người sẽ giải thích Hoài Thanh là một đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam và lúc đó Đảng đang chuẩn bị tiến hành phong trào chính huấn để tóm gọn quyền lãnh đạo kháng chiến nên nhất nhất phải phản ánh đường lối nhân dân và đảng tính nên ông phải viết như thế? Thế nhưng tám năm sau, khi kháng chiến đã thành công, khi Đảng đã hoàn toàn thiết định quyền lãnh đạo trên toàn miền Bắc thì Hoài Thanh vẫn nói: Thơ lãng mạn tiểu tư sản có thể xem là một sức phá hoại, vừa phá hoại chế độ thực dân phong kiến vừa phá hoại nhiệt tình cách mạng. *Trong thơ lãng mạn tiểu tư sản vẫn có một thứ lòng tin mà bọn thống trị cũ có thể dựa vào, tức là lòng tin rằng cuộc đời là thế, không thể thay đổi được. Nhưng bọn thống trị cũ dựa vào lòng tin thì ít, vào võ lực thì nhiều. Trái lại lực lượng của cách mạng chủ yếu là ở lòng tin. Cho nên bọn thực dân dung dưỡng mà cách mạng lại phải tiến hành đấu tranh với thơ lãng mạn tiểu tư sản (5).*

Như vậy, tâm cảm buồn nản hay thơ mộng vẩn vơ... *lãng mạn tiểu tư sản luôn luôn là phản động.* Thế nhưng, khi Cách Mạng Mùa Thu bùng nổ, hầu hết một thế hệ thi nhân lãng mạn thường chỉ biết / mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây/ (Xuân Diệu), hoặc tệ hơn nữa tự nhận mình chỉ là hạng /bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh/ (Vũ Hoàng Chương) đó bỗng nhất tề hiên ngang đứng lên đáp lời sông núi (Lưu hữu Phước - Tiếng Gọi Thanh Niên). Hoài Thanh không nhận rằng tình cảm lãng mạn có thể là tiền đề của quyết định dấn thân chính trị.

Với các nhà mác-xít, đời nầy chỉ có một cách mạng chân chính - cách mạng vô sản và theo cách mạng hay đầu hàng giai cấp là một chuyện đương nhiên. Nhà cách mạng mác-xít đã lơ ngơ dẫm lên dấu chân của những nhà tu Âu châu thời Trung Cổ. Nếu những nhà tu đó không hiểu nổi tại sao con người không chịu tin Thượng Đế, không chịu vâng phục Giáo Hội thì nhà cách mạng mác-xít cũng không hiểu nổi tại sao con người không giác ngộ cách mạng xã hội chủ nghĩa, tại sao không đầu hàng vô sản chuyên chính. Cho nên, không theo đạo thì lên dàn hỏa để xuống hỏa ngục, không theo xã hội chủ nghĩa thì bị chỉnh lý, thì vào trại học tập hay đi vùng kinh tế mới. Các nhà cách mạng mác-xít lên án quan điểm độc tôn độc thiện đó là ma túy, nhưng khi họ có quyền rồi thì họ lại không bài trừ thứ ma túy đó mà trái lại,

họ chỉ lai tạo chất ma túy đó thành một thứ thuốc an thần mạnh hơn với những danh hiệu mới như nhân dân, đảng, giác ngộ chuyên chính vô sản, nợ máu, kết nạp, thanh trừng, thành thật khai báo, nhân dân khoan hồng, thiên đàng xã hội chủ nghĩa, hỏa ngục tư bản rừng rú... Thái độ độc tôn chính trị trái cựa đó đã gây ra một oan khiên lịch sử riêng đối với những nhà thơ lãng mạn, và nói chung cho những người yêu nước nhưng không yêu xã hội chủ nghĩa. Oan khiên vì phần đông họ đã đứng về phía nhân dân mà vẫn không được coi là giác ngộ, đã chống ngoại xâm mà vẫn không được coi là kháng chiến, đã sống chết cho độc lập tự do mà vẫn không được coi là cách mạng và cuối cùng họ bị quy kết vào hạng... Nhân Văn Giai Phẩm tuốt tuồn tuột. Trong khi ngay cả những người tự nghĩ mình là cách mạng mát-xít cũng thừa biết Nhân Văn Giai Phẩm không phải là một phong trào phản động, phản cách mạng. Phong trào nầy chỉ là một xác quyết rằng dân chủ không chỉ là dân chủ nhân dân, tự do không chỉ là tự do dưới chiếc dù chuyên chính vô sản, yêu nước không nhất thiết là phải yêu xã hội chủ nghĩa, và cách mạng không chỉ là cách mạng vô sản.

Lãng mạn - và lãng mạn chủ nghĩa, không phải là một cách đầu hàng nguyên trạng, một quyết tâm bám cứng status quo, hay nói như Hoài Thanh, một lòng tin rằng cuộc đời là thế, không thể thay đổi được. *Từ Điển Tiếng Việt của Hà Nội cũng gián tiếp bảo Hoài Thanh sai khi quyển thủ bản ngôn từ nầy định nghĩa lãng mạn là chủ trương vượt lên trên thực tế và dựa vào ý muốn chủ quan mà sáng tác.* Và nếu hiểu rằng lãng mạn cách mạng là khuynh hướng nghệ thuật tiến bộ tin tưởng vào cuộc sống tương lai tươi đẹp (6) thì ngay cả cách mạng vô sản của Hoài Thanh cũng chỉ là một thứ cách mạng lãng mạn. Tố Hữu đã kết luận bài thơ Lão Đầy Tớ viết hồi tháng 6.1938 bằng hai câu /Và há mồm khoan khoái / Lão ngồi mơ nước Nga/. Thiên đường của người lão bộc đó cũng chính là thiên đường của Tố Hữu. Trong bài thơ Hy Vọng tiếp theo hai tháng sau đó, Tố Hữu tâm sự rằng mỗi lần nghĩ đến Liên Xô là mỗi lần Tố Hữu thấy: /Không gian hồng như giấc mộng đê mê / Tim bồng bột hát những lời âu yếm.../ Cách mạng Mùa Thu dấy lên được mấy tháng, Tố Hữu mừng xuân 1946 với lòng tin Việt Nam đang cùng cả /Nhân loại vươn lên ánh mặt trời/ (7). Viễn tượng ấy, ước mơ ấy có phải là duy vật biện chứng không, và nếu không phải lãng mạn, nếu không phải là vượt lên trên thực tế và dựa vào ý muốn chủ quan mà sáng tác thì là gì?

Cách mạng có thể là một xung động tự phát, khởi từ một trực cảm hơn là từ kết luận của một tiến trình nhận thức khách quan biện chứng. Cách mạng thường là lãng mạn. Huy Cận mới hôm qua chỉ là /

Một chiếc hồn nho nhỏ / Mang mang thiên cổ sầu/ nhưng hôm nay đã đầy ắp nhiệt huyết thề phanh thây uống máu quân thù (Bài ca Diệt Phát-Xít). Hoài Thanh bảo rằng thực dân nuôi dưỡng tâm thức /mang mang thiên cổ sầu/ và cách mạng phải triệt hạ tâm thức đó. Lại một ý nghĩ ngông cuồng vớ vẩn nữa của vô sản chuyên chính. Bởi, cách mạng cũng là một cảm thức thiên cổ, một phản ứng của những người đồng điệu không thấy tài lợi danh là cứu cánh ở đời, không thấy thỏa hiệp với bất công và nhắm mắt trước những thua thiệt của những kẻ thất cơ lỡ vận là cách hợp lý để thủ đắc hay bảo vệ tài lợi danh. Một ý thức thiên cổ của những người muốn mình sống và cũng để cho người khác sống như mình. Cách mạng có thể chỉ là quyết tâm và hành động mã thượng của kẻ ham vui đang sẵn bất mãn với nguyên trạng buồn chán hay ngột ngạt đến độ /muốn đạp tiêu phòng mà ra/ (Nguyễn Gia Thiều). Phong thái lãng mạn cách mạng vô cầu của thanh niên nam nữ thường là hiểm họa vô hình độc hại cho những thế lực đương quyền không được lòng họ. Đó là tâm thức của thanh niên sinh viên học sinh ở Hungary 1956, ở Việt Nam trong phong trào xuống đường của Phật giáo 1963-1966, ở Mỹ trong phong trào chống chiến tranh Việt Nam từ 1964, ở Czechoslovakia trong Mùa Xuân Prague 1965, ở Trung Hoa trong cuộc Đại Cách Mạng Văn Hóa 1966, ở Paris và các thành phố khác của Âu châu 1968, ở Poland trong phong trào công đoàn Đoàn Kết 1980... Họ nhập cuộc không băn khoăn đắn đo, không dài dòng biện luận, không toan tính khuynh loát thao túng để độc chiếm quyền lãnh đạo phong trào. Họ dấn thân như Don Quixote, nhởn nhơ như bướm, chơn chất như hoa, kiên trì như ong kiến, và như nhất tựa những quân tử Tàu chân chính. Sức mạnh của họ là hương thơm và sắc màu, flower power. Nguồn hứng khởi của họ là yêu thương. Cái dấu hiệu peace now với hình ảnh ba khẩu súng kê vào nhau trong thế thao diễn nghỉ của họ cũng chính là lời mời gọi make love not war qua hình ảnh của hai người đang giao hoan trong thế thừa sai cố hữu.

Thi ca lãng mạn chính là cách nói không, cách lắc đầu với hiện tại, nhân danh một tương lai tốt đẹp cận kề hay xa vời. Một phản ứng huyền nhiệm. Từ tâm cảm /Hôm nay trời nhẹ lên cao / Tôi buồn, không biết vì sao tôi buồn.../ của Xuân Diệu đến phản ứng thịnh nộ của Nam Trân /Đừng kể nữa những mảnh tình tan tác / Hãy đứng lên, Nhạc sĩ, với tôi, đi!/ là khoảng cách ngắn ngủi của quyết định chớp nhoáng /Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối / Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm/ (Xuân Diệu) không phải trong vòng tay ngà ngọc hay trong đôi mắt giai nhân nhưng là trong những cuộc biểu tình trên đường phố, bên chiến hào hay trong lao ngục...

Giọng thơ Huy Cận là giọng trang trọng của một người biết mình đang đứng ở đâu và đang nói gì:

Chiều nay đây nửa thế kỷ hai mươi,
Viết dăm câu tôi gửi lại vài người.
Những thế hệ mai sau, làm bè bạn...
(Mai Sau)

Nửa thế kỷ 20? Huy Cận có hơi vội vàng trong dòng thời gian không, vì nửa thế kỷ 20 ít ra cũng bắt đầu một thập kỷ sau khi Lửa Thiêng (8) chào đời? Tựa của Xuân Diệu viết cho Lửa Thiêng tháng 6. 1940, và sách xuất bản cùng năm đó. *Thi Nhân Việt Nam xuất bản năm 1941. Lửa Thiêng đi trước Cách Mạng Mùa Thu năm năm.* Nhưng bóng dáng cách mạng thì đã lởn vởn trong không gian ít nữa là vào năm Huy Cận hoàn thành Lửa Thiêng. Quả vậy, tháng 4. 1940, Đức tung quân chiếm Na Uy rồi Đan Mạch, đến tháng sau thì nền tự chủ của Hòa Lan và Bỉ cũng đổ nhào theo. Ba trăm ngàn liên quân của Liên Hiệp Anh bị đánh lọt xuống biển ở Dunkerque. Đến tháng 6 thì Paris thất thủ. Chính quyền thực dân Pháp ở Việt Nam bắt đầu nao núng nhưng vẫn còn thoi thóp nhờ Pétain nhảy ra làm Lê Chiêu Thống hợp tác với Đức để tạm thời bảo vệ Đông Dương không lọt vào tay Nhật. Nhưng cũng chẳng được bao lâu vì tháng 9 năm đó, quân Nhật từ Quảng Tây tấn công vào Lạng Sơn... và năm sau thì chiến tranh Thái Bình Dương thực sự bắt đầu. Một số người Việt bắt đầu nghĩ đến một ngày mai không còn gông cùm ngoại thuộc. Không biết khi Huy Cận có nghĩ như vậy không, khi chủ trương phải /Rắn rỏi chút với vài ba dự định/ và thúc dục;

Nếu mai mốt theo ngõ lầy quá khứ,
Nỗi nhác lười sẽ mục hết thanh niên.
Và nhất là đừng cúi mặt đi bên;
Chớ buông thả hết cả lòng kiêu hãnh.
Hãy tỉnh lòng ơi, ê chề hãy tỉnh!
Tìm Sớm Mai mà xin một nụ cười!
(Vỗ Về)

Huy Cận cũng như bao nhiêu thi nhân lãng mạn khác không hề chờ ai đến để khai tâm cách mạng. Con đường đưa Huy Cận đến với cách mạng là một chút hy vọng vào tương lai và những thất vọng với hiện thực, ngay cả hiện thực tín ngưỡng do tầng lớp thống trị xiển dương như Thượng Đế, thiên đàng, hỏa ngục.

Trong làng thơ mới, Huy Cận có lẽ là người đã tỏ bày những phản kháng siêu hình thẳng thừng và cuồng nộ nhất. Hai bài thơ Trình Bày và bài Thân Thể là những ví dụ cụ thể.

Huy Cận không nhân danh những suy niệm phiêu lưu duy lý của triết học, những bế tắc vớ vẩn của thần học, những thất bại hay sa đọa của tôn giáo, những kinh nghiệm đau thương vô thường của lịch sử... để phủ nhận thực hữu của một Thượng Đế toàn năng toàn thiện. Huy Cận chỉ chối bỏ Thượng Đế vì chuyện tình yêu. Thượng Đế là hiện thân của tình yêu, Thượng Đế tạo ra người vì yêu người và để cho người yêu. Huy Cận tin như thế và thực hành đúng như thế, trăm phần trăm:

Hồn lưu lạc chưa hề thờ một chúa,
Yêu một người: ta dâng cả tình thương.

(Bi Ca)

Huy Cận yêu chết bỏ, có gì cho hết không so đo tính toán vì nghĩ rằng tình yêu có thật trong tầm tay với:

Đôi lứa thần tiên suốt một ngày.
Em ban hạnh phúc chứa đầy tay.

(Áo Trắng)

Yêu nhau tình dễ vậy
Cuộc đời khó khăn đâu!

(Khung Tình)

Đến khi thấy rõ cái dễ dàng đó có khi cũng chỉ là dễ dàng tưởng tượng thì đã muộn:

Nhớ em ngồi biên nhảm.
Ôi tình yêu vẽ vời!

(Khung Tình)

Hăm hở trăm phần trăm lại chỉ gặt hái thất bại trăm phần trăm:

Tuổi non dại lòng tôi say mến bạn,
Khi thanh xuân tôi mỏi chạy theo tình.
Nhưng cô độc đã thầm ghi trên trán,
Lòng lạc loài ngay từ thuở sơ sinh.

(Trình Bày)

Vì ta đợi cho nên người chẳng đến
Người xa ta, xa từ buổi sơ sinh

(Bi Ca)

Chàng yêu lắm nên bị người hắt hủi,
Chàng yêu lâu nên thiên hạ lìa xa

(Mai Sau)

Có lúc xa người bởi quá yêu,
Than ôi! Sông núi lại buồn nhiều.

(Tâm Sự)

Thân thể hữu hạn không thể yêu thương vô hạn:

Hàng cây mở ngọn kêu chim đến,
Hạnh phúc xem như chuyện đã đành.
(Bình Yên)
Đời nghèo thế không dành tôi chút lạ...
Đến ái ân cũng hết cả đợi chờ;
(Quanh Quẩn)

Huy Cận đem hết những thất vọng bất mãn của mình đổ cho Thượng Đế:

Đầu gối rã, tôi đứng chờ đã mệt;
Tôi trông mong hai mắt tối đen rồi,
Tôi đã khóc những đêm sầu đến chết
Thuở trần gian - xin Thượng Đế thương tôi.
(Trình Bày)

Tại sao tình yêu thất bại, tại sao loài cô độc? Hãy nghe Huy Cận cự nự:

Hỡi Thượng Đế!
Người nhìn xem, Người đã cho thân thể,
Bình thịt xương để đựng chứa linh hồn.
. . . . .
Nếu Chúa biết bao nhiêu hồn ly tán
Vì đã nâng bình lửa áp lên môi:
Thì hẳn Chúa cũng thẹn thùng hối hận,
Đã sinh ra thân thể của con người.
(ThânThể)

Bài Thân Thể là một cáo trạng của tình yêu hữu hạn. Đọc bài thơ nầy người ta không khỏi có cảm tưởng như đang nghe một Thiền Sư kể lại kinh nghiệm quán niệm về giả hợp tứ đại và ngũ uẩn của xác thân.

Huy Cận không cầu xin Thượng Đế ban cho mình một tình yêu đích thực hằng cửu, nhưng là cầu xin Thượng Đế hãy nhận lại cuộc đời đã ban cho mình. Thượng Đế đã cho, Thượng Đế hãy lấy lại đi:

Hỡi Thượng Đế! Tôi cúi đầu trả lại,
Linh hồn tôi đà một kiếp đi hoang.
Sầu đã chín, xin người thôi hãy hái!
Nhận tôi đi, dầu địa ngục, thiên đường.
(Trình Bày)

Huy Cận nhân danh tình yêu - hay đúng ra là nhân danh những thất bại của tình yêu, để phản kháng và phủ nhận Thượng Đế. Có người đi tu vì thất tình, lấy tình yêu Thượng Đế thế cho tình người.

Huy Cận thì không. Tuy nhiên, nếu Huy Cận mất tình và mất luôn Thượng Đế thì Xuân Diệu lại có tình mà cũng mất Thượng Đế:

Thây kệ thiên đường và địa ngục!
Không hề mặc cả, họ yêu nhau.

(Tình Trai)

Bởi vì - như Lưu Trọng Lư nói, hỏa ngục hay thiên đàng chỉ có trong tâm:

Nhờ em chỉ hộ cảnh thiên đường:
Ở tận miền âm hay cõi dương?
Hay ở trong lòng người thiếu nữ,
Một chiều nhuộm đỏ ráng yêu đương!

(Cảnh Thiên Đường)

Như vậy là, không có tình yêu hay có tình yêu thì đàng nào con người cũng không cần Thượng Đế hữu ngã ngoại tại. Đã không có Thượng Đế thì phần thưởng hay hình phạt tối hậu mà Thượng Đế có thể dành cho những kẻ trung thuận hay phản loạn là thiên đàng hay địa ngục cũng chẳng còn có nghĩa gì nữa:

Người thi sĩ đã nguyện cầu Thượng Đế
Một hai lần nhưng vốn nghiệp đi hoang
Thì chết rồi, chắc người vẫn lang thang
Như buổi sống, ở trong bầu trăng gió.
Ở địa ngục, hay thiên đường, không rõ...

(Mai Sau)

Năm 1941, khi biên soạn Thi Nhân Việt Nam, không biết Hoài Thanh đã tìm gặp giấc mơ Địa Đàng Hồng chưa, nên Hoài Thanh đã không dùng duy vật biện chứng để giải thích nỗi héo hon u hoài ngàn đời bất tuyệt có tính cách nhất thần của Huy Cận. Hoài Thanh - Hoài Chân chỉ nói rằng Huy Cận đã gọi dậy cái hồn buồn của Đông Á, đã khơi lại cái mạch sầu mấy nghìn năm vẫn ngấm ngầm trong cõi đất này... *Huy Cận luôn luôn đi về trên con đường thời gian vô tận... Tuy nhiên điềm đạm đến đâu người ta cũng không thể một mình đứng trước vô cùng. Người ta cần phải nương tựa vào một cái gì cho đỡ lẻ loi: một lòng tin, hay ít nữa một tình yêu theo nghĩa thông thường và chân chính của chữ yêu. Huy Cận có lẽ đã thiếu tình yêu, mà Thượng Đế của người lại chỉ là một cái bóng để gửi ít câu thơ thì được, để an ủi thì không (9).*

Nói thế khác, yêu là chạy trốn, là tìm quên nỗi u hoài, quên cái hồn buồn, cái mạch sầu rợn ngợp miên viễn. Như người ta giải sầu bằng rượu, thuốc lá, ma túy, bài bạc... Thượng Đế đã không giúp Huy Cận giải sầu cách đó. Thượng Đế không phải là câu hỏi - và giải đáp,

tối hậu cho một cuộc đời. Tin hay không tin Thượng Đế với tất cả cập lụy đạo đức, chính trị, xã hội của lòng tin đó cũng không phải là điều thiết yếu đối với hiện hữu mỗi người. Nhận định nầy của Hoài Thanh Hoài Chân hình như có hơi xa vời với thực tế Tây phương là nơi tín ngưỡng về Thượng Đế sáng tạo muôn loài đã ngự trị cả ngàn năm lẻ và đồng thời cũng là nơi mà Huy Cận đã thừa hưởng một vài hứng cảm siêu hình như đã thấy. Phong trào Phục Hưng, phong trào Thệ Phản hay cải cách tín ngưỡng, phong trào văn học nghệ thuật lãng mạn, phong trào cách mạng Pháp, cách mạng Nga không ít thì nhiều đều liên hệ đến lòng tin vào Thượng Đế và quyền lực của những người tự nhận là đại diện của Thượng Đế ở trần gian. Quyền lực thế tục phải được thần quyền hỗ trợ. Khi người dân không sợ thần quyền đó nữa thì cách mạng bùng nổ. Cách mạng bùng nổ vì người ta không còn thừa nhận tính cách chính đáng của sự đại diện đó, vì người dân đứng lên đòi chấm dứt cái thiên mạng đã được ủy thác cho một cá nhân hay một dòng họ. Cách mạng Âu châu, Nam Mỹ và Phi châu thường bùng nổ vì con người không sợ nhà tù và nhà thờ nữa .

Thời Huy Cận, quyền lực chính trị ở Việt Nam nằm trong tay hệ thống đô hộ Pháp với sự trợ lực mạng lưới thừa sai ngoại quốc và các giáo sĩ giáo dân bản xứ. Nền tảng thần học của hệ thống quyền lực nầy là Nhân quốc là một sự rập mẫu của Thiên quốc, Nhân quốc là hình tượng của một Thượng Đế hữu ngã nhập thể qua hệ thống thế quyền và giáo quyền đương hành. Chấp nhận Thượng Đế là chấp nhận người cai trị, vâng phục Thượng Đế là vâng phục quyền lực của nguyên trạng, được phân công một bên thế quyền lo phần xác và thần quyền lo phần hồn. Hình ảnh tiêu biểu của sự phân công đó là tam giác Tòa Đô Chánh - Nhà Thờ Đức Bà - Bót Catinat ở Sài Gòn trước đây. Trong gọng kềm quyền lực đó người dân chỉ còn một việc đáng làm đó là xin Thượng Đế ban phép lành cho Người (Bài ca Suy Tôn Ngô Tổng Thống). Hoài Thanh - Hoài Chân không thấy được cái quan hệ thiêng liêng đó cho nên đã không đánh giá đúng mức phản ứng khả hữu của Huy Cận núp sau những tình cảm tín ngưỡng lãng mạn về Thượng Đế.

Huy Cận phủ nhận Thượng Đế, phủ nhận thiên đàng, hỏa ngục. Sự phủ nhận đó đã tạo nên một lỗ hổng trong tâm tư Huy Cận, và cách mạng Mùa Thu đã lấp đầy lỗ hổng đó, chứ không phải duy vật biện chứng hay duy vật sử quan.

Các bài thơ Trình Bày, Thân Thể và Mai Sau của Huy Cận nếu được viết vào thời điểm bây giờ thì hẳn phải đổi thay phần nào. Bởi vì thiên đàng và hỏa ngục đã được đương kim Giáo Hoàng John Paul II

chính thức đóng cửa kể từ ngày 28.7.1999. Tin nầy đã được đài ABC ở Mỹ loan báo trong bản tin buổi tối cùng ngày. Ở Úc, tờ The Australian số cuối tuần ngày 14.8.1999 cũng có một bài của Linh Mục James Murray về chuyện đóng cửa thiên đàng hỏa ngục nầy nhan đề No Place Like Hell. Điều đáng nói là đương kim Giáo Hoàng lại là người đã phong thánh nhiều người được coi là có công với Giáo Hội hơn ai hết. Nếu thiên đàng đã đóng cửa thì Thượng Đế ở đâu và những vị Thánh đó hiện ở đâu? Nếu hỏa ngục đóng cửa thì Satan và đồng bạn ở đâu, những người bị Giáo Hội dứt phép thông công không được hưởng hồng ân cứu rỗi hiện ở đâu? Không thấy Giáo Hoàng nói rõ. Nhưng quỷ ma và Thượng Đế mất hộ khẩu thì chỉ còn một nơi nương tựa đó là lòng người. Con tim mỗi người là nơi thường trú của Thượng Đế và quỷ ma. Đạo không còn là con đường hướng ngoại nữa mà là một sự quay về. Đấng Ky-Tô cũng từng nói như vậy: Hãy tin lời ta đi, đã đến lúc các ngươi thờ lạy Cha ta chẳng phải trên núi nầy mà cũng chẳng phải trong thành Jerusalem... *những kẻ thờ phượng thật sẽ lấy tâm hồn và sự thật mà thờ phượng Cha ta (Giăng 24: 21-23).* Đấng Ky-Tô nói chuyện đó gần hai ngàn năm trước, những người theo Ngài thích hình tượng, giáo đường, thánh thất, lụa là vàng ngọc cao sang nên giả lờ không biết. Cũng nhờ vậy mà nhân loại mới có được một nền văn minh vật chất huy hoàng đồ sộ như hiện nay ở Tây phương. Cũng nhờ cảm hứng về nơi thường trú của Thượng Đế và quỷ ma. Thật vậy, bỏ qua những nhà thờ, vương cung thánh đường, các họa phẩm, điêu khắc, kho tàng thần học, kho tàng văn học, âm nhạc tôn giáo liên hệ đến thiên đàng, địa ngục, lửa luyện ngục, Thượng Đế, quỷ ma, thì văn minh văn hóa và văn học Tây phương hẳn sẽ lộ ra những lỗ hổng còn hơn là những black hole trên thiên hà?

Thiên đàng và địa ngục là một đề tài vô tận, một hứng khởi vô cùng của văn học, nghệ thuật. Huy Cận là một trong những người đó. Chỉ khác một điều là Huy Cận không giống với những người theo đạo chỉ vì ham lên thiên đàng hay niết bàn và bỏ đạo chỉ vì hết sợ sa địa ngục.

Thiên đàng của Huy Cận là một cuộc tình chân thực và địa ngục là những cuộc tình không trọn vẹn. Lòng ham muốn đó cũng như nỗi lo sợ đó là hiện thực hay chỉ là viễn vông? Chính Huy Cận hình như cũng không trả lời được câu hỏi ấy khi nghĩ rằng trong cuộc tình cũng như trong canh bạc hiện hữu, năm ăn năm thua là nhất rồi:

Ván bài đời may lắm chỉ ù suông.

(Quanh Quẩn)

Nhưng giả dụ thắng bại là điều có thực thì thắng được gì và

thua được gì đây, trong tình yêu cũng như trong cuộc sống? Huy Cận trả lời câu hỏi ấy thế nào trước và sau khi theo cách mạng? Đó là chuyện khác nữa...

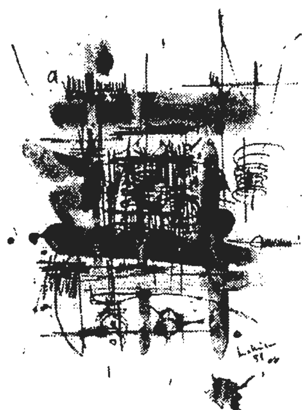
Phong Trang, Tiết Xuân Phân 1999.
HOÀNG NGUYÊN NHUẬN

GHI CHÚ
1. *Việt Nam Tự Điển - Lê văn Đức - Lê ngọc Trụ, tr.* 772
2. *The Hutchinson Encyclopedia, tr.* 712
3. Hoài Thanh - Hoài Chân - *Thi Nhân Việt Nam,* Văn Học, Hà Nội 1992
4. Hoài Thanh - Hoài Chân - sđd tr. 353.
5. Hoài Thanh - Hoài Chân - sđd tr. 353.
6. *Từ Điển Tiếng Việt - Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1977,tr.* 456.
7. Tố Hữu - *Thơ,* Giáo Dục, Hà Nội 1994.
8. Huy Cận - *Lửa Thiêng,* Hoa Tiên tái bản, Sài Gòn 1967
9. Hoài Thanh - Hoài Chân - sđd tr. 127-128.



TRẦN ĐỘ

Mấy giòng ghi chép (số 1,2,3,4)



Để tặng người nghiên cứu tình hình đổi mới văn học Việt Nam.

–

Đây chưa phải là một bài viết mà chỉ là những ghi nhớ lại những ý tưởng nảy sinh ra trong đầu. Nó lộn xộn và trùng lập

.

MẤY GIÒNG GHI CHÉP SỐ 1

Muốn tìm hiểu vì sao những năm 1988- 1989 đến về sau đó nữa, sự cởi mở về văn nghệ ở Việt Nam bị chựng lại và tình hình lại quay trở lại như trước 1986, có khi còn xấu hơn, dở hơn. Thì phải xem qua lại.

1. Cái mốc 1943- 1945, có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Văn nghệ Việt Nam từ chỗ vô thưởng vô phạt, có phần nào giúp ích cho sự thống trị của thực dân Pháp, đến chỗ có phương hướng có mục tiêu hoạt động, Văn nghệ gắn chặt với đời sống nhân dân với cuộc đấu tranh Cách mạng giành độc lập có nhiều thành tích và giá trị. Sự chuyển hướng này có hai mặt và hai ý nghĩa, hai kết quả. Một mặt Văn

nghệ phát huy vai trò và sức mạnh của mình trong đấu tranh Cách mạng, trong chiến đấu dành độc lập tự do. Văn nghệ vốn có lòng yêu nước, được tinh thần cách mạng đấu tranh yêu nước thổi vào. Cảm hứng nghệ thuật được thổi bùng lên và khuyến khích, văn nghệ sĩ đi vào cuộc kháng chiến với hào hứng lớn. Do đó Văn nghệ có sức sống có hào hứng lớn và sáng tạo nhiều giá trị. Văn nghệ sĩ cảm thấy được giải phóng, phấn khởi và hăng hái đi vào cuộc chiến đấu, đi vào sáng tác vì sự nghiệp Cách mạng. Văn nghệ trở nên vũ khí của Cách mạng, một vũ khí to lớn và lợi hại. Đó là mặt đẹp. Nhưng mặt khác là từ thực tiễn vừa nói, hình thành và hoàn chỉnh dần "Lý luận Văn nghệ Cách mạng". Lý luận này lấy nguyên lý duy vật lịch sử và duy biện chứng làm cơ sở phát triển (xem Trường Chinh) và lý luận văn nghệ cách mạng đưa ra hàng loạt các tính cho văn nghệ: Trước hết là tính hiện thực, tính giáo dục, rồi đến tính nhân dân, tính chiến đấu và cao hơn cả là tính giai cấp và tính Đảng. Tính Đảng yêu cầu Văn nghệ phải có tính giai cấp, phải tập trung toàn bộ vào phục vụ nhiệm vụ Cách mạng, cái gì chệch ra khỏi phương hướng đó đều có thể bị lên án. Đồng thời hình thành nên nguyên tắc Văn nghệ phục vụ chính trị rất cứng nhắc và ngày càng tuyệt đối. Thế là quan điểm Văn nghệ vũ khí, Văn nghệ công cụ hình thành và hoàn thiện ngày càng sâu, càng rõ.

2. Sau 1975 thì quan điểm đó vẫn ngự trị. Nhưng sau 75 cuộc sống hoà bình thống nhất là cuộc sống bình thường của mọi con người. Văn nghệ với bản chất của nó là gắn với cuộc sống bình thường của mọi người. Vì vậy với cuộc sống mới. Văn nghệ có những yêu cầu mới trong phát triển của mình, mà những yêu cầu ấy lại bị hạn chế với các yêu cầu "tính" hạn chế.

Sau 1986, Văn nghệ được cởi mở nhưng sự cởi mở ấy diễn ra trong bối cảnh mà ba lực lượng xã hội sau đây vẫn bị chi phối nặng bởi những thành tích của Văn nghệ Cách mạng.

- Lực lượng lãnh đạo (các bộ máy quản lý xã hội)
- Lực lượng văn nghệ sĩ
- Lực lượng nhân dân trong xã hội

Cả ba lực lượng này về nhận thức vẫn bị ảnh hưởng nặng của quan điểm văn nghệ vũ khí, công cụ, các văn nghệ sĩ thì:

- Có bộ phận thấy rõ yêu cầu đổi mới, nhận thức sâu sắc tính chất và chức năng xã hội của văn nghệ, có yêu cầu sâu sắc và quyết tâm cao đòi hỏi đổi mới.

- Có bộ phận vừa thấy yêu cầu đổi mới, bản thân cũng có yêu cầu đổi mới, nhưng ảnh hưởng của lý luận văn nghệ cách mạng còn khá nặng. Cuộc sống lại có những sự chi phối, nếu tích cực và hoàn

toàn đổi mới thì có tác động xấu đến đời sống và sự thăng tiến. Bộ phận này đông hơn bộ phận trước.

- Có bộ phận thì tin tưởng tuyệt đối vào lý luận Văn nghệ cách mạng, cho nó là chân lý tuyệt đối. Trong số này có người tin một cách thành thực, cũng có người giả vờ tin thôi. Nhưng bộ phận này khá đông và không có yêu cầu đổi mới.

3. Trong lãnh đạo, không có yêu cầu đổi mới.

Trong nhân dân cũng có nhiều nhận thức khác nhau và gần giống như trong văn nghệ sĩ. Vì vậy đổi mới diễn ra trong bối cảnh là lực lượng thực sự đổi mới còn quá ít, quá thiểu số và non yếu. Cho nên chỉ bùng lên một thời gian ngắn rồi bị lùi dần.

4. Sự đổi mới văn nghệ sĩ ở Việt Nam không thể phát triển được, thì nguyên nhân cơ bản và bao trùm của nó là ý thức hệ. Biểu hiện ý thức hệ khác nhau là tập trung ở quan điểm văn nghệ.

Có quan điểm văn nghệ là công cụ là vũ khí.

Có quan điểm văn nghệ là tiếng nói, tiếng nói của sự thật, của lương tri, của chân thiện mỹ, hai quan điểm này khó chấp nhận nhau và cứ muốn loại trừ nhau.

MẤY GIÒNG GHI CHÉP SỐ 2

Suốt mấy chục năm "lý luận văn nghệ cách mạng" nảy sinh, phát triển và được nâng cao, ngày càng hoàn chỉnh, điều đó cũng có hai mặt.

Một mặt nó giúp cho văn nghệ và văn nghệ sĩ ngày càng đi sâu vào thực tiễn cách mạng sôi nổi và quyết liệt. Đó là thực tiễn của cuộc sống chiến đấu và lao động, thực tiễn của chủ nghĩa anh hùng, của lòng căm thù và tinh thần yêu nước sâu sắc. Sự "dấn thân" của văn nghệ đã làm nảy sinh các nhà văn nhà thơ, các nhạc sĩ, các họa sĩ, và các giá trị nghệ thuật. Thời kỳ này, rất nhiều người quen biết với những tên tuổi:

Nguyên Ngọc, Nguyễn Thi, Anh Đức, Phan Tứ, Trần Hiến Minh (Nguyễn Văn Bổng), Nguyễn Quang Sáng. Những Thu Bồn, Dương Hương Ly, Lê Anh Xuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Phạm Tiến Duật, Giang Nam, Hoài Vũ.v..v..những Hoàng Hiệp, Nguyễn Văn Tý, Lưu Hữu Phước, Hoàng Việt, Xuân Hồng.v..v..

Với những tiểu thuyết, bài thơ, bài hát... Còn những họa sĩ làm lên ở chiến trường với hàng vạn ký họa nóng hổi, có những tên quen biết như Huỳnh Phương Đông, Lê Lam, Lê Duy Ứng.v..v..

Lý luận văn nghệ cách mạng đã kích thích, sinh ra và khuyến khích cả một thời sôi động, bừng nở đẹp đẽ của một nền văn nghệ phong phú đẹp đẽ, nhiều giá trị có tầm cao nghệ thuật, đó cũng là một sự thật hào hùng, một mặt tốt đẹp của cả thời kỳ kháng chiến mấy chục năm của đất nước. Nhưng đồng thời, một mặt khác trong đời sống, cũng hình thành những tư duy, những khuôn khổ, nguyên lý tồn tại và phát triển một cách thô thiển và cứng nhắc, ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển văn nghệ. Những tư duy có tác dụng chỉ đạo này thường xoay quanh mấy vấn đề lớn, và luôn gặp những phản ứng nhỏ nhẹ hoặc mạnh mẽ khác nhau, đó là:

a.) Chung quanh vấn đề chức năng (xã hội) của văn nghệ:

Có những tư duy nhấn mạnh và tuyệt đối hóa chức năng "vũ khí cách mạng", "công cụ đấu tranh", chức năng giáo dục, tuyên truyền và coi đó là chân lý tuyệt đối về bản chất nghệ thuật. Tư duy này được những lời nói của Hồ Chủ Tịch hổ trợ và bảo đảm:

- Văn nghệ là mặt trận, văn nghệ sẽ là chiến sĩ trên mặt trận đó.
- Văn học, viết để làm gì, viết cho ai, làm cho mọi người không dám đi sâu hơn vào bản chất nghệ thuật, vào chức năng giải trí chức năng dự báo của văn nghệ không dám đi sâu vào tâm linh, huyền ảo của nghệ thuật.

b.) Chung quanh vấn đề "phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa". Có những cách giải thích phương pháp này một cách thô thiển như phải phản ánh, mô tả hiện thực cho nó có bản chất tốt đẹp xã hội Chủ nghĩa của nó, chứ không thể chỉ chú ý đến các hiện tượng phức tạp như nó hiện ra hàng ngày. Cách giải thích này yêu cầu các văn nghệ sĩ tha hồ bóp nặn sự thực sao cho nó bộc lộ được hết "bản chất tốt đẹp xã hội chủ nghĩa", dự đoán một cách rộng rãi triển vọng phát triển tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội, những kết cục tốt đẹp, có hậu của mọi hiện tượng cuộc sống. Ai làm trái thế là chống lại quan điểm hiện thực xã hội chủ nghĩa, kiểu cách tư duy đó cứ phát triển một cách thô thiển, đơn giản là thô bạo.

c.) Từ đó thì vấn đề nổi cộm lên, và chi phối nhiều mặt nữa là vấn đề "quan hệ giữa văn nghệ và chính trị", và nguyên lý được đề cao là văn nghệ phục vụ chính trị (có liên quan đến vai trò chức năng của văn nghệ), và văn nghệ phải phục tùng chính trị. Từ đó sự hiểu biết thô thiển và thô bạo dẫn tới sự hiểu biết là văn nghệ phải phục tùng các nhiệm vụ chính trị (chỉ có nhiệm vụ phổ biến quán triệt

nhiệm vụ chính trị), phải phục tùng các cơ quan chính trị (các cơ quan của Đảng, nhà nước) phải phục tùng các cán bộ chính trị. Những nhận thức thô thiển này có lúc bị Ô. Trường Chinh phê phán, nhưng nhiều nhà lý luận lại muốn lý luận hóa nguyên lý phục tùng ấy cho nó đầy vị màu mác xít.

d.) Thêm vào đó chung quanh vấn đề các tính của văn nghệ cũng sôi nổi và phức tạp. Những tính được đề cao và có lúc đến mức được tôn sùng một cách thiêng liêng là Tính Đảng, tính giai cấp, tính nhân dân.

Các tính này thường được coi như những tiêu chuẩn được đối chiếu khi đánh giá một tác phẩm, một hiện tượng nghệ thuật. Và do đó không có sự chấp nhận hoặc dung tha cho bất cứ khuynh hướng và trường phái nghệ thuật nào đi ra ngoài các "tính" đã được quy định.

Sự thực các vấn đề của lý luận văn nghệ cách mạng đã giúp các văn nghệ sĩ nâng cao niềm tin và ý chí cách mạng, hăng hái đi vào cuộc sống chiến đấu, đi ra tiền tuyến, chịu đựng nhiều gian khổ và hy sinh. Nó càng cho các văn nghệ hào hứng sáng tác ra những tiểu thuyết đầy sức sống, những bài thơ, bài nhạc lay động lòng người đến tận sau này.

Tuy nhiên, mặt khác những vấn đề của lý luận văn nghệ cách mạng cũng đề ra nhiều khuôn khổ khe khắt, nhiều yêu cầu chặt chẽ đối với văn nghệ. Thế rồi sự phê bình cũng được tiến hành một cách khe khắt, máy móc thường là đem tác phẩm đối chiếu với yêu cầu của các tính, đối chiếu với các nguyên tắc của phương pháp sáng tác hiện thực Xã hội chủ nghĩa. Sự đối chiếu này thường hay dẫn tới sự quy chụp nặng nề như: "thiếu tính Đảng" "chống lại phương pháp hiện thực XHCN". Những sự vi phạm ấy lại được qui lên là "lợi cho kẻ thù" "hại cho cách mạng" và "chống lại nhân dân".v..v..

Hệ quả của lối tư duy thô bạo và thô thiển ấy là gây nên môt không khí qui chụp ngột ngạt làm cùn mòn tư duy lý luận khoa học, hạn chế mọi sự tìm tòi sáng tạo của lý luận cũng như của mọi sáng tác. Do đó, chính những nguyên lý của lý luận văn nghệ cách mạng vừa là động cơ tốt đẹp thúc đẩy những giá trị nghệ thuật ra đời, tạo nên sự phát triển của văn nghệ, đồng thời nó lại vừa là những khuôn khổ cứng nhắc khuôn chặt các sự sáng tạo, làm cho văn nghệ kém phong phú kém đa dạng và bị hạn chế trong sự tìm tòi sáng tạo.

Sau 1975, thì những sự khuôn khổ cứng nhắc, những sự quy chụp quá rộng rãi đã trở thành sự ngột ngạt trở ngại cho không khí sáng tạo, và là một nguyên nhân quan trọng của sự nảy sinh yêu cầu đổi mới, thúc đẩy đổi mới. Và về sau cũng chính nó là nguyên nhân

quan trọng của sự hạn chế đổi mới, làm cho đổi mới bị chựng lại và bị quay lại.

ĐÔI GIÒNG GHI CHÉP SỐ 3

Như trên đã nói từ năm 1945 đến 1975, các vấn đề lý luận văn nghệ cách mạng đã có tác động to lớn, tích cực đến tình hình văn nghệ và các văn nghệ sĩ. Nhưng đồng thời nó cũng ẩn chứa những khía cạnh tác động không hay đối với văn nghệ. Đó là vì:

Lý luận văn nghệ cách mạng phát triển nhiều mặt lýlẽ đều dựa vào nguyên lý học thuyết duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, lý thuyết phản ánh.v..v..của chủ nghĩa Mác Lênin, các vấn đề của lý luận văn nghệ cách mạng rút cục đều xoay quanh vấn đề cơ bản là vai trò vị trí của văn nghệ trong đời sống xã hội và chức năng nhiệm vụ của văn nghệ. Đó là hai vấn đề nhưng rút cục nó chỉ là một. Lý luận văn nghệ cách mạng từ lý thuyết đến thực tiễn, về nhiều mặt đều chứng minh rằng: Văn nghệ là vũ khí, là công cụ của cách mạng phải làm nhiệm vụ phục vụ cho các nhiệm vụ cách mạng, phục vụ cho yêu cầu chính trị, nhiệm vụ chính trị, phải phục tùng về mọi mặt chính trị, lý luận VNCM, yêu cầu văn nghệ phải tuyệt đối phục tùng những nguyên lý đó. Ai và chỗ nào nói ngược lại thậm chí nói sai lệch đi, nhạt nhẽo đi một ít, thì đều bị phê phán và quy chụp, là chống đối là phản lại. Cách quy chụp ấy đã tạo nên một tâm lý sợ hãi nặng nề trong văn nghệ sĩ, đồng thời tạo nên một tâm lý thụ động, một tâm lý cơ hội. Tình hình đó khách quan mà nói, làm thui chột mọi tính tích cực sáng tạo, chỉ tạo nên một thứ văn nghệ một màu một chiều, tạo nên nhiều sản phẩm văn nghệ sơ lược minh họa. Chính đó là những yếu tố làm xuất hiện những yêu cầu tha thiết đổi mới (xem kỹ đoạn mô tả cuộc gặp gỡ Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh với văn nghệ sĩ, và các ý kiến của văn nghệ sĩ phát biểu trong cuộc gặp gỡ này). Như đã nói (ở số 2) tình hình nhận thức và tâm lý trong văn nghệ sĩ cũng như trong xã hội, đều có 3 loại:

Loại A: Gồm những người nhận rõ sự o ép gò bó của lý luận VNCM đối với văn nghệ rất nặng nề, và xuất hiện nhu cầu đổi mới một cách bức xúc, thông thường ở người có thực tài, và mong muốn thực sôi nổi sự tự do trong sáng tạo

Loại B: Gồm những người tuy có biết đến những sự o ép gò bó, nhưng lại cũng thấy vẫn sống được, thậm chí sống dễ chịu hơn.

Những người này tự nhận mình là "gà công nghiệp" nghĩa là được nuôi dưỡng và sống dễ dàng với chế độ nuôi dưỡng bao cấp, không cần phải cố gắng bươn chải để sáng tạo và kiếm sống, dễ dàng với sự bao cấp gò bó, phần nào loại này cũng gồm những người bất tài, sống dựa vào sự bao cấp thì vẫn dấu được cái bất tài và vẫn đóng được vai trò tài năng tuy là tài năng dỏm.

Loại C: Gồm những người thành thật tin rằng lý luận VNCM là chân lý tuyệt đối, sau cùng, tuyệt đối đúng đắn, và cứ với những lý luận đó văn nghệ vẫn phát triển được vẫn sống được và có nhiều giá trị nghệ thuật cao được. Những người này không có nhu cầu đổi mới và lại có ác cảm với đổi mới. Trong số này cũng gồm có những người thấy rõ cần thiết đổi mới nhưng vì nhu cầu tồn tại và năng tiến, nên dẹp luôn nhu cầu đổi mới, và trở nên những người hăng hái bảo vệ các lý luận VNCM. Mấy nét tình hình này góp phần quan trọng giải thích:

- Vì sao khi có những ý kiến đòi hỏi đổi mới tương đối mạnh thì sự hưởng ứng đổi mới cũng khá mạnh?
- Và khi ngọn gió đổi mới ngưng lại và có chiều muốn đổi hướng thì sự đổi hướng cũng nổi lên khá mạnh mẽ và lôi cuốn nhiều người.

Những yếu tố thúc đẩy sự đổi mới thì đồng thời cũng là những yếu tố ngăn trở không cho đổi mới tiếp tục phát triển mạnh.

Trào lưu đổi mới phát triển được khá mạnh trong năm 1987, bị chựng lại ở năm 1988 và bị gạt bỏ hoàn toàn trong những năm sau đó, là 1989 trở đi. Cho đến trong những năm 90 thì tình hình quay trở lại y như trước và có mặt còn nặng nề hơn. Tình hình phát triển văn nghệ biểu hiện thành một bức tranh rất buồn thảm, sự hào hứng trong sáng tạo hầu như bị triệt tiêu. Người ta không trở lại các luận điểm cũ. Người ta vẫn tiếp tục nói đổi mới và người ta cho rằng "đổi mới đã có lúc lệch lạc". Bây giờ uốn nắn lại cho đổi mới tốt hơn. Đó là người ta muốn nói đỏ để làm xanh và khuynh hướng của lãnh đạo là khuyến khích kiểu này.

Văn nghệ đổi mới bị chựng lại ở 1988 có một yếu tố rất quan trọng, đó là yếu tố nhân sự và nhân sự đó là Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh. Trong Đại hội ĐCS VN lần 6 (1986) Ông Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng bí thư. Sau Đại hội, ông Linh có những biểu hiện tích cực trong việc phát huy tinh thần đổi mới của Đại hội VI. Trong những biểu hiện đó, biểu hiện thứ nhất là ông tích cực khuyến khích Ban Văn hóa Văn nghệ của Đảng chuẩn bị một nghị quyết của Đảng về văn hóa văn nghệ, ông chủ trì một cuộc gặp gỡ hơn 100 văn nghệ sĩ,

trong cuộc gặp đó, ông bình tĩnh lắng nghe rất nhiều ý kiến chân thành và tâm huyết của văn nghệ sĩ nhiều thế hệ và ông đã có một bài phát biểu khá hay, trong đó, ông tỏ ra thấu rõ nguyện vọng yêu cầu của văn nghệ. Ông tỏ ra khuyến khích văn nghệ sĩ nhìn thẳng vào sự thật, không uốn cong ngòi bút, và ông thấy có sự cần thiết "cởi trói" cho văn nghệ. Bài phát biểu của ông có một tiếng vang lớn và được hoan nghênh nhiệt liệt. Trước đó, đã có bài báo "Đọc lời ai điếu cho một thời kỳ văn học minh họa" của Nguyễn Minh Châu và bài ký sự nảy lửa "cái đêm hôm ấy đêm gì?" của Phùng Gia Lộc. Biểu hiện thứ hai của ông Linh là ông viết một loạt bài báo "những việc cần làm ngay" ký tên N.V.L. mà có người dịch ra là Nguyễn Văn Linh. Nói và làm.v..v... Những bài báo đó cũng được sự hưởng ứng tích cực và sự hoan nghênh rộng rãi.

Đồng thời trong lúc ấy ông cũng vấp phải nhiều tác động từ nhiều phía trong đó có hai phía đáng chú ý:

- Một phía là những ý kiến bảo thủ không muốn đổi mới, những ý kiến này tỏ ra không tán thành và phản đối "Những việc cần làm ngay" những ý kiến này cho là ông Linh gây rối, ông Linh mỵ dân, ông Linh quá đà.
- Phía khác là những ý kiến cơ hội chủ nghĩa nặng nề khích rằng có những người chê ông Linh thiếu hiểu biết, chê ông Linh bảo thủ.

Vì vậy những bài "Việc cần làm ngay" tắt lịm dần.

Ông Linh quan tâm nhiều đến những ý kiến cho rằng văn nghệ đổi mới nhiều lệch lạc, quá đà, vì ông Linh ở nhiều nơi và nhận xét một số tác phẩm quá cụ thể và quá khe khắt.

Nhiều ý kiến cơ hội nhân dịp ấy khuếch trương các thứ ý kiến không đúng của ông Linh, đẩy cao xu hướng phê phán đổi mới muốn kéo văn nghệ trở về quỹ đạo cũ. Tình hình này được biểu hiện rõ nhất trong các cuộc tranh luận ở nội bộ ban chấp hành hội nhà văn.

MẤY GIÒNG GHI CHÉP SỐ 4

Vấn đề đổi mới và không đổi mới của văn nghệ, rút cục đều xoay quanh điểm cơ bản này.

- Chung quanh vấn đề về vai trò và chức năng của văn nghệ trong xã hội.

Trong chiến tranh, văn nghệ đã thực hiện vai trò và chức năng của mình một cách tốt đẹp: Vai trò và chức năng đó là vũ khí (tư tưởng) của cách mạng. Trong khi làm vai trò và chức năng "vũ khí cách mạng" (là điều cũng có lý và cần thiết) thì lý luận đó cũng có một mặt khác không hoàn toàn thuận lợi cho văn nghệ. Do phải là vũ khí cách mạng, cho nên cách mạng có nhiều đòi hỏi, nhiều yêu cầu và nhiều khuôn khổ hạn chế. Đáng chú ý nhất là yêu cầu:

1.) Phải phục vụ và phục tùng lợi ích cách mạng: Do đó, có mối quan hệ với chính trị, là phục vụ và phục tùng chính trị. Mối quan hệ này cứ được thô thiển hóa và tuyệt đối hóa dẫn đến làm cho văn nghệ vừa thô thiển, vừa ngột ngạt. Yêu cầu nói trên không chịu thừa nhận văn nghệ là một lĩnh vực sinh hoạt tinh thần bình đẳng với các lĩnh vực tinh thần khác của xã hội, như chính trị, tôn giáo, khoa học, pháp luật, giáo dục...

Chính vì thế điểm này được chấp nhận, thậm chí hoan nghênh trong chiến tranh và đấu tranh cách mạng thì bỗng trở thành o ép, ngột ngạt khi có hoàn cảnh hòa bình.

Chuyện xảy ra 1956, có vụ Nhân văn giai phẩm. Và cũng xảy ra năm 1986- 1987 nhưng lần sau này, nhờ có đại hội VI của Đảng cộng sản, nên sự bức xúc của văn nghệ được công khai bộc lộ, nhiều tác phẩm lẻ tẻ xuất hiện cho đến nghị quyết Bộ chính trị số 05 thì việc giải tỏa (cởi trói) cho văn nghệ chính thức được Đảng Cộng Sản công nhận và có nghị quyết 05. Nghị quyết này khẳng định văn nghệ là "nhu cầu thiết yếu của nhân dân" và là "tiếng nói của sự thật, của lương tri và của nhân dân". Nghị quyết không hề bác bỏ vai trò vũ khí cách mạng của văn nghệ, nhưng thêm vào các điểm quan trọng, gần với thực chất vai trò của văn nghệ hơn.

Từ đó nghị quyết chính thức xác định chính sách của Đảng đối với văn nghệ là chính sách tự do: tự do sáng tác, tự do phê bình. Chính sách này đáp ứng đúng nguyện vọng của văn nghệ và được hoan nghênh.

Nhưng đồng thời, trong khi ấy cũng đã xuất hiện những ý kiến "không đổi mới" những ý kiến này cho rằng văn nghệ không có gì phải đổi mới. Nó vẫn tốt rồi. Trong sinh hoạt văn nghệ, có đôi điều khác một tí, thì có ý kiến đã kêu ầm lên là " không bình thường" là "không lành mạnh" là "đổi mới đã bị lệch lạc và bị lợi dụng". Trong số ý kiến này, có một ý kiến của một văn nghệ sĩ lớn, nói rằng: "Tại sao lại phải nói cởi trói, từ trước đến nay, tôi là nghệ sĩ đây, mà có lúc nào tôi thấy tôi bị trói đâu! Tôi không cần ai cởi trói cho tôi cả...". Đồng thời thì Nguyễn Minh Châu lại "đọc lời ai điếu cho một thời văn

nghệ minh họa". Nhiều ý kiến hưởng ứng và hoan nghênh. Nhưng cũng có người lớn giọng đáp lại "không có một thời như thế".

Những loại ý kiến "không cần đổi mới" hay là "cứ đổi mới như cũ" có nhiều động cơ:

- Có động cơ muốn tỏ ra ta đây đầy bản lĩnh và lập trường vững chắc.

- Có động cơ xuất phát từ nhận thức và niềm tin thành thực vào vai trò vũ khí cách mạng của văn nghệ là tuyệt đối đúng và đầy đủ, và không muốn một sự đổi thay vào.

Bên cạnh vấn đề lớn ấy, còn có vấn đề phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Trước đây xuất hiện nhiều ý kiến cho rằng chỉ có phương pháp sáng tác là cực kỳ đúng và hay, và có hiệu quả. Đó là phương pháp của văn nghệ cách mạng hoặc của chủ nghĩa xã hội. Ai không tán thành phương pháp đó, và trong sáng tác của mình có những yếu tố kém "hiện thực xã hội chủ nghĩa" thì là không lành mạnh, không xã hội chủ nghĩa, là sai lầm, thậm chí là chống đối.

Về sau và bây giờ ai cũng thấy vấn đề đó là vô nghĩa và văn nghệ sĩ muốn sáng tác kiểu gì cũng được. Tuy thế cũng còn những "chiến sĩ" nghiện hiện thực XHCN, lấy làm đau buồn và hậm hực lắm.

Tại sao trào lưu đổi mới trong văn nghệ phát khởi từ 1987 không tiếp tục phát triển được?

Khoảng từ 1988- 1989 trở về sau có một loại tiếng nói ngày càng chiếm ưu thế và diễn biến rõ nhất là ở Ban chấp hành Hội Nhà Văn, đó là loại ý kiến chê là sự đổi mới là đi quá đà, là có sự lệch lạc, có sự thiếu lành mạnh, tổn hại đến sự trong sạch của văn nghệ cách mạng.

Những ý kiến này cũng nói rõ trong đại hội nhà văn lần thứ IV (1989) nhưng nó bị áp đảo bởi những tiếng nói đòi đổi mới. Nhưng dần dần những ý kiến đó có vẻ được lãnh đạo chấp nhận, ủng hộ. Do đó rất ít người còn nhắc đến nghị quyết 05, thậm chí muốn công khai xóa bỏ nghị quyết đó. Những văn bản về sau này đều lờ tịt, không nhắc đến nghị quyết đó. Đại hội Nhà văn lần thứ V (1995) thì hầu như vắng hẳn tiếng nói đổi mới. Có người vì chán, có người vì sợ, có người vì thấy mình bị thất thế. Giải thưởng Hội Nhà Văn cũng biến chuyển. Có lúc giải thưởng được trao cho "Nỗi buồn chiến tranh" của Bảo Ninh. Sau đó là có diễn ra sự tranh cãi. Một số đồng chí lãnh đạo mà tôi có tiếp xúc tuyên bố không chấp nhận sự trao giải đó. Bảo Ninh bị o ép và Bảo Ninh cũng phải tỏ ra là "quên đi" "Nỗi buồn chiến tranh" mà viết những gì có thể tồn tại - thế là mất Nguyễn Huy Thiệp của "Tướng về hưu" và cũng mất luôn cả Bảo Ninh của "Nỗi

buồn chiến tranh" chỉ còn lại Nguyễn Huy Thiệp của "Quán Hoa Ban" và một Bảo Ninh của những truyện ngắn và bút ký giống như người khác. Còn Phạm Thị Hoài phải tìm cách sống ở nước ngoài, nhưng những gì chị viết ra thì không người này thì người khác chửi rủa và coi như Phạm Thị Hoài mất gốc và chống đối. Không ai nói là chống lại đổi mới, không đổi mới. Nhưng xuất hiện một tình hình là "đổi mới như cũ và kém hơn cả cũ".

Đã được thiết lập những thể chế rất không dân chủ về báo chí và xuất bản, đã xuất hiện những luật lệ kiểm soát ngặt nghèo.

Bộ Văn hóa Thông tin có Cục Báo chí.

Ban Tư tưởng văn hóa của Đảng cũng có Vụ Báo chí.

Cơ quan tư tưởng văn hóa kiểm tra (kiểm duyệt) tất cả các báo, luôn luôn bị nhắc nhở uốn nắn bài vở, tranh ảnh. Báo này, báo khác. Có ý kiến theo dõi ứng xử của các Tổng biên tập, có ý kiến và truất bỏ hay giữ lại các Tổng biên tập. Các Tổng biên tập luôn phải giữ mình cho đúng khuôn phép. Công an có quyền lực lớn đối với văn nghệ. Có khoảng 5- 600 tờ báo nhưng rất ít bài được dư luận chú ý. Báo nào có bài được độc giả chú ý thì Tổng biên tập cũng bị có người nhòm ngó ngay.

Tất cả các tác giả đều phải biết tự kiểm duyệt và phải tính toán viết làm sao cho in được và được in. Thế là văn chương cứ mờ mờ nhạt nhạt, không có nhà văn nào dám thử liều vào mơ mộng và tưởng tượng bay bổng của mình. Ai nấy đều phải giữ chắc lấy túi cơm của mình. Tuy rất nhiều người giỏi ca tụng nhưng cũng bật lên ý về một tình hình là "không có gì!".

Một năm nào đó, có tờ báo đã nêu lên một đầu đề về tình hình văn học trong năm là "Đặc điểm văn học năm nay là không có gì".

Tất cả các tiết mục văn nghệ ở Đài truyền hình thì giống quảng cáo và làm quảng cáo, sống vào các mặt trận: An toàn giao thông, mặt trận ma túy, mặt trận chống AIDS, mặt trận buôn lậu...Các nhân vật thì đều là những tuyên truyền viên trên mặt trận đó.

Văn nghệ đi đâu? Phải chăng đã bị dìm sâu trong ao lạnh.

Âm nhạc thì hết cuộc thi này đến giao lưu khác, nhưng ít có tác phẩm nào được lưu truyền và chú ý.

Mỹ thuật thì chỉ có các triển lãm cá nhân là có những màu sắc đáng quan tâm. Còn các triển lãm to để kỷ niệm thì chỉ là để kỷ niệm thôi, người xem không nhiều và xem xong thì cũng chẳng có gì để nói.

May mà lại có những tiểu thuyết Trung Quốc, phim Trung Quốc và cả kịch Trung Quốc, nếu không cũng chẳng có gì mà xem.

Phim truyền hình cũng đang có được một sự biến chuyển tích cực nho nhỏ từ chỗ lố lăng đồi bại, đến chỗ đời thường tương đối lành mạnh, nhưng cũng bị hạn chế trong trình độ quảng cáo nhiều. Văn nghệ hiện nay có thể coi là văn nghệ quảng cáo, cổ động ít có giá trị nghệ thuật. Nguyên nhân văn nghệ kém thế, có phải vì ít tiền không? Không phải! Chưa lúc nào Nhà nước chi tiền cho văn nghệ nhiều như lúc này, các bộ phim cứ tốn hàng tỉ và vài tỉ. Các Hội nghệ thuật được trợ cấp hàng tỉ và chục tỉ, các Hội lễ càng được "đầu tư" khá đầy đủ. Một cuộc sống đầy khen tặng, đầy hội lễ và rất gầy văn nghệ. Tình hình này cho đến nay chưa có triển vọng gì sáng sủa. Văn nghệ vẫn quẩn quanh và ngày càng quanh quẩn trong cái vòng văn nghệ vũ khí cách mạng. Văn nghệ vẫn chỉ có vai trò công cụ mà không trở về được với bản chất thực sự vai trò và chức năng của nó. Cái cần thiết cốt tử cho nó là một chính sách tự do, thì còn xa tít, mịt mù, chưa ai nói đến.

Tóm lại, trả lời câu hỏi: Tại sao đổi mới văn nghệ không phát triển được? thì thấy trực tiếp là vì lãnh đạo không nhận thức nổi vai trò, chức năng của nghệ thuật, lại quá lo sợ việc ổn định chính trị cho nên không đủ sức khẳng định một chính sách văn nghệ phù hợp và cần thiết, mà chỉ bị hạn chế trong quan niệm văn nghệ là công cụ (vũ khí cách mạng) từ đó có những yêu cầu gò bó với văn nghệ và không thực thi chính sách tự do sáng tác (tuy rằng không thể không nói đến).

Chính vì vậy, đối với văn nghệ, lãnh đạo chỉ có những chữ, những lời thật to tát kêu sủng soảng mà rỗng tuếch. Còn đối với văn nghệ và các văn nghệ sĩ thì chỉ có những thái độ khinh thường, nghi ngờ và thương hại, có nhiều cử chỉ ban ơn: Thăm hỏi, viếng ma, tặng huân chương, quà tết...Và như thế lãnh đạo đã tự thấy là rất quan tâm tới văn nghệ và có chính sách đầy đủ, sáng suốt với văn nghệ rồi.

Các văn nghệ sĩ thì có một số (không nhiều) thực sự có tâm hồn nghệ sĩ vừa sâu nặng và thực sự có tài thì không vụ lợi và rất bức xúc với yêu cầu tự do, có một số khác có một chút tâm hồn nghệ sĩ, tài năng thuộc loại trung bình thì yêu cầu đổi mới và yêu cầu tự do không cao.

Có một số làm công tác văn nghệ, không có chút tâm hồn nghệ sĩ, cũng không có tài năng gì thì thông thường vụ lợi và sẵn sàng chấp nhận nhằm che đậy sự bất tài và vụ lợi của mình.

Trong khi đó, đa số công chúng chỉ có yêu cầu thưởng thức và hưởng thụ, cũng không hiểu khát vọng tự do của người sáng tác, trừ những người là tri thức. Do đó cũng chấp nhận bất cứ chính sách văn nghệ nào của lãnh đạo, nhưng họ cũng hiểu được và sẵn sàng ủng hộ khát vọng tự do của nghệ sĩ và đánh giá rất đúng vai trò của nghệ sĩ.

Như vậy đi sâu hơn nữa, thì cần khái quát là nguyên nhân không phát triển được đổi mới văn nghệ là do trình độ dân trí toàn xã hội còn ở mức độ hạn chế, mà tiêu biểu nhất là ở trình độ bộ phận lãnh đạo văn nghệ vẫn có nhu cầu đổi mới, nhu cầu được tự do, và bản thân văn nghệ cứ có cuộc sống và cứ có nhu cầu tiến lên của bản thân nó, nên sớm muộn thì văn nghệ cũng sẽ dành đoạt tự do cho mình.

Một số yếu tố đổi mới tuy bị ngăn chận nhưng vẫn thấp thoáng và lấp lánh trong các sáng tác hiện nay. Những ý kiến còn e thẹn rụt rè, nhưng nó là tiền đề cho những bùng nổ sau này.

Chú thích: Trong sự chuyển biến ngược chiều này có nhiều nhân vật điển hình bộc lộ tư cách của mình, ở các mức độ khác nhau nhưng không tiện ghi tên vào đây.

TRẦN ĐỘ



DƯƠNG THU HƯƠNG

Tự do ảo
khoảng sinh tồn của ngòi bút.

Tự do là ngọn lửa đầu tiên thổi bùng những đám cháy cách mạng. Cũng là cơn hồng thủy cuối cùng dìm tắt những đám cháy ấy. Trong tất thảy những khát vọng của nhân loại, không khát vọng nào tập hợp được một đám đông vĩ đại như khát vọng tự do. Từ Spartacus tới Gandhi, từ những hình thức đối lập và những chiều kích đa dạng nhất của cuộc đấu tranh cho quyền sống con người đều vang vọng bài ca Tự do. Trong vang vọng ấy, người ta thấy bụi cát mịt mù cuốn theo đau khổ lo âu sợ hãi khắc khoải phẫn nộ tha thiết điên cuồng tàn ác và sau rốt mệt mỏi u sầu vào những hoàng hôn hoang vắng..

Không khát vọng nào phải trả giá đau đớn hơn Tự do.
Không thách đố nào khắc nghiệt hơn Tự do.
Người ta vừa thèm khát vừa khiếp sợ nó.

Phải chăng tôi đã lặp lại ở đây những ý tưởng cũ mèm?... Chắc hẳn. Với phương Tây, Tự do như một định đề sẵn có, như cây cột đèn như bảng hiệu ở góc phố không ai còn chú ý tới. Tôi nói đây lời mê sảng của cõi bùn lầy. Nơi Tự do còn là giấc mơ chính ngọ. Ám ảnh. Không buông tha. Xin hãy cho tôi lặp lại tiếng gọi của Tự do âm vang

trong những tâm hồn đói khát.

Với chúng tôi, tự do như kiếp nhân sinh có lịch sử riêng. Nó không hiện diện thường trực cùng nhân loại như kẻ đồng hành. Hạt giống tự do gieo rắc khắp nơi nhưng không đồng đều và đồng nhất. Ở nơi này, nó mọc thành rừng rậm, nơi kia là những bụi gai cằn lụi hay đám cỏ leo. Với dân tộc này, tự do cuồn cuộn chảy trong huyết mạch. Với dân tộc khác nó chỉ là cơn mưa thoáng qua khung trời tù đọng. Phải chăng lòng khao khát Tự do cũng là một trong những tố chất quan trọng cấu tạo nên các nền văn hóa và các bản sắc dân tộc?... Cho dù chưa hẳn như thế người ta vẫn tìm trong các trang sử bóng dáng ngọn cờ Tự do như một tiêu chỉ không thể lảng tránh để định vị sự hình thành phẩm chất người và tính cách quốc gia. Trong bất cứ xã hội nào, loại người cần tới Tự do trước tiên là những người làm văn chương nghệ thuật. Không phải vô cớ người ta định nghĩa văn chương nghệ thuật là con đẻ của ba bà đỡ: Tự do - Xa xỉ - Nhàn rỗi. Điều này là sự thật hiển nhiên ở các xứ văn minh. Nhưng trên địa cầu chỉ một phần ba đất đai được mặt trời văn minh chiếu sáng. Phần còn lại là những mảnh đất chìm trong bóng tối hoặc ở khoảng mập mờ. Chúng tôi, cư dân của những miền đất vắng mặt trời tự do, chúng tôi sẽ làm gì với ngòi bút của mình?... Chúng tôi bắt văn chương biến hình như con kỳ nhông hay luồn lách qua kẽ đá sống lắt lay như loài rêu núi?...Hoặc chúng tôi chấp nhận tác phẩm của mình hiện diện như những đứa bé sứt môi sứt mũi hoặc khuyết hãm chân tay? Có lẽ...Và có lẽ... Sự chấp nhận một bản diện méo mó què cụt là phương thức an nhiên, thường xuyên của các văn nhân sống dưới chế độ độc tài. Họ phải tự nguyện thổi tắt đi ngọn lửa Tự do là tắt đi chính phần cốt lõi của văn học và xóa đi thiên chức nhà văn. Nếu vậy tốt hơn cả là kiếm lấy một chiếc ghế trong hàng ngũ quan lại hoặc viên chức và mưu sinh một cách an bình. Cũng không thể... Bởi văn chương đôi khi như bùa mê như quỷ ám như món nợ tiền định như tình duyên tiền kiếp không thể chạy trốn, không thể cởi bỏ. Nhà văn không thể từ giã giấc mơ sáng tạo để sống cuộc sống bình thường. Và như thế, họ giống kẻ tội đồ thời trung cổ, bị giằng xé giữa hai cỗ xe ngựa, một bên là nỗi sợ quyền lực và sự trói buộc của mưu sinh, bên kia là lòng đam mê văn chương nghệ thuật. Trong cảnh huống đó, tự do tàng trữ như mỏ than dưới đáy biển bùn. Lúc này và lúc khác, nơi nọ và nơi kia, nó vụt lên những đốm lửa rồi lụi tắt. Trong khí quyển sặc mùi sình lầy và dưới khung trời u ám, những đốm lửa vụt lóe lên trong vài ba giây rồi lụi tắt vừa kích thích sự ham muốn vừa khiến con người thêm khiếp sợ. Sự khiếp sợ và lòng khao khát Tự do thầm lén là hai con sói đói thường xuyên cắn xé trái

tim các văn nhân. Mặc cảm tự tôn, đôi khi vĩ cuồng tự đại trong những giấc mơ lộng lẫy huy hoàng nhưng vụng lén về văn chương cũng như chính bản thân vật lộn và hòa quyện cùng mặc cảm tự ti về thân phận hèn mọn trong cuộc đời thực là thứ cường toan ngày ngày gặm nhấm tâm hồn họ. Trong ánh mắt họ cùng một lúc thấy những mưu toan và khiếp nhược, phẫn nộ và khuất phục, những giọt lệ nhục nhã trộn với bóng mây giông.

Cuộc sống chảy trôi và con người mòn mỏi ngày qua ngày, tháng qua tháng, năm qua năm trong cuộc vật lộn nội tâm bất phân thắng bại. Với não trạng đó, văn chương chỉ có thể đẻ ra những kiệt tác của lối nói vòng vo, ám dụ. Một phong cách hết sức mẫn cảm nhưng cũng dễ rơi vào phản cảm vì khó tránh sự lạm dụng thủ pháp. Những điển tích, trích dẫn, những ẩn dụ, lối dùng hình dung từ bóng gió lập lờ, phép hoán chuyển ngôn từ... Tất cả, không nhằm làm văn phong thêm súc tích hấp dẫn mà chủ yếu để che đậy các thâm ý và lẩn tránh lưỡi kéo kiểm duyệt. Nhà văn phải tự kiểm duyệt mình trong khi viết. Thay vì tính toán kết cấu, diễn tiến của các nhân vật, liều lượng các uyển ngữ trong câu văn... anh ta phải sắp đặt sẵn những lời biện hộ trước các cấp có thẩm quyền một khi tác phẩm bị tố giác. Những biện hộ ấy nhằm xóa đi các thâm ý, các tư tưởng cốt lõi mà anh ta muốn đem lại cho độc giả. Như thế, dù muốn hay không, nhà văn cũng buộc phải trở thành kẻ ngụy biện chuyên nghiệp, kẻ dối trá thường trực. Sự dối trá là yếu tính của con người sống dưới các chế độ độc tài, điều đó tự nhiên như nước trong khe ắt phải đổ xuống dòng suối.

Có một số người dù cố gắng tới đâu cũng không thích ứng được với môi trường. Không may mắn, tôi nằm trong số đó. Không thể và không biết dối trá, ấy là khiếm khuyết lớn nhất của bản thân tôi khi đã sinh ra trên mảnh đất sình lầy. Một rẻo đất cỏn con nhiều binh đao và bão gió. Những người sống quanh tôi vừa quen vừa lạ. Dẫu sống với đồng bào của mình tôi vẫn không hiểu vì sao ở nơi họ cùng một lúc người anh hùng và kẻ tôi mọi song hành tồn tại. Cũng nhiều năm tôi không hiểu các đồng nghiệp của mình. Và sau rốt, khi đã hiểu, tôi rời xa họ. Tôi là kẻ bất tài trong nghề quỷ biện. Và tôi thấy xấu hổ nếu phải chối bỏ những gì tôi viết cho dù tôi hiểu rất rõ sự chối bỏ bản thân là lối ứng xử Châu Á khôn ngoan và hữu hiệu, vừa giữ được sĩ diện cho các bậc cầm quyền vừa đảm bảo an toàn cho bản thân ngòi và bút bởi các vua chúa và trưởng tộc phương Đông rất khoái thứ chủ nghĩa duy cảm cải lương - Họ thích nhìn những kẻ tôi tớ cúi đầu run rẩy nước mắt lã chã hai hàng trước mặt họ. Đã từ lâu

phương Đông có truyền thống trị nước bằng hứng cảm chứ không bằng luật pháp... Trước tôi, đồng thời với tôi, và cả thế hệ sau chúng tôi, đâu đâu cũng diễn ra những màn cải lương duy cảm như thế. Chúng gợi cho tôi cái cảm giác mà Jean Paul Sartre đã gọi chính xác trong tác phẩm của ông: La Nausée. Tôi quyết định đo cuộc sống bằng chiều cao của hạnh phúc chứ không bằng chiều dài năm tháng. Tôi quyết định sống như một người tự do. Tôi tự tạo cho mình một mặt trời tự do ngay trên mảnh đất sình lầy. Và vào khoảnh khắc quyết định ấy, tôi tự thấy tôi hoàn toàn thay đổi: Hạnh phúc. Hoàn toàn hạnh phúc trong cô đơn tuyệt đối và cùng cực.

Tôi điên chăng?... Hay tôi là kẻ khoác lác cố nặn ra những ảo giác để tự an ủi, tự huyễn hoặc?... Nhiều người cho là thế. Họ không tin tôi có thể tự do. Ai có thể tự do khi hết thảy những bạn bè xung quanh đều bị gọi đến giao nhiệm vụ giám sát và dù muốn hay không họ cũng buộc phải trở thành các mouchards theo rõi anh. Ai có thể tự do khi bước chân đến tiệm càfé nào lần thứ ba là tức khắc có kẻ ngồi áp sát lưng mình?... Ai có thể tự do khi thư từ và mọi liên lạc với tha nhân bị kiểm soát, tịch biên vô điều kiện?... Thế đấy...

Nhưng tôi vẫn thấy tôi là người tự do. Tôi nói điều tôi muốn nói, tôi viết những gì tôi muốn viết cho dù những trang viết ấy không được phép in. Vào năm 1991, những tháng người ta giam tôi vào tù, tôi vẫn có nguyên cảm giác tự do như thế. Tôi nghĩ những gì tôi muốn nghĩ. Tôi rung cảm với những gì chìm lắng trong tim tôi và khiến tôi lay động. Những cuộc hỏi cung và ba người đàn ông trước mặt tôi thuộc về một thế giới khác. Thế giới đó không liên quan tới cuộc sống nội tâm - Cuộc sống chính của tôi.

Phòng tù vô số muỗi quơ tay là tóm được. Tôi bắt rất nhiều muỗi. Tôi cũng bắt những con bọ màu đen nhung nhúc trong tấm chăn bông cũ nát người ta phát cho tôi, tấm chăn dầy những đám máu khô của tù nhân nào trước đó bị kiết lỵ để lại. Tôi bắt rệp trong các kẽ giường. Với xác đám bọ, tôi dàn lại cảnh: Vượt sông En-bơ trong cuốn phim Giải phóng của Boldartchuk và cảnh trận Waterloo trong phim Napoléon bé tí. Tôi so sánh cách dàn cảnh của người Nga với người Pháp bởi tôi vốn mê điện ảnh dẫu rằng ở nơi bùn lầy nghèo đói này điện ảnh là giấc mơ quá xa xôi và xa xỉ. Nhưng tôi vẫn mơ. Tiếp tục mơ. Với xác rệp thay cho các chiến xa hoặc đại bác, xác muỗi và bọ thay cho các binh đoàn, tôi hồi tưởng những cuốn phim xưa làm tôi mê mẩn. Và, tôi nhớ cha tôi. Người cha tôi yêu một cách cáu giận, ấm ức. Một người cha vừa quá đỗi ấm áp vừa khắc nghiệt bất công. Ông yêu tôi nhưng ông không thể vượt qua những nguyên tắc cứng rắn của

giáo lý phong kiến. Tôi yêu ông nhưng tôi không thể không là đứa con bất tuân lệnh. Vào lúc đó, tôi thiếu vắng ông và hình ảnh ông luôn hiện lên xâm chiếm tâm hồn tôi, ngoài những cơn mơ nghệ thuật. Tôi giãi bày với ông, cãi cọ với ông, trách móc ông, ấm ức khóc cùng ông... Điều này đôi khi xảy ra ngay giữa các cuộc hỏi cung, trong lúc tai tôi vẫn nghe và miệng tôi vẫn trả lời như cuốn băng ghi âm được mở lại...

Nhờ kinh nghiệm của những ngày ấy, tôi hiểu vì sao Cervantès đã viết được cuốn Don Quichote trong tù. Chắc chắn Cervantès cũng tự do trong khung trời riêng của ông. Ông tự do ngay giữa chốn ngục tù. Và cái tự do ảo đó mạnh mẽ đến mức ngoại cảnh trở nên mờ nhạt, yếu ớt, hư vô. Ngoại cảnh bất lực đến mức chẳng còn mảy may tác động đến tâm tư tình cảm của nhà văn. Tự do ấy do chính ông tạo ra. Tự do ảo. Cái tự do nảy sinh trong thách thức với nghịch cảnh. Cái tự do tồn tại như một mặt trời thần tiên vì chỉ riêng một người nhìn thấy, một người được chiếu sáng và sưởi ấm.

Tự do ấy là quyền năng tối thượng của nhà văn, là hành vi thiêng liêng ăn cắp lửa. Không ai có thể đem lại cho anh ta điều đó, ngoại trừ chính anh ta.

Tự do đó là khoảng sinh tồn của ngòi bút.

Dại khờ quá chăng, điên rồ quá chăng, để tìm kiếm một tự do như thế?... Có lẽ... Hoặc anh chết, hoặc anh tự do như thế để viết những gì xứng đáng. TÀI NĂNG ư?...cái đó Thượng đế cho. Còn TỰ DO, lòng tự tin và nhân cách sẽ kiến tạo. Trên mặt đất có hằng hà sa số lối đi. Tôi không ngu ngốc và đồi bại tới mức cho con đường tôi đi là duy nhất đúng. Nhưng tôi biết mọi sự trên đời đều có giá và con người vừa là kẻ tạo tác nên số phận của mình vừa lãnh nhận mọi phản hồi của chính số phận ấy. Khi bức tường Berlin sụp đổ, vũ trụ tưởng vỡ tung vì tiếng gào thét sung sướng của mấy trăm triệu con người. Hệ thống nhà nước Staline sụp đổ. Nền chuyên chính vô sản sụp đổ. Người ta ngỡ ngàng khi thấy chân trời xanh màu xanh xa xôi hằng mong ước. Màu xanh của tự do. Khoảnh khắc ấy hằng vạn văn nghệ sĩ của Liên Xô cũ và các nước Đông âu khóc vì sung sướng. Tiền đồ của văn chương nghệ thuật mở ra trước mắt họ. Cũng tự do... Nhưng những giọt nước mắt sung sướng chưa kịp khô, những giọt lệ khổ đau đã bắt đầu tuôn chảy. Một khoảng lặng im kéo dài, bối rối thẹn thùng. Rồi lẻ tẻ vài người mạnh dạn thổ lộ nỗi băn khoăn bứt rứt, và sau cùng cả đám đông công khai thú nhận sự bất lực của bản thân. Họ không viết được nữa. Tôi nhớ câu nói chua chát của nữ thi sĩ Bungarie

nổi tiếng:

"...Bao nhiêu năm trước đây, chúng tôi đã mơ ước được viết tự do.

Bây giờ tự do đến rồi và chúng tôi không còn gì để viết..."

Nhà thơ này đã sang Việt Nam nhiều lần. Một người đàn bà thông minh xinh đẹp. Lời thố lộ của bà làm tim tôi se sắt. Nhưng tôi biết tôi không thể làm gì được cho bà, cho bà và cho những người cùng cảnh ngộ như bà. Bởi tự do không phải một thứ châu báu cất trong hoàng cung, ba ngàn năm sau lấy ra vẫn còn nguyên giá trị. Tự do như kiếp nhân sinh. Như kẻ đồng hành. Ta phải học cách sống có nó và xứng đáng với nó.

Thời xưa có một hoàng đế Trung Hoa chỉ thích ăn thịt một loại chim rừng. Quần thần sai người bắt loài chim ấy về nuôi trong vườn cấm có lưới quây. Khi chim non vừa mở mắt, họ liền bắt chúng nhét vào những ống nứa khoét lỗ chỉ để thò mỏ và chân ra ngoài. Chim được nuôi bằng ngũ cốc quý và các loại quả tinh khiết. Khi lớn lên, chúng có thân hình đúc khuôn như ống nứa, thịt nung núc nhưng cánh và chân teo lại. Lúc nhà bếp chẻ ống nứa lấy chim ra thịt, lũ chim béo ục ịch chỉ nhảy được vài bước ngắn rồi lăn kềnh xuống sàn...Đó, nguyên tắc thích ứng. Hàng vạn văn nghệ sĩ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa đã được nuôi như lũ chim đó... Đau xót thay, tiếc nuối thay, bao nhiêu tài năng đã hư hao tàn lụi?...

Tuy nhiên, bất luận hoàn cảnh nào cũng tồn tại những con chim tự do. Loài chim quen với những đỉnh cao chóng mặt và tìm thấy hạnh phúc khi bay qua những đỉnh cao ấy. Trong mưa bão. Trong đơn độc. Kiêu hãnh ngay giữa khổ đau và đơn độc. Tôi có thể kể tên một người trong số đó: Bulgakov. Không chọn con đường biệt xứ như Soltjényssin, như Pasternak ông ở lại nước Nga, chịu đầy đọa nhiều năm dài, bị cô lập, bị rình mò, đi đóng gạch và làm những việc thô mộc nhọc nhằn khác để tồn tại. Nhưng ông đã sống như một người tự do. Ông đã viết như một người tự do. Những tác phẩm của ông:"Trái tim chó", "Nàng Marguerite và nghệ nhân" đã được viết dưới ánh sáng của mặt trời tự do. Mặt trời ấy chính ông, một tâm hồn Nga cao thượng và mãnh liệt đã tạo tác.

Lịch sử loài người tính theo lịch Thiên chúa sắp trọn hai ngàn năm. Hai mươi thế kỷ. Nhưng trước Công lịch, phương Đông đã có Xuân Thu chiến quốc, phương Tây đã có Thập tự chinh, nhân loại đã buồn vui, đau khổ sung sướng. Nhân loại đã suy nghĩ. Các dã sử, huyền sử đã được truyền tụng, dồn tích như các lớp phù sa lắng đọng

trong tiềm thức con người. Chúng là một phần tài sản của ta, hòa trộn cùng những mầm mống tài năng và bệnh tật mà tổ tiên, dòng tộc gieo cấy vào huyết mạch. Đối với nhà văn, thứ tài sản tinh thần đó quan trọng hơn tài sản theo nghĩa đen của cuộc đời thế tục. Những năm còn trẻ, không biết do run rủi nào tôi được đọc vở kịch Ésope. Ngay tức khắc hình ảnh người nô lệ này chinh phục tôi. Nhờ anh ta, tôi hiểu Tự do là khát vọng mãnh liệt nhất, thách thức khắc nghiệt nhất đối với con người. Tự do, ấy là thước đo chiều cao nhân cách.

Lời cuối của Ésope, trước khi nhảy xuống vực như sau:

"...Với tình yêu, ta còn xanh quá.
Nhưng với tự do, ta đã chín rồi.
Vực sâu đâu, con đường ta đã chọn.
Ta sẽ chết, bởi với cái chết ta trở thành người tự do..."

Chế độ nô lệ đã qua từ lâu, nhưng khát vọng tự do vẫn đang còn mới. Đối với người viết văn sống trong những vùng đất sình lầy, hình ảnh người nô lệ Ésope hẳn còn có ích cho họ, một khi họ muốn cầm bút một cách xứng đáng. Cái tự do hiện tồn của Ésope chính là cái tự do ảo của nhà văn. Cái tự do ảo của nhà văn là tiền đề cho tự do đích thực của đám đông xung quanh họ. Vậy thì, xin các văn nhân, các anh có thể chịu hành hạ, sống khổ nhục tù đầy, thậm chí có thể chết. Nhưng chớ bao giờ đánh mất nó.

Hà nội 25- 5- 1999.
DƯƠNG THU HƯƠNG



MILAN KUNDERA

Di sản đã mất giá của Cervantes



Đây là phần thứ nhất và có lẽ quan trọng nhất của quyển tiểu luận gồm 7 phần L'Art du roman *(Nghệ thuật tiểu thuyết) của Milan Kundera*

M.Kundera sinh năm 1929 tại Brno, Tiệp khắc, bắt đầu viết từ lúc ông chưa ba mươi tuổi; từ 1968, sau khi Nga xâm lăng Tiệp khắc, ông mất việc và các bài viết (Đa số chỉ trích chế độ độc tài cộng sản) đều bị cấm. Năm 1975, ông được phép rời Tiệp sang sống ở Pháp(dạy học và có quốc tịch Pháp từ năm 1981). Các tác phẩm của ông đều xuất bản tại Pháp qua các bản dịch từ tiếng Tiệp, riêng L'Art du roman *ông viết thẳng bằng tiếng Pháp. Trong tác phẩm này ông nói về các tác giả có ảnh hưởng của nền văn chương Âu châu và quan niệm của mình về tiểu thuyết. Những tác phẩm nổi tiếng và được dịch khác của ông là* Le Livre du rire et de l'oubli, l'Insoutenable légèreté de l'être, l'Immortalité. *Ngày nay Kundera được xem như nhà văn tiêu biểu và nổi tiếng nhất nước Tiệp*

*

Vào năm 1935, ba năm trước khi mất, tại Prague và Vienne, Edmund Husserl[1] đã đọc các bài diễn thuyết trứ danh về sự khủng hoảng của con người Âu châu.Đối với ông, nói châu Âu, là nói đến

bản sắc tinh thần trải rộng ra ngoài lãnh thổ châu Âu, đến cả châu Mỹ, bản sắc này đã sinh ra cùng thời với nền triết học Hy Lạp cổ xưa.Theo ông, lần đầu tiên trong Lịch sử, nền triết học này đã đặt ra cho cả thế giới loài người như một câu hỏi cần giải đáp. Hỏi không phải để thoả mãn một nhu cầu cụ thể nào đó mà chính vì cái " đam mê hiểu biết đã chiếm ngự con người"

Với ông cuộc khủng hoảng này trầm trọng đến mức ông tự hỏi châu Âu có thể nào sống sót nổi không. Ông cho rằng nguồn cơn khủng hoảng bắt đầu từ bình minh của Khởi từ Galilée[2] và Descartes[3], do tính chất chỉ một chiều của nền khoa học Âu châu vốn dĩ đã thu nhỏ con người thành một thứ đối tượng giản dị tầm thường của nghiên cứu kỹ thuật và toán học Thời hiện đại đã loại trừ " thế giới thực của cuộc sống ", như ông nói die Lebenswelt (cõi sinh mệnh nhân gian).

Khoa học cất cánh phóng con người vào những đường hầm chuyên môn. Càng đi sâu vào kiến thức, con người càng không nhìn thấy mình và không thấy cả thế giới, chìm đắm vào "sự lãng quên chủ thể", công thức tuyệt vời của Heidegger[4] (môn sinh Husserl)

Trước kia được Descartes nâng cao làm chúa trùm chiếm hữu vũ trụ thiên nhiên, ngày nay con người trở thành thứ đồ vật nhỏ nhoi bị sức mạnh của kinh tế, chính trị và **lịch sử** chi phối, qua mặt, chiếm ngự. Vì các sức mạnh đó, con người thực của đời sống không còn giá trị và lợi ích nào nữa : nó bị che lấp, bị bỏ quên trước hết.

2

Nhưng tôi nghĩ thật là ngây thơ nếu coi cái nhìn nghiêm khắc này về Thời hiện đại như một bản án giản dị. Đúng ra, hai triết gia lớn đã phát giác tính mơ hồ của thời đại ấy : nó vừa là hủy hoại vừa là tiến bộ, và như mọi thứ thuộc về con người, khi sinh ra nó đã mang mầm mống chết.

Dưới mắt tôi, tính mơ hồ nhập nhằng này không hề thuyên giảm trong suốt bốn thế kỉ qua, những thế kỉ thân thiết của tôi, chính vì tôi là tiểu thuyết gia chứ không phải là triết gia. Thật vậy, đối với tôi, người khai sáng Thời hiện đại không chỉ là Descartes mà còn là Cervantes.[5]

Có thể hai nhà hiện tượng luận học đã quên nghĩ đến Cervantes trong nhận định của họ về Thời hiện đại. Tôi muốn nói rằng nếu Triết

học, Khoa học đã quên chủ thể con người, thì với Cervantes, một nền nghệ thuật lớn Âu châu đã ra đời, chính nó mới thám hiểm con người bị bỏ quên.

Theo Heiddegger, như ông phân tích và nhận định trong *Etre et Temps* (Con người và Thời gian) tất cả những chủ đề lớn của nhân sinh đều bị nền triết học trước bỏ quên, nhưng thật ra các chủ đề này đã được phát giác, điểm mặt và soi sáng bằng bốn thế kỉ tiểu thuyết Âu châu. Theo cách thức, lí luận riêng biệt của nó, tiểu thuyết đã khám phá lần lượt những bộ mặt khác nhau của cuộc hiện sinh ; cùng những người đồng thời với Cervantes, tiểu thuyết tự hỏi phiêu lưu là gì ; với Samuel Richardson[6], tiểu thuyết bắt đầu xem xét "những gì xảy ra ở bên trong(nội tâm) " và phát giác đời sống bí mật của tình cảm ; với Balzac[7], tiểu thuyết khám phá ra rằng con người bám rễ vào ***lịch sử;*** *với Flaubert[8], tiểu thuyết thám hiểm vùng đất terra,* lúc đó hãy còn incognita chưa ai biết đến của cuộc sống đời thường; với Tolstoi[9], tiểu thuyết chú trọng đến sự can thiệp của phi lí trong các quyết định và thái độ của con người. Tiểu thuyết thăm dò thời gian bằng khoảnh khắc quá khứ không thể nắm bắt được của Proust[10], bằng khoảnh khắc hiện tại không thể nắm bắt được của James Joyce[11]. Tiểu thuyết hỏi cùng Thomas Mann[12], về vai trò của những huyền thoại xa xưa trong việc định hướng bước đi của chúng ta. Vân vân và vân vân

Tiểu thuyết thường là bạn đồng hành trung thành của con người, ngay từ buổi đầu của Thời hiện đại. "Đam mê hiểu biết" (mà Husserl coi là tinh túy của bản sắc tinh thần Âu châu) đã đột nhập vào tiểu thuyết, để tiểu thuyết dò xét đời sống thực tiễn của con người hầu bảo vệ con người chống lại "sự lãng quên chủ thể"; để tiểu thuyết mãi mãi chiếu rọi ánh sáng vào " cõi sinh mệnh nhân gian". Chính trong chiều hướng này, tôi thông cảm và đồng ý với Broch khi ông cứ ương ngạnh cho rằng : Khám phá ra điều mà chỉ riêng tiểu thuyết mới có thể khám phá được, đó là chức năng, lẽ sống còn duy nhất của tiểu thuyết. Thứ tiểu thuyết không khám phá được một phần vô danh nào đó của đời sống là thứ tiểu thuyết vô luân. Tri thức là đạo đức luân thường duy nhất của tiểu thuyết.

Tôi thêm vào một điều : tiểu thuyết là tác phẩm của châu Âu, những khám phá của tiểu thuyết, dù thực hiện bằng những ngôn ngữ khác nhau, thuộc về toàn thể châu Âu. Những khám phá tiếp theo (chứ không phải -làm- tổng số những sách vở đã viết) tạo nên lịch sử tiểu thuyết Âu châu . Chỉ trong vị thế siêu quốc gia này, giá trị một tác phẩm (tức là tầm quan trọng của khám phá tiểu thuyết đó) mới có thể hoàn toàn được người ta nhận ra và cảm thụ.

3

Khi Thượng đế chậm rãi rời bỏ ngôi vị điều khiển và hệ thống các giá trị của vũ trụ, phân biệt Thiện Ác, đặt ý nghĩa cho mỗi sự vật, thì don Quichotte bước ra khỏi nhà và không còn nhận ra thế giới nữa.

Vắng Thượng đế, người phán xét tối thượng, thế giới bỗng trở nên mơ hồ một cách đáng sợ, ***chân lí*** thần thánh duy nhất đã rã thành trăm mảnh cho con người chia nhau.

Thế giới Thời hiện đại cùng với kiểu mẫu và hình ảnh của nó là tiểu thuyết, được hình thành như thế đó.

Hiểu theo Descartes, xem ***cái tôi suy nghĩ (chủ thể tư duy)*** là căn bản của mọi thứ, tất nhiên phải cô độc đối diện với cả vũ trụ, Hegel nhận định rất đúng rằng đó là một tư thế dũng cảm.

Mà hiểu theo Cervantes, xem thế giới này như cõi mơ hồ, nghĩa là thay vì chỉ đối mặt với một chân lí tuyệt đối, ta phải đương đầu với rất nhiều chân lí tương đối và mâu thuẫn với nhau (những chân lí lồng vào bên trong những ***cái tôi tưởng tượng*** gọi là nhân vật) nên rốt lại chỉ còn một điều ***chắc chắn*** *là* ***chẳng có gì chắc chắn cả,*** là cõi đời này chập chờn bất định; tư thế hiền triết này cũng đòi hỏi một sức mạnh lớn lao không kém.

Tác phẩm lớn của Cervantes muốn nói gì ? Có khá nhiều sách vở nói về nó. Một số cho rằng mình đã thấy trong đó sự chỉ trích khá duy lí thứ chủ nghĩa lí tưởng mù mờ của chàng hiệp sĩ Quichotte. Một số khác lại chỉ thấy sự tán dương chính chủ nghĩa ấy. Cả hai đường lối diễn dịch đều sai lầm vì muốn thấy trong căn bản tác phẩm này một bài học luân lí thay vì một nghi vấn.

Con người mong ước một thế giới rõ ràng phân minh thiện ác, chỉ vì thứ ước vọng bẩm sinh và bất khả chế ngự vốn sẵn có trong chính con người : ước vọng phán xét trước khi hiểu rõ.

(Nhiều) tôn giáo và ý thức hệ đã được thành lập trên chính ước vọng đó. Tôn giáo và ý thức hệ chỉ có thể hoà giải được với tiểu thuyết, khi nào chúng diễn dịch được ngôn ngữ của mơ hồ và tương đối (của) tiểu thuyết vào trong các kinh sách đầy giáo điều và phải đạo tất yếu của chúng.

Tôn giáo và ý thức hệ đòi hỏi rằng phải có một bên có lí, ***hoặc*** Anna Karenine là nạn nhân của một hôn phu bạo ngược và ngu xuẩn, ***hoặc*** ông chồng Karenine là nạn nhân của một người vợ lăng loàn, ***hoặc K.***[13] người vô tội bị toà án bất công chà đạp, ***hoặc*** sau toà án đó tiềm ẩn thứ công lí hiển linh cho tên K. quả tình có tội.

Những "hoặc, hoặc" này chứa đựng nỗi bất lực trong việc chấp

nhận tính tương đối cốt yếu của nhân thế, bất lực trong việc chấp nhận sự vắng mặt của Thượng đế.

Chính vì nỗi bất lực này, tư thế hiền triết của tiểu thuyết (cũng là tư thế hiền triết của tính mơ hồ, bất định) rất khó được chấp nhận và cảm thông.

4

Hiệp sĩ Quichotte ra đi vì một thế giới rộng mở phía trước. Chàng ta tự do bước ra thế giới và quay về nhà khi chàng ta muốn. Những quyển tiểu thuyết Âu châu đầu tiên là những cuộc du hành trong một thế giới tưởng như vô cùng tận.

Phần đầu của quyển Jacques le fataliste[14] mở ra với hai nhân vật giữa đường, không ai biết họ từ đâu tới và sẽ đi về đâu. Họ đang ở trong một khoảng thời gian không đầu đuôi, một không gian vô biên giới, đâu đó giữa vùng trung Âu, với một tương lai bất tận.

Nửa thế kỉ sau Diderot, trong thế giới Balzac, chân trời xa xôi đã biến mất như một cảnh đồng quê bị che khuất sau các tầng nhà hiện đại của các cơ chế xã hội: công an, công lí, thế giới kinh tài và tội ác, quân đội, ***nhà nước***. Thời đại Balzac không còn hạnh phúc thong dong như Cervantes hay Diderot, nó leo lên con tàu gọi là ***lịch sử***. Dễ lên và khó xuống. Mà thật ra, con tàu này chưa có vẻ gì đáng sợ, nó còn quyến rũ nữa là khác. Con tàu ***lịch sử*** hứa hẹn cho du khách những chuyến phiêu lưu với cây gậy chỉ huy (chiếc đũa thần).

Về sau nữa, cho nàng Emma Bovary, chân trời thu hẹp đến mức giống như một hàng rào, mọi phiêu lưu đều nằm ở bên ngoài hàng rào, và nỗi nhớ nhung thật quá sức chịu đựng. Trong cuộc đời thường mỗi ngày như mọi ngày chán ngấy đó, mộng mơ và mộng tưởng quan trọng hẳn lên.

Vũ trụ bao la đã mất được thay thế bằng bao la của tâm hồn. Thế là nở rộ ảo tưởng về tính độc nhất vô nhị bất khả thay thế của cá nhân, một trong những ảo tưởng đẹp nhất của bản sắc Âu châu.

Nhưng giấc mơ về bao la nội tâm cũng không còn tính thần diệu khi ***lịch sử***, hay những gì còn lại của lịch sử, thứ vũ lực siêu nhân của một xã hội toàn năng, xông đến chiếm ngự con người. Lịch sử không còn hứa hẹn uy quyền của cây gậy thống chế mà chỉ giao cho một vai nhân viên đo đạc. Và K. làm được gì trước ***toà án*** đó, trước ***lâu đài*** ấy? Chẳng được gì mấy. Hay ít nhất hắn cũng có thể mơ mộng như

Emma ngày xưa chứ ? Không, bẫy rập của hiện tại ấy quá kinh khủng, nó nuốt chững mọi ý nghĩ, mọi tình cảm của hắn. Hắn chỉ còn có thể nghĩ về vụ án, về việc làm của mình mà thôi. Bao la của tâm hồn, nếu có, trở thành mẩu ruột thừa hoàn toàn vô dụng của con người.

5

Đường đi của tiểu thuyết song song với Thời hiện đại, quay lại nhìn, tôi thấy nó ngắn ngủi và khép kín một cách lạ lùng. Không phải chính chàng Quichotte sau ba thế kỉ du hành, trở lại quê nhà cải trang thành anh thợ đo đạc đất đai đó sao? Chàng hiệp sĩ ngày xưa, ra đi để chọn cho mình các chuyến phiêu lưu, và bây giờ, nơi ngôi làng nhỏ bé nằm dưới lâu đài này, chàng ta không thể chọn lựa được nữa, chuyến phiêu lưu áp đặt cho chàng ta là cuộc tranh chấp nhỏ mọn với cơ quan *hà*nh chánh chỉ vì một nhầm lẫn trong hồ sơ cá nhân. Sau ba thế kỉ chuyện gì đã xảy ra cho phiêu lưu, đề tài lớn đầu tiên của tiểu thuyết ? Phiêu lưu đã trở thành đầu đề hài kịch tự trào ? Nghĩa là sao ? Rằng lộ trình của tiểu thuyết chấm dứt bằng một nghịch lí?

Phải, người ta có thể nghĩ như vậy. Và không chỉ có một nghịch lí, mà trái lại rất nhiều nghịch lí. *Le Brave Soldat Chvéik*[15] (Anh lính trung hậu *Chvéik)* có lẽ là quyển tiểu thuyết lớn và nổi tiếng cuối cùng. Không đáng ngạc nhiên sao, vì quyển này, một tiểu thuyết khôi hài trào phúng lại có chủ đề chiến tranh, bối cảnh là quân đội, và câu chuyện diễn ra tại mặt trận ? Vậy thì chuyện gì đã xảy ra để chiến tranh ghê tởm có thể trở thành đề tài cười đùa ?

Với Homère, Tolstoi, chiến tranh luôn luôn mang một ý nghĩa dễ hiểu : người ta chiến đấu vì người đẹp Hélène hay vì nước Nga. Còn Chvéik và các bạn đồng đội ra mặt trận mà không hiểu tại sao và tệ hơn nữa, chẳng tha thiết gì đến cuộc chiến.

Nhưng như vậy, không vì Hélène, không vì tổ quốc thì động cơ của một cuộc chiến là gì ? Chỉ là sức mạnh muốn khẳng định sức mạnh là sức mạnh, là bạo lực ? Một thứ ý muốn của ý muốn như Heidegger sẽ đề cập đến sau này ? Không phải chính ý muốn này đã ở đàng sau mọi cuộc chiến xưa nay đó sao ? Phải rồi, đúng vậy. Nhưng lần này, trong truyện của Hasek, nó không cần giấu mặt sau một thứ (ngụy) biện luận nào cả. Vì chẳng còn ai tin ở những lời tuyên truyền ba hoa,

kể cả những người đã nặn ra chúng. Bạo lực nào cũng trần trụi, trần trụi như trong các tiểu thuyết của Kafka. Thật vậy, khi xử tử K., toà án được lợi lộc gì ? Lâu đài cũng thế, nó chẳng hưởng được gì khi chà đạp cái anh chàng chuyên viên đo đạc ấy. Tại sao nước Đức của hôm qua và nước Nga của hôm nay đều muốn thống trị thế giới ? Để được giàu hơn ? nhiều hạnh phúc hơn ? Không. Thứ bạo lực hung hăng ấy hoàn toàn vô vị lợi và không nguyên cớ thúc đẩy, thứ bạo lực cực kì phi lí vì bạo lực đó ***muốn chỉ vì muốn.***

Kafka và Hasek đặt chúng ta trước nghịch lí lớn vô cùng này ; trong giai đọan Thời hiện đại, lí trí nhị nguyên Descartes đã xoi mòn từng cái một tất cả mọi giá trị để lại từ thời Trung cổ. Nhưng đúng vào lúc lí trí toàn thắng thì thứ phi lí cực kì đó (bạo lực *muốn* chỉ vì nó muốn mà thôi) tiến chiếm cả thế giới, vì chẳng còn một hệ thống giá trị phổ quát nào có thể ngăn cản được thứ bạo lực đó.

Nghịch lí này, được Hermann Broch[16] đưa ra ánh sáng thật tài tình trong quyển *Les Somnambules* ("những kẻ mộng du"), một trong những nghịch lí tôi muốn gọi là những *nghịch lí kết thúc*. Còn nhiều nghịch lí khác nữa. Thí dụ : Thời hiện đại nuôi mộng tiến tới một nhân loại (đại đồng), vốn dĩ đã bị phân chia thành nhiều nền văn minh khác biệt, nhân loại này sẽ tìm thấy lại sự đồng nhất và qua đó, nền hoà bình vĩnh cửu. Nhưng ngày nay, tuy lịch sử của trái đất quả thật chỉ là một, là bất khả phân nhưng giấc mộng đồng nhất xa xưa của nhân loại lại được thực hiện và đảm bảo bằng chính cuộc chiến tranh luân lưu, thường trực. Nhân loại đại đồng có nghĩa là : không ai có thể thoát ra được nơi nào khác cả.

6

Những bài diễn thuyết của Husserl nói về cuộc khủng hoảng tinh thần và cái chết khả dĩ của con người Âu châu là chúc thư triết học của ông. Ông đã diễn thuyết tại hai thủ đô vùng trung Âu. Thật là một trùng hợp nhiều ý nghĩa : chính tại vùng này, trong Lịch sử cận đại của mình, phương Tây nhìn thấy mình chết hay đúng hơn một phần da thịt của mình bị chia cắt, khi Varsovie, Budapest và Prague bị đế quốc Nga chiếm đoạt. Bất hạnh này là hậu quả của thế chiến thứ nhất và chính thế chiến này đã kết thúc đế chế Habsbourg (thủ phạm châm

ngòi cuộc chiến) và đã vĩnh viễn làm mất thăng bằng một châu Âu đã yếu sức.

Không còn nữa, những khoảnh khắc thanh bình sau cùng, những khoảnh khắc của Joyce và Proust, lúc mà con người chỉ phải đấu tranh với lũ ngạ quỉ, ma vương của chính tâm hồn mình. Trong tiểu thuyết của Kafka, Hasek, Musil[17] và Broch, ma vương đến từ bên ngoài và mang tên ***lịch sử;*** chẳng còn giống con tàu của những kẻ phiêu lưu nữa, ***lịch sử*** ấy vô bản sắc, vô số, vô nghĩa, bất trị và không ai thoát khỏi bàn tay nó. Đó là lúc ngay sau thế chiến thứ nhất, các tiểu thuyết gia lớn của trung Âu nhìn thấy, sờ tới và nắm bắt được những *nghịch lí sau cùng* của Thời hiện đại .

Nhưng không nên đọc tác phẩm họ như đọc lời tiên tri về chính trị, xã hội, một kiểu tiền Orwell[18]. Những gì Orwell nói với chúng ta, một bài tiểu luận hay một bài đả kích có thể đề cập tới một cách hay hơn.

Trái lại, các tác giả này đã khám phá ra "điều mà chỉ có tiểu thuyết mới có thể khám phá được" : họ cho thấy rằng, trong các điều kiện của "những nghịch lí sau cùng" tất cả mọi phạm trù hiện sinh bỗng đổi thay ý nghĩa : phiêu lưu là gì khi tự do hành động của K. hoàn toàn là ảo tưởng ? Tương lai là gì khi các nhà trí thức trong *L'Homme sans qualités* không mảy may nghi ngờ rằng mai kia cuộc chiến sẽ quét đi đời sống của họ ? Tội ác là gì khi nhân vật Huguenau của Broch không những không hối hận mà còn quên lững luôn vụ án mạng do chính hắn gây ra ? Và nếu như tác phẩm khôi hài lớn và duy nhất của Hasek vào giai đoạn ấy là tác phẩm nói về chiến tranh, thì điều gì đã xảy ra cho danh nghĩa truyện khôi hài ? Đâu là khác biệt giữa (tha nhân) công chúng và (cái tôi) *tư nhân* khi mà lúc nào hai phái viên của lâu đài cũng kè kè bên K., ngay cả lúc hắn nằm trên chiếc giường tình của hắn ? Và trong trường hợp đó, cô đơn là gì ? Chúng ta buộc phải hiểu cô đơn như một gánh nặng, một mối lo âu, một trừng phạt, hay ngược lại, nó chính là giá trị quí báu nhất đang bị nghiền nát bởi đám đông luôn luôn có mặt khắp mọi nơi ?

Những thời kì của lịch sử tiểu thuyết thường rất dài (khác với những đổi thay không ngừng của các thị hiếu thời thượng), và chúng mang dấu ấn đặc biệt của một khía cạnh nào đó của chủ thể đang được tiểu thuyết chú tâm quan sát. Vì vậy những tình huống có thể có của cuộc sống thường nhật trong khám phá Flaubert chỉ được khai thác đầy đủ bảy mươi năm sau trong tác phẩm đồ sộ của James Joyce. Cho nên theo tôi, thời kì được các tiểu thuyết gia trung Âu khai trương cách đây năm mươi năm còn lâu mới bế mạc.

7

Từ lâu lắm rồi người ta đã nói nhiều về ngày tàn của tiểu thuyết : nhất là các nhà trường phái vị lai, trường phái siêu thực và hầu hết các vị trong trường phái tiên phong. Họ nhìn thấy tiểu thuyết biến mất trên con đường của tiến bộ, nhân danh lợi ích của một nền nghệ thuật mới lạ chưa từng có.

Nhân danh công lí lịch sử, tiểu thuyết cũng có thể (sẽ) bị đem chôn (sống)như sự nghèo khổ, các giai cấp thống trị, các kiểu xe cũ kỉ và nón nỉ hình trụ cao thời trước.

Thế nhưng nếu Cervantes là người sáng lập ra Thời hiện đại, thì cái chết của di sản ông để lại phải có một ý nghĩa gì cao hơn là một cái mốc tầm thường trong lịch sử hình thức văn chương; đáng lẽ cái chết đó cũng phải báo hiệu ngày tàn của Thời hiện đại chứ. Cho nên khi người ta đọc lời cáo phó cho tiểu thuyết với nụ cười khoái trá, tôi thấy nụ cười này quá hời hợt. Hời hợt, vì tôi đã nhìn thấy và đã sống qua cái chết cuả tiểu thuyết, nó chết một cách tàn bạo (vì kiểm duyệt, cấm đoán và áp lực của ý thức hệ) trong cái thế giới mà ta thường gọi là độc tài toàn trị, là nơi tôi đã trải một phần đời khá lớn của mình. Quả thật, rõ ràng tiểu thuyết (như một thứ hàng hoá) rất dễ hỏng, dễ tàn, như thế giới Tây phương của Thời hiện đại này. Bởi tiểu thuyết là kiểu mẫu của một thế giới được tạo dựng trên thuyết tương đối và tính mơ hồ nhân thế, nên nó phải xung khắc với thế giới độc tài toàn trị. Xung khắc này sâu xa trầm trọng hơn xung khắc giữa một người li khai chế độ với một quan chức của chế độ hay giữa người đấu tranh cho nhân quyền với kẻ chuyên tra tấn người, bởi lẽ xung khắc đó không những có tính chất chính trị và luân lí mà còn có tính chất bẩm sinh bản thể nữa (từ căn nguyên). Nghĩa là cả hai, thế giới dựa trên Chân lí duy nhất tối cao và thế giới dựa trên mơ hồ tương đối của tiểu thuyết, đều được cấu tạo từ hai nguyên liệu hoàn toàn khác biệt. Chân lí toàn trị loại trừ sự tương đối, sự ngờ vực và thắc mắc, bởi vậy nó không thể nào hoà giải được với (cái mà tôi gọi là) *tinh thần của tiểu thuyết.*

Nhưng không phải ở xứ Nga cộng sản người ta đã không xuất bản hằng vạn quyển tiểu thuyết với những số in khổng lồ rất thành công đó sao ? Đúng vậy, nhưng những tiểu thuyết này không còn nối tiếp sự chinh phục chủ thể, chúng không khám phá một mảng nhỏ mới lạ nào của cuộc hiện sinh; loại tiểu thuyết này chỉ công nhận những gì người ta đã nói hết rồi; thêm vào đó : việc công nhận những gì người ta đã nói (những điều phải nói) lại là lí do sống còn của

chúng, là vinh quang và là lợi ích cho chính xã hội của chúng. Vì không khám phá ra gì cả, loại tiểu thuyết này không dự phần vào việc thừa kế những khám phá tôi gọi là lịch sử của tiểu thuyết; chúng nằm ngoài lịch sử này, hoặc : chúng chỉ là những thứ *tiểu thuyết* của hậu lịch sử tiểu thuyết..

Từ gần năm mươi năm nay, lịch sử tiểu thuyết đã chấm dứt ở đế quốc cộng sản Nga. Thật là một biến cố quá lớn lao khi ta ngắm lại nền tiểu thuyết vĩ đại Nga kể từ Gogol[19] qua đến Biely[20]. Bởi vậy chuyện chết của tiểu thuyết quả không phải là ý nghĩ ngông, nó đã xảy ra rồi. Và bây giờ chúng ta đều biết nó chết như thế nào : tiểu thuyết không hề biến mất, lịch sử tiểu thuyết chỉ ngừng lại mà thôi : giờ đây chỉ còn sự lập đi lập lại sáo mòn vì tiểu thuyết cứ tái tạo mãi một hình thức vô hồn. Đấy là cái chết được che giấu nên không ai biết và cũng không ai thấy chướng.

8

Nhưng có phải tiểu thuyết đã đi đến tận cùng con đường của mình bằng chính cái lô gíc nội tại của nó ? Bởi tiểu thuyết đã chẳng khai thác toàn bộ những tình huống có thể, mọi tri thức và tất cả các hình thức truyện ? Tôi nghe người ta ví tiểu thuyết như những mỏ than đá đã cạn kiệt từ lâu. Nhưng thật ra tiểu thuyết chẳng giống thứ nghĩa địa của những cơ hội bỏ lỡ, những tiếng kêu gào không ai nghe đó sao ? Tôi đặc biệt cảm khái bốn tiếng kêu gọi sau đây.

Tiếng gọi của trò chơi

Theo ý tôi, Tristram Shandy, của Laurence Sterne[21] , và J*acques le Fataliste* của Denis Diderot, là hai quyển tiểu thuyết lớn nhất của thế kỉ 18, được sáng tácnhư một trò chơi hùng vĩ. Hai đỉnh cao của tự do phóng túng độc nhất vô nhị xưa nay. Tiểu thuyết về sau này bị trói buộc bởi hiện thực phải có, bởi bối cảnh phải cho giống ngoài đời, bởi thứ tự thời gian cho đúng. Tiểu thuyết sau này đã bỏ rơi những tình huống chứa đựng trong hai tác phẩm lớn ấy, những tình huống tự nó đủ sức mở ra một phương hướng tiến hoá khác với con đường hiện nay (đúng vậy, người ta có thể hình dung một lịch sử tiểu thuyết Âu châu khác...)

Tiếng gọi của mơ mộng

Trí tưởng tượng đang ngủ mê của thế kỉ 19 bị Franz Kafka thình lình đánh thức dậy, Kafka đã thành công điều mà sau ông, các nghệ sĩ siêu thực thỉnh cầu nhưng không thực hiện nổi : hoà hợp mộng với thực. Khám phá vĩ đại này mở ra một lối bất ngờ hơn là kết thúc một tiến trình : trong tiểu thuyết, trí tưởng tượng có thể bùng nổ như trong một cơn mơ và có thể vượt khỏi hiện thực oai quyền đầy vẻ bất khả tránh kia.

Tiếng gọi của tư duy

Musil và Broch đã đưa vào tiểu thuyết một thứ thông minh tuyệt đỉnh sáng ngời. Không phải để chuyển biến tiểu thuyết thành triết học mà chính là sử dụng, dưới hình thức một câu chuyện, tất cả mọi phương tiện hiện thực và siêu thực, kể lể hay suy tư, để soi sáng chủ thể con người; để biến tiểu thuyết thành một sáng tạo trí thức tối thượng. Thành tích đó há không phải là kết quả của lịch sử tiểu thuyết, hay đúng hơn, lời mời gọi lên đường, cho một cuộc du hành lâu dài sao?

Tiếng gọi của thời gian

Giai đoạn những *nghịch lí sau cùng* kêu gọi người viết tiểu thuyết không nên giới hạn vấn đề thời gian vào trí nhớ riêng tư của Proust mà phải nới rộng ra đến thời gian bí ẩn của số đông, đến thời gian của châu Âu, một châu Âu, quay lại nhìn dĩ vãng của mình để tổng kết, để nắm bắt lịch sử như một người già, chỉ bằng một ánh mắt, thấu rõ cuộc đời vừa qua của chính mình. Rồi từ đó, sẽ là khát vọng vượt qua những giới hạn của đời sống cá nhân (vốn đã được tiểu thuyết chiếu cố từ xưa đến giờ) và mang vào thế giới tiểu thuyết những giai đoạn lịch sử (Aragon[22] và Fuentes [23] đã toan tính thử nghiệm này).

Nhưng tôi không muốn tiên tri về tương lai tiểu thuyết, là chuyện tôi không biết ; tôi chỉ muốn nói : nếu tiểu thuyết quả tình phải chết, thì không phải bởi tiểu thuyết đã kiệt sức mà chính vì tiểu thuyết không còn ở trong thế giới của tiểu thuyết nữa.

9

Sự đồng nhất hoá của lịch sử nhân loại, giấc mơ nhân bản mà

Thượng đế đã nhẫn tâm cho phép thực hiện này, đã đồng thời mang đến một quá trình thu nhỏ, giảm thiểu thật khốc liệt. Dù rằng những con mối của quá trình này đã đục ruỗng đời sống con người tự bao giờ : mối tình lớn nào rồi cũng chỉ còn là bộ xương của những kỉ niệm èo uột. Nhưng chính đặc điểm của xã hội hiện đại đã tiếp sức ghê gớm cho tai ương định mệnh này : đời người đã bị thu nhỏ thành chức năng xã hội của con người ; lịch sử một dân tộc chỉ còn là vài ba biến cố, các biến cố này lại còn bị diễn dịch một cách có hậu ý ; đời sống xã hội bị thu hẹp thành đấu tranh chính trị, và cuộc đấu tranh này lại bị giảm thiểu thành một cuộc chạm trán giữa hai quốc gia siêu cường nhất thế giới[24]. Con người bị lôi vào cơn lốc thu nhỏ thật sự trong đó "thế giới thực của đời sống" đành đoạn bị che lấp và chủ thể rơi vào quên lãng.

Nhưng chính vì sứ mạng của tiểu thuyết là không ngừng soi sáng đời sống, sinh mệnh nhân gian và bảo vệ chúng ta khỏi bị lãng quên, thì ngày nay, có phải sự sống còn của tiểu thuyết thật sự cần thiết hơn bao giờ hết ?

Theo tôi, quả là thế. Nhưng than ôi, tiểu thuyết cũng bị những con mối của tiến trình thu nhỏ đục mòn ý nghĩa đời sống và cả ý nghĩa của tác phẩm nữa. Tiểu thuyết (cũng như văn hoá) càng lúc càng nằm trong tay của các giới truyền thông; vốn dĩ là tác nhân của sự đồng nhất hoá lịch sử nhân loại, họ khuếch đại và hướng dẫn cái tiến trình thu nhỏ này; họ phân phối cho cả thế giới cùng một thứ những đại khái giản lược, những hình ảnh dễ dàng được đám đông chấp nhận, được mọi người, được cả nhân loại chấp nhận. Mặc kệ những đòi hỏi khác nhau, những quyền lợi chính trị khác nhau trong chính những bộ phận của họ. Mà bên trong những khác biệt hình thức này ngự trị một thứ tinh thần rất đồng bộ. Chỉ cần lật qua những tuần báo chính trị Âu Mĩ, thuộc phe tả hay phe hữu, từ tờ *Time (Mĩ)* cho tới tờ *Spiegel* (Đức); đều chứa đựng cùng một quan điểm về đời sống, được biểu hiện trong cùng một thứ tự mục lục, những đề mục giống nhau, những hình thức báo chí như nhau, cùng một thứ ngữ (từ) vựng, một thứ văn phong kiểu mẫu chung, cùng một thứ quan niệm thẩm mĩ, cùng một hệ thống thứ bậc về những gì được họ xem là quan trọng hay vô giá trị. Tinh thần đồng bộ này của giới truyền thông được che giấu sau những khác biệt chính trị của họ, đó cũng là tinh thần/ đầu óc của thời đại chúng ta. Và theo tôi, nó khác với tinh thần tiểu thuyết.

Tinh thần tiểu thuyết là tinh thần của phức tạp. Mỗi quyển truyện nói với người đọc : " mọi sự quả là rắc rối hơn bạn nghĩ ". Đó là sự thật vĩnh cửu của tiểu thuyết

nhưng càng lúc tiếng nói này của tiểu thuyết càng bị che lấp

bởi những giải đáp giản dị và mau lẹ đi trước câu hỏi và loại trừ cả câu hỏi. Với đầu óc của thời đại chúng ta bây giờ, hoặc nàng Anna hoặc ông chồng Karenine của nàng cớ lí, và thái độ khôn ngoan xưa cũ của Cervantes quả là vướng víu và vô bổ, khi nó nói với chúng ta về khó khăn của tri thức, về sự thật không thể nắm bắt được.

Tinh thần của tiểu thuyết là tinh thần kế tục : mỗi tác phẩm là một trả lời cho những tác phẩm đi trước nó, mỗi tác phẩm phải chứa đựng kinh nghiệm đã qua của tiểu thuyết. Nhưng tất cả đầu óc của thời đại này chỉ chú trọng vào thời sự, thứ thời sự quá bành trướng và bao la đến nổi nó đẩy lùi cả quá khứ và thu hẹp thời gian thành một giây hiện tại độc nhất. Bị nhét vào guồng máy này, tiểu thuyết không còn là ***tác phẩm*** nữa (nghĩa là có định mệnh tồn tại lâu dài và sứ mệnh nối liền quá khứ với tương lai) mà chỉ là một thứ sự cố thời sự như bao sự cố khác, một cử chỉ không ngày mai.

10

Như vậy nghĩa là trong “thế giới không còn là của mình”, tiểu thuyết sẽ cáo chung ? Nó sẽ bỏ mặc châu Âu chìm vào “lãng quên chủ thể” ? Rằng rồi đây chỉ còn những lời ba hoa vô tận của các máy viết, thợ viết, chỉ còn thứ *tiểu thuyết hậu lịch sử tiểu thuyết ?* Tôi cũng chẳng biết nữa. Tôi chỉ tin rằng tiểu thuyết không thể nào sống chung hoà bình với đầu óc của thời đại này; nếu tiểu thuyết muốn tiếp tục khám phá những gì chưa được khám phá; nếu tiểu thuyết còn muốn “tiến bộ” dưới danh nghĩa tiểu thuyết, nó chỉ còn một cách là chống lại tiến bộ của thế giới.

Trường phái tiên phong đã nhìn mọi sự theo cách khác; họ bị ám ảnh bởi tham vọng (sống) hoà hợp với tương lai. Những nghệ sĩ của trường phái tiên phong đã sáng tạo những tác phẩm can đảm, khó tính, khiêu khích và bị chỉ trích nữa, nhưng họ đã sáng tạo với lòng tin rằng họ ở “đúng trong tinh thần thời đại” và tương lai sẽ cho rằng họ có lí.

Ngày xưa, tôi cũng nghĩ thế, tôi cho rằng chỉ tương lai mới đủ thẩm quyền phán xét tác phẩm và hành động của chúng ta. Về sau, tôi hiểu ra rằng sự ve vãn tương lai là thứ a dua theo thời tệ hại nhất, kiểu nịnh bợ kẻ mạnh rất hèn hạ. Vì tương lai bao giờ cũng mạnh hơn hiện tại. Bởi vì đúng là tương lai sẽ phán xét chúng ta. Và chắc chắn phán xét không với một thẩm quyền nào hết.

Nhưng nếu tương lai không có giá trị dưới mắt tôi, thì tôi bám víu

vào đâu : Thượng đế ư ? tổ quốc ư ? dân tộc ? hay cá nhân con người ?

Câu trả lời của tôi, thành thật và đáng chế diễu : tôi chẳng gắn bó vào thứ gì cả ngoài cái gia tài đã bị dèm pha, mất giá của Cervantes.

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
10/1999
dịch từ bản in nhà Gallimard,Folio,France 1986

Chú thích : Phỏng dịch theo các tự điển *Le Petit Larousse* và *Encarta*

1*E. Husserl* : (1859-1938) triết gia Đức, khai sinh trường phái Hiện tượng luận : nghiên cứu và miêu tả "đời sống ý thức" để nắm lấy bản thể chính của mọi sư vật và từ đó suy ra sự thật của con người và thế giới. Tác phẩm *Recherches logiques* (Nghiên cứu luận lí, *Idées directrice pour une phénoménologie pure et une philosophie phénoménologiques* (Ý tưởng dẫn đường (chỉ đạo) cho một hiện tượng luận học thuần túy và một triết học có tính chất hiện tượng luận , *Logiques formelles et logiques transcendantales*...Luận lí hình thức và Luận lí tiên nghiệm...

2 *Galilée* (1564-1642) nhà thiên văn học và vật lí Ý, đã khám phá ra Nguyên lí quán tính, viễn vọng kính v..v Tuy bị các triét gia đồng thời chối bỏ và Nhà thờ (Thiên chúa giáo La mã) thuở đó kết án tù chung thân (đổi thành quản thúc tại gia) với tội theo tà thuyết, phản đạo vì những tác phẩm nghiên cứu khoa học về thiên văn và vật lí. Galilée được xem như đã đặt nền móng khoa học thực tiễn dựa vào toán và luận lí lô gíc hình thức cho ngành vật lí học. Mãi đến 1992, Vatican mới chính thức nhận lỗi trong việc kết án ông gần 400 năm về trước !

3 *René Descartes* (1596-1650) nhà toán học kiêm triết gia, vật lí gia Pháp, khám phá nhiều nguyên lí, định đề trong Quang hình học, đã khai sinh Hàm số lũy thừa và Hình học phân tích (cùng với nhà toán học Fermat) và Nhị nguyên luận với phương pháp luận và siêu hình học mới: phương pháp của ông là dùng một suy luận lô gích của một ý tưởng rõ ràng phân biệt dựa trên suy nghiệm đi từ giản dị đến phức tạp để tách rời khoa học ra khỏi những kiến thức có tính cách mơ hồ kinh viện, siêu hình học của ông cũng đi từ một nghi ngờ có phương pháp để loại trừ hết những tri thức mù mờ không cơ sở, để chỉ còn lại một niềm tin (nghĩa là không thể nghi ngờ) cái tư tưởng đang nghi ngờ (. (Hệ luận bất hủ của ông : Je pense, doc je suis "tôi tư duy, vậy thì tôi là/ vậy thì tôi hiện hữu") Các tác phẩm : *Principes de la philosophie*- Những nguyên lí triết học- *Les passions de l'âme*- Những đam mê của tâm hồn - *Règles pour la direction de l'esprit* Qui tắc hướng dẫn lí trí, *Discours de la méthode*- Phương pháp luận- *Méditations métaphysiques* Trầm tư siêu hình học-

4 *Heidegger* ((1889-1976) triết gia Đức, được xem như một trong những người khai sinh thuyết hiện sinh (Existentialime) dù ông không nhìn nhận, trong l'*Être et le Temps*,(chủ thể và thời gian) chủ thể được ông gọi là Dasein , ông định nghĩa cấu trúc cơ bản của chủ thể Dasein : con người trước hết là *cái ta chủ thể với* , đối *với*, so sánh *với* các chủ thể khác nó: *họ, người ta, người khác, chúng nó* và đối với "dụng cụ", đồ vật của thế giới quanh nó, chủ thể dasein phải cáng đáng lấy dự án sống của thực -thể- ta- ấy-bị-ném-ra-giữa- đời , kế đến là với *cái tôi chủ thể trong* , chủ thể Dasein tôi ấy thường xuyên bị đe dọa chìm đắm, suy giảm, mất đi trong giả tạo và

muôn hình muôn vẻ của đời sống hằng ngày. Thì ra con người là chủ-thể-để-rồi-chết. Heidegger cho rằng siêu hình học từ thời Socrate đã lãng quên chủ thể đó. Nỗi lo của Heidegger là con người sẽ bị khoa học kĩ thuật thống trị, nghiên nát vì thực thể con người bị khoa học kĩ thuật hạ xuống hàng "đối tượng khách quan" để quan sát, còn ngôn ngữ chỉ dùng để thông tin liên lạc mà thôi, con người chỉ có lối thoát cuối cùng là nghệ thuật. Ông cho rằng cách duy nhất cứu vãn siêu hình học nhân văn là vượt qua được chủ nghĩa hư vô và chiếm hữu trở lại cái thực thể con người bị lãng quên trước đó...

5 *Cervantes* (1547-1616) người Tây Ban Nha, Don Quichotte là tác phẩm được xem như quyển tân tiểu thuyết đầu tiên trong lịch sử văn chương, trong phần đầu, tác giả đối chọi cái lí tưởng đầy anh hùng và hiệp sĩ tính rất ngây thơ và ảo tưởng (mang tính chất văn minh cuối thời đại Trung cổ - thời đại này từ đầu thế kỉ thứ 5 đến cuối thế kỉ 15- qua thời Phục Hưng -) của thầy Don Quichotte, với Sancho Pança tên tiểu đồng trung thành và đầy thực tế sáng suốt; trong phần thứ nhì, thầy bắt đầu biết điều hơn và trò hiểu dần cái ảo tưởng của thầy mình. Don Quichotte đa˜có ảnh hưởng hoặc gợi hứng choDefoe (thầy Robinson và trò Thứ sáu), Sterne, Gogol (trong les Âmes mortes), Dostoievski (trong l'Idiot) và Phạm Thị Hoài (Man nương) v..v...

6 *Samuel Richardson* (1689-1761): người Anh, tác giả ba quyển tiểu thuyết tâm lí xã hội giới trưởng giả nổi tiếng của thế kỉ 18, gợi hứng cho cả một thế hệ văn sĩ sau đó

7 Honoré de Balzac (1799-1850) người Pháp, tác giả của bộ trường giang *La Comédie humaine* , tiểu thuyết tâm lí xã hội chính trị thời đại, theo dự định gồm 137 quyển, nhưng ông mất sau khi hoàn thành hơn 90 quyển, trong đó Balzac miêu tả tỉ mỉ, xếp loại xã hội con người (thời đại Louis Philippe) với tất cả ảnh hưởng của lịch sử, tôn giáo, tiền bạc, chính trị, lí tưởng ...

8 *Gustave Flaubert* (1821-1880) : người Pháp, sinh tại Rouen, bắt đầu viết từ thời trung học, xuất bản *Madame Bovary* năm 1857, là quyển tiểu thuyết nổi tiếng và gây scandale vào thời đó. Tác giả lấy hứng từ một chuyện có thật, nhân vật chính là Emma Bovary, một người đàn bà lãng mạn và đầy ảo tưởng, bà ngoại tình vì buồn chán cuộc đời tỉnh nhỏ (Rouen) quá phẳng lặng với một ông chồng(dược sĩ) tầm thường, vô vị. Cuối cùng bị hai tình nhân lần lượt bỏ rơi, lại thêm chủ nợ dồn đến đường cùng,(vì lén chồng vay tiền mua sắm đủ thứ quần áo sang trọng để diện với nhân tình- người đầu tiên là một anh nhà giàu đẹp giai hào hoa-) bà mệnh phụ tỉnh lẻ tuyệt vọng đành kết liễu đời mình bằng thuốc độc arsenic. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử tiểu thuyết Pháp, một tác phẩm tâm lí hiện thực xã hội mà lãng mạn tình cảm trong đó tác giả đưa ra nhiều cái nhìn phức tạp vừa chủ quan, vừa khách quan, uyển chuyển và linh động. (Ông tuyên bố "*Madame Bovary, c'est moi*" Bà Bovary , chính là tôi đấy)

9 *Léon Tolstoi* (1828-1910) văn hào Nga, hai tác phẩm được toàn thế giới biết đến là *Guere et paix* và *Anna Karénine*, các tác phẩm khác *la Mort d'Ivan Ilich,Maitre et Serviteur, la Sonate à Kreutzer* và *Résurrection.*

10 Marcel Proust ((1871-1922): người Pháp, tác giả của bộ trường giang *À la recherche du temps perdu* (gồm ba tập với nhiều quyển : *Du côté de chez Swann, A l'ombre des jeunes filles en fleurs. Le temps retrouvé vv...*) bắt đầu xuất bản từ 1913 đến 1927.Theo ông : hình ảnh, cảm giác sống lại của kí ức hồi tưởng cũng như sáng tạo văn chương nghệ thuật chính là Hạnh phúc và vĩnh cửu.

11 *James Joyce* (1882-1941) người Ái nhĩ Lan (Irlande) tác giả của *Ulysse*, tác phẩm nổi tiếng nhất của ông, xuất bản lần đầu năm 1920 nhưng bị cấm vì bị xem là...khiêu dâm (pornographique), in lại tại Paris năm 1922, Ulysse, kể lại 24 giờ (ngày 16/7/ 1904) trong đời Leopold Bloom, bối cảnh là Dublin, với phương pháp độc thoại nội

tâm, phương pháp hoàn toàn cách mạng và mới lạ thời bấy giờ (câu chuyện và các nhân vật Bloom, mang hình ảnh Ulysse và Dedalus- tức là Joyce- mang hình ảnh của Télémaque, song song vơi câu chuyện của hai nhân vật của thiên hùng ca ***Odyssée d' Ulysse*** của Homère)

12 *Thomas Mann* (1875-1955) tiểu thuyết gia và phê bình gia Đức, tác giả nhiều tác phẩm có bối cảnh lịch sử xa xưa *Joseph et ses frèresles* , thời Thiên chúa giáng sinh, thời Trung cổ (l'Élu) và cả thời hiện đại : quyển *la Montagne magique* (1924) được giải Nobel văn chương 1929, với chủ đề là sự suy đồi của đời sống tinh thần Tây phương ngay trước thế chiến thứ nhất

13 Joseph K., trong tác phẩm *Le Procès* (Vụ án) hoặc đo đạc viên K. trong *Le Château* (Lâu đài) của *Franz Kafka* (1883-1924) văn sĩ Tiệp khắc viét tiếng Đức, đa số truyện được xuất bản (ngược lại ý muốn lúc sinh thời) sau khi ông đã mất. Truyện của ông nói về mối dây liên hệ siêu thực, phi lí, đen tối, cô đơn và đầy tuyệt vọng giữa con người và thế giới xung quanh. Tác phẩm nổi tiếng khác là La Métamorphose, nhân vật chính, một sáng thức dậy thấy mình biến thành con gián khổng lồ.

14 *Denis Diderot* (1713-1784) tiểu thuyết gia và triết gia Pháp, một trong những đại biểu chính của Thế kỷ Ánh sáng (thế kỉ thứ 18, thế kỉ của dòng triết học rực rỡ Âu châu) tác giả bộ *Encyclopédie.* Quyển *Jacque , le fataliste* viết vào năm 1765, sửa lại năm 1773, với giọng văn trào lộng, kể chuyện hai thầy trò (Jacques là anh người hầu) trong một chuyén du hành 8 ngày Quyển sách mở đầu như sau : *Họ đã gặp nhau như thế nào? Một gặp gỡ ngẫu nhiên như mọi gập gỡ khác. Tên họ là gì? Có quan trọng gì đâu, tên với ho ? Họ từ đâu đến đây? Từ chỗ gần đây nhát. Họ đi về đâu ? Vậy chứ bây giờ mình biết mình đi đâu không ? Họ nói gì với nhau ? ...*

15 Quyển tiểu thuyết (trào phúng) *Aventure du brave soldat Chveik au temps de la Grande Guerre* được viết từ 1920 đến 1923của *_Jaroslav Hasek* (1883-1923) người Tiệp Khắc

16 *Hermann Broch (* 1886-1951) người Áo, quyển truyện gồm ba tập *Les Somnambules*, chịu ảnh hưởng của Proust, Joyce và Kafka, miêu tả xã hội thượng lưu Đức từ cuối thế kỉ 19 đến hết thế chiến thứ nhất với những nhân vật sống không lí tưởng và mục đích, lướt qua một cách vô ý thức những biến cố đảo lộn xã hội, như những kẻ mộng du

17 *Robert von Musil* (1880-1942) tiểu thuyết gia người Áo, quyển truyện đồ sộ và dang dở *l'Homme sans qualite* đã xếp ông vào những đại biểu của dòng tiểu thuyết mới như Proust và Joyce

18 *George Orwell,* tiểu thuyết gia người Anh, tác giả của La Réplublique des Animaux

19 *Nikolai Vassilievich Gogol* (1809-1852) người Ukraine, văn hào Nga của thế kỉ 18được xem như cha đẻ của nền tiểu th uyết mới Nga Tác phẩm Les Ames mortes, Mirgorod, Arabesques, Le Nez, le Manteau, le Revizor

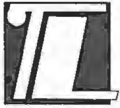
20 *Boris hay Andrei Bielyi* (1880-1934)Tiểu thuyết gia Nga

21 Laurence Sterne(1713-1768) , người Anh, Vie et opinions de Tristram Shandy, là bộ tiểu thuyết trào phúng mà tinh tế và nổi tiếng nhất, các tác phẩm khác : Journal à Eliza, Voyage sentimental.

22 Louis Aragon (1897-1982) thi văn sĩ người Pháp, một trong những thủ lĩnh phong trào siêu thực ở Pháp, tác giả bộ Le Monde réel, les yeux d'Elsa, Fou d'Elsa, Aurélien...

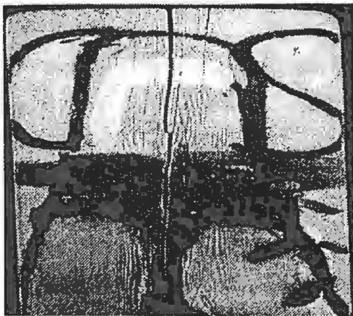
23 Carlos Fuentes (1928-) một trong vài tác giả người Mexico tiêu biểu nhất hiện nay , tác phẩm Terra Nostra, le Vieux Gringo, Cervantes ou la Critique de la lecture...

24 Xin lưu ý : sách này xuất bản năm 1986



NGUYỄN TUẤN ANH

Khúc gỗ trên dòng thác: Về đoạn mở đầu truyện ngắn "Y sĩ Đồng quê", của Kafka



"... Xác thân ông nằm trong nghĩa địa New Jewish Cemetery ở Zikov cùng với mẹ và cha. Nghĩa địa bỏ trống quá nửa, thế hệ đúng ra sẽ làm đầy nơi chốn này, được chuyển tới những trại tử thần vào những năm 1940, trong đó có ba chị em của Kafka."

Peter Haigh: "Kafka in Prague, Summer 1996" (Ghi chú nhân một chuyến du lịch).

Strip his clothes off, then he'll heal us,
If he doesn't, kill him dead
Only a doctor, only a doctor
(Lột trần anh ta, rồi anh ta sẽ chữa chúng ta lành bịnh
Nếu anh ta không làm được, hãy giết anh ta
Chỉ là một y sĩ, chỉ là một y sĩ)
O be joyful, all you patients
The doctor's laid in bed beside you
(Bệnh nhân ơi, hãy vui lên đi,
Y sĩ nằm trên giường kế bên anh)

"Y sĩ Đồng quê"

"Y sĩ Đồng quê" (1919), là câu chuyện một y sĩ vườn, bị đánh thức trong đêm bão tuyết, tới bên giường một người bịnh nặng. Viên y sĩ đáp lời, vượt vài trở ngại kỳ cục, tới bên giường, nhưng không thể giúp người bệnh. Sau cùng, ông thấy mình "với cỗ xe trần thế, không ngựa đời, thân già lạc lõng". Ở cuối chuyện, viên y sĩ nói: "Bị lừa! Bị lừa!" (1). Câu văn đóng chuyện đẩy người đọc về phần mở đầu, để tìm cho ra, nơi đâu, chỗ nào, viên y sĩ đã phạm lỗi lầm, một và chỉ một mà thôi; một lỗi lầm chẳng thể nào sửa chữa. Nhìn bề ngoài, phần kết thúc câu chuyện chứa đựng một (ý hướng) đạo đức nào đó. Có vẻ như, nếu viên y sĩ biết sớm điều này, ông có thể tránh được lỗi lầm nghiêm trọng (the fatal mistake).

Nhưng thực ra, viên y sĩ, hay người đọc, biết được gì, ở phần cuối chuyện? Lỗi lầm nào, và đạo đức nào? Liệu viên y sĩ có thể (chọn lựa giải pháp) không trả lời (cú gọi trong đêm)? Liệu ông ta có thể biết ngay từ khởi đầu, đây chỉ là báo động hoảng? Có cách nào (trong câu chuyện ở đây, hoặc có lẽ, vượt quá nó) phân biệt giữa báo động hoảng và báo động thực? Riết ráo hơn nữa, viên y sĩ thực sự đáp ứng lời gọi, hay cực chẳng đã, bị văng lên đường?

Nói cho cùng, làm gì có báo động, chẳng có chuông réo trong đêm, ở ngay đầu câu chuyện - chẳng có báo động hoảng, chẳng có bất cứ một thứ chi gọi là báo động. Ở đầu chuyện, có: một báo cáo thật chi li về một chuyện xẩy ra (hoàn toàn mang tính sự kiện, khả tín), theo đó, những sự cố hãi hùng xoắn xuýt vào nhau. Người đọc thực sự gặp trở ngại khi tìm cách xác định vị trí khởi đầu con xoắn. Như trong nhiều tác phẩm của Kafka, không hề có đột biến, nhưng thực tại tự nó mù mờ, các hướng các chiều chao đảo; một cuộc biến hóa (a metamorphosis), mọi vật dần dần mang những bóng dáng cơn ác mộng.

"Tôi thật quá bối rối; tôi phải bắt đầu một chuyến đi khẩn cấp; một con bệnh ngặt nghèo đang đợi tôi, tại một làng cách mười dặm đường; giữa con bệnh và tôi, là cơn bão tuyết dầy đặc; tôi có một chiếc xe ngựa, loại nhẹ, bánh xe lớn, đúng thứ xe dùng nơi đường quê; người choàng áo lông, túi dụng cụ cầm tay, tôi ở sân, sẵn sàng cho cuộc hành trình; nhưng không có ngựa để mà có, không có ngựa. Ngựa của tôi đã chết trong đêm, do kiệt lực vì những mệt mỏi của mùa đông băng giá này; người tớ gái đang đầu làng cuối xóm, cố mượn một con ngựa; nhưng chỉ là tuyệt vọng, tôi biết, và tôi bơ vơ đứng đó, tuyết dầy thêm trên người, mỗi lúc thêm khó khăn cử động. Người tớ gái xuất hiện tại cổng, một mình, và vẫy vẫy cây đèn; lẽ dĩ nhiên, làm

sao có người cho mượn ngựa cho một cuộc hành trình như thế? Một lần nữa, tôi đi quanh sân; không có lối ra; trong cơn bối rối ngán ngẩm, tôi đá cái cửa ọp ẹp khu chuồng heo đã bỏ hoang từ lâu. Cửa bật tung, đập qua đập lại quanh bản lề. Một luồng hơi có mùi ngựa tỏa ra. Bên trong, một cây đèn chuồng le lói đong đưa trên một sợi dây. Một người đàn ông co rúm người ở khu đất thấp, đưa bộ mặt ngây ngô, thực tình. "Tôi sẽ đóng ngựa?", anh ta hỏi, và bò bốn chân ra phía ngoài. Tôi không biết nói sao, và khom người nhìn coi còn có gì trong chuồng. Người tớ gái đứng kế bên tôi. "Ông chủ không bao giờ biết, sẽ kiếm thấy gì, ở trong chính căn nhà của mình," cô nói và cả hai chúng tôi đều cười. "Ơ này, Anh ơi, ơ này, Chị ơi!" người giữ ngựa gọi, và hai con ngựa, những con vật lớn lao, hông hùng dũng, chân lẳn vào mình, đầu con nào cũng thật cân đối, thâm thấp như đầu lạc đà, con này tới con kia, chỉ mấy cú lắc mông đã chiếm trọn lỗ cửa mở rộng. Nhưng ngay khi đứng thẳng, những cái cẳng dài và thân hình của chúng tỏa hơi dầy dặc. "Hãy giúp anh ta một tay," tôi nói, và người tớ gái sốt sắng lo việc thắng ngựa vào xe. Nhưng cô gái vừa tới gần, người chăn ngựa túm lấy, đè mặt anh lên mặt cô. Cô kêu lên và chạy trở lại phía tôi. Hai hàm răng anh ta hằn dấu máu trên mặt cô gái. "Đồ súc vật," tôi giận dữ la lên, "anh có muốn ăn roi không?", nhưng chợt nghĩ ra, đây là một người lạ, tôi không biết anh ta từ đâu tới, lại tự ý giúp đỡ tôi trong khi mọi người khác đã làm tôi hụt hẫng. Như biết được ý nghĩ của tôi, anh không coi lời hăm dọa là trọng, lại bận rộn với mấy con ngựa, hài lòng xoay lưng về phía tôi. "Hãy lên xe!", anh ta nói sau đó, và quả đúng như vậy, tất cả đã sẵn sàng. Một cặp ngựa tuyệt vời, tôi quan sát, đúng là chưa bao giờ được ngồi đằng sau một chiếc xe như vậy, và vui vẻ trèo lên. "Nhưng tôi là người cầm cương, anh đâu biết đường", tôi nói. "Lẽ dĩ nhiên" anh ta nói, "vả chăng, tôi không đi với ông, mà ở lại với Rose." "Không", Rose la lên, chạy trốn vô nhà, linh cảm sẽ chẳng thoát khỏi số; tôi nghe tiếng dây xích cửa, tôi nghe tiếng cài then, tôi còn nhìn thấy cô gái tắt đèn nơi hành lang và tất cả các phòng, mong sao không bị phát hiện. "Anh đi với tôi," tôi nói với người chăn ngựa, "nếu không tôi sẽ không đi, dù khẩn cấp cỡ nào. Tôi sẽ không đổi cuộc hành trình với giá cô gái". "Đi nào!" anh ta nói; anh ta vỗ tay; cỗ xe bật lên như một khúc gỗ trên dòng thác; tôi còn nghe tiếng cánh cửa chịu thua, vỡ từng mảnh dưới những cú đập của người chăn ngựa, rồi mắt mù tai điếc vì cơn bão, tôi không còn bất cứ cảm giác."

Cái tên truyện giới thiệu với chúng ta, người kể chuyện xưng tôi, mặc dù anh chưa hề nói một lời: một y sĩ đồng quê. Rồi anh trình bầy tất cả mọi chi tiết khởi đầu, theo giọng "đây chỉ là sự kiện" (a

matter-of-fact tone), y hệt một báo cáo cảnh sát; như thể anh đang xác minh trước quan tòa, như thể anh phải tự bào chữa, bảo vệ, trước những cáo buộc hình sự.

Tình cảnh của anh: hết sức bối rối. Vấn đề của anh: một chuyến đi khẩn, một người bịnh nặng, một làng cách mười dặm đường, một cơn bão tuyết, không ngựa, không hy vọng có được một con ngựa. Những biện pháp anh đề ra: 1- Cho người làm đi mượn ngựa, mặc dù chẳng một chút cơ may. 2- Đứng ở sân nhà, trong tuyết, sẵn sàng, đợi chờ chuyến đi; để, nếu người làm mượn được ngựa, sẽ chẳng mất đi đâu một phút, một giây. 3- Lại đi lòng vòng quanh sân. 4- Đá bung cửa chuồng heo bỏ hoang, biết đâu tìm thấy gì ở đó. 5. Khi ngựa và người xuất hiện, chẳng mất thì giờ hỏi tra về sự xuất hiện lạ thường này. 5- Tỏ thái độ khi cô đầy tớ gái bị xúc phạm, nhưng không trì hoãn chuyến đi, người bịnh nặng mới là quan tâm hàng đầu. 6- Thay đổi mối quan tâm hàng đầu, khi nhận ra người giữ ngựa sẽ làm nhục Rose, quyết định không bỏ mặc cô gái. 8- Khi người giữ ngựa làm cho hai con vật lồng lên, không điều khiển được chúng, và chiếc xe bị kéo đi "như một khúc gỗ trên dòng thác" ("like a log in a freshet").

Không một phiên tòa nào có thể kết tội viên y sĩ, về hành vi, cách sử sự của ông, trong bất cứ tình huống, biến động. Tuy nhiên, ngay từ khởi đầu, cho tới cuối câu chuyện, những câu hỏi trung tâm vẫn chưa được trả lời. Hơn thế nữa, chúng chưa từng được hỏi.

Thực sự, viên y sĩ bị cáo buộc vì cái gì? Đâu là những lời tố giác, buộc tội ông phải chiến đấu trong tuyệt vọng để phản bác? Chúng từ đâu mà ra? Ai buộc tội ông? Ai kết án ông, ở cuối chuyện (phải): "Trần trụi, phơi người ra trong giá lạnh vào cái tuổi bất hạnh nhất, với cỗ xe trần thế, không ngựa đời, già như tôi, tôi bơ vơ lạc lõng" ("Naked, exposed to the frost of this most unhappy of ages, with an earthly vehicle, unearthly horses, old man that I am, I wander astray.") Và vì tội (sin) gì?

Chừng 1/3 chuyện, là về những toan tính của viên y sĩ nhằm tự chống đỡ trước cáo buộc, vốn chẳng có, trước một bên nguyên chẳng hề xuất hiện ở trong chuyện. Thêm vào "lời xin lỗi" (apology) ở đầu chuyện, thật hữu lý, và cũng thật vững vàng, một "biện hộ khác" xuất hiện sau đó như một lời than van, tự thương thân, khác biệt hẳn biện hộ khởi đầu.

"Tôi là y sĩ quận ly, làm bổn phận của tôi tới cùng, gần như quá sức tôi. Tôi được trả lương tồi, nhưng tôi rộng lượng, giúp đỡ người nghèo. Tuy nhiên tôi còn phải lo cho Rose, và sau cùng tên chăn ngựa có thể không có lỗi; tôi cũng vậy, tôi chỉ muốn chết. Tôi làm gì ở đây

trong cái mùa đông vô tận này! Ngựa của tôi thì chết, vậy mà chẳng một người nào trong làng cho tôi mượn một con khác. Tôi phải lấy ngựa từ nơi nuôi heo; nếu sự tình cờ không để đôi ngựa ở đó, chắc là tôi phải đóng xe bằng mấy con heo... Đâu phải đây là lần đầu tôi bị kêu ra khỏi nhà vì một chuyện vô ích, tôi đã quen với nó rồi, cả cái quận lỵ biến cuộc đời tôi trở thành khốn khổ khốn nạn với cú gọi đêm, nhưng lần này có lẽ tôi phải hy sinh Rose... thật là đòi hỏi quá đáng..."

Trái ngược với biện hộ ngắn ngủi ở đầu chuyện, khúc độc thoại ở đây cho thấy, không phải toan tính nhằm thuyết phục, mà là cố gắng làm mủi lòng. Có lẽ, một độc thoại vượt quá cơn tuyệt vọng, chán ngán, kể từ lúc người nói, ở đoạn đầu, đã tỏ ra mong ước được chết (ngay sau khi Rose được an toàn), ở đoạn cuối, anh nhìn lại chuyến đi thăm người bịnh - và cả đời mình - như là một thất bại vô phương sửa chữa.

Đoạn mở đầu là một biện hộ, vững vàng, không thể chê trách được, ít ra ở bề ngoài. Một biện hộ bi thảm: nó hầu như là một câu dài, với nhiều mệnh đề, xác định bằng dấu chấm phẩy. Lời khai của viên y sĩ, là thì hiện tại (present tense), như một buổi phát thanh trực tiếp ("at the moment she went to him and here, yes, the groom grabs her and knocks his face against hers. The girl lets out a shriek and flees toward me".) Có vài chuyển đổi giữa-câu (mid-sentence transitions) từ quá khứ qua hiện tại như thế.

Viên y sĩ đá cánh cửa bật tung, và "giải thoát" (deliver: sinh nở, giải thoát) - trước sự sững sờ của ông - người chăn và hai con ngựa, từ nơi chuồng heo. Như sự xuất hiện của cái mũi, từ ổ bánh mì, trong chuyện của Gogol, sự xuất hiện của người chăn và hai con ngựa trong "Y sĩ Đồng quê" đã được miêu tả hầu như là một cơn đẻ (as a birth): người chăn ngựa bò ra "bằng bốn chân", hai con ngựa, "con nọ tiếp con kia, bốn chân lẳn vào mình..." Cắn vào má Rose là hành động đầu tiên của người chăn ngựa, vì vậy mà viên y sĩ gọi anh là "đồ súc vật". Tính dâm tà của anh, và vụ xâm phạm cô gái thực sự mang tính thú vật. Viên y sĩ có thể nghe "cánh cửa nhà tôi long ra từng mảnh dưới những cú đập của tên chăn ngựa". Cùng lúc, tên chăn ngựa đóng vai quen thuộc của quỉ dữ, trong chuyện dân gian, đề nghị một chuyện trao đổi ma quái. Tên giữ ngựa/con quỉ như từ dưng không trồi lên, dụ khị (offering) thân chủ của nó: mày muốn được cái đó hả, thì đây này; nhưng, cái mà con quỉ lấy đi còn quí giá, còn ý nghĩa hơn nhiều. Viên y sĩ nói: ta sẽ không đổi chuyến đi với cái giá cô gái. Nhưng một khi ông chấp nhận đôi ngựa, "định mệnh đã an bài"!

Ở đầu chuyện, là một số gắng nhằm giải quyết vấn đề di chuyển - làm sao tới bên giường một người bệnh ngặt nghèo, tại một làng cách đó mười dặm đường, một cơn bão tuyết trong đêm - cuối cùng hóa ra là một "affair" (tạm dịch: chuyện tình) với đầy tủi hổ, nhục nhã, và tội lỗi: ngựa của viên y sĩ chết vì bị hành quá mức, ông ta không thể bảo vệ cô gái, ông ta cũng thất bại không cứu nổi người bịnh. Có lẽ chính vì vậy mà đoạn mở đầu mang cái vỏ một lời xin lỗi (sự thực, cả câu chuyện là một lời xin lỗi). Hỡi ơi, đây chỉ là một lời xin lỗi phi lý, xin lỗi theo kiểu vòng vo Tam quốc, giống như trong chuyện dân gian: "Có một lỗ hổng ở trong cái xô của tôi": điều thứ nhất không thể thực hiện vì thiếu điều thứ hai, điều thứ hai bị ngăn chặn (thực hiện) vì những trói buộc ở điều thứ ba... và cứ như thế. Đạt được điều thứ nhất là đạt được tất cả, khốn nỗi...

Hãy thử thực hiện câu chuyện "Y sĩ Đồng quê" theo kiểu trên, xem sao:

-Nếu mọi chuyện đều sẵn sàng cho chuyến đi - bao gồm cả chuyện "một chiếc xe nhẹ với những bánh xe lớn" - tại sao ông không đi?

Bởi vì không có ngựa.

-Ngựa đâu?

Chết đêm hôm qua.

-Tại sao ngựa chết?

Vì những mệt mỏi mùa đông băng giá.

-Tại sao ngựa mệt mỏi trong mùa đông băng giá?

Bởi vì cả quận ly biến đời tôi trở thành khốn khổ khốn nạn với cú gọi đêm.

-Tại sao cú gọi này lại nặng nề đối với ông, hơn là những cú khác?

Lần này "chắc tôi phải hy sinh Rose"

-Như vậy tại sao ông bỏ mặc cô gái? Tại sao ông để tên chăn ngựa cắn cô ta?

Tôi đã trách anh ta, tôi dọa quất roi anh ta.

-Tại sao ông không quất?

Bởi vì ngay lập tức tôi nhớ ra "người đàn ông này là người lạ; tôi không biết anh ta từ đâu tới".

-Tại sao ông nhận sự giúp đỡ từ một người lạ khi ông không biết gốc gác người đó?

Bởi vì anh tự ý giúp tôi thoát ra khỏi khó khăn trong khi tất cả mọi người làm tôi hỏng cẳng.

Tại sao những người khác làm ông hỏng cẳng?

"Cả quận lỵ biến đời tôi thành khốn nạn".

-Tại sao ông không ngăn tên giữ ngựa phá cửa, và rồi xâm phạm cô gái?

Tôi đã cố. Tôi ra lệnh cho anh ta đi với tôi, nếu không "tôi sẽ không đi, dù khẩn cấp cỡ nào".

-Nếu vậy, tại sao ông không huỷ chuyến đi?

Bởi vì tên giữ ngựa bất thình lình vỗ tay ra hiệu cho ngựa vùng lên, chiếc xe bị kéo đi, "như khúc gỗ trên dòng thác".

-Tại sao ông phó mặc tính mạng của ông vào một tên chăn ngựa?

Bởi vì có một người bịnh ngặt nghèo đang đợi tôi, tôi lại không có ngựa.

Ở đây có bóng dáng câu chuyện "bà già đi chợ đàng trong, mua năm cây mía vừa cong vừa dài; bà già đi chợ đàng ngoài, mua năm cây mía vừa dài vừa cong"...

Cũng vẫn một "mẫu mã" như trên, là đoạn viên y sĩ gặp người bịnh, đoán bịnh lầm. Thoạt đầu, ông không nhận ra vết thương của cậu bé, rồi không thể (fail) giúp nó...

Vậy thì đâu là "khế ước mở đầu", người đọc được yêu cầu chấp nhận?

Thoạt kỳ thuỷ, là mong ước người đọc: tin tưởng người kể chuyện-y sĩ, tỏ ra có cảm tình với con người đạo hạnh đã đáp ứng lời gọi trong đêm bão tuyết, đi chữa một bịnh nhân... Những đòi hỏi khẩn cấp, hình huống ngặt nghèo, lời khai, lời xin lỗi... của viên y sĩ khiến người đọc nhận ra ý nghĩa việc viên y sĩ quyết định sử dụng đôi ngựa. Ngay cả vụ tấn công cô gái cũng không đủ để hoãn cuộc hành trình, và độc giả hài lòng với việc trách móc "qua loa" của viên y sĩ.

Chỉ tới khi đôi ngựa lồng lên (bi kịch bắt đầu!), người đọc mới băn khoăn tự hỏi, phải chăng hoàn cảnh (thực sự) ở trong tầm tay, ngay từ khởi đầu. Những quyết định của viên y sĩ có thực sự là những quyết định? Cả một chuỗi lo toan tính toán, quyết định như thế, cuối cùng hóa ra chỉ là một cơn "hoang tưởng" hãi hùng của viên y sĩ: ông ta đã bị lừa. Ông ta đã đáp ứng một báo động hoảng. Không phải chỉ viên y sĩ bị lạc đường, mà luôn cả độc giả cũng bị "văng lên đường", theo với ông!

Bởi vì nói cho cùng, chẳng có báo động hoảng, ông ta đã "bị" lên đường, ngược lại ý muốn của ông.

"Y sĩ Đồng quê", dù hiểu thế nào đi chăng nữa, không phải là câu chuyện của tội lỗi và trừng phạt. Càng chẳng phải một câu chuyện ngụ ngôn về chuyện lấy lộn, chọn lầm (taking the wrong turn, making the wrong choice). Thảm kịch của viên y sĩ không phải là do hậu quả

của những hành động, và thất bại của ông. Chuyện "xin lỗi" chỉ là nói cho vui. Khế ước mở đầu chỉ là đối tượng của một khế ước thực, khế ước ngầm. Theo những điều kiện của khế ước ngầm này, viên y sĩ đã có tội, "ngay từ tiên thiên, tiên nghiệm" (à priori). Ông ta đã bị kết tội, kết án ngay từ khởi đầu, mặc dù sự vô tội của ông. Ông ta có tội ngay cả trước khi bắt đầu những lời than van, xin lỗi, tự kiểm thảo bản thân. Ngay từ "thoạt kỳ thuỷ", ông ta chẳng khác nào "một khúc gỗ trên dòng thác". Ông ta có tội, bởi vì "tội lỗi của người đàn ông" (a man's guilt) luôn luôn nằm sẵn đó, đợi ông.

Cô gái Rose hình như đã nói ra những điều kiện thực sự của tờ khế ước, của Kafka: "Bạn chẳng thể nào biết điều bạn đang tìm, trong chính căn nhà của mình".

Tội lỗi ngồi thu lu đằng sau "cánh cửa ọp ẹp của cái chuồng heo đã bỏ hoang từ bao nhiêu năm tháng..."

NG. TUẤN ANH
(Theo bài viết của Amoz Oz trên Partisan Review, số Mùa Xuân, 1999).

Chú thích:
(1). Bản tiếng Anh: "Betrayed! Betrayed!" (Bị phản bội); bản tiếng Pháp của Claude David, (nhà xb Gallimard, tủ sách Folio: "Dupé! Je suis dupé!" (Bị lừa! Tôi bị lừa!).



MAI NINH

Đêm rượu đợi



Chẳng lẽ bao năm sau tôi vẫn phải chịu đựng cùng cảm giác đứng ngồi không yên, bồn chồn quay quất, khi đợi chờ Luân. Nắng rưng rưng trên vùng cỏ dưới thung lũng, cạnh rừng cây vương víu ánh lá vàng. Những cây thông sừng sững vươn cao bên sườn núi, vời vợi và an bình. Thế mà hồn tôi cứ lao đao, tim chừng như khi đập khi ngừng, từ sáng sớm mở mắt cho đến bây giờ, buổi chiều. Buổi chiều reo leng keng tiếng lục lạc của bầy dê be be về ngang qua bên kia đường mòn. Ba giờ, chuông nhà thờ của ngôi làng nhỏ thấp thoáng sau rặng thông đang đổ hồi. Trời sẽ sẫm dần, ngày gần hết. Mãi bảy giờ Luân mới tới bằng chuyến tàu cuối. Người đàn ông dưới thung lũng đã cam đoan chỉ ba mươi phút đủ để xe đổ xuống nhà ga. Nhưng không, tôi sẽ đi trước một giờ. Con đường từ trên đồi này về thị trấn có mấy khúc vòng, quanh co qua khu rừng ẩm ướt. Và biết đâu, nếu chùng chình tới trễ, tôi sẽ không được ôm ghì lấy Luân khi chàng vừa bước khỏi bực toa tàu. Mà hay là...hãy để Luân tìm kiếm, cho đáng tội những ngày xưa tôi đã phải truy tìm Luân trong từng giờ của ngày thực, trong từng phút của đêm mơ.

Hai ngày trước, khi tôi lên đến đây, trời đổ cơn mưa tuyết.

Tuyết rơi không dầy nhưng lả tả cho tới sáng hôm qua. May thay người đàn ông gù lưng phụ trách giao nhà đã đem về những vật dụng tôi định sẽ xuống phố mua sau. Cái dáng dấp hơi khòm, nhưng cặp mắt linh động, hai cánh mũi đập liên hồi làm mới đầu tôi dè chừng ngần ngại. Trái lại giọng nói lắp bắp và bàn tay thỉnh thoảng vuốt xuôi những sợi tóc vàng, lộ ra sự hiền lành có chút gì thơ trẻ. Dù gương mặt sạm nâu với vài nếp gấp đây đó, tôi đoán chừng tuổi ông ta không nhiều lắm. Tôi có hơi ngượng ngập. Đấy là người đàn ông đầu tiên đã nhìn tôi thẳng thừng từ đầu đến chân, dẫu là mới gặp. Sau cái nhìn đó, ông ta lặng thinh đi mở tung những cánh cửa sổ của ba căn phòng thông nhau, phòng khách, phòng ăn và nhà bếp. Bỏ mặc tôi đứng lại nơi cái cửa ra vào làm bằng những kính nhà thờ nổi hoa màu rực rỡ. Từ đó nhìn thẳng vào chiếc bàn ăn lớn. Sau bàn ăn là cửa mở ra vườn. Những nụ hoa tuyết bay lửng lơ qua từng nhánh cây trụi lá. Người đàn ông tiếp tục đẩy cửa vào hành lang bên kia, chắc là phòng ngủ và nhà tắm. Tôi gỡ găng tay và mũ len bỏ trên mặt bàn, đến gần cửa sổ. Khu vườn phía sau dài tới triền đá. Trên những phiến nham thạch, mọc từng chùm dương xỉ xanh ẻo lả chen lẫn với một thứ hoa leo vàng thắm. Không hiểu hoa gì mà bất chấp cả cái lạnh mùa đông. Tuyết phủ trắng sân cỏ, lộ những cây hồng khẳng khiu và mấy bụi anh túc cầu khoe thân trơ trọi. Hai con chim ác là đuổi nhau vụt xuống từ mái nhà, oác miệng kêu canh cách thật chói tai, rồi chao xà đậu lại. Cặp cánh khoang trắng trên toàn thân đen thẫm với cái đuôi dài ngúng nguẩy. Hai con rúc rúc vào nhau trên phiến đá. Tôi chợt nhận ra đó là tấm bia một ngôi mộ nằm sau cây nguyệt quế.

- Bà ấy chết...chết cách đây năm năm. Người đàn ông trở ra từ lúc nào, tiếng hơi đục và nhỏ.

- À, ờ, chủ nhà này?

- Hình...hình bà ấy đó.

Tôi ngoảnh nhìn tấm chân dung sơn dầu choáng cả bề ngang trên bờ tường lò sưởi. Ánh sáng ban ngày không chiếu vào tận nơi. Nhưng tôi đủ rùng mình trước tia mắt biếc. Bà ta đang nhìn tôi như hỏi nhỏ tôi là ai, từ đâu đến, với hai vành môi hơi nhếch lên tựa mỉm cười. Vài sợi tóc màu hạt dẻ, không tóm hết ra sau, buông thả che một bên má bầu bĩnh. Bức tranh bán thân chỉ lộ bờ vai và manh áo mỏng màu ngà giản dị. Tôi nghe tiếng thở sau mình. Người đàn ông cũng đang ngửng nhìn bà ta đăm đắm. Hai con chim ngoài vườn lại toang lên tiếng kêu như mảnh sành vỡ. Ông ta giật mình, ngượng nghịu phác một vòng tay rồi đi ra cửa, ấp úng hẹn sẽ xuống thị trấn mua cho tôi mấy thứ cần thiết và con gà trống thiến.

Thế là từ đầu buổi chiều hôm nay, người đàn bà trên lò sưởi tha hồ theo dõi từng công việc tôi làm trong khi chờ Luân. Khuôn mặt dịu dàng ấy chắc chắn không soi mói, nhưng hẳn diễu cợt điệu bộ tôi đi ra đi vào nôn nao, bần thần bất chợt. Cầm khăn lau bụi những đóa hoa khô đã bất tử trong chiếc bình sứ trắng. Mở ngăn kéo lôi ra tấm khăn bàn màu ngà, trải lên. Rồi lại nghĩ, hơi nhạt hơi buồn. Trong căn nhà này, người đàn bà ấy chỉ dùng một màu trắng và xanh dịu, thỉnh thoảng điểm vài nốt vàng đậm hướng dương. Lại cất đi, lôi ra tấm khác. Chắc Luân thích màu đỏ tím lịm này hơn, nó sẽ ấm cúng với ly tách trong suốt cho bữa ăn tối nay. Bà có nghĩ thế không? Ngày xưa Luân thường mặc áo màu đậm trên quần nhạt dù trời xứ tôi mưa gần hết cả năm. Trải khăn xong, tôi dọn đĩa dao muỗng nĩa. Tôi bày những cái ly uống rượu, thon cao, tròn thấp. Champagne sẽ sủi bọt vàng lân tinh. Vang đỏ thấm đẫm như máu sẽ dội từng hồi tới tấp trong tim tôi, khi Luân ngồi trước mặt. Ngần này năm tháng đi qua trong đời. Hẳn bà cũng biết, đã bao lần tôi bày những bàn ăn. Đây chẳng phải lần đầu. Những bàn ăn cho đông người và những bàn ăn chỉ riêng tôi đối diện với một người đàn ông nào đó đi qua đời sống mình, tình cờ hay thiết yếu. Nhưng chỉ có lần này tôi lúng túng băn khoăn.

Con gà đã bỏ vào lò đang bốc mùi thơm. Ồ, đã đến lúc phải thêm vào bên cạnh những quả dẻ tây và một chút nho ngâm cognac. Đáng lẽ chỉ nên quay gà một giờ trước bữa ăn. Nhưng bà hiểu cho, tôi muốn dành trọn thời gian và hồn mình cho sự có mặt của Luân khi chàng đến. Luân hẳn không thích căn phòng này ngợp mùi thức ăn đang nấu. Món gà cổ truyền cho đêm nay không khô mất đâu. Tôi sẽ tắt lò sớm và canh chừng rưới lên đó từng thìa nước sốt. Nó cũng giúp tôi bớt đi nôn nóng của một sự đợi chờ. Tựa đã suốt qua, gần nửa đời tôi thiếu phụ. Năm xưa, tôi ngồi bên này sân mở to mắt nhìn qua hàng rào vắt leo những dây hoa ti-gôn hồng. Thấp thỏm mong dáng Luân dắt xe vào bên kia sân nhà ông bác. Luân dựng xe cười rất tươi. Chị Thư đứng bên mành trúc ở cửa ra. Luôn luôn yểu điệu và kênh kiệu, chị chẳng bao giờ là người chạy đến trước. Tim tôi nhói đau mỗi lần. Luân đến cạnh chị Thư, tay bóp nhẹ vai chị nhưng mắt nhìn sâu hút. Vâng, làm sao tôi thấy rõ được gì qua cành lá của hàng rào ngăn hai sân nhà thân thuộc. Tôi chỉ khổ sở mường tượng ra cái nhìn ấy. Nhưng bà biết đấy, sự tưởng tượng thường làm người ta đau đớn hơn những điều có thực.

Có tiếng gõ cửa nhè nhẹ. Người đàn ông dưới thung lũng đã trở lên, ôm một cây thông nhỏ sực thơm mùi nhựa mới cắt. Chẳng nói

chẳng rằng, ông ta đặt nó xuống đất, chạy ra hông nhà cầm vào một cái xô đầy cát. Vẫn trong sự im lặng như thế, tôi và ông cắm cây thông vào xô cát đặt trong một góc phòng. Dưới đôi mắt chăm chú của người thiếu phụ chủ nhân. Tôi nghĩ thầm, thế là phải đi sớm hơn nữa, để mua ít thứ về trang trí cây thông. Nhưng rõ ràng, người đàn ông này không ngừng làm tôi ngạc nhiên. Ông ta mở một ngăn kéo, lôi ra bao nhiêu quả chuông bạc và những ngôi sao long lanh kim nhũ. Trước vẻ mặt tôi, ông giải thích:

- Tôi...tôi đã dọn...dọn cất mấy thứ này. Chợt giọng nhỏ lại như nói một mình.

- Khi...khi...bà ấy mất, cây vẫn còn...còn tươi tới mấy tháng sau.

Tôi qùi trên sàn, cùng với người đàn ông treo những ngôi sao và chuông bạc vào từng nhánh thông. Tôi sẽ mua thêm nhiều ngọn nến. Sẽ thắp sáng đêm nay để rực thêm màu mắt người đàn bà trong tranh. Và tôi sẽ nói với Luân, khi em rời khỏi nơi này cây còn xanh mãi.

*

Căn phòng ngủ vàng nhạt với giường tủ màu gỗ thẫm nhưng không cầu kỳ. Tôi thích cả một khung cửa lớn nhìn xuống thung lũng và chiếc bàn phấn thấp dài có tấm gương to hình bán nguyệt. Tất cả được xếp đặt gọn ghẽ, nhưng rất tự nhiên như vẫn có người sống trong căn phòng này tự bấy lâu nay. Còn chiếc áo khoác bằng lụa dầy trên mắc, còn đôi dép nhung thêu dưới chân giường và cái bật lửa cùng hộp mù xoa giấy trên bàn ngủ. Tối hôm qua tôi đã mở một ngăn tủ lấy ra chăn gối. Tự nhiên tôi dè dặt ngại ngần. Hình như mình đang xâm phạm vào những gì riêng tư của người thiếu phụ. Tôi hít hà những tấm ra thoang thoảng mùi la-văng miền núi.

Đã năm giờ hơn. Phải sửa soạn đi đón Luân thôi. Tôi ngồi xuống trước bàn phấn với cái giỏ đựng đồ trang điểm. Vừa mới tắm xong, những sợi tóc sấy khô bung lên khiến khuôn mặt đầy đặn hơn. Tôi nhìn mình trong gương. Có cần không, trang điểm? Da mặt vẫn đủ mịn. Mắt đủ to và chân mày chẳng cần thêm nét vẽ. Má vẫn đủ hồng. Lần đầu tôi và Luân gặp lại nhau sau nhiều năm trời biền biệt, tôi cũng chỉ thế này. Nhưng tôi không thể quên ánh mắt Luân vừa ngỡ ngàng vừa đằm thắm. Cũng cùng cái nhìn tha thiết thuần phục ấy, tôi đã quặn đau gan ruột khi nó chỉ hướng về chị Thư, năm tôi mười sáu tuổi.

Chị Thư năm nay mười chín, đẹp rực rỡ. Cổng nhà bác tôi

sáng tối bình bịch, ken két tiếng đỗ xe, tiếng chuông réo gọi, tiếng người đưa thư. Tiếng con bé người làm càu nhàu ngái ngủ, phải ra mở cửa giữa giấc trưa. Hai bác tôi chỉ có chị Thư và một cậu con trai bằng tuổi tôi nên chìu con bất khả tư nghì. Chị là thiên kim tiểu thư của cả họ. Tôi còn đầy vẻ trẻ con, lép vế đứng sau. Nhưng trước khi Luân xuất hiện, tôi chẳng nề hà chi chuyện đó. Tôi thán phục vô điều kiện, thương chị Thư hồn nhiên vì chị tuy điệu bộ khó khăn cũng chỉ yêu chìu có một mình tôi. Nhiều khuya, tôi đã mặc áo ngủ còn lẻn sang nhà chị, chui vào giường bắt chị kể chuyện. Chị Thư kể rất hay, từ xi- nê ca nhạc, tiểu thuyết truyện tình. Rồi bao giờ cũng kết thúc bằng chuyện của chính mình, anh chàng này và anh chàng nọ. Chị đọc thư họ cho tôi nghe, cười khanh khách. Lấy giọng ngô nghê, diễu cợt những tán tỉnh của họ, rất khôi hài, khiến tôi co người như tôm, ôm bụng cười. Rồi ngủ quên trên cánh tay chị.

Cứ thế, cho đến khi chị quen Luân là mọi điều đổi khác. Là bỗng chốc tôi rơi từ không gian cao vời thanh thản vào vũng sâu của đớn đau trầm uất. Dù tôi đã vận dụng tất cả trí khôn, lý luận xác đáng của tổng cộng mười sáu năm sống trên mặt đất. Nhiều nhõi gì mười sáu năm ! nhưng với tất cả nghị lực, để làm con chim non từ đáy vực cố cất cánh bay lên. Chị Thư chẳng dự phần gì. Chỉ là do tôi. Chỉ là ở cái dáng dấp cao, lững thững của Luân. Chỉ là mắt Luân vừa ánh thơ trẻ vừa mời mọc, mang chút gì, mà một lần tôi nghe cô bạn chị Thư bĩu môi gọi là đĩ thỏa. Và cũng vì lúc Luân mở miệng cười, người đối diện sẽ tưởng rằng anh đang cho đi tất cả. Không, chưa hết. Còn những bức tranh Luân, màu sắc của lửa và của nước, dù thuở ấy tôi nào biết gì về hội họa. Chẳng như chị Thư, treo đầy tường những bức tranh Luân tặng rồi ung dung ngồi nghe mọi người thán phục tài năng của người yêu. Tôi dành dụm tiền mua sách về hội họa đọc thay tiểu thuyết. Tôi gửi chiếc solex cho tên giữ xe bên vỉa hè, một mình, can đảm bước vào những phòng triển lãm. Lặng lẽ ngắm nghiá, chịu đựng những cái nhìn tò mò lẫn xem thường: - Con bé con ấy biết gì!

Dù chẳng cần trang điểm, tôi vẫn phải bôi son. Theo thói quen, và nếu không môi sẽ tái đi, ngoài kia trời rất lạnh. Tôi với sắc tay, tìm. Bất chợt nhìn vào cái đĩa mây trên bàn phấn đựng những cây son nhiều màu. Tôi cầm lên, mở nắp, quay quay từng thỏi một. Mấy năm rồi mà son vẫn chưa khô. Thử màu gì đây? Hồng nhung ư? Trên da trắng, chẳng khác gì geisha! Lie de vin, cặn rượu chát? Có lẽ được. Không, hơi buồn cho đêm nay. Trời đang mù dần, xám đục thế này là sẽ tuyết. Đỏ cam hay fushia chăng, làng chơi quá! Tôi ngửng nhìn

trong gương, rồi cúi xuống đổ ào cả đĩa son lên mặt bàn phấn. Tôi biết rồi, phải tìm ra màu hồng, màu hồng ngả gỗ trầm mịn màng của chị Thư. Đây, đây, màu này chị Thư thoa mỗi ngày, ngay cả hôm đám cưới. Chị hôn Luân với màu son này. Luân cười kỳ diệu trước mọi người với nét môi chị uốn cong để lại trên gò má. Tôi cầm thỏi son quẹt những nét mạnh lên môi. Tôi không vẽ viền trước, cũng chẳng thèm dùng bút lông thoa cho đều. Tôi chỉ muốn xem ngay, môi mình có thắm như chị Thư. Cuối cùng, tôi ném thẳng thỏi son hồng của người thiếu phụ xuống thảm, ngẩn người nhìn một bộ mặt lem luốc hiện ra trong tấm kính. Nó đấy, con bé Yên mười sáu tuổi tập tễnh trang điểm. Tập tễnh bôi má hồng, đánh môi son cho giống chị Thư. Nhưng chẳng bao giờ giống được. Con bé tuyệt vọng. Tức tưởi quệt ngang dọc màu mè lên gương mặt thơ ngây nhoè nhoẹt nước mắt trong căn phòng lặng lẽ. Tôi nhớ chứ, lúc ấy bên kia rặng hoa ti-gôn, chị Thư và Luân đang làm lễ tơ hồng.

*

Giờ này không còn mấy xe cộ trên đường núi. Trời đã tối. Khi ngang qua làng, tôi thoáng thấy người đàn ông đang khuân những khúc củi khô vào nhà. Ông ta một mình, hay sống với ai? Nếu không sợ trễ giờ, tôi thật muốn bước vào căn nhà nhỏ ấy, có những cánh cửa sơn xanh rất lạ. Người đàn ông này đem đến cảm giác bí ẩn nhưng bảo bọc và đồng lõa. Dường như ông ta biết rõ tôi, như từng biết người thiếu phụ trong tranh.

Tôi mải mê với những suy nghĩ mông lung, suýt không nhìn thấy sau khúc đường cong, một chiếc xe chở gỗ lừng lững đậu ngang, chắn gần hết mặt đường. Tôi rọi đèn pha, trên xe không có ai. Một phút, rồi hai ba, năm bảy. Tôi bấm còi tin tin. Vẫn thế. Tôi sốt ruột nhìn đồng hồ, rồi thẳng tay dộng còi trên tay lái. Chẳng có ai đằng trước đằng sau cho tôi cầu cứu. Tuyết bất ngờ rơi nhiều hơn, không tan nổi trên đầu xe vẫn nóng. Từ dưới xa, dường như vọng tiếng tàu đã vào sân ga. Tôi bật khóc. Mãi lâu sau, người tài xế mới trở lên cùng chiếc xe câu. Và tôi lao xuống đường đèo mù mịt như bay vào hư vô, không sức cản. Chung quanh nhà ga chẳng còn mấy người qua lại. Hơn bảy rưỡi rồi. Những chuyến tàu về các ga nhỏ tối nay ngừng sớm. Mắt tôi mờ đi vì tuyết và nước mắt. Không thấy Luân trước cửa nhà ga, tôi chạy vòng vài con đường chính của thị trấn. Các cửa hiệu vẫn còn sáng đèn hoa đăng, và nhạc đang reo những tiếng chuông thánh thót. Mấy đứa bé chúi giầy ủng, đá tung lớp tuyết đã đọng kín đường đi,

cười thích thú. Người đi người lại hối hả vào giờ phút cuối, tay xách nách mang những gói quà đủ màu, những túi giỏ nặng trĩu. Cửa hiệu rồi cũng sắp đóng. Mọi người sẽ trở về mái ấm của họ, chờ đêm thánh. Còn tôi, còn Luân. Luân đang ở đâu? Sao anh không bất chợt trờ ra, như hôm ấy, từ cửa hiệu thuốc lá khi tôi đang loay hoay lục tìm mấy đồng bạc cắc để bỏ vào cột đậu xe. Trên vỉa hè phố nắng đó, tôi đã đứng chết trân và anh mở to mắt. Không ngờ anh gọi đúng tên tôi cùng với nụ cười vẫn làm bàng hoàng sau hơn hai mươi năm. Sao có sự hội ngộ chẳng chờ chẳng đợi. Sao trời bày tôi phải gặp lại anh, hạnh phúc và bất nhân đến thế?

Mải miết tìm dáng Luân, không thấy. Tôi đậu xe lại bên lề đường, cạnh ca-bin điện thoại. Reng, reng, reng...ba bảy chín mười hồi, chẳng ai nhấc. Luân có lên chuyến tàu cuối về thị trấn này không? Xảy ra chuyện gì? Sao Luân chẳng báo cho tôi hay? Đúng rồi, Luân không báo được, căn nhà gỗ trên ấy đã cắt điện thoại vì đâu ai ở, sau người thiếu phụ. Mà tại sao tôi không đợi đi cùng với Luân, dại dột nghe lời chàng:

- Yên nghỉ làm sớm, lên đó trước đi.
- Ở một mình trên núi, buồn chết người.
- Chẳng chắc núi buồn.

Nói thế, nhưng thật sự tôi cũng muốn đi trước Luân. Tôi muốn có thời gian thu xếp, gói ghém lại mớ hành trang ngổn ngang của quá khứ. Một cách khác là dọn hồn cho những ngày mà chúng tôi chờ đợi từ hôm ngập ngừng thốt gọi tên nhau. Mấy tháng đủ dài, nhưng ngày gần đứt đoạn bởi đêm xa. Luân kẹt cứng trong thành phố náo động, ngộp thở. Còn tôi, từ lúc bắt gặp Luân nhìn đắm đuối, tôi đã thẳng tay vất lại sau lưng cả một quãng đời xao động. Tự nhiên trở về sống rất gọn, thu mình trên bãi biển vắng chập chùng mây và những con chim xám, chẳng đợi chờ gì ngoài những khoảnh khắc gặp gỡ, hẹn hò ngắn ngủi. Phải chăng đã đến lúc, tôi muốn ngừng lại trong dòng đời, lặng nhìn những bọt nước long lanh tựa hạnh phúc.

Tôi bước không hồn ra khỏi ca-bin điện thoại. Thất thểu theo dòng người tất bất rộn rã. Tưởng chừng có thể trôi theo họ về bất cứ nơi nào. Mà thế, tôi đã từng trôi đi vào một đêm xa lắm, sau đám cưới chị Thư một ngày. Sáng hôm sau lễ vu qui, tôi mon men sang nhà chị. Bác tôi bắt rể, nên căn phòng chị Thư mà tôi từng chui vào nghe chuyện rồi ngủ quên, bỗng trở thành đất cấm. Trong phòng khách còn nồng mùi tiệc tùng, bác gái đang sắp xếp những bình hoa lay-ơn tươi thắm, những chồng bánh cốm bọc lá xanh mướt, mâm xôi gấc đỏ điểm

hột đen mà tôi vẫn chê như mặt rỗ. Tôi thu người thật nhỏ, nhưng cũng bị bác thấy, tóm ngay lại:

- Yên, sao đám cưới chị, con không sang? Mới thấy đó, lúc đàng trai tới, thoắt biến đi! Tôi ấp úng:

- Dạ... dạ, con...con bị đau bụng bất ngờ. Con dặn bé Hai rồi mà. Bác chắc miệng:

- Nó có nói gì đâu. Con Thư tìm mãi. Mà con sang đây chi sớm vậy? Tôi giật mình, lính quýnh:

- Con...con tính rủ chị Thư đi phố. Bác trố mắt nhìn tôi, lắc đầu cười tủm tỉm:

- Rõ con khờ. Tụi nó còn lâu lắm mới dậy nổi con ơi!

Tôi khựng lại, đứng chết dí trên hai miếng gạch hoa còn loang màu nước ngọt hay màu rượu hôm qua. Tuy thế, bác vừa bỏ ra ngoài sân với ba cây hương cháy đỏ là tôi bước vội vào nhà trong. Tôi định tìm anh Trung, em trai chị Thư. Chỉ có những câu trêu chọc của anh Trung mới có thể trấn tĩnh hồn tôi lúc này. Ngang qua phòng chị Thư, tôi nghe tiếng nước dội ra từ phòng tắm lẫn tiếng cười khúc khích. Tôi bịt hai tai, nhưng không ngừng được, nhìn vào. Không hiểu sao cánh cửa mở hé. Chiếc áo dài lụa Luân đã vẽ một con phượng với một con hoàng quấn lấy nhau rực rỡ thành áo cưới vô cùng đặc biệt cho chị Thư, vắt vẻo ở thành ghế. Chiếc nịt ngực và mảnh quần lót vương vãi mỗi thứ một nơi, tênh hênh trêu ngươi trên tấm thảm dưới giường. Tôi quay người ù chạy, đâm sầm vào con bé Hai đang xách ấm nước trà từ bếp đi lên.

Tối hôm đó, tôi mặc mini jupe, tôi thòng chiếc áo thun ngắn, hở cổ rộng. Tôi vào phòng lấy chai Chanel của mẹ xịt lấy xịt để. Thật ngu ngốc, mùi nước hoa quá nồng làm quay cuồng chóng mặt. Liếc lén bà mẹ đã xuống sân sau, tôi dắt chiếc solex ra khỏi nhà. Đường phố đã tràn ngập xe cộ và đám thanh niên thiếu nữ. Cuối tháng mười hai, ảnh hưởng những cơn bão đổ xuống miền Trung, trời Saigòn lộng lên từng cơn gió. Trong chiếc jupe ngắn và chật, tôi khổ sở đạp phờ người cái xe mới nổ máy. Chẳng nhằm gì. Tới khúc quành kia đã có anh chàng sinh viên vừa vào đại học, đang hết mình cua tôi, chờ ở đó với chiếc honda mới toanh. Tối nay tôi cho de những đứa bạn gái. Ngồi sau, cố tình áp ngực sát vào anh ta, tôi chẳng ngừng huyên thuyên. Chàng sung sướng cười, dù đường phố ồn ào inh ỏi, làm sao nghe rõ được gì. Mà có hề chi. Tôi nói một mình tôi nghe. Tôi nghe tiếng cười thất thanh bất ổn của chính mình. Chung quanh nhà thờ Đức Bà đèn đuốc sáng trưng, những ngôi sao năm cánh bằng giấy bóng kính đủ màu chăng khắp mấy con đường. Bao nhiêu bong bóng bay lơ

lửng. Nhiều đám học trò cỡ tuổi tôi hay nhỏ hơn mặc đồng phục hướng đạo, thánh thiện, thơ ngây ban phát hình Đức Chúa, đổi lấy những đồng tiền giúp nạn nhân bão lụt. Và thu góp thư từ, quà cáp của người hậu phương, nhất là của những em gái, gửi ra cho các anh chiến sĩ ngoài tiền tuyến. Hai hạt nước mắt buồn tủi lẫn xấu hổ tròn tròn xoay trong con ngươi. Không, tôi nhất định không khóc. Chẳng thể nào khóc được. Chúng tôi lượn bao nhiêu vòng giữa xe cộ và tiếng cười đùa náo loạn. Tôi bỗng bảo anh chàng tách rời về một con phố vắng. Dưới gốc cây tàn lá xum xuê che gần hết ngọn đèn đường, chiếc xe dừng lại. Cả hai đứng xuống. Không chờ không đợi, tôi choàng tay xiết cổ, chúi mặt vào ngực áo Montagut mịn màng của anh ta. Chẳng ngờ bị tấn công bất chợt và tàn bạo, anh chàng hốt hoảng đẩy tôi ra. Tôi cứ xông vào, miệng như qủi nói: yêu Yên đi, yêu đi. Anh ta lắp bắp:

- Ơ, ừ...anh...anh yêu em, từ...từ lâu.

Tôi tức mình, chụp lấy hai bàn tay đang quýnh quáng, vòng chúng ra sau lưng. Cầm cả hai luồn vào sau áo thun của mình:

- Không có yêu bằng miệng, như thế này này.

Nhưng cũng ngay lúc ấy, da thịt tôi co lại dưới hai bàn tay run rẩy. Tôi ngỡ ngàng nhìn vào cặp mắt mở to, thảng thốt. Như bị đẩy từ trực thăng rơi tõm xuống, tôi hụt hẫng, ngượng ngùng buông bỏ tất cả, chà chà hai bàn tay mình vào chiếc váy. Cúi nhìn bóng lá đêm lung linh trên mặt đường. Những hạt nước đã xoay xoay, bấy giờ không còn cách gì ngăn giữ. Năm sau, thi xong tú tài sớm, tôi đòi được đi xa, rời xứ sở.

Tôi đã quên mũ, quên khăn quàng khi xuống đồi vội vã. Tuyết bám đầy trên tóc, tan ngay trên khuôn mặt đã nhòa những lệ, lọt cả vào cổ áo. Hai bàn tay tê cóng trong đôi găng da. Mắt vẫn ngơ ngác nhìn hè đường góc phố, nhưng chẳng thấy gì, và cũng không nghĩ gì được nữa. Cho đến lúc tôi đâm sầm vào một cột đèn lồng. Mở mắt ra, gương mặt Luân sát gần to sợ, vòng tay chàng đang ôm chặt vai tôi. Không một lời, Luân hôn lên tóc rồi rút khăn nhẹ nhàng lau khô mặt tôi đẫm ướt. Vẫn tiếp tục trong tiếng nấc nghẹn ngào, tôi dẫn Luân loanh quanh một hồi mới tìm ra chỗ đã đậu xe.

*

Khi chúng tôi về đến trên đồi, khúc củi sồi to chỉ còn âm ỉ những tàn lửa trong lò sưởi. Nhưng căn nhà ngập hơi ấm và những nụ

hôn tới tấp của Luân đã làm tôi bừng tỉnh. Tôi giới thiệu người đàn bà chủ nhân. Chàng gật đầu chào trịnh trọng:

- Cám ơn bà cho tôi tìm thấy Yên.

Tôi giận dỗi:

- Sao anh không chờ Yên trước cửa nhà ga. Chàng cười, trao bó hồng nhung vẫn cầm trên tay:

- Anh vào mua hoa.

Lúc này tôi mới thấy rõ ràng mình tất tưởi hoảng sợ kỳ cục như trẻ nít. Đánh trống lảng, tôi kể với Luân về ngôi mộ:

- Rồi sáng mai anh xem, ngôi mộ ngay sau vườn. Dễ thương lắm, chung quanh đầy hoa xuyên tuyết đã nở. Luân đứng ôm tôi, cả hai cùng nhìn ra vườn đang mờ ảo trong thứ ánh sáng huyền hoặc của tuyết và đêm.

- Mộ người mà Yên bảo dễ thương! Em không sợ à?

- Sợ gì. Bà ta như bạn. Mà bạn thân nữa. Nè, bà canh chừng con gà trong khi em đi đón anh.

Màu rượu đi qua gương mặt Luân. Màu rượu đọng lại trong mắt chàng ướt rượt. Tôi nhận ra rõ ràng hai chữ tĩnh từ của cô bạn chị Thư đã nói về ánh mắt Luân ngày nào, hồn đắm đuối. Thỉnh thoảng tôi ngửng lên người thiếu phụ, bà mỉm cười nhìn tôi và Luân quấn lấy nhau trên sàn gỗ, trước những ngọn lửa uốn lượn bập bùng trong lò sưởi. Tôi gỡ chàng ra, lê cốc rượu mạnh uống thêm. Luân chặn lại:

- Này cô bé, đừng say.

Những chuông bạc, sao trời óng ánh trên cây thông đã nhập nhòa trước mắt. Khuôn mặt Luân thật gần và hơi thở ấm vờn trên cổ. Tôi mềm nhũn, nhưng cố nói:

- Hãy mặc em. Luân à...hôm cưới chị Thư, anh có say không?

Luân đưa ngón tay chặn môi tôi, tay kia nâng sau gáy:

- Suỵt, không nói chuyện ngày xưa. Anh bế em vào giường.

Nói xong, chẳng đợi, Luân qùi gối dựng tôi dậy, đứng lên rồi xốc tôi lên vai, như người đồ tể vác heo vào phòng đông lạnh. Tôi sực cười. Chỉ khác con heo này không chết nhợt nhẫn thín và bất động, mà trái lại còn cựa quậy, đượm nồng rạo rực. Thõng nửa người trên lưng Luân, tóc đổ xuôi, tôi còn cố nheo mắt nháy người thiếu phụ đang cúi nhìn ỡm ờ đồng lõa:

- Bà ráng ở ngoài này đợi Chúa, đừng theo tôi vào trong kia nhé.

Vừa lúc ấy, từng hồi chuông tưng bừng rộn ràng vang lên từ ngôi làng dưới thung lũng. Đúng nửa đêm. Không hiểu sao, tôi còn kịp nghĩ đến người đàn ông gù lưng. Ông ta hẳn đang qùi gối trong nhà

thờ, nghiêm trang thành kính.

Luân đổ tôi xuống giường. Không chờ đợi, chàng chụp lên muôn ngàn ngón tay loài thú. Ngàn vạn ngọn sóng cuồng si ồ ạt. Cả tỉ vì sao chuyển dịch, đổi ngôi, nhấp nháy hân hoan trong tiếng chuông rền vang. Bao nhiêu động tác dội đẩy đảo lộn, bấn loạn trong từ trường vũ bão của trời đất và con người thú vật. Vũ trụ bão táp, hỗn mang, hoang đường đến nỗi tôi với chàng đã bùng lên điệp trùng dồn dập những hợp âm cuối cùng của bản giao hưởng. Cơn hồng thủy của ngày tận thế vừa ập xuống, vỡ tuôn, ngập lụt cõi trần.

Vậy mà, trong khi Luân rơi lịm sau cuồng phong địa chấn, tôi thấy mình vẫn lềnh bềnh trên biển cả.

*

Chị Thư cùng tôi trong con tàu nghẹt người nằm ngồi vật vã. Mặt chị tái mét xanh ngắt, người vừa lạnh như băng vừa nóng như than hồng. Chị dựa vào tôi, một tay che chở cái bụng đã tròn, vun lên như quả bóng đá banh, tay kia run rẩy trên đôi môi tím lịm cứ chực tuôn ra thứ nước nhờn tanh tưởi. Thỉnh thoảng theo đợt sóng dồi, cả hai chao đi, chị giật mình mở mắt, thảng thốt thều thào: - anh Luân về chưa Yên? Trời vần vũ mây đen, sóng từ xa cuồn cuộn. Những tiếng la hét, kêu trời, ói mửa vang lên cùng những lời kinh cầu khẩn thiết và tuyệt vọng.

Tôi nhắm chặt mắt theo chị Thư. Chợt thấy mình gối đầu êm ái trên cánh tay trần mát rượi của chị, trong căn phòng thiếu nữ ấm cúng. Giọng chị Thư vừa nhỏ nhưng run run, trầm trọng:

- Yên biết không, hai bàn chân cô ta co rút, nhăn nhúm, nhỏ nước ròng ròng, hổng trên sàn phòng tắm có cả hai tấc! Khi người ta lôi cổ ra, mấy sợi giải rút cột quần bằng dây dù lòng thòng trên cổ. Bố mẹ chị bảo, thuyền trưởng đã ra lệnh vất xác xuống biển vì tàu đi mấy ngày mới vào Nam, sợ gây thành bệnh dịch, trên tàu rất nóng và ẩm.

Tôi co rúm, ôm chặt lấy chị. Lúc sau tôi thì thào:

- Còn cái ông chồng hay bồ của cô gái ở đâu? Mà tại sao cổ tự tử?

- Hồi đó năm, sáu tuổi, chị đâu biết gì. Nhưng chị nhớ rõ lắm, ở cảng Hải Phòng, chị thấy anh ta kéo xềnh xệch cô gái lên tàu trong khi cổ giựt tay lại, khóc gào sướt mướt. Một ông già đứng dưới bến tàu gọi lên: - Đừng khóc con ơi, chừng có hiệp định thống nhất bố con mình gặp lại, không lâu đâu! Ôi, chị không quên được, chị sợ tàu thủy lắm Yên à. Đó là chuyến tàu di cư năm năm tư.

Thế mà giữa những bọt sóng trắng xoá tung cao trước mũi con tàu mang một cái tên Tây, tôi loáng thoáng thấy mình đang đứng xếp hàng đợi giờ mở cửa của cơ quan Hồng Thập Tự Quốc Tế, với một tờ thư trong tay. ''Chuyến tàu mã số HK 115, con phải tìm ra con Thư cho bác''.

- Đúng, chuyến HK 115 có tới được Hồng Kông, nhưng chẳng ai tên đó cả.

Tôi năn nỉ:

- Bà tìm hộ trên những tàu số khác xem sao.

Người nhân viên đứng tuổi lại gõ máy tìm tòi, rồi in ra, đưa cho tôi một bảng danh sách. Hơn hai mươi cái tên Trần Thị Anh Thư, có cái kèm ngày sinh, cái kèm tên chồng tên con, cái trống trơn. Nhưng chẳng có cột nào đúng với người đã di tản một mình, sinh ngày mười chín tháng hai. Tôi lặng người trên ghế. ''Thằng Luân nó ác lắm, nó còn kẹt ở Pleiku thì nó cứ để con Thư ở nhà với bác. Nó sai thằng bạn về hối con Thư đi trước, trong lúc bụng mang dạ chửa. Tưởng nó đi máy bay, ai ngờ thằng đó trở về, nói đã đưa con Thư lên tàu một mình. Yên ơi, thằng Luân nó biết mà, con Thư sợ tàu thủy như sợ chết. Chỉ nội như thế, nó sống sao nổi cho tới lúc cập bờ''. Tôi thẫn thờ bước ra khỏi cánh cửa có hình chữ thập đỏ như máu. Ngồi xuống một băng ghế trong công viên đối diện, cố nhớ từng nét khuôn mặt chị Thư. Từ năm rời quê hương, tôi chẳng thư từ với chị bao nhiêu. Có một lần được tin chị bệnh nặng vì sẩy thai đứa con đầu lòng, tôi đã vào một quán cà-phê ngồi đó thật lâu, những gì đã cố quên thức dậy vật vã. Hình ảnh Luân trở về rõ ràng như mới đó. Lại nghĩ tới đêm năm nào, muốn khóc, rồi bất chợt cười khan. Ừ, nếu anh chàng ...con nhà giàu đêm ấy sành sõi hơn, không hoảng hồn đến ngớ ngẩn thì biết đâu, sau khi đã để anh ta ''yêu'', mình ở lại quê nhà. Biết đâu bây giờ cũng vượt biên, và biệt tích như chị Thư trong biển rộng. Còn Luân? Tôi ngẩn người, rồi vội vàng nhìn quanh tìm kiếm. Luân mặc áo khoác dài đang quay lưng đi ra cửa công viên. Không, chị Thư đã là quá khứ, tôi chẳng thể mất Luân thêm lần nữa. Mới đây thôi mà, chàng vừa ở bên tôi. Không. Ở trong tôi. Cùng một hơi thở, quấn quít đôi môi ngọn lưỡi, cộng hưởng tận cùng những cảm giác thịt xương. Tôi đứng vụt dậy khỏi băng ghế, hấp tấp đuổi theo. Vướng chân, ngã sấp trên lớp lá vàng, còn kịp rút ruột gọi tên Luân.

*

Ánh sáng lọt vào căn phòng dịu dàng như từ thung lũng đưa

lên, chứ không phải từ trời rọi xuống. Dịu dàng như cặp mắt người đàn ông đang khòm lưng ngồi bên mép giường. Bàn tay thô cứng đập nhẹ lên tay tôi thò ra khỏi tấm chăn, vỗ về. Tôi gượng ngồi dậy, hoang mang.

- Từ từ, cô...cô...chưa khỏe hẳn.

Tôi nuốt nước bọt, cổ họng đắng ngắt. Người đàn ông đứng lên:

- Tôi đã...đã gọi xuống thị trấn tìm bác sĩ, ổng...ổng sắp lên. Ngày lễ thật khó.

Hai chữ thị trấn làm tôi giật mình nhớ lại. Tôi quay nhìn khắp nơi:

- Anh...anh ấy đâu?

Ông ta như chợt nhớ ra, gục gặc đầu, quay về cuối chân giường. Trên chiếc quần len và áo ấm của tôi vất ngang ngửa, có một tờ giấy gấp.

- Trưa nay đem...đem củi lò sưởi lên cho cô, tôi...tôi...thấy nó kẹt dưới cửa. Cô...cô về...chẳng thấy sao?

Tôi không trả lời, run run cầm bức điện tín trong tay nhưng tự nhiên rã rời chẳng mở. Người đàn ông nhìn tôi ái ngại, rồi đi ra, nhẹ nhàng khép cánh cửa. Đầu nhức bưng bưng, tim đập ồn ào trong lồng ngực. Gượng bước khỏi giường, ngạc nhiên thấy mình trong chiếc sơ-mi màu huyết dụ. Tôi đi chầm chậm tới khung cửa lớn. Chếch bên kia, chiếc xe đậu lệch lạc ngang con dốc lên nhà, như thể tôi đã vội vàng bỏ nó. Cảnh vật lênh đênh lao đao trước mắt. Rừng thông, thung lũng lấp lánh tinh thể tuyết dưới mặt trời mùa đông đã ngả. Chiều từ từ lan lấp không gian. Tôi bóc bức điện tín, hai dòng chữ tiếng Việt không bỏ dấu: ''Me anh benh bat ngo, phai vao nha thuong. Yen hay ve gap, anh doi''.

Bỏ tờ giấy trên bàn phấn, tôi mở cửa ra phòng ăn. Trên bàn phủ tấm khăn đã cố ý chọn màu, những chiếc ly cùng đĩa ăn, dao muỗng vẫn sắp đặt ngay ngắn, rỗng lạnh đến trơ trẽn. Ngoảnh về phiá phòng khách, người thiếu phụ vẫn đấy. Đôi môi nhếch lên một nửa nụ cười. Trong lò sưởi khúc củi mới cho vào đang bén lửa. Lại là sự quan tâm của người đàn ông ấy. Không hiểu ông ta đâu rồi, chẳng lẽ mới đó đã bỏ về dưới thung lũng. Chẳng lẽ ông ta bỏ mặc, không biết rằng tôi còn vật vờ đau đớn giữa một thứ mộng và thực cứ sấn sổ muốn phân thân. Chai rượu vang mở sẵn chờ Luân tự bao giờ. Tôi rót đầy hai ly óng đỏ, đến trước lò sưởi ngồi xuống chiếc ghế nệm đối diện với thiếu phụ, gác chân lên cái bàn thấp. Nào, mời bà. Không à? Bà đã uống bao nhiêu rượu cùng tôi và Luân đêm qua, sao bây giờ từ chối? À, vâng, tôi đã tỉnh, và tôi biết chứ. Nhưng dù sao bà cũng đã cùng tôi

nhập cuộc, nên đừng dè bĩu những đam mê đưa tôi vào cơn mộng hoang đường. Phải, chỉ là thúc đẩy của tiềm thức và ước mơ đành đoạn dài mấy mươi năm. Hoá ra, tôi đã yêu Luân, đáp trả chàng mộng mị cuồng vũ đêm rồi bằng chính kinh nghiệm thân xác gom thu từ những mối tình đã đi qua, cho đến bây giờ.

Hai con chim ác là ngoài vườn chợt toác ra tiếng kêu xé tai như đang đuổi rượt cay cú. Nhưng khi tôi đứng lên ra cạnh cửa sổ, lại bắt gặp hai cặp cánh đen khoang trắng ủ ấp nhau dưới cành lá xanh của cây nguyệt quế. Thoáng bóng áo da của người đàn ông đang quay lưng đi bọc về ngõ trước. Hoá ra ông ta còn đấy. Tôi dựa người vào tấm màn cửa, thấm lạnh, hai tay vò vạt áo chiếc sơ-mi đàn ông thõng xuống trên cặp chân trần. Nao nao hướng về cánh cửa vân vân hoa kính, đứng đó và chờ đợi. Cuối cùng, người đàn ông đã mở cửa bước vào, trên vai vương dăm chiếc lá khô sót lại giữ mùa thu. Chợt nhận ra tôi đang chăm chắm nhìn, ông ta sững lại, hai tay đẩy đóng cánh cửa sau lưng dừng hẳn, bất động. Rót thêm rượu vào ly, tôi bưng cả hai đến trước ông. Trong cốt rượu rưng nồng, tôi thấy người đàn ông đang cố kềm hơi thở trước mặt không còn thấp gù như tôi tưởng. Ánh mắt mới đây hiền hòa đã long lên xanh hút loài mèo. Rồi đôi môi cũng ướt trơn rượu ngọt kia từ từ cúi xuống. Nơi chiếc cổ rạm nâu ấy toát ra một thứ mùi nồng quen quen, của chiếc sơ-mi màu huyết dụ. Tôi rùng mình khi hai bàn tay sạm sát còn lạnh khí trời bám chặt vào da thịt hai bên sống lưng, như muốn nhấc bổng tôi lên hay đẩy tôi ngã xoài xuống sàn gỗ. Nhưng rồi một cảm giác mới đầu bồng bềnh như nước sông bỗng biến thành cuồn cuộn nổi dâng từ đầu gối, cuốn miết qua đùi, bụng, lên tới bầu ngực rần rần. Tôi nhắm nghiền mắt lại. Người đàn ông gù dịu dàng này bỗng lốc lên trở thành cơn bão, tôi còn cố ghì hai vạt áo chống đỡ, nhưng bất lực. Gió lồng lộng quật xuống cả khu rừng mà lâu nay tôi dấu mình trong đó đợi Luân. Cây cối đổ tung, tan hoang theo dòng nước mê cuồng. Được rồi, hãy trôi đi, trôi đi dòng sông. Phải cuồng nộ lên, chảy xiết đi cho tức tốc ào ra tới biển. Phải phá tan, đập cho vỡ tung những con đê và ghềnh thác dựng lên sừng sững trong tôi từ năm mười sáu ấy. Chúng đã đồng lõa với những mê muội ám ảnh đầu đời để chặn đứng không cho dòng sông tôi được ca hát, được rộn rạo với nhịp nước reo vui của tâm cảm, càng không được hân hoan tiếp nhận sự thăng hoa đến ngập tràn trên thể xác. Tôi thả mình băng băng giải thoát, trào tuôn đến tận cùng, gặp biển mênh mông.

Khi tôi tỉnh dậy trên chiếc ghế dài, chiều đã xuống thật sâu. Sao

trong đêm ngoài trời và trên cây thông bên lò sưởi cùng nhau nhấp nháy. Tôi vẫn mặc nguyên tấm áo thẫm màu nhàu nát, trên người đã được ông ta cẩn thận đắp cho mảnh chăn cừu mềm ấm. Hai cái ly đọng vài giọt đáy còn đợi trên chiếc bàn thấp. Tôi nhỏm dậy cầm chai rượu gần cạn rót nốt. Người thiếu phụ trên lò sưởi hình như vừa khép đôi môi, ánh mắt bây giờ có vẻ dò hỏi lẫn chút phật lòng.

- Đừng uống nữa. Cô hãy ngủ đi cho khỏe, rồi sửa soạn về thành phố.

- Về làm gì?

- Quên à, Luân đợi cô dưới đó.

- Không. Tôi sẽ ở lại đây với bà cho đến đêm cuối năm. Ồ, bà nghe thấy chứ, chuông nhà thờ báo hiệu khóa lễ ngày Chúa giáng sinh. Hãy cạn ly đi. Rồi tôi mặc áo xuống đó cầu nguyện cho chị tôi.

- Còn Luân?

- Luân ư? Biết đâu chừng, tôi cũng sẽ như chị Thư, chìm trong biển mù quá khứ.

MAI NINH
Tháng 8 (99)



SƯ TRƯỞNG HÀ QUỐC HUY

Sơn điểu

tôi lơ đãng quên ai môi hồng phấn hội?
quên nhánh đào quên vách cũng âm dương?
(thơ Sư Trưởng HQH)

thầy trông con không giống người sát thủ
sao đường dao oan nghiệt vô cùng
con mỏng manh như hạt trắng không trung
ai ngờ được khi hạ những đòn chí tử

mỗi bài học là một điều tàn nhẫn
trong cuộc đời đã lắm tác tan
mỗi thương yêu dẫu thật dịu dàng
con có chắc không có điều toan tính

mai hồi tưởng những bài học cũ
chắc lắm điều con sẽ đớn đau
mai trở thành một người thiếu phụ
thì nhớ chi ai đó xõa tóc sầu

sơn điểu vượt cùm gông vươn vai bảo tố
sừng sững giữa trời vũ đạo khai sơn
hình phu trượng, độc mã đao đơn
trăng trên tóc và phiêu bồng trên áo

không bằng phẳng trên đường bay hào kiệt
chỉ gập ghềnh nao núng đến bơ vơ
dang tay hú. Cuồng nộ bốc sao mờ
đạp trầm luân, gian nan vẽ đường sinh tử

nẩy bạt ngàn, xem đường đao chiến sử
thử thi gan mai giữ nước mở bờ
bốn ngàn năm lồng lộng máu và thơ
hồn biển lớn cung tay trong quyền phổ

nhập huyền sử nghe trường ca huyết đổ
dày rừng sâu ngập xương trắng tinh binh
chào biên cương, trống quỷ dội rập rình
chào sông núi, tôi là sông là núi

đêm hiu quạnh chớp rung lời áo não
hoài bảo đời nầy trao gánh đời sau
kẻ chung thân gươm sầu đối bóng nguyệt
thì lệ đã thành hồ, hồ dễ cạn lòng đau

trong y bát, gói nỗi niềm u uẩn
trong lạnh lùng, chan chứa những bao dung
người chưởng môn vô tình quên tử huyệt
con đã nhìn. Đã thấy. Và đã giương cung

tên con bắn thầy quơ tay khẻ bắt
đường tên bay quờ quạng đến vô chiêu
tôi cắm xuống mơ hồ nghe gió kể
như họa phẩm hoang đường, tiểu nữ lạc giữa rừng mê

màu u ám của rêu phong phiền muộn
màu vàng đất ải xuôi ngược quan san
màu bụi đỏ của lữ khách bạt lang
nghe reo ca hoàng kim đổ xuống

bức tĩnh vật năm nào vẽ tháng rộng
vệt hoài nghi như đám bụi chơ vở
nỗi tác tan thành ám ảnh vật vờ
và dịu dàng đó. Vút lên khúc tình ca lãng mạn...

trên khung bố, khởi đầu mãng sơn máu sẫm
rộn rã sắc màu bay nhảy vô tư
tôi phát họa những vùng chia khu giới hạn
thành hai hệ đời. Khác hoài vọng. Cách biệt những giang san

đường con đi hò hẹn tháng năm tàn
những giọt mồ hôi ướt hai đầu vú nhỏ
qua bao mùa thu chao chao lá đỏ
bên ông thầy, con thầm lặng lớn lên

mỗi một cõi, có một đời khép kín
không có tình cờ trong định mệnh lẽ, riêng
chỉ có những bình minh nắng ấm treo nghiêng
trên biếm tóc con. Bắt đầu. Sợi bay. Sợi rối...

tôi lơ đãng quên ai môi hồng phấn hội?
quên nhánh đào quên vách đá cũng âm dương?
bài học nào thì cũng dễ thương
con sôi nỗi. Tên bay. Mặc hồng tâm đời tĩnh lặng

nầy nhật nguyệt. Tự cổ ai danh tướng
mà cơ hồ từa tựa một mỹ nhân
tiền kiếp xưa chắc ngang trái nợ nần
tôi gây oán...? Em manh nha niềm sát thủ...?

nầy thời gian. Tuôn đi. Đừng ngược dòng quá khứ
lửa trường chinh hề réo rạo rực sóng trường giang
người chưởng môn thầm lặng vá áo góc đạo tràng
trăng hệ lụy. Hơn gió, hơn ma, hơn hồn oan quấy nhiểu

nầy bàng dân. Quy khứ . Giai nhân hề yểu điệu
động gót hài nghe tiếng vỡ những mùa khô
hồ mỹ tửu. Cạn ly, hề nghiêng đời lảo đảo
thả tiếng cười xuống bát nháo mà ngạo thị phi...

thầy trông con không giống người sát thủ
bài học nào thân ái thuở ban sơ
khi tung chiêu không nhớ buổi dại khờ
bước chập chững, lòng ngác ngơ đến tội nghiệp

đường chiêu con chưa trọn vẹn một thế thần
ở trong đó có chập chùng mê tối
ở trong đó những ngại ngùng bối rối
thành vụng về khi động thủ ra chiêu

đường chiêu con ngờ nghệch đến diễm kiều
của những tình chưa đa đoan từng trãi
và trong đó vi vu chìm tê tái
nên con thành bức tử với chính con...

tôi không đỡ đường dao xẹt đến
nơi tim nầy đầy thương tích ăn sâu
đời đã chìm dập tận đáy sầu âu
gần chút nữa, đạt thượng thừa oan chướng

thôi, con cứ trở thành sát thủ
bài học cuối cùng . Đã hết, ở sư môn
sơn điểu đứng đây. Hồn động, bóng còn
với sông núi. Vẫn thầy. Khoanh tay ngạo nghễ

khi chung cuộc có chắc lòng con không khổ
mối uất tình tuổi ấn dấu hăm ba
gai góc cuộc đời không có vị tha
trăng độ lượng không đủ che bi kịch

một đoá hồng, tặng chiến thắng con
vài giọt máu vừa khô trang giấy bản
cười buâng quơ như thời lãng mạn
tôi vẽ hình nàng khờ khạo đến muôn năm

thầy chuốt rượu vỗ về chấn thương rĩ máu
mừng mất, còn, quên, nhớ. Đọng hồn say
như gã lưu linh mượn rượu nuôi đắng cay
họa sĩ mượn rượu pha màu phù vân nông nổi

mai trọng thương trên đường bay cánh mỏi
một phần đời quy ẩn tuyệt tình trang
người chưởng môn thiền định giữa đạo tràng
trong y bát có tiếng thở dài rất nhẹ

bức tranh cũ trở thành chứng tích
vượt thời gian vào huyền thoại sư môn
người tiểu nữ bóng đã lạc khỏi hồn
chỉ còn họa sĩ, thành tay lưu linh hão hạng

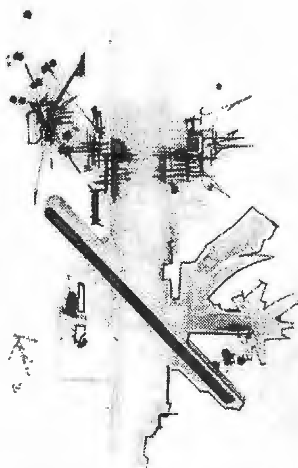
vào một đêm. Vọng lại, từ con. Thì thầm khe khẽ
hãy tự móc mắt mình, sơn điểu, thầy đã chẳng thấy chi...

SƯ TRƯỞNG HÀ QUỐC HUY
(*trích tuyệt tình thảo trang*)



PHẠM HẢI ANH

Trở về



Chiếc xe con đỗ tạt vào lề đường, trông bé tí tẹo dưới vách đá uy nghi dựng đứng- chẳng hiểu vì sao bị sạt một mảng lớn, phô màu đá xám đỏ. Tường đẩy cửa xe bước ra. Bên ngoài sương mù giăng mờ mịt. Gió thốc tung hai vạt áo khoác của anh, luồn hơi lạnh cóng buốt khắp người. Không buồn khép lại áo, đầu trần, Tường đi xuyên qua làn mưa phùn dày đặc sang phía bên kia đường. Chỗ đó có một mỏm đá chìa ra, nhìn thẳng xuống thung lũng. Những ngọn cỏ may cằn cỗi bên lề đường run bần bật, quật tới tấp vào ống quần Tường, nhưng chẳng thể đủ cao để cản trở tầm mắt. Bây giờ, Tường sẽ nhìn "Nó" một lần thật trọn vẹn, đặt tên cho "Nó" và nhốt vào cũi ký ức. Quá khứ của anh sẽ là vườn bách thú mà kỷ niệm như những con thú đủ loại nằm im trong chuồng. Khi rảnh rỗi, Tường sẽ có thể để tâm trí mình bình thản dạo qua nó mà không sợ bị những móng sắc bất thình lình chụp lấy, vò xé. Nhưng Tường đã lầm. Như trêu tức anh, phía dưới, sương mù dâng cuồn cuộn, đặc quánh, như thể cả thung lung đã tan thành hơi nước trắng đùng đục và giá lạnh. Từ đáy thung, quẩn theo gió như dội lên tiếng gọi tuyệt vọng đã ám ảnh Tường suốt mười bảy năm trời: "Về đi...i...i...".

Ông Thục đã chuẩn bị một kế hoạch đón tiếp Tường ở Hà Nội

chu đáo không chê vào đâu được, kể cả về vật chất lẫn tinh thần. Vật chất gồm có: xe đón tận sân bay (Toyota mới 12 chỗ, có điều hòa), phòng ở riêng (nhà ông, mới lên tầng, tiện nghi đầy đủ) và một bữa tiệc thịnh soạn chờ sẵn (cơm Việt Nam, rượu Tây, bia lon). Tinh thần là: ông (comple, cà vạt tơ tằm, giầy đen bóng lộn), chào đón thắm thiết, bắt tay và ôm hôn (nếu cần), cô Tuyết (váy đầm) tặng hoa và bà vợ ông (áo dài nhung, dây chuyền vàng) cười hoặc khóc tuỳ tình hình. Ông còn cẩn thận dặn vợ con không được trống mồm gợi lại cái ngày thằng Tường phụ việc cho nhà mình. Bây giờ anh ta là Việt kiều (nghe đâu còn làm chức kỹ sư, lương cao), nhớ quê mà về thăm mình như ruột thịt thế này là tình sâu nghĩa nặng, quý lắm. Ông bà có chu đáo bao nhiêu cũng không htể hiện được hết cái tình với Tường. Cô Tuyết được lệnh cắm một bình hoa thật là đẹp ở phòng khách với chủ đề "đoàn viên". Lại được lệnh, dù tự cô cũng thấy cần thiết, phải ăn mặc thật đẹp. Giày gót rất cao, váy cắt rất ngắn, thắt lưng thon thon, ngực nở nở, nước hoa ngào ngạt, nom cô còn đầm hơn cả đầm chính hiệu, đủ để một anh Tây mắt xanh mũi lõ cũng phải động lòng xuân chứ chưa nói gì đến Việt kiều (mà lại là trai chưa vợ như Tường).

Chẳng biết Tường có thấy được những ưu ái mà cả nhà ông Thục dành cho mình không, nhưng rõ ràng là anh rất xúc động. Anh ôm vai ông Thục rất chặt. Bà Thục để ý anh nuốt nước bọt khan 7 lần từ sân bay về đến nhà (không phải tại khát vì mấy lần bà mời nước anh đều từ chối). Cô Tuyết cũng nhủ lòng rằng cái cách anh nhận hoa từ tay cô mới bối rối làm sao, đến nỗi để gai hồng đâm vào ngón tay...

Tường không sao nhận ra được đây chính là gia đình ông Thục mười mấy năm về trước. Tâm trí anh còn in rõ hình khối của cái lò than đại, đen đúa, rừng rực như lò thiêu giữa mùa hè. Những chồng bát đũa nhầy nhụa, tiếng giục giã quát tháo ầm ầm của cả ông bà Thục lẫn khách ăn. Ông Thục tứ mùa đánh cái quần không còn biết là màu gì, lúc nào cũng dính đầy mỡ và lấm tấm vết máu bò khô cóc lại do chặt xương bắn vào. Bà Thục đầu bù tóc rối, nghiệt ngã đếm từng bát cơm Tường ăn mỗi bữa và chỉ nhăm nhăm trừ tiền đánh vỡ bát. Rất lâu sau khi đã định cư ở Mỹ, thỉnh thoảng Tường vẫn mơ thấy mình bị vứt tõm vào một cái bát sành khổng lồ, trơn nhầy nhẫy, cứ trèo lên lại tuột xuống, kiệt sức mà không sao thoát ra được. Rồi lại mơ thấy mình phải nhóm lò, tay không, cứ xé quần áo ra mà nhóm, lửa cháy được thì mình đã trần truồng và lạnh run lên. Mỗi lần như thế, tỉnh dậy, anh lại tưởng như mình vẫn sống ở nhà ông Thục. Giá như trong chuyến vượt biển ngày ấy, Tường có thể quẳng tọt xuống đại dương mênh mông những kỷ niệm về nhà ông Thục và về "Nó", thì giờ đây anh đã sống thật dễ

chịu. Nhưng "Nó" cứ dai dẳng bám theo anh, xoáy đảo lòng anh như sáu mặt con xúc xắc, lúc thì căm giận, lúc thì đớn đau...

Mười mấy năm xa xứ, Tường đã làm việc cật lực. Cắt cỏ, rửa bát, xếp sách thư viện, rồi dành dụm tiền đi học, kiếm việc làm... Trước mắt mọi người, anh là kẻ kỳ cục, một con lừa không biết gì đến vui thú cuộc đời và hoàn toàn cô độc. Tường đặt cho mình một quy tắc ngặt nghèo trong ngày: làm việc - ăn - đọc sách (nếu có thời gian) - và ngủ. Chỉ thỉnh thoảng lắm, trong một tâm trạng cực kỳ thoải mái, Tường mới tự cho phép mình có một ngoại lệ xa xỉ: nhấm nháp quá khứ, từng mẩu một và bao giờ cũng đóng sầm cánh cửa ký ức lại khi "Nó" vừa thoáng hiện về. Nhưng bất chấp những cố gắng của Tường, ở một đâu đó sâu thẳm trong anh, "Nó" vẫn không thôi quẫy đạp. Tường đã làm tất cả để chối bỏ "Nó", hay chỉ đơn giản là quên "Nó" đi. Nhưng vô ích. Cho đến một ngày, anh hiểu rằng đời anh sẽ chẳng đi đến đâu nếu không một lần nhìn thẳng vào sự thật: anh và "Nó" phải sòng phẳng tới tận cùng. Tường mua vé máy bay về Việt Nam.

...Vậy mà suýt nữa anh lại dính chặt ở nhà ông Thục. Chẳng phải vì những cơm gà cá gỏi mà ông bà ra sức đãi anh ngày hai bữa với tấm lòng hào hiệp đến nghi ngại. Cũng không đơn giản vì váy cô Tuyết cứ ngày càng ngắn lại và cổ áo thì cái sau trễ hơn cái trước một tí, phô nước da trời phú rất hợp với tên cô. Có điều mọi thứ ở đây dường như đã thay hình đổi dạng quá nhiều so với những hình ảnh mà anh còn ghi nhớ trong ký ức. Thay đổi đến mức Tường thầm nghĩ hay là cứ thử lộn sòng mọi thứ như trong một giấc mơ. Không còn quá khứ!

Một buổi tối, cô Tuyết đưa Tường đến quán cà phê ưa thích của "giới sinh viên bọn em". (Cô rất thích tự xưng là sinh viên, không biết vì sao). Mái lá. Vách trúc. Ghế mây. Bàn là những khúc gỗ được cưa phẳng, còn nguyên vỏ xù xì. Trong bóng tối mờ mờ, mùi cà phê thơm ngát, Tường im lặng nghe cô ca sĩ ăn mặc rất "bụi" hát mấy bài liền về Hà Nội., bài nào cũng phảng phất buồn như hơi thở của ngày qua. Bên phải Tường, một đôi nam nữ nghiêng mãi vào nhau, cái ghế kêu cọt kẹt. Có tiếng huýt sáo chói tai yêu cầu hát lại. Tường nghe một giọng khâm phục "Hát nghe sướng đéo chịu được!". Cô Tuyết liếc mắt ra đằng sau lườm: "Ăn nói như cái đồ...". Tường chợt cảm thấy đơn độc lạ thường. Anh thèm một cái gì đó thật hơn là cà phê và khói thuốc. Cái gì cũng được, miễn là nó đủ để giúp anh sống chỉ bằng hiện tại. Tường với tay vào cái khoảng trắng ngần kề sát anh. Làn da con gái mát rượi. Nhạc ngừng. Quán vắng... Cô Tuyết chợt ứ lên một tiếng. Cái tiếng ứ bản năng của người đàn bà khi nhượng bộ kẻ xâm lăng đến thành trì cuối cùng. Tường sực nhớ đây là quán cà phê và

đây là cô Tuyết. Mặt nóng bừng, anh co tay về, gọi tính tiền. Một nỗi hụt hẫng vô cùng xâm chiếm Tường. Anh bước ra trước lấy xe, không để ý đến cô Tuyết bối rối, dần dỗi đi đằng sau. Sát chỗ Tường dựng xe, một người đàn ông đương điềm nhiên đứng đái tồ tồ vào gốc cây. Mùi nước đái khai nồng sực cả vào mũi Tường. Đúng trong giây phút ấy, Tường chợt hiểu rằng anh đã tự huyễn hoặc mình với tất cả những đổi thay trước mắt, với ông bà Thục và Tuyết... "Nó" vẫn còn đó và chờ đợi anh về.

...Chiếc xe con đỗ lại ở sân nhà khách, gần đường cái. Tường muốn được một mình đi bộ vào bản. Người trực nhà khách ngăn anh lại, chìa ra một xấp giấy xám xỉn. "Cái gì thế?", Tường ngạc nhiên. "Vé", anh ta trả lời cộc lốc, sau lại giải thích thêm: "Vé du lịch."

-Tôi là người ở đây mà!

Tường bảo, vẫn chưa hết ngạc nhiên.

-Lái xe bảo anh là Việt kiều. Việt kiều cũng coi như Tây. Không phải người mình. Mười nghìn một vé. Rẻ thôi!

Anh lái xe nhìn gương mặt bắt đầu cau lại bực bội của Tường, dàn xếp:

-Đúng rồi. Khách tham quan đến đây ai cũng phải mua vé cả. Phép vua thua lệ làng. Anh cứ đóng đi cho xong chuyện. Coi như góp phần xây dựng quê hương!

Mười mấy năm xa xứ, Tường vẫn đinh ninh mình là người Việt. Vậy mà bây giờ, trên quê hương, anh lại phải mua vé du lịch để về thăm nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Tường làm sao có thể giải thích cho người bán vé kia rằng anh sẵn sàng trả giá nghìn lần hơn thế để được hồn nhiên trở về bản như sau một chuyến đi dài. Anh nhìn những nốt trứng cá lấm tấm đỏ trên mặt người bán vé, lặng lẽ rút ví. Giá như tất cả có thể tính được thành vé và trả tiền thì anh đã sống thanh thản biết bao trong ngần ấy năm qua!

Tường đi trên con đường nhỏ xuyên qua những vạt ruộng lô xô đổ xuôi về phía hồ thả cá. Lúa mới gieo còn chưa kịp lên mầm. Mùi bùn lên ngai ngái. Như trong mơ, anh bước mãi về phía ngôi nhà sàn lẻ loi ở đầu bản. Cây mít già. Con trâu bị buộc mũi đang nhai rơm bỏm bẻm, ngước cặp mắt hiền lành nhìn anh. Lòng tràn ngập cảm giác khó tả, Tường cởi giầy, thận trọng bước lên những bậc thang đen bóng, phiến gỗ lim chạm vào bàn chân anh mát rượi. Tường đẩy khẽ cánh cửa. Anh muốn gọi, nhưng không biết phải gọi ai, cũng không sao cất được thành lời. Trong nhà có tiếng chân bước, rồi một gương mặt con gái ló ra nhìn anh ngỡ ngàng: "Anh hỏi ai ạ?". Tường bối rối, anh không ngờ đến tình huống này. Lại một lần nữa, anh có cảm giác mình

là khách ở chính trong nhà mình: "Đây có phải nhà ông Đài?". "Vâng", cặp mắt đen nhìn anh tò mò: "Mời anh vào".

Tất cả vẫn như xưa. Dường như thời gian đã rơi tuột qua khe hở nhà sàn hay cháy tiêu đi trên cái bếp củi hầu như suốt ngày lách tách ở góc kia. Quá khứ chợt dịu đi, nặng trĩu trong lồng ngực. Đập vào mắt Tường là cái bàn thờ cắm một que hương đỏ đọc. Trên đó, ba gương mặt đang nhìn anh đăm đắm: bố, mẹ, và... ông Đài. Ông ấy cũng chết rồi ư? Từ bao giờ?

Chiều hôm ấy, Tường gặp lại bà Đài, người cuối cùng gắn bó với quá khứ của anh. Bà vừa đi thăm mộ về. Nếu không phải là ở chính căn nhà này, nơi Tường đã được bà nuôi lớn lên và nâng niu như báu vật, thì Tường có lẽ khó nhận ra bà. Bà Đài đã rõ ra một bà cụ. Đầu bạc thưa hết cả tóc, lưng khòm hẳn xuống. Nhưng bà nhận ra Tường. Ngay từ cái nhìn đầu tiên. Cơm gạo xứ người, thời trang, kính cận... không làm Tường khác đi được trong mắt bà. Tường không biết bao nhiêu năm anh cố chôn vùi ký ức về nơi đây cũng là chừng ấy năm trái tim bà dõi theo anh và cầu mong anh hạnh phúc. Thế thì làm sao bà không nhận ra anh được!

Bà Đài đun một nồi nước to, bảo Tường đi tắm cho sạch bụi đường. Lại sai Hoài, (cô chaú họ xa, giờ ở với bà cho đỡ cô quạnh) bắt con gà làm thịt. Bà lọ mọ ra vườn, hái rau cải, rau muống ngọn thật non để nấu bát canh và xào cho Tường ăn. Mâm cơm dọn lên, trên đĩa thịt gà luộc chặt vuông vắn từng miếng, có một cái đùi để nguyên. Y như hồi Tường còn bé, mỗi lần nhà làm cơm giỗ, bao giờ bà Đài cũng để phần riêng "con cún con của mẹ" cái tỏi gà, đã thành lệ rồi. Tường ăn ngon miệng. Phần cũng vì bà Đài không đả động gì đến chuyện anh đã ra đi và tất cả những gì thuộc về quá khứ. Nó làm Tường có cảm giác dễ chịu và thân thuộcnhư ngày xưa, khi anh còn là một cậu bé được nuông chiều. Nhưng đến buổi tối, khi trải nệm cho Tường đi nghỉ, bà bảo: "Nếu con muốn, ngày mai mình đi thăm mộ. Thắp cho mỗi người một nén nhang để biết là con đã về." Tường im lặng. Đêm ấy, anh nằm cuộn trong chăn ấm, ở cái góc quen thuộc ngày xưa của mình. Nghe gió đập ào ào bên ngoài vách gỗ. Nghe tiếng mèo ở xa đâu đó gào lên thảm thiết. Và tiếng trở mình rất nhẹ, rất khẽ của bà Đài. Không sao ngủ được...

Ông Tích, bố Tường, nổi tiếng chữa bệnh mát tay. Nhà có hai anh em nhưng ông Tích và ông Đài mỗi người một tính. Ông Tích gắn bó với nghề thuốc gia truyền, chỉ thícg đọc sách và giúp người trị bệnh, tính hiền lành, bảo là yên phận cũng được. Ông Đài thì ngược lại, năng nổ, tháo vát. Ông cũng được dạy nghề thuốc nhưng không

học đến nơi đến chốn. Hồi kháng chiến chống Pháp, ông xung phong đi bộ đội, đến năm 54 thì phục viên, là thương binh nhẹ, được cả cái bằng khen có thành tích chiến đấu. Ông tham gia một chân trong ủy ban xã, gương mẫu tích cực nên bà con trong bản cũng quý mến. Hai anh em nhà ông như thế cũng gọi là có vị thế trong xã. Chỉ phải mỗi cái đường con cái hiếm hoi. Ông Tích chỉ có một mụn con trai là Tường rồi thôi, dù bà Tích cứ trẻ đẹp mơn mởn như con gái đương thì. Ông Đài mãi mới lấy vợ mà cũng không có con (có đứa độc mồm bảo hay là ông bị thương vào chỗ ấy?). Cho nên cả hai nhà đều vồ vập cưng chiều Tường, cái mầm sống của dòng họ.

Tai họa ập xuống gia đình Tường lúc cậu bé lên năm tuổi. Một buổi sáng, Tường đang co ro bên bếp lửa xem bố sao tẩm thuốc thì bà Tích chạy về: "Này, bắt được biệt kích đấy! Dân quân xã thấy nó chạy trốn, bắn chết rồi!". Ông Tích đang đảo đảo đôi đũa bỗng dừng phắt lại: "Biệt kích à? ễ đâu?". Bà hổn hển, vẫn chưa hết xúc động vì sự kiện giật gân chưa từng có ở cái bản hẻo lánh này: "Gần núi Đá Voi. Chỗ cái hang ấy. Tôi trông thấy nó. Máu me đến khiếp!". Ông Tích lập cập chọc cả đôi đũa vào bếp: "Núi Đá voi à? Hang à? Bắn chết rồi à?", ông cứ lặp đi lặp lại như thế. Tường ngạc nhiên nhìn đôi đũa bắt lửa, cháy lem lém trên tay bố mà ông không hề nhìn xuống... Ngay chiều hôm ấy, dân quân xã mang súng ập vào nhà Tường bắt ông Tích giải lên ủy ban. Tường sững sờ đứng nép vào góc cột. Trí óc non nớt của nó bật lên cái cảnh công an bắt gián điệp mà bọn trẻ con vẫn chơi. Nhưng đây lại là bố nó!

Bà Tích choáng váng vì cái tin loan ra: chồng bà bị bắt vì nghi là đã tiếp tay cho biệt kích. Tên biệt kích đã bị bắn chết, không còn khai được. Nhưng trong cái hang nó trốn có dấu vết người đi lại chăm sóc. Hình như nó bị ốm và được ai đó đưa vào hang, lại cho cả thuốc đắp. Lá thuốc vẫn còn rơi vãi trong hang, có cả tấm lá dong còn dính mấy hạt xôi. Chẳng biết vì sao mà người ta biết đó chính là ông Tích. Nhưng ông cũng đã thú nhận rồi. Trong một buổi đi rừng tìm lá thuốc, ông phát hiện ra nó nằm sốt run cầm cập ở bờ suối. Ông không thấy nó là biệt kích. Ông chỉ thấy đấy là một con người đang tuyệt vọng chờ chết, cần được giúp đỡ. Thế là ông, không bảo ai, đã dìu người đó vào hang. Lại cho cả thuốc và đồ ăn. Được ba ngày thì nó hồi lại, bỏ trốn. Ba ngày dính líu với biệt kích mà không khai báo qua với xã lấy một lời. Thế thì đích thị ông đã tiếp tay cho giặc. Ai mà biết được ngoài thuốc và đồ ăn ra, ông còn cung cấp tin tức bí mật gì cho tên biệt kích? Thẩm vấn ông mãi cũng chỉ đến thế, xã giải ông lên huyện, có tin đồn là sẽ đưa ra tòa án binh.

Suốt mấy ngày bố bị bắt giam ở xã, Tường thui thủi ở nhà. Mẹ đi về thất thường, bấn loạn không biết làm gì, tối nào cũng ôm Tường khóc. Tường khóc theo, chán thì ngủ thiếp đi. Đêm ấy, nó mơ thấy bố về, đứng ở đầu cầu thang nhìn nó. Gương mặt ông là lạ, buồn lắm. Tường chạy ào lại định ôm bố nhưng lại chụp vào khoảng không nhớt và lạnh toát. Có tiếng cơm chim lợn kêu từng hồi thê thảm. Tường choàng tỉnh dậy, mồ hôi toát đầy người. Buổi sáng, mẹ ngồi chẻ lạt, Tường hồi hộp kể chuyện đêm qua mơ thấy bố, nhưng bố lạ lắm, chỉ nhìn nó mà chẳng nói gì cả. Mẹ ngẩng lên nhìn Tường, con dao sượt qua bập vào ngón tay trỏ, máu tóe ra. Đúng lúc ấy, bà Đài mặt tái nhợt, nhô lên ở mé cầu thang: "Anh Tích chết rồi! Đêm qua. Treo cổ...". Mẹ gục ngay xuống, không nói được một lời. Bà Đài cuống quít vực chị dâu dậy, lấy nước vã vào mặt. Tường nhìn ngón tay bị đứt của mẹ, máu vẫn ròng ròng chảy, nhỏ xuống sàn nhà đỏ tươi. Không biết làm gì hơn, nó cúi xuống mút ngón tay mẹ, như con mèo liếm vết thương. Máu âm ấm, mằn mặn.

... Ông Tích đã không chịu nổi những cuộc thẩm vấn liên miên và đủ thứ dậm dọa. Tình ngay lý gian, ông càng phân trần thì càng như buộc mình vào. Thế là trong đêm quẫn trí, ông đã xé gấu quần, nối thành cái dây, tự kết liễu đời mình. Tường thành đứa trẻ mồ côi, tệ hơn nữa còn bị mang tiếng là con Việt gian. Những cái đó thật quá sức chịu đựng đối với một đứa trẻ lên năm. May mà còn có chú Đài. Che chở bênh vực cho mẹ con Tường trong những ngày khốn khổ nhục nhã ấy chỉ có chú. Ngày nào chú cũng sang nhà Tường làm giúp cái này, cái kia, bảo ban sắp đặt mọi việc trong nhà. Mẹ Tường ốm quị xuống rồi cũng dần dần bình phục. Má mẹ lại hồng, cặp mắt lá răm đen thăm thẳm, mẹ Tường vốn là cô gái đẹp nhất bản này. Gần đến ngày giỗ đầu của bố, Tường thấy mẹ lại buồn rũ, xanh lướt đi. Chú Đài vẫn hay sang nhưng chẳng giúp gì được. Mẹ cứ ngồi lặng câm bên bếp lửa, ủ dột hàng giờ liền. Một đêm khuya lắm, Tường chợt bị đánh thức bởi tiếng mẹ khóc, tức tưởi, cố nén lại. Vài hôm sau thì thấy mẹ đi rừng, hái về một nắm lá linh tinh cho vào nồi đun. Tường hỏi, mẹ bảo là thuốc. Bà thẫn thờ nhìn bát thuốc mới cất nâu sẫm, nghi ngút khói rất lâu rồi ngửa cổ dốc tuột. Đêm ấy, Tường đang ngủ thì bị đánh thức bởi tiếng rên rỉ của mẹ. Nó kinh hoàng thấy mẹ quằn quại trên tấm nệm bị vò xé nhàu nhĩ. Máu. Máu từ đâu tuôn ra như suối. Mẹ vật vã đến sáng thì kiệt sức. Không ai giúp gì được. Tường không khóc nổi vì quá sợ. Mẹ bíu chặt tay nó, đau nhói. Tay mẹ giá lạnh và mắt bà nhìn Tường đờ đẫn, không nhắm lại được. Tường không biết rằng nó một

lần nữa bị bỏ lại đơn độc trên cõi đời này!

Vẫn vợ chồng chú Đài thành chỗ nương tựa vững chắc cho Tường. Ông đón thằng cháu mồ côi về ở hẳn với mình, coi như con đẻ. Ông bà không có con nên Tường gọi là bố mẹ. Ông Đài cưng chiều bảo bọc Tường hơn bao giờ hết. Giờ ông là chủ tịch xã, có ruộng, có vườn, nhà lúc nào cũng thừa thóc ăn. Tường bao giờ cũng là đứa trẻ được ăn mặc sạch đẹp nhất, sách vở đồ dùng đầy đủ nhất so với chúng bạn. Ông bà Đài chăm lo từng miếng ăn hớp nước cho nó, nhắc nhở chuyện học hành... nghĩa là để Tường không thiếu cái gì, không thua kém ai trong bản. Có một điều duy nhất ông Đài không giúp Tường được. Bọn trẻ ghen tị với Tường luôn luôn tìm được cớ để sỉ nhục nó, bất kỳ ở đâu vào lúc nào, mà Tường không thể nào chống trả được: "Lêu lêu, đồ con gián điệp, đồ nhận vơ! Bố mày đếch phải là ông Đài. Bố mày là đồ Việt gian...". Đầu tiên Tường cũng xông vào đánh tụi kia với nỗi uất ức trẻ thơ. Nhưng rồi nó thấy đánh nhau cũng vô ích, vì càng đánh, chúng nó càng gào toáng lên cái điều Tường ghét cay đắng và sợ nhất kia. Nó chỉ biết nuốt nước mắt, chạy về kể với ông Đài. Ông Đài ôm lấy nó, lau nước mắt cho nó, bảo: "Con đừng nghe chúng nó. Bố con là người tốt. Bố con chỉ cứu người thôi". Sau rồi Tường cũng không kể với ông Đài nữa vì mỗi lần như thế, ông buồn lắm, tối lại ngồi uống rượu đến khuya. Nó nén chịu một mình và cô độc trong suốt tuổi thơ...

Tường trúng tuyển vào cấp ba với số điểm cao nhất trường. Đi xem điểm về, Tường chạy như bay ra ủy ban để khoe với ông Đài, nhưng ông không có ở đấy. Trong phòng trực ủy ban chỉ có mình lão Tự. Lão bị bắt quả tang ăn cắp, giờ đang phải làm bản tường trình và nộp phạt. Lão Tự nhìn thấy Tường. Nỗi bực dọc vì bị ông Đài mắng còn đầy ứ trong lòng lão. Tự nhiên lão nẩy ra ý định trả thù. Phải, chỉ có cách ấy là làm cho thằng Đài đau nhất. Nó làm chủ tịch, có nhà có ruộng, nó khinh bỉ lão, thì hãy để cho nó cũng đau đớn, nhục nhã một lần như thế xem. Lão Tự ngoắc Tường lại: "Lại đây, tao bảo." Tường miễn cưỡng ghé lại gần. "Mày vào hẳn đây. Sắp giỗ mẹ mày hả?". Tường gật, cái ánh mắt lão Tự, nó xoi xói vào Tường đến khó chịu. "Mày có biết làm sao mà mẹ mày chết không? Thằng Đài đấy! Nó làm mẹ mày ễnh bụng ra rồi bỏ mặc mẹ mày. Mẹ mày uống thuốc ra thai mà chết. Chính mắt tao thấy nó ngủ với mẹ mày. Bố nuôi mày ấy!" Mắt Tường tối sầm lại. Anh muốn thoi vào giữa bộ mặt khả ố kia. Nhưng ký ức dội về làm anh nghẹt thở. Chú Đài. Vào những đêm khuya khi Tường lơ mơ thiếp đi. Mẹ. Và đêm ấy, tiếng khóc của mẹ

với chú Đài. Cái chết của bà. Máu. Máu của người mẹ mất con! Tường lùi lại, nhìn trừng trừng vào mặt lão Tự: "Câm đi! Câm đi!". Mắt lão vẫn xoáy vào anh, hớn hở độc địa. Lão vươn tay kéo Tường lại, thì thào: "Mày có biết vì sao bố mày bị bắt không? Ai biết mà báo bố mày nuôi biệt kích? Ai? Hả? Xã đội họp, bố Đài mày báo cáo đấy! Tao cũng ở đấy. Mày không tin hỏi lại mà xem...". Tường giằng mạnh khỏi tay lão Tự, chạy như điên khỏi ủy ban, qua cánh đồng lởm chởm gốc rạ đâm vào chân anh đau nhói. Vết thương vỡ toác, đầy giòi bọ kinh tởm. Không phải ngoài da, trong lòng Tường đây và nó sẽ không thể nào hàn gắn được. Một cái gì đó mách bảo cho Tường rằng lão Tự khốn nạn và nổi tiếng điêu ngoa ấy lần này đã nói đúng sự thật. Ông Đài, người anh thương yêu, kính trọng nhất. Bố của anh. Người bạn duy nhất của anh. Ông đã bán đứng anh mình, lừa gạt và bỏ mặc chị dâu. Bố Tường đã chết. Mẹ cũng chết. Oan ức thảm thê. Và đời Tường đã bị hủy hoại tàn bạo. Cả tuổi thơ cô đơn nhục nhã của anh! Có sự lừa đảo nào khốn nạn hơn thế?

Tường lê bước trở về ngôi nhà mà sáng nay , lúc ra đi, anh còn thấy nó là một tổ ấm. Ông Đài đã về nhà, đang ngồi uống trà bên bếp lửa. Có lẽ gương mặt Tường báo hiệu một vẻ gì khủng khiếp lắm nên ông dừng sững chén trà lại: "Sao thế con?". Tường nhìn ông trừng trừng, nhả từng tiếng một: "Có phải ông đã báo với xã là bố tôi nuôi biệt kích?". Cái chén buột khỏi tay ông Đài vỡ tan:

-Tường... Đừng thế! Con ...

-Trả lời tôi đi. Chính là ông, phải không?

Mắt ông Đài nhìn Tường đau đớn. Cái nhìn của kẻ tử tội cầu xin được sống. Nhưng Tường tàn bạo hỏi:

-Ông đã làm mẹ tôi có thai rồi bỏ mặc mẹ tôi, phải không? Chính ông. Đồ giết người! Tôi căm thù ông!

Ông Đài vẫn câm lặng. Như người bị tê liệt, mù lòa, ông gục đầu xuống. Tường quay mình bỏ đi. Ông Đài không làm một cử chỉ nào ngăn anh lại. Mãi đến khi đã đi xa khỏi bản, Tường chợt nghe đuổi theo anh tiếng gọi hớt hải tuyệt vọng: "Tường ơi! Về đi con! Về đi...i...i...". Tiếng bà Đài.

Tường đã đi một mạch đến đỉnh đèo. Anh nhận ra chỗ này. Vách đá bị sạt lở trong ánh chiều đỏ bầm lên như màu máu. Ngày Tường còn bé, bố vẫn bế Tường chỉ tay lên dốc núi, chỗ có con đường vắt ngang mờ mờ như sợi chỉ và vệt đá lở trông xa chỉ to bằng cái móng tay cái đỏ sẫm quệt vào vách núi. Bố bảo đấy là đườngvề xuôi, xa lắm. ễ dưới xuôi có ôtô, đèn điện. Lớn lên bố sẽ đưa con đi xa. Về thành phố... Tường vịn tay vào vách đá, nhìn xuống thung lũng. ễ đó

anh đã mất tất cả. Tình yêu bị lừa đảo và phản bội. Sẽ không bao giờ anh trở lại nơi này!

... Vậy mà Tường đã vi phạm lời nguyền của mình. Mãnh lực nào đã lôi cuốn anh về đây để mà đau đớn như bị đóng đinh trên thập ác? Trong đêm dài dặc không ngủ, Tường chợt hiểu rằng nỗi căm hận và đau đớn không phải là tất cả trong anh. Tình yêu bị xua đuổi, lang thang lẩn trốn vào những góc miền sâu kín nhất trong Tường và không ngừng thì thầm kêu gọi anh hãy tha thứ!

Tường lặng lẽ theo bà Đài thăm mộ. Bà Đài đi trước, lưng còng rạp trên dốc, bàn chân khô héo, nứt rạn, ngón bấm chặt xuống đất. Bà đã đi trên con đường mòn này bao nhiêu lần rồi? Liệu bà có thể sống mà không tìm về những ngôi mộ? ...Đã lên tới đỉnh dốc. Rừng chợt lùi lại phía sau. Trước mắt Tường là một khoảng trống tràn trề hoa dại màu tím. Ba ngôi mộ nhỏ nằm bình yên bên nhau dưới lớp cỏ xanh rì. Chân nhang cắm vẫn còn mới. Trên mỗi ngôi mộ là một bó cúc vạn thọ, chắc bà Đài vừa đem lên hôm trước, cánh hoa vẫn tươi, vàng ánh, đẫm sương đêm. Bà Đài bỏ đồ cúngvào ba đĩa nhỏ. Chỉ có xôi và chuối. Bà chia đều nắm hương bảo Tường đi cắm cho từng ngôi một. Bố. Mẹ. Bao nhiêu năm qua nếu không có bà Đài, hẳn mộ bố mẹ anh đã hương lạnh khói tàn. Tay Tường run run khi cắm bó nhang cháy đỏ lên mộ ông Đài. Giờ ông cũng nằm đây, bên cạnh anh chị mình, những người ông đã yêu thương, đã phản bội và làm cho tan nát cuộc đời.

-Sau khi con đi, ông ấy buồn lắm. Ông ấy đi tìm con khắp nơi. Rồi thôi chức ở xã. Cả ngày chỉ ngồi uống rượu. Ba năm sau thì ông ấy bị cảm rồi mất...

Bà Đài kể, giọng đều đều như không phải kể về cái dĩ vãng đau thương của chính họ:

-Khi chết ông ấy gọi tên con. Ông ấy ân hận nhiều lắm. Ngày đó, ông ấy cũng bị ép buộc. Ông ấy chỉ nói sự thật là biết bố con chữa bệnh cho thằng biệt kích thôi. Có ngờ đâu...

Tường nhìn bà Đài. Bà có biết rằng chính bà cũng bị ông lừa dối? Anh hỏi:

-Thế còn mẹ con? Nếu ông ấy đã hối hận, sao còn hủy hoại đời mẹ con? Mẹ có biết điều ấy không?

Bà Đài lặng lẽ gật đầu. Mấy ngón tay khô gầy của bà chợt bíu sâu vào lớp cỏ trên mộ.

-Ông ấy chưa bao giờ yêu mẹ cả. Ông ấy chỉ yêu có mẹ con. Ngay từ khi mẹ con là con gái chưa chồng. Chính vì đám cưới bố mẹ con mà ông ấy xung phong đi bộ đội. Rồi sau lấy mẹ... Ông ấy đã

không cưỡng lại được mình. Mà mẹ con thì không chịu được nỗi tủi nhục là hoang thai với em chồng... Họ đã đau khổ nhiều... Hãy bỏ quá đi, con ạ!

Tường ôm lấy vai bà Đài. Gương mặt bà bình thản nhưng lại dàn dụa nước mắt...

Hôm sau, bà Đài bảo Hoài đưa Tường ra bến sông Mã. Ngày trước, Tường vẫn ao ước được đi thuyền xuôi dòng sông. Bố bảo cứ theo dòng sông đi mãi là ra tới biển. Hoài tíu tít đưa Tường ra sông. Cô cũng chưa bao giờ được đi chơi thuyền như thế này. Tường nhìn gương mặt ửng hồng, cặp mắt long lanh phấn khích của Hoài, chợt nhận ra rằng cô rất xinh. Hoài hỏi tốp thanh niên đứng ở bờ sông liệu đằng kia có những gì để xem. Họ nhìn Tường và Hoài chằm chằm. Một tay thanh niên quẳng mẩu thuốc, trỏ tay về phía xa, nói như quát: "Đi xem động Trảng ấy. Đẹp lắm. Độ nửa tiếng là tới.". Gã để ria con kiến đứng bên cạnh đế vào: "ễ đấy vắng lắm. Đem nhau lên đấy mà kỉn nhau đi!", rồi cười hô hố. Tường nóng mặt. Anh định nhảy đến túm cổ áo gã kia hỏi sao lại xúc phạm thô bỉ, vô cớ như thế. Hoài kéo anh lại. Cô cũng ngượng đỏ bừng cả mặt, đôi mắt đượm buồn:

-Đừng anh. Thôi kệ họ. Họ buồn chán quá, không biết mình nói gì đâu.

Con thuyền lặng lẽ xuôi dòng. Đám thanh niên cũng tản đi từ lúc nào. Chỉ còn Hoài với Tường và người chèo thuyền. Con sông Mã mùa cạn hiền hòa, nước xanh lục, mát lạnh. Tường lặng ngắm những bãi ngô cằn cỗi sau hàng dậu thưa chạy dọc men sông. Trên kia là rừng đại ngàn và những đỉnh núi cao ngất, chờn vờn mây trắng. Con thuyền lách sang phải, tránh một bãi đá sỏi nổi lên chắn cả một góc sông. "Bãi đào vàng đấy." người lái thuyền giải thích, "Một dạo người ta kéo nhau lên đây đông lắm. Đào bới tứ tung. Moi sục cả đáy sông lên rồi đổ đá sỏi ra đây. Sau lại kéo nhau đi hết cả...". Tường nhìn bãi cát sỏi vắng ngắt dập dềnh dưới làn nước xanh trong. Hai bên bờ sông vách núi bị nước bào sâu hoắm, đá vặn gân guốc như thớ gỗ, đất sạt lở. Dòng sông đã nổi giận phá phách tất cả rồi dịu hiền trở lại. Cao trên kia, lau trắng bạt ngàn. Con người đau khổ đã tự đầy ải mình với bao nhiêu lầm lỗi. Thiên nhiên vẫn công bằng và độ lượng. "Hãy bỏ quá đi con". Bà Đài cũng bảo Tường như vậy. Làm sao trong con người nhỏ bé tưởng chừng khô kiệt của bà lại có thể chứa đựng một nguồn thương vô tận và bao dung đến thế! Tường thở một hơi dài. Trước mắt anh là những khoảng rừng bị chặt phá nham nhở đến trơ trụi. Người ta đang trồng lên những gốc bạch đàn non. Rừng ngập ngừng xanh lại...



HỒ MINH DŨNG

Tống biệt

một năm đèn đủ soi ngõ ngách
cù rủ lòng ta theo heo may
mới hay lặn lạch tìm con sóng
trùng trùng khơi khuya tưởng giữa ngày
cám ơn gai một lần, xóc ngược
máu me ta, mẹ đẻ, hai lần
tóc tơ trời khâu ngàn kinh nhật tụng
trang chưa xong ngói dột mái chùa nầy
cành nhớ ơn chim mấy ngày ngủ đậu
lòng xa xôi còn nhớ đủ bốn mùa
chỉ có mây mới biết nguồn sâu cạn
mẹ bảo: tụng kinh, phải tụng, biết bao lần.

HỒ MINH DŨNG
Atlanta, 11.1999

Tường rời Việt Nam muộn hơn dự định một tuần. Bà Đài và Hoài không ra tiễn anh được. Gia đình ông Thục cũng thế. Chắc họ còn giận vì Tường đột ngột đi Mai Châu mà không hứa hẹn lời nào với cô Tuyết. Tường ra sân bay môt mình. Anh chọn chỗ ngồi gần cửa sổ. Chuyến bay cất cánh lúc 4 giờ 10 phút ngày 19 tháng 2 năm một ngàn chín trăm chín bảy. Thời tiết đẹp. Từ trên cao, Tường dán mắt qua ô kính nhìn xuống mặt đất. Chưa bao giờ anh nhìn mảnh đất mình đã sống rõ ràng đến thế. Từng milimét đất dưới kia đều trĩu nặng cay đắng và yêu thương... Nước mắt tưởng đã cạn khô từ đâu bỗng tràn về dịu dàng dâng ngập mắt Tường. Ngoài kia, mặt trời vẫn uy nghi tỏa sáng. Dưới mặt đất, dòng sông, ao hồ và mặt nước rực lên một màu vàng ròng trong ráng chiều đỏ ối. Quê hương...

Hà Nội, Tết Đinh Sửu
PHẠM HẢI ANH



DU TỬ LÊ

Chứng thật

những con hoàng anh /làm chứng cho/ bình minh/
bằng tiếng hót vói, tan sương mù của chúng
cây phong /làm chứng cho/ buổi trưa/
bằng sự mất đi chiếc bóng của chính nó
những con quạ /làm chứng cho/ buổi chiều/
/liu điu/ trên nhánh, cành khuynh diệp.

em làm chứng cho tôi
về những tình yêu đã chết
Thượng Đế /làm chứng cho/ tôi/
sự hồi sinh kỳ diệu
(và, chỉ riêng ngài biết
niềm bí mật giữa tôi và ngài.)
(9-99)

Thơ ở thiên niên kỷ thứ III

mọi điều đang biến mất
ngay chúng ta
và, tình yêu tưởng chừng bất tử.

nhân loại đang biến mất
dù những con vật hai chân hiện diện trên mặt địa cầu
đã vượt qua con số 6 tỷ.

muông thú đang biến mất
dù chúng ta vẫn dư thịt để ăn
dù chúng ta có thêm rất nhiều trại chăn nuôi
thậm chí mỗi tế bào gia súc
cũng đã cho ta một con vật in hệt.

thiên nhiên đang biến mất
núi non, biển cả, rừng cây
ngay màu xanh chúng ta đang thấy
cũng chỉ là ảo tưởng.

bởi chúng ta đã rủ nhau vứt, bỏ linh hồn
như hàng ngày, bằng ngả ruột già
chúng ta thải ra:
cặn, bã.

em đã sa thải tôi
cũng chính bằng cách ấy.
DU TỬ LÊ
(11-1999)



LÊ MINH KHUÊ

Lời chào ở ngưỡng cửa



Năm Châu 18 tuổi, bà dì ở một thành phố mới giải phóng phía Nam gửi cho một chiếc áo dài. Trong một buổi gặp gỡ có tính hội hè vui vẻ rất hiếm ở thập kỷ 80, lần đầu tiên Châu mặc chiếc áo dài có những bông hoa to tướng chạy từ cổ xuống vạt. Nền áo xanh sẫm, những bông hoa trắng càng xuống vạt càng nhỏ đi tạo cái dáng áo cao lên. Châu cảm thấy cái áo mặc vào ngày hôm nay có một tính chất khác thường, nó sẽ cho cô những may mắn gì đấy khó gặp vào lúc khác. Linh cảm về cái gì đó chờ đợi mình khiến đôi mắt Châu mở lớn, trống ngực đập như tiếng búa đập đá. Bước đi giữa các bàn như nữ hoàng bước giữa hai hàng lính danh dự. Biết rằng có nhiều cặp mắt dõi theo... May mắn thay khi người ta ở vào tuổi 18... Châu cố gắng thờ ơ, phong thái cố tỏ vẻ chững chạc, chẳng cần ai. Bọn thanh niên choai choai búng ngón tay chong chóc, hê lô hô la từ các xó xỉnh. Châu chẳng quay nhìn. Cái áo dài tuyệt đẹp giúp người ta lớn, không dễ bắt nạt. Châu chán ngắt cái bọn mặt búng ra sữa, chả có ai ra hồn. Dù vậy nếu chúng nó chẳng búng tay, chẳng hê lô, chắc chắn chiếc áo dài này sẽ cứng như làm bằng đá.

Từ cuối dãy bàn kê sát tường, một người đàn ông không trẻ không già, chống tay lên cằm cũng đang thờ ơ nhìn cảnh và người.

Chả hiểu sao Châu có cảm giác anh ta đang chán ngắt mọi sự. Y như mình. Có điều anh ấy có vẻ chán thật còn mình, thực ra mình có chán đâu. Mình ra vẻ thôi. Ở tuổi này, mình còn khối thì giờ để chán. Châu tiến lại phía anh ta. Những đầu mẩu thuốc lá chất đầy cái gạt tàn trước mặt người đàn ông. Anh ta ngồi đây lâu rồi, chẳng để ý đến ai cũng chẳng bắt chuyện với ai. Châu ngồi xuống cạnh anh ta. Lúc này người đàn ông mới nhìn sang. Hai người gật đầu chào nhau. Cùng quay đi rồi cùng bất chợt quay lại nhìn nhau. Tiếng sét nổ ra giữa khoảng cách mong manh. Người đàn ông càng lúc càng có cái nhìn chăm chú: cô gái ơi, cô ở đâu ra?...

*

Thực ra anh ta cũng không có nhiều hấp dẫn. Người cao lòng khòng, tóc đã hơi hói, hay lạnh co ro giữa những đêm mùa thu mùi hoa sữa làm không khí trong veo như không hề có tạp bụi. Những đêm ở chỗ Châu về, bao giờ Châu cũng quấn hai lần khăn len lên cổ anh. Vừa quấn những vòng khăn, nước mắt Châu vừa trào ra với bao nhiêu trìu mến. Khổ lắm thôi, quàng khăn đi không lại ốm, em chịu không được đâu!

Châu ở ký túc xá một trường đại học. Ký túc xá cố gắng tạo cho sinh viên chỗ ở độc lập, nên một phòng 12 người nhưng ra thành 6 phòng nhỏ, mỗi phòng hai người. Châu may mắn ở với một chị có nhà ngoài phố. Thỉnh thoảng mưa rét hay bài vở nhiều, chị ở lại ký túc xá. Còn Châu được làm chủ 5 cái mét vuông chung quanh là cót ép. Những phòng bên cạnh bằng cách này cách kia, mỗi người đều có những giây phút riêng. Mùi xào nấu, tiếng mỡ rán, tiếng những chiếc giường bằng gỗ tạp cọt kẹt, tiếng khóc vì hờn giận, tiếng xoa dịu của những người đàn ông... Chẳng ai giấu ai cái gì và thật may mắn không ai nhìn thấy ai. Những người đàn ông đến với các nữ sinh viên, đều ý tứ không gặp nhau...

Anh đã có vợ. Người vợ mới cưới ở quê như trăm phần trăm các công chức tuổi anh lúc này ở thành phố. Năm chiến tranh, trước khi ra trận, những người già cố gán một cô nào đó với người lính. Cưới vội, ném vội lại cái mầm sống của mình rồi ra đi. Hết chiến tranh, còn sống trở về, tới thành phố làm việc. Lúc này mới nhìn kỹ người vợ cưới vội, trăm bề chẳng hợp nhau. Con cái có rồi mà những năm cô ấy chăm sóc ruộng vườn, cha mẹ già... Tường cũng vậy. Bỏ không

được. Lại rơi vào trường hợp hãn hữu, cô vợ của Tường sinh ra ở một thị trấn nhỏ. Nửa tỉnh nửa quê nên các thói đời rất rành rẽ. Chị ta có tính kích động thái quá, tức giận là sẵn sàng lao mình xuống từ gác 5. Đã mấy lần chị uống thuốc ngủ. Mấy lần dọa lao mình. Tường chẳng phải gan góc gì, cũng là tình nghĩa... nên những đêm ở lại giữa 5 cái mét vuông cót ép của đời sinh viên, anh thường phải dối vợ là đi công tác. Chiều thứ bảy là chiều lý tưởng. Trường vắng teo. Những phòng bên cạnh đều của các cô ưa thói chơi thành thị: đi píc-níc. Tường lọc cọc cái xe đạp từ nhà xuống, đèo theo vài củ xu hào, quả tim lợn hoặc tí thịt bò. Trong khi Châu hí húi xào nấu bằng cái bếp dầu, Tường sửa lại cái chốt giường, đóng lại vài cái đinh. Vừa làm vừa hát. Ở nhà không lúc nào anh hát nổi trước khuôn mặt giận dữ và tuyệt vọng bất tận của cô vợ đòi hỏi mọi thứ đều cao. Hai người chụm đầu ăn uống, chuyện trò. Tắt đèn. Và khi tắt đèn Châu không kìm được. Cô yêu Tường, thương anh đến thổn thức và tất cả những lần trong bóng đêm của căn phòng sinh viên bằng cót ép, nước mắt Châu đều tràn ngập như lụt. Khoảng gần nửa đêm, Tường khoác lên mình cái áo, Châu ôm cổ anh, quàng khăn cho anh. Đêm mùa hè cũng vậy, đường xa nhỡ đau ốm thì tội... Những giọt nước mắt lại rơi.

Hôm đầu tiên của tháng đầu tiên, cả năm đầu tiên yêu nhau, Tường hôn nhẹ lên má người yêu thầm thì:

- Thôi anh về nhé.

Hai năm sau yêu nhau, anh vẫn có động tác ấy, lời thầm thì ấy:

- Thôi anh về!

Hôm đầu tiên, Châu choáng người khi chỉ còn một mình. "Thôi anh về." Thế là anh về. Dù thế nào thì anh cũng có một gia đình và anh phải về. Những đứa con của anh còn nhỏ, anh phải kiểm tra bài vở cho đúng, anh phải về thì đúng rồi còn gì. Người vợ suốt đời mang bộ mặt sầu não tuyệt vọng của anh nhất định phải cho cái bàn là nóng vào chăn cho ấm. Anh phải về! Điều đúng quá là anh phải về. Nhưng giá như anh nghĩ rằng có một con bé yêu anh tan nát trái tim đang chẳng biết về đâu.

Cứ thế đều đặn, hai năm sau yêu nhau anh vẫn hôn nhẹ lên má cô, thì thầm: thôi anh về nhé. Những năm Châu học đại học, cái 5 mét vuông cót ép tràn ngập yêu đương và cũng đầy những lời chào thầm thì: thôi anh về! Châu sợ người yêu, tôn thờ từng bước chân anh đi. Những chiếc may ô của anh để dưới gối, đêm đêm Châu vẫn ôm nó vào khuôn mặt đẫm nước. Đó là thời kỳ áo may ô có lúc vá từng miếng to, có hôm cô hôn hai bàn tay anh, thấy đầy mùi mỡ thực vật Nauy, cái thứ mỡ viện trợ rửa bao nhiêu cũng không hết mùi. Anh

bảo: anh từ cơ quan phải về nhà nấu cơm rồi mới đi. Vợ anh lại ốm! Xào khoai tây với mỡ Nauy, cho trẻ nó ăn lấy chất. Cô yêu cái mùi mỡ khó rửa sạch nơi tay anh. Cô và những chiếc may ô. Thuốc đánh răng bằng bột được phân phối ở trường, cô gói vào túi ni lông cho anh đi công tác. Cô dành dụm những hạt mì chính cho vào cái lọ con: đi ăn phở anh chấm thêm cho ngọt!

Ấy vậy mà ra khỏi chăn của cô, anh cứ vô tâm: - Thôi ngủ đi, anh về nhé!

Châu làm sao ngủ được khi cái cảnh anh về với gia đình cứ dày vò giấc ngủ của cô. Một lần hiếm hoi, cô sợ sệt bảo anh: anh đừng nói là anh về, nói kiểu khác đi.

Anh ngỡ ngàng nhìn cô, cười xòa: chuyện vặt. Thói quen thôi mà...

Châu sắp tốt nghiệp đại học, anh vẫn vô tâm: thôi anh về.

*

Những năm sau chiến tranh với vô vàn thứ khan hiếm qua đi. Thập kỷ 90 bắt đầu với đèn màu ngoài phố, cửa hàng có đủ thứ để mua. Châu tốt nghiệp đại học giữa lúc khan hiếm việc làm. Tường không phải là người tình thoáng qua khi vui vẻ. Anh thực sự là người thân thiết của Châu. Anh tìm việc làm cho Châu: ở cơ quan thằng bạn thời đánh nhau. Châu về làm ở phòng hành chính, bằng lòng với công việc đánh máy công văn, rửa ấm chén, nghe điện thoại... Một người bạn nữa của Tường đi kiếm ăn ở tận trời Âu. Tường giữ nhà cho bạn, nửa căn hộ trên gác 5 ở khu nhà lắp ghép. Châu dọn tới với vali nhỏ, bếp dầu, những chiếc chai và lại những chiều thứ bảy êm đềm trong chăn ấm. Ở đây khi ra về, Tường nhón chân cho nửa hộ bên trong không nghe tiếng. Châu lại quàng cổ cho anh, ôm lấy anh thổn thức: ấm rồi, anh phải cố giữ cái phổi. Tường hôn Châu, tiếng thầm thì hơn cả thời ở nhà ký túc xá: - Thôi anh về nhé.

Anh về, anh về. Châu buồn. Rồi thấy hậm hực. Chả nhẽ anh không chào nổi một câu khác. Sao Châu khổ thế? Anh ấy yêu Châu. Đã hẳn. Nhưng tương lai của Châu thì sao đây? Rồi sẽ tới đâu? Hai người đã bàn chuyện lo cho đứa con đầu của anh vào đại học. Châu đùa: nó thế chân em. Trong nửa căn hộ ám khói ở tầng 5, lại những buổi chiều anh tạt qua. Thịt giờ đã mua tự do. Nhà hàng đã có nhiều món ăn khó, ăn lạ. Nhưng cái bếp dầu vẫn làm phận sự của nó.

Cái chăn trong mùa đông. Cái quạt điện mùa hè. Và anh lại thường về vào lúc 10 giờ tối. Vợ anh hay ốm, cô ấy thích thấy anh ở nhà. Thôi anh về nhé.

Châu mặc váy, hai cái chân dài trong tất đen có điểm những bông hoa lốm đốm. Thủ trưởng của Châu hấp háy đôi mắt sau cặp kính. Khổ lắm, nhưng cũng vợ con hàng tá rồi!

Tường bắt đầu sợ sệt, rúm ró. Người ta đã cho anh một chức vụ tương đối sau hàng chục năm lận đận. Anh nên cẩn thận với những chuyện tình tang vì cái đó ảnh hưởng rất lớn đến con đường trước mắt. Anh hấp tấp quay đi khi bất chợt gặp Châu ngoài đường. Anh tránh đôi mắt nhìn thẳng thách thức của Châu. Anh thường chờ trời tối mịt mới dám lò mò lên gác 5 thì thầm hơn cả trước kia: Lão ở cuối hành lang kia là người trên bộ đấy, nhỡ lão biết chuyện của mình thì phiền. Thôi anh về nhé!

Châu nhìn theo cái dáng lòng khòng của người yêu đi không một tiếng động. Đôi vai mỏng mảnh của anh giờ gánh hai nỗi sợ: sợ cấp trên và sợ vợ. Anh làm sao thu xếp được cho ổn? Cô thổn thức vì thương anh.

Một hôm có người đàn ông theo cô vào hiệu sách. Làm quen rồi rủ đi uống cà phê. Người đàn ông có giọng nói ân cần trong máy điện thoại làm cô sững sờ: sao lại có cái giọng êm ái đến như vậy? Cô thấy mình cũng phải sống. Cô lơ đãng đón Tường, lơ đãng thổi nấu và lành lạnh trong chăn, Tường hốt hoảng: có chuyện gì thế? Anh gặng hỏi, gặng hôn cô lần nữa. Nhưng rồi vẫn vô tâm: - Thôi anh về nhé!

Châu đi uống cà phê với người đàn ông có giọng nói êm ái. Châu cũng theo đến cổng nhà anh. Hóa ra anh ta cũng chỉ được đi uống cà phê, trò chuyện qua điện thoại. Và cô vợ thì chẳng phải tay vừa. Châu hốt hoảng thấy chung quanh mình toàn kẻ chán vợ... Một vài cuộc gặp gỡ với một vài người đàn ông có vợ nữa. Một buổi trò chuyện với một gã người Ấn Độ. Một buổi nữa với ông Philippin đen cháy. Tất cả họ thích cô vì đôi chân dài. Thế thôi. Nghĩ cho cùng chẳng ai yêu cô thành thật như Tường. Anh chẳng yêu đôi chân dài của cô. Anh yêu cô. Cái tình yêu mê đắm, như anh em, như cha con, tất cả cô được hưởng của anh trọn vẹn. Nghĩ cho cùng cũng chẳng có ai lo lắng đến anh như cô.

Nhưng anh vẫn vô tâm: - Thôi em ngủ đi, anh về nhé.

Anh đã lên được một chức cao hơn. Và Châu đã ở tuổi 27. Gần mười năm, vẫn một câu ấy: - Thôi anh về!

Vào năm Châu 28 tuổi, anh cố gom góp tiền của hai người mua

hẳn nửa căn hộ của người bạn. Và chỉ trong một năm có những cơ may bất ngờ, một loáng, anh làm được nhà cho vợ con anh, anh mua luôn nửa căn hộ kia cho Châu, sửa sang lại, đồ gỗ đồ điện mới tinh làm căn hộ sáng như có phép lạ. Giờ đây không có cái ông ở cùng căn hộ, và các nhà cũng bỏ thói quen dòm dò nhau như trước, anh vẫn thầm thào: đóng cửa lại đi em! Rồi khi bước ra anh cũng nói nhỏ không thể nghe nếu không hiểu: Thôi anh về!

Một chàng trai mới lớn bước vượt lên Châu: Em bé ơi chờ một chút. Nhưng khi Châu quay lại, cậu lúng túng: em xin lỗi, nhầm người quen!

Châu cay đắng về nhà, đóng cửa lại ngồi khóc tấm tức. Chiều hôm đó cô đón Tường nhạt nhẻo. Là người không mấy nhạy cảm nhưng hôm đó Tường thấy không ổn. Anh săm soi sửa mấy thứ lặt vặt, hát luôn miệng, mắt liếc nhìn Châu. Anh lo sợ. Anh chẳng có gì, chỉ còn Châu. Cái chức vụ kia là lẽ sống của anh. Nhưng là một mặt lẽ sống. Không ai thay nổi Châu.

- Thôi anh về nhé.

- Anh ở lại đã. Thôi anh về, anh về. Đã bao lần em van xin anh đừng nói cái câu ấy, anh cứ nói: Thôi anh về. Thì ai chả biết anh về với vợ con anh. Anh có đủ. Anh có tưởng tượng nổi cái câu ấy như thế nào. Anh về. Thế còn em ở lại làm gì? Em là cái gì của anh? Sao anh cứ giữ rịt lấy em rồi lại chào em thôi anh về.

Tường co ro đứng ngoài cửa. Trời lạnh. Anh thấy mình chợt nhỏ đi khi chứng kiến cơn thịnh nộ của người tình. Châu nói như mê sảng, chẳng có nước mắt như trước kia. Tường chợt nhớ là thời gian gần đây khi quàng cổ cho anh, Châu không còn thổn thức vì trìu mến nữa. Cô cũng không nói cái câu: giữ cái họng, cái phổi. Ốm lại khổ em! Kèm theo đó là những tiếng thở dài.

Tường chợt thấy đời trống rỗng. Anh già rồi. Hai con vào đại học rồi. Bà vợ vẫn nuôi bộ mặt tuyệt vọng khi anh về tới nhà. Ngăn kéo bà chứa nhiều thuốc ngủ. Đầu tiên, anh cố gắng vứt đi, nhưng rồi thấy chả có gì xảy ra, anh cứ để đống thuốc ngủ ở đấy. Ở cơ quan, anh có lái xe riêng. Những trưởng phòng sáng thứ hai ngồi nghe anh giao ban. Ông bảo vệ sợ sệt khi anh đến mà ông không có mặt... Nói tóm lại, mọi chuyện đều ổn. Chỉ còn Châu, cô không gọi điện thoại cho anh suốt một tuần. Sự trống rỗng thiếu vắng làm anh già sọm. Anh đành đến với cô, cái căn phòng tràn ngập yêu đương trước kia giờ đây như rộng ra với anh. Hai người lao tới nhau, như hàng thế kỷ xa cách. Thì ra cô vẫn yêu anh lắm. Khi ra về, anh ý tứ: - Thôi anh đi nhé!

Một vài hôm sau anh lại quên: - Thôi anh về. Có điều anh sững lại, cười xòa và chữa: thôi anh đi!

Châu hờ hững khi thấy anh lúng túng. Châu chả vui mừng khi nghe anh ý tứ: thôi anh đi! Cô như người khao khát chạy tới biển. Giờ thì thấy rồi, nhưng mệt mỏi quá, không thể vui mừng.

- Anh chả phải giữ gìn như thế anh ạ, em không cần nữa. Anh cứ nói như trước cũng được.

Nhưng Tường không thể chào Châu như trước. Đã thành thói quen rồi, bao giờ anh cũng: thôi em ngủ tiếp đi, anh đi đây! Thôi anh đi đi. Em cũng phải lo cho đời em chứ. Lẽ nào suốt mười năm qua em đã tranh đấu, buồn khổ, hồi hộp vì chờ đợi câu chào ngày hôm nay của anh. Em còn trẻ mà. Thôi thì anh cứ về đi.

Châu khép cánh cửa không nhìn theo người đàn ông. Cô liếc qua tờ lịch: mùa xuân này mình mới có hai mươi chín tuổi.

LÊ MINH KHUÊ

11-1997



LUÂN HOÁN

Tượng

gom các ngài nhốt chung vào tủ kính
ta đã có phần toan tính dựa hơi
cũng có thể chỉ vui tay trang trí
thấy các ngài ngộ nghĩnh muốn chưng chơi

ngài Quan Công mặt mày dầm trong rượu ?
mắt cùng môi chưa có dịp tập cười ?
ngọn râu nhọn đựng chừng bao nhiêu bụi ?
danh và linh thành tựu tự máu người !

ngài Lã Vọng thân oằn thơm ngọn trúc
búi tóc gom được mấy nhúm mây xanh ?
lòng thanh thản quăng xa bao nhiêu dặm ?
mà vô tình câu được mớ thanh danh ?

ngài Thổ Địa suốt bốn mùa phơi rốn
mặt như trăng búng một cái ra hương
đời thong dong nhờ đi chân chữ bát ?
trẻ quanh năm nhờ lấp ló bên giường ?

ngài Thần Tài thùng thình hia, áo, mão
chạm danh xưng đã ngai ngái kim tiền
vàng ròng cả từ con chim mầu nhiệm
đời râu mày mua được mấy nàng tiên ?

tôi từ lâu cũng đã là pho tượng
tôi chưng tôi để hù dọa tôi chơi
và có lẽ có một người thưởng thức
đố em là ai. đã dám chịu chơi ?

LUÂN HOÁN



LÊ MINH HÀ

Tầng có năm phòng



Thằng đen và con bồ lại bắt đầu rú rít. Tiếng thằng: "A Bianca! A Bianca..." Tiếng con: Là một chuỗi dài những âm thanh the thé, giống tiếng mèo cái gào trên mái nhà những đêm trăng suông. Nghe thật vãi cả linh hồn vào lúc ban ngày ban mặt thế này.

Không ai đi làm. Nhưng không ai nằm yên được trong phòng. Suốt một tháng nay, từ khi thằng đen quắp đâu ra con bồ tha về đây, không khí trên tầng cứ sóng sánh, đằng đặc, quái gở thế nào ấy. Buổi trưa, lúc những tiếng rú hoan lạc của đôi tình nhân vang lên, cư dân trong cả bốn phòng còn lại tập trung hết vào căn bếp nhỏ sát phòng tắm. Đôi vợ chồng già nhất, đã có cháu nội, nhưng thực ra chưa tới năm mươi, đang sống chung một phòng cùng đứa con gái mười bảy tuổi gầy gò trông hệt người hai lưng bò ra bếp đầu tiên. Mợ vợ xì xụp húp cà phê pha theo lối Thổ, mặt mày cau có. Tay chồng nghiêng đầu nhìn qua cửa sổ về phía bát ngát một bầu trời xám úp xuống bát ngát cánh đồng hoa cải vàng đến xanh xao lòng, mắt dại đi. Đứa con gái đứng tựa lưng vào tủ bếp, vừa uống cà phê vừa nghiêm trang nghiên cứu bố mẹ, rồi lùi lũi biến. Cô con dâu rất trẻ, có vẻ đẹp hoàn hảo của giống người Armeni (cực kỳ ăn diện nếu xét rằng cả nhà đó ăn trợ cấp xã hội) ngồi bên mẹ chồng, liên tục cắn bích quy, quên

cả những quy tắc giữ trọng lượng vẫn thường đem phổ biến cho tôi. Vợ chồng cô ta chiếm một phòng sát phòng tôi về bên trái. Gã chồng mất mặt gần như quanh năm, vài ba tháng mới thấy dẫn ở đâu về lúc thì một đám thanh niên lộc ngộc, xổ toàn tiếng Nga, uống bia òng ọc như tôi uống nước rau luộc, lúc lại một đám con gái mới lớn đứa nào cũng có mớ tóc vàng đẹp như tóc giả. Anh chàng của tôi, từng có tám năm học Kinh tế - Chính trị ở Nga thì thầm: "Hàng xóm của em kinh thật. Cẩn thận. Bọn này mafia lắm." Và tuyệt nhiên không để lộ rằng chàng thông thạo đủ các cách chia động từ hay thêm đuôi tính từ "ôm em ốp ép" trong tiếng Nga.

Sát vách phải phòng tôi là phòng một gã Afganistan. Thằng cha có cái nhìn hệt một con chó trung thành và cực kỳ tử tế nhưng luôn làm tôi chờn chợn kể từ khi bắt gặp gã đứng đực trong hành lang mờ mờ sáng chòng chọc nhìn vào phòng, đúng lúc tôi đang trong tư thế mà nếu bà nội tôi còn sống bà sẽ phải mất cả buổi để đay cho ù đầu rằng con gái con đứa và rằng vân vân và vân vân. Gã Afganistan thạo tiếng Nga và luôn có mặt trong bếp đúng lúc cô con dâu mợ Armeni bận nấu nướng. Không biết bố mẹ chồng cô ta có nhận ra điều đó không? Có nhận ra câu chuyện chủng chẳng giữa con dâu và gã hàng xóm là một điều cực kỳ phi lý vào

một buổi trưa như thế này.

Thằng đen vừa mở cửa phòng lệt xệt đi vào nhà tắm. Tôi rất sợ những lúc chạm mặt nó trong tư thế này. Cả cái thân mình phía trên to như con trâu trương, đen hãi hồn hãi vía, cái khăn tắm ve vẩy văng đi văng lại theo đà đôi chân teo tóp. Sau khi nó biến vào phòng tắm cả mười phút hành lang vẫn nồng nặc mùi của nó. Rất đặc biệt: Mùi giống nòi chăng? Hay mùi đặc trưng thằng đen? Từ dạo nó có bồ và trưa trưa chúng nó diễn trò chưởng mềm trong phòng, từ người nó còn tỏa ra một mùi nhờ nhợ. Tạm gọi là mùi hoan lạc. Vô phúc ngửi phải cái mùi này là tôi lao đao còn hơn say xe, say sóng, say rượu, say cà phê. Anh chàng của tôi không biết, thường âu yếm tôi rất mực vào những lúc ấy, những lúc tôi vật và vật vờ. Thế nhưng không hiểu sao tôi vẫn thấy mình tìm cách bò ra căn bếp chung vào cái thời khắc quái gở này.

Trừ cái mùi, Foster (thằng đen tên là Foster) là một gã đàn ông hấp dẫn và đáng kính, dù rằng nó què. Thằng đen này cực kỳ thông minh. Bà vợ ông mục sư đã kể cho tôi hay rằng hồi mới sang Đức

Foster không biết một tiếng Đức nào. Vậy mà bây giờ: thằng đen đã sắp là phiên dịch viên hữu thệ của tòa án. Đấy là chưa kể nó còn xổ tiếng Anh và tiếng Pháp y như thổ ngữ của xứ sở nó vậy. Nó không lấy đó làm điều. Nhưng với tôi, quả thực, đó là niềm hãnh diện của các dân tộc thuộc địa mà tôi không có. Kể cũng tiếc. Nếu nhớ rằng dân tộc mình cũng có cả trăm năm chống thực dân Pháp.

Trong cả tầng, Foster là thằng may mắn nhất. Nó đã được công nhận tỵ nạn, được quyền cư trú chính thức. Đấy cũng là một điều đáng tiếc. Theo tôi thì cái hộ chiếu nó vừa được sở Ngoại kiều cấp có thể trao cho bất kỳ ai trong số cư dân cùng nhà. Nếu thực sự nhân đạo, người ta nên cho nó ở lại ngay sau khi nó chạy thoát được cái xứ Côngô khốn khổ của nó bằng đôi chân què lệt. Tôi vẫn lấy làm ngạc nhiên không hiểu bằng cách nào thằng đen lại có thể sống sót qua các cuộc chiến điên rồ ở quê hương nó. Trên tivi, trên bao nhiêu tấm áp phích, chúng ta luôn nhìn thấy những đứa trẻ đen đi vật vờ trong cơn đói. Đầu to, mắt lồi, cái nhìn thản nhiên với mọi sự, nên cực kỳ đau đớn, và đôi chân kheo khư. Chân thằng đen, như nó kể với tôi, bị tật từ bé. Nó đã lê đi làm sao trên những con đường đói khát của xứ sở?

Thằng đen nhận Pass được chừng hai tháng thì có bồ. Phải gọi là một con bé thì đúng hơn là một cô gái. Con bồ của nó ấy. Cũng da đen, đôi chân rất dài, một bộ mông chưa nở hết nhưng đã nảy tưng tưng theo từng bước đi, con bé hoàn toàn ngơ ngác khi lần đầu bước chân vào căn bếp chung đầy đủ mặt cư dân cùng tầng. Không biết một chút tiếng Đức nào, hoàn toàn xa lạ với tiện nghi văn minh tính từ cái vòi nước nóng lạnh trở đi, nó làm cả tầng náo loạn, lúc thì vì máy giặt không hoạt động, lúc thì không biết đánh răng rửa mặt vào đâu vì con bé ngâm quần áo bẩn đầy bồn rồi tếch đi cả tuần. Tôi còn chưa kể với ai, kể cả với anh chàng vẫn uể oải tự coi mình là người yêu của tôi rằng có buổi sáng mắt nhắm mắt mở xông vào toalette tôi đã thấy con bé đen chồm chỗm ngồi xổm trên bệ đầy vẻ khoái chá. Tôi chắc anh chàng sẽ lại uể oải như bất cứ lúc nào: "Thì nhà quê mình vẫn vậy. Thế nào? Cô mình rút lui có trật tự chứ?" Không hiểu sao tôi luôn phải cố không bộc lộ gì trước cái vẻ bình thản độc địa ấy.

Nhưng rồi mọi sự cũng dần dần trở về hiện trạng cũ. Trừ Foster. Vụt một cái nó vứt béng đâu mất vẻ âm thầm và lịch sự. Là tôi nói lịch sự theo kiểu văn minh. Nó hò hát từ phòng nó ra hành lang, ra bếp, hát thi cùng cả cái vòi hoa sen. Độc mỗi một điệu "A Biaca A Bianca". Không biết đó là dân ca quan họ Côngô nhà nó hay chỉ là tự biên tự diễn ngẫu hứng từ tên con bồ. Ngoài ra, nó còn cư xử cực kỳ khó chịu mỗi bận con bé đen làm dân cùng tầng cáu. Rút cục, thằng đen có

được một con ranh không lấy gì làm thông minh xứng với nó, theo tôi còn lười, nhưng mất toàn bộ sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ của dân các phòng xung quanh. Cái tình cảm tốt đẹp này thực ra đã bị hao hụt đi rất nhiều sau khi nó được công nhận tỵ nạn và được quyền cư trú chính thức. Theo tôi thằng đen làm thế là đại. Làm cho thiên hạ thỉnh thoảng ái ngại, và sung sướng được ái ngại cho kẻ khác không phải là một điều dở, lại còn không dễ đối với những kẻ không tật nguyền.

Chỉ riêng có chàng - uể - oải của tôi là vẫn tràn trề thông cảm với Foster. Nhưng bằng cái giọng mà nếu thằng đen hiểu và đủ sức thì có lẽ nó sẽ đấm vỡ mặt anh chàng. “Rồi chẳng được mấy nả. Con ranh này chắc chỉ cốt yên ổn giấy tờ. Nhìn mà xem. Chân tay nó lòng khòng thế kia là nó còn lớn, còn cần nhiều thằng dạy dỗ đưa vào đời. Đến lúc mông ngực đầy đủ là nó phắn ngay cho xem. Thằng lành đuổi được cũng còn mệt nữa thằng què.” Và anh ngạc nhiên: “Sao mà nó vẫn bẹt dí thế không biết. Con gái có hơi trai một sớm một chiều phải phồng ngay cơ mà! Mà thằng đen chân cẳng thế thì sấp hay ngửa nhỉ?” Tôi không biết anh mói đâu ra cái điều rất đáng gọi là kinh nghiệm hoàn toàn xa lạ với cái bằng đỏ anh đã có cả mười lăm năm trước ấy. Trong thâm tâm tôi vẫn thường so sánh anh với người yêu cũ. Và tôi rất biết vì sao. Tuy nhiên tôi đủ khôn ngoan để không nói ra lời.

Nhưng tôi đạp thẳng thừng lúc anh chàng một buổi trưa xin nghỉ ốm nằm nhà đã đột ngột đổ nhào lên người tôi khi tiếng rú rít của thằng đen và con bồ vang suốt hành lang. Ngửi cái mùi dòng giống nồng nàn trong căn bếp chật suốt thời gian vừa rồi với tôi đã là quá đủ. Anh chàng nằn nì: “Thì cũng phải đẻ lấy một thằng cu cho ông bà bốn bên chứ!” Trời ơi! Nếu chỉ cốt có cháu cho hai họ thì chắc chắn tôi không cặp với anh. “Xinh trai”. “Con một”. “Nhà ở Việt Nam giàu lắm nhé. Bố mẹ đều làm giám đốc công ty gì gì ấy.” “Thời buổi này nghe nói làm nghề giám đốc là ăn đủ. Phủi bụi thành tiền.” Các bà các cô bình phẩm mỗi bận tụ bạ hầu hạ đám đàn ông nhậu nhẹt. Nghe, phát điên. Lại còn thế nữa! Lại có thứ nghề sống lâu lên làm giám đốc . Chờ đấy! Nếu khi nào muốn có con thì tôi sẽ chọn cho con tôi một ông bà ông vải khác. Nhưng biết khi nào muốn! Tôi đã không dám để đứa con hoài thai từ tình yêu được làm người. Tôi sẽ không bao giờ đẻ con chỉ cốt để cho một ai đó, giả dụ, anh chàng uể oải, có người nối dõi.

Bẵng một dạo con bồ của Foster mất mặt. Foster vẫn hát điệu “A Bianca... A Bianca”. Bằng một giọng lê thê não cả ruột. Có đêm tức bụng phải bò ra toilet, ngang cửa phòng Foster, tôi nghe bất chợt

như có tiếng rên rỉ. "Ừ. Nó khóc suốt cả đêm." Mợ hàng xóm người Armeni thì thào, giọng không có vẻ gì là độc ác.

Rồi tôi nhận thấy Foster luôn ra bếp nấu nướng cùng giờ với tôi, mỗi lúc gã nghỉ làm. Thằng đen kể với tôi đủ chuyện trên trời dưới biển vào bất cứ lúc nào tôi tỏ ý lắng nghe. Rằng nó đang làm giấy tờ bảo lãnh vợ con sang Đức đoàn tụ. Vợ nó sinh đứa thứ hai trước ngày nó đi. Rằng mẹ nó cực đẹp. Mẹ con nó cách nhau có mười lăm tuổi. "Ô, mẹ mày sinh mày lúc bằng tuổi Bianca!" Bianca? Bianca ấy à? Nó đang trong trại. Còn mẹ nó thì đang ở Mỹ. Nó có một đàn em lai trắng. Nó cũng vừa có một cô bồ Đức. Dĩ nhiên bồ bịch thôi. "Đã bảo là tao đang chờ đoàn tụ với vợ con."

Đến một buổi trưa cuối tuần, sau khi lùng sục ở chợ Giời về, tôi mới biết những câu chuyện tôi thường dỏng tai nghe Foster kể toàn là bịa. Cô bồ Đức hóa ra là thành viên của một tổ chức thiện nguyện. Foster chưa hề có vợ con. Bianca thì đã sống cùng một chàng trai da đen khác, vóc dáng rất vâm, hàng mi tuyệt vời, đi đứng nhún nhảy. Điều mới tinh tôi biết thêm là Foster gần như cùng nghề với anh chàng uể oải của tôi, cũng kỹ sư kinh tế, cũng học ở Liên xô trước. Nhân viên phòng xã hội, một chị sồn sồn người Rumani gốc Đức, thạo tiếng Nga, rất nhiều cảm thông với đám người nước ngoài, đã kể lại cặn kẽ thế.

Foster vào viện tâm thần tất thảy ba lần. Sau lần vào ra thứ nhất, trong phòng Foster xuất hiện một người đàn bà da đen cực đẹp. Mông cao. Chân dài. Gương mặt thanh tú. Trông không có vẻ lam lũ. Trẻ giật mình. Bà ta tự giới thiệu là mẹ Foster. Foster ngồi nhìn mẹ nấu ăn, mặt mũi âm thầm. Nhìn bà ta vòng tay giả như ru dín một đứa bé, miệng bập bẹ "Foster... Kinder... Baby..." tôi thương hai mẹ con thằng đen thất cả lòng. Mẹ mày đã sinh ra mày như thế nào hả Foster? Mẹ mày đã ra đi như thế nào hả Foster? Mày đã sống như thế nào ở xứ sở đói khát của mày những năm dài thiếu mẹ?

Hoàn toàn bất ngờ với chính mình, tôi gật đầu chịu để anh chàng uể oải của tôi đưa ra Standesamt. Đúng! Hoàn toàn bất ngờ. Vì đã nhiều lần tôi gào thầm với mình phải dẹp khẩn trương cái mối tình lùng nhùng này và vừa biết tin người yêu cũ cũng đang ở Đức, chưa hề uống bia kèm một ả béo (hoặc quắt) nào. Sau đám cưới, tôi chuyển về chỗ anh chàng của mình, bỏ căn phòng xã hội thuê cho. Bây giờ tôi có một bếp riêng, một phòng tắm riêng, một toilette riêng, không phải

hậm hực vì hàng xóm lắm khách và ở bẩn. Thỉnh thoảng gặp bọn cùng nhà cũ, chúng tôi hồ hởi chào nhau, chân không giảm tốc. Mỗi thằng đen thì tôi không gặp.

Báo địa phương:

Ngày... Khoảng giờ... Tại Ha..., một tai nạn khủng khiếp đã xảy ra. Nạn nhân, một người đàn ông da đen tàn tật trong khi tìm cách băng qua đường ray để bắt kịp chuyến tàu từ Ha... tới F. đã bị ngã và bị tàu tốc hành ngược chiều cuốn. Nạn nhân bị mất cả hai cánh tay, dập ngực, chấn thương sọ não.

Nạn nhân được trực thăng chở cấp tốc tới bệnh viện F. Hiện nạn nhân đang nằm tại phòng cấp cứu trong tình trạng nguy kịch.

Báo địa phương:

Tin thêm về vụ tai nạn xảy ra tại nhà ga Ha... vào hôm qua: Đã xác định được nguồn gốc của người bị nạn. Theo nhân viên phòng xã hội Ha... nạn nhân hai bảy tuổi, gốc Côngo, là tỵ nạn chính trị và đã sống tại L... từ ba năm qua. Nạn nhân vừa rời bệnh viện tâm thần Ha... và đang trên đường trở về nhà thì gặp tai nạn. Hiện tình trạng của nạn nhân vẫn hết sức nguy kịch.

Ở hãng, da đen da trắng da vàng nháo nhác. Tôi làm đúng phân xưởng cũ của Foster. Một mợ Jugoslawien đến cạnh tôi: " Mày biết nó mà! Trước mày ở L... chứ gì?" "Thì sao? Tao còn là hàng xóm của nó nữa kia!" Mợ Jugoslawien sững sờ trước cái giọng dửng dưng của tôi: "Thế sao mày không vào thăm nó? Mày đang đứng cái máy trước nó làm đấy. Biết không?" "Biết. Thì sao?" Mợ Jugoslawien ngoe nguẩy bỏ đi, quên cả hỏi tôi tiền góp mua quà vào thăm Foster. Từ chỗ mình, tôi thấy mấy mẹ đàn bà quây quanh mợ Jugoslawien, mặt mũi đầy vẻ kinh ngạc phẫn nộ.

Báo địa phương:

Người đàn ông da đen tàn tật bị tàu đâm phải đã tắt thở sau bốn ngày hôn mê. Nhân viên điều tra phỏng đoán rằng nạn nhân tìm cách tự tử. Nạn nhân là tỵ nạn chính trị, gốc Côngô, vừa rời bệnh viện Ha... sau một thời gian dài điều trị tâm thần phân liệt.

Hội đồng hương của nạn nhân đang quyên góp để đưa tro thi hài nạn nhân trở về quê hương. Tiền quyên góp xin gửi vào:

Kontonummer:...,
Bankleitzahl:...
Verwendungszweck: Foster

Tôi không đến bệnh viện thăm Foster. Không phải vì ngại hay sợ. Từ khi bà và mẹ tôi nằm xuống, chẳng còn sự ra đi nào làm tôi sợ nữa. Nhưng buổi trưa hôm đọc báo biết tin thằng đen, tôi về nhà cũ. Chẳng biết để cứu vãn điều gì. Đúng vào lúc nhân viên xã hội dọn phòng Foster chuẩn bị cho người mới vào. Tôi gặp lại Bianca đến nhận đồ. Gặp cả mẹ nó. Hai người phụ nữ đã từng yêu thương và đã từng rời bỏ Foster vì cuộc sống riêng tư. Cả hai đều ngơ ngác. Chỉ quen nhìn những mặt người đen đói âm thầm trên tivi và những mặt người đen cực kỳ vô tư trên đường, tôi cảm thấy không thể nào chịu nổi lúc nhìn nước mắt ròng ròng trên má mẹ Foster. Những hàng xóm cũ của tôi, đứng bên tôi, nhìn vào phòng Foster. Tủ. Giường. Thảm. Giấy dán tường. Tất cả đều mới. Tất cả... Foster mới mua về sau khi nhận quyền cư trú chính thức tại Đức và trước khi đón Bianca về ở chung.

Buổi tối, tôi bảo là tôi muốn cúng Foster. Đương kim chồng tôi trợn mắt. “Rồ à? Có thương nó thì mang tiền gửi vào quỹ quyên góp cho bọn đen thiêu xác nó. Cúng với quảy. Tục Việt Nam mình chỉ hợp với ma Việt Nam mình thôi chứ!. Mà cô mình định cúng gì khấn gì?” “Thì bát cơm quả trứng nén hương.” “Cúng ở đâu? Trên bàn thờ nhà mình ấy à? Ông bà ông vải về thấy thằng đen thì vật chết cả cô mình với anh.”

Tôi im lặng. Nhưng tới nửa đêm thì tôi chỉ còn thiếu nước gào lên khi chàng - uể - oảiđộng vào tôi vẻ vừa biết lỗi vừa mơn trớn. Lại vẫn bài ca không quên ấy. Ngày xưa, người yêu cũ của tôi ra lệnh: “Anh muốn có con”. Chỉ tiếc rằng ngay sau khi tôi biết mình có con thì anh lại không muốn nữa. Còn đương kim chồng tôi: Cho ông bà có cháu bế. Cho ông bà có cháu bế. Cho ông bà có cháu bế.

“Nghe mệt quá đi. Ông bà thích có trẻ con thì anh ra sở Ngoại kiều xin hồi hương về lấy vợ khác mà đẻ cho ông bà. Mà ai thích. Mẹ anh à? Để giữ giống cho bố anh à? Trời ơi! Thì chính anh kể là ông già vãi giống tứ tung làm bà già hận một đời. Bây giờ khắp nơi bung ra đủ thứ ôm, bia ôm karaoke ôm chó ôm rắn ôm thơ ôm... Mà ông già thì vẫn còn đương chức...”

Chàng - uể - oải ngồi dậy, nhìn tôi đầy vẻ ngao ngán, nhưng im

lặng. Tôi không hiểu sao một người đàn ông có thể nhẫn nại nghe một con đàn bà ăn nói hỗn đến thế. Phải tay người yêu của tôi... hay phải tay tôi... Tôi cũng không hiểu sao đàn bà nhà mình khổ vì chồng mà vẫn lo giữ đủ thứ cho chồng. Giữ giống cho nhà chồng! Làm như thể đời chỉ có cái đó là nghĩa vụ cao quý nhất. Buồn cười. Với tôi nghĩa vụ cao quý nhất là làm sao để cho người sống được sống ra hồn con người. Tôi cười. Chồng tôi nhìn tôi thật lực như thể tôi bị "chập" nặng. Người ta không có quyền nhìn người khác với vẻ thương hại như thế, ngay cả khi đó là một người không bình thường. Niềm thương hại, cũng thể như vô tình, bao giờ cũng làm cho một người tự hiểu về mình không thiết sống.

Thế nhưng Foster! Foster! Mày có tự hiểu hết mày không khi đi tìm cái chết? Foster! Thứ lỗi cho tao! Tao đã không... Tao đã không...Tao đã không...

Nếu có thể trò chuyện với hồn ma, có lẽ tôi còn chúc mừng Foster. Dù sao, cuối cùng Foster đã chết được rồi.

Còn tôi, thuốc tránh thai không hiểu sao cứ làm tôi bị rong kinh. Thế nào ngày mai tôi cũng phải đến bác sỹ.

LÊ MINH HÀ
9.1999





NGUYỄN TRÙNG DƯƠNG

Trong lá thư ngày trước

nhớ em nhé
bàn tay để nắm bàn tay,
chẳng phải như hôm nọ
ngồi bên anh
vân vê vặn vẹo quyển sách
đến nỗi quăn góc
tróc gáy long bìa
(ông thi sĩ sẽ khà khà đắc chí :
- thấy chưa, tập thơ tui có giá hơn ông!)

nhớ em nhé
ngón tay để đan ngón tay
không được dùng tay
bưng miệng cười bẽn lẽn
rồi vén tóc chống cằm
(tay anh buồn sẽ cú nhẹ đầu em:
- em nhỏ trong phone
quỷ quái ranh ma lém lỉnh
sao bây giờ lúng túng thấy thương)

nhớ em nhé
đôi môi để dụi bờ môi,
ai lại cong môi

đanh đá cá cầy
lý sự vụn, triết lý cùn
mồm loa mép giải
cãi nhau tươm tướp
như hàng tôm hàng cá
(những nhân tình cũ sẽ cười anh hì hà hỉ hả:
- thiệt đáng đời,
cho nó nuốt trộng thằng chả luôn!)

nhớ em nhé
mắt phượng để nhìn mắt rồng
gởi gấm thương yêu
nồng nàn âu yếm,
chẳng phải để em
tô xanh quệt tím
ngấm nguýt háy lườm,
vì yêu anh rồi
em chẳng thể yêu ai!

nhớ em nhé
trái tim để trao trái tim,
mỗi giây mỗi phút
hãy với anh
mình cùng chung nhịp đập
thong dong - thương yêu - độ lượng
giữ làm gì những điều
kéo nặng trĩu tim em.

NGUYỄN TRÙNG DƯƠNG



NGÔ THẾ VINH

Từ cây cầu khỉ hai huyện tới cầu Mỹ Thuận_Y2K

Gửi nhóm bạn Cửu Long



N'attendez pas le jugement dernier.
Il a lieu tout les jours.
Albert Camus, La Chute (1956)

Khung cảnh nhân vật chỉ là hư cấu tiểu thuyết

Sau những ngày ở Thác Khone, Cao hẹn gặp Hộ ở thủ đô Nam Vang trong cuộc Hội Thảo về *Môi Sinh Sông Mekong.*

Cam Bốt một đất nước đang vực dậy từ tro than. *Biển Hồ* nay đã trở thành *Khu Bảo Tồn Sinh Thái Quốc Tế _ International Biosphere Reserve* sau những năm bị Khmer Đỏ tàn phá. Cao cũng được một người bạn Pháp làm cho *Tổ Chức Lương Nông FAO* tặng cuốn sách *Fishes of the Cambodian Mekong, Walter J. Rainboth* nói về gần 500 loại cá với đầy đủ hình ảnh tên khoa học và cả tên Miên mà có lẽ Cao sẽ phải dùng để hiểu hơn về những giống cá từ Biển Hồ đi xuống Đồng Bằng Sông Cửu Long trong cả hai mùa khô lũ.

Hội Nghị đã khai diễn trong một khung cảnh đặc biệt của thủ đô xứ Chùa Tháp 20 năm sau ngày quân đội Cộng Sản Việt Nam tiến chiếm Nam Vang. Trên đường phố trước tòa Đại Sứ Việt Nam và trong

các sân trường Đại Học, đông đảo các toán sinh viên Cam Bốt _ *thế hệ sau Khmer Đỏ* liên tục biểu tình đốt cờ Việt Nam với khẩu hiệu bài ngoại *đòi lại đất đai*. Một hiện tượng được báo chí địa phương đặc biệt tờ *Le Courier Phnompenois* đề cao như là biểu hiện của một đất nước Cam Bốt hồi sinh đang tiến tới dân chủ.

Chắc chắn là dân chủ hơn Việt Nam _ một nhà báo Cam Bốt đã đưa ra một nhận định thách đố như vậy. Ông ta nói tiếp: _ *Có bao giờ các ông thấy có cuộc biểu tình nào của sinh viên Việt Nam trong bấy nhiêu năm ở cả hai miền Nam Bắc hay không?.*

Khi mà ông Hoàng Sihanouk chỉ còn là một bóng mờ trên sân khấu chánh trị Cam Bốt, Hun Sen gốc gác Khmer Đỏ đã trở thành *một người hùng _ strongman* vững vàng vượt qua bao nhiêu thử thách bão tố để đưa đất nước Cam Bốt đi về tương lai, trong đó có cả tương lai của hai đứa con ông ta tốt nghiệp ở hai học viện quân sự lừng danh thế giới: một *West Point* ở Mỹ, một *Saint-Cyr* ở Pháp. Bảo rằng Hun Sen là bù nhìn của Hà Nội là điều quá đáng khi mà ông ta biết dùng con bài Ranariddh con trai Sihanouk và các toán sinh viên như những chất xúc tác tạo áp lực cho những đổi thay cả bên trong lẫn bên ngoài.

Nhận xét của nhà báo Cam Bốt về sinh viên Việt Nam không phải là sai, với Cao thì *sự thầm lặng của tuổi trẻ Việt Nam quả thật đáng kinh ngạc.*

Bên trong Hội Trường cuộc họp kéo dài suốt hai ngày với các nước thành viên thuộc Lưu Vực Sông Mekong.

Khởi đi từ các đề tài chung chung với bài tham luận của một chuyên viên Liên Hiệp Quốc về vấn đề Nước, như một tiếp nối cuộc Hội Thảo Quốc Tế Cairo ngày 22 tháng 3 năm 1999 với chủ đề *"Ngày Nước Thế Giới: Ai Cũng Sống Dưới Nguồn _ World Water Day: Everybody Lives Downstream".*

Thế kỷ 20 đã có những cuộc chiến tranh vì dầu. Thế kỷ 21 sẽ nổ ra những cuộc chiến tranh vì nước.

Nước ngọt xuyên biên giới các nước qua 215 dòng sông _ trong đó có con sông Mekong chảy qua 7 quốc gia bao gồm cả Tây Tạng. Rằng để có thể sống còn, mỗi người cần có từ 20 tới 40 lít nước mỗi ngày để uống, nấu nướng và vệ sinh. Hiện có đã 22 quốc gia đang trong tình trạng thiếu nước trầm trọng, không đủ tiêu chuẩn 20 lít nước mỗi ngày cho mỗi đầu người, hơn 80 quốc gia khác đang đương đầu với những vấn đề nan giải về nước và tình trạng còn tiếp tục lan rộng hơn nữa do nguồn nước ngọt ngày càng thêm khan hiếm mà dân số khắp nơi thì tiếp tục tăng theo cấp số nhân.

Sau Trung Đông là một vùng thiếu nước đưa tới nghèo đói và

các cuộc chiến tranh vì nước, trong các thập niên tới sẽ là các nước Đông Nam Á.

Và cuộc hội thảo trở nên rất nóng khi có một thuyết trình viên khác đi vào đề tài: *Trung Quốc xây đập đổi dòng sông Mekong tàn phá kinh tế 5 nước ASEAN.* Khai thác tài nguyên con sông Mekong thay vì đem lại phú cường lại có thể dẫn tới đối đầu và chiến tranh mà *nước gây rối lại là một siêu cường phương bắc* qua kế hoạch xây một chuỗi các con đập bậc thềm Vân Nam _ *Mekong Cascades*, đe dọa đời sống của 250 triệu cư dân đang sông trong lưu vực.

Tiến sĩ Chamsak thuộc Đại Học Thammasat Bangkok đã đăng đàn phát biểu:

_ Quý vị không thể nói tới khai thác và phát triển sông Mekong mà không liên hệ gì tới Trung Quốc, theo cái nghĩa chúng ta phải cảnh giác đối phó với một siêu cường ở phương Bắc. Điều mà ai cũng thấy rõ là các dự án đập khổng lồ mà Trung Quốc đang tiến hành hiện nay tại Vân Nam sẽ gây hủy hoại trên môi sinh vô kể.

Tiếp theo là Cao một thành viên của *Mekong Forum* cũng lên tiếng nhắc nhở với hội nghị rằng:

_ Như quý vị ai cũng biết bất đồng về phân chia nước vùng Trung Đông đã dẫn tới những cuộc chiến tranh. Khả năng tương tự có thể lại xảy ra với Lưu Vực Sông Mekong. Do đó để có thể chung sống hòa bình mọi kế hoạch khai thác phải có sự đồng thuận của cả 7 nước trong vùng sao cho có lợi nhất và không gây tác hại cho mọi nước liên hệ.

Điều gì là thiết thân cho Đồng Bằng Sông Cửu Long trước Thế kỷ 21: *Nước và Trung Quốc _ Middle Kingdom / Middle Power,* cả theo cái nghĩa là *trung tâm quyền lực* không chỉ ở Á Châu mà của cả thế giới nữa. Chỉ mong rằng *siêu cường Phương Bắc* ấy hành sử một cách trách nhiệm với các nước nhỏ lân bang để có thể chung sống hòa bình trong những bước phát triển bền vững.

Không né tránh, Hộ phát biểu với tính cách thành viên của Phái Đoàn Việt Nam:

_ Từ hơn một thập niên qua, việc *đơn phương chuyên quyết* tiến hành xây chuỗi 8 con đập khổng lồ Vân Nam, trên thực tế Trung Quốc đã phát động *một cuộc chiến tranh môi sinh không tuyên chiến* với 5 nước hạ nguồn sông Mekong.

Như từ bao giờ Hộ vẫn giữ thái độ trầm tĩnh nhưng dứt khoát:

_ Khi mà tương lai chúng ta đang bị đánh cắp và hủy hoại thì nói như Albert Camus *"Đừng chờ đợi phán quyết cuối cùng, bởi vì điều ấy đang diễn ra mỗi ngày"*.

"Cảnh giác và *đoàn kết"* là điều nhất trí như một kết luận sau hội nghị. Mà điều đó chỉ có được khi cả 7 nước biết đặt *"Tinh Thần Sông Mekong"* vượt cao hơn chủ nghĩa bản vị dân tộc hẹp hòi.

Đã có những đám *Mây Bão* từ Phương Bắc báo hiệu thời tiết sẽ rất xấu.

Hội Nghị Nam Vang kết thúc trong một không khí bi quan. Bi quan gì thì cũng phải hướng về tương lai _ *nhìn vào phần nửa ly nước đầy thay vì nửa ly vơi.* Cao cũng đã có chương trình về thăm Đồng Bằng Sông Cửu Long, thăm cây cầu Mỹ Thuận như một biểu tượng của tương lai trước năm 2000. Đồng thời đây cũng là dịp để trở lại với *những cây cầu lịch sử _ những cây cầu thời gian dẫn về quá khứ* không xa của thời kỳ Nam Tiến.

Những Cây Cầu Giữa Chiến Tranh. Có thể nói biểu tượng tàn phá rõ nét nhất trong suốt cuộc Chiến Tranh Việt nam là những cây cầu *và đã không còn cây cầu nào thực sự nguyên vẹn.* Thành tích ấy phải vinh danh *những người lính Cộng Sản ở khắp Miền Nam bao năm ngày đêm đào đường đắp ụ phá cầu (cầu sắt cầu xi măng, cầu gỗ cho tới cả những cây cầu khỉ) và Không Lực Mỹ không ngừng oanh tạc các trục giao thông chủ yếu là những cây cầu trên khắp Miền Bắc_ đưa vùng đất ấy trở lại Thời Kỳ Đồ Đá (chữ của tướng không quân Mỹ Curtis LeMay, 1965).*

Cầu Hàm Rồng và Trái Bom Tinh Khôn. Tên cầu Hàm Rồng _ *Dragon Jaw Bridge* đã rất nổi tiếng trong suốt cuộc Chiến Tranh Việt Nam. Cầu bắc qua con Sông Mã cũng rất nổi tiếng với bài thơ Quang Dũng (1948) trong thời Kháng Chiến Chống Pháp.

Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc
Sông Mã gầm lên khúc độc hành

Cầu Hàm Rồng đã từng là điểm giao thông chiến lược nối liền Nam Bắc, được phòng vệ bằng một mạng lưới phòng không dày đặc hết sức kiên cố khiến Mỹ cho dù đã cố gắng dồn hết không lực liên tục đánh phá từ 1965 tới 1972 với hơn 70 máy bay đủ loại bị bắn rơi mà vẫn không sao phá sập được.

Cũng tương tự như vậy với chiếc cầu Long Biên _ *Paul Doumer* ở Hà Nội bắc ngang qua sông Hồng.

Phải tới năm 1972, gần cuối cuộc chiến tranh khi có được *trái bom tinh khôn _ smart bombs* điều khiển bằng Laser, Mỹ mới thành công đánh sập được cả hai cây cầu Long Biên và Hàm Rồng mà không phải mất thêm chiếc máy bay nào.

Chỉ có điều là ngay sau đó bên dưới chiếc cầu đổ nát Bắc quân đã lập ngay được một *cây cầu ngầm _ pontoon bridge* và cuộc tải quân và vũ khí từ Bắc vô Nam đã không hề bị gián đoạn.

Cây cầu Hiền Lương. Cây cầu bắc qua sông Bến Hải nối liền hai tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị.

Chỉ hơn 900 năm trước đây thôi còn là vùng đất của Chiêm Thành, một vương quốc khá hùng mạnh luôn luôn tràn qua đánh phá khiến Lý Thánh Tông phải giao việc nội chính cho Nguyên Phi tức *Ỷ Lan Phu Nhân* còn nhà vua thì đích thân dẫn đại quân đi chinh phạt. Vua Chiêm là Chế Củ thua trận bị bắt năm Kỷ Dậu 1069 phải dâng 3 châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính để chuộc tội _ là vùng đất thuộc Quảng Bình Quảng Trị sau này.

Trong cuộc suốt *Chiến Tranh Việt Nam* thì Quảng Bình từ Đồng Hới tới Vĩnh Linh được coi như *Vùng Trắng* trong khi Quảng Trị từ Cổ Thành ra tới Cửa Việt là *Bãi Chiến Trường*, nơi diễn ra những cuộc giao tranh kinh hoàng giữa Nam và Bắc quân để giành nhau từng căn nhà từng tấc đất.

Một phần tư thế kỷ đã qua, trở lại thăm chiến trường cũ, còn đầy rẫy những mìn, những dấu vết thương tích của bom đạn vẫn chưa lành. Nhà báo Mỹ từng gọi đó là một *viện bảo tàng sống của cuộc Chiến Tranh Việt Nam* trong đó cây *cầu Hiền Lương là một biểu tượng không thể thiếu*.

Cây cầu có từ thời Pháp như hàng trăm chiếc cầu khác nhưng đã trở thành nổi tiếng ngay từ khi ký hiệp định Genève 20-07-1954 chia đôi Việt Nam lấy sông Bến Hải vĩ tuyến 17 làm đường ranh và cầu Hiền Lương thì *như vật chứng* nằm trơ vơ giữa khu đường ranh ấy.

Cầu Hiền Lương, biểu tượng chia đôi đất nước và cũng là nguyên nhân *cuộc Chiến Tranh Việt Nam tàn hại nhất thế kỷ*. Nếu có *một tấm bảng đồng* nhỏ để ghi lại thành tích của cây cầu lịch sử ấy thì sau đây là *vài con số*:

"Chết: thường dân 2 triệu, Bắc quân 1.1 triệu, Nam quân 250 ngàn, Mỹ 57 605. Bom 14 triệu tấn / 700 trái bom nguyên tử Hiroshima. Chất Da Cam khai quang 2.2 triệu hecta..."

Trí nhớ những người sống thì không bền, tất cả mau chóng đi vào quên lãng. Bây giờ đã ngót nửa thế kỷ sau ngày chia đôi đất nước, Hà Nội đang có kế hoạch phá rỡ cây cầu lịch sử ấy, viện lý do đã có một cây cầu mới không xa đó do Nga xây cất và thêm nữa là cây cầu cũ với 10 trụ *bêtông* đã làm chậm hẳn dòng chảy của con sông Bến Hải ra Cửa Tùng.

Người dân Quảng Trị thì vô cùng bất mãn vì cầu Hiền Lương

đang là *một tụ điểm du lịch rất nổi tiếng* khiến du khách khắp thế giới đổ xô về đây. Chỉ riêng năm qua đã có tới 12 ngàn du khách đa số là ngoại quốc tới đây chỉ để được thăm cây cầu.

Không còn cây cầu Hiền Lương thì Quảng Trị, *vùng đất khổ* _ cái tỉnh nghèo nàn đói kém nhất nước ấy còn gì để mà hấp dẫn du khách?

Nhưng Hà Nội thì vẫn viện dẫn thêm lý do khác để không muốn giữ lại cây cầu ấy: rằng đấy không phải cây cầu nguyên thủy do người Pháp xây trước đây, cây cầu ấy đã bị oanh tạc thiêu hủy từ năm 1967 và cầu hiện nay chỉ là do Bắc quân dựng lại chưa đầy 2 tháng trước ngày Sài Gòn sụp đổ.

Nhưng câu hỏi tiếp theo là tại sao không tái tạo một cây cầu giống như cũ để thay thế cho cây cầu sắp bị phá rỡ mà vẫn không ảnh hưởng tới dòng chảy của con sông.

Đề nghị ấy cũng bị bác bỏ, lần này thì bằng quyền uy chứ không viện dẫn thêm một lý lẽ nào nữa.

Rồi ra đất nước sẽ chẳng còn quá khứ mà tương lai thì mù tăm chỉ có toàn là những công trình vá víu lai căng của các công ty liên doanh ngoại quốc đổ xô tới đây chỉ để xâu xé thủ lợi.

Những Cây Cầu Khỉ _ Monkey Bridges. Đồng Bằng Sông Cửu Long _ *Mekong Delta* là nơi có chằng chịt sông rạch với những những *cây cầu khỉ.* Có thể nói *cầu khỉ* có một lịch sử rất sớm từ những bước chân Nam Tiến cách đây ngót ba thế kỷ, khi đám lưu dân *Hai Huyện* theo chân quan Chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam khai phá _ *đi vạch một chân trời,* nói theo *nhà văn miệt vườn Sơn Nam.*

Họ đặt chân tới một vùng châu thổ sình lầy, ngập nước hoang vu *trên trời muỗi như sáo thổi dưới nước đỉa lềnh như bánh canh,* ngày chim kêu đêm vượn hú với trên bờ cọp beo rắn độc, dưới rạch thì cả bầy cá sấu đói ăn rình chờ.

Lùa được cọp beo thì vẫn còn bầy sấu đông vô số kể. Muốn thoát hiểm qua rạch chỉ có cách bám cây mà đu như khỉ chuyền cành, gặp con kinh rộng thì phải tìm cách cắm cọc gác cây chênh vênh mà leo qua. Đây là thời điểm của nghịch cảnh để *cây cầu khỉ* đầu tiên xuất hiện.

Từ vượn tới người *homo sapiens* theo *Thuyết Tiến Hóa* thì phải cần tới ba triệu năm và những người lưu dân ấy khi gặp lại môi trường nguyên thủy thì vẫn còn nguyên vẹn cái bản năng leo trèo để sinh tồn.

Chỉ với vài thân tràm, năm ba khúc gáo bần cắm sâu vào lòng con rạch, rồi gác thêm lên đó những cây tre cây bần được cột lại bằng những khúc dây mây dây choại để trở thành *cây cầu khỉ* cho người

dân nghèo Đồng Bằng Sông Cửu Long đêm ngày qua lại. Chỉ bằng thân gỗ tạp với lạt buộc mà phải dãi nắng dầm mưa thì những cây cầu khỉ ấy làm sao có tuổi thọ.

Trải qua bao nhiêu thế hệ, cấu trúc cây cầu khỉ vẫn đơn sơ như vậy, luôn luôn ở những nơi sông rạch bùn lầy bên những người dân quê lam lũ, để xóm nối xóm, nối những căn nhà khuất nẻo xơ rơ mất hút trong những lùm cây um tùm. *Nơi có những tiếng hò tình tự của gái trai trong mùa gặt, có câu ca vọng cổ mùi mẫn vẳng lại từ ngoài đồng.*

Cảnh thì nghèo đến não lòng mà sao vẫn đầy thơ mộng qua ngòi bút trữ tình của nhà văn Lương Thư Trung.

Thơ mộng hóa cảnh nghèo để sống lạc quan phải chăng cũng là một phản ứng *phủ nhận _ denial* hay *chấp nhận qua biện minh _ rationalization.*

Thương thay cầu khỉ một mình
Cầu tre lắt lẻo gập ghình khó đi

Chẳng còn bao lâu nữa là đã bước sang thiên niên kỷ thứ ba, Đồng Bằng Sông Cửu Long thì vẫn còn cả ngàn cây cầu khỉ và vẫn còn là phương tiện duy nhất cho *đám hậu duệ thế hệ Nam Tiến* 300 năm sau phải bám vào để băng qua những con kinh con rạch, để tới trường thì ít mà để sớm vào trường đời kiếm sống. Chuyện trẻ sẩy chân té xuống rạch và bị dòng nước cuốn phăng đi trong mùa mưa lũ vẫn là điều quá thường _ đâu có được kể là tin để đăng báo.

Những Cây Cầu Hữu Nghị Trong Hòa Bình. Tháng Tư 1994 _ *một thời điểm đáng ghi nhớ* _ khi chủ tịch nước Lào, vua Thái và thủ tướng Úc đã cùng đến khánh thành *cây cầu đầu tiên bắc ngang qua sông Mekong nơi hạ lưu* nối liền thủ đô Vạn Tượng và thị trấn Nong Khai đông bắc Thái Lan. Cho dù đã có từ lâu một dự án xây cầu như vậy nhưng do nửa thế kỷ loạn lạc tất cả phải ngưng lại. Nay thì *cuộc Chiến Tranh Việt Nam đã trở thành quá khứ*, cả đến chiến tranh lạnh cũng đã chấm dứt và mối bang giao Thái Lào có phần tốt đẹp hơn nên dự án được tiến hành và hoàn tất.

Cây cầu Hữu Nghị *Mittaphap* dài 1.2km phí khoản 30 triệu đôla do Úc tài trợ là một điểm nối quan trọng của *mạng lưới siêu xa lộ Singapore - Bắc Kinh* trong một kế hoạch phát triển đầy tham vọng có tên là GMS / *Greater Mekong Subregion _ Lưu Vực Lớn sông Mekong* ngoài 4 nước vùng hạ lưu nay *thêm 2 nước Miến Điện và Trung Hoa.*

Cây cầu *Mittaphap* mang nhiều ý nghĩa khác nhau; với Lào là

một nhỏ nước nằm trong góc lục địa bị lãng quên thì đó là cánh cửa mở ra cho Lào đi ra biển qua ngả Thái Lan; với Thái thì đó là cơ hội cho giới đầu tư kinh doanh vào khai thác *một đất nước thưa dân nghèo nhất* nhưng lại rất giàu nguồn tài nguyên; còn với Úc cây cầu là biểu tượng vùng ảnh hưởng được nới rộng vượt qua quần đảo Nam Dương để vươn tới các quốc gia Đông Nam Á tiến sát tới Hoa Lục.

Đã có thêm ba dự án cầu khác được nói tới trong vùng *Hạ Lưu Sông Mekong* đó là cây cầu nối liền Savannakhet với Mukhalan, một cây cầu nối liền Thakhet với Nakhon Phanom giữa Thái Lào và *cầu Mỹ Thuận bắc qua sông Tiền nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long* Nam Việt Nam.

Sự thực thì đã có dự án về cây cầu Mỹ Thuận sớm hơn nhiều ngay từ những thập niên 50 và 60. Trong khi Nam Việt Nam thì tha thiết sớm xây dựng cho được cây cầu lớn bắc qua Sông Tiền nơi Đồng Bằng Châu Thổ thì Cam Bốt là một trong 4 thành viên của *Ủy Ban Sông Mekong* lại cực lực phản kháng và dùng quyền phủ quyết, viện lẽ là cây cầu ấy sẽ gây trở ngại cho tàu bè từ Biển Đông lên tới Nam Vang. Rồi bang giao Việt Miên gẫy đổ trong bối cảnh cuộc *Chiến Tranh Việt Nam* ngày càng lan rộng, dự án cầu Mỹ Thuận đầu tiên ấy hầu như bị rơi vào quên lãng.

Cây Cầu Mỹ Thuận_Y2K. Kể từ ngày Bộ trưởng Ngoại giao Úc đến viếng thăm Việt Nam vào tháng 7 năm 1997 để tham dự *lễ động thổ* xây cây cầu Mỹ Thuận _ nơi mà từ bao lâu nay giao thông vẫn trì trệ chỉ có thể qua lại bằng phà _ cho tới tháng 5, 1999 theo giám đốc dự án Richard Magnusson, công trình xây dựng cầu đã hoàn thành 80 phần trăm. Phần cầu dẫn hai bên đã làm xong và đã có 32/128 cáp treo được căng.

Cầu có chiều dài hơn một cây số rưỡi (1535.2m) với độ tĩnh không hay tầm gió _ *clearance* là 37.5m và là *một cầu treo* với hai trụ tháp chính *"hình chữ H"* giữa dòng sông với nền móng hai bên bờ bắc và nam của Sông Tiền, với 4 lằn đường rộng rãi cho xe cộ hai chiều qua lại và cả thêm 2 lề đường cho người đi bộ.

Cầu Mỹ Thuận sẽ hoàn tất sớm hơn hai tháng, vào tháng 4 năm 2000 _ *đúng 6 năm tròn sau cây cầu Hữu Nghị Mittaphap.*

Với Việt Nam, cầu Mỹ Thuận là biểu tượng của *tiến bộ và phát triển nơi vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.*

Với Úc một lần nữa là một phô trương thanh thế về trình độ khoa học kỹ thuật cao đồng thời cũng nhắc nhở với các nước Châu Á về sự hiện diện của một *Cường Quốc Da Trắng* khác phía nam bán cầu.

Cao hiểu rằng chẳng bao lâu nữa cảnh sinh hoạt nhộn nhịp buôn bán hối hả nơi hai đầu bến phà sẽ trở thành quá khứ. Để rồi mỗi lần qua cây cầu mới lại nhớ tới bắc Mỹ Thuận ngày nào. Xe đò chưa kịp dừng thì đám người bán hàng rong đông đảo từ hai bên đường đã túa ra vây quanh, bám bên hông và cả leo vào trong xe. Người lớn trẻ nít tíu tít mời chào bằng nhưng âm thanh ngắn cụt: *mía mía mía ! nem nem nem! trà đá trà đá! dừa xiêm dừa xiêm!* Những lời rao chẳng thể rút ngắn hơn.

Trên bến thì lúc nào cũng có từng hàng xe đò đậu dài, ai cũng muốn theo *xe thơ* để được ưu tiên xuống trước _ trong thời chiến tranh tới đây mà lại gặp phải đoàn *công-voa* đi hành quân thì kể như tiêu một nửa ngày. Dưới sông sóng nước thẫm đỏ phù sa mênh mông trải rộng với những chiếc ghe thương hồ ngược xuôi qua lại. Lâu lâu lại gặp một *chiếc tàu giòng* kéo theo cả mấy chục chiếc ghe lớn nhỏ chở khẳm những lúa gạo và cây trái ngược dòng đi về hướng Nam Vang. Nhìn sang bên đường là hàng dẫy hàng quán với đủ những món đặc sản. Thức ăn tươi ngon hấp dẫn và bày biện rất bắt mắt, nào là tôm càng nướng, sườn non nướng mỡ hành, chim mía chiên từng sâu thơm lừng. Trái cây thì theo mùa, bưởi cam xoài ổi chôm chôm chuối mít dừa xiêm... chở tới từ Mỹ Thuận Cái Bè Mỹ Tho Bến Tre, đầy màu sắc và bày ra ê hề.

Khách từ Bắc vào đứng trước rừng trái cây thì mê tơi, mua một chục được bạn hàng trao cho 14 hay 16, chưa quen thì tưởng chừng được đếm dư nhưng khi biết không phải vậy thì lại càng thêm tin vào *hình ảnh ước lệ của một Miền Nam với vườn cây xum xuê trĩu trái, ruộng đồng thẳng cánh cò bay với gạo trắng nước trong và tôm cá đầy đồng.*

Không còn bến phà nhưng rồi ra có ai cấm khách dừng chân trước khi qua cầu để mua các món quà đặc sản của Mỹ Thuận.

Họ bốn người bạn học cũ gặp nhau, trừ Hộ thuộc Đại học Cần Thơ còn ba người kia Cao Điền Sơn thì từ nước ngoài. Ai cũng mang theo cả một trời tâm sự. Với Điền Cao thì không phải lần đầu tiên nhưng với bác sĩ Sơn thì đây là chuyến về thăm quê hương 20 năm sau kể từ ngày anh là *thuyền nhân* được má Bảy sắp xếp cho đi. Trong chuyến về thăm quê này Sơn sẽ cố tìm gặp cho được má Bảy, người ân nhân của gia đình anh ngày nào.

Những Bà Mẹ Cửu Long. Hôm đó má Bảy cùng bé Bảy từ trong rạch chèo ghe ra đi từ sáng sớm, lòng thì nóng như lửa đốt chỉ mong sao sớm đem được thằng cháu ngoại tới bệnh viện trước chặp tối. Tới Thủ

Thừa chỗ giáp nước thì cũng đã xế trưa, phải chờ tới giờ đổi con nước mới lại đi tiếp, tuy xuôi dòng rồi mà cả hai má con vẫn cố chèo sao cho mau tới. Vậy mà cũng phải xẩm chiều mới vô được bến chợ. Má như kiệt sức giao thằng nhỏ cho bé Bảy ẵm còn má cầm mái chèo tất tưởi theo con đường đất nhanh chân tới bệnh viện. Vô tới sân như được trời độ, hai má con mừng húm khi thấy bác sĩ Hai Lộc áo trắng rốp quần tây giày da tay xách cặp từ văn phòng bước ra.

Không hỏi han má Bảy lấy một câu, Hai Lộc mặt hếch lên giọng nói sẵng như với người chưa hề quen biết:

_ *Hết giờ làm việc rồi, bà biết không !*

Như bị tạt gáo nước lạnh vô mặt, má Bảy như nghẹt thở, tức cành hông nhưng rồi cũng lấy lại được hơi vô đầy buồng phổi và la lớn:

_ *Đồ dzô phước ! Chứ tao hỏi tụi bay hồi còn sống dở chết dở trong bưng, đầu hôm tối khuya ngay cả nửa đêm má dậy nấu từng nồi cơm lo nuôi bảo bọc tụi bay có bao giờ má nói hết giờ đâu mà nay ăn nên làm ra rồi sao tụi bay bạc bẽo quá vậy !*

Không nói dứt câu, bà cầm nguyên chiếc mái chèo *bao năm dãi nắng dầm mưa trên sông nước Cửu Long*, phang tốt lên đầu Hai Lộc. Đâu có ngờ bị bà má làm dữ, sợ mất mặt với bà con, hắn mặt tái xanh chỉ kịp vội giơ tay lên đỡ rồi bỏ chạy tuốt vô văn phòng đóng chặt cửa lại.

Từ hồi nào tới giờ, *má Bảy đâu cần biết hay quan tâm cộng sản quốc gia là cái chi chi*. Má *không làm quốc sự* nhưng vốn chuộng đạo nghĩa, theo gương cha ông *lúc nào cũng nghiêng về phía người bị áp bức*; hồi còn chiến tranh thấy tụi con cháu như thằng Hai Lộc khi không bị ruồng bắt phải trốn chui trốn nhủi thì bà động lòng thương mà cưu mang vậy thôi. Cũng như nay *lại đổi đời rồi* bà thấy thương mà cưu mang mấy thằng lính Cộng Hòa bị gọi là lính ngụy đang sống dở chết dở dưới tay mấy thằng Giải Phóng ác ôn như Tám Trí, Mười Nhe bây giờ.

Tiến thối lưỡng nan, đường đường nay hắn cũng là bác sĩ giám đốc bệnh viện chứ đâu còn là thằng Hai Lộc y tá khiêng cáng quần xà lỏn trốn chui trốn nhủi trong nhà má Bảy hồi nào; nhưng hắn biết làm gì bây giờ ngoài mấy bịch nước biển và trụ sinh thì chỉ có *cây xuyên tâm liên* trong khi thằng nhỏ thì ốm tong teo như một con khỉ con đang thoi thóp mà lại sốt nóng như một cục than hồng. Điều mà Hai Lộc không biết _ mà hắn cũng chẳng thèm biết là trong kho còn cả mấy chục ngàn viên trụ sinh đủ loại do ngụy để lại cả mấy năm không ai biết sử dụng cũng tới ngày sắp hết hạn.

Nhưng rồi hắn cũng lanh trí tìm ra giải pháp. Hắn cho bảo vệ

xuống Khoa Nhi gọi Sơn tên *bác sĩ ngụy* lên trình diện. Bằng một giọng vừa quyền uy vừa thân thiết, lần đầu tiên hắn gọi bác sĩ Sơn là đồng chí _ *Bằng mọi giá đồng chí phải cứu cho được thằng nhỏ, nó thuộc gia đình có công với cách mạng thuộc diện chánh sách; nếu cần thêm thuốc men gì cứ cho tôi hay !*

Hắn cũng không quên làm thêm một cử chỉ quan tâm chăm sóc: _ *À, tôi cũng đã ký thuận cho đồng chí đi phép về thăm gia đình một tuần lễ, giấy tờ thì xuống phòng Tổ Chức lấy.*

Hắn không quên nhắc một câu cảnh giác: _ *Phép về Sài Gòn* (mà hắn không gọi là thành phố Hồ Chí Minh) *chứ không phải để xuống ghe đi luôn đâu nhe !* Tiếp theo là một nụ cười lạnh tanh trên một khuôn mặt không lộ chút cảm xúc.

Ngay sau đó, bên trong phòng giám đốc diễn ra buổi hội chẩn để lập phương án điều trị, và kết quả là thằng bé thập tử nhất sinh ấy được Đảng ủy và đồng chí bác sĩ giám đốc cứu sống _ như một kết hợp tuyệt hảo giữa chánh sách và chuyên môn.

Nhưng má Bảy thì biết đích ai là người đã cứu sống thằng cháu ngoại của má. Chính bác sĩ Sơn mới là người mà má Bảy đã chịu ơn.

Rồi vẫn với tấm lòng rộng như biển, như bao nhiêu *bà mẹ Cửu Long* khác, bà lúc nào cũng sẵn sàng tha thứ và bao dung với những thằng con lạc đường như Hai Lộc. Sau ngày đón thằng cháu ngoại khỏe mạnh về nhà, bao nhiêu cây trái ngon ngọt nhất dưới vườn được bà hái tuốt đem vô bệnh viện phát bằng hết cho mọi người, như trước tới nay có bao giờ bà tiếc gì với đám tụi nó mà bà vẫn coi như con.

Chuyện đáng nói là ít lâu sau đó chính má Bảy tuy *tiếc đứt ruột là mất đi người hiền tài* nhưng cũng nén lòng mà sắp đặt đưa bác sĩ Sơn xuống ghe từ trong rạch ra *cá lớn* đi vượt biên một lần trót lọt và chỉ hai ngày sau đã sang được tới đảo Poulo Bidon, sau đó thì Sơn cùng vợ con được đi Pháp.

Vậy mà đã 20 năm rồi 1979-99 mà sao cứ như mới ngày hôm qua. Hai con Sơn khi ra đi còn bé nay đã thành tài, có tương lai của tụi nó và không còn cần tới anh nữa. Sơn hiểu rằng Việt Nam vẫn là quê hương cuối cùng mà anh muốn trở về. Chuyến đi này như chuẩn bị cho một ao ước ấp ủ bấy lâu là có một ngày Sơn được trở lại sống nơi quê nhà với chòm xóm bà con như gia đình má Bảy, tuy nơi đó vẫn còn một chế độ mà Sơn luôn luôn phủ nhận. Khi hỏi về chốn cũ, Hộ cho Sơn biết:

_ Bệnh viện nay trực thuộc Trường Y Đại học Cần Thơ. Hai Lộc thì cũng đã về hưu. Giám đốc nay là một bác sĩ cũ sau Sơn chừng hai lớp và đội ngũ chuyên môn bây giờ là đám bác sĩ trẻ mới ra trường

được *đào tạo chánh quy* chứ không là *chuyên tu* từ y tá khiêng cáng như Hai Lộc ngày nào.

Không biết ý định của Sơn, nhưng Hộ nói ra như một ao ước:

_ Lượng thì có nhưng thiếu chất. Trường Y Cần Thơ đang cần thêm các bác sĩ chuyên khoa cho ban giảng huấn. Phải chi được những người như các anh bên đó trở về, không nhất thiết ở lại luôn nhưng giúp chúng tôi như những giáo sư thỉnh giảng.

Điều Hộ hồn nhiên nói ra nhưng sao lại đúng với ý Sơn, và anh dự định sẽ cụ thể bàn thêm với Hộ trong chuyến về thăm Tây Đô lần này. Sơn tưởng tượng rằng lần tới khi trở về, hai vợ chồng anh không còn phải qua phà và lúc đó Sơn sẽ rủ vợ đôi phút dừng chân nơi giữa cầu Mỹ Thuận nhìn xuống dòng sông nước chảy để thấy rằng *"qua bao khổ đau niềm vui cũng sẽ tới"*. Đôi lần lạnh lẽo ra đứng bên bờ sông Seine, Sơn có niềm tin sẽ có ngày anh đứng trên cây cầu Mỹ Thuận nơi quê nhà, cũng những vần thơ của *Apollinaire* ngày nào nhưng là nỗi ngập tràn của hạnh phúc:

Sous le pont Mirabeau / Mỹ Thuận
Coule la Seine / le Mekong
Et nos amours
Faut-il qu'il m'en souvienne
La joie venait toujours après la peine

Cùng ngày, trên Quốc Lộ 1 khi xe tới cây số 1978 thuộc huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang thì đang diễn ra *"lễ khánh thành thông xe"* cho 19 cây cầu *đoạn Sài Gòn - Cần Thơ.*

Dự án QL 1 *đoạn Cần Thơ - Năm Căn* với cây cầu bắc qua sông Hậu sẽ chỉ được hợp đồng với công ty Nhật Bản sau khi cầu Mỹ Thuận hoàn tất .

Trên đường Hộ nao nức hỏi Cao và Điền tin tức của người thầy cũ, Giáo sư Thới. Câu hỏi như làm sống dậy một khúc phim. Như từ bao giờ Cao vẫn coi giáo sư Thới như một ông thầy _ trước sau Cao vẫn giữ nguyên lòng kính trọng.

Cái ngày cách đây đã một phần tư thế kỷ, khi những chiếc xe tăng T 54 của Bắc quân tới cửa ngõ Sài Gòn, và đài phát thanh quân đội Mỹ cho phát bài *White Christmas* như tín hiệu bắt đầu cuộc di tản ồ ạt cuối cùng bằng trực thăng trên nóc tòa Đại sứ Mỹ và trong khi hàng ngàn người hoảng loạn bám tường leo rào để tranh cho được một

chỗ thoát thì *thầy Thới lại rất bình thản từ chối 5 chỗ đi dành sẵn cho toàn gia đình* và thầy quyết tâm ở lại với ý nghĩ rằng nước nhà hòa bình thầy sẽ cùng mọi người đồng kham cộng khổ thì chỉ ít năm thôi *hoa lại nở trên khắp đường quê hương.*

Nhưng rồi cuối cùng thì thầy vỡ mộng. Đất nước đã chẳng tiến lên mà còn thụt lùi thêm vài chục năm nữa. Kinh nghiệm cuối đời người ấy đã làm thầy đắng họng. Để rồi cuối cùng thầy cũng phải ra đi nhưng lần này là cảm giác ê chề.

Ra ngoài được rồi, thầy như một con vật bị thương và chọn cuộc sống như một ẩn tu, khắc khoải với những ước mơ không đạt được, hết còn thiết tha với thời cuộc cộng thêm với nỗi âu lo cô đơn của tuổi già; ở thầy đã có dấu hiệu trí tuệ bị ngưng trệ _ thầy nhớ như in những chuyện cũ rất xa _ *remote memory* nhưng lại mất khả năng liên hệ với thực tại, một hiện tượng mà đứa con gái thầy cũng là bác sĩ e ngại đó là biểu hiện của chứng bệnh *presenile dementia* tuy chưa phải là *Alzheimer.* Từ một nhà khoa học thực nghiệm nay thầy lại hướng về những suy tưởng siêu hình với ám ảnh về cái chết mà thầy bắt đầu dần dà chấp nhận như một thảm kịch của số phận.

Bao năm sau, gặp lại thầy trong cuộc họp mặt *Hội Tiền Giang* nơi công viên *Mile Square Park* mới đây, sau khi nghe Cao đứng ra phát biểu về đề tài *"Đồng Bằng Sông Cửu Long trước những nguy cơ"* Cao đã được thầy Thới thận trọng nhắc nhở: _ *Đã có gì đâu còn quá sớm để các anh phải la hoảng lên như vậy.*

Khi mà con sông Mekong nước vẫn chảy băng băng và thầy lại như một chiếc lá suôi dòng, thầy đang có một cuộc sống rất tĩnh thì những gì mỗi ngày đang diễn ra ở thượng nguồn nơi các con đập bậc thềm Vân Nam trở thành chuyện quá xa xôi đâu có đáng phải quan tâm. Cao thấy thương thầy Thới hơn nhưng không tránh được cảm giác mất mát đến sót sa.

Mỹ Tho _ được coi như *thủ đô Tiền Giang* nằm bên bờ một nhánh của sông Tiền cách Sài Gòn hơn 70km hướng đông nam, *nơi từng có một lịch sử thăng trầm.*

Tới thế kỷ 17 đó vẫn là một vùng đất thuộc Miên hoang dã xình lầy nhưng rồi dần dà bị sát nhập vào Việt Nam bằng chính sách *tàm thực_ tầm ăn dâu* của Nguyễn Cư Trinh qua cuộc Nam Tiến.

Tới thế kỷ 18, thời kỳ *Gia Long tẩu quốc,* Nguyễn Vương sang cầu viện quân Xiêm La thì nơi đây lại trở thành bãi chiến trường kết thúc bằng cuộc thắng trận Rạch Gầm và Xoài Mút của Nguyễn Huệ

1784 ở phía trên Mỹ Tho đánh đuổi hết quân Xiêm ra khỏi bờ cõi.

Nhưng rồi tới 1862 cùng với các tỉnh Miền Nam, Mỹ Tho lại rơi vào ách bảo hộ của Pháp.

Tới thăm Mỹ Tho không thể không nghe tới Cồn Phụng với con thuyền Bát Nhã của ông Đạo Dừa ngày nào. Nơi một thời đã từng được mệnh danh là *Ốc Đảo Hòa Bình* giữa một chiến tranh Việt Nam đang diễn ra kinh hoàng.

Cũng không thể không nghe tới *địa danh Ấp Bắc* vào tháng Giêng 1963 ghi dấu thắng lợi đầu tiên của Cộng quân trong vùng Châu Thổ Sông Cửu Long gây tổn thất cho các đơn vị quân đội Nam Việt Nam được trang bị hiện đại, khiến cho viên Trung tá cố vấn Mỹ John Paul Vann phát biểu một cách khinh thị: "*... a miserable performance, just like it always.*"

Và luận điệu dè bỉu ấy _ với *người đồng minh bị coi dưới chân nhưng lại ràng buộc với nước Mỹ như một định mệnh* _ còn được tiếp tục *lặp lại trong suốt và sau cuộc Chiến Tranh Việt Nam.* John Paul Vann cũng không ngừng lớn tiếng chỉ trích giới lãnh đạo cao cấp quân sự Mỹ là *bọn kiêu căng và cả thối nát.*

Vào giữa *Mùa Hè Đỏ Lửa 1972,* John Paul Vann tử nạn trong một chuyến trực thăng bay đêm trên vùng núi non sương mù cao nguyên Trung Phần, đúng thời điểm mà Bắc quân tấn công tràn ngập tỉnh Kontum _ mở màn cho từng bước đi tới sụp đổ của Miền Nam ba năm sau đó.

John Vann được vinh danh như *người lính Mỹ biểu tượng của cuộc chiến tranh Việt Nam,* được mai táng trọng thể với tất cả *nghi thức dành cho một anh hùng* tại nghĩa trang quốc gia Arlington với hiện diện đầy đủ chánh khách và tướng lãnh Mỹ đã từng có những bước chân lún sâu vào vũng lầy Việt Nam.

Và theo ký giả Neil Sheehan, đối với những người sống có mặt lúc ấy, thì chôn Vann vào thời điểm tháng 6 năm 1972 cũng có nghĩa là chôn luôn cuộc chiến tranh Việt Nam đối với Mỹ. Chôn luôn cả những giao ước long trọng của Hoa Thịnh Đốn đối với người bạn đồng minh Nam Việt Nam.

Sau một ngày ở Mỹ Tho, Hộ đưa các bạn về thăm Đại Học Cần Thơ. Trên con phà qua con sông Tiền, Sơn và chắc cả Điền Cao đều có chung một ý nghĩ đây có lẽ là chuyến phà cuối cùng của ba người qua bắc Mỹ Thuận trước năm 2000.

Điền từ nãy giờ vẫn trầm ngâm, quay sang nói với Hộ:

_ Một phần tư thế kỷ sau ngày đất nước thống nhất với bấy nhiêu trí tuệ mà vẫn *chưa làm xong một con đường thông suốt nối liền Bắc Nam.* Sau cây cầu Mỹ Thuận còn chờ bao lâu nữa để có thêm được cây cầu Cần Thơ qua Sông Hậu.

Cao nói thêm:

_ Bảy mươi triệu đôla cho mỗi cây cầu _ có bao nhiêu lần hơn số tiền ấy đã rơi vào quỹ đen quỹ đỏ của những *"người đầy tớ nhân dân"* trong thời kỳ *Đổi Mới*.

Hộ không giải thích, chỉ đưa ra một nhận xét:

_ Trong suốt những năm chiến tranh, *"người Cộng Sản Việt Nam"* đã khẩn trương biết bao nhiêu thì tiếp theo một phần tư thế kỷ thống nhất và hòa bình họ đã ù lì là thế nào. Bằng *"lôgíc"* của chính họ qua cái gọi là *"bản chất và hiện tượng"* cũng không thể nào giải thích cho được.

Hộ người vẫn được bà con nông dân kêu là *"Thầy Hộ Lúa Honda"*, nói với các bạn:

_ Kể từ ngày có chiếc máy bay cánh quạt cổ lỗ đầu tiên với hai khuông cánh vuông dài bay từ Sài Gòn đáp xuống Gò Công năm 1913 thì nay người ta đang nói tới *những chiếc máy bay phản lực Air Mekong* từ thủ phủ các nước Á Châu sắp đáp xuống vùng châu thổ sông Cửu này !

Hộ giải thích:

_ Công ty hàng không Air Mekong _ liên doanh với *General Industry Co. Singapore* sẽ nối liền đồng bằng sông Cửu Long và các đô thị lớn Á châu như Hương Cảng, Bangkok, Singapore... chủ yếu để phục vụ *Chương Trình Du Lịch Xanh 2000*, dự trù chở tới đông đảo du khách ngoại quốc tới thăm sông nước Cửu Long, thăm *nền văn minh miệt vườn* dĩ nhiên không thể thiếu những *cây cầu khỉ* cheo leo nơi các con rạch làng quê nối những con đường đất bùn lầy.

Đêm đó tại khu nhà khách vãng lai của Đại Học Cần Thơ, bốn người bạn nói chuyện đến thật khuya. Họ thảo luận nhiều về tương lai của Đồng Bằng Sông Cửu Long và cùng hiểu rằng hai con Sông Tiền Sông Hậu chưa hẳn đã cạn dòng nhưng lưu lượng thì yếu dần nên nước biển tràn sâu vào nội địa gây nhiễm mặn không phải chỉ những con sông lớn mà lan ra khắp mạng lưới kinh rạch không những tàn hại hàng triệu mẫu lúa và hoa màu cây trái mà cả tìm cho được nguồn nước ngọt để dùng uống cũng phải lao đao. Từ là một con sông sâu nước chảy, nếu không có biện pháp phòng ngừa ngăn chặn thì chẳng bao lâu nữa *Cửu Long Chín Cửa Hai Dòng* sẽ trở thành một con sông nông

nước mặn.

Giấc ngủ trằn trọc cũng đến với Điền lúc về sáng nhưng bị nhận chìm trong một cơn ác mộng, anh nằm mơ thấy cây cầu Mỹ Thuận đẹp đẽ bắc qua con Sông Tiền đã cạn dòng. Không có mưa, các hồ nhỏ ao đầm kinh rạch cũng cạn kiệt. Dân chúng có nơi không có cả nước để uống. Lũ đã không về nữa, thời tiết nắng hạn kéo dài, mặt ruộng trơ trụi nứt nẻ khô cằn.

Đói và khát, từng đoàn người lũ lượt men theo những bờ sông cạn để mò cua lượm ốc bất cứ gì có thể ăn được. Lẫn trong đám người ấy, Điền thấy má ẵm trên tay con Bé Tư thất thểu trên một con đường khô khốc, cứ mỗi bước đi thì đất dưới chân lại vỡ vụn ra theo gió cuốn lên như những cơn bão cát ...

Khi không còn thấy má và Bé Tư đâu nữa, Điền bừng tỉnh dậy, miệng khô đắng với trước mắt vẫn còn con Sông Tiền chảy dưới chân cầu Mỹ Thuận. Trong cơn khát Điền úp mặt xuống dòng sông uống một ngụm nước thì nước đã mặn chát nhưng anh tự trấn an ngay: cũng không mặn lắm đâu, chỉ mặn như nước mắt người ta thôi và cứ thế Điền hối hả uống những ngụm nước mắt mà vẫn không sao đã được cơn khát.

NGÔ THẾ VINH
10/99



PHAN NI TẤN (N.D)

Quê hương với tôi là bè bạn

Buổi sớm mùa Đông chưa thấy bóng mặt trời
tôi mặc áo ấm đi giày ủng cao
ra đứng trước sân nhà đạp đất
nói trỏng
chúc mừng năm mới
thật to

Ơi gió thổi tản mạn những bông tuyết bay trắng trời trắng đất
hàng cây trụi lá bên kia đường đứng nhớ những khoảng trống
mùa thu đã rơi qua
có bao giờ chợt nhớ một tiếng cười lạ
của tôi vẫn sống
vẫn ăn
vẫn thở
như mọi người nô nức hoặc thầm lặng
tống cựu nghinh tân
mang trên vai mùa xuân tuyết giá và nỗi nhớ nhà

Mỗi năm Tết đến
tôi gọi quê hương trong thơ
thức dậy
đi đánh răng rửa mặt chải đầu mặc áo mới
trang điểm làm đẹp

rồi ra thắp ba cây nhang trước bàn thờ Phật
một lạy trời đất
hai lạy ông bà tổ tiên
tôi với quê hương giao bái
Ôi quê hương với tôi 53 năm rồi vẫn là bè bạn
nghĩa trọng tình thâm
tình yêu tôi yêu quê hương tôi thật buồn
quê hương thuở đó là nội thù
quê hương là chiến tranh khơi máu chảy
qua những nẻo đường đất nước
quê hương là chia cắt
là tan hoang
rốt cuộc nằm tàn lụi chết ở cuối tháng Tư
như những người đàn bà già khô héo
binh lửa qua đi bỏ sót tôi lại
xua tôi vào tù
xua tôi vượt ngục vượt biên
tôi xua tôi bơi qua biển
tôi xua tôi lưu vong
tôi xua tôi ngồi ngoài đất nước
chờ mỗi năm Tết nhất tôi lại làm thơ ca tụng
quê hương với tôi là bè bạn
cho đỡ nhớ
vậy thôi

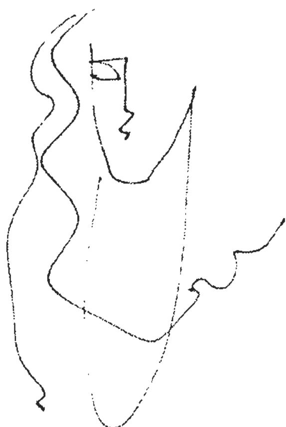
Và xin đừng ai
đừng ai hờn giận
hãy tha thứ cho nỗi niềm này .

PHAN NI TẤN (N.D)



NAM DAO

Quỳnh Hương



Điều đó, dẫu không thể thật, nhưng ai nghe ai cũng vui lòng. Tôi nuốt nước bọt, không nhìn Hương, mỉm cười đáp lại «... chỉ Hương, Hương mới không có gì thay đổi. Còn Vinh, này nhìn xem, tóc Vinh chớm bạc mất rồi ! ». Tay vặn cửa kính xe, tôi ngửa mặt hứng gió và nắng vàng tươi. Vòng quanh hồ, xe qua góc chợ rồi từ từ lăn lên dốc Minh Mạng. «Vinh thấy có khác không?» Tôi lắc đầu. Hương nói như than thở « Ở đây, hiện tại chỉ cách quá khứ bằng một chút tuyệt vọng ».

Tôi quay lại nhìn Hương, và có gì gần như một niềm bực bội sắp sửa tràn ra tựa nước rót quá tay vào một chén trà tầu hạt mít. Kềm lòng mình, tôi cố gắng lấy giọng thanh thản « Màu nắng vàng ở đây tươi như nắng ở Florence bên Ý». Hương nhìn ra, bàn tay víu lấy mái tóc dài bay tung lên, mắt xa xôi. Gỡ dăm sợi tóc đen huyền vướng vào mặt, tôi quay kính xe lên khi xe đến đỉnh dốc.

Chiếc xe ngừng hẳn. Hương nói : « ... đến rồi, Vinh có nhận ra nhà mình không ? » Tôi nhìn quanh, ngỡ ngàng. Khi xưa, khu này chỉ dăm ba nóc nhà hiu quạnh. Nay thì khác, nhà đủ kiểu đủ cỡ san sát. Thản nhiên, Hương bảo « ... dân ngoài ấy vào đấy. Họ chia đất, thế là

mạnh ai nấy xây». Tôi ngơ ngác xách vali theo. Hương đi trước, lấy chìa khóa mở chiếc khóa đồng treo trên sợi xích hoen rỉ buộc hai cánh cổng gỗ sơn đã rã ra loang lổ.

Chúng tôi lẳng lặng bước vào. Tôi dán mắt lên từng ô vuông trên mặt đất, rồi ngửng nhìn quanh vườn, mong tìm lại dấu vết thuở ấu thơ. Bên kia là cây đại, không cao hơn, chỉ thêm sần sùi. Bên này giàn dâm bụt vẫn thế. Trong sân, cỏ úa. Mảnh hồ bán nguyệt nay cạn nước nằm vênh vao mặc cho ông Lã Vọng bằng đất thó vẫn ngồi lì câu cá. Bước lên thềm, những chậu kiểng nay xác xơ. Ngay cửa ra vào, chỉ có một chậu cây, lá dài và dầy, đâm ra từ những cuộng cây màu nâu già, chĩa ngang chĩa dọc, ánh lên sắc ngọc bích dưới nắng. Tôi ngừng chân, tay để chiếc vali xuống. Hương mở cửa, giọng đều đều « ... Cây quỳnh của cậu đây. Hương vẫn chăm nom, và thế là nó đã được xấp xỉ ba mươi tuổi rồi.»

*

Hương dặn dò : « Có một đoàn người Pháp lên, Hương không xin nghỉ được. Chỉ độ sáu giờ là Hương về. Ở nhà, thức ăn đã sẵn, Vinh chỉ hâm lên thôi ! ». Vén vạt áo dài trắng, Hương lên honda, rồ máy, ngoái lại : « Vinh nghỉ ngơi trưa nay một tí đi nhé ». Ra khép cổng, tôi nhìn theo cho đến khi bóng Hương khuất nơi dốc đồi, rồi lững thững vào. Đi ngang chậu hoa quỳnh, tôi ngẩn ngừ, ngồi bệt xuống cạnh, lưng ngã dựa vào bức tường vôi vàng nhạt thếch.

Nhắm mắt lại, tôi thoáng ngửi thấy một mùi hương thơm. Thơm dịu, thơm ngọt, mùi hương chợt đến, chợt đi, như đùa nghịch với khứu giác. Tai tôi bỗng văng vẳng lời bác Đản, giọng khàn khàn «Quỳnh mở vào độ chín giờ tối. Đến nửa đêm thì mãn khai. Rồi tàn. Vào khoảng bốn giờ sáng thì hoa cụp lại, và thế là hết... ». Cha tôi kể người yêu đầu của bác tên Quỳnh. Bác gái không biết, cứ tưởng bác trai yêu hoa, chịu đặt tên hai cô gái song sinh đầu lòng là Quỳnh và Hương. Bác tiếp « ... Quỳnh là loài hoa hiếm, nhưng tối nở sớm tàn... Vinh lên nghỉ hè kỳ này gặp dịp hoa nở chắc sắp tới sẽ may mắn lắm đấy ! ».

Tối hôm ấy, bác tắm rửa, rồi pha trà tầu, sai người đi mua bánh đậu xanh và kẹo lạc. Quỳnh được bố yêu, nũng nịu « Quỳnh này thì không tối nở sớm tàn đâu nhé !» Nhìn mẹ, Quỳnh dỗi « ... hoa quí thế mà sao mợ lại cứ đòi đổi tên con.» Quả là bác gái có định thế, một phần là biết chuyện mối tình đầu của bác trai nên bác ghen, phần

khác, bác nói ra miệng là do dị đoan, sợ cái kiếp tối nở sớm tàn vận vào đời con gái. Bác trai bảo « ... thiếu gì đàn bà tên Quỳnh. Với lại, mợ nhìn thử xem, cái nốt ruồi trên gò má con Quỳnh. Các cụ ví nó như giọt nước mắt, có tác động phá đi cái xấu của cái tên. Không phùng không, tắc minh. Nếu đổi tên, thì cũng phải tẩy cái nốt ruồi ấy ». Quỳnh la lên « Không được ! Mất cái nốt ruồi, thì con thành Hương à?».

Quỳnh và Hương đúng là hai giọt nước chỉ độc có một điểm khác biệt là vết nốt ruồi nhỏ bằng ba cái đầu tăm. Quỳnh nằng nặc đòi làm chị, lấy cớ là ra trước. Bẻm mép, nàng đọc « Đầu lòng hai ả tố nga, Tú Quỳnh là chị, em là Tú Hương. Đọc thế thì nghe lọt, chứ đổi Tú Hương là chị, em là Tú Quỳnh thì anh ác trái tai. Vì thế Quỳnh phải là chị, chứ em thế nào được ». Bác trai cười tán đồng. Bác vốn yêu thi ca, xưa đã xách túi giang hồ theo hầu cụ Tản Đà cả hai năm trời. Nay, về ở ẩn, bác ngồi dịch thơ Đường. Và dạy dăm giờ Pháp văn cho một trường trung học tư thục, đồng ra đồng vào tùy thuộc vào sự thu vén của bác gái. « Bác gái, mẹ tôi thì thầm dặn mỗi lần tôi lên nghỉ hè, có bệnh lao, chữa thì chữa nhưng khỏi thì ai mà biết được, con nhớ cẩn thận » Nhưng cẩn thận thế nào thì mẹ tôi không biết, chỉ cần nhần cha tôi chiều con. Với tôi, mẹ càu nhàu « ... cái thằng bé đến lạ, nghỉ hè năm nào cũng đòi lên bác Đản ! Cho đi Vũng Tầu thì kêu sợ nắng ...». Mẹ nói thế, vì không biết vô tình hay cố ý, mẹ lờ đi điều bí ẩn trong lòng con trai mẹ.

Giọng bác lại khàn khàn cất lên « Khi cụ Tản mất, cụ Huỳnh Thúc Kháng có làm một câu đối, ví cụ như hoa quỳnh. Câu đối như thế này :

Không sắc nhất Quỳnh hoa, tiếu khứ hâu nhiêm, thiên thượng quần tiên đa quyến thuộc

Túy ngâm song bạch nhãn, hứng lai huy bút, nhân gian thiên thủ ngạo công hầu.

Nhìn ba đứa chúng tôi ngơ ngẩn, bác chậm rãi : « giảng nôm ra là *Không sắc một đóa Quỳnh,về vuốt râu chơi, bạn tiên thượng giới thành quyến thuộc. Say ngâm hai mắt trắng, hứng thơ vung bút, tài hoa trời phú ngạo công hầu* ».

Bác vừa dứt lời, chuông đồng hồ treo tường rền rĩ điểm mười một tiếng. Đóa quỳnh to bằng hai bàn tay đã bung nở, nhị hoa màu vàng óng ánh ẩn trong những cánh hoa trắng tinh khiết, chung quanh lớp ngoài những cuống hoa màu tím hồng cong lên như râu. Bác Đản xòe chiếc quạt giấy rồi phẩy nhẹ. Không gian bỗng thoang thoảng

một mùi thơm dịu dàng nhưng đằm thắm. Bác ngẩn ngơ đưa chén trà lên miệng nhấp. Quỳnh lẳng lặng ra ngồi trước chiếc đàn dương cầm màu đen nháy. Nàng dạo nhẹ vài nốt, rồi chơi đoản khúc Ánh Trăng của Beethoven.

Tôi đứng dậy lững thững ra đứng cạnh cửa sổ. Trăng mười sáu đã lên cao, mây theo chiều gió chập chờn trôi từng tảng. Núi đồi ở tầm mắt nhuộm bạc, ẩn hiện, biến hóa như một sinh vật lẩn trốn trong màn đêm khi mờ khi tỏ. Mùi hoa quỳnh thỉnh thoảng lại ngát lên, ấp ủ gian phòng tràn ngập tiếng đàn đang nhỏ từng giọt âm thanh nghe hững hờ xa vắng. Quỳnh chập chờn trong ánh lửa lò sưởi, tóc dài ngang lưng xõa phủ một nửa mặt, ngón tay trắng muốt nhảy múa trên những phím ngà.

Tôi quay về, ngồi cạnh bác Đản, im lặng. Ngồi khuất trong bóng tối, Hương lẳng lặng đan áo. Chìm đắm vào cảm giác ngất ngây của nỗi đau khó gọi được tên, tôi như đánh mất một phần hồn mình mặc dầu lát sau tiếng đàn đã im bặt. Quỳnh đến đứng cạnh, nhẹ nhàng bảo : « Chị đánh tặng cho Vinh đấy... ». Từ năm ngoái, nàng xưng chị với tôi, chứ không gọi tên tôi như xưa. Hỏi, nàng bảo, hơn tuổi thì là chị. Đúng là nàng hơn tôi vài tháng thật, nhưng tôi ấm ức, vẫn tiếp tục gọi nàng là Quỳnh.

Bác Đản đợi đến nửa đêm, lúc hoa mãn khai, lộng lẫy như một nàng tiên đang tung giải áo trắng lên múa khúc nghê thường trên đài hoa cứ rung lên nhè nhẹ, đứng dậy bảo « Thôi cậu đi nằm ... » Hình như bác sợ, bác không muốn nhìn cảnh bông hoa bắt đầu tàn. Hương ngước nhìn bác, rồi lại cắm cúi tiếp tục đan. Tôi nhìn Quỳnh, hỏi «Quỳnh sao không đánh thêm một bản nữa ... ». Hương nhẹ nhàng, ngắt lời « Thôi, để cậu mợ ngủ chứ ! », và vẫn tiếp tục đan.

Lúc Quỳnh đòi đi ngủ, tôi giả vờ ngáp, rồi bước theo. Đi sau Quỳnh lên cầu thang, tôi thu hết can đảm, run giọng « Quỳnh ơi, lúc nào Vinh sống, Vinh sẽ nhớ mãi bản đàn đêm nay...» Quỳnh ngưng bước, quay lại, giọng hóm hỉnh « ... thôi đi cậu em ơi, cứ qua đấy dăm tháng là quên chị ngay, nhớ gì nữa... Gặp một nàng đẹp như Gina Lolobrigida thì rồi cậu quên hết ngay ấy mà ! » Tôi xót xa, bụng thắt lại, xây xẩm như bị tát vào mặt. Tôi nhìn Quỳnh, không thấy gì ngoài cái vết nốt ruồi trên gò má.

Đêm hôm ấy, tôi không nhắm mắt nổi. Tôi biết chỉ có Hương thấy cảnh hoa tàn. Nàng thức đến sáng, đan cố cho xong chiếc áo len tôi mang theo từ ngày qua Ý. Đi được hai năm, có tin báo là « chị » Quỳnh vừa lấy anh Thạc, sinh viên trường võ bị Đà Lạt mới ra trường.

Họ yêu nhau đã ba năm, có lẽ vào thời gian Quỳnh xưng chị với tôi.

*

Lên gác, tôi đẩy cửa phòng xưa bác Đản dùng như phòng làm việc. Nay là nơi để bàn thờ hai bác. Ảnh cũ, nét đã vàng, khiến những người thân yêu nhợt nhạt đi như ở một thế giới khác. Tìm mãi tôi mới lấy được dăm cây hương. Châm lửa, vẩy cho tắt, tôi cắm vào lư, mắt nhắm lại, cố tìm ra hình ảnh hai bác sinh động hơn hai bức ảnh lạnh nhạt. Tôi cố, nhưng bất lực. Mở mắt, những đốm hương bỗng tự nhiên bắt lửa bùng lên. Lạ thật. Phòng kín, không một cơn gió nào lùa vào được. Tôi bỗng thấy lạnh xương sống. Tôi cúi mình chắp tay vái, mắt lại nhắm lại. Khi mở mắt, lửa đầu những cây hương đã tắt, ba chấm đỏ nhả những vân khói xanh thẫm lên không. Tai tôi bất chợt thoáng nghe một tiếng cười thân thuộc. Lúc ấy, tôi biết rõ ràng là bác Đản từ cõi âm về đứng ngay sau lưng tôi, và không quay lại, tôi cảm thấy bác đang nhìn tôi trìu mến. Biên giới vô hình giữa bác và tôi được một thứ hấp lực giữ cân bằng khiến tôi chẳng thể xoay người để nhảy vào vòng tay bác như thuở còn thơ. Từ cõi dương, tôi để mặc mình thanh thản thả trôi tâm thức vào thế giới bên kia như xuôi dọc một dòng sông bình dị.

Mùi hương trầm dìm ý thức của tôi vào một niềm linh hiển đang chuyển hóa huyễn hoặc thành thực tại. Quá khứ ở đâu ùa về choáng ngợp. Tôi sống với cái cảm giác lần cuối lên nghỉ hè, xem hoa quỳnh nở, để chỉ tháng sau ra Tân Sơn Nhất bay đi một phương trời lạ. Tai tôi văng vẳng lời bác trai dặn dò ở bến xe Đà Lạt cách đây hơn hai mươi năm « Vinh đi được, bác mừng. Ở đây rồi thì cũng lính tráng như mọi người, không chết thì cũng thương tật. Không thương tật phần xác, cũng thương tật phần hồn... ». Bác ngừng nói, chép miệng « về họa, bác chỉ biết mỗi Modigliami là người Ý, nhưng với kiến trúc và lịch sử của họ, chắc họ có nhiều grands maitres đấy... ». Bác tần ngần, nắm tay tôi «... học vẽ, con chắc không thoát ra cái kiếp nghệ sĩ, vừa khó, lại vừa khổ. Khổ cái khổ con người, và khó là dùng nghệ thuật mang đến cho con người cái vượt lên sự khổ. Đó phải chăng là hy vọng ? » Tôi nhìn bác. Vắng Quỳnh. Nàng bảo bận, không đi tiễn. Tôi nhìn Hương. Hương lẳng lặng nhìn tôi. Không nói. Không cười. Tôi nghẹn ngào, leo vội lên xe. Linh cảm là sẽ còn lâu, hoặc không bao giờ, tôi lại quay về sống những phút dịu dàng như những ngày tháng vừa qua, tôi ứa nước mắt.

Khi đưa tay lên quệt những giọt nước mắt hai mươi năm sau vẫn chưa khô, tôi buột miệng « ... thế mà cứ tưởng là thời gian có thật!» . Hướng về phía bàn thờ, tôi vái thêm ba vái, rồi đóng cửa gian phòng, bỏ đi xuống. Đẩy mấy thanh củi vào lò sưởi, tôi loay hoay nổi lửa. Mùi gỗ thoáng thơm nồng, tiếng củi khô lách tách, và ánh lửa bập bùng khiến tôi tìm lại được sự thanh thản an bình của tuổi thiếu thời. Tôi ngả lưng vào chiếc ghế bành đệm bọc nỉ, chợp mắt lúc nào không biết.

Lúc choàng dậy, ai đó ngồi trước mặt tôi, miệng mỉm cười. Tôi giụi mắt. Vết nốt ruồi trên má hiện rõ ra. Đó là giọt lệ theo lời ví các cụ ngày xưa, và hẳn phải là Quỳnh. Tôi hỏi. Vẫn cái giọn hóm hỉnh, « Quỳnh đây !». « Thế là Quỳnh ư ? Quỳnh về lúc nào ? Sao không đánh thức Vinh ngay ? » « Thấy Vinh ngủ ngon quá, không nỡ. Đợi cho Vinh dậy, đi xa về chắc mệt.». Tôi chồm dậy : « Không, không có gì mệt cả. Mà sao Quỳnh không xưng « chị », chị Quỳnh như thuở Vinh đi ?». Quỳnh cười, vẫn giọng cười ngày xưa, trong vắt và sắc cạnh : « Bây giờ, không cần. Ta lớn cả rồi. Quỳnh ba con, đứa lớn nhất mười tám, sắp gả chồng đấy ».

*

Quỳnh cau mặt, chân mày nhếch lên, vết nốt ruồi lăn như giọt lệ đang rơi, trề môi buông thõng « Từ tương lai, kẻ đi tìm quá khứ hẳn đang đặt một dấu hỏi với hiện tại của mình, phải không ? ». Tôi thầm nhủ, đâu phải là bay từ một phương xa về đáp xuống Tân Sân Nhất cách đây vài bữa mà tôi đến từ tương lai. Không lẽ tương lai với những người ở đây chỉ là đủ miếng ăn hôm nay và không sợ đói ngày mai ? Quỳnh hiểu gì về những đêm tôi một mình uống cho đến độ không còn biết mình là ai, chẳng phải vì ngậm ngùi với quá khứ mà là ngỡ ngàng rồi hốt hoảng cho phần đời còn lại. Tránh trả lời, tôi giả giọng trách móc « Sao Quỳnh không hỏi thẳng ? », lòng hy vọng Quỳnh sẽ nhắc tôi kỷ niệm đêm xem hoa nở và lời tôi nói lưng cầu thang với Quỳnh. Và tôi, tôi sẽ nhắc lại nguyên văn câu nói xưa. Cảm động, Quỳnh sẽ nhìn tôi, nước mắt ứa ra chảy dài xuống má. Tôi sẽ lẳng lặng lau nước mắt, nói nhỏ như an ủi một đứa bé vừa ngã « ...thôi mà, thôi xong rồi. Đứng dậy đi, đứng dậy... ». Nhưng Quỳnh lại nhìn thẳng vào mắt tôi, diễu cợt « Hỏi gì ? Có những điều không nên hỏi thẳng - Quỳnh ngước lên, ánh mắt vẫn châm chọc, tiếp - chẳng hạn như Vinh về đây làm gì ? Có phải là Vinh đang tìm lời giải đáp cho cái

câu hỏi đó ? ». Tôi khựng lại, chẳng nhẽ bây giờ không còn ai có thể nghĩ đến một ai khác ngoài chính mình, thậm chí cả đến khi đặt một câu hỏi cũng lại chỉ trong vòng ích kỷ quanh quẩn cái tôi, tôi là, tôi có... ? Bực mình, tôi sẵng « ...nếu tương lai là dấu hỏi, quá khứ đã và còn là dấu hỏi, thì hiện tại bị kẹp ở giữa ắt cũng là dấu hỏi. Cứ cho là Vinh đi tìm quá khứ để có lời giải đáp cho dấu hỏi với hiện tại đi. Nhưng đó cũng là lời giải đáp dấu hỏi của quá khứ, và biết đâu, đó cũng lại là lời giải đáp cho tương lai ? ». Quỳnh quay lưng, xuống thang, cười nhạt « ... lãng mạn thật, bây giờ người ta nói thế là cực lãng mạn »

Đến ngồi cạnh lò sưởi, Quỳnh cời than cho lửa bùng lên, đôi vai thon gầy nhô cao che đi phần cổ trắng nõn nà. Tôi quay nhìn về nơi đặt chiếc dương cầm đen nháy ngày xưa, mắt thoáng hiện mớ tóc dài, những ngón tay nhẩy múa, và ngửi thấy mùi hoa quỳnh đâu đây thoảng lại. Như đoán được câu tôi sẽ hỏi, Quỳnh lửng lơ « ...đàn bán rồi. Bán đàn nuôi được cả nhà này hai tháng cơm canh đấy ! ». Trạnh lòng, tôi nói như máy «...thế thì lâu lắm rồi Quỳnh không đàn nữa nhỉ ». Câu nói vừa thừa vừa vô duyên. Quỳnh nhún vai «...lâu lắm không sống nữa, nói chi đến chuyện đàn ! », chữ sống gằn xuống nghe nặng như chì đổ. Giọng bỗng vui hẳn lên, Quỳnh hỏi « còn cái sonate đó, Vinh có nhớ không ? ». Dẫu hiểu, tôi cố tình hỏi «...cái sonate nào ? ». Cười ròn, Quỳnh reo « Đấy, đã bảo mà, sẽ quên ngay thôi. Cái sonate Ánh Trăng Vinh nghe trước khi về Sài Gòn rồi lên đường sang Ý, Vinh không nhớ à ? ». Tự nhiên lòng căm lại thành một khối băng, tôi mím môi, lắc đầu. Quỳnh nhìn vào mắt tôi, hóm hỉnh « ...lắc đầu nhớ hay lắc đầu quên ». Tủi thân, tôi mỉa lại, « Quên, quên thật đấy, "chị" Quỳnh ạ ! ». Nghe đến đấy, Quỳnh phá lên cười, chạy ra mở tung hai cánh cửa sổ.

Quỳnh vẫn cười, tiếng cười như chuông ngân. Bên ngoài, nắng vẫn tươi rói trên dốc đồi soai soải mầu xanh chạm cạnh những vạt bóng chênh chếch dưới ánh mặt trời. Gió hiu hiu lạnh thốc vào, mái tóc Quỳnh như một giải lụa đen, bay tung ra sau. Tôi đến đứng bên cạnh Quỳnh. Những sợi tóc bay vướng vào mặt tôi như vuốt ve. Tay gỡ tóc, Quỳnh ngước mặt nhìn tôi khiêu khích. Vết nốt ruồi, giọt lệ mầu đen ấy, nhập nhòa trên má tựa ảo ảnh, lúc biến lúc hiện. Tôi nhắm mắt. Niềm lo sợ đánh vỡ, như thuở nhỏ, khi tay cầm một món đồ cổ của cha tôi bỗng ùa lại. Tiếng Quỳnh mơ hồ «...cái dấu hỏi đó, Vinh cứ hỏi đi. Câu trả lời nằm ngay trong hiện tại, ở trước mắt, có muốn trốn cũng chẳng được ! ». Đầu óc choãi ra trống vắng rồi tê liệt đi, tôi nghe bên tai «...anh Thạc anh ấy chết rồi, chết thật rồi ! ». Tiếng Quỳnh nói nhẹ

như thở, hơi nóng phà vào mặt tôi, đốt lên một ngọn lửa âm ỉ đến độ tôi tưởng nó đã tàn lụi như lòng núi lửa khi chết chỉ còn để lại chút khốc khô nham thạch. Không biết từ lúc nào, hai tay tôi áp vào má Quỳnh. Tôi nâng mặt nàng lên, hai môi tôi áp xuống. Tôi hôn, điên dại hôn. Tôi nghe tiếng vỡ của sành của sứ của đồ cổ va vào mặt đá. Nhưng tôi vẫn tiếp tục hôn. Hôn lấy hôn để. Hôn đến lúc Quỳnh mềm nhũn ra, không thở được, tay cứ bíu vào vai tôi, mắt nhắm nghiền, môi vẫn hé mở. Cứ thế, tôi hôn, tôi ghì lấy cái thân thể mỏng mảnh kia, ôm như bế bồng thuở thiếu thời của tôi, của Quỳnh, cho vào nhập với hiện tại để thành hiện tại, nhưng vẫn mơ hồ nỗi sợ những bẽ bàng không đoán trước.

Bế thốc Quỳnh lên, tôi vào phòng, đặt nàng xuống giường. Vẫn khuôn mặt hình trái soan, vẫn chiếc mũi dọc dừa. Vẫn đôi môi hơi vênh lên, nhưng nay không có vẻ thách thức, lại như chiều chuộng, như cam chịu, như bảo bọc. Vẫn cái vết nốt ruồi như một giọt lệ, giọt lệ đen có cái tác động giải đi sự bất hạnh của kẻ mang tên một loài hoa hiếm trắng tinh khiết nhưng cam cái phận tối nở sớm tàn. Tôi hôn lên má Quỳnh, mắt không nhìn thấy vết nốt ruồi đâu nữa. Lẳng lặng, tôi cởi hết quần áo cho Quỳnh, mơn trớn rồi hôn trên từng phân vuông lớp da trắng xanh, rúc mặt vào từng vùng lau lách, liếm láp từng ngõ ngách, thở bằng mùi phấn hương đóa trà mi nở căng bần bật trên cái đài hoa bỗng nhận ra mùa xuân về muộn. Tôi xông vào. Tôi mặc kệ, mặc tiếng rên, tiếng hổn hển, tiếng kêu trời, tiếng nghẹn thở. Quỳnh gọi tên tôi, hai tay cấu lấy mông, cắn vào vai, có lúc lại òa lên khóc. Tôi làm tình như một tên tù vừa sổng ngục, cứ thiếp đi thì thôi, nhưng tỉnh dậy là tôi lại mơn trớn Quỳnh, mơn trớn tôi, và không một lời, tôi chỉ để thân xác tôi nói cho Quỳnh hiểu hết những điều tôi ấp ủ từ những hai mươi năm qua. Và nói cho tận tiệt.

*

Nửa mơ nửa tỉnh, tôi quơ tay sang bên cạnh, thấy trống trơn hụt hẫng. Tôi hé mắt nhìn. Chỉ có chiếc gối và tấm chăn đơn. Cửa sổ vẫn khép, nhưng ánh nắng đã le lói hắt qua những chiếc then gỗ. Tôi vùng dậy, bước ra mở tung hai cánh cửa cho gió nắng tràn vào. Vừa huýt sáo nho nhỏ, tôi vừa nhìn đồng hồ tay. Tôi gọi. Không có ai trả lời. Tôi xuống cầu thang, miệng ngân nga một điệu hát không thuộc lời.

Mảnh giấy để trên bàn ghi « sẽ về ngay, đi mua xôi cho Vinh,

cà phê đã pha, sữa đặc và đường trên bàn ». Mỉm cười, tôi mở cửa ngoài, ra ngắm chậu quỳnh ngày xưa. Lá quỳnh đâm ra như những mũi dáo xanh ngắt nhưng dưới gốc có dăm ba cuộng héo đi vì thiếu nước. Tôi vào múc nước, nhè nhẹ rót xuống đất trong chậu cây nay khô ran. Nhớ vế câu đối xưa, hình như là « Say ngâm hai mắt trắng, hứng thơ vung bút, tài hoa trời phú ngạo công hầu », tôi lẩn thẩn vào nhà, ngồi xuống ghế, tay mân mê hộp mầu tôi mang theo định thực hiện dự tính vẽ lên khung vải cái tôi tha thiết gọi là tâm tư miền núi.

Rót cà phê vào tách, trước sân nghe lạch bạch tiếng Honda. Mở cửa, Hương bước vào, tay xách gà- mèn, miệng reo « A, Vinh dậy rồi. Hương đi mua sôi, loại sôi lúa ngày xưa Vinh vẫn thích đấy ! ». Tôi chưa kịp nhớ ra sôi như thế nào thì Hương chìa cho tôi một mảnh giấy, nói nhanh «...Vinh có điện tín, bưu điện đưa lại sáng sớm hôm nay ». Đi xuống bếp, Hương nói vói lại «... Hương xẻ sôi vào bát. Vinh rót cho Hương một tách cà phê nhé ! ».

Cầm bức điện tín chưa mở, tôi bỗng phập phồng lo ngại. Người thân của tôi ở đất nước này chẳng còn ai, bạn bè tôi lại không có, vậy thì ai biết được tôi lên đến đây để liên lạc. Ngần ngại, tôi mở bức điện, đọc

Vinh than Stop Anh Thac, chi va cac chau ve thu sau toi tuan nay Stop Mua duoc ve xe lua tu Danang Stop Chi Quynh

Tôi lặng người. Thế vết nốt ruồi ngày hôm qua không có thật à ? Cắn vào ngón tay mình, tôi vẫn thấy đau. Nghĩa là tôi vẫn còn đây. Đúng, tôi còn. Nhưng sự linh hiển của một thế giới bên kia có không ? Tiếng cười thân thuộc của bác Đản có không ? Và những cây hương bùng lên cháy, tôi nhìn thấy, nhưng có thật không ? Thật là gì ? Có phải cái ta gọi là thật chỉ loanh quoanh trong vòng ngũ uẩn - nhìn, ngửi, nghe, sờ, nếm - hay còn gì nữa ? Tôi nghiến răng, ngón tay tôi đau điếng, miệng mặn vị máu đang ứa ra. Vậy là tôi còn đây, cứ tin thế đi. Thế thì Vinh đêm qua, Vinh có là tôi không ? Còn người đàn bà, là Quỳnh hay là Hương ? Nếu tôi hôm nay không là Vinh đêm qua, người đàn bà đó ắt là Quỳnh, loài hoa tối nở sớm tàn. Nhưng nếu Vinh đêm qua chính là tôi hôm nay ? Câu hỏi xoáy vào óc tôi theo đường trôn như bị đuôi những con mực ma cuốn dìm xuống biển. Hoảng hốt, tôi vội vàng thọc bàn tay ngón bị cắn chảy máu vào túi quần.

Hương đi lên, tay bưng chiếc khay có hai bát sôi, dịu dàng «...chắc điện của Quỳnh ? ». Tôi gật đầu. Đưa bức điện cho Hương, tôi thầm nhủ, thế là anh Thạc đâu có chết. Hương nói «... xe lửa chỉ đến Nha Trang. Từ đó lên đây, bắt xe hàng đi cũng mất thêm ba giờ. Chắc phải tối mịt mới tới được ». Tôi chăm chú nhìn Hương. Trên má nàng,

đâu có vết nốt ruồi các cụ ngày xưa ví như giọt lệ màu đen nhỏ xuống. Thế thì giọt lệ màu đen không có thật ! Hoặc giả nó chỉ là điều thêu dệt cho Quỳnh khác với Hương. Và muốn Hương thành Quỳnh thì thật dễ, chỉ cần chấm vào má một chấm bút con gái dùng để kẻ chân mày.

Để bức điện tín xuống bàn, Hương giục tôi ăn rồi bảo « Hôm qua, đoàn người Pháp có hẹn nhưng lại không lên vào phút chót. Vì thế, khách sạn không cần người thông dịch nên mới để Hương về sớm. Đoàn đó mai sẽ lên, họ đặt phòng và trả tiền rồi nên thế nào mai Hương cũng bận buổi chiều ». Tôi nhìn xuống đất, bỗng bối rối, thậm chí có chút gì như là sự xấu hổ.

Tôi cố nhớ lại, từ lúc lên vái bàn thờ hai bác cho đến khi nhìn thấy vết nốt ruồi, và sau đó, tất cả đã xẩy đến như một giấc mơ. Giấc mơ đó, chẳng cũng là hiện thực, nhưng phát sinh từ một động cơ huyền diệu hơn năm giác quan sao? Tôi ngước mắt nhìn Hương. Cũng một khuôn mặt hình trái soan, chiếc mũi dọc dừa, và đôi môi vênh lên hơi thách thức. So với Quỳnh, đúng là một giọt nước, chỉ khác là thiếu một giọt lệ đen nhỏ bằng ba cái đầu tăm. Nhưng tôi băn khoăn tự hỏi, tại sao tôi cứ lại là người đi tìm thêm một giọt nước mắt ?

Nhìn nắng vàng đậu trên mái ngói màu đỏ tươi của ngôi nhà bên cạnh, lòng tôi chợt trôi hững vào một cõi an bình như khi gặp lại một cái bút chì, một cục gôm, một mảnh ký họa bỏ quên trong gầm bàn, hốc tủ. « A, tí nữa lại quên », tôi nói rồi mở vali, đưa cho Hương tất cả quà cáp tôi mang về. Trừ món quà nhỏ dành cho Hương, tôi bảo «...nhờ Hương sắp đặt quà cho chị Quỳnh, anh Thạc và các cháu. Hình như cháu gái lớn sắp lấy chồng, phải không ? ». Hương cười, đáp «...hôm qua Hương chẳng nói rồi còn gì !».

Bây giờ, thật chẳng còn gì để ngạc nhiên nữa. Quỳnh hôm qua là Hương hôm nay. Còn tôi, ở giây phút này, tôi liệu có thể khác với Vinh mới một ngày trước không ? Cái gạch nối liền quá khứ vào hiện tại đâu có phải cứ dứt là đứt ra đâu. Tôi nắm tay, bàn tay có ngón tay bị cắn đau điếng. Thì ra phải chẩy máu mới biết được mình là ai. Ngẫm nghĩ rồi lẳng lặng lục đáy vali, tôi lôi ra cái áo len Hương đan cho hai mươi năm trước, tay run run đưa cho nàng. Chiếc áo nay đã sờn vai, và hơi chật. Hương lại cười, lùi xa ngắm tôi, nói nhỏ «... Vinh chắc nặng thêm năm bẩy kí chứ ít gì ! ». Tôi cũng cười. Tôi có cảm tưởng đây là lần đầu tôi thực sự cười từ ngày đặt lại chân trên mảnh đất tôi gọi là

quê hương của tôi. Hương bảo « ..để Hương móc lại chỗ vai áo bị sờn nhé ».

Trả tôi bức điện, Hương nói « ..chỉ ba ngày nữa, nhà mình tha hồ đông ». Tôi nhận ra giọng nàng có một thoáng ngậm ngùi. Đọc lại bức điện, tôi quả quyết « Thôi, em đi điện cho chị Quỳnh, bảo đừng vào vội! ». Nói xong, chính tôi , tôi ngạc nhiên. Em là tôi, ngôi thứ nhất, hay là Hương mà tôi buột miệng gọi bằng em. Hương nhỏ nhẹ « Dạ, em sẽ điện, nhưng nói thế nào ? ». Tôi lại quả quyết «... thì mình cứ nói là mình bận. Vả lại, mình đâu còn bao nhiêu thì giờ với nhau...»

Chữ mình bây giờ rõ ràng chỉ Hương và tôi. Đó là điều khó ai lầm lẫn được. Nhưng tôi vẫn chưa biết Hương hiểu thế nào về cách tôi giải đáp dấu hỏi của hiện tại, tôi, một kẻ từ tương lai đi tìm quá khứ. Tôi chỉ cảm thấy một bàn tay bé nhỏ bíu chặt vào tay tôi, cái bàn tay không có ngón cắn đến chảy máu, và một tiếng thì thào «... sắp hết thì giờ rồi ! ».

Điều đó, Hương ơi, tôi biết. Biết như chính sinh mạng tôi vậy.

NAM DAO
Quebec 22-6-99



VÕ ĐÌNH

Truyện hết sức ngắn



Truyện có dài, vừa, ngắn, thật hay cực ngắn. Hai truyện sau đây hết sức ngắn.

Mấy ngày liền, ý nghĩ chưa có bài cho *Hợp Lưu Xuân* cứ lởn vởn trong đầu. Đêm qua, tôi nằm mơ hai giấc ngắn: viết bài cho *Hợp Lưu*. Sáng dậy, sợ quên, chép xuống ngay.

I.

Vợ chồng tôi đặc biệc ưa thích rau dưa, thường chỉ rau, cá kho. Hôm nọ, xong bữa, con cá còn nguyên. Vốn nghề cầm phấn, vợ lấy làm thú, đọc Nguyễn Công Trứ:

Ngày ba bữa vỗ bụng rau...

Tôi tiếp: *bình bịch*

Vợ bàn thêm: *bịch, bịch, bịch, bịch, bịch....* (1)

II.

Lâu ngày không ăn, nhớ trứng luột dầm mắm, ớt bột. Vợ bận, tôi bảo:

- Anh luộc hai trứng ăn cơm hí ?

Vợ nói:

- Gia tài chỉ có hai *trấng* (2) mà đem luôc à?

Chú thích:

(1) ngày xưa, ở Thừa Thiên / Huế, xe gắn máy (xe mô tô) được gọi là "xe bình bịch"

(2) cũng ngày xưa, ở Thừa Thiên / Huế, *trứng* gọi là *trấng*.



THƯỜNG QUÁN

Gió thổi qua những cánh rừng tối

Gió thổi qua những cánh rừng tối
gió biển cả
gió đến trưa nay
tôi nằm dưới những chùm lá tối
những bông hạnh đầy
nhớ một căn nhà trên cồn biển
ngó ra dêm tối vô hạn gió
những chiếc lưới cá chìm
dêm không thể
cát trong tóc em cát giữa kẽ ngực
cát khi chân đưa lên
căn nhà một hôm nằm dưới một đồi cỏ một lô cốt
một đường rầy bỏ hoang thời chiến
một goong tàu nát
những cột khói không dâu trưa
không chịu nổi gío
tấm liếp phên dán giấy nhật trình
bài thơ nằm bên vuông ai tín
gío hẹn chiều

một tiếng còi tàu ra đi lỡ

những căn nhà thu nhỏ khuất
cát trong tóc

những du khách trở về hôm qua no"i họ còn thấy
những căn nhà như thế trên đường tàu ra Bắc, giữa trưa
Những căn nhà nhỏ qúa làm sao sống
môt người hỏi, như ngạc nhiên, như bình phẩm
một người khác nói: và gío
gió lớn bạo
làm như gió chứ không phải chiếc đầu máy
đã đẩy con tàu đi

và những căn nhà nhỏ
như những chiếc nón lạc
giữa những bãi gió
cứ muốn chạy theo - ông nghĩ saỏ

Ai có thể nói gì
gió thổi qua những cánh rừng tối
ai nào được về
nằm trong buổi tối cửa đập

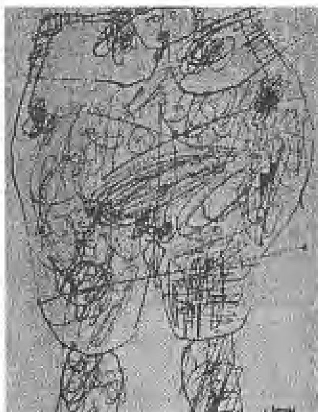
đâu đó trong tóc cát hỏi
như từ kẽ ngực -
có ngủ được không?

THƯỜNG QUÁN



NGUYỄN KHẢI

Bạn Viết Cũ



1.

Khi ông già đó tới tòa báo lần thứ ba thì các nhân viên ở Ban Trị Sự của báo đưa mắt nhìn nhau, có ý kiến hỏi: Nên nói với ông ấy như thế nào để ông khỏi đến nữa. Nhìn tướng ngoài cũng biết ông là một cán bộ nhà nước đã nghỉ hưu, mặt mũi hiền lành, nhẫn nhục, nhìn ai cũng hơi mỉm cười, cái cười làm quen, cầu thân của nhiều người già. Tất nhiên không phải là một người già của Hà Nội. Ông mặc cái áo dạ đen dài gần chấm gối, đã bạc đã cũ, quần ka-ki màu xám và đi đôi giầy vải, đế cao su đen, luôn ôm bên người cái cặp da căng phồng. Lần đầu hỏi, ông đến có việc gì, ông trả lời ấp úng: "Tôi chờ một người bạn." Những người như thế đến tòa báo chờ một ai đó cũng là thường, ngày nào chả có. Nên không ai hỏi thêm. Ông ta ngồi khoảng chừng một tiếng, nhìn ai cũng như hơi có quen biết, khẽ nghiêng đầu và mỉm cười, những người kia cũng gật đầu chào lại, vẻ mặt thản nhiên vì họ đâu có biết ông là ai. Lần thứ hai cách đó vài ngày, ông cũng vẫn chào mọi người rất lễ phép rồi ngồi vào cái ghế đẩu kê ở góc phòng khách. Nhân viên tòa báo tới mời ông ngồi ghế có lót bọc và rót một tách trà mới pha. Ông chỉ hơi nhổm người cảm ơn rồi vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, vẫn nhìn chăm chú tất cả, những bức tranh treo trên tường và những nhân viên ăn mặc sang trọng đang làm việc ở phòng bên qua lớp kính, nhìn chăm chú lắm, nếu không có nụ cười hiền lành thì cái sự chăm chú ấy là rất đáng ngờ. Lần này là lần

thứ ba, mấy người của báo còn chưa biết xử trí ra sao thì một anh trong Ban biên tập đi ngang qua biết chuyện liền bước vào nói với ông già rất lễ phép: "Thưa bác, bác đến báo đưa bài, hỏi bài hoặc cần ai gặp để cháu giúp?" Ông lão nhìn người trẻ hỏi rất thân thiết, nói nhỏ nhẹ: "Tôi chờ mấy người quen cũ." - "Thưa bác, là những anh nào ạ?" "Anh Vũ Tú Nam còn làm ở đây không?" "Chắc đã lâu lắm bác không đến báo, chú Vũ Tú Nam từ lâu không làm ở báo nữa ạ." - "Thế anh Nguyễn Văn Bổng?" - "Bác Bổng về hưu lâu rồi ạ?." Quả thật ông này chả hề biết một tí gì về Hội Nhà văn những năm gần đây. Là hội viên thì không phải rồi mà cũng không thể là người Hà Nội. Người Hà Nội đã là trí thức như gương mặt ông này, dẫu làm những nghề chả liên quan gì đến viết lách vẫn biết mọi sự đã xảy ra ở Hội Nhà văn, nhiều người còn biết rành rẽ hơn các hội viên ở xa nữa. Ông này là ai nhỉ? Chưa kịp hỏi gì thêm thì người kia đã nói tiếp, thì thào, thủ thỉ, lại như có một chút xúc động trong giọng nói thì phải. Anh nhà báo vừa nghe vừa đưa mắt nhìn qua cánh cửa sắt, hình như anh cũng đang chờ ai tới, lỡ bước vào hỏi một câu, không chừng phải ngồi với ông này cả giờ: "Cách đây đã mấy chục năm tôi còn là cộng tác viên của báo thỉnh thoảng cũng có một truyện ngắn được đăng. Mỗi lần đến tòa soạn các anh ở báo coi như người trong nhà." Anh nhà báo cười gượng gạo, mắt vẫn đảo nhìn ra ngoài: "Cái năm ấy chắc bọn cháu còn đang học tiểu học." Ông già lại nói: "Một đời người nghĩ cũng nhanh, anh nhỉ? Chỉ mới đây thôi mà đã là một kiếp khác rồi." Người tiếp chuyện vẫn cười gượng ép, trả lời lấy lệ, mắt vẫn nhìn nhớn nhác nơi khác: "Vâng, vâng đúng thế." Người kia lại nói: "Cũng còn may đường phố này, cái nhà này tuy thay đổi nhưng vẫn là nó, nhìn từ xa tôi vẫn nhận ra được nó. Có điều cái nhà cũ thì thấp và tối, bây giờ thì cao hơn nhiều, nhìn vào đâu cũng sáng." Anh nhà báo vội đứng lên, cáo lỗi: "Cháu có việc phải ra ngoài, bác cứ ngồi đây chơi, có ai hỏi bác cứ bảo đợi cháu có việc, cháu là Nhật Vinh." Ông già cũng đứng lên theo, nắm lấy tay anh nhà báo, chắc cũng là nhà văn nhà thơ gì đây, đã hiểu rõ nỗi lòng của ông, đã đưa tay ra để ông có cớ trả lời, có cớ ngồi lại, có cớ đến nữa.

2.

Truyện ngắn đầu tiên anh viết năm anh mới 35 tuổi. Năm ấy anh là cán bộ tuyên huấn của nông trường Mộc Châu sau 15 năm là lính. Vợ anh là cô giáo dạy văn cấp 3 ở Hà Nội. Vợ chồng anh đã có hai con,

một trai một gái, trai lên bảy, gái lên năm. Anh về Hà Nội học Nghị quyết của Trung ương và dự một số cuộc họp của Bộ Nông trường khoảng nửa tháng. Trong nửa tháng, ngày đi họp, tối về trông con gái đang lên sởi để bà ngoại được nghỉ, vừa đặt bút viết thử một truyện ngắn về một cặp vợ chồng ở nông trường. Mối tình của họ cũng giống như mối tình của vợ chồng anh hồi mới quen nhau thời còn đánh Pháp, cãi cọ nhau, nuôi dạy con cái cũng giống hệt gia đình anh nhưng vui hơn, lắm chuyện hơn và cũng có chuyện buồn hơn. Viết về người như viết về mình, lại có khoảng cách vừa phải để ngẫm nghĩ, để ngắm nghía nên anh viết rất nhanh, hơi văn tự nhiên, chân thật, có đoạn tự mình bật cười thành tiếng, có đoạn cũng muốn ứa nước mắt. Đêm viết mấy trang cuối thì con bé đã hết sốt, mụn sởi đã mọc xuống chân, đòi ăn cháo và đêm ngủ rất ngon nên cái mừng của người cha trông con đau sắp khỏi cộng với cái mừng của người viết đã lia bút tới phần kết khiến ngòi bút như bay trên trang giấy, nhìn không còn rõ nét chữ nữa. Vợ anh nằm ôm con trong chăn, lát lát lại mở choàng mắt, hỏi bằng cái giọng ngái ngủ: "Anh định viết hết đêm à?" - "Ừ viết cho xong để lây nhây sốt ruột lắm." Vợ cười khẽ sau lưng con: "Nói cứ như ông nhà văn thực thụ." Chồng cười nhưng vẫn không ngừng tay: "Biết đâu đấy! Cô đừng có cười mà rồi hối!" Giọng của vợ đã tỉnh hẳn nhưng vẫn là giọng đùa: "Thì bố em đã nói em có số lấy chồng là văn nhân mà." Trước ngày về nông trường, anh đèo con trai đến tòa báo Văn Nghệ để gửi bài. Trong thư ghi rõ địa chỉ mà cả tháng sau vẫn chưa nhận được thư trả lời được hay chưa được. Tết về được Hà Nội một tuần ăn tết với vợ con, trời rất rét vẫn đèo con trai phía sau lượn qua lượn lại trước tòa báo mà chưa quyết định được dứt khoát là nên vào hỏi hay không nên vào. Vì cũng sợ nếu nhà báo trả lời là chưa đăng được có phải mất vui cả mấy ngày tết không. Hy vọng thêm một ngày vẫn tốt hơn là thất vọng hoàn toàn. Thằng bé lên bảy, học lớp hai nhưng đã rất khôn, nó ngồi phía sau hỏi: "Tại sao bố không vào hỏi bài của bố? Bố sợ các bác ấy mắng à?" Anh không trả lời, nó lại hỏi: "Bố buồn à?" Anh phì cười: "Hai con khỏe và ngoan là bố vui lắm." Rồi anh nói thêm, chắc thằng bé chưa thể hiểu: "Bố vui buồn vì các con chứ ai lại vui buồn vì cái chuyện văn chương vớ vẩn." Truyện ngắn ấy được tòa soạn xếp vào loạt truyện dự thi Truyện ngắn hay của báo năm 60, khi kết thúc nó được Ban giám khảo tặng giải nhì. Cô vợ bảo chồng: "Đọc trên báo hay hơn đọc trên bản viết tay nhiều. Các bạn em phục anh lắm, không chừng anh thành nhà văn thật cũng nên." Anh chồng vênh bộ mặt đầy râu, nói tỉnh bơ: "Chồng nói không tin lại thích tin người ngoài.

3.

Trong mười năm hầu như năm nào anh cũng có một hoặc hai truyện ngắn đăng trên báo. Tên anh đã được chờ đợi trong giới văn của Hà Nội và những người yêu thích văn học trong ngành giáo dục. Các con lớn dần lên, nghĩ là đã đến lúc nhàn nào ngờ vợ anh mỗi năm một yếu đi vì chứng bệnh nan y của phụ nữ. Dẫu đau yếu chị vẫn không bỏ dậy, vẫn chăm lo mọi việc để người chồng đỡ phải đi về nhiều lần Mộc Châu - Hà Nội. Anh đã ngoài bốn chục tuổi, thuở trẻ anh có đủ thứ bệnh, toàn là những bệnh do chiến tranh để lại. Càng có tuổi các bệnh cũ như mất dần, mười năm không ốm một ngày nào, không đi bệnh viện một lần nào, vào bệnh viện chỉ để trông vợ ốm với con đau. Ở nông trường thì việc Nhà nước, việc nhiều người ít, làm đủ mọi việc, không còn thì giờ ngồi ăn ngồi thở. Về nhà thì việc gia đình, vợ vừa bận vừa đau ốm, những việc lớn trong nhà đều phải đợi người đàn ông về thu xếp. Dọi nhà, quét vôi, làm lại đường dây điện, làm gác xép cho con lớn có chỗ ngồi học, khách đến có chỗ ngủ qua đêm. Đường từ Mộc Châu về Hà Nội có lần đi xe của nông trường, nhiều lần chỉ đi xe đạp, cái xe không chắn bùn, không chắn xích, không chuông, không cả phanh, trần trụi, gày guộc như ông già cởi truồng, đèo lặc lè phía sau nào gạo, nào ngô, đỗ, khoai đã xắt mỏng phơi khô, phía trước thì các bị cói lớn nhỏ nhét đầy cà mèn đựng mỡ, thịt rừng đã sấy khô, măng khô và cả ớt đã nghiền thành bột phơi khô. Phần của anh một ít, phần mua lại của anh em một ít. Hà Nội cái gì chả có nhưng đắt, đặc sản của rừng lại càng đắt. Tất cả những nông nỗi ấy, những tính toán ấy đều vào truyện của anh cả. Những nhân vật của anh, người nào cũng vất vả, cũng có bao nhiêu lo nghĩ, toàn những lo vặt vãnh của đời thường nhưng không có ai buồn, không có ai mất lòng tin vào ngày mai, cái buồn cái khổ và bao nhiêu hy vọng hư có thực có như chảy vào, thấm vào mỗi trang viết, thấp thoáng giữa những dòng chữ, trong từng con chữ nên câu văn, chữ dùng chả có gì là đặc sắc, là hiếm quý mà vẫn quyến rũ người đọc. Đọc chuyện của người mà như được nhìn lại đời mình, lại là một cái nhìn đã tỉnh táo, đã vượt khỏi cái bề bộn, vật vã của mỗi ngày để nhìn được xa hơn, cao hơn, nhẹ nhõm hơn.

4.

Trong 17 năm anh viết được khoảng hai chục cái truyện ngắn và bút ký. Truyện đầu tiên anh viết trong một đêm có tiếng nói mê của con lớn, tiếng khóc u ơ của đứa nhỏ và cái giọng ngái ngủ của vợ lát lát lại giục anh ngừng viết để vào nằm với hai con. Mười tám năm sau,

năm 78, anh viết truyện ngắn “Tiễn Con Đi Xa,” chưa nghĩ tới chuyện gác bút không dè lại là cái truyện ngắn cuối cùng. Anh vẫn ngồi viết trong gian nhà cũ, trên cái bàn mộc kê giữa hai cái giường đôi. Cái bàn đã trở lại mặt mộc của tấm ván ép, hai góc bàn mép ván đã bật khỏi đinh đóng vênh cao lên. Vẫn là đồ đạc cũ, không thêm một cái gì. Chỉ có thêm cái bàn thừa đóng ở phía trên bàn viết, đặt ba tấm hình lồng trong khung kính, hình giữa là mẹ vợ, hình bên trái là vợ, hình bên phải là con trai. Ba thế hệ đều buồn bã chứng kiến người đàn ông tóc đã bạc sớm sống lủi thủi trong gian nhà trở nên quá rộng, nấu một xoong cơm nhỏ, kho một niêu cá nhỏ và ngồi ăn một mình, ngủ một mình và đêm viết cũng một mình. Anh vẫn ngồi viết tới khuya bên cái giường trống vẫn chưa buông màn, không có tiếng động nào ngoài tiếng ngòi bút sắt cạo soàn soạt lên mặt trang giấy xấu. Năm 70, con trai anh, 17 tuổi, vừa tốt nghiệp trung học phổ thông nhưng không thi vào đại học mà muốn tòng quân làm nghĩa vụ người trai thời chiến. Nhà con trai một, thằng bé tháo vát và học giỏi, đã có thể thay bố làm ông chủ nhà của gia đình. Đi rồi về học cũng chả sao. Chỉ sợ có đi mà không thể về thì cái phần còn lại của gia đình sẽ phải sống như thế nào? Mẹ nó nói thế rồi khóc. Người bố cũng nghĩ thế, nhưng anh đã là người lính thời đánh Pháp, anh lại còn là người viết, anh sẽ còn dám viết gì tiếp nếu anh không ủng hộ một nguyện vọng tốt đẹp của lứa tuổi nó khi đất nước còn chưa dứt tiếng súng? Nên anh đã nói, hãy để con tự quyết định, nó có danh dự của nó, của thế hệ nó, không một ai có quyền ngăn cản, kể cả bố mẹ. Thằng bé lên đường đầu năm 71, qua thư gửi nó đã có mặt ở nhiều chiến trường, tới tháng 3 năm 75 thì nó hy sinh ở Plây-Cu. Tin thằng bé hy sinh mãi cuối năm 75 gia đình mới biết. Mẹ nó đã không còn đủ nghị lực để chống chọi với bệnh tật của mình, nằm liệt khoảng hai tháng rồi mất giữa năm 76. Bà ngoại nó mất vào cuối năm mới ở tuổi 70. Cuối năm 77, con gái đi lấy chồng. Hai đứa yêu nhau từ những năm còn học trường trung cấp sư phạm. Khi chúng nó xin với anh được làm hôn lễ vào cuối năm, cũng là cưới chạy tang vì mẹ chồng đang đau nặng, khó mà sống qua được vụ rét, anh cũng giận. Nhà đang có bao nhiêu là chuyện buồn mà con gái chỉ nghĩ đến cái vui riêng của nó sao? Nghĩ thoáng thế rồi lại tự nhủ, mình là người viết văn, dẫu viết nghiệp dư vẫn là người viết, thì không thể nghĩ nông cạn như mọi ông bố khác được. Mỗi lứa tuổi đều có cái vui cái buồn riêng, không hoàn toàn giống nhau. Những buồn vui của tuổi trẻ đều hướng về tương lai, hướng về đoạn đời rất dài còn lại của chúng nó. Con gái chọn chồng còn quan trọng hơn đứa trẻ chọn cửa để sinh ra. Chọn cửa sinh là ông giời chọn, hay dở cũng chỉ trong khoảng

mười lăm năm. Còn chọn chồng là mình tự chọn, hay dở phải chịu suốt một đời người. Mình buồn rồi mình chết, không sao cả. Buộc con gái phải buồn theo mình để lỡ mất vận may, ai sẽ san sẻ với nó những cái đau khổ sau này? Lúc đầu cả hai đứa đều có vẻ sợ vì mặt bố trở nên ngỡ ngàng, căng thẳng. Tự chúng cũng cảm thấy có lỗi vì đã nói cái chuyện riêng của chúng nó vào cái lúc rất không nên nói. Nhưng chỉ một lúc sau các nếp nhăn trên mặt người bố dãn dần ra, ông nhìn hai đứa rất âu yếm rồi nói nhỏ: "Bố bằng lòng. Còn một tháng nữa, phải không? Chỉ tiếc nếu mẹ còn sống thì chúng mày cũng đỡ vất vả." Anh đã viết đúng như thế, không thêm bớt một tí gì, nghĩ là một chuyện buồn nhưng lại không hẳn là buồn, một nhà phê bình đã viết thế. Người sống vẫn phải tiếp tục sống với những công việc của hôm nay, của ngày mai. Trong cái vui vẫn lấp ló nhiều cái buồn vì chiến tranh chỉ vừa kết thúc, vết thương chưa kịp kín miệng nhưng những người còn sống vẫn buộc phải cười, phải vui với cái đang tới.

5.

Khoảng vài ngày sau, ông già mang cặp, bạn viết lâu năm của báo, lại lò dò đến. Lần này không đợi ai hỏi, ông đến trước một nhân viên của báo nói thầm thì: "Xin chị tha lỗi, tôi muốn được gặp anh Nhật Vinh." Một lát sau Nhật Vinh từ trên lầu chạy xuống, thấy ông già đang ngồi chờ ở phòng khách, anh hỏi mừng rỡ như họ đã quen nhau từ lâu: "Bác chờ cháu đã lâu chưa?" Ông lão đứng dậy: "Thưa, tôi cũng vừa mới tới, tôi đến để chào anh, ngày mai tôi về dưới tỉnh." Nhật Vinh nói: "Sáng nay cháu rỗi, hai bác cháu ta ra quán uống ly rượu chia tay." Nhật Vinh gọi hai ly cô nhắc Pháp và một đĩa gỏi ngó sen. Ông già hớp một chút rượu vẫn cầm ly trên tay, lòng mắt đã bạc nhìn mông lung ra phía đường. Nhà báo trẻ hỏi: "Lần này bác có gửi cho báo truyện mới nào không?" Ông già đặt ly rượu nói ngậm ngùi: "Tôi viết không được nữa anh ạ. Xưa kia tôi sống vội vã, căng thẳng với rất nhiều dự tính, nhiều hy vọng, chả là mọi sự mới chỉ bắt đầu. Có ý tưởng gì hay là viết được ra liền, câu chữ đuổi nhau ở đầu ngòi bút, ngăn không nổi, chữ nào cũng tươi, cũng xanh như mới được dùng lần đầu... Còn bây giờ, tôi hoàn toàn tự thả lòng, dập dềnh nửa thức, nửa ngủ, trôi theo con theo cháu, không phải lo bất cứ việc gì, cũng không hy vọng cho riêng mình bất cứ cái gì. Đã nghĩ người không còn gì để lo, không còn việc gì để làm, rỗi rãi cả ngày cả tháng thì ngồi viết bao lâu cũng được, ngồi viết cả năm, cả nhiều năm cũng vẫn được. Nào ngờ không còn chữ để viết, chúng đã trốn đâu mất sạch. Chỉ viết được đoạn mở đầu, truyện nào cũng chỉ viết được vài dòng mở đầu. Sao thế

THU TỪ

Cờ

Cái ván ấy đã xóa rồi
Thắng bại đã xong
Sao anh cứ lầm thầm ngồi đánh mãi

Cặp ngựa giao chân quỉ quái, nước pháo trùng,
cấp tập song xa...
Tiếc nhỉ, giá...
Thôi
Đầu Quan Công đã rơi
Quát tháo, than thở, cũng đã xong rồi cơ đồ nhà Thục...

THU TỪ

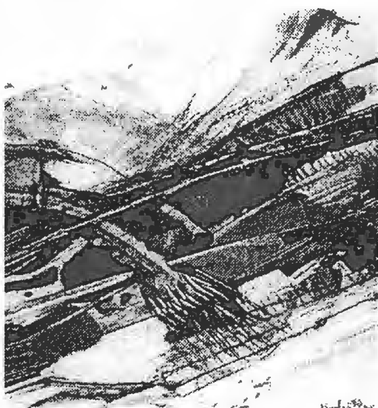
nhỉ? Mãi lâu về sau tôi mới hiểu, khi mình không còn gì để buồn, để lo, để hy vọng nữa thì chữ nghĩa cũng héo dần, chết dần! Bây giờ thì chúng đã chết cả loạt rồi, chúng chết trước tôi mới đau chứ!" Khi Nhật Vinh hỏi, hai bác cháu còn cơ hội gặp nhau lần nữa không, thì ông già nhấp nháy nhìn anh, trong mắt như có ngấn nước: "Chắc là không bao giờ. Tôi đã ngoài bảy chục rồi, dẫu còn sống cũng khó có việc buộc được tôi lên Hà Nội lần nữa. Tờ báo của các anh ấy mà, nó gói ghém nhiều đời người nhiều đời văn lắm đấy. Những đời văn thăng trầm, vất vả của một cái nghiệp làm người. Không có những cuộc đời ấy đổ vào cho báo làm sao nó sống được tới tận hôm nay." Ông lão đã đi được một lúc nhà báo trẻ tuổi mới chợt nhớ là anh chưa từng hỏi tên ông ta. Ông tên là gì nhỉ, có bút danh là gì nhỉ, đã viết những truyện ngắn nào nhỉ? Vì anh không hỏi nên ông già cũng không nói. Một bạn viết có một lai lịch hơi đặc biệt đã chạm vào tay anh nhưng anh đã không nắm giữ lấy nên ông ta lại lặng lẽ chuồi đi vào cõi vô danh.

NGUYỄN KHẢI
Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 2-1998



PHÙNG NGUYỄN

Cựu chiến binh, nhà thơ



"Fred Woodall, cựu chiến binh, nhà thơ." Anh luôn luôn bắt đầu như vậy. Cái tên đương nhiên phải đi trước, không thể nào khác đi được. "Nhà thơ" được cố tình đặt ở cuối lời tự giới thiệu như một cách biểu lộ sự nhún nhường của anh, hoặc ít ra trong những năm trước đây Fred cho rằng người nghe sẽ ghi nhận được điều đó. Này nhé, tôi trước hết là một cựu chiến binh, tôi đã từng chiến đấu tại Việt nam, và bây giờ tôi là một nhà thơ. Về sau Fred buồn rầu nhận ra mình thực sự là một nhà thơ khiêm nhường. Anh không thố lộ điều này với ai, và anh biết rằng những người quen biết anh cũng sẽ không nói ra điều này trước mặt anh. Cũng may mà Fred không cần phải khiêm nhường về việc anh là một cựu chiến binh Việt Nam. Bởi vì không cần thiết phải nhún nhường khi đứng trong hàng ngũ của những người đã bị, hoặc cho rằng đã bị, đối xử một cách bất công bởi công dân của chính đất nước mình.

Trong những năm đầu sau khi hồi hương, Fred nhiễm phải căn bệnh "Hội chứng sau Việt Nam" một cách chậm chạp, từ tốn, và chắc chắn. Đó là một thứ bệnh căn thời thượng, sang trọng, và thật là dại dột nếu không vướng phải căn bệnh này. Fred hút cần sa, uống rượu, và làm thơ, theo cái thứ tự đó. Anh nhắc thực nhiều đến cái mảnh đất xa xôi có tên gọi là Việt Nam sau khi hút cần sa, sau khi uống rượu, và trong những bài thơ của anh. Đó là một xứ sở đẹp đẽ nếu không có chiến tranh với những người dân hiền lành nếu không có chiến tranh và anh đã có thể yêu một cô gái xinh xắn trong đám dân chúng hiền lành đó nếu không có chiến tranh. Thơ anh đại khái như vậy. Một hai

bài thơ của anh đã xuất hiện trong những tập thơ có chủ đề chiến tranh Việt Nam do vài người bạn của anh chịu trách nhiệm biên tập. Chỉ có vậy thôi. Chỉ đến vậy thôi. Nhưng ngay cả điều này cũng không làm Fred nản lòng. Anh đã không bỏ qua bất cứ hội hè đình đám nào có liên quan đến thơ văn và chiến tranh Việt Nam. Ở đó anh sẽ xuất hiện với râu tóc lởm chởm, với chiếc bê rê đen lệch lạc trên đầu một cách cố tình, và bộ đồ trận bạc phếch của lính khinh kỵ với cái huy hiệu quân chủng và hàng chữ "Đà Nẵng" ở ngực áo. Ở đó anh sẽ tìm thấy những người ăn mặc tương tự, và một số trong bọn họ là bạn của anh. Ở đó anh thấy mình quan trọng hẳn lên, anh thuộc về nhóm những cựu chiến binh làm văn nghệ, những nghệ sĩ.

Hiện diện trong những cuộc hội họp như vậy anh có dịp tiếp xúc với những nhà văn nhà thơ đến từ Việt nam. Đó là lần đầu tiên. Sẽ có thêm những cuộc gặp gỡ tương tự sau này. Họ gồm một nhà thơ lão thành, một nhà văn trung niên, và một phụ nữ trẻ vừa viết văn vừa làm thơ. Họ đến đây theo lời mời của trung tâm nghiên cứu hậu quả chiến tranh thuộc một viện đại học danh tiếng của thành phố. Buổi hội thảo quy tụ khá đông người. Hầu hết là các nhà văn nhà thơ gốc gác cựu chiến binh. Một số trong bọn họ không cần phải nhún nhường, và điều này được biểu lộ trong cung cách tự giới thiệu của họ. X, thi sĩ, cựu chiến binh. Y, nhà văn, cựu chiến binh. Z, kịch tác gia, cựu chiến binh... Nhưng Fred không cảm thấy khó chịu chút nào hết. Chốc nữa đây anh sẽ có mặt trên diễn đàn. Anh có năm phút để phát biểu, và anh đã hứa với chính mình (và đồng thời với người bạn vốn là một chức sắc của trung tâm) sẽ không hoang phí khoảnh khắc quý giá này. Phải nói là anh có chút hồi hộp khi chờ đến phiên mình. Có nhiều hơn là một chút.

Đó là một xứ sở đẹp đẽ nếu không có chiến tranh với những người dân hiền lành nếu không có chiến tranh và tôi đã có thể yêu một cô gái xinh xắn trong đám dân chúng hiền lành đó nếu không có chiến tranh. Fred bắt đầu như vậy và tiếp tục nói về những điều tương tự trong hai phút tiếp theo. Ở phút thứ ba, Fred buộc tội chính anh. Tôi đã đến, mang theo chiến tranh, và chính vì vậy, quê hương của anh chị đã không còn là một xứ sở đẹp đẽ nữa. Tôi đã ra đi, để lại sau lưng đổ nát và bất hạnh. Ở phút thứ tư, anh nhân danh cựu chiến binh và nhân dân nước anh chân thành xin lỗi những nhà văn nhà thơ đến từ Việt Nam về những bất hạnh do anh gây ra ở phút thứ ba. Những người dự khán nghe thấy nỗi xúc động trong giọng nói đứt quãng của Fred, nhìn thấy nỗi xúc động trên khuôn mặt nhăn nhíu khổ sở của anh, và ở những giây cuối cùng của một trăm hai mươi giây còn lại, trong đôi

mắt anh lúc này đã nhòe nhoẹt mước mắt. Tôi cầu xin sự tha thứ của nhân dân Việt Nam. Tôi xin được cái hân hạnh ôm hôn anh chị, những người dân Việt Nam anh hùng. Anh chấm dứt bài phát biểu của mình như vậy. Fred rời bục gỗ trong tiếng vỗ tay râm ran và bước đến dãy bàn có những nhà văn nhà thơ đến từ Việt Nam. Anh ôm hôn nhà thơ lão thành và nhận ra một mùi kỳ dị từ người ông già phát ra. Fred nghĩ mình sẽ không muốn ôm hôn ông lão này một lần nào nữa. Thực là đáng tiếc cho anh. Anh sẽ không bao giờ biết được sự quyến rũ của thuốc lào. Nhà văn trung niên, trái với sự lo ngại của Fred, không có mùi gì đặc biệt. Nhưng người phụ nữ trẻ lại là một ngạc nhiên thích thú. Từ cơ thể nhỏ nhắn của cô toát ra mùi da thịt trộn lẫn với mùi nước hoa thực lạ. Da thịt hay nước hoa, mùi nào là thơ của cô, Fred tự hỏi.

Bài phát biểu của Fred, bằng một cách nào đó, đã trở thành một tiết mục thường xuyên trong những cuộc hội thảo sau đó của trung tâm khi có sự hiện diện của văn nghệ sĩ đến từ cái xứ sở đẹp đẽ nếu không có chiến tranh. Bây giờ thì Fred đã trở nên điêu luyện hơn trong việc trình diễn tiết mục của mình. Anh không còn xúc động nhiều như lần đầu tiên. Anh không chắc mình có xúc động, nhiều hoặc ít, hay không nữa! Nhưng Fred có thực sự xúc động hay không không phải là điều quan trọng. Điều quan trọng đến từ những người khách phương xa. Fred có thể đọc thấy nỗi xúc động và niềm tự hào trên khuôn mặt họ. Có thể điều này giúp họ cảm thấy bớt nhỏ bé, bớt lạc lõng. Có thể đó là một trong những điều ít ỏi mà họ sẽ còn nhớ đến rất lâu. Đó là món quà văn nghệ của Fred, bên cạnh những bài thơ khiêm tốn của anh.

"Fred Woodall, cựu chiến binh, thi sĩ." Bây giờ thì Fred cảm thấy yên tâm với lời tự giới thiệu của mình. Có thể anh là một nhà thơ với những tác phẩm khiêm tốn. Nhưng đâu phải chỉ có thơ! Còn có những điều khác nữa, những điều mà anh không cần phải nhún nhường về khả năng của mình. Chẳng hạn như phát biểu trước một cử tọa đông đảo về cái xứ sở xa tít tắp bất kể có chiến tranh hay không và vô cùng đẹp đẽ nếu không có chiến tranh. Về những bất hạnh mà anh đã mang đến cho xứ sở đó. Và những lời xin lỗi chân thành lẫn trong tiếng thổn thức của niềm ân hận vô biên. Và những giọt nước mắt ở những giây cuối cùng của một trăm hai mươi giây cuối cùng. Và sẽ không có nhà thơ lão thành với cái mùi kỳ dị ở dãy bàn mà anh sẽ hướng đến khi bài phát biểu chấm dứt.

PHÙNG NGUYỄN
tháng 10, 1999



TRẦN MỘNG TÚ

ngồi xuống trăm năm

Nếu sáng nay em đi
mảnh vườn đó
những gốc hồng sẽ bàn tay ai tưới
cây lê cuối vườn có nhớ ra hoa
phía bên phải có hồng lên một góc
khi nụ đào vỡ giữa tháng ba

Nếu sáng nay em đi
những con vịt ngoài hồ
có về rỉa lông trước cửa
ai sẽ đem vốc bánh ra mời
những con chim cánh đen gõ trên mái gỗ
tiếng buộc tiếng lơi như trong giấc mơ
ai sẽ đứng nghiêng đầu nghe chim
ngẩn ngơ ngắm vịt
rồi chạy đi tìm mảnh giấy
làm thơ

Nếu sáng nay em đi
căn nhà đó
những cửa sổ sẽ không bàn tay đóng
gió thổi vào
bay hết những bài thơ
trang bản thảo sẽ nằm trên lưng gió
chở đi đâu
rơi xuống chỗ tình cờ
những kệ sách nhìn nhau buồn ủ rũ
bụi sẽ hôn lên chữ
giữa đôi tờ

Nếu sáng nay em đi
căn bếp đó
những hạt gạo sẽ nấu hoài không chín
những củ hành khô rồi sẽ nẩy mầm
chai nước mắm sẽ không người rót
bát đĩa sai nơi
đũa chiếc mất chiếc còn

Nếu sáng nay em đi
trong tủ áo
những vạt lụa sẽ âm thầm rũ xuống
những chiếc giày nằm nhớ gót chân ai
khăn ngơ ngác đi tìm bờ vai cũ
chiếc áo len lau lệ
giữa hai tay

Nếu sáng nay em đi
căn buồng đó
giường chỉ còn một gối
(con gấu nhồi bông chắc đi với em)
phía bên phải giường
những quyển sách sẽ không bàn tay với
chút nước còn trong ly
sẽ khóc suốt đêm

Chắc là sáng nay em chưa đi được
thôi đã đến đây rồi
thì ngồi xuống
trăm năm

TRẦN MỘNG TÚ
Overlake Hospital 9/1999

Bài thơ trên được gửi đến HL kèm mảnh giấy nhỏ: *"Tôi vừa đi mổ về, chưa chết. Khi tỉnh dậy ở bệnh viện, giữa ngây ngất của thuốc mê, thơ vẫn lảng vảng."* HL rất mong nhà thơ Trần Mộng Tú chóng bình phục, để thực hiện được điều mong ước: *"ngồi xuống trăm năm"* cùng phu quân, và cả với độc giả của chị.



NGÔ NHỰT TÂN

Chuyện một người sắp chết



- Ông Thời, Bác sĩ muốn gặp ông ngay chiều nay.

- Có gì mà kinh thế! Mai được không?

- Tôi nghĩ ông không nên chậm trễ, tôi còn một chỗ trống chiều nay, lúc 4 giờ 45 phút.

- Ừ đến thì đến, khiếp... quan trọng hóa vấn đề.

...

Văn phòng bác sĩ nằm ngay trung tâm phố Tàu. Ông Thời đẩy cửa bước vào. Phòng mạch im lặng, ngột ngạt. Còn lèo tèo vài bệnh nhân trước giờ đóng cửa.

- Tưởng ông không đến, tôi sắp đóng cửa phòng mạch rồi đấy chứ, trễ gì mà cả hơn 20 phút.

- Tội quá bà bác sĩ ơi! Còn cả thế kỷ trước mặt. Vả lại, nếu đến đúng giờ tôi cũng có vào được trước những người này đâu.

Vợ Bác sĩ X giữ nhiều chức vụ, nào là thư ký quản thủ hồ sơ bệnh lý, trả lời điện thoại, dọn dẹp văn phòng, lấy hẹn, tiếp đón bệnh nhân, tằng hắng lớn hoặc ào đại vào phòng khám bệnh mà không cần gõ cửa, nếu ông chồng Bác sĩ đóng cửa khám cho nữ bệnh nhân hơi lâu; nguýt ông Thời một cái muốn đứt mạch máu mắt. Rồi như chợt nhớ ra mình đang sống trên xứ Bắc Mỹ, nơi mà lộn xộn thiên hạ kiện cho sạt nghiệp, bà Bác sĩ phúng phính cười híp đôi mắt đầy gân máu,

cầu tài với ông Thới cho qua chuyện. Bệnh nhân Thới điếng hồn khi thấy hàm răng giả của bà Bác sĩ thư ký, mà khe răng phảng phất màu xanh rêu. Vừa ngồi xuống cái ghế quá quen thuộc từ nhiều năm qua, chẳng mấy êm đít cho lắm, ông Thới vừa nghĩ thầm trong đầu "bộ răng này chắc trồng từ hồi còn bên Việt Nam."

...

Vừa đóng cửa phòng khám bệnh, chưa kịp chờ cho ông Thới đặt đít xuống ghế, Bác sĩ X đã vội vàng nói :

- Chết mẹ, ông bị bệnh ung thư máu rồi.

Bác sĩ X là người đầu tiên trong đám thầy thuốc tị nạn lấy được bằng hành nghề khám bệnh tại tỉnh bang, sau khi vắt giò chạy khỏi nước. Những năm đầu thầy X cũng khổ nhọc lắm. Nhưng có công mài sắt có ngày nên kim. Hai mươi năm nay, hầu hết dân tị nạn đều nhờ thầy chạy chữa, nhất là dân mà tiếng Anh nói như gió hiu hiu, thì còn sự chọn lựa nào khác. Khách thầy đông như tôm, hồ sơ bệnh lý để đầy ba bốn ngăn tủ đứng, chật ních. Trong cộng đồng người Việt, thượng vàng hạ cám, ai cũng biết Bác sĩ X. Ông hay tự hào mình là thầy thuốc giỏi. Đặc biệt, bác sĩ X học được lối nói thẳng của các ông đốc Bắc Mỹ; rồi hình như để chứng minh cho bệnh nhân kém kiến thức về y học là mình rất Mỹ, nên thầy X có nhiều lúc nói thẳng đến man rợ. Sau hai mươi năm hành nghề, phần đông bệnh nhân còn đến viếng thầy là những người nói sinh ngữ Việt lưu loát. Hay những bệnh nhân không thích phiền toái trong việc đổi thầy thuốc; hoặc các con bệnh lười, thỉnh thoảng muốn có tờ giấy do bác sĩ ký, trình cho hãng xưởng để nghỉ bệnh vài hôm. Dân biết nói tiếng Anh chút đỉnh, hay không muốn trong cộng đồng người Việt biết bệnh trạng của mình, qua hệ thống loa của bà Bác sĩ thư ký, thì phải làm một chuyến di dân nữa ... tìm bác sĩ khác, người da trắng, cho an toàn.

Ông Thới quen cái lối công bố bệnh tình rất bình dân của bác sĩ X. Ông biết bác sĩ X là chúa hù; ông hù đến nỗi các con bệnh chỉ bị viêm gan sơ sơ cũng phải bỏ luôn rượu. Cuộc đời mà bỏ rượu thì còn có gì để đáng sống! Đã vậy lại mất khối tiền cho bọn luật sư làm di chúc lung tung, vợ chồng lại ôm nhau khóc rú, và cuối cùng thì sống nhăn răng hoài không chết. Thiên bất dung gian, ông hù đến độ đứa con gái cưng duy nhất của ông, thay vì cho nó sợ nó học, con bé lấy xong mảnh bằng dược sĩ thì đi đâu, ngồi đâu cũng nói chuyện, cười một mình. Tuy có hơi chột dạ vì cái tin sét đánh, ông Thới làm bộ tỉnh, yêu cầu bác sĩ X gửi mình vào bệnh viện để xác định bệnh trạng.

Hai tuần sau...

- Ông Thới đó hả, bác sĩ cần gặp ông gấp.

- Bà muốn tôi tới lúc mấy giờ ?

- Ông có thể tới bất kỳ lúc nào. Sẽ ưu tiên cho ông, một người không may mắn.

Gác điện thoại, ông Thới lầu bầu "con mẹ lắm chuyện, có ngày ông đem theo máy thâu băng, thâu xong ông kiện cho bỏ mẹ." Rồi như chợt nhớ ra mình đã nghĩ trò kiện này từ gần hai mươi năm nay, ông vào thay đồ để đi đến phòng mạch.

Tin cũng không có gì sét đánh lắm. Ông cũng nghi mình đã bị ung thư máu từ nhiều tháng qua. Xác định của bệnh viện làm ông yên tâm hơn, thế thôi. Nửa năm nay ông hay bị chóng mặt, ông biết đó là triệu chứng thiếu hồng huyết cầu. Có nhiều lúc đang đi, tự nhiên ông thấy trời đất đen xì. Một buổi tối nọ, giữa đêm thức dậy đi tiểu, thấy hơi chóng mặt, ông vội ngồi xuống mấy bực thang lầu, đang lom khom thì bỗng trời đất tối sầm, ông Thới té đập mặt xuống đất, tét cả môi, sóng mũi sưng vù, máu ra lênh láng. Cách đây vài tháng, đang lái xe, tự nhiên ông thấy tối tăm mặt mũi, thế là cái xe thương yêu của ông tự do lao đại vào trụ đèn, bể nát. Tử thần xâm nhập cuộc đời ông bằng những dấu hiệu đầu tiên như thế. Ông thấy hình như mình đã chuẩn bị điều này từ lâu. Năm nay ông đã sáu mươi hai tuổi rồi còn gì nữa. Ông sống thế đã đủ, chỉ tội bà Hiền, người vợ thứ hai, ông lấy cách đây chỉ vài năm. Thả bộ từ văn phòng bác sĩ về nhà, ông Thới hoạch định những gì mình cần phải làm trong những ngày sắp tới.

Ngay hôm sau, ông Thới vào gặp ông hiệu trưởng trường trung học nơi ông đang dạy. Sau khi trình bày tự sự, ông Thới đệ đơn xin phép được về hưu non. Ông sẽ không được lãnh một trăm phần trăm tiền hưu trí, ngược lại, ông sẽ có nhiều thì giờ hơn với bà Hiền. Hai vợ chồng sẽ ngao du sơn thủy trong những ngày còn lại, như lúc vừa lấy nhau, hai người đã ao ước.

Còn một chuyện vô cùng quan trọng nữa mà ông Thới không thể quên được. Nghĩ đến đó, ông vội vàng đóng bộ, đón xe buýt đến nhà quàng Kelly Funeral Home, trên khu phố Tàu.

- Mời ông vào, chúng tôi có thể giúp gì được ông?

- Tôi muốn điều đình việc tang chế cho một người sắp chết.

- Xin chia buồn cùng ông. Mời ông ngồi, chúng tôi cần biết thêm một vài chi tiết. Ông có thể cho chúng tôi biết, ông lo việc tang chế cho ai.

- Cho tôi đây mà.

- Vâng ....

- Tổng cộng hết bao nhiêu, nguyên gói?

- Chúng tôi sẽ cho ông biết từng phần một nhé. Khi ông à.. à... sẽ có xe hồng thập tự đưa ông từ bệnh viện về đây. Chúng tôi phải trả cho bệnh viện dịch vụ này.

- Sao nhà quàng không dùng xe riêng có phải đỡ tốn cho tôi không?

- Thưa ông, theo luật thì .....

- Ừ thôi thế cũng được.

- Ông cần một áo quan, giá khoản 4 nghìn rưỡi, loại gỗ khá tốt.

- Thôi, bán cho tôi một thùng các tông cứng, chừng vài trăm thôi, đừng quá hai trăm. Chôn với đốt, cách nào đắt hơn?

- Chôn đắt hơn, vì ông cần phải mua đất. Và chúng tôi không có thùng các tông cứng thưa ông.

- Vậy thì đốt tôi đi. Mà này, nếu tôi đã chọn cách đốt, thì cần gì phải quan tài hả ông? Thế là tôi tiết kiệm được hai trăm mua thùng cát tông rồi.

- Không thưa ông, cho dù ông chọn cách đốt, vẫn cần phải có quan tài. Đây là luật của tỉnh bang.

- Thế khi đốt bay toi cái tiền mua quan tài của tôi rồi còn mẹ gì! Phí. Luật với lệ. Vô lý vừa thôi. Không còn cách khác à?

- Thưa ông không.

- Cái rẻ nhất bao nhiêu? Chọn cho tôi loại gỗ xấu nhất, vì trước sao cũng cháy ra tro. Tôi chẳng cần loại đánh vẹc ni đâu.

- Loại rẻ nhất là nghìn hai ông ạ, gỗ thô.

- Khiếp, đắc thế. Thôi kệ, tôi đâu còn sự chọn lựa nào khác phải không?

- Thưa ông không.

- Dịch vụ đốt tốn bao nhiêu?

- Bốn trăm.

- Nhiều thế. Có thể bớt không? Đốt thật lẹ, thân thể tôi có xá lợi gì đâu mà phải đốt cho lâu.

- Thưa ông chỉ có một giá.

- Còn gì nữa?

- Chúng tôi phải xẻ bụng ông ra, móc bỏ bộ lòng, tim thuốc vào giữ cho khỏi thối, trước khi đem chưng cho bạn bè thân nhân viếng. Trong những ngày này, tùy theo tôn giáo của ông, sẽ có cha hoặc thầy đến cầu nguyện Lệ phí dịch vụ này mỗi ngày một nghìn.

Ông Thới nghĩ thầm, sống mà còn phải ẩn mặt, huống hồ là chết.

Tốt đẹp gì mà phải chường ra cho người ta ngắm.

- Tôi chẳng có ai thăm viếng cả. Vợ tôi sẽ ở bên tôi trước khi tôi chết. Tôi chỉ cần vợ tôi cầu nguyện cho tôi. Sau đó có thể đem đốt ngay được. Đừng giữ xác tôi một giờ nào cả. Khỏi cần chưng bày. Đốt ngay, khỏi mất thời giờ thuốc men, móc bộ lòng. Vả lại, tôi có phải là gà đâu mà moi móc bộ lòng của tôi ra. Như thế bớt của tôi được bao nhiêu nhỉ?

- Chúng tôi chưa gặp trường hợp ngả giá này bao giờ cả, ông ạ. Xin ông chờ vài phút để tôi gọi hỏi ông giám đốc nhà quàng.

Ông Thới đi chung quanh các phòng, tự nhiên ông thấy sự ớn lạnh chạy dọc theo xương sống. Sự tĩnh mịch im lặng của môi trường, vài cái đèn vàng treo trên vách, không khí chết chóc lãng vảng. Tự nhiên ông nghĩ đến bà Hiền, một niềm thương mến vợ dâng lên tràn ngập. Trước ngày Sài Gòn thất thủ, vợ ông là bà Phượng, giáo sư dạy trường nữ trung học Gia Long. Bà Phượng sanh ra đã giàu trong trứng nước, chưa biết khổ cực là gì. Hai người có với nhau được bốn mặt con. Trước ba mươi tháng tư vài hôm, ông Thới dẫn vợ con, theo đám đàn anh tướng tá lên máy bay, vất bỏ vũ khí, đồng đội, chạy lấy sống. Nhờ có đi du học Mỹ quốc ngày trước, chẳng bao lâu ông tìm được ngay một chân dạy học, vợ chồng con cái, về vật chất, sống thoải mái cho đến vài năm gần đây. Bà Phượng quen thói trưởng giả, ăn xong chẳng đụng đến móng tay, ông Thới và mấy đứa con xúm nhau làm chuyện trong nhà. Đã vậy, bà lại còn kiểm soát và quản trị chặt chẽ giờ giấc đi về của ông, không để thất thoát lấy một xu lương của chồng. Ông Thới tánh phóng khoáng, hay rủ rê bạn bè nhậu nhẹt, thuốc hút nhả như khói tàu xe lửa. Ngoài giờ đi dạy, bà không cho ông đi đâu cả. Cứ thế mà vợ chồng lục đục cả ngày. Bạn bè, ai ông cũng mượn tiền. Có nhiều lúc bị bàn bè nói châm chọc mỉa mai, ông nhục đến muốn cắt mặt vất đi. Nhưng từ đó tình vợ chồng giữa ông với bà Phượng cũng nhạt nhòa, rạn nứt. Tánh ông Thới nghệ sĩ, hay làm thơ đặt nhạc. Những đêm trường cô đơn trong phòng ngủ với vợ, ông đặt những bài nhạc, bài nào cũng diễn tả sự trân quý của tự do, và khát khao hít thở sự tự do ấy. Cho đến một hôm ông gặp bà Hiền. Ông yêu bà Hiền chân thật vì tánh tình nhu hòa của bà. Bà Hiền có cùng chung với ông nhiều sở thích, ngồi ê a hát karaoke, cho dù hát dở, ngâm thơ, sống ngoài thiên nhiên, đọc sách. Bà kính trọng sở thích riêng của ông Thới, cho dù bà không thích, và thường giúp đỡ khuyến khích ông làm điều ông thích, chứ không bắt ông làm điều bà Hiền thích. Trước mặt bạn chồng, không bao giờ bà tỏ thái độ coi thường chồng như bà vợ hơn hai mươi năm của ông. Tìm thấy một tình yêu chân thật

vào lứa tuổi mà ai cũng bảo không còn có thể tìm được tình yêu nữa, ông Thới đề nghị thẳng thắn với bà Phượng việc hai vợ chồng ly dị...

Tiếng người đại diện văn phòng nhà quàng làm ông Thới giật mình:

- Thưa ông chúng tôi vẫn tính giá dịch vụ căn bản là bảy trăm rưỡi.

Ông Thới la toáng lên:

- Trời ơi làm gì lắm thế. Not fair, not fair. Ông làm ơn nói với ông giám đốc cho tôi trả năm trăm được không. Ông gọi ngay đi.

Sở dĩ ông Thới phải trả từng đồng từng cắc như thế, chỉ bởi vì ông thương bà Hiền. Ông muốn để lại cho bà càng nhiều tiền càng tốt. Vắng ông, bà Hiền cần tiền để đi chơi với bạn bè cho khuây khỏa nỗi cô đơn. Ông cần phải tạo mọi dễ dàng để bà Hiền có cơ hội tiến thêm một bước nữa. Cho dù ông biết rằng ông đã là bước thứ ba trong đời bà.

- Thưa ông không được, đó là giá dịch vụ căn bản ông ạ.

- Thôi cũng đành chịu. Các ông còn tính tiền gì nữa không?

- Thưa, ông cần một hộp đựng tro sau khi đốt. Loại thường là trăm rưỡi, hộp cỡ trung, đường kính ba phân tây.

- Khỏi, cái này dễ thôi, ông có thể cho tôi mượn xem một hộp để làm mẫu. Tôi sẽ về nhà tự làm lấy, sẽ đem trả lại ngay cho ông tuần tới.

Cuộc điều đình thế là tạm ổn. Ông Thới mang một tâm trạng nhẹ nhõm trên đường về. Lẩm nhẩm, cũng chẳng bỏ công, ông thấy mình đã "save" được hơn bảy nghìn. Biết tánh hay cúng kiến của người vợ mới, vừa về đến nhà, ông vội gọi điện thoại đến chùa để dàn xếp lễ đưa tang, cũng như việc làm tuần cho ông đến tuần chung thất. Sau hơn một tiếng đồng hồ thương lượng giá cả, ông cũng đã mang giá cúng kiến từ năm trăm xuống còn một trăm tám. Theo sự đồng ý giữa ông và ban trị sự chùa, từ tuần thứ nhất đến tuần thứ bảy, mỗi lần cúng lúc nào cũng có ba món ăn chính, một đĩa chè, và một đĩa xôi. Cúng kiến chỉ cần cư sĩ, chẳng cần chi thầy, tốn hơn, kinh nào cũng là kinh, ai tụng chẳng được. Đĩa trái cây ông khỏi phải bỏ tiền mua, vì lúc nào cũng có người mang trái cây cúng Phật, ông được quyền hưởng ké. Trăm ngày của ông không cần cúng gì cả, vì ông đã thuyết phục một cách thành công để khỏi phải trả thêm, với biện chứng chắc nịch là sau bốn mươi chín ngày thì ông đã đi đầu thai.

Chưa bao giờ ông Thới thấy khoan khoái như thế. Còn một việc nữa, ông sẽ làm ngay tối nay, cho xong. Sau bữa cơm tối, đợi bà Hiền

đi ngủ, ông lấy cái máy thâu băng ra, mang xuống phòng khách cho im lặng, tằng hắng, ông nói một cách nghiêm trang:

"Các bạn hữu, ông bà anh chị em thân mến. Thường, cứ một thằng chết đi thì một thằng khác lợi dụng ngay tình thế đang rối ren, chớp ngay micro, đứng dậy, đòi đại diện phía người chết, để vung vít nói đôi lời. Trò cũ rích ấy phải được chấm dứt. Vả, tôi nghĩ, người nói lời chia tay ấy phải chính là tôi, nên tôi xin mạn phép vài lời, để bạn bè, thân hữu tránh được cảnh phải mích lòng nhau sau này, vì tranh nhau cái ống nói. Kính thưa quý vị, hữu sanh hữu tử hữu luân hồi, vô sanh vô tử vô khứ lai..... Bạn bè thân hữu gần gũi giúp đỡ vợ tôi, chừng ấy cũng đủ để tôi mỉm cười nơi chín suối. Vĩnh biệt các bạn nhé."

NGÔ NHỰT TÂN



ĐỖ QUYÊN

Đống chư

(*trích trường ca*)

(tới VHABP)

Thân 1:
Con Chữ và Cái Chết

Giữa Chữ và Chết
Thử tìm kiếm những gì...

Sống với văn chương
đã vào những cái Chết của mình
- cái Chết thiên nga
cái chết chậm dần đều

Từng con chữ treo đời ta lên cho ta tử hình ta -
tử hình những cái cũ mèn
hôm qua là mới
tử hình những cái lạ xa với những cái lạ xa
Cái đẹp của thi văn xây trên vạn ngàn xác chữ nghĩa
- Nhất tự công thành vạn tự khô –

Khi người viết tự sát thân xác
là hắn tự sát lại – lần hai.
Những cái thứ hai đã là không còn hay
Bởi logic vậy.

Khi có một người thơ tự hóa thân sống mình thành xác chết
dù là bút táng
là hắn tự cân đo rằng tấm thân vài tấc của mình
nặng dài hơn chữ nghĩa rất nhiều,
rằng cái danh của mình rộng hơn văn đàn rất nhiều!

Các nhà thơ, nhà văn tự sát có gì hay đâu
(Cái thằng điên rồi thì khùng làm chi nữa?)
Các nhà không văn không thơ tự sát mới là được!

Người tình phụ
Vợ ngủ, con đi chơi
Bạn bè dáo dác
Chữ nghĩa dập dình
Là lúc làm thơ trúng nhất
Đứa nào chết, đứa nào còn chưa chết...
(Tài đấm đá gì đâu mà tranh *job* với mấy ông cảnh sát?)
Chữ còn – Thơ còn
Còn tình
Là còn bạn còn ta
Còn vợ còn con còn cửa còn nhà
Dẫu có còn tha phương,
có còn ghim lòng một ngày về quê về nước
lạy mồ mẹ mả cha vái hồn cúng vía ông bà
tìm thăm khuôn trời cũ
hố rác nào xưa chứa bài thơ tình Số 1...

Kia rồi,
Tận Bút của anh –
Tôi biết
Bạn bè biết
bởi Chữ biết –
Biết hết
Tôi qua mặt ngót trăm Tận bút
của những người cầm bút
(Hemingway, Nhất Linh và Nguyễn Tất Nhiên,
vân vân và đầy dãy,
trong ấy có anh và Hà là những bạn của tôi)
Nào có hiện ra đâu những phần Chữ cuối cùng
như mấy ông kia và các anh

những tưởng...

Tôi
xốn xang cùng các tử văn thân thuộc
kính cẩn bên những tử văn lạ xa
mộ văn của các người làm Chữ nghĩa thăng hoa
Thơ ghi nhận -
Nhà văn làm sao chết đẹp, có bao giờ ? – Tôi hiểu
Bởi, cái chết của nhà văn là cái chết sai
Những cái-chết-nước-hai
nhạt thếch
vô hồn.

Xong bộ trường ca này
tôi chết thêm một đoạn dài
Chết mà Sống vô cùng
như anh từng –
có còn nhớ không những ngày nao chúng mình duyên bút hẹn?

Thi sĩ thứ thiệt, thật ra, không có thầy –
- Thầy trong văn trong chữ
(Marquez nhận Hemingway và Faulkner cho giấy vui thôi
– Tôi ngờ vậy)
Thi sĩ càng thứ thiệt càng không có thầy
trong Chết
của thân xác
Hắn có thể sửa bản thảo
đến trọn đời, cạn cùng bồ ngữ nghĩa
Thi ca hào phóng và là hệ thống có bậc tự do tột cao
Nhưng hắn ta không thể sửa bản nháp của Tạo hóa
– xác thân mình
(Tạo hoá là nghệ sĩ đầu tiên và cuối cùng tôi kính trọng)
Thi nhân kiêu hài
đời văn chương và đời mình
lẫn lộn
Thi ca là muôn thuở – ở ngoài Đấng bề trên
trong khi một đời trần – dầu áo mũ chiếu chăn văn nghệ -
mãi chỉ là một bản nháp mà Chúa Trời không khi nào hoàn tất.

Anh chọn Trần Hồng Hà

Essenin được chọn bởi Maia
Hemingway chọn ai? Tôi chưa biết –
Ta muốn trục xuất hết các người khỏi Vương quốc Thi ca
Các anh, những nhà thơ tự sát!

Như bà tôi hay ngồi lần lần bao tượng,
mẹ tôi hay trở dậy giở túi đếm tiền,
vợ tôi hay chạy đi *check* sổ nhà băng...
- "Chữ ơi, chúng mày có *OK* không?"
Thi thoảng lo lo
Tôi hay nhìn lại
Nguồn Chữ nghĩa của riêng mình số lượng đến đâu
và chất lượng ra sao
Sợ nhất là bị các tính từ xấu
(độc quyền, tha hóa, xuống cấp, mị dân, tham nhũng, bê tha,
chuôm chỉa, hối lộ, lạm phát, tham ô và sến)
đòi làm cha, làm mẹ!

"*Không có đâu em nào*
Không có cái chết đầu tiên
Và có đâu bao giờ
Không có cái chết sau cùng"

Chữ là vậy...

Sao anh và các tử văn ưa sinh Tận bút?
Tôi biết rồi
Chữ biết rồi
Các bạn ta đang biết

Nhân danh nào
Các người toan tính khai tử bút mực văn chương
khi nguồn chữ suối nghĩa ở nơi các người bị một lô xích xông
các tính từ xấu kia làm nhục

Người không văn không thơ có quyền phá trinh Chữ nghĩa bằng
Tận bút của mình
Với Chữ – họ có cái Chết-nước-đầu
và chết được trong nghĩa trang văn uyển

Anh và các tử văn, sao xí xọn quá chừng
Mỗi trang văn, câu thơ đã khai tử chúng mình
cả ba vạn tám ngàn lần
Bộ chưa đã sao nay cũng đua đòi phong-trào-tận-bút!

Nếu chính-phủ-văn-thơ mà xin biểu quyết
phe đối lập có vợ chồng con cái tôi liền
Dẹp! Dẹp hết!
Đả đảo trào lưu các nhà văn đòi-cái-chết-lần-hai!
Thời cuộc, thời trang...
Cơm gạo áo tiền...
Chiến tranh, thời tiết..
Tất cả
xin hãy theo gương vợ con ta đi ngủ hoặc đi chơi cho hết
Để ta còn Thơ
như mái chèo đòi sông nước,
như lá đòi thu
ngoài cửa sổ hôm nay.

Anh,
cho tôi quá giang đến nửa họng súng thử coi
không lại trách tôi biết gì trần ai mà la lối?
(Thòng lọng Trần Hồng Hà,
Essenin từ chối rồi bởi cổ tôi ghé nhờ không nổi)
Anh,
sẽ la lớn:
- "Hành trang về cõi vĩnh hằng sao vậy đời thường?
Bỏ, bỏ lại hết!
Cồng kềnh quá, những là bồ chữ nghĩa!
Họng súng hẹp
Chỉ thân xác tôi
cũng ngạt.."

Các anh
bỏ chữ chạy lấy người
đồng ca bài *Ca tụng thân xác* xưa

Các anh
đồ lấy thịt đè chữ nghĩa
nặn đẻ những đứa con Tận bút mồ côi cả cha lẫn mẹ!

Khỏi ta
Ta muốn khai tử các anh
- Những nhà thơ tự vẫn bằng lối cách cũ mèm.
Hỡi các nhà thơ,
ai Chết thật bằng cái thật mới thử coi
sẽ đoạt ngay giải Nobel về Chết?

Mẹ sinh ta
cùng cho ta Tiếng nói
Thầy tái sinh ta
khi cầm tay ta từng Chữ đi theo
"O *tròn như quả trứng gà*
ô *thời đội mũ* ơ *thời thêm râu*"
Khởi một điểm hành trình -
Chữ của ta ngày đó chưa mang Nghĩa của đời
Em tái sinh ta
khi trao lời *Yêu*
cho ta tự tái sinh mình trong Bài thơ tình Số 1
Khởi một điểm hành trình -
Chữ của ta mang Nghĩa của đời
từ đó.

Các anh – Những thi nhân tự vẫn
vô thần hay đạo tín,
trước khi xác thịt trần đổ xuống,
sau tiếng gọi mẹ về lần cuối,
có gọi tên người thầy đầu tiên,
có gọi tên người tình đầu?
Có gọi lên bằng tiếng mẹ đẻ: CHỮ ƠI!

Mississauga, 14-28/08/1999
ĐỖ QUYÊN

---

(1) Trịnh Công Sơn



CỔ NGƯ

Luẩn quẩn métro-boulot-dodo.



Như thường lệ, đến cửa hầm métro, phản xạ tự nhiên của tôi là lục túi, moi chiếc vé tháng để nhét vào khe máy đọc. Vào sở, chuyện đầu tiên phải làm là chìa cái thẻ «tín bài» hiện đại qua máy laser để nó kiểm soát và bật đèn xanh, mở cửa cho vào. Rồi cuối ngày, mệt lử lết về nhà, khi thang máy bắt đầu di chuyển, cũng là lúc tôi mở cặp tìm chìa khóa căn phòng yêu quý của tôi (home sweet home, oh darling, I love you!). Đã thành thói quen. Nhiều khi gần như cái máy. Nhưng, chắc tôi là một thứ robot dỏm nên đôi khi không thực hiện đúng chức năng, về đến nhà mà lại rút badge hay vào hầm métro loay hoay móc trong cặp ra chùm chìa khóa leng keng rồi đứng ngẩn tò te ra trước mấy cặp mắt tò mò ngạc nhiên, xen lẫn thương hại của thiên hạ chung quanh. Cũng may mà mấy cái máy kiểm soát với cái ổ khóa căn phòng của tôi không có... miệng, nên đành phải đâm ra dễ tính. Chúng biết thân biết phận, quen dần với cái thói đãng trí của tôi và kiên nhẫn chờ thêm đôi ba phút để nhận cái mà chúng muốn. Nhưng mà với Mai và Đào thì đâu có đơn giản như vậy được! Ơn trời mà tôi vô thần, chứ không thôi thì đã mắc tội yêu một lúc đến hai người đẹp. Nào phải tôi tham lam bắt cá hai tay, chỉ tại trái tim mẫn cảm của tôi, nó nhạy quá, nên nhìn thấy bóng mắt xanh môi hồng nào là cũng nhảy cà tưng, mít-tinh, biểu tình, hô khẩu hiệu loạn cả lên. Ông trời sinh chứ bộ, nào phải lỗi tại tôi! (tầm bậy tầm bạ, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng...)

Mai thường gọi tôi là con mèo... bự của nàng. Mỗi lần yêu nhau, Mai bắt tôi phải liếm láp khắp người nàng. Dĩ nhiên là trước đó, bao giờ nàng cũng tắm rửa sạch sẽ và tẩm nước hoa Opium khắp nơi. Vì thế, vị giác và khứu giác của tôi được dịp làm việc cùng một lúc, đúng là «một người làm việc bằng hai»! Sau gần nửa tiếng đồng hồ lao động vinh quang bằng những đường lưỡi lả lướt, Mai mới cho phép tôi rẽ lối cỏ mượt mà tìm vào động tiên. Tất nhiên là lúc ấy, lối cỏ cũng đã ướt mèm, còn Mai của tôi thì ư ử trong cổ họng như một chú mèo con vòi chủ.

Đào mê tôi vì ngón đàn. Nàng có thể ngồi hàng giờ nghe tôi chơi mấy bài cổ điển hay vừa đệm đàn, vừa hát lăng nhăng mấy bản tình ca. Và mấy ngón tay tài hoa cùng với Đào và tôi vào giường. Trên chiếc đàn... Đào, tôi phải trổ hết tài nghệ massage tây, tàu, nga, thái (không hiểu cái món này, dân mình có chân truyền không nhỉ, hình như tẩm quất cũng made in China thì phải?), xoa bóp sờ nắn đấm đạp khắp nơi, cuối cùng là trémolo thật đều tay, đệm cho tiếng thở gấp gáp của nàng. Đến khi những ngón tay nghệ sĩ bắt đầu muốn vọp bẻ, khi bàn tay Đào lần tìm bóp nhẹ vào tay tôi một cái, là tôi biết đã đến lúc bước qua gia đoạn sau, quyết liệt hơn nhiều.

Mai và Đào. Đầu lưỡi và những ngón tay. Thường thì tôi tra đúng chià khóa vào ổ, nhưng cũng có khi...

Tuần rồi, sau khi đã ngà ngà rượu đỏ rượu hồng rượu trắng trong tiệc tiễn chân một thằng bạn đồng nghiệp, tôi tìm đến Mai. Đáng lẽ con mèo bự-tôi phải làm tròn bổn phận công dân thì không hiểu sao, có lẽ tại con ma men cà chớn xúi dục máu nghệ sĩ nên mấy ngón tay của tôi động cỡn, táy máy lung tung. Mai đang phiêu diêu, bỗng nhảy nhổm lên như gái ngồi phải cọc. Nàng hét tướng:

- Nhột, anh, nhột, ngừng lại, ái ái...

Đang được hơi rượu giúp đỡ khởi nghiã dựng cờ gióng trống hết cỡ, tôi dừng ngay lại, xìu liền. Ấp a ấp úng:

- Ơ... anh...

Mai nhìn tôi, nghi ngờ:

- Anh, anh làm sao? Anh giở cái trò khỉ gì vậy hả?

Rồi ngừng một giây - một giây dài bằng hai mươi thế kỷ - Mai gằn giọng:

- Hay là...

Tôi tỉnh hẳn người, vừa cười tình kiểu Casanova, vừa chối bay chối biến:

- Hê hê, tại tối hôm qua anh coi phim «chăn nuôi» với mấy đứa bạn, thấy cái trò đó hay hay nên muốn thử...

- Xía! Đồ con heo! Mà... có muốn thử, cũng phải báo trước cho người ta chuẩn bị tinh thần chứ! Mấy ngón tay của anh nhám quá chừng, nhột thấy mồ.

Hú hồn! Đàn bà sao mà nhẹ dạ dễ tin! Mà cái lưỡi không xương của tôi cũng xịn nữa chứ! Đã trót thì trét, thêm một màn thề thốt, cũng không mất mặt anh hùng thêm mấy tí.

- Thôi, lần sau anh hổng dám vậy nữa đâu, chịu chưa?

Mai liếc một cái sắc hơn dao thiến heo rồi túm tóc tôi, dúi đầu xuống:

_ Bắt đền em đi...

Với Đào, tôi chưa đến nỗi khốn đốn như thế. Nhưng một hôm, đang vừa tắm vừa huýt sáo bài «Dòng sông xanh», tôi nghe tiếng Đào từ phòng bên hỏi vọng sang:

- Anh ơi, SN với NN là gì vậy anh?

SN với NN? Chết cha rồi! Thiên địa quỷ thần ơi, Đào lục được cuốn sổ điện thoại của tôi rồi! Quấn vội chiếc khăn bông, tôi vọt ra ngay, chạy đến bên nàng, miệng lắp bắp:

- À, à, em xem lén giấy tờ của anh phải không?

- Lén đâu mà lén, anh để sổ điện thoại chình ình... trong túi áo veste đó, Đào lấy coi chút xíu, không được sao?

- Được, được chứ, anh nói vậy thôi chứ...

- Mà, nói cho Đào nghe đi, SN với NN là gì vậy anh?

- Đố em biết đó!

- Cái anh này, đã không đoán ra thì Đào mới hỏi...

- Thua rồi phải không? Thôi thì, Đào hỏi thì Mận xin thưa, SN là số điện thoại sở của nó, NN là số điện thoại nhà của nó, dễ ẹt vậy mà đoán cũng không ra!

Đào phì cười.

- Anh ghi vậy thì có thánh mới đoán ra!

Nhưng nhíu mày ngay:

- Mà sao sổ của anh có nhiều tên với số điện thoại của đàn bà con gái quá vậy?

Tôi vội vàng lấp liếm:

- Đâu có nhiều, em xem kỹ lại coi, toàn là tên đực rựa không hà, Hùng, Thông, Jean-Luc, Laurent..., còn đây là dì Ngọc Bích, em của mẹ anh, bác Kim Khuê chị của bố, Marie-Claire, con nhỏ đồng nghiệp ốm lỏng khỏng như con cò ma, kỳ đó mình gặp lúc đứng xếp hàng mua vé xem xi-nê ở khu Opéra đó, em còn nhớ không?

Tội nghiệp Marie-Claireá! Trong lúc quýnh quáng, tôi lôi luôn cô đồng nghiệp gầy còm ra làm tấm mộc che khuất em Mai tròn trĩnh

của tôi. Cũng may mà Đào đã có vẻ xuôi tai. Thừa thắng xông lên, tôi tổng tấn công ngay trước khi quân địch kịp chuẩn bị (bài học này, tôi được ông cố tổ Lý Thường Kiệt truyền dạy cho):

- Mà em nữa, ghen ẩu ghen tả không hà! Em không biết là anh mê em như điếu đổ, là anh dành hết thì giờ sức lực cho một mình em thôi sao? Anh mà giận là khỏi có đàn, khỏi có móc gì hết đó!

- Cái anh này, lúc nào cũng nghĩ tới chuyện đó không hà! Tại Đào thương anh, Đào mới ghen chớ bộ! Đào đâu có thèm ghen với... ông đổ rác ở ngoài đường hồi nào đâu nè!

Vậy đó! Nếu ai đã từng xem vở kịch Don Juan của Molière thì hẳn cũng thấy tình cảnh tôi lúc này chẳng khác khi anh chàng hào hoa bị hai cô nàng Charlotte và Mathurine lôi kéo cùng một lượt... Tham thì thâm?

Hôm qua cuối tuần, tôi ghé về thăm bố mẹ. Vừa vào nhà, đã nghe tiếng mẹ tôi mắng thằng út:

- Mày mới tí tuổi đầu, học không lo học, bày đặt đòi yêu với đương!

Thằng em tôi, mười bảy tuổi, nhờ bơ sữa thực dân đế quốc, cao như cây cột nhà, lưng bè cánh phản, lừng lững đi vào nhà tắm, đóng cửa đánh xầm một cái. Tôi biết nó đang bực mình lắm. Y như tôi ngày xưa.

- Mẹ ơi, thằng cu tý nó lớn tướng rồi còn gì!

- Nó mà lớn với ai...

- Chứ lúc bố mười chín lấy mẹ mười tám đó, có ai nói gì đâu, rồi một năm sau đã lòi ra anh Nguyên...

Bị độc chưởng đúng yếu huyệt, mẹ tôi chống chế yếu ớt:

- Tại ông bà ngoại ép lấy, chứ mẹ chưa có muốn...

Tôi biết mẹ đang chối quanh. Lấy nhau hơn bốn mươi năm trời, có gần mười mặt con, bố mẹ tôi lúc nào cũng riú ra riú rít bên nhau như vợ chồng mới cưới. Ông bà nội, ông bà ngoại sao mà khéo ép thế không biết!

Không để tôi ngủ quên trên chiến thắng, mẹ tôi quay lại phản pháo ngay (người cũng vốn dòng Trưng Triệu, và khốn nỗi, cũng cùng một cụ tổ Lý Thường Kiệt như tôi!):

- Còn mày nữa, liệu hồn đó, bồ bịch lăng nhăng cho lắm vào! Già rồi, có cưới con nào thì cưới quách đi cho xong. Bác Khuê mới mách tao...

- Bác Khuê nói gì hở mẹ?

- Bác nói mới thấy mày ôm eo ếch một con tóc dài dong dỏng cao đi ngoài phố, vài hôm sau đã gặp mày đứng hôn một con khác tóc

ngắn người tròn tròn dưới métro.

Đúng là người gian mắc nạn! Mẹ tôi có tai mắt khắp nơi, hoạt động hữu hiệu chẳng khác nào hệ thống công an mật vụ những xứ độc tài.

- Chắc bác Khuê nhìn nhầm người đó mẹ ơi, con...

- Ai chứ bác Khuê thì nhìn nhầm làm sao được, cách xa cả cây số mà bác ấy còn phân biệt được quả cam với quả quít nữa kia mà...

Nếu vậy thì tôi cùng đường rồi! Em Mai với em Đào chắc chắn là khác nhau xa so với quả cam và quả quít, còn thằng cháu yêu quái có nụ cười nhăn nhở thì làm sao mà bác Khuê nhìn nhầm cho được! Tuy vậy, tôi cũng cố ấm ớ. Yếu xìu:

- Người giống người là chuyện thường mà mẹ...

Ngày xưa, ai đó về nhà dối mẹ qua cầu áo bay, còn tôi bây giờ cứ phải làm cái giống con-lừa-mẹ dài dài. Khổ thật!

*

Không nói ngoa, từ mấy năm nay, tôi chạy métro cũng «nghề» không kém dân Paris chính hiệu con nai vàng. Đang nhàn tản thả hồn theo mây gió trên hè phố kinh đô ánh sáng y hệt một người... Việt Nam (trước sau gì, tôi vẫn tự hào vỗ ngực nhận mình là tây gốc mít má!), hễ xuống đến hầm métro là tôi đâm đầu vừa đi vừa chạy, rồi vừa chạy vừa đi, như có ma đuổi sau lưng. Quái lạ! Mới đầu cứ thắc mắc mãi, sau, tôi mới vỡ lẽ là mình bị cái dòng cuồng lưu-người đẩy đi, không có cách chi kháng cự lại được. Cũng như lái xe trên xa lộ mà cứ tà tà năm mươi, sáu mươi cây số / giờ, chắc chắn sẽ nghe đầy lỗ tai những tiếng còi chửi inh ỏi của thiên hạ. Thôi thì thở dài đánh sượt một cái, đành nhập giang tùy khúc vậy!

Hệ thống xe điện ngầm của Paris từ lâu vẫn chủ trương «hành khách là vua». Kể ra thì làm vua... métro cũng dễ: chỉ cần bỏ ra gần ba trăm quan là có thể làm vua cả tháng, hoặc, bảy quan rưỡi để làm vua trên một chuyến đi. Có điều, vua métro không thể so sánh với các ông hoàng bà chúa thời xưa được. Ai đời vua gì mà lúc nào cũng ba chân bốn cẳng thục mạng chạy đuổi theo «long xa», rồi sau đó chịu trận đứng xếp lớp như cá mòi, mũi thưởng thức đủ loại nước hoa buổi sáng và bao nhiêu mùi mồ hôi nách buổi chiều, giờ tan sở. Rồi, những ngày «thần dân» đình công, các «ngài Ngự " đành phải mang giày thể thao xuôi ngược khắp nơi, nhộn nhạo như chiến tranh sắp sửa tràn vào thành phố.

Nhưng mà, đừng có phụ rẫy métro. Ở cái nơi đường hẹp người

đông, nhiều cứt chó và ít chỗ đậu xe như Paris, tôi không thể tưởng tượng được, nếu thiếu bóng dáng những đoàn métro ngoằn ngoèo, cuộc sống sẽ ra sao, riêng tôi, sẽ phải bắt chước ai đó rên rỉ: đời vắng métro rồi, anh chết queo! *Métro đâu phải chỉ đưa tôi đến sở làm buổi sáng và đón về nhà buổi chiều, métro còn cùng tôi mời Đào đi xi-nê, cùng tôi rủ Mai đi xem đại nhạc hội của mấy ca sĩ bên Mỹ bay sang đây tổ chức. Métro và đám bạn bè tây ta rệp của tôi đàn đúm trong những cuộc vui chơi lành mạnh, hết hộp đêm đến quán bia, ngả ngớn huýt sáo chọc gái hay rầu rĩ cho chó ăn chè (nói theo thói quen chứ chó tây thì đừng hòng, thịt bò bí-tết còn chê nữa là...). Métro trác táng khi đêm về và văn hóa giữa ban ngày ban mặt.* Có thời, métro đã thấy tôi sinh viên T-shirt nhăn nheo quần jeans vá víu tay trái cầm quả táo tay phải cắp một chồng sách thất thểu bò vào giảng đường hay hí hoáy ngồi ghi ghi chép chép trong thư viện, mắt nhìn thầy nhìn bảng nhìn sách thì ít mà liếc ngang liếc dọc để tìm... đầm đẹp thì nhiều. Bây giờ, tôi bảnh chọe bước vào métro với một bộ vó chỉnh tề hơn để đến thăm các viện bảo tàng, dự các cuộc triển lãm nghệ thuật, liên hoan âm nhạc, phim ảnh... Biết đâu vài mươi năm nữa, métro sẽ có dịp nhìn tôi bệ vệ vác cây kiếm mạ vàng bước vào Hàn lâm viện? Nhưng, có một điểm đặc biệt của nền văn hóa métro parisien, là sự xuất hiện của những người hát rong. Hôm nào rảnh, đi một vòng métro, tôi đã có cái cảm giác được du lịch khắp thế giới. Đó đây, tiếng guitare tây âu, tiếng accordéon đông âu đua chen với nhịp trống đen man dại hay điệu khèn da diết của dân da đỏ Nam Mỹ (chưa thấy đàn bầu, sáo trúc của dân mình tham gia hòa tấu, kể cũng lạ!). Đứng trên bến đợi xe, lỗ tai tôi đang đầy ắp những âm thanh du dương của một tứ tấu đàn dây - «Tổ khúc bốn mùa» của Vivaldi thì phải - , xe đến, bước vào, đã là giọng a capella (*) của một cô lỏi du mục gitane gốc Lỗ-ma-ni xoáy buốt tận óc. Anh chàng cao-bồi lang thang với chiếc banjo trên tay vừa xuống thì hai cô gái Nga hồng hào tròn trĩnh mới lên đã vội khua vang những dây đàn balalaïka hát về một chiều Mạc-tư-khoa, một rừng bạch dương xa xôi tít mù nào đó. Dĩ nhiên là giữa cái đám bát nháo đó, có người hát kẻ hét, người đáng được thưởng tiền, kẻ đáng bị đập đàn vặn họng, nhưng cái hình ảnh mà tôi nhớ hoài là một ông tây già thường ngồi trong hành lang của trạm Concorde. Với chiếc khẩu cầm, ông thổi đi thổi lại «Dưới bầu trời Paris», một bài hát thịnh hành những năm hậu chiến. Có thể hơi thở đã mòn, vài chiếc răng cửa đã rụng, nên nhiều khi tiếng kèn của ông nghe khàn đục. Một con bồ câu trắng bẩn lúc nào cũng đậu trên vai ông, giương đôi mắt tròn xoe ngiêng ngó nhìn người qua lại, thỉnh thoảng lại dụi đầu cạ mỏ vào

khoảng da xếp nếp nhăn nheo nơi cổ ông lão, ra vẻ thương mến lắm. Ít lâu nay, không gặp lại người hát rong già nua ấy nữa. Tôi không biết có phải ông ta đã tìm được một góc nào đó thuận tiện hơn để kiếm sống, hay đã rời Paris, xuôi nam, tìm về miền nắng ấm, hoặc biết đâu, đang réo rắt đàn harpe đàn lyre hát trường ca Iliade cho các vị thần thưởng ngoạn giữa đỉnh trời Olympe? Và chú bồ câu, lông cánh trắng trẻo sạch sẽ, mỏ ngậm một cành ô-liu xanh tươi vẫn đậu ở nơi quen thuộc, trên vai ông... Dưới đất sâu, métro vẫn thường xuyên tặng tôi những giấc mơ bay bổng như vậy đó. Nhưng đừng quên, métro cũng dấu trong lòng nó biết bao vết thương lở lói của thủ đô hoa lệ. Những năm gần đây, cùng với sự suy thoái kinh tế, métro đầy dẫy ăn xin, những người thất nghiệp phải bán báo dạo để có bảo hiểm xã hội, khản cổ gào đua với tiếng bánh xe rít trên đường ray, những kẻ không nhà lấy hành lang métro làm nơi trú ẩn qua mùa buốt giá, thỉnh thoảng lại lăn ra chết, chết lạnh, chết già, chết bệnh, chết vì đói, vì thiếu rượu hay vì thiếu tình thương... Mà thôi, chuyện của métro parisien hơn một trăm năm, dài dòng văn tự lắm, kể đến... mai chắc cũng chưa hết, chỉ biết là, mới đây, để quảng cáo, người ta đã cắt cái thành ngữ muôn thuở métro-boulot-dodo ra làm hai khúc, rồi tọng vào đó thêm mấy chữ. Khâu vá lại, cái thành ngữ mới của dân Paris trở nên dài thoòng: métro-boulot-expo-resto-disco-dodo (**). Nghe thì mệt, nhưng ngẫm lại, thấy cũng có lý! (Tôi đề nghị, thêm: dzô dzô!).

*

Nếu ở Sài gòn đã từng có một «nền văn hóa máy nước» thì bây giờ, ở đây, tôi xin nặn ra một «nền văn hóa máy cà-phê» để tôn vinh các đồng nghiệp tây đầm của tôi. Tối hôm trước, nếu bạn bận bịu (làm ăn, làm tiền, làm tình, làm tội...), không có năm bảy phút dỏng tai dán mắt vào truyền hình - cửa sổ của thông tin thế giới - , hôm sau vào sở, khoảng chín giờ mười lăm, cầm trên tay ly cà-phê nóng hổi, bạn đã được biết tường tận chi tiết trận động đất bên Nhật Bản, cuộc thảm sát tại Nam Tư, vụ đặt bom ở trạm métro Maison Blanche trong quận mười ba, vi trùng Ebola đã bị chặn đứng trên đất Phi châu hay người ngoài trái đất bị bác sĩ Mỹ mổ xác năm 1947... Đồng nghiệp bỗng dưng biến thành các chính trị gia, triết gia, thầy bói, bình luận viên thể thao, quan sát viên thời cuộc hay phê bình viên một bộ phim mới, một bản nhạc mới, một cuốn sách mới. Tranh nhau nói và bảo vệ quan điểm của mình đến cùng. Những đảng phái tả hữu, các khuôn mặt chính trị, minh tinh màn bạc, từ người đến chó được nhắc nhở, thêm thắt vào với

những nét biếm họa cay như ớt. Nhưng đâu đó cũng có những riêng tư. Như sáng nay, Marie-Claire khoe với mọi người:

- Tao bỏ hút thuốc được năm ngày nay rồi!

Chưa ai kịp lên tiếng khen, nàng đã bồi thêm ngay :

- Nhưng mà hình như tao uống rượu nhiều thêm chút xíu.

Bernard xổ liền:

- Đúng là «cởi đồ thánh Pierre để mặc cho thánh Paul»!

Tôi cũng chẳng kém:

- Ở xứ tao cũng có một câu thành ngữ tương tự: «tránh vỏ dưa, gặp vỏ dừa». Vỏ dưa và vỏ dừa đều trơn trợt cả, nhưng tụi tao hay là còn chơi chữ nữa, vì trong tiếng Việt, dưa và dừa chỉ khác nhau có một cái dấu mà thôi!

Monique khoái chí:

- Mày đọc hai từ «dưa» với «dừa» bằng tiếng Việt cho tụi tao nghe đi!

Tôi trổ tài ngay, và còn hứng chí thêm vào cả quả dứa sần sùi gai góc nữa!

- Ngộ quá há, mai mốt đi Việt Nam du lịch, chỉ cần nói tiếng «dua» một cái là mấy người bán trái cây sẽ đem lại cả một đống đủ thứ, tha hồ mà lựa!

Du lịch Việt Nam hiện đang là cái mốt của tây đầm. Tây già tìm về những kỷ niệm huy hoàng của một thời Đông dương xưa cũ. Đầm trẻ vác ba-lô đi kiếm cảm giác lạ ở cái xứ mà ai gặp mình cũng cười, cũng... sờ! Tự nhiên tôi trở thành quân sư quạt... máy cho lũ đồng nghiệp thích à la mode. Lỉnh kỉnh từ lịch sử, địa lý nhân văn đến một vài câu chào thông dụng, một thắng cảnh đẹp, một món ăn ngon. Cứ làm như tôi là hướng dẫn viên du lịch không bằng! Lắm lúc, tôi cũng ú ớ, xa quê hương cả chục năm rồi còn gì, nói tiếng Việt chưa ngọng là còn may...

Những câu chuyện quanh máy cà-phê cứ như thế mà rôm rả. Hai cữ buổi sáng. Ba cữ buổi chiều. Cái-gọi-là kiến thức tổng quát của tôi cũng nhờ vậy mà được mở rộng hơn, lổn nhổn đủ thứ «đầu Ngô mình Sở» trong đó. Cuối tuần ở nhà, nhiều khi đâm nhớ. Như ghiền cà-phê vậy! Giữa hai cữ cà-phê buổi sáng và ba cữ cà-phê buổi chiều, chúng tôi còn bữa cơm trưa ở căng-tin. Quả là dân Pháp có tâm hồn ăn uống! Hầu như mỗi ngày, đồng nghiệp của tôi đều bàn về các thứ rượu và những món ăn, vậy mà không bao giờ chán và không bao giờ hết chuyện để nói. Đề tài thịt chó cũng được rôm rả nhắc đến trong dịp Tết con ki ki năm ngoái, khi truyền hình Pháp phát đi một phóng sự quay cảnh mấy chú chệt Bắc Kinh đang đứng thèm rỏ dãi trước các

quầy bán cờ tây... tàu. Đôi khi câu chuyện cũng được bẻ quặt theo một hướng khác. Thịt đè người chẳng hạn.

Marie-Claire. Cũng lại cái cô bạn đồng nghiệp gầy teo tóp mà già chuyện to mồm không ai bằng. Sau khi nhìn quanh bàn một lượt, nhất là khiêu khích xoáy tận mắt các đồng nghiệp đực rựa, Marie-Claire lên tiếng:

- Tao mới đọc báo. Có một thằng ngu khai là mới bị con nhỏ kia hiếp. Tụi mày có tin nổi không?

Chuyện động trời vậy mà lúc nãy quên nói ở máy cà-phê!

Georges, người đàng hoàng nhất trong những kẻ bê bối, lên tiếng trước:

- Chắc thằng loạn óc đó mới đi xem phim «Sách nhiễu tình dục» chứ gì!

Có kẻ gật gù. Bernard chống trả:

- Lỡ thằng đó đẹp trai bị con nhỏ xấu ma chê quỷ hờn dí súng bắt «chơi» rồi sao?

Lại có kẻ gật gù. Monique thắc mắc:

- Nhưng làm sao mà thằng đó «cương» nổi?

Ai mà biết! Chẳng có câu trả lời nào thỏa đáng. Mà không có động chạm thân xác, không có buom buom crac crac thì sao gọi là hiếp được? Hay là... «hiếp tinh thần»?

Nếu đến sở làm mà đồng nghiệp lúc nào cũng dễ thương, lúc nào cũng đầy những chuyện tếu để kể cho nhau nghe quanh máy cà-phê, thì có lẽ dân tây đâu cần đến năm tuần lễ nghỉ mỗi năm, đâu cần phải tiêu hàng đống tiền cho những cuộc du lịch dài hạn vài ba tuần hay ngắn hạn một week-end. Còn có những căng thẳng, những hối hả, những chỉ tiêu phải thực hiện và cuộc chạy đua không ngừng nghỉ với thời gian. Ấy là chưa kể những đụng chạm, cãi cọ giữa đồng nghiệp với nhau, với khách hàng, chiến tranh lạnh chiến tranh nóng giữa xếp lớn xếp nhỏ, ảnh hưởng tai hại đến nền hòa bình chung của thế giới («trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết», ở đâu mà chẳng vậy!). Biết làm sao hơn được! Không hiểu tôi bi quan hay lạc quan khi nghĩ rằng trên thế giới này, chẳng nơi nào, chẳng có ai là hoàn toàn hạnh phúc cả, cái gì cũng tương đối, hoặc sướng ít khổ nhiều, hoặc sướng nhiều khổ ít. Khổ quá, đâm bần tiện, nhỏ nhen. Sướng quá, không còn chuyện phải lo nghĩ, đời vô nghiã, uống thuốc ngủ, bắn đùng vào đầu một phát, tự tử. Đang lên đến chín từng mây với Mai hoặc Đào (với đầm, chỉ có bảy tầng trời thôi, thua xa lắc!), tôi không thể nghĩ «đời là bể khổ» được. Nhưng tôi cũng chẳng bao giờ mơ tưởng đến ngày được đặt chân vào vườn Địa Đàng, chỉ có mỗi một Eve để nhìn ngắm, và đến quả táo mà

cũng không được ăn! (Chúa nhân từ lòng lành mà nhiều lúc cũng ích kỷ hết chịu nổi!). Xin cứ như ông nhạc sĩ Phạm Duy «thôi ở lưng chừng, nhớ nhau mà sống» vậy. Cuộc sống dù sao cũng vẫn đáng yêu. Không đáng yêu sao được, khi mà tài tử đẹp trai Alain Delon bị bắn trúng tim, còn cố lia chết vài kẻ thù, lộn mấy vòng, lăn lóc rên rỉ mãi mới chịu chết gục trong tay người đẹp (nghệ sĩ cải lương của mình đâu chịu kém: bị kiếm đâm lủng bụng, cũng ráng ca hết sáu câu rồi mới im hơi lặng tiếng!). Lâu lâu có năm mười phút rảnh để ngồi ngẫm lại đời mình (cũng là tự kiểm, nhưng không phải đọc to cho mọi người cùng nghe), tôi thầm cảm ơn tổ tiên nội ngoại đã ăn ở hiền lành, tích lũy phúc đức để tôi được sinh ra dưới một ngôi sao... không xấu. Cuộc sống của tôi có gia đình, có người yêu (hiện tại là Mai với Đào, còn trong tương lai...), có bạn bè, đồng nghiệp. Việt Nam, quê hương thứ nhất của tôi đẹp kỳ ảo giữa tâm tưởng, như những bức tranh lụa màu sắc nhoà nhạt bố mẹ tôi treo trong phòng khách. Pháp quốc, quê hương thứ hai của tôi, sờ được, nghe được, ngửi được, thối hoăng cứt chó và ngào ngạt Coco Chanel, bảo vệ môi sinh và thử bom hạt nhân, nghiã địa súc vật và quán cơm thí cho người lang thang. Tôi sống hoà vào với những người chung quanh, cùng quốc tịch, khác nòi giống, chủng tộc. Bố tôi khen người Pháp tốt, thẳng thắn. Mẹ tôi chê người Pháp xấu, ích kỷ. Tôi nghĩ dân tộc nào cũng có nết hay, tật hư của họ. Và không nên lấy một cá nhân làm điển hình để khen chê loạn cào cào. Người Pháp, đối với tôi, là ông xếp lạnh lùng, Monique ngổ ngáo, Jean-Luc cá nhân chủ nghiã, Bernard suốt ngày chạy huỳnh huỵch trong hành lang và thường nhảy cỡn lên như những chú sì-trum (***), Marie-Claire nữ quyền, thích cãi cọ và cũng thích tâm sự lẩm cẩm. Người Pháp như thế đó, có lẽ cũng chẳng khác bao nhiêu so với người Mỹ, người Việt hay người Congo. Có điều, tôi vẫn còn hơi khó chịu khi, mỗi lần chúc nhau may mắn, bạn bè tôi lại chửi:

_ Merde! (****)

CỔ NGƯ

Paris 06.1995 - 10.1995

(*) Hát a capellaá: hát không có nhạc cụ đệm theo.

(**) Tạm dịch: xe điện ngầm - công việc - triển lãm - nhà hàng - hộp đêm - nghỉ ngơi.

(***) Những nhân vật tí hon, da xanh trong truyện tranh của họa sĩ Peyo, người Bỉ.

(****) Cứt! (thành thật xin lỗi quý độc giả).



HUỲNH LIỄU NGẠN

Xuân 2000, gửi mẹ

chiều đi qua ngã chợ
một rừng hoa bay lên
đời nghiêng như chưa thấy
những dáng hình không tên

đã qua rồi năm cũ
cần gì phải nhớ quên
một cành hoa mai tết
có lấp đầy tuổi tên

thương mấy mùa mưa nắng
mẹ bưng đèn soi đêm
một trăm năm cũng vội
như giọt nước hắt thềm

thôi con không về nữa
mùa xuân lại mùa xuân
đời tan thành hư huyễn
xuân tan thành hư không

một trăm năm cũng vội
cũng chừng ấy chuyện thôi
xuân 2000 - thế kỷ
cũng cừng ấy cuộc đời

HUỲNH LIỄU NGẠN



NGUYỄN QUANG THIỀU

Lời hứa của thời gian



Khi hoàng hôn đổ xuống những đồi thông thì gió nổi lên. Tiếng gió u u không dứt cho đến tận sáng sớm hôm sau. Đối với ông Miêng, giấc ngủ không còn quan trọng nữa. Ông có thể thức suốt đêm, hoặc ngồi trong ngôi nhà dưới chân đồi, hoặc đi lang thang trong rừng thông sẫm tối và sạch sẽ. Buồn ngủ lúc nào thì ông ngủ lúc đó. Có ngày, ông ngủ suốt buổi chiều trên lớp lá thông dày ở đỉnh đồi. Ông tin, một ngày nào đó, ông sẽ ngủ mãi mãi trên tấm thảm lá thông này. Ý nghĩ ấy làm ông hạnh phúc. Chính trên những quả đồi này, năm 1972, cả tiểu đội của ông chỉ còn sót lại một người. Đó chính là ông. Sau trận đánh chiều hôm đó. Ông ngất đi vì ba vết thương trên người. Khi ông tỉnh dậy trời đã khuya. Đêm ấy trời đầy sao. Cả vùng đồi im phắc. Ông gượng ngồi dậy. Và trong ánh sáng mờ của sao và vầng trăng đầu tháng, ông nhận ra đồng đội ông đang nằm như ngủ bình yên trên đỉnh đồi. Ông đã cất tiếng gọi. Không có ai trả lời ông. Tất cả đã hy sinh. Tiếng gọi của ông đêm ấy vang vọng trên những quả đồi trơ trụi và vọng mãi đến bây giờ.

Sau chiến tranh, ông về thăm quê và quyết định trở lại vùng đồi này. Trở lại vùng đồi này, ông mang theo một người đàn bà trẻ. Người đàn bà đó là vợ ông. Người đã chờ ông suốt mười năm

cuối cùng của cuộc chiến tranh.

Ngày ông dắt vợ đến vùng đồi, người đàn bà trẻ ngơ ngác nhìn cõi hoang vu và hỏi:

- Chúng mình đến đây để làm gì hở anh?

- Để sống.

Ông Miêng nói một câu ngắn gọn như vậy. Rồi những ngày sau đó ông dựng một ngôi nhà nhỏ dưới chân đồi. Chính quyền địa phương không một chút đắn đo cho phép ông được sống ở đó. Một năm sau ngày đến vùng đồi, ông bắt đầu trồng thông. Ông nói với vợ:

- Anh sẽ trồng thông kín những quả đồi này.

- Bao giờ mới kín được? Người vợ lo lắng hỏi.

- Anh không biết. Ông nói. - Nhưng anh sẽ trồng, và anh sẽ trồng kín.

Những đêm sáng trăng, ông thường ngồi im lặng nhìn lên đỉnh đồi. Mây lững lờ bay qua đỉnh đồi, và ông nghe tiếng ông gọi đồng đội mình. Những đêm như thế, ông thường đi lên đỉnh đồi và trở về nhà rất khuya. Vợ ông sợ hãi hỏi:

- Anh lên đó làm gì?

- Anh lên thăm bạn anh.

- Có ma nào ở trên đó mà anh thăm. Anh làm sao thế? Em sợ lắm.

Ông ôm chặt vợ vào lòng và rì rầm:

- Tất cả đang ngủ ở trên đó.

Vợ chồng ông Miêng sống trên vùng đồi như sống trên một hòn đảo hoang. Có những tuần lễ không một bóng người đi qua. Người dân ở đó không biết làm gì ở vùng sỏi đá và còn sót lại cả mìn từ chiến tranh này. Ông Miêng trồng tất cả những thứ gì có thể mọc được trên đất đồi quanh ngôi nhà nhỏ và nuôi tất cả những gì có thể sống được ở đó. Sau một năm, vùng đồi đỡ hoang vu hơn bởi những màu xanh đầu tiên được nhen lên và bởi tiếng gà, tiếng chó. Ngày đầu tiên, ông Miêng đến Sở Lâm nghiệp tỉnh xin cây thông non để trồng. Người Sở Lâm nghiệp nói giá mỗi cây thông non cho ông biết. Và nhanh hơn máy, ông ta tính ra một món tiền khổng lồ mà ông Miêng phải trả.

"Tôi không có tiền, tôi chỉ xin để trồng thôi."

Ông Miêng nói. Người Sở Lâm nghiệp tròn mắt: "Thế thì ông lấy lá thông mà trồng." Nghe vậy, ông Miêng bỏ đi. Ông gặp lãnh đạo tỉnh. Sau khi nghe ông trình bày, lãnh đạo tỉnh hỏi: "Như vậy là ông vay vốn?" Ông Miêng lắc đầu: "Không. Tôi giúp tỉnh trồng thông kín những quả đồi đó. Tôi chỉ trồng thông thôi, tôi không lấy công, không lấy gì hết." Lãnh đạo tỉnh nhìn ông khó hiểu. Ông nói:

"Tất cả đồng đội của tôi đã chết trên những quả đồi kia. Bây giờ họ đang ngủ ở đó. Khi nào thông mọc kín những quả đồi thì tôi sẽ trở về quê." Lãnh đạo tỉnh ôm lấy ông. Sau đó Sở Lâm nghiệp cấp cây thông giống cho ông. Ông Miêng bỏ hết số tiền ông có mua một con trâu để chở cây giống và giúp ông những việc khác. Mỗi tháng, ông đánh xe trâu đưa vợ xuống thị xã một lần để mua sắm những thứ cần thiết cho hai vợ chồng hoặc mang bán một ít gia súc. Những buổi chiều bớt việc, ông thường dắt con trâu đi lang thang quanh vùng đồi để tìm cho nó một đám cỏ non.

Có lúc, con trâu dừng bước, ngẩng cao đầu nhìn về dãy Trường Sơn xanh mờ. Nó bứt rứt lắc chiếc mõ tre đeo nơi cổ. Tiếng mõ tre vang lên đơn độc và khắc khoải. Nhiều đêm, con trâu đánh sừng suốt đêm vào những gióng tre chắn cửa. Và tiếng nó thở hắt ra như một tiếng thở dài. Những lúc ấy, ông Miêng tỉnh giấc. Ông cầm chiếc đèn bão ra chuồng trâu. Con trâu ngước đôi mắt ướt nhìn ông. Ông bước lại bên con trâu vuốt ve cái khoáy trắng trên trán con trâu và thì thầm: "Khi thông phủ kín những quả đồi, tao sẽ thả mày về với rừng."

Hai năm sau, những cây thông được trồng đã bắt đầu rít gió. Đêm đêm, gió u u thổi qua rừng thông non trên sườn đồi. Và trong tiếng gió thổi lúc gần sáng có tiếng trâu khua sừng và thở gấp vừa náo nức vừa buồn bã. Những đám mây mang hình người lơ lửng trôi qua những đỉnh đồi trong ánh trăng non. Nhiều đêm như thế vợ ông đã khóc và đòi ông dời bỏ vùng đồi về quê.

Rồi vợ ông mang thai, ông ôm vợ và nói: "Chúng mình sẽ có một thằng con trai. Vùng đồi này sẽ có thêm một người và anh có thêm một người trồng thông." Nhưng ngày vợ ông sinh là ngày khủng khiếp nhất trong đời ông. Đứa bé ấy không thành người. Nó chết ngay sau khi được sinh ra. Ông đã bọc đứa con trong chiếc áo lính bạc trắng của mình và đi quá nửa ngày đường xe trâu đưa đứa bé về vùng đồi. Ông chôn đứa bé trên đỉnh đồi nơi cả tiểu đội của ông đã nằm ở đó. Những ngày sau đó thỉnh thoảng ông để cho vợ đánh chiếc xe trâu lọc cọc về đó chơi với một người quen cho khuây khỏa. Còn ông lại lao vào trồng thông từ sớm đến tối. Vợ ông xuống thị xã và đôi khi ở lại đó vài ba ngày. Nhiều đêm chị hoảng hốt đòi ông trở về quê. Nhưng ông chỉ im lặng. Ông quyết liệt trồng thông phủ kín những quả đồi và quyết liệt có con. Vợ ông mỗi ngày một ít nói và đánh xe trâu về thị xã nhiều hơn. Cho đến một ngày, ông không thấy vợ trở về. Ông về thị xã tìm vợ. Vợ ông để lại chiếc xe trâu ở nhà người quen cùng với lời xin ông tha thứ và vĩnh biệt ông. Vợ ông đã không chịu nổi cuộc sống

ngày dương đêm âm của vùng đồi. Và chị quá sợ hãi phải sinh nở với ông. Người bạn chị nói với chị là ông nhiễm chất độc da cam. Ông chỉ có thể sinh ra những đứa bé không thành người. Chị đã bỏ ông, bỏ vùng đồi đi theo một người đàn ông khác mà chị gặp và trở nên thân thiết trong những lần đánh xe trâu về thị xã.

Ông chết lặng khi nghe tin ấy. Và lần đầu tiên trong đời ông thấy mình như không còn một chút sức lực nào nữa. Ông tựa vào con trâu và run lẩy bẩy. Ông không đi tìm vợ. Ông cũng không có ý đánh xe trở về vùng đồi. Ra khỏi thị xã, ông nằm xuống thùng xe và mặc cho con trâu kéo cỗ xe đi về đâu thì về. Ông nằm trên đống cỏ đã héo khô trong thùng xe, người như lên cơn sốt. Mặt trời dần tắt. Bóng tối phủ dần lên con đường. Con trâu vẫn kiên nhẫn bước đi từng bước.

Khi con trâu lắc mõ và rống lên một tiếng dài ông mới tỉnh khỏi cơn sốt của đau đớn. Ông ngồi dậy và sửng sốt nhận ra cỗ xe đã dừng trước ngôi nhà của ông dưới chân đồi. Ngôi nhà nằm im lìm trong bóng tối mờ. Hai con chó thấy ông về mừng rỡ tru lên khe khẽ. Ông mệt mỏi bước xuống khỏi thùng xe. Gió đêm bắt đầu thổi. Những lá thông rung lên. Ông lặng lẽ bước lên đỉnh đồi. Hai con chó lặng lẽ, lẽo đẽo theo sau ông. Ông đến ngồi xuống cạnh nấm mộ nhỏ của đứa con xấu số bên một gốc thông nhỏ. Ông khóc.

Đêm đó, ông lên cơn sốt thật. Trong cơn mê, ông thấy đồng đội ông ôm súng nằm phủ kín những quả đồi. Ông đi lang thang trên những quả đồi và gọi tên đồng đội. Không một ai trả lời ông. Tất cả đã ngủ mãi mãi trên những quả đồi kia. Ông nằm bệt trên giường hai ngày liền. Một nhân viên của trạm cây giống lên thăm ông. Thấy ông ốm, nhân viên trạm cây giống vội đi đón một nữ y tá đến thăm bệnh và chăm sóc ông. Mấy ngày sau ông khỏi và lại đánh xe đến trạm cây giống lấy thông con. Ông lại trồng thông từ sớm đến tối mịt. Lúc nào đói thì nấu ăn, lúc nào mệt thì nằm ngủ, không theo quy luật nào cả.

Cứ khoảng một tháng, ông Miêng lại đánh xe về thị xã. Sau khi mua sắm những thứ cần thiết cho sinh hoạt và công việc, ông ghé qua nhà người quen của vợ chồng ông.

- Có thấy cô ấy về đây không?

Khi gặp người quen, ông thường hỏi câu đó. Người đàn bà nhìn ông vừa ái ngại vừa như có lỗi và lắc đầu. Và trước khi bước lên xe để trở về, ông đều nói: “Có gặp vợ tôi thì bảo với cô ấy là tôi vẫn đợi cô ấy.”

Mỗi lần từ thị xã trở về, ông Miêng thường ghé thăm cô y tá

đã chăm sóc ông cái bận ông ốm. Cô y tá tên là Hoa, làm việc ở trạm xá một xã gần đó. Ông thường mang cho chị lúc thì một ít trái cây, lúc thì một hai chục trứng gà. Hai người ngồi nói chuyện vẩn vơ về vùng đồi. Dần dà họ trở nên thân thiết với nhau. Những lúc rảnh rỗi, Hoa đạp xe đến thăm ông. Ông Miêng dẫn chị lên đỉnh đồi để chỉ cho chị những cây thông mới trồng.

Những cây thông cứ từng ngày mọc lên trên những quả đồi sỏi đá. Ngày nào đến thăm ông, chị cũng ở lại ăn cơm chiều với ông. Hai người ngồi ăn cơm bên ngọn đèn chai trong tiếng gió thổi qua những đồi thông.

Một buổi chiều đưa Hoa lên đỉnh đồi, ông Miêng đã nói với chị: "Không có người thì chẳng làm sao, nhưng đã có người đến đây rồi thì tôi cảm thấy mình lẻ loi quá." Nghe ông Miêng nói vậy, Hoa im lặng và đi xuống chân đồi. Ông Miêng bước theo và nói khẽ: "Ngày nào không có Hoa lên đây, tôi buồn lắm." Càng nghe ông Miêng nói, Hoa càng bước vội hơn. Đến ngôi nhà của ông Miêng dưới chân đồi, Hoa vội vàng lấy xe đạp và nói: "Em phải về." Ông Miêng vội hỏi: "Sao không ăn cơm với tôi?" Hoa không trả lời, chị đạp xe xuống con đường đất đỏ chạy ven chân đồi.

Một tuần sau đó, Hoa không lên đồi thăm ông Miêng. Ông nóng ruột xuống làng tìm chị. Họ ngồi im lặng trước nhau. Hoa không nói một câu gì cho tới khi ông Miêng đứng dậy ra về. Hoa tiễn ông ra đến đầu ngõ và bỗng nói: "Anh đừng giận em. Chiều mai em lên."

Buổi chiều hôm sau, Hoa lên thăm ông Miêng. Đó là một chiều hạnh phúc trào lên bất tận với ông Miêng. Ông dừng xe trâu đưa Hoa đi quanh vùng đồi. Ông nói say sưa và náo nức về vùng đồi. Hoa nghe ông nói và đôi mắt giàn giụa. Những ngày sau đó, cứ khi nào rảnh rỗi công việc ở trạm xá xã, Hoa lại đến thăm ông Miêng. Chị dọn dẹp nhà cửa cho ông và cuốc những vạt đất ven chân đồi trồng chuối và rau.

Một buổi chiều đang trồng thông non trên sườn đồi, ông Miêng giật mình nghe một tiếng nổ dưới chân đồi. Ông nhìn xuống và kinh hoàng nhận ra Hoa nằm úp mặt trên đất. Khói đen như trùm kín người chị. "Hoa!" Ông Miêng rú lên và lao xuống chân đồi. Những cây thông non mới trồng gãy gập dưới chân ông. Khi ông chạy đến chỗ Hoa nằm thì khói đã tan hết. Chị nằm sấp trên mặt đất đồi, một bàn tay vẫn nắm chặt chiếc cán cuốc. Một quả mìn của địch cài lại trong chiến tranh đã cướp đi sự sống của chị. Ông Miêng từ từ quỵ xuống bên chị. Bỗng ông ngửa mặt lên trời và rống lên. Bầu trời trên đầu ông trong và xanh thẳm. Khói mìn đã tan đi trong gió. Cả

vùng đồi yên tĩnh lạ thường.

Ông Miêng bế Hoa lên "Hoa ơi là Hoa!" Ông gọi và bế chị đi về phía ngôi nhà của mình. Ông múc nước trong chiếc lu sành rửa mặt mũi, chân tay cho chị. Rồi ông đặt chị nằm ngay ngắn trên chiếc giường của mình. Ông mở hết cửa cho gió đồi buổi chiều lùa ào ạt vào ngôi nhà. Ông ngồi xuống bên chị và kể lể cho chị nghe về cuộc đời ông cho đến khi bóng tối phủ kín ngôi nhà...

Sau ngày vợ ông bỏ đi và Hoa bị chết bởi mìn, ông Miêng bắt đầu bỏ rất nhiều thói quen của cuộc sống hàng ngày. Chỉ còn lại vùng đồi và những cây thông non là niềm vui của ông. Đêm đêm, ông lẩn thẩn với những công việc không đâu vào đâu. Gần sáng ông thức giấc, ông ra hiên nhà ngồi, nghe gió réo u u qua rừng thông đã lên cao. Có một thời Sở Lâm nghiệp mời ông làm đội trưởng đội trồng rừng của tỉnh. Ông từ chối. Ông muốn sống một mình trên vùng đồi này. Ông muốn tự tay trồng kín thông trên những quả đồi sỏi đá và đầy mảnh bom đạn cùng những quả mìn còn sót lại đâu đó trong đất lồi. Đêm đêm, ông sống cùng tiếng gió những đồi thông. Thỉnh thoảng ông lại nghe chính tiếng ông gọi đồng đội xưa kia vọng về. Đồng đội ông đã yên ngủ ngàn đời trên những ngọn đồi kia. Và ông cũng muốn được yên nghỉ vĩnh viễn nơi đó. Hàng tháng ông vẫn đánh xe xuống thị xã. Và lần nào ông cũng chỉ cho xe đi qua cửa nhà người quen của vợ ông. Ông cho trâu dừng lại. Ông nhìn vào ngôi nhà rồi lại bỏ đi. Với vợ ông, ông không hề thù oán, ông chỉ thấy buồn. Người đàn bà đã chờ đợi hơn mười năm không một điều tiếng gì. Nhưng chỉ ba năm sống với ông trên vùng đồi này, chị đã không chịu đựng nổi. Nói đúng hơn là chị khiếp sợ. Chị khiếp sợ phải sinh cho chồng những đứa con bất thành nhân dạng.

Bây giờ thông đã mọc kín và cao trên những quả đồi. Tóc ông Miêng đã bạc tuy ông mới ngoài 50 tuổi. Con trâu ông mua từ ngày mới đến vùng đồi, nay đã già yếu. Đôi sừng như đè nặng hơn trên đầu con trâu làm mặt nó như chúi xuống sát đất. Hơn một năm nay, ông không bắt nó kéo xe. Đã có lần, nhớ đến lời hứa trước kia với con trâu, ông đã dắt nó đến sát những cánh rừng Trường Sơn và nói với nó: "Mày hãy trở về rừng đi." Nói xong, ông tháo con trâu và quay về. Nhưng đêm hôm sau, trong giấc ngủ chập chờn, ông nghe có tiếng con trâu thở gấp. Ông tỉnh giấc và nghĩ mình ngủ mê. Ông nhớ con trâu, nhưng ông giữ lời hứa của mình. Rồi ông lại chập chờn bước vào giấc ngủ. Ông nghe thấy có ai gõ cửa. Ông lại tỉnh giấc. Ông ngồi dậy lắng nghe và nhận ra ai đó đang đẩy cửa. Ông bước vội ra mở cửa và nhận ra con trâu trở về. Ông khẽ kêu lên và ôm lấy cổ con trâu già.

Rồi ông đốt đèn ra sau nhà hái một ôm lá sắn cho nó. Con trâu vừa ăn vừa nhìn ông. Ông âu yếm nhìn con trâu và nói: "Mày không muốn về rừng ư? Thôi thế thì ở lại với ta. Những quả đồi này cũng thành rừng thông rồi. Có công của mày đấy."

Những ngày sau đó, chiều chiều ông dắt con trâu đi lang thang trên những đồi thông. Và những lúc ấy, ông nhớ đến đồng đội ông, nhớ đến đứa con đã chết của ông, nhớ đến người vợ đã bỏ ông đi không có tin tức gì và nhớ đến cái chết của Hoa trong một buổi chiều hòa bình. Nỗi nhớ bây giờ của ông không còn mang một nỗi đau tê tái nữa, mà chỉ như gió thổi qua những đồi thông vào những đêm gần sáng vừa da diết, bồn chồn, vừa xa xăm, thổn thức.

Một buổi chiều, ông dắt con trâu già từ rừng thông trở về nhà. Một chàng trai đã dừng ở sân nhà đợi ông. Ông lặng lẽ bước đến bên chàng trai.

- Cháu chào bác. Chàng trai nói khẽ.

- Cậu tìm ai? Ông hỏi.

- Cháu tìm bác Miêng.

- Tôi đây. Ông nói. - Tôi là Miêng.

Mặt chàng trai chợt biến động lạ lùng. Ông nhận thấy đôi môi chàng trai run lên.

- Cậu tìm tôi có việc gì?

Chàng trai không trả lời ông. Nước mắt chàng trai trào ra. Bỗng chàng trai nức nở.

- Có chuyện gì vậy? Sao cậu lại khóc?

Chàng trai cứ đứng trên sân khóc một hồi lâu. Rồi chàng trai lấy tay lau nước mắt. Chàng trai bước một bước về phía ông và nói, giọng như lạc đi:

- Ba, ba Miêng. Con là con của ba.

- Con tôi! Ông Miêng khẽ kêu lên. - Cậu nhầm rồi.

- Ba hãy tha thứ cho má con.

- Má cậu? Má cậu là ai?

- Má con là Lợi. Má nói con đi tìm ba.

Mọi cảnh vật trước mắt ông Miêng nhòa đi. Tim ông nhói lên như có một mũi kim đâm vào. Hai chân ông run lên.

- Cậu là con tôi à? Ông Miêng nói như bằng hơi thở của người ốm nặng.

- Con là con của ba. Má nói con đến đây tìm ba mà nói ba hãy tha thứ cho má.

- Má cậu đâu?

Chàng trai khóc và nói:

- Má mất rồi, ba ơi!

Ông Miêng cúi đầu, im lặng. Một lát sau ông bước đến bên chàng trai, đặt bàn tay chai sạn, đen đúa lên vai chàng trai và nói:

- Vào nhà đi!

Chàng trai xách chiếc túi du lịch nhỏ theo ông vào nhà. Chàng trai mở túi lấy bọc vải nhỏ và mở ra. Trong đó là một chiếc nhẫn. Ông Miêng nhận ra chiếc nhẫn đó. Chàng trai lấy chiếc nhẫn đưa cho ông Miêng.

- Trước khi nhắm mắt, má đưa chiếc nhẫn cho con và nói con phải đi tìm ba. Đến lúc đó, con mới biết ba con là ai và ở đâu?

- Má cậu còn nói gì nữa không?

- Má nói, má đã phản bội ba, không phải vì má không yêu ba mà là má sợ.

- Má cậu sợ cái gì? Ông Miêng hỏi.

- Con cũng hỏi má vậy, nhưng má không bao giờ nói cho con hay.

- Lâu nay má cậu sống ở đâu?

- Dạ, ở Nha Trang. Chàng trai đáp, giọng đầy nước mắt.

- Má con cậu sống với ai?

- Chỉ hai má con con thôi. Chàng trai nói - Từ lúc sanh ra, con chỉ biết có má.

Nói xong, chàng trai nhìn ôn Miêng vừa sợ vừa chờ đợi. Hai người ngồi im lặng. Mặt ông Miêng bất động.

- Trước khi má mất, chàng trai nói. Má bắt con hứa là phải tìm được ba. Má nói con thay má tạ lỗi ba và mong ba tha lỗi cho má để má được thanh thản nơi chín suối. Má nói con phải đến đây và sống với ba hết đời. Ba sẽ che chở cho con.

Ông Miêng nhìn gương mặt non nớt, trong sáng và tội nghiệp của chàng trai. Lòng ông nhói đau. Ông biết chàng trai không phải con ông. Vì ông không bao giờ sinh được một đứa con lành lặn. Ông cũng chợt hiểu những gì đã xảy ra với người vợ của ông. Ông chợt hiểu người đàn ông đã lừa dụ vợ ông và cũng đã ruồng bỏ người đàn bà ấy cùng hòn máu của mình. "Ba sẽ che chở cho con." Giọng nói nức nở và như một lời cầu nguyện của chàng trai trẻ vang lên trong lòng ông. Chàng trai ấy hiển hiện là sự tạ lỗi của vợ ông đối với ông. Và hơn thế, người đàn bà, vợ ông, đã quá yêu thương đứa con mình và cầu ông che chở cho một con người.

Thấy ông ngồi bất động, chàng trai lại khóc và nói.

- Ba ơi! Má mất rồi!

- Ba ơi! Ông lẩm bẩm như người ngủ mê, nhắc lại tiếng gọi của chàng trai.

- Ba hãy thứ tội cho má. Giọng chàng trai đã khản. - Ba cho con về ở với ba. Ba đừng bỏ con.

Ông Miêng nhìn chàng trai. Nếu lúc này ông nói ra sự thật với chàng trai thì có nghĩa ông đập tan mọi hy vọng và sự chờ đợi của nó. Và nghĩa là, ông không chấp nhận lời cầu xin của một người đàn bà tội nghiệp trong cơn hấp hối. Và cũng chính lúc này, sự xuất hiện của chàng trai lại làm ông thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Nếu bây giờ chàng trai bỏ đi, ông sẽ gục ngã không thể đứng lên được bởi chính sự cô đơn mà bấy lâu nay ông cố vùng vẫy chống chọi. Khi chỉ có mình ông, ông không nhìn thấy hết sự cô đơn. Nhưng khi có một con người khác đứng trước ông, ông mới nhìn thấy toàn bộ sự cô đơn khổng lồ của mình. Lúc này nhìn ông như một người cổ xưa, không tuổi tác và lặng phắc như đá. Bỗng từ trên đỉnh đồi, gió ào ạt đổ về. Ngọn gió lớn cuồn cuộn thổi qua hai người. Trong tiếng gió vọng lên những tiếng thì thầm bất tận.

Ông Miêng chống gối đứng dậy. Ông bước đến trước chàng trai. Chàng trai ôm đỡ lấy ông. Ông thấy hơi người ấm rực từ chàng trai phả vào cơ thể ông đang run lên như một cơn sốt rét. Ông quờ tay ôm lấy chàng trai và kêu lên như một tiếng rên.

NGUYỄN QUANG THIỀU

11.1997



LƯU HY LẠC

Dấu mặt

cả ngày tôi ngợp muôn mặt

ong bướm
chờ đến cuối
mãi không thể chết
bỏ ma đói
                ma no
thì trầm luân cũng hiểu
được chạng vạng sáng bối cảnh

hồi kết dây dưa còn

đôi lứa
nông nổi lên giọng hàng mã

thót bụng chỗ gay cấn
[cứ ra rả hương lửa cửa miệng nhấc
run rủi dưới mắc cá
                        xuống nước]

vái lâm râm

hơi bị phiền
nhiễu sáo ngữ trên tức tưởi và
mơ

ước
lòng sẽ đỏ hỏn cốt chuyện cấn
đắng

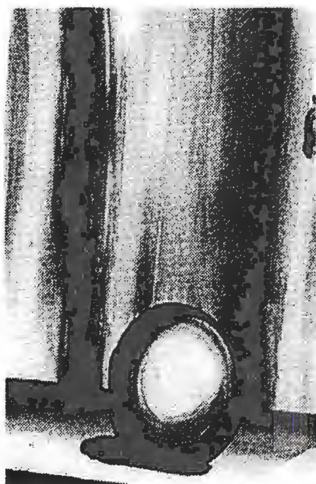
dạ
   thương cảm hết sức

LƯU HY LẠC.



TRẦN THỊ NGH

Bướm Xanh



Không cần biết năm nay là năm Quốc Tế Thiếu Nhi, mẹ chỉ biết bé An sắp được 4 tuổi, 4 lần ăn Tết Nhi Đồng. Càng lớn con càng biết thưởng thức các trò chơi và những ngày vui. Con càng lớn càng thấy cần mẹ làm bạn. Suốt buổi trưa nằm quạt cho con ngủ, mẹ tính nát óc buổi chiều chủ nhật của hai mẹ con. Để coi, nếu trời không mưa như vẫn hay mưa định kỳ vào buổi chiều, con sẽ ngủ dậy lúc 3 giờ theo thói quen, và mặc dù con hơi suyễn, mẹ vẫn nhất định đưa con đi chơi, tất nhiên sẽ mặc cái áo dài kín cổ cho đỡ gió. Mẹ sẽ đạp xe nhanh từ Phú Nhuận ra khu triển lãm Phó Đức Chính, để con khỏi phải mỏi lưng lắm vì đường xa.

Chương trình không thay đổi, chỉ hơi trễ nhỉnh một chút vì con ngồi bô sau giấc ngủ trưa. Xem nào, một đồng rưỡi một cái lồng đèn ở gian hàng phục vụ thiếu nhi, giá đồng hạng cho bươm bướm, chim cá và máy bay, xe tăng... con định chọn cái nào? Chưa tính gian hàng bán đồ chơi bằng gỗ và nước ngọt - nếu nửa chừng con kêu khát. Hai mẹ con nói chuyện như bắp rang suốt đoạn đường dài. Trời gió lớn, trông buổi chiều mênh mông nhẹ hẩng, không có vẻ chuyển mưa, nhưng buồn. Rồi, mẹ lại sắp sửa lãng mạn. Bé An, con đừng giở lưng áo mẹ lên thế, nghịch dữ quá! Ôm chặt bụng mẹ kẻo té. Mẹ à, tại sao

con ngựa đi chân không? Mẹ nó đâu? Mẹ nó ở nhà nấu cơm chờ nó về ăn. Nhà nó ở đâu? Ở Phú Nhuận. Cô kia là ai vậy mẹ? Cô nào? Cô che cây dù đằng kia. Cô ấy là người ta lạ đi ngoài đường, mẹ không quen. Cô ấy là mẹ của ai? Trời ơi, Bé An! Con nghỉ mệt một lát đừng hỏi nữa. Có thể cô ấy là mẹ một em bé 4 tuổi mà con không quen. Sao cô không dắt em bé đi chơi?

Mẹ bí. Nhiều khi mẹ quạu, bực mình. Con không để mẹ nín thinh riêng tư. Nhiều khi con kéo mẹ ra khỏi những lo nghĩ, nhiều khi con đánh thức mẹ từ mơ mộng. Thực sự trong trí óc non nớt của đứa trẻ 4 tuổi, con chỉ muốn biết có mỗi một điều về mọi sự: Nó có mẹ nó không và nhà nó ở đâu? Con yêu, có phải con đang rất yên tâm có mẹ và một ngôi nhà ở Phú Nhuận để hai mẹ con trở về sau những buổi ứ hơi?

Khu triển lãm buồn thiu. Gian hàng đồ gỗ chỉ còn lèo tèo mấy cái xe lửa dài ngoằng giá đắt mẹ không đời nào chịu mua. Leo hai ba tầng lầu qua các phòng triển lãm thể dục, thể thao, giáo dục, thương nghiệp... hai mẹ con lục tìm gian hàng phục vụ thiếu nhi. Hết lồng đèn. Trong tủ kính chỉ còn mấy cái đèn gẫy, trên tường một số đèn mẫu treo không bán. Bé An muốn khóc. Sao mẹ nói dối con? Đừng giận Bé An, mình đi chỗ khác mua. Hay mẹ mua cho con hộp viết chì sáp để con học mẫu giáo? Bé An, hàng cần giấy giới thiệu.

Dĩ nhiên con không hiểu. Mẹ kéo con xuống mấy lượt cầu thang, con thở khò khè nghe tội. Đừng giận mẹ. Mình về Tân Định, con nhớ không, gần chỗ mẹ mua bánh cho con mỗi buổi sáng đi học đó. Con không chịu. Đường về con thôi nghịch, không nói chuyện với mẹ. Chiều xuống sậm sì. Mẹ thuyết phục, Tân Định có nhiều lồng đèn hơn khu triển lãm, giá đắt hơn nhưng mình tha hồ chọn. Bé An ôm lưng mẹ đi chớ. Con đi chơi về đừng bệnh nghe, sao tay con lạnh ngắt à. Bé An...

Sau cùng con cười úp mặt sau lưng mẹ. Rồi kìa, con thấy không? Cả một khu liền mấy gian phố rực rỡ đèn lồng. Những đứa bé có mẹ và ba dẫn đi chơi, và cũng có nhà để mang lồng đèn về. Bé An chọn chiếc tàu. Không, con gái không chơi tàu. Sao con không chọn bướm hay chim? Chim, bướm bay mất sao? Con mang tàu về nhà thả dưới nước chơi. Mẹ cười ngặt nghẽo. Ngọn nê-ông hắt ánh sáng qua những lớp giấy bóng màu, in trên má con những vệt sáng nhòe nhoẹt

ngũ sắc, hai con mắt tròn như hai dấu chấm hạnh phúc, vầng trán thơm đầy lông măng và tóc tơ. Dĩ nhiên mẹ chủ quan, và mẹ không ao ước gì hơn.

Hai mẹ con sau rốt đồng ý chọn con bướm nhỏ xíu, vừa xinh vừa rẻ. Mẹ lại tính. Nếu không mẹ đã không chở bé An ra Phó Đức Chính để tìm mua cho được lồng đèn quốc doanh giá đồng hạng 1 đồng 50 xu. Bao nhiêu cái này? Ba đồng! một đồng thôi. Làm gì có giá đó? Một đồng rưỡi. Chưa tới giá. Thôi một đồng rưỡi đi. Đã bảo chưa tới giá. Mẹ không muốn mặc cả niềm vui của con. Một niềm vui 2 đồng bạc, để thấy con cười toe, khoe hàm răng sữa.

Hình ảnh con đứng bé xíu trong đám đông, tay cầm cái lồng đèn bươm bướm và màu sắc của các gian hàng bán đèn lồng, mẹ thấy đẹp như nhìn qua cái kính vạn hoa. Bé An giống hệt nhân vật cổ tích của Perrault.

Có một điều mẹ không tưởng tượng được, ngay chính trong khung cảnh tuyệt vời đó, với con là một niềm cảm xúc vô tận của mẹ lúc ấy, một cánh tay nhỏ gầy guộc, một cái đầu bù xù, chiếc áo rách không cài nút... mẹ chỉ thoáng nhìn thấy chú bé sau khi cái lồng đèn bươm bướm đã bị giật khỏi tay con. Chú bé chạy tung ra đường, vướng xe té chồm tới trước, gượng ngồi dậy tiếp tục chạy băng qua phía chợ và mất hút trong hẻm chợ tối đen. Mẹ chỉ vụt nhìn thấy thật nhanh màu xanh của con bướm nhỏ bay loáng theo chú bé qua ánh điện trước hiên chợ. Còn bé An, ôi người bạn nhỏ của mẹ, con đứng ngơ ngác, rồi mếu máo òa khóc nhìn quanh.

Ngày chủ nhật đã hết. Mẹ chở con về lại ngôi nhà nhỏ ở Phú Nhuận. Tại sao nó giật lồng đèn của con? Mẹ nó đâu? Nhà nó ở đâu? Đó là những câu hỏi chính mẹ cũng muốn hỏi. Mình còn có chỗ để về, phải không bé An. Còn con bướm kia bay về đâu?

TRẦN THỊ NGH.
tháng tám, 1979



HANNAH L.G. VÕĐÌNH*

DƯƠNG THÙY *chuyển ngữ*

Hải cẩu



Tôi đã tỉnh ngủ, nằm yên dưới đống chăn len nặng chịch. Mặt trời giữa đông, mặt trời băng giá, tiến dần tiến dần đến ngưỡng cửa sổ. Tôi không thèm nhìn qua bên. Hắn trở về phòng thật khuya tối qua, mấy giờ cũng không biết nữa; nồng nặc mùi xì gà, mùi rượu vang, trở về với cả tiếng nói chát chúa của mấy sinh viên trong chương trình hắn là thành viên. Mấy anh ả sinh viên — rồi chẳng có ai thật tình thương yêu hắn đâu nhưng hắn không biết điều đó, hắn chỉ loay hoay xoay đi xoay lại cái máy ảnh, bộ tịch rất "nghệ sĩ", cốt để giựt le một cách vô bổ với một bọn đã dày dạn quá rồi. Trước khi đến Yale(1) hắn chụp được mấy tấm ảnh: Sư sãi Tây tạng, chùa chiền, chó chạy rông. Bây giờ những mẹo vặt của mấy ống kính nghệ thuật đương đại đầy dẫy trong ảnh của hắn: người mẫu bằng nhựa trong mấy tiệm áo quần, trần truồng, vết đâm, vết chém đầy mình, cái *strip-mall(2)* máu me bê bết, con *groundhog(3)* bầy nhầy, dòi bọ lúc nhúc xế một bãi cỏ xanh tươi ở ngoại ô. Những hình ảnh ghê tởm được ống kính ghi lại với đầy đủ màu sắc và chi tiết cực thực.

Mới đây thôi, một buổi triển lãm trong trường, sinh viên nam

nữ đi đứng loanh quanh, bàn luận một cách nghiêm trọng về những nhiếp ảnh phẩm, tôi cố nén giữ cái cười mắc trong họng cứ chực phát ra khi cái cảnh trước mắt làm tôi nhớ lại bọn con nít ham ăn, đứa nào cũng mập nung mập núc mà cứ diễn cái trò làm cho mấy đấng sinh thành sợ hết hồn khi thình lình chúng túa ra, xích sắt loảng xoảng quấn ngang quấn dọc, sơn đỏ giả máu bê bết đầy mình!

Hắn ngủ dậy một cái là TV nổi lên. Mấy thằng đầu trọc mồm loa mép dãi, mấy chị đàn bà luôn luôn sẵn sàng phô bày của trời cho, mấy anh cảnh sát mặt mũi nghiêm trọng hè hụi kéo ra mấy cái thi thể mặc độc thứ đồ nhựa đen. Hắn gọi đó là nghiên cứu, là soạn bài, là bất cứ gì để tôi khỏi than phiền thôi.

Tôi cũng chẳng thèm đánh thức hắn. Như thế tôi thư thả dậy sớm, yên lặng làm quen lại với đất trời. Dậy sớm, tôi đi bộ khi mặt trời sáng bóng như một trái cây chín muồi, phát ra những ánh hồng, những hoàng kim bao trùm vạn vật. Ánh dương chiếu sáng lên cả chiếc *Celica,* ca-pốt dựng đứng lên như thể kinh ngạc thấy hai bánh xe của nó được kê trên mấy cục *concrete bolcks(4)* trong khi ruột gan phèo phổi bên trong lại bị bòn mót tiêu dần dần. Cây Nô-en nhà hàng xóm, "bỏ quên" ở bìa rừng, mấy sợi ngân tuyến thảm thương gió thổi vật vờ quanh đám cành lá khô queo. Vài hòn đá lớn, cao vượt đầu tôi, loang lỗ rêu mốc trắng xanh. Xa hơn, mấy dãi sương mù chờ nắng lên để bay bổng từ mặt nước lên trời. Trời xanh cao, trời lạnh ngắt, trời mênh mông, trời gớm ghê. Tôi lần xuống bãi biển dưới kia, nơi mấy chiếc thuyền buồm nhỏ được neo, tiếng phong linh lanh canh trong gió. Ngoài mấy con hải âu, tuyệt nhiên không có bóng người.

*

Lần đầu tiên thấy anh bơi vô, tôi dừng lại đưa tay lên che nắng chói mắt. Mặt trời chan hòa nhưng tôi chỉ thấy được một khúc chóp của tấm *surfboard*(5) đỏ, đầu anh sát mặt nước, hai tay bơi liên hồi. Nước biển lóe sáng trên bộ *wetsuit(6)* đen, trong khi hải âu, cả chục con, lượn vòng trên đầu anh. Tôi tiếp tục lội bộ trên tuyết dày, lên đến tận sở bưu điện nhỏ xíu của làng. Khi tôi trở lại, anh đã đi đâu mất; dăm ba con hải âu còn đứng đó, rỉa lông. Hai tuần lễ sau tôi mới gặp lại anh trên bãi; anh đang bẻ nát hai ổ bánh mì vất cho chim ăn, bọn chim biển ồn ào xao xác kia.

Day qua tôi, anh cười chào. Bộ râu đậm màu đóng đầy nước đá.

Tôi nói: Chào anh. Tôi thấy anh bơi hôm nọ... Anh không lạnh à? Lạnh chết đi!

- Thiên hạ tưởng tôi điên đấy. Ai đời mới tháng Giêng đã ra đây. Ngày nào tôi cũng ra bơi. Tôi bơi ra tận ngoài đảo kia kìa, chừng hai dặm...

Anh phủi bánh vụn dính đầy hai tay rồi đăm đăm nhìn ra chân trời xa. Tôi im lặng không nói.

- Tôi ước ao được bơi cùng đám hải cẩu ngoài kia. Nghe nói chúng đã tới Mystic và đang trên đường về vùng này.

Anh nói, chậm rãi; thò tay vào xắc kéo ra thêm ổ bánh nữa rồi bắt đầu bẻ nát cho chim ăn.

- Cô thử bơi ra xem sao.

Tôi gật đầu:

- Tôi cũng muốn thử lắm. Xem sao. Nhưng tôi không có một bộ *wetsuit.*

Anh lắc đầu:

- Thật ra, cô biết không, người ta gọi *wetsuit* bởi vì mặc nó nước vẫn lọt vào được. Cái tôi đang mặc đây này, tôi gọi là *drysuit(7)* Mới tròng vào thì lạnh đấy, nhưng chốc sau lại ấm dần lên.

Tôi đã bắt đầu bước đi, rồi nói vọng lại, "Tôi không đủ tiền mua đâu!" Tôi đi vòng qua sở bưu điện làng, ghé mua một ổ bánh, và khi tôi trở lại thì anh và cái *surfboard* của anh đã biến mất rồi, chỉ còn mấy con hải âu đứng loanh quanh rỉa lông. Tôi đứng lại trên bãi, nhìn nước biển, nhìn xa hơn, xa hơn, nơi nghe nói có những con hải cẩu màu nâu đậm, láng lườm, thân hình đầy thương tích sau chuyến bơi xa; biết đâu có những con hải cẩu đang chờ đợi ngoài kia...

*

Mấy sáng nay, trời còn mờ mờ, tôi đã tỉnh giấc, nằm yên nghe hắn ngáy đứt quãng, nằm yên dò theo ánh sáng đầu tiên của mặt trời hắn thù ghét, ánh sáng còn huyền ảo lên cao chừng nào thì cái bóng đen của tủ áo quần tụt dần xuống thấp chừng ấy. Tôi nghĩ đến người hải cẩu, trầm mình vào nước lạnh cóng, khi trời mới vừa ửng sáng. Khi thế giới còn chưa định hình. Khi hình thù của đồ vật, của thực tại, còn mơ hồ chưa rõ nét. Khi thế giới vừa rời bỏ giấc mộng mê, chưa bị bóp méo, xáo trộn bởi tiếng ầm vang của những xe tải 18 - bánh, tiếng còi xe bực dọc hối hả, *Good Morning America(8)* và những máy *snow-blowers(9)* tốc lực đôi. Thế giới đang còn nín thở.

Người hải cẩu đã ra ngoài đó rồi, bơi nằm sát mặt nước, tuyệt nhiên không một tiếng động ngoài những giọt nước biển rơi lõm bõm mỗi khi anh vung tay lên. Hơi thở anh không làm tan nổi nước đã đóng

băng nơi bộ râu anh. Thỉnh thoảng, anh nghỉ bơi, hai tay duỗi thẳng ra như ôm choàng lấy cả trái đất.

Cái gì, ha, cái gì đã thúc đẩy anh rời bỏ chăn nệm ấm êm khi trời còn tối, trong lúc vợ con đang còn yên ổn với màu sắc của những giấc mơ đẹp? Cái gì đã kéo anh ra khỏi giường, ra khỏi nhà, vừa đi vừa run trong không khí băng giá những sớm mai mùa đông miền Bắc, đi xuống tận bờ vịnh dưới kia, nơi đêm ngày sóng bạc tấp vào, liếm mãi lên bờ cát, đi xuống đó trong khi đám hải âu đã bắt đầu tụ lại phía trên đầu? Thủy triều nào trong lòng đã cuốn lấy anh, rút anh theo xuống dưới cái nước giá lạnh đến nỗi phổi anh co rút lại, đẩy phăng ra ngoài số dưỡng khí còn dự trữ, lôi anh, kéo anh ra tận vùng khơi bên ngoài vịnh kia? Địa bàn nào đã dẫn dắt anh về phía mặt trời trong khi bóng đêm chưa rút khỏi chân trời phía Tây?

Tôi quay lưng, đi xa mất vì tôi không thể đặt ra những câu hỏi này và nếu tôi có hỏi thì anh cũng không thể trả lời được. Sự có mặt của tôi ở bãi biển vắng này đã khiến anh lấn qua bên kia biên giới: từ một giấc mơ qua cuộc sống thông tục, từ biển khơi xa hút lên tới đất liền... Biết đâu rồi, có cơ hội, anh lại chẳng cho tôi biết rằng *drysuits* hiện đang được đại hạ giá ở *Boats & More*, chỉ còn $269.99 thôi, rằng anh đang dượt luyện thật vất vả để tham dự cuộc *triathalon(10)* năm tới, rằng đôi lúc anh đeo cái *walkman(11)* bởi vì anh chẳng biết làm gì hơn.

Tôi không muốn nghe những chuyện ấy. Tôi không muốn bơi đằng sau anh, ráng nghe cho được cái thinh lặng bên dưới những câu trao đổi tầm phào của anh cũng như của tôi. Không, tôi chỉ nằm yên dưới đống chăn len dày, dõi theo anh, và những con hải âu xuống dưới Vịnh, ra xa hơn, ngoài kia. Đôi lúc, một con hải âu kêu lên, thất thanh. Mặt trời khơi lên từ lòng đại dương những đống vàng sáng rực. Hai cánh tay anh ngoài xa tít mù, lên xuống, lên xuống, nhịp nhàng. Tôi chui vào bộ *drysuit* của anh, vào làn da và bắp thịt anh, tôi thở sâu, tôi thở đều, tôi chui vào một nơi không còn thời gian nữa, một nơi không còn có ý nghĩa, không còn có suy tư, một nơi tôi chỉ nghe thấy tiếng đập của tim tôi. Và tôi lắng tai. Và tôi nghe được tiếng kêu của đám hải cẩu, từ xa, rất xa...

HANNAH L.G. VÕ ĐÌNH
bản dịch Việt của DƯƠNG THÙY
VIII- 1999

Chú thích:

Người dịch cố ý để y một số từ ngữ của nguyên tác Anh văn. Những chú thích dưới

đây đặc biệt cho độc giả cư ngụ bên ngoài những xứ nói Anh ngữ, hoặc những người không quen thuộc với đời sống ở Hoa kỳ.
(1) Yale: đại học danh tiếng hàng đầu ở miền Đông Bắc Hoa kỳ.
(2) strip-mall: ở những vùng mở mang cao độ, thành phố chính lấn dần ra ngoài: các hàng quán, các dịch vụ tập trung lại một nơi gần xa lộ. Rộng lớn, đồ sộ, tiện lợi, nhanh chóng, nhưng cũng lạnh lẽo, nhạt nhẽo, lòe loẹt.
(3) groundhog: một loại thú nhỏ, làm hang dưới đất, tựa như con cùi lúi ở Việt nam.
(4) concrete blocks: xi măng, sỏi cát đúc lại thành tảng lớn hình vuông chữ nhật, dùng để xây cất. Ở VN gọi là "táp-lô" (Pháp: tableaux)
(5) surfboard: tấm gỗ hay nhựa, hẹp và dài, dùng để "lượn" trên sóng. Một môn thể thao rất thịnh hành ở Mỹ.
(6) wetsuit: bộ áo và quần may liền với nhau, thường bằng cao-su, mặc sát vào người. Đặc biệt cần thiết cho người nhái.
(7) drysuit: người hải cẩu "chơi chữ". Tiếng Anh, *wet* là ướt, *dry* là khô.
(8) Good Morning America: chương trình TV mỗi sáng tinh mơ (tin tức, thời tiết, chuyện ba xàm...)
(9) snowblowers: máy chạy xăng, thổi bay tuyết ngập lối đi, khỏi phải còm lưng xúc đổ.
(10) triathalon: thi đua điền kinh ba thứ: bơi, chạy, nhảy.
(11) walkman: máy nghe; tròng vào hai tai thì mình nghe được, người khác không nghe.

* Hannah L.G. Võ Đình
Tác giả sinh năm 1967 ở New York, có tên Việt là Linh Giang, là con gái út của họa sĩ / nhà văn Võ Đình (L.G.)

ĐÍNH CHÍNH

Hợp Lưu số 49 (10-11/99) có bài của Võ Đình,
trang 203, câu cuối, đã in sai:

Tất cả những gì trong thế giới tạo hình là một thức ăn tinh thần cần thiết như...

Xin sửa lại cho đúng:

Tất cả những gì trong giới tạo hình **làm việc cho một nước Việt Nam trong tương lai ở đó nghệ thuật tạo hình** là một thức ăn tinh thần cần thiết như...

(những chữ in đậm do tòa soạn lưu ý)

Chân thành xin lỗi tác giả và độc giả.

HỢP LƯU



NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

Nhảy xuống với bùn



Cống lại vỡ ở xóm Cây Vú Sữa. Nước dơ từ những nhà riêng lại trào ra đường. Để đỡ mất công chuyển dịch, các loại nước thải lâu nay "hùng cứ" ở cái sàn nước nhà sau được chuyển dần ra mặt tiền khi sử dụng như nước giặt đồ, nước vo gạo, nước rửa cá, rửa rau... Thậm chí người ta tắm, hứng nước trong thau to rồi khiêng ra trước trút...

Trung bình một năm cống vỡ một lần. Thường là vào những lúc mưa tầm tã nhất và chấm dứt khi mùa khô vừa tới. Nếu ở một xóm nào khác, có lẽ tình trạng này sẽ được giải quyết nhanh hơn. Còn Cây Vú Sữa là một xóm khá "phức tạp". Người có tiền ở lẫn lộn với người không tiền. Người lành ở chung với người dữ. Nên sanh ra bì tỵ nhau, đa số cho rằng ông Bảy Bớp phải "bao" toàn bộ chi phí sửa cống vì họ thấy cái xe ba gác máy chở hai phuy dầu tổ chảng của ông là thủ phạm gây ra nạn cống vỡ hàng năm. Nhưng cái miệng của ông Bảy còn hơn miệng phụ nữ, ông la bài hãi mỗi lần họp tổ. Lúc chối quanh co, khi hùng hổ hăm dọa, thấy không ổn lại than thở gánh nặng gia đình không kham nổi, nên rốt rồi cả tổ đành phải đồng ý cho ông đóng một phần tiền đúng như tổng chi phí sửa cống chia đều cho số hộ liên quan tới khu cống vỡ.

Hơn năm mươi phần trăm gia đình trong xóm Cây Vú Sữa kiếm ăn kiếm việc hằng ngày hết sức khó khăn, nói chi tới chuyện nộp tiền làm cống. Nhóm dư ăn thì đừng hòng lọi ra thêm một cắc nào

ngoài phần tiền họ phải đóng. Cứ vậy, hai bên thi gan nhau... Chờ mãi đến khi mùa mưa dứt, tiền công xá sửa cống hạ bớt vì đã đỡ nhọc bằng mùa "cao điểm", những gia đình không tiền lúc đó mới chịu đóng góp bằng cách góp người phụ vào việc hốt mớ bùn xình vương vãi khắp nơi sau khi thông cống...

Chiếc gác của Duyên có một bao lơn nhô ra che mát khoảng đất ngay tấm cống vỡ. Cô thường ngồi viết trên mấy miếng ván mục nát ngoài bao lơn vào ban đêm dưới ánh sáng ngọn đèn chung của tổ để tiết kiệm điện. Ngoài cô, không ai dám bước ra ngoài ấy vì sợ rớt. Nếu rơi xuống, Duyên sẽ đụng phải gánh hủ tíu thất nghiệp của chị Liễu gầy... Sự kiện cống vỡ không làm cho nơi ấy bớt khách đi, khách vẫn đến đó, ngồi chồm hổm trên ghế nhỏ với nước dơ lấp xấp dưới chân... Cả xóm thường tụ về đây. Ăn là phụ! Còn chuyện chính là họ có nhu cầu trao đổi tin tức sinh hoạt khắp nơi, chuyện ai giựt chồng ai, chuyện giá chợ đen ở rạp Đại Đồng hôm nay bao nhiêu, chuyện cô đào Bê Bê lên tiếng bảo vệ súc vật, chuyện tầng ô-zôn sắp thủng, chuyện ô nhiễm môi sinh, chuyện ngoài Trung lụt đói, chuyện lật xe miệt Bình Chánh, chuyện mở đường xấn nhà ở Hố Nai, Tân Bình.v.v...

Đề tài hiện đang được nơi đây bàn cãi sôi nổi là họ chờ coi anh Công An khu vực mới về sẽ xử lý thế nào với chuyện cống vỡ. Họ đã đánh hơi thấy được anh Lân này có cái vẻ gì đó khác hẳn với anh Giáp trước đây. Anh Giáp hồi mới về cũng hăng hái lắm. Anh hốt trọn sòng bạc cò con tổ chức "pẹt-ma-năng" dưới gốc cây Vú Sữa. Anh bắt má Hiền ngồi viết bảng cam kết không được biến nhà thành động chứa nữa... Nhưng từ khi Giáp để ý cô Xinh thì mọi người đâm lờn anh. Cô Xinh cứ ra vô sòng Cây Vú Sữa chơi, anh đi ngang ngó còn chúm chím cười. Cô Xinh lại cho đám con gái nuôi của má Hiền vay tiền nên anh cũng nới tay với má. Thậm chí ba cái chuyện đánh nhau ầm ĩ cả xóm, Thiết Đầu Đà đứng ra giảng hòa, họ còn nghe hơn nghe anh. Giáp nói như năn nỉ cô Xinh, ít ra mọi người phải nể anh một chút, thấy anh xuống xóm phải tạm ngưng chơi bài trong chốc lát. Cô Xinh truyền đạt lời ấy, bạn bài của cô đồng ý giả bộ tan sòng khi thấy bóng anh. Nhưng cấp trên của anh thì không thể giả bộ lơ cho anh được. Giáp bị đổi đi...

Ở dưới gánh hủ tíu của Liễu gầy, mọi người đang bàn tới tướng mặt của Lân. Họ nói anh này tên Lân mà tướng rồng, mạng hỏa. Tuần trước năn nỉ đám có tiền quyên góp ủng hộ thêm không được, lại bị nhóm không tiền ghẹo, khuyên anh nên giữ "truyền thống" của xóm là chờ mưa ngớt rồi hãy ra tay. Lân giận run, mặt tái ngắt, tuyên bố một câu xanh dờn là nếu không sửa được đường cống sụp này trong

vòng mười ngày, anh sẽ xin thôi, không làm ở cái xóm này nữa. Rồi nắm tiền thâu được trong tay, anh giải tán buổi họp.

Hôm đó, Duyên cũng có đi họp, cô không thuộc nhóm giàu hay nhóm nghèo. Cô đang là một phóng viên, phụ trách phần tin và bài về sân khấu cho một tờ báo, tạm đủ sống. Cô lại đang có một nỗi buồn riêng tới độ cô chỉ muốn chuyển nghề.

Gần đây, một số bài viết của cô đụng chạm tới anh em trong giới sân khấu, khiến họ gần như tẩy chay cô. Phản ứng gần đây nhứt của họ là khi cô cùng một cô bạn đồng nghiệp đi xem một vở tuồng mới để viết bài, nhóm lãnh đạo đoàn đã để hai người đứng coi suốt vở. Thậm chí, họ còn kêu nhân viên rạp ngăn cản lúc cô đưa máy chụp một cảnh đang diễn là một chuyện trước đây họ năn nỉ cô làm. Một trưởng đoàn ca nhạc đâm đơn đi kiện cô vì cô đã có bài chạm tới chuyện bà cho thuê bảng hiệu cùng với một số đoàn ca kịch khác...

Đã vậy, một, hai đàn anh trong nghề gặp cô lại mắng:

- "Phận con gái chưa chồng ở sao cho người ta thương. Hồi mới vô nghề tụi anh cũng có nhu cầu "giữa đường thấy sự bất bằng mà tha". Nhưng ai hiểu cho mình, đa số cứ nghĩ em muốn nổi "chơi bạo lấy tiếng ngu!".

Phần Duyên, ngược lại, cô không chịu nổi những bài viết mang tính cách "dĩ hòa vi quý" với những vấn đề cần có thái độ của những bậc đàn anh. Cô biết có anh còn liều đến độ không thèm đi thực tế, cứ ở nhà viết như thánh lại còn tự hào như vậy mới là nhà báo chuyên nghiệp, còn dạng lăn lóc đi săn tin viết bài như Tố Duyên là phóng viên nghiệp dư...

Riết rồi cô thấy chẳng ai thương mình ngoài số độc gia thỉnh thoảng viết thư về động viên. Nhưng những người không quen biết đó chưa bù lại nỗi đau tinh thần của cô khi một hôm, một diễn viên to con nổi tiếng giỏi võ, nghe lời kích động của một ông bầu suýt nhào tới đánh cô. Chính ông bầu ấy thì lại đóng vai giả nhân giả nghĩa chậm nước mắt sụt sùi:

- "Sân khấu đói lắm Duyên ơi! Viết như em người ta bỏ sân khấu hết".

Nghĩ tới đây Duyên nghe nghẹn ngang cổ. Theo cô, sân khấu suy sụp phần lớn do một số người trong nghề tự phá. Họ làm ẩu, buông xuôi, cốt lợi phần mình, ít nghĩ tới những người ở dưới đáy của sự cùng cực như anh em hậu đài, diễn viên quần chúng. May mà những anh em đó gặp cô ở đâu cũng bày tỏ tình cảm, dù là một cách lén lút vì sợ những "chóp by" trong đoàn ngó thấy. Ngay hôm vừa rồi, cô biết anh Quờn ánh sáng sẽ bị la khi nhường ghế cho cô nên cô

cương quyết không ngồi.

Ngó tới, ngó lui, Duyên đành phải chuyển nghề. Chỉ hơi tiếc một điều, cô đã đầu tư khá sâu vào nghiệp này, cô chưa thấy mê một nghề khác, nhưng mà phải chuyển thôi! Ở lại, sống, viết, đôi khi thấy lạnh nhưng... những người thương cô thì không tiền, không quyền hoặc ở quá xa nên chẳng thể đỡ cho cô khi có một anh chàng to con nào đó cung tay muốn đánh...

*

Đám nói chuyện bỗng im một chút. Cô ngó xuống. Hóa ra nhân vật chính của câu chuyện nãy giờ đang đi tới: Lân, cùng với một người con trai khác, cũng to khỏe như anh. Hôm nay anh mượn ai không biết, một cái quần đen cụt tới đầu gối, một cái áo trắng màu cháo lòng với một bao bố lùng nhùng cuốc xẻng... Không có đồng phục, không súng, nhưng ngó mặt Lân lúc đó "ngầu" không kém Thiết Đầu Đà. Sòng bạc cò con ở Cây Vú Sữa cũng tạm tan hàng. Những chiếc miệng đang bàn thiên hạ sự ở gánh hủ tíu chị Liễu giờ mới chuyển sang ăn. Trong im lặng, chỉ nghe tiếng bước tới lủm bủm trong nước của Lân cùng bạn, và tiếng húp nước lèo xì xụp của khách hàng chị Liễu...

Lân nó nhỏ nhẹ với chủ gánh hủ tíu:

- "Chị Liễu tạm ngưng bán một vài giờ giùm tôi!"

Liễu đùa, giọng nhão như bao giờ:

- "Anh Lân biểu em nghỉ cả ngày em cũng nghỉ, miễn anh đền em sở hụi nguyên gánh hủ tíu này..."

Mọi người cười rộ. Lân đỏ mặt, di chuyển những cái ghế chồng lên nhau rồi cất tạm vào nhà Bảy Bốp. Khách ăn lần lượt đứng lên. Nói vậy chớ Liễu gầy cũng chuyển dần gánh hàng vào nhà Sáu Xăng Dầu... Chỉ có Xinh là còn đủng đỉnh ăn. Lân đứng trợn mắt sốt ruột đợi cô. Có ai đó buông lời bình:

- "Ngó anh Lân giống Quan Công phò nhị tẩu"

Lại cười cái rầm! Vậy đó! Hồi còn Giáp thì họ gọi tên anh và cô Xinh là Thầy Đề và Thị Hến... Tô hủ tíu của Xinh rồi cũng phải hết. Cô liếc thấy mắt Lân mà sợ. Chẳng đẩy đưa được với anh này như với anh Giáp rồi...

Có mặt bằng trống trải xong, trước một đám quần chúng bu vòng tròn coi như người ta coi sơn đông mãi võ, Lân im lặng lấy đồ nghề trong bao bố ra rồi cùng với anh kia nạy nắp cống lên... Một tiếng ồ

khá to khi Lân nhảy xuống mớ bùn đen xì xoạp lầy nhầy. Mặc kệ những lời thán phục, xuýt xoa và cả mỉa mai cho rằng anh liều mạng vì một mục đích lợi danh nào đó... Lân lằng nhằng vét bùn chuyển lên...

Được một lát, Lân nhảy lên miệng cống đọc một danh sách mà ai cũng biết đó là những người không đóng tiền được:

- "Phong, Ba Nhỏ, Sáu Xẩn, Thằng Ông Diệm, Chú Q, Huấn, Tám Chớt... đi theo tôi chở cống về..."

Xinh vụt miệng:

- "Muốn đặt cống phải có nghề!"

Người đi theo Lân nói dùm anh:

- "Tôi ở trong đội làm cống. Một tuần nay anh Lân đi học nghề đặt cống với tụi tôi"

*

Khi những đống bùn cuối cùng đã được hốt đi, gánh hủ tíu của chị Liễu gầy, nơi bà con vẫn gọi đùa là đài phát thanh nhân dân lại hoạt động như xưa.

Riêng Duyên, sau hôm ấy, cô quyết định không bỏ nghề nữa. Ai cũng thấy Lân yêu cái nghề của anh hơn Giáp và đó là lý do sự tồn tại của anh. Tương lai anh sẽ dễ dàng dẹp được sòng bạc ở gốc Cây Vú Sữa và thuyết phục được má Hiền chuyển nghề.

Như Lân chấp nhận nhảy xuống chiếc cống vỡ, cô cũng phải nhảy vào những tị hiềm điều tiếng dư luận búa rìu rác bùn bôi trét... Nếu ngày nào cô còn yêu cái ngành sân khấu này và cái nghiệp viết lách như một đạo, phải theo...

1993

NGUYỄN THỊ MINH NGỌC



VŨ ANH MAI

Ổ gà



7:45 sáng,

Từ khi lái xe ra khỏi con đường nhỏ Standford, rồi nhập vào dòng lưu thông đông đúc trên đại lộ Brookhurst vào giờ cao điểm buổi sáng, Đằng chợt cảm thấy hụt hẫng. Cảm giác chờ đợi một điều gì đó nhưng nó lại không đến. Cảm giác của thiếu sót. Cảm giác của mất mát. Cái gì vậy? Để quên ở nhà một vật cần thiết hay vài giấy tờ quan trọng chăng? Đằng tự hỏi.

Đèn đỏ bật sáng. May quá! Đằng dừng xe, đưa mắt nhìn kiểm soát ghế trước, ghế sau. Tay cài dây an toàn, tay với chiếc cặp nằm ở phía sau, Đằng huýt sáo một điệu nhạc vui.

...hắn cứ loay hoay lục lọi trong chiếc xe, mặc dù đèn giao thông đã chuyển sang màu xanh từ lâu. Chỉ cho đến khi hàng loạt tiếng còi xe vang lên inh ỏi, hắn mới giật mình đạp vội chân ga cho chiếc Acura băng vọt qua ngã tư. Khi chiếc xe vừa chồm lên thì đèn hiệu đỏ cũng vừa sáng. Thế là những tiếng còi xe cứ rền la liên hồi như những làn sóng đuổi theo hắn. Thò một bàn tay ra ngoài cửa xe, hắn hấp tấp ra hiệu xin lỗi những người phía sau. Rồi bàn tay lại được vội vã hạ xuống, hắn tiếp tục cuộc lục lọi dở dang...

Lần từng chiếc chìa khoá, Đằng lẩm nhẩm đếm:

"Một, hai, ba...bảy, tám. Đủ cả!"

Một chiếc mở cửa nhà xe, hai chiếc dùng trong phòng làm việc, hai chìa khoá tủ, hai chìa khoá mở cửa nhà và một chìa khoá xe.

"Thế thì là cái quái quỉ gì?" Đằng tự hỏi.

..hắn làm như còn mê ngủ, nên chiếc xe cứ rề rà lăn bánh, không màng đến bao nhiêu chiếc xe khác đang nối đuôi dài ngoằng đằng sau. Hắn có lẽ đã quên lúc này là lúc mà mọi người phải chạy hối hả cho kịp giờ làm việc, nên cứ thản nhiên đưa mắt nhìn từng chiếc xe vượt qua. Bình thường, hắn không bao giờ để thiên hạ cho hít bụi như thế, mà chính hắn phải phun khói xe trước lỗ mũi kẻ khác...

Đằng nhìn đoạn đường trước mặt. Ánh mắt xa xăm. Con đường mỗi ngày đi đến sở làm, trong suốt cả sáu năm qua, hôm nay trông thật xa lạ. Bảng hiệu quảng cáo được giăng những bóng đèn đủ màu chớp sáng lập loè của một ngân hàng thoáng qua trong mắt. Đằng nhìn vào dãy máy ATM, hiện không có một bóng người, chỉ sừng sững một hình nộm ông già Noel tươi cười đưa tay ngoắc ngoắc.

...hắn vẫn thường rút tiền từ những chiếc máy ATM ở ngân hàng này. Ồ, hình như có điều gì khiến ánh mắt hắn trở nên sinh động hẳn...

Nhổm mông lên, vội vàng thọc tay vào trong túi quần sau Đằng rút ra thật nhanh cái bóp đen đã lên bóng nước. Đặt chiếc bóp lên tay lái, Đằng mở toang ra xem.

...nét mặt hắn có vẻ dịu xuống khi nhìn thấy bức ảnh con gái và vợ. Hắn lục lọi, móc moi ra những tấm thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng và đủ thứ thẻ gì.. gì nữa trong bóp...

Bằng lái xe, thẻ sinh viên cũ, hai thẻ tín dụng, hai thẻ ATM. Tất cả đều nằm yên theo thứ tự quen thuộc. "Đủ cả!" Đằng thở dài. Không tin ở kết quả đúng đó, Đằng đếm lại thêm một lần nữa.

Không thiếu một thứ gì. Đằng hoang mang: "Vậy thì là cái quái quỉ gì?

...nhét chiếc bóp trở lại, hắn thừ người nhìn cổng sở làm cách xa khoảng ba ngã tư. Hắn cố vận dụng trí nhớ để tìm cho ra nguyên nhân đang làm đau khổ hắn. Hắn chợt nhướng mày, mừng rỡ...

Đè mạnh mông trái lên ghế để mong có cảm giác cuả một cái túi trống rỗng, nhưng Đằng đã thất vọng khi lôi ra trong túi quần tờ giấy một đồng mới tinh được xếp làm đôi mà cô gái Mễ trong tiệm McDonald thối lại ngày hôm qua. Mọi thứ thẻ đầy đủ. Tờ giấy một đồng không mất. "Vậy thì là cái gì?" Đằng cảm thấy ngớ ngẫn.

...chiếc Acura nằm thật gọn ở chỗ đậu xe dành riêng cho hắn. Hắn bước xuống xem xét thật kỹ chiếc xe màu đen bóng loáng không một vệt bụi...

Đằng lắc đầu khi không có bất kỳ một vết trầy nào được tìm thấy. Có lẽ đây là lần đầu tiên, Đằng bước vào sở làm một cách uể oải trong ngày thứ sáu. Đặc biệt, ngày thứ sáu của kỳ long-weekend mùa giáng sinh.

8:30 sáng,

...Trong điệu bộ chán nản, hắn quăng mình trên ghế, thừ người nhìn bầu trời trong xanh không một gợn mây qua khung cửa sổ. Chồng hồ sơ dầy cộm phải hoàn tất trước năm mới đã làm xong từ ngày hôm kia. Trong bầu không khí hội hè chẳng một ai muốn bận rộn với công việc nhưng hắn kiên nhẫn xem xét từng hồ sơ một. Hắn cố tìm ra một sai sót nào đó và ...hắn đã uổng công chờ đợi.

11:00 sáng,

Áp chiếc điện thoại bên tai, Đằng nhận ra giọng nói cô thư ký đang léo nhéo đầu giây bên kia. Với giọng nói có vẻ không vui, cô ta nhắn rằng ông giám đốc chủ hãng muốn gặp sau giờ ăn trưa tại văn phòng ông ta. Buông điện thoại, Đằng cảm thấy bồn chồn không yên.

... "Chuyện gì vậy cà?" hắn lẩm bẩm. Chồng hồ sơ mới nhất hoàn hảo. Hay là một sơ sót nào trong quá khứ? Chết rồi! Có thể dám là hồ sơ mượn tiền mua nhà của một người bà con có credit không tốt nhưng hắn đã lờ đi rồi thay đổi một chút để được phân lời thấp. Chuyện này đã xảy ra cách đây cả hơn năm rồi mà. Thường thì những chuyện như thế nếu có gặp trở ngại thì 2 tuần là biết ngay, lúc đó đủ mọi lý do mà đổ thừa. Hắn vội vã nhớ lại từng điệu bộ, cử chỉ và lời nói của viên giám đốc, khi gặp ông ta sáng nay, ngay trước cửa phòng làm việc của hắn. Không thể có vấn đề gì được, vì ông ta còn đùa với

hắn mà. Sa thải, đuổi việc, trừ lương và hàng tá rủi ro khác trong thời buổi kinh tế khó khăn cứ ào ào ập đến trong trí tưởng tượng của hắn. Ơ, mà ai lại làm những việc ấy trong những ngày được chúc phúc này," hắn lẩm nhẩm...

2:00 chiều,

Đằng thở phào nhẹ nhỏm và rời văn phòng giám đốc. Ông mời Đằng đến căn nhà nghỉ ở Big Bear chơi trượt tuyết với gia đình ông ta ngày 25. Một đặc ân mà chỉ một số rất ít nhân viên tín cẩn mới được.

...Hắn tươi tỉnh hẳn và cảm thấy dễ chịu hơn. Hắn cười thật tươi khi chúc mừng merry chistmas với mấy cô thư ký, bông đùa với họ thêm vài câu vớ vẩn. Rồi, hắn tỏ ra kiên nhẫn lắng nghe bà đồng nghiệp già kể lể sự lo lắng cho con mèo của bà bỗng dở chứng biếng ăn và hắn còn góp ý với bà về nghệ thuật nuôi mèo nữa chứ...

Trở lại phòng làm việc của mình, Đằng xếp lại chồng hồ sơ gọn gàng, sẵn sàng để trình cấp trên sau mùa lễ. "Mèo với lại chả chuột" Đằng vừa cười, vưa lẩm bẩm khi nhớ lại cuộc đối thoại lúc nãy. Hai chữ "mèo chuột" vừa thoáng qua, chợt đứng lại loé sáng trong trí, Đằng giật mình, toát mồ hôi lạnh.

...hắn nhìn bức ảnh của vợ và con như thôi miên một lúc rồi cúi mặt, đưa hai tay ôm đầu. Hắn đờ đẫn dựa lưng vào tủ hồ sơ, ánh mắt đăm chiêu...

Nhớ lại, sáng nay, vợ Đằng, đã thật vui lúc tiễn Đằng ra cửa. Không thấy có một dấu hiệu nào chứng tỏ cô ấy biết chuyện đó. Về phần cô gái kia, Đằng chẳng cho cô ta bất kỳ số liên lạc nào. Còn số điện thoại cuả cô ta, Đằng không ghi lại mà nhớ thuộc lòng, và chỉ dùng điện thoại công cộng để gọi khi muốn mà thôi.

....hắn nhớ lại những lần vụng trộm của mình được ngụy trang khéo léo bằng những buổi họp bất ngờ hay chuyến đi công tác dài ngày với thượng cấp. Sự dàn xếp rất hoàn hảo do đã thông đồng từ trước với viên supervisor trực tiếp của hắn. Bởi cả hai là bạn học lúc trước và cùng giúp nhau trong những trường hợp tương tự. Hắn quen cô ấy trong một lần đi công tác. Không đẹp bằng vợ hắn, nhưng cô ta khêu gợi vô cùng. Cô ta cũng đang có chồng, một con. Cũng là người

Việt và chịu chơi. Thế thôi! Hắn lao vào cuộc phiêu lưu không tí mặc cảm.

Đằng nhớ một lần gặp cô ta ở nhà hàng. Đằng đi với vợ. Cô ta đi với một người đàn ông, đẹp trai, cao ráo. Chồng? Bạn trai? Mặc kệ. Vợ? Bạn gái? Mặc kệ. Hai ánh mắt đồng loã nhưng giả bộ vô tình một cách cố ý nhìn nhau. Dửng dưng. Mặc kệ. Vợ Đằng chỉ hỏi một câu: "Hồi nãy than đói mà bây giờ lại ăn uống uể oải vậy anh?" Đằng cười giả lả mấy câu, rồi đột ngột rủ vợ đi shopping.

Nhớ lại những chi tiết như thế, hắn mới nhận ra rằng chuyện ấy đâu có vô tình, đơn giản như hắn tưởng. Hắn cũng khó chịu chứ? Vì mặc cảm nói dối? Hay vì người đàn ông kia? Những phút hoan lạc ấy không ở lại lâu như cái khó chịu hiện tại này. Nhưng, vợ hắn đâu có biết! Vả lại, hắn đâu có yêu thương gì người đàn bà kia. Cả hai chỉ là vui chơi thôi. Chắc là một cái gì khác?

Quên đi chuyện phiêu lưu tình ái kia, Đằng cố gắng mà không nghĩ ra nổi cái gì sai đã khiến mình khó chịu cả ngày. Cánh cửa nhà quên đóng? Lò gaz quên tắt? Không phải! Vợ Đằng không đi làm ngày hôm nay. Cô ấy ở nhà trang hoàng cây thông, nấu nướng cho cái réveillon tối mai và vừa gọi điện thoại tới cách đây chưa đầy một giờ.

...hắn lại suy nghĩ miên man tới những lần thiếu sót trách nhiệm khác với gia đình và suy diễn ra hàng loạt hậu quả.

Không một câu trả lời. Cứ nghĩ suy rồi lại suy nghĩ, Đằng muốn phát điên: "Thế thì đó là cái quái quỉ gì?"

4:30 chiều,

Đằng lên xe ra về với một tâm trạng chán chường, mệt mỏi. "Mặc kệ! Ra sao thì ra." Đằng mím chặt môi.

...hắn chăm chú lái xe, cẩn thận hết sức để không gặp bất kỳ rủi ro nào. Hắn có vẻ bình tĩnh hơn hồi sáng. Có lẽ, vì đã trải qua một ngày dài đầy lo âu, nên bây giờ hắn cũng phần nào quen đi sự căng thẳng. Hắn không dám nghĩ ngợi thêm nữa bởi vì càng nghĩ tới hắn lại càng đâm đầu vào mớ bòng bong rắm rối...

Quẹo xe vào con đường nhỏ dẫn về nhà, theo thói quen Đằng đưa chân rà thắng tránh cái ổ gà.

Mặt đường thật êm.

... mặt đường thật êm. "Á!" Hắn rú lên một tiếng thật lớn, vui mừng. Hắn không chịu vào nhà mà quay ngược đầu xe đến đầu con đường nhỏ, rồi chạy trở vào. Có vẻ hả hê lắm, hắn lại tiếp tục đi thêm một lần nữa...

Vừa xuống xe thì đã thấy vợ và con đã đợi trước cửa, Đằng nở một nụ cười thật tươi, có lẽ chưa bao giờ tươi như thế.

Đằng lắp bắp hỏi vợ:

- Cái ổ gà lấp... lấp hồi nào vậy em?

- Chiều hôm qua. Quà Christmas của sở công chánh Cali đấy. Hôm nay sao cưng vui thế?

- Ồ! Vậy hả.

Hôm qua, hắn để xe cho vợ lái. Xe cô ấy hư. Người bạn làm chung sở đến đón và đưa hắn về. Vì không lái xe nên hắn không biết cái ổ gà đã được lấp đầy.

"Cái ổ gà quái quỉ" Đằng nghĩ thầm.

... "món quà của sở công chánh" đã hành hạ hắn cả ngày. Tự dưng mất đi thói quen đạp thắng và cảm giác xe bị sụp lỗ khi chạy ngang qua cái ổ gà đã có từ cả ba tháng nay, nên hắn đâm nhớ. Hắn vớ vẩn quá.

7 giờ tối.

"Được rồi, bố sẽ đi nhanh." Đằng hôn lên má con, rồi bước ra cửa. Đằng ra chợ mua vài thứ còn thiếu cho vợ. Đầu óc còn ngập tiếng cười của con gái, Đằng cho xe lao vút qua con đường nhỏ. Vừa tính dợm chân đạp thắng, Đằng sực nhớ cái ổ gà đã bị lấp. Đằng tiếp tục nhấn ga. Chiếc xe lướt nhanh trên mặt đường êm êm. Nhớ lại chuyện hồi sáng, cả một ngày lo lắng căng thẳng cho một nguyên nhân tầm phào, cỏn con, Đằng vừa lắc đầu vừa cười cười.

Khuôn mặt đang tươi của hắn chợt ngây ra. Nụ cười bỗng tắt, miệng méo sệch, trán nhíu lại và như chợt nghĩ ra điều chi, hắn há hốc miệng. Có chuyện gì nữa đây? Chiếc xe đã nằm trong bãi đậu xe của một siêu thị lớn đã lâu. Hắn vẫn ngồi yên. Hắn đã ngồi như thế hơn một giờ rồi. Mồ hôi lấm tấm trên trán hắn. Ánh mắt mông lung nhìn xuống. Nửa giờ nữa trôi qua. Không hiểu hắn nghĩ gì. Ổ gà nào nữa

hay chăng?

Cái ổ gà đã được lấp.

Con đường đã lành lặn.

Nếu cái ổ gà trên mặt đường không được lấp, chắc hẳn, Đằng đã không phải lo âu cả ngày hôm nay. Đằng sẽ không bao giờ ngờ những chuyện vặt vãnh thường tình đó lại hành hạ mình đến vậy.

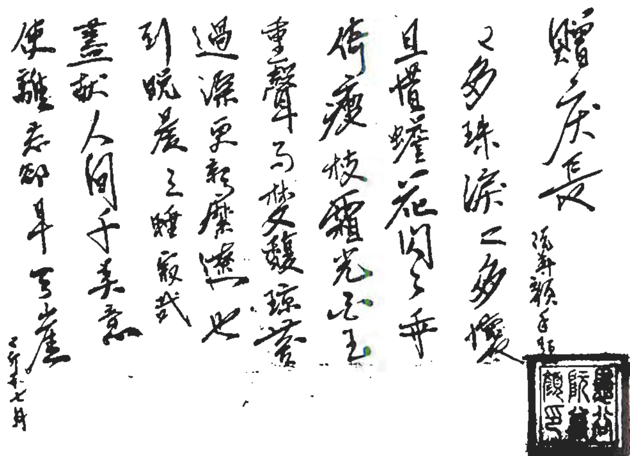
Cái ổ gà đã được lấp. Con đường đã lành lặn. Hắn đã biết những điều ấy. Hắn đang nghĩ tới những ổ gà khoét sâu trong lòng hắn? Những ổ gà quen thuộc đó khi được lấp sẽ ra sao? Lấy gì lấp? Ai sẽ lấp? Chừng nào? Cho đến bao giờ? Những câu hỏi tuôn ra ào ạt trong lòng hắn.

Tiếng chuông reo leng keng trên tay bà cụ mặc áo đỏ để hàng chữ Salvation Army, cùng lời chào "Merry Christmas and Happy New Year" vang vang trước cửa siêu thị, tạo một hình ảnh ấm áp giữa đêm đông. Đằng nhìn bà cụ đang tươi cười với mọi người. Với mình. Khuôn mặt bà thánh thiện, nhân từ. Đằng nhớ đến mẹ. Mặt bà cũng cũng nhân từ, phúc hậu như thế. Đằng nhớ đến vợ, khuôn mặt rạng rỡ, thánh thiện. Tiếng chuông vang leng keng. Tiếng reo hò, cười đùa của con gái Đằng cũng thánh thót như thế. "Đừng ngu xuẩn và phá hoại cuộc đời mình vì những chuyện vặt, thằng ngốc! Vợ và con đang chờ đợi mình đó," Đằng tự nhủ. Đằng ra khỏi xe, bước đi khoan thai. Nhét tờ giấy bạc vào thùng gỗ màu đỏ cũng đề hàng chữ Salvation Army, Đằng cười chào bà cụ: Merry Christmas and Happy New Millenium!

VŨ ANH MAI



NGUYỄN TÔN NHAN



Tặng bạn

Dĩ đa châu lệ dĩ đa hoài
Thả tích thiềm hoa thiểm thiểm quai
Ỷ sấu chi sương quang bạch ngọc
Trùng thanh nguyệt mộng phức quỳnh đài
Quá thâm canh ảnh my liêu dã
Đáo vãn thần chi thụy tịch tai
Tận hiến nhân gian thiên mỹ ý
Sử ly vong khước tảo thiên nhai

Đã nhiều nước mắt nhớ nhung hoài
Tiếc vì cảnh đẹp sớm tàn phai
Bày chút nhành sương xao ngọc trắng
Thèm nghe trăng mộng thoảng hương nhài
Lún mãi vào đêm chưa hết vắng
Ngủ say chiều muộn vẫn chưa ngoai
Dâng hết cho đời bao ý đẹp
Thì quên cách biệt kiếp nay dài

Tháng bảy, Ất Mão, 1999
NGUYỄN TÔN NHAN



SONG THAO

Vương tơ



Bảo là về Việt Nam cưới vợ nghe ra cũng hơi chuế. Người ta dễ vẽ ra hình ảnh một anh cả đẫn không vợ được một em trong bầy con gái nhởn nhơ chung quanh đến nỗi phải bay đường dài về Việt Nam để làm cái công việc mà bất cứ một tên bạn bình thường nào cũng có thể làm được mà chẳng phải động đậy di chuyển phiền phức. Đọc được những ý nghĩ chẳng lấy gì làm vẻ vang lắm trong đầu bạn bè nên Hãng đã lẳng lặng ra phi trường như một anh vượt biên. Bí mật hết cỡ. Dĩ nhiên chẳng thể bí mật được với mẹ anh, tuy bà ở cách xa anh cả trăm dặm. Chẳng gì bà cũng chủ mưu vụ tìm vợ vất vả này.

Trong túi anh ít ra cũng có hơn chục cái địa chỉ. Toàn là do mẹ anh cung cấp. Bà đã vận dụng trí nhớ, moi móc tất cả chỗ bạn bè quen thuộc ngày xưa ở Saigon mà bà biết là có con gái, dò hỏi địa chỉ, lên một danh sách hồng cho đứa con trai muộn màng chuyện lứa đôi. Đó là tâm huyết của bà trong hai tháng ròng rã vừa hao tổn sức khỏe vừa tốn bộn tiền điện thoại viễn liên. Của đáng tội, số tiền điện thoại này thực ra có thể chia làm bốn phần, chuyện của anh một phần, ba phần còn lại có thể qui vào những chuyện rườm rà nhảy lóc cóc từ nhà này qua nhà khác chẳng ăn nhập gì tới mục đích của cú điện thoại cả. Cũng giống như nhiều bà mẹ khác, mẹ anh thảo chuyện với bạn bè

lắm. Chẳng lẽ điện thoại nhằm xin cái địa chỉ của một người bạn chung còn ở Việt Nam lại chỉ xin cái địa chỉ không, cũng phải ba điều bốn chuyện đi lòng vòng một chút coi cho được chứ. Chỉ phải cái tội sức khỏe của mẹ anh còn tốt, chân cẳng còn cứng cáp nên bà đi lòng vòng có hơi nhiều. Được cái là bà cũng còn chăm chăm trong đầu phải ý tứ bảo mật nên dù lang bang đến đâu bà cũng chẳng bao giờ tiết lộ chuyện có anh con trai về nước rắp ranh chuyện bắn xẻ. Đó chẳng phải chuyện đáng khoe ra. Được thì chớ, chẳng được thì dị òm!

Nét chữ của mẹ trên tờ giấy ghi địa chỉ làm Hãng xốn xang lòng thương mẹ. Ngần này tuổi đầu, anh con út vẫn còn được mẹ lo toan cho từng li từng tí. Chẳng phải chỉ trần xì có cái địa chỉ không. Mỗi địa chỉ còn được mẹ phụ chú về gia cảnh, tính tình, sở thích của ông bố bà mẹ lẫn nhan sắc, đức hạnh và nhận xét rất sát sao về cô gái bà muốn anh coi mắt. Bà khôn khéo hàm ý để cho anh tự do chọn lựa nhưng cũng khôn khéo chẳng kém để cài thêm ý kiến của bà vào. Bà được con cái bảo lãnh qua đã bốn năm nhưng bà chẳng bao giờ nghĩ là thời gian bốn năm của cuộc đời phẳng lặng của bà khác với thời gian bốn năm chênh vênh của những tiểu thư con bạn bè của bà. Hãng gấp tờ giấy đút lại vô túi. Tiếng máy bay ầm ì đều đều ru anh vào giấc ngủ chập chờn. Thoáng hiện trong anh hình ảnh những bạn bè anh vừa tạm rời xa. Họ là một phần cuộc sống của anh. Phần còn lại, anh đang bương bả đi tìm sau khi đã thiếp ngủ một thời gian dài nuôi mãi hình bóng Hạnh.

Hạnh hình như lúc nào cũng còn sống trong anh. Đôi môi khô khốc với những mảnh da mỏng trắng đục nằm cong lên cằn cỗi, làn da bị mặt trời thiêu đốt quắt queo, và đôi mắt dại trên khuôn mặt đã mất hết thần sắc của người yêu đã níu tim anh không rời. Cuộc thủy táng sau đó đã vét hồn anh rỗng tuếch rỗng toác. Ném một thân xác xuống cái mênh mông của biển cả đã nhân sự đau xót lên nhiều lần hơn là vùi một chiếc quan tài vào lòng đất. Hư vô tưởng bao giờ cũng chỉ là tận cùng hư vô thực ra đã có những tầng cấp. Nằm ấm áp trong lòng đất nhiều phần làm cho người sống nghĩ là dễ chịu hơn là rữa người trong cái quái ác của đại dương. Ra đi với gia đình Hạnh, anh đã cặp bến không có Hạnh. Sự thiếu vắng làm tim anh teo tất trong nhiều năm. Anh ủ rũ đứng khựng lại trong lúc những người của lứa tuổi anh nhởn nhơ sóng bước với thời gian. Sự lỗi nhịp đã vứt anh nằm bên lề đường.

Chân Hãng thẫn thờ thả bộ trên những con đường của anh và Hạnh ngày xưa. Cảnh cũ như đã đi theo Hạnh. Anh không tìm ra cái thân quen trên những hàng cây, nơi những căn phố, trong những bóng người tới lui. Ngay những viên gạch cũ trên lề đường cũng đã bị lật lên thay mới. Chúng hè nhau lại bóc đi hết nỗi ngẩn ngơ của anh. Anh

lơ đãng nhìn quanh. Thành phố mới gặp lại một ngày như đã quên anh. Những tiệm ăn, quán kem, cửa hàng ngày cũ trốn mất tiêu. Nhưng sao Hạnh vẫn còn đây? Anh bước vào cửa tiệm sáng choang những tủ kính. Chiếc áo dài màu phấn rắc hoa vàng thon thả cuốn lấy mắt anh. Mái tóc dài trơn nhẫn như một vạt nhung quay lại. Chiếc răng khểnh của Hạnh hé ra đón khách. Không một lời thốt ra nhưng nét chào mời quấn riết lấy anh. Anh chậm bước nhìn quanh tiệm. Vải áo thêu máng đầy quanh tường. Trong dãy tủ kính ngổn ngang những đồ kỷ niệm. Trên mặt tủ, những tượng điêu khắc bằng gỗ, bằng sừng xếp hàng cái lớn cái nhỏ. Hãng chăm chú ngắm nghía hết mấy vòng mà chẳng nhìn rõ được gì. Hương phấn thoảng nhẹ làm anh lạc mất anh.

Âm thanh dịu dàng luồn lách vào tai anh ngỡ ngàng.

"Thưa ông cần chi ạ?"

Hãng vẫn chưa tìm lại được mình, chẳng phải anh nói.

"Tôi cũng không biết tôi cần chi nữa."

Một tiếng cười nhẹ. Như hưởng ứng một câu giỡn. Mà cũng như bổn phận chiều khách.

"Chúng tôi có hàng thêu mới về. Đẹp và nhã lắm. Ông coi thử xem có lựa cho bà nhà được khúc nào không nhé!"

Miệng và tay nhuần nhuyễn như một, cô bán hàng ôm một chồng vải áo dài bày trên mặt tủ kính. Hãng lơ đãng liếc mắt trên đống màu sắc mềm mại.

"Khúc này được không ông?"

Cô bán hàng nhanh nhẹn xổ tung khúc vải, ướm lên người. Một tay giơ cao ngang cổ đỡ khúc vải, một tay ép ngang eo, cặp mắt dò hỏi, miệng cười chào mời chờ đợi. Hãng ngây người đứng ngắm. Thấy như khách hàng chưa có vẻ vừa ý, cô lựa khúc khác, vắt lên vai, hai tay kéo sát khúc vải vào người.

"Khúc này nhã và khéo hơn phải không ông?"

Hãng bị trồng thẳng đứng không cựa quậy được. Chẳng ra ưng mà cũng chẳng ra không. Từng vạt màu sắc kéo nhau phủ lên cái dáng thanh tú dễ mến.

"Cô thích khúc nào?"

Cô bán hàng cắn môi duyệt lại đám vải xổ tung trên mặt tủ kính. Lưỡng lự.

"Mà ông mua chứ có phải tôi mua đâu. Ông có quyền lựa chứ!"

"Tôi lựa cái thích của cô!"

Tiếng thở dài nhẹ nhàng cố ý không che dấu. Như một nét bằng lòng miễn cưỡng. Đôi tay nhấc xấp hàng màu cổ vịt lác đác những

cánh hoa ướt óng ả.

"Nga thích màu áo này!"

"Cô gói dùm tôi, cô Nga. Hân hạnh được biết tên cô!"

"Cái tên Nga của tôi thường quá có gì đáng đâu ông."

"Đối với tôi thì lại không thường, cô Nga ạ."

Mặt Nga bừng đỏ. Giác quan thứ sáu vừa gõ cửa báo cho nàng biết có chuyện chẳng thường. Cử chỉ của nàng vấp váp ngượng nghịu. Miệng cái túi giấy gói hàng chết tiệt sao cứ mím lại làm những ngón tay nàng run run mãi mới tách ra được. Hãng có cái thú vị của người biết là mình đã gây ra được cái rối rắm dễ thương trước mắt. Anh ung dung rút ví trả tiền. Ví anh chẳng có một đồng tiền Việt Nam nào cả. Sáng nay anh đã định ghé quầy đổi tiền trước khi rời khách sạn, vậy mà lòng náo nức được đi trở lại những con đường cũ làm anh quên khuấy đi mất. Anh bối rối chẳng biết làm sao. Tới lượt anh lắp bắp.

"Xin lỗi cô. Để tôi chạy đi đổi tiền rồi trở lại lấy hàng được không cô?"

Bà chủ tiệm ít khi chậm trễ trước những khách hàng sộp.

"Ông khỏi phải mất công, thưa ông! Tiệm chúng tôi có nhận tiền ngoại theo giá thị trường. Chúng tôi cũng có nhận đổi tiền nữa. Ông muốn đổi thêm cũng được, chúng tôi sẽ tính giá nới hơn ngoài cho ông."

Hãng mừng rỡ. Tính anh vốn ngại ngùng chuyện tiền bạc. Anh trả tiền cho bà chủ trước đôi mắt tinh quái của Nga. Đôi mắt đó tiễn anh ra cửa.

"Cám ơn ông! Ông có cần gì thêm xin trở lại mua dùm cho Nga."

Câu mời chào xem ra như chẳng cần thiết. Hãng đâu cưỡng lại được đôi mắt ấm áp này! Ngày hôm sau anh trở lại mua một khúc vải thêu khác. Tới khúc vải thứ ba thì Hãng đã sững người khi nghe được cái tên Hạnh Nga. Anh thấy có Hạnh trong Nga. Như dâng trong anh cảm giác thân quen đằm thắm. Mắt anh quấn quít bao phủ Hạnh Nga.

Bà chủ nhìn ngay thấy nét vướng víu trên khuôn mặt ông khách quen thuộc. Khúc vải thứ tư bán cho ông khách trong bốn ngày liên tiếp chẳng qua được đôi mắt sành đời của bà. Bà cũng chẳng ngạc nhiên khi thấy Hãng lân la hỏi Nga.

"Cô có biết tiệm may nào gần đây không?"

"Có một tiệm cách đây mấy căn thôi ông ạ. Họ may được lắm. Khách hàng của Nga chỉ cần đưa kích thước là họ may vừa in. Ông có sẵn số đo của bà nhà không?"

Hãng không trả lời thẳng câu hỏi.

"Cô qua giới thiệu dùm tôi được không?"

Nga liếc nhìn bà chủ trước khi từ chối khéo.

"Ông cảm phiền. Nga bận. Ông cứ nói với họ là Nga giới thiệu ông qua là được rồi."

Bà chủ khôn khéo không làm mếch lòng khách hàng quen.

"Em đưa ông qua đi. Để chị coi hàng cho cũng được."

Khoảng cách cũn cỡn giữa hai cửa hàng đủ làm bước chân Nga luống cuống bên Hãng. Bụng Hãng no đủ thích thú. Anh như đang ôm được cái dịu dàng đang sát cận bên anh. Son phấn mát rượi phả vào anh gần gũi.

Đặt bốn sấp vải áo dài lên bàn, Hãng nhìn Nga chào hỏi ông chủ tiệm may. Mắt anh bao dung ôm ấp như thể đang giăng ra cái lưới phu thê xoắn xuýt.

"Số đo của ông đâu?"

Cái ngước mặt của Nga thoảng chút hương cận kề.

"Tôi không mang theo!"

Nga kín đáo nén tiếng thở dài. Đầu Hãng diễn giải theo cái lối vơ vào. Trách móc đấy nhưng sao mà nhẹ nhàng và thân mật. Nga hóm hỉnh.

"Chẳng lẽ để ông chủ đo số của ông!"

Hãng tỉnh queo trước cái cười nửa miệng của Nga.

"Đâu có được! Cô cho tôi mượn số đo của cô đi. Tôi sẽ trả cả vốn lẫn lời!"

Mặt Nga gom máu chạy rần rần hai bên má nóng ran. Hãng xuống giọng bơ bơ.

"Làm ơn một chút đi mà. Làm phúc cũng như làm giàu cô hai ơi!"

Nga lắc đầu cười. Ông chủ tiệm may cũng bày hàm răng hô ra một cách rộng rãi. Chiếc thước giây máng quanh cổ ông nhoài xuống ôm vòng quanh thân hình Nga. Chờ cho ông chủ ghi số đo vào cuốn sổ bìa dày khổ lớn xong, Hãng bỏ gọn.

"Mai lấy được không, ông chủ?"

"Ông cho ba ngày đi. Những bốn cái áo lận."

"Mốt tôi đi rồi."

Hãng nhíp được nét ngạc nhiên sững sờ trên mặt Nga. Ông chủ gãi tai.

"Gấp quá ông ạ!"

"Ông chịu khó thức khuya một chút. Tôi gửi ông thêm chút tiền cà phê!"

Mặt ông chủ đăm chiêu tính toán. Cái đăm chiêu như một nét kịch lấy lệ.

"Thôi, trường hợp đặc biệt tôi ráng chịu khó vậy. Mai mời ông lại. Buổi chiều nghe ông!"

Chiều hôm sau, bốn chiếc áo được Hãng xách qua tìm Nga sát giờ tiệm đóng cửa. Ánh mắt Nga như cuốn sách mở rộng. Hãng dễ dàng đọc được những hàng chữ nằm phơi lộ liễu.

"Cám ơn cô nhiều lắm. Cô cho tôi mời cô ly nước tạ ơn nghe!"

Nga dãy nảy kiểu con thú mắc gọn trong lưới. Vùng vằng cho chán cũng vẫn nằm trong những mắt lưới khít khao.

"Cám ơn ông. Có chi đâu mà ông phải để tâm. Ông cho Nga khi khác nghe!"

"Mai tôi đi rồi, cô Nga."

Nga cắn môi nhìn Hãng. Chút lưỡng lự nhào đổ một cái ngọt. Hãng dấn thêm.

"Mình lại tiệm gần đây thôi."

Ly nước của Hãng lân la thành một bữa ăn. Ra khỏi khung cảnh tiệm, rũ đi mối quan hệ người bán hàng và khách hàng, Nga thoải mái chuyện trò. Chuyện nở như bắp rang. Thời gian trốn mất tiêu. Hãng đẩy gói áo qua phía Nga.

"Tặng Nga làm kỷ niệm."

"Chịu thôi! Nga không dám nhận món quà lớn đến thế này đâu."

Hãng nhẩn nha.

"Nga không mặc thì có ai mặc được đâu."

"Anh mang về cho chị ấy mặc chứ."

"Làm gì có người có kích thước như Nga. Vả lại, đâu có chị nào đâu!"

"Nga có tin được anh không?"

Hãng thấy thương hại cái dấu hỏi trước mặt. Biết nói sao cho cái dấu vướng víu này bay đi. Nga như một con chim non bé bỏng tội nghiệp dưới mắt Hãng.

"Anh tin anh không dối Nga."

Nga để cho tay Hãng bóp chặt tay mình tin cậy.

"Mỗi ngày Nga mặc cho anh một chiếc áo dài mới nghe!"

Tay Nga vẫn yên ổn trong tay Hãng.

"Mai anh đi rồi mà!"

"Máy bay có lúc cũng phải biết chờ chứ!"

Nga mặc xong bốn chiếc áo dài thì tình đã đầy vun. Mỗi ngày, áo mới dẫn thêm một ngày hội mới. Bốn ngày hội như bốn sợi tơ quấn riết hai người lại với nhau. Nga nói như thật như giỡn.

"Mặc xong áo, em hết nợ anh rồi."

"Anh cho em vay tiếp nghe?"
"Không, em không chịu đâu."
"Vậy thì em cho anh vay vậy."
"Anh muốn vay gì?"
"Vay đôi mắt em để anh có chỗ nương náu, vay đôi môi em để anh sống bằng mật ngọt, vay trái tim em để anh giữ đời anh. Vay..."

Nga bịt miệng Hãng.

"Thôi, anh đừng nói nữa. Chúng mình chẳng ai vay ai, chẳng ai nợ ai cả. Mình cho nhau nghe anh."

Nga đưa Hãng về nhà ra mắt ba mẹ. Bộ ghế sa lông bằng gỗ ba mảnh gồm một ghế dài, hai ghế chiếc được lau bóng loáng. Ba Nga ngồi cách Hãng một chiếc bàn nhỏ có miếng kính lót trên mặt. Hai mẹ con Nga chia nhau chiếc ghế dài. Em gái Nga lăng xăng dọn nước, lấm lét đôi mắt liếc trộm Hãng. Ba Nga xoay quanh những thắc mắc lớn của ông.

"Tôi hỏi khí không phải, chứ ở bên đó cậu làm gì vậy?"

"Dạ, thưa bác, cháu làm technician điện tử. Cháu không rõ tiếng Việt gọi là gì."

"A, chắc là chuyên viên kỹ thuật điện tử. Cũng tựa như là cán sự của mình ngày xưa ấy mà, bà hiểu không?"

Mẹ Nga gật đầu. Ông bố xoáy tiếp.

"Tôi nghe các cậu Việt kiều về, cậu nào cũng kỹ sư, giám đốc không chứ có thấy ai làm cán sự đâu."

"Dạ thưa bác, cháu qua Mỹ lúc đã ngoài hai mươi nên việc học cũng dang dở chẳng bằng ai được."

Giọng Hãng lộ ra vẻ cay đắng. Ba Nga, một đời công chức rành rẽ thứ bậc đâu ra đấy, làm gì chẳng ngửi thấy câu nói bất bình của Hãng.

"Ấy là tôi hỏi cho biết thôi. Thời buổi nhiễu nhương, ông thành thằng, thằng thành ông này, tôi cũng chẳng để tâm nhiều tới chuyện vặt vãnh đâu. Chỉ có lòng người là quí thôi cậu ạ. Cậu đừng hiểu lầm tôi đấy nhé!"

Hãng vội đón lời.

"Thưa bác, cháu đâu dám phiền trách gì đâu. Có sao cháu cứ thành thực thưa chuyện với bác thôi."

Mẹ Nga đỡ lời cho chồng.

"Ấy, chúng tôi cũng chỉ quí những người thành thật. Con người hơn nhau ở chỗ ăn ở cho phải đạo, phải không cậu? Tôi thấy cậu cũng hiểu biết, chững chạc, thế mà lại muộn màng chuyện gia đình nhỉ?"

Hãng nhìn Nga như muốn được tiếp thêm nghị lực. Mặt Nga

hằn rõ nét lo lắng. Hai tay Nga quấn quít đan vào nhau không yên. Nàng như chỉ sợ Hãng trượt chân.

"Thưa bác, chẳng dấu gì bác, tính cháu cẩn thận trong việc chọn bạn nên chưa gặp được người ưng ý. Trước đây cháu cũng đã có một cô bạn rất thân nhưng cô ta chẳng may mất giữa biển trên đường vượt biên cùng gia đình. Cô ta lìa đời trên tay cháu. Cháu mất tinh thần một thời gian dài."

Hãng nghẹn giọng. Anh tự trách mình sao lại thổ lộ việc riêng vào lúc này. Anh liếc thấy Nga chôn người lặng lẽ, mặt cố nén xúc động. Mẹ Nga ôn tồn.

"Dân mình trăm thứ khổ cực đổ trên đầu cậu ạ. Hết nạn này tới nạn khác. Chẳng có gia đình nào lành lặn cả. Chẳng dấu gì cậu, chúng tôi cũng mất hai cháu trai trong quân đội đấy."

Lời mời trở lại dùng bữa cơm gia đình như lời phê chấm đậu phần thi vấn đáp của Hãng. Hãng vội vàng nhấc điện thoại gọi mẹ. Nhận ra tiếng con, bà trách móc ngay.

"Hãng đấy hả? Sao biệt tăm chẳng thấy kêu về mẹ vậy?"

"Thì con kêu đây này. Biết mẹ vẫn khỏe nên con có chậm điện thoại về cho mẹ."

"Khéo bày đặt! Chẳng khỏe cũng phải ráng khỏe để nhận lời hỏi thăm của anh chứ! Anh đã đi thăm các bác chưa?"

"Chưa mẹ ạ."

"Trời ơi! Anh làm gì từng ấy ngày mà chưa chịu đi. Mẹ chẳng hiểu nổi anh. Vẫn cái tính khệnh khạng của bố con anh. Thế mà mẹ cứ mong ngóng tin anh hàng ngày!"

"Con có tin vui cho mẹ đây. Con chọn được người rồi."

"Lại cái tính ấm ớ giống bố như hệt. Nói gì thì nói phất ra cho rồi. Con bác nào vậy?"

"Chẳng phải con bác nào cả mẹ ạ."

"Cha mẹ ơi, thế thì con ai?"

"Ông này cũng là công chức xưa."

Hãng thấy giọng mẹ bớt gay gắt.

"Thế à? Ông ấy tên gì, làm ở đâu vậy?"

"Bác ấy tên Tuấn. Nguyễn văn Tuấn. Làm ở Bộ Công Chánh cũ."

Hãng nghe tiếng giấy sột soạt bên kia đầu giây.

"Để mẹ ghi lại. Nguyễn văn Tuấn. Bộ Công Chánh. Anh cho số điện thoại liên lạc để mẹ gọi lại. Thôi, mẹ cúp máy nghe, nói lâu tốn tiền chết."

Hãng gác máy. Anh biết mẹ anh ngại tốn tiền đầu này thì lại

tốn bộn tiền hơn vào đầu khác. Điện thoại sẽ miên man theo cuộc điều tra của mẹ. Thế nào mẹ cũng moi ra được một ông nào đó ngày xưa làm ở Bộ Công Chánh. Hãng mỉm cười. Anh biết cái tật hối hả chạy theo những chuyện không cần thiết của mẹ. Nhưng anh thương mẹ, thương cái tật thương con của mẹ. Dưới mắt mẹ, Hãng vẫn bé bỏng khờ dại cần sự chở che. Mẹ chẳng muốn anh vượt ra khỏi vòng tay mẹ. Tiếng chuông điện thoại của mẹ gọi lại một cách hối hả. Giọng mẹ cũng hối hả chẳng kém.

"Mẹ hỏi ra rồi. Bác Tuấn là người tốt, gia đình gia giáo, biết dạy con, biết sống tử tế. Nếu con ưng con gái bác ấy thì mẹ cũng không có điều gì cản con. Mà cô ấy tuổi gì vậy?"

Hãng biết là nếu mẹ biết tuổi của Nga, bà sẽ vội vàng chạy đi thăm viếng các ông thày mù lẫn thày sáng để so tuổi. Anh chẳng muốn giúp các ông ngồi không chuyên bày đặt chuyện này.

"Tuổi con bồ câu mẹ ạ."

"Cái anh này! Tuổi gì lại là tuổi con bồ câu."

Tiếng cười vọng lại từ bên kia đầu giây làm Hãng thú vị. Anh giỡn thêm với mẹ.

"Tại cô ấy có đôi mắt giống đôi mắt mẹ trong hình ngày xưa. Đôi mắt mà các bác nói là ngày xưa bố khen là mắt bồ câu ấy mà!"

Mẹ gắt yêu.

"Cái anh này! Không bỏ được cái tật nói làm xàm! Lại vô ý vô tứ, định lấy vợ mà không biết vợ tuổi gì. Nhớ hỏi coi tuổi gì rồi cho mẹ biết nghe!"

Hãng thở phào. Anh vừa nhận được con dấu chấp thuận đỏ au. Chẳng cần thiết lắm nhưng có vẫn đẹp hơn.

Sự cần thiết nằm ở bên này, nơi nhà Nga. Trên chiếc giường trong phòng riêng, ba mẹ Nga vừa dỗ giấc ngủ vừa bàn bạc với nhau.

"Bà thấy cậu Hãng ấy ra sao?"

"Tôi thấy có vẻ là người tốt. Ông thấy thế nào?"

Ông Tuấn vẫn nằm gác hai tay dưới gáy, mắt nhìn thẳng lên đỉnh mùng, chậm rãi lựa lời.

"Tôi ngán mấy cậu Việt kiều lắm. Cậu nào cũng nổ như súng đại bác, chẳng biết đằng nào mà tin. Nhưng cái cậu Hãng này coi bộ thành thực. Nói ra câu nào cũng thấy tin được cả."

"Ấy, tôi chỉ ngại là người ta có vợ con rồi thôi. Tuổi cậu ấy mà còn độc thân thì cũng hiếm nhưng cậu ấy trả lời đâu ra đó. Tôi cũng nghĩ như ông, coi bộ cậu này thật thà. Con Nga nó có thổ lộ với tôi về chuyện của nó. Xem ra hai đứa đã đậm lắm rồi. Thôi thì cũng nhờ trời thương nó vậy thôi chứ biết làm sao."

"Bà nói vậy cũng phải. Chuyện này mà thành được là điều tốt. Vợ chồng mình từ xưa tới nay lúc nào cũng đặt trời trên đầu, cố gắng ăn ở tử tế với mọi người, chẳng lẽ trời không nhìn tới. Tôi chắc vào mệnh trời bà ạ!"

Phòng ngoài, hai chị em Nga rù rì với nhau. Uyên rót vào tai chị.

"Cua đâu được ông Hãng vậy?"

"Tao đâu có cua. Ông ấy dẫn xác đến đấy chứ."

"Chà, nói nghe hiền lành dữ! Chắc mắt cũng chớp lia lịa chả mới chịu đèn chứ!"

"Mày làm như tao hết duyên rồi không bằng. Tao cứ đứng như tượng cha nào mê vẫn mê à!"

"Mấy thằng cha hạng bét thì nói chi!"

"Anh Hãng đâu có phải hạng bét!"

"Vậy mới nói chứ!"

Uyên bịt miệng cười. Người cô rung lên . Người Nga cũng rung lên theo. Hai chị em đấm nhau thùm thụp.

"Mày thấy anh Hãng sao?"

"Được quá đi chứ! Được đơn lại được kép. Người ngợm trông cũng được. Việt kiều thì lại càng được hơn nữa. Bà hỏi thử ông ấy có ông bạn nào còn phòng không gối chiếc không?"

"Coi bộ mày tẩm ngẩm mà tính toán dữ hè!"

"Thời buổi này mà bà ơi! Được như bà là nhất rồi. Leo lên máy bay mấy hồi. Muốn chị em có nhau thì hỏi thử ông ấy đi."

"Ai mà hỏi kỳ cục vậy!"

"Kỳ thì thôi! Mà ông ấy có biết trồng hoa không?"

"Làm chi vậy?"

"Biết đâu ông ấy không muốn đánh cả cụm!"

Nga nhéo mạnh vào tay Uyên. Uyên vùi mặt vào gối chận tiếng hét.

"Đồ quỷ! Tao thì tao xé xác!"

Uyên xoa tay, miệng hít hà, giọng khích bác.

"Bà chị tôi ghen dữ há! Lo mà chiều chuộng ông anh rể tôi nghe bà! Xổng ra là uổng lắm đấy!"

Câu nói của em làm Nga trằn trọc suốt đêm. Cuộc đời đã nhét vào tay nàng chan chứa niềm vui làm nàng muốn ngộp thở. Có Hãng nàng như được chấp cánh bay cao những mộng mơ con gái. Mắt nàng muốn trôi vào giấc ngủ nhưng đầu nàng như đôi chân chim chẳng lúc nào yên. Những lúc mệt mỏi thiếp đi, nàng thấy một Hãng được trau chuốt bằng những ước vọng của nàng. Hãng đầy ắp trong nàng. Đêm

là một Hãng trong mơ, ngày là một Hãng mặn mà trong một cuộc tình chỉ toàn tiếng cười.

Nga lặng người khi Hãng lồng chiếc nhẫn đính hôn vào ngón tay nàng thon thả ngay tại quầy hàng vàng trong thương xá. Mắt Hãng nồng nàn bao phủ nàng. Nga thèm da diết nụ hôn của người yêu. Người tấp nập xung quanh. Nàng dằn lòng bằng những ngón tay xiết chặt trên Hãng. Hai người dắt tay nhau đi khuất vào một góc tương đối vắng người. Hãng vội vã đặt nhẹ chiếc hôn lên môi người tình.

"Anh trao em chiếc nhẫn như trao tình anh. Khi về anh sẽ thu xếp ngay để trở qua làm đám cưới"

Tay Hãng vòng quanh lưng Nga xiết chặt.

"Coi như chúng mình đã là vợ chồng!"

Nga vít đầu Hãng xuống, cắn nhẹ vào vành tai.

"Anh!"

Tiếng máy lạnh êm ả tỉ tê như tiếng ru. Nga ngoan trong vòng tay khép kín của Hãng. Người nàng ấm như khúc củi đỏ. Cảm giác hạnh phúc chạy nhè nhẹ vào từng xớ thịt trong nàng. Hãng tham lam phủ hôn lên khắp khuôn mặt người yêu. Anh vùi đầu vào cổ Nga tận hưởng mùi da thịt nồng nàn. Chiếc cổ áo dài kín bưng như dấu diếm cả một kho tàng diễm lệ. Hãng xăng xái bật chiếc nút bấm. Nga rùng mình chịu đựng. Nàng chẳng biết mình phải làm gì. Tay nàng giữ tay Hãng như một phản xạ tự nhiên. Hãng khẽ nhấc bàn tay Nga đặt lên miệng hôn nhẹ. Bàn tay Nga buông thõng xuội lơ. Anh tới tấp hôn lên khuôn ngực thẹn thùng. Nga cố đánh lừa thân xác bằng cặp mắt đảo quanh căn phòng bừa bộn áo quần. Mai Hãng đi rồi. Nga mềm người nghĩ đến khoảng cách dễ sợ từ ngày mai. Hãng tham lam cạ mặt trên khắp thân hình trắng ngà tươi mát. Tay anh đặt lên chiếc quần lót màu xanh thanh thoát lác đác những cánh hoa đậm màu. Nga vội giữ tay Hãng.

"Đừng anh! Em sợ!"

Giọng nàng yếu ớt hoang mang. Uyên ơi, chị có phải chiều chuộng tới mức này không. Lời Uyên giữa đêm khuya văng vẳng bên tai nàng. Nàng cắn môi giữ chặt chút nghiêng ngả trong lòng. Mắt nàng cay xè. Hãng nhẹ tay cuốn mép chiếc quần lót xuống. Một giọt nước mắt rơi xuống bụng Nga. Chiếc quần lót loang rộng một chấm xanh đậm. Hãng bâng khuâng ngước nhìn lên. Nước mắt Nga chảy dài trên má. Anh nhổm người lên dùng môi lau nhòe nhoẹt hai má người yêu. Anh nhẹ hôn lên đôi môi Nga run rẩy.

"Anh xin lỗi em!"

Nga bật khóc. Nàng cảm thấy như đã phũ phàng với Hãng.



HÀ NGUYÊN DU

Tự nhủ

Đừng héo lánh đến chỗ đông người
lủng lẳng tuổi tên như đeo trước ngực
kẻo không khi về lòng nghe ấm ức
cường điệu ông, thằng, quá khứ, tương lai
văn hóa, văn chương, văn thô, văn tục
lá mơ, lá cải, lá rách. lá lành
mạnh ai nấy về, lòng quay kiếm hiệp
mạnh ai nấy làm hề chi vận nước.

Trái khoáy

gió trái khoáy, xô cây cành
kinh hoáng chim chóc, hôi tanh máu người
tôi mòn tôi, những xa tôi
hoa rơi cánh hạnh, bướm rời xác trung
đau cơn đau điếng, khôn cùng
buồn trong củi sắt, vời khung cửa ngoài

HÀ NGUYÊN DU

Tiếng nàng lồng trong nước mắt.

"Xin lỗi anh! Nga tệ quá!"

Cái ray rứt trong Nga còn bám víu nàng tới khi Hãng rời vòng ôm lủi thủi bước vào phòng cách ly trên phi trường. Nga thấy chiếc lưng người yêu khuất vào cánh cửa như một dỗi hờn. Mắt Nga bần thần với theo. Có điều gì nghẹn cứng trong nàng. Như một niềm ân hận.

SONG THAO



ĐẶNG HIỀN

Vườn nhà anh

Vườn nhà anh có cành ngọc lan xơ xác
Có cánh quỳnh chưa kịp nở
Nắng vô tình vàng thêm đột lá
Mấy nhánh mơ màng rơi xuống thành thơ

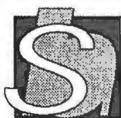
Vườn nhà anh loanh quanh như nhớ
Cây mai bốn mùa không thèm ra hoa
Em về hồn nhiên em cười em khóc
Con trăng chừng ngơ ngác cùng anh

Vườn nhà anh ngày em trở lại
Con trăng đột nhiên biến mất
Có những dùng dằng đau thốn gót chân
Cơn gió đi qua để lại vết buồn

Vườn nhà anh có hàng thông trầm lặng
Đứng nín câm khúc hát âm thầm
Nắng long lanh xanh cành lá nhỏ
Câu nói thì thầm ngày mình xa nhau

Vườn nhà anh trồng cây thơ dại
Lá mơ hồ mệt mỏi cùng anh...

ĐẶNG HIỀN



PHẠM VIỆT CƯỜNG *phụ trách*

Sinh hoạt văn học nghệ thuật



Nhà văn Guenter Grass đoạt giải Nobel Văn Chương 1999

Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã quyết định trao giải văn học quan trọng nhất thế giới cho Guenter Grass, nhà văn Đức nổi tiếng với các tác phẩm mô tả xã hội Đức sau đệ nhị thế chiến.

Nhà văn 71 tuổi đã mỉm cười cho biết: "Tôi đã liên tục là một ứng viên của giải Nobel suốt 20 năm nay. Điều đó giữ cho tôi được trẻ. Giờ đây, tuổi già đang bắt đầu một cách bất khả vãn hồi."

Nhắc đến tiểu thuyết đầu tay của ông in năm 1959, "The Tin Drum," Hàn Lâm viện Thụy Điển cho rằng quyển sách đã đưa dẫn đến một thời đại mới trong văn học Đức, "sau nhiều thập niên bị tàn phá về mặt ngôn ngữ và đạo đức." "Sẽ không quá táo bạo khi nói rằng quyển "The Tin Drum" sẽ trở thành một trong những tác phẩm của thế kỷ 20 còn tồn tại lâu dài."

Phối hợp các chi tiết hiện thực với các hình ảnh và biến cố hoang tưởng, bộ tiểu thuyết ba quyển "The Danzig Trilogy" gồm "The Tin Drum," "Cat and Mouse," và "Dog Years" in từ 1959 và 1963 đã khiến Guenter Grass nổi tiếng thế giới.

Vào năm 1990, khi hai nước Đức sát nhập, Grass là người chống đối. Ông nói, "Chủ nghĩa tư bản sẽ không bao giờ man rợ, thú vật hơn như sau chiến thắng khối cộng sản."

Grass là người Âu châu thứ năm liên tiếp được giải Nobel văn chương, sau Jose Saramago (Bồ, 1998), Dario Fo (Ý, 1997), Wislawa Szymborska (Ba Lan, 1996) và Seamus Heaney (Ái Nhĩ Lan, 1995). Ông là người Đức thứ bảy đoạt giải này.

''Mẫu đơn đình'' của Tang Xianzu được trình diễn tại ngoại quốc.

Sau hơn 400 năm, vở ca kịch nồng cốt trung quốc ''Mẫu đơn đình'' (Mudan Ting) của Tang Xianzu, sáng tác năm 1598 và hiện tại vẫn bị ngăn cấm bởi chính quyền Bắc Kinh, vừa được nhà đạo diễn trẻ tài năng Chen Shi-Zheng dựng lại toàn bộ.

Chen Shi Zheng đã bỏ ra hai năm trời để hoàn thành vở ca kịch này gồm sáu màn, mỗi màn dài ba tiếng.

Qua mối tình sóng gió của cô tiểu thư khuê các với chàng thư sinh nghèo nhưng nhiều tham vọng, vào cuối triều đại nhà Minh lúc Trung Quốc bị quân Mông Cổ xâm lăng, tác giả đã gắt gao chỉ trích những thói đời, chế độ và giới quyền lực lúc ấy. Vở kịch được viết ra khoảng năm mươi năm trước khi triều đại Minh bị sụp đổ, nhưng đã là một điềm dự báo rất tinh tế.

Đạo diễn Zheng cho rằng, bốn trăm năm sau, hiệu lực của nó vẫn còn mạnh mẽ và những móng nhọn về chính trị xem ra vẫn chính xác. Đối với ông, dựng lại tác phẩm này không phải là làm một sự chuyển đổi phiến diện để cho nó gần với thực tế hiện đại hơn, mà đó là những kinh nghiệm, những tình cảm nhân bản mãi mãi vĩnh hằng, bất biến.

Các nhân vật trong vở ca kịch đã thể hiện rõ ràng xã hội thời ấy. Người ta gặp đủ hạng người, từ một nữ tu thô bỉ, những lính tráng xô bồ đến các nhà nho, nhà thơ. Người nữ tu sĩ theo đạo Lão khoe bày những thất bại tình dục của mình, tượng trưng cho một khía cạnh phóng đãng, nhạo báng của nước Trung Hoa, nơi mà dù có nói gì hay tin tưởng thế nào đi nữa, thì dục tình vẫn luôn luôn phô trương một cách công khai. Trong khi chàng nho sĩ trẻ, nhân vật chính của câu chuyện, có thể biểu hiện cho bất cứ một trí thức trung quốc nào của thế kỷ 20, qua cách chàng ta đi tìm danh vọng, thì ông bố của cô tiểu thư là hình ảnh một công chức cao cấp bị tước hết tham vọng chính trị, bị triệt hạ, đẩy lui vào cuộc sống vô vị ở làng quê vì những quan hệ thất bại, không thuận lòng với nhà vua và giới quan liêu.

Theo Zheng, ''Đình mẫu đơn'' tách biệt hẳn với ca kịch trung quốc hiện đại thường chỉ thu gọn lại như một cái show, gần như không có cả cốt chuyện và tình tiết. Cảnh dựng trong các vở hiện đại có thể gây ấn tượng mạnh, nhưng không có liên hệ về mặt nhân tính với câu chuyện. Cho nên, ông chủ trương phục hồi lại bản chất xác thực của vở kịch mà khi xưa chỉ giản dị là nơi người ta dùng tiếng hát và vũ điệu để nói về một câu chuyện mà thôi.

Trong một cuộc phỏng vấn gần đây, trước câu hỏi : tại sao Zheng không muốn trình bày ''Đình mẫu đơn'' như một món đồ lạ mà chủ ý dùng tác phẩm này để đi thẳng vào tận tâm cái bản thể, lý lịch Trung Hoa, ông đã trả lời rằng, từ lâu Trung quốc đã xem thường những cội rễ văn hoá. Nước Tàu không có một khoảng thời gian hoà bình đủ dài, nó bị ám ảnh quá lâu bởi những thay đổi về kinh tế và chính trị, để có thể chú tâm về mặt nghệ thuật và về bản thể thật sự của mình. Không có chỗ dành cho sự sáng tạo cá nhân giữa thể chế quan liêu ấy. Sự thật hiển nhiên là những đoàn hát chính phủ chỉ trình diễn những tác phẩm tuyên truyền cho chủ nghĩa quốc gia khoa trương.

Vở ''Đình mẫu đơn'' bị cấm đưa ra khỏi Trung Quốc năm vừa qua, Bộ Văn Hoá Trung Quốc cho rằng nó tiết lộ tính cách phong kiến và dâm dục. Tất cả chỉ vì những viên chức quan liêu đó đã quá già, không biết gì về thứ nghệ thuật đã trọn vẹn. Vì thế họ quét bỏ hết, chỉ chăm chú vào kiểu nghệ thuật mới là ca kịch với laser, với dàn nhạc giao hưởng, càng nhiều kỹ thuật, nhiều high-tech càng hay. Trình độ văn hoá thấp kém nhưng họ lại đầy quyền lực. Đối với họ, ''Đình mẫu đơn'' là một chỉ trích mạnh mẽ về chủ trương văn hoá cứng rắn của chế độ.

Vở kịch, gồm 40 nghệ sĩ trong đó có 20 diễn viên đóng 160 vai khác nhau và 550 bộ quần áo do 400 người đàn bà Hàng Châu thêu trong 6 tháng, đã được nhiệt liệt ca ngợi ở New York vào tháng bảy vừa qua và hiện thời đang trình diễn tại Pháp trong chương trình Hội Mùa Thu Paris.

Nhà Văn Viết Hay Nhất Thế Kỷ theo Writer's Digest

Một ủy ban gồm các độc giả, biên tập và cố vấn của Writer's Digest, tạp chí hàng đầu trong cộng đồng những người viết, đã chọn bầu 100 nhà văn viết hay nhất trong thế kỷ 20. Theo kết quả, được đăng trong số báo tháng 11, John Steinbeck được chọn là nhà văn viết hay nhất trong thế kỷ 20.

Danh sách 100 người viết gồm cả các nhà văn fiction và non-

fiction, nhà thơ, người viết hài văn và kịch tác gia. Có hơn 20 phụ nữ và hơn một chục nhà văn gốc Phi châu, Latino và Á châu trên danh sách. Một phần ba các nhà văn được chọn còn sống.

Sau Steinbeck, 10 nhà văn tiếp theo là Ernest Hemingway, William Faulkner, Eugene O'Neill, T.S. Eliot, Willa Cather, Robert Frost, James Baldwin, Eudora Welty và E.B. White. Trong 10 người này có 7 người đoạt giải Pulitzer và 5 người đoạt giải Nobel.

Bà Melanie Rigney, chủ biên tờ Writer's Digest, cho biết: "Câu chuyện đời riêng của 100 người viết hay nhất này thật lý thú và đầy gợi hứng cho người viết đương thời." Bà nói thêm là gần như tất cả các nhà văn đó đều có hai điều chung giống nhau: dành thì giờ để viết , và không bỏ cuộc.

Hơn 700 nhà văn đã được gần 500 người đề cử vào vinh dự này. Sau đó ủy ban của Writer's Digest đã tuyển lựa lại còn 100 nhà văn, căn cứ trên ảnh hưởng của nhà văn trong thế giới văn học, phẩm chất, mức độ "originality" và thể nghiệm của tác phẩm.

Writer's Digest thuộc công ty F&W Publications ở Cincinnati – nhà xuất bản đứng đầu thế giới về các thông tin dành cho giới viết lách, có khoảng 200.000 độc giả mỗi tháng.

Số 90 nhà văn còn lại trên danh sách 100 người xếp theo mẫu tự là: Edward Albee, Isabel Allende, Maya Angelou, Isaac Asimov, Margaret Atwood, W.H. Auden, Saul Bellow, Judy Blume, Jorge Luis Borges, Ray Bradbury, Charles Bukowski, Edgar Rice Burroughs, Octavia E. Butler, Albert Camus, Truman Capote, Raymond Carver, Raymond Chandler, John Cheever, Agatha Christie, Winston Churchill, Arthur C. Clarke, Joseph Conrad, Roald Dahl, Arthur Conan Doyle, Ralph Ellison, F. Scott Fitzgerald, E.M. Forster, Gabriel Garcia Marquez, Theodor (Dr. Seuss) Geisel, Allen Ginsberg, William Golding, Graham Greene, John Grisham, Alex Haley, Robert A. Heinlein, Hermann Hesse, Langston Hughes, Zora Neale Hurston, Aldous Huxley, John Irving, James Joyce, Jack Kerouac, Stephen King, Barbara Kingsolver, Milan Kundera, D.H. Lawrence, Harper Lee, Ursula K. Le Guin, C.S. Lewis, Sinclair Lewis, Jack London, Norman Mailer, Bernard Malamud, Thomas Mann, W. Somerset Maugham, John McPhee, James A. Michener, Arthur Miller, Toni Morrison, Vladimir Nabokov, Pablo Neruda, Anais Nin, Flannery O'Connor, George Orwell, Dorothy Parker, Sylvia Plath, Marcel Proust, Ernie Pyle, Thomas Pynchon, Ayn Rand, Tom Robbins, J.D. Salinger, Rod Serling, Shel Silverstein, Upton Sinclair, Danielle Steel, William Styron, Amy Tan, Hunter S. Thompson, J.R.R. Tolkien, John Updike, Kurt Vonnegut, Alice Walker, Edith Wharton, Laura Ingalls Wilder,

Tennessee Williams, Tom Wolfe, Virginia Woolf, Herman Wouk and William Butler Yeats.

Độc giả có thể tìm xem danh sách này tại www.writersdigest.com.

Nhà Văn J. M. Coetzee của South Africa lại đoạt giải Booker lần thứ hai

Tin từ Luân Đôn cho biết vào cuối tháng 10 vừa qua, nhà văn South Africa là J.M. Coetzee vừa tạo ra một thành tích lịch sử: trở thành nhà văn đầu tiên đoạt giải thưởng văn học cao quý nhất ở Anh là giải Booker hai lần.

Coetzee được trao giải thưởng trị giá 21.000 bảng Anh (35.000 mỹ kim) nhờ tác phẩm "Disgrace." Như lệ thường, giải thưởng chắc chắn sẽ đưa tác giả lên đỉnh cao danh vọng – dù Coetzee đã rất nổi tiếng - và đưa quyển sách lên danh sách bestseller trong những ngày sắp tới.

Nhà văn tuyên bố với đài truyền hình BBC: "Danh vọng là điều mà suốt đời tôi đã thu xếp để tránh né được một cách thành công."

Là giáo sư văn chương tại đại học University of Cape Town, nhưng hiện nay Coetzee đang nghỉ lễ "sabbat" tại Chicago. Ong đã in bảy tác phẩm, gần đây nhất là quyển "The Master of Peterburg."

Giải Booker hàng năm vẫn thường gây ra các tranh cãi sôi nổi. Năm nay kết quả giải thưởng cũng gây ngạc nhiên nhiều người, khi các nhà văn rõ ràng xứng đáng hơn như Salman Rushdie, Vikram Seth và Roddy Doyle đã không được trao giải.

Tác phẩm "Disgrace" của Coetzee đã thắng tác phẩm của 5 nhà văn khác từ Anh, Tô Cách Lan, Ái Nhĩ Lan, Ai-Cập và Ấn Độ.

Tác phẩm viết về câu chuyện một vị giáo sư ở South Africa bị làm mất mặt và cho nghỉ việc sau khi dan díu với một người học trò của mình. Ông đến sống với con gái mình ở một nông trại nhưng lại bị ba tên côn đồ tấn công, hãm hiếp cô con gái và phóng lửa đốt ông.

Coetzee đã từng đoạt giải Booker lần đầu vào năm 1983 với tác phẩm "The Life and Times of Michael K."

South Africa cũng đã từng có một nhà văn khác đoạt giải thưởng Booker vào năm 1974 là Nadine Gordimer với tác phẩm "The Conservationist."

Dư Vị Tình Yêu Của Yukio Mishima

Một tòa án đã xử một tác giả phải bồi thường $47.000 mỹ kim

cho gia đình của Yukio Mishima vì đã in các thư từ của nhà văn này mà không có sự ưng thuận của họ.

Nhà xuất bản Bungei Shunju Ltd. và nữ tác giả Jiro Fukushima, người tự nhận là người yêu của Mishima, đã bị tòa ra lệnh phải bồi thường $23,600 cho mỗi người con của Mishima là Noriko Tomita và Iichiro Hiraoka, những người thừa kế tác quyền của Mishima.

Tòa án khu vực Tokyo cũng ra lệnh nhà xuất bản phải ngưng phát hành quyển "Yukio Mishima - Sword and Winter Red," viết về chuyện tình giữa Mishima và Fukushima. Trong quyển sách, 15 bức thư của Mishima gửi Fukushima đã được in lại.

Mishima được xem như một trong những nhà văn hiện đại nhất nước Nhật. Các tác phẩm nổi tiếng của ông gồm tự truyện "Confessions of a Mask," "The Sound of Waves," (Tiếng Sóng) và "The Temple of the Golden Pavilion." (Kim Các Tự)

Là người quốc gia hữu khuynh, ông đã mổ bụng tự tử năm 1970, sau khi thất bại trong việc kêu gọi quân đội nổi dậy chống bản hiến pháp Nhật.

Về giải Goncourt và Femina ở Pháp

Nhà văn Jean Echenoz vừa đoạt giải thưởng cao quý nhất nước Pháp là giải Goncourt hồi đầu tháng 11. Giải thưởng được trao cho quyển tiểu thuyết "Je m'en vais" viết về chủ nhân một phòng trưng bày đã phiêu lưu lên tận Bắc Cực để tìm kiếm về nghệ thuật của dân Eskimo.

Giải thưởng văn học Goncourt đã tồn tại ở Pháp gần 120 năm nay. Tác giả thắng giải thưởng chỉ nhận một số tiền thưởng không nhiều nhưng sau đó danh tiếng của giải thưởng giúp cho sách bán rất chạy.

Ong Echenoz từng là một nhà báo đã chuyển sang sáng tác tiểu thuyết cách đây gần 20 năm. Quyển "Je m'en vais" có hình thức một tiểu thuyết trinh thám; nhân vật chính là một người đàn ông trong lứa tuổi 50 từ bỏ đời sống ăn chơi dễ dãi với các phụ nữ đẹp, lên đường tìm kiếm nghệ thuật Eskimo trên một chiếc tàu đã bị bỏ phế từ lâu và bị kẹt trong các tảng băng ở Bắc Cực.

Năm nay, giải Goncourt đã phá lệ, tuyên bố kết quả sớm hơn thời điểm dự định sáu ngày. Sớm hơn một giải lớn khác là Femina – năm nay được trao cho Maryline Desbiolles với tiểu thuyết "Anchose." Trong một số trường hợp trước đây, thậm chí ban giám khảo Goncourt đã phải thay đổi sự lựa chọn khi người mà họ định trao giải đã đoạt

giải Femina trước đó. Vào năm 1995, ban giám khảo Goncourt đã buộc lòng phải trao giải cho nhà văn Andrei Makine, dù ông này vừa đoạt giải Femina.

Giải Femina được thành lập năm 1904, một năm sau giải Goncourt, để thắt chặt mối quan hệ giữa các nhà văn nữ. Cho đến nay, phân nửa số người đoạt giải là đàn ông.

Nhà Thơ Tây Ban Nha Rafael Alberti từ trần

Thi sĩ Rafael Alberti, người sống sót sau cùng của nhóm văn học Thế Hệ 27 của Tây ban Nha vừa qua đời tại nhà riêng. Ong hưởng thọ 96 tuổi.

Alberti chết sau nửa đêm tại thành phố Puerto de Santa vì bệnh phổi, căn bệnh đã khiến ông phải vào bệnh viện điều trị nhiều lần trong mấy năm qua.

Thế Hệ 27 gồm các văn thi sĩ như Federico Garcia Lorca, Juan Ramom Jimenez và Jorge Gullien, các họa sĩ như Pablo Picasso và Salvador Dali và nhà làm phim Luis Bunuel. Nhóm văn nghệ đã lấy năm 1927 làm tên để kỷ niệm năm mà ông và các bạn văn gặp nhau ở Seville. Hầu hết những người trong nhóm sau này đều trở thành những người chủ yếu của phong trào Siêu Thực và là các khuôn mặt văn học quan trọng.

Alberti sinh ngày 16-12-1902, trở thành đảng viên đảng Cộng sản Tây Ban Nha và dính líu sâu đậm với chính trị phe tả trong thập niên 30. Ong bắt đầu tạp chí cách mạng Octubre (October) vào năm 1934.

Ong chiến đấu cho phe Cộng Hòa trong cuộc Nội chiến 1936-39. Sau khi phe của tướng Francisco Franco thắng thế, Alberti chạy sang Pháp lưu vong, sau đó từ 1940 ông sang Argentina và cho in tác phẩm nổi tiếng nhất của mình, La Arboleda Perdida (The Lost Grove) tại đây. Alberti chỉ trở về quê hương sau khi sống lưu vong gần 40 năm, vào năm 1977, hai năm sau khi Franco qua đời.

Hồ Minh Dũng ra mắt truyện dài Cồn Mây.

Tại xứ sở "Cuốn Theo Chiều Gió", đông đảo người Việt định cư tại Georgia đã đến với nhà văn Hồ Minh Dũng trong buổi ra mắt truyện dài Cồn Mây chiều ngày 30.10.1999 tại Vũ trường Đêm Saigòn thành phố Atlanta.

Nhà văn Lâm Chương từ Massachusetts, nhà thơ Triều Hoa Đại từ Florida và một số bằng hữu mến mộ văn chương Hồ Minh Dũng đã về dự và phát biểu những vấn đề liên quan đến Văn Học Nghệ Thuật nước nhà, hiện đang tồn tại le lói ở xứ người. Đa số những người cầm bút và có tấm lòng tử tế đều đến động viên, cổ vũ và mua sách ủng hộ nhà văn xứ Huế vừa đến định cư tại đây trên dưới 3 năm.

Vũ trường có sức chứa gần 200 người không đủ chỗ cho những người đến với nhà văn Hồ Minh Dũng, phải đứng tràn ra bên ngoài, thậm chí có nhiều người không có chỗ đậu xe chỉ gửi giấy vào chúc mừng. Đây là một thành công xưa nay chưa từng có tại một tiểu bang.

Triển lãm tranh sơn dầu Nguyễn Đình Thuần

Một số đông thân hữu và những người yêu tranh đã đến tham dự buổi khai mạc phòng tranh sơn dầu của họa sĩ Nguyễn Đình Thuần, vào lúc 11 giờ sáng thứ bảy, 30 tháng 10 /1999 tại phòng Sinh hoạt Nhật báo Người Việt, số 14891 Moran St, thành phố Westminster, California.

Họa sĩ Nguyễn Đình Thuần sinh năm 1948 tại Huế, tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế, đã triển lãm trên hai mươi lần, riêng và chung từ năm 1973 đến nay, tại Đà Nẵng, Sài Gòn, Singapore, Hoa Kỳ. Tuy mới định cư trên đất nước này từ năm 1997, nhưng ông đã có những hoạt động tích cực trong lĩnh vực tạo hình. Năm 1998, triển lãm cá nhân tại Hawaii, và bây giờ, tại miền Nam California.

Phòng tranh gồm gần ba mươi tác phẩm, đa số có khuynh hướng trừu tượng. Tuy nhiên, dù vẽ theo khuynh hướng nào, toàn bộ gam màu họa sĩ Nguyễn Đình Thuần sử dụng đều bàng bạc chất thơ, phản ánh rõ nét cá tính của tác giả cùng phong thổ nơi ông ra đời. Xem tranh, khách thưởng ngoạn không thể không nhớ, không nghĩ đến vùng đất nằm bên kia đèo Hải Vân, với lăng tẩm miếu đền uy nghiêm, với tiếng hò vời vợi trên sông, với những ngõ trúc quanh co ngan ngát hương ngâu. Nếu nghệ sĩ, mặt nào đó, là sứ giả của tình yêu, thì Nguyễn Đình Thuần đã đóng trọn vai trò của mình: trong hầu hết tác phẩm của ông, chúng ta sẽ không tìm thấy nỗi buồn. Chỉ thấy tràn đầy sự an lạc bình yên.

Tuy phòng tranh chỉ mở cửa hai ngày (thứ bảy, chủ nhật), nhưng đã gặt hái được sự thành công rất khích lệ từ vật chất đến tinh thần. Ngay trong buổi khai mạc, hai bức tranh đã được khách thưởng ngoạn chiếu cố.

Sinh hoạt hội họa Việt Nam hải ngoại hơn một năm nay, vì nhiều

lý do, bỗng chững lại, hy vọng phòng tranh N.Đ. Thuần sẽ tạo hứng khởi cho nhiều cuộc triển lãm khác, sẽ mở cửa trong tương lai.

Miêng ra mắt độc giả ở Paris

Chiều thứ bảy 13 tháng 11 vừa qua, nắng trời đột ngột trở về với thành phố Paris giữa những ngày cuối thu vốn ẩm ướt, xám và lạnh. Trong phòng tranh và nhà cảnh thơ mộng đầy ánh sáng hôm ấy của anh chị họa sĩ Phan Nguyên (Savigny le Temple, ngoại ô nam Paris), Nguyễn Thị Xuân Sương đã ra mắt tập truyện Miêng, do nhà Văn Mới xuất bản ở Hoa Kỳ vào đầu tháng tám vừa rồi. Buổi họp mặt, dù tác giả chủ định trong vòng thân hữu, đã có một số đông người đến tham dự, nhiều khuôn mặt báo chí và văn nghệ Việt Nam tại Pháp.

Hoạ sĩ Phan Nguyên và Mai Ninh đã giới thiệu tác phẩm lần đầu tiên xuất bản ở ngoài nước của Miêng, một ngòi viết vững vàng quen thuộc của văn học hải ngoại từ nhiều năm nay. Thay vì một lời giới thiệu như thường lệ, MN đã nói về những ý nghĩ và cảm xúc của chị khi đọc suốt 21 truyện ngắn trong tập truyện mà bià sách chủ ý chỉ gọn một chữ ''Miêng'' gây nên nhiều ấn tượng lẫn dấu hỏi. Trong văn chương đa dạng của Miêng người đọc không chỉ bắt gặp nỗi buồn và thảm cảnh. Đọc xong một truyện ngắn này với suy tư trăn trở, nhưng khi mở sang một truyện khác, độc giả có thể rời ngay không khí ngột ngạt, xốn xang mới đó để bước vào một khu vườn xanh mà nở nụ cười cùng với cấu trúc truyện lẫn văn phong hóm hỉnh trêu ngươi nhưng ý nhị của tác giả.

Nhân dịp này, Nguyễn Thị Xuân Sương (tên thật của Miêng) đã ''tâm sự'': Chị không xem mình là một ''Nhà Văn''. Khi xưa, chị sinh trưởng trong một gia đình đông đúc và đầm ấm, anh em dù đã lập gia đình vẫn sống chung với nhau, chị có thói quen, như một hạnh phúc, là thích kể chuyện cho mọi người trong nhà nghe, nhất là các cháu. Sau này, ly hương, tự nhiên chị mất dần thói quen đáng yêu ấy, nên chị viết, viết nhiều hơn những năm xưa. Viết thay những gì chị muốn kể với những người thân của mình. Đơn thuần như thế.

PHẠM VIỆT CƯỜNG



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Giới thiệu sách mới



KRISHNAMURTI, CUỘC ĐỜI & LỜI GIẢNG, tập I: **ĐỜI KHÔNG TÂM ĐIỂM**, tập II:**DÒNG SÔNG THÁNH TẨY - KRISHNAMURTI, TÌNH YÊU**, dịch giả Nguyễn Ước, bìa Thạch Khê, Nguồi Sống xuất bản.Thư từ giao dịch: Hoàng Lệ Hiến - 1986 Eglinton Ave. West - Toronto, Ont, CANADA - M6E 2J9 - Tel & Fax: (416) 783-5212.

Krishnamurti, cuộc đời & lời giảng viết theo thể loại tiểu sử, đậm tính văn học, lấp lánh tinh hoa đạo học của Ấn giáo, Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Nho giáo và Lão Trang. Gồm nhiều chủ đề về tôn giáo, khoa học, triết học, nghệ thuật, võ thuật, quán tưởng...

Krishnamurti, tình yêu là tuyển tập những bài giảng quan trọng nhất trong hơn 60 năm rao giảng của Krishnamurti, kể cả một số văn bản chưa công bố. Sách đề cập tới nhiều vấn đề trong cuộc sống hằng ngày, đạo học và tôn giáo, tu trì và thế tục, khổ não và hạnh phúc, nô lệ và giải thoát, thức ngộ và cứu độ...

Cả hai cuốn được ghi lại với lời văn dễ đọc, dễ hiểu, như một loại sách "học làm người".

Do Cơ Sở Krishnamurti Hoa Kỳ biên tập và xuất bản.

Một b ộ sách quí, rất nên tìm mua, đọc, và lưu giữ.

VĂN HỌC MIỀN NAM, Võ Phiến. Văn Nghệ xuất bản. Ba tập, mỗi tập 18MK, ngoài nội địa Mỹ 20MK.

Số trước HL đã giới thiệu **Văn Học Miền Nam**, gồm ba tập về bộ môn truyện. Kỳ này, HL tiếp tục giới thiệu ba tập tiếp theo về các bộ môn *Kịch, tùy bút, ký, thơ.*

Về Kịch, các tác giả được đề cập gồm: Dương Kiền, Nghiêm Xuân Hồng, Nguyễn Đình Toàn, Nhật Tiến, Phan Tùng Mai, Thanh Tâm Tuyền, Trần Lê Nguyễn, Vũ Hạnh, Vũ Hoàng Chương, Vũ Khắc Khoan.

Về Tùy bút: Hồ Hữu Tường, Mai Thảo, Thế Uyên, Vũ Bằng.

Về Ký: Bình Nguyên Lộc, Đoàn Thêm, Lê Hương, Lê Tất Điều, Minh Đức Hoài Trinh, Nguyên Vũ, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Tú, Nguyễn Văn Hầu, Nhã Ca, Nhất Hạnh, Phan Lạc Tiếp, Phan Nghị, Phan Nhật Nam, Thế Uyên, Toàn Phong, Trang Châu, Triều Đẩu, Trương Duy Hy, Vương Hồng Sển, Xuân Vũ.

Về Thơ: Anh Tuyến, Bàng Bá Lân, Bùi Giáng, Đinh Hùng, Đỗ Tấn, Đông Hồ, Giản Chi, Hà Thúc Sinh, Hoàng Hương Trang, Lê Nguyên Ngữ, Luân Hoán, Nguyên Sa, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Đức Sơn, Nhã Ca, Nhất Tuấn, Phạm Công Thiện, Phạm Thiên Thư, Quách Tấn, Quách Thoại, Thanh Nam, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Trần Bích Liên, Trần Dạ Từ, Tường Linh, Viên Linh, Võ Chân Cửu, Vũ Hoàng Chương, Vũ Hữu Định, Vũ Khắc Khoan.

ĐẠO LÝ CHO THIÊN KỶ MỚI, Đức Đạt Lai Lạt Ma, Linh Thụy chuyển ngữ, bìa KT, Văn Nghệ xuất bản. Giá 13MK, ngoài Mỹ 15MK.

Cuốn sách là một thông điệp chứa chan tình người và lý đạo trước ngưỡng cửa thế kỷ 21 của đức Đạt Lai Lạt Ma, xây dựng một tinh thần mới cho nhân loại toàn cầu, với các biện pháp thực tiễn, giải quyết những khó khăn trước mắt và phát triển hạnh phúc cùng ý nghĩa của đời sống con người.

NƠI NGƯỜI CHẾT MỈM CƯỜI, tạp ghi Nguyễn Quốc Trụ, bìa Nguyễn Trọng Khôi, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Giá 10MK, ngoài Mỹ 12MK.

Chính tác giả tóm lược nội dung cuốn sách, như sau:

" Những trang sau đây, đa số dịch từ báo văn học nước ngoài (...)

Vài bài viết về bạn bè, trong số đó, có người đã khuất mặt...

Đây là cuốn thứ ba, sau *Những Ngày Ở Sàigòn* (tập truyện, Đêm Trắng, 1970); *Lần Cuối, Sàigòn* (thơ, truyện, tạp luận, Văn Mới, 1998).

THƠ VINH HỒ, tựa Du Tử Lê, bạt Ái Khanh, tranh bìa Vũ Đức Thành, trình bày Đỗ Xuân Hùng, dịch sang Anh ngữ Trần Minh Hiền,

phổ nhạc Đặng Văn Đồng. Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt-Mỹ Florida xuất bản. Giá 10MK. Liên lạc với tác giả: Hồ Văn Thịnh, 1113 Tyler Lake Cir. - Orlando, FL 32839, USA. Tel: 407-858-9721.

Tập thơ chia làm hai phần. Phần thứ nhất: Đường luật Vinh Hồ. Phần thứ hai: Thơ mới..

10 ĐẠI THỪA TƯỚNG TRUNG QUỐC, chủ biên Lưu Kiệt, dịch giả Phong Đảo, bìa KT. 962 trang. Giá27MK

10 ĐẠI MƯU LƯỢC GIA TRUNG QUỐC, chủ biên Tang Du, dịch giã Phong Đảo, bìa KT, 590 trang. Giá 22MK.

10 ĐẠI HOÀNG ĐẾ TRUNG QUỐC, chủ biên Lưu Huy, dịch giả Phong Đảo, bìa KT. 944 trang. Giá 27MK.

Cả ba cuốn nằm trong bộ **Những Mẩu Chuyện Lịch Sử Nổi Tiếng Của Trung Quốc,** đo nhà Đồng Văn xuất bản, nhà Văn Nghệ tổng phát hành (liên lạc mua sách: nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683. USA. Tel & Fax: (714)527-5761. Emai: vănnghe@pacbell.net - homepage: http://hom.pacbell.net/vannghe).

Trung Quốc là quốc gia có một lịch sử lâu dài và đầy sóng gió. Trải qua nhiều nghìn năm, với nhiều triều đại, đã có vô số những minh quân, những tương tài, những nhà mưa lược từng đưa dân tộc Trung Hao đến cảnh thái bình thịnh trị. Họ là tinh hoa, là rường cột của đất nước. Ngược lại, cũng có không ít những hôn quân, những gian thần, những kẻ lợi dụng quyền bính thế lực, gây bè kết phái để mưu đồ tư lợi, hại dân hại nước.

Bộ sách là công trình biên soạn khá công phu, qua quá trình chọn lọc, đánh giá kỹ lưỡng, với một phương pháp viết trung thực, cố đi sát sự thực lịch sử nhưng cũng không quên đưa vào những chi tiết hấp dẫn, thú vị, cốt thu hút người đọc. Bộ sách rất xứng đáng nằm trong mọi tủ sách gia đình.

HOA HƯỚNG DƯƠNG, truyện dài Xuân Tước, bìa KT, Văn Hóa xuất bản. Giá 15MK. Ngoài Mỹ 18MK. Liên lạc: nhà xuất bản Văn Hóa, 1005, Emanuel St # 205 - Houton, TX 77003. USA. Phone & Fax: 713-528-2606.

Tiểu thuyết tâm lý xã hội, kể chuyện cuộc đời một gia đình quân nhân miền Nam cũ đi tị nạn, qua Thái Lan, rồi định cư tại Hoa Kỳ. Với lý tưởng "kính Chúa yêu đời", nên dù trải qua bao gian nan cơ cực, muôn vàn khổ ải, ý hướng đó vẫn như hoa hướng dương hướng về phía mặt trời, đã giúp họ đứng vững, trở nên những con người gương mẫu, tham gia sinh hoạt xã hội, đem niềm tin và sự tích cực giúp ích cho đời.

NHỮNG PHÚ HỘ LỪNG DANH NAM KỲ, ký sự, biên khảo Hứa Hoành, Văn Hóa xuất bản. Giá 15MK. Ngoài Mỹ 18MK.

Ñaây laø phaàn noái tieáp boä taäp *Nam Kỳ Lục Tỉnh* và *Bảy Viễn*. Tác giả có hoài bảo mang về hiện tại những nét chấm phá đầy tình tự , dũng cảm, hào hùng của một Nam Kỳ Lục Tỉnh đã chìm vào dĩ vãng. Một Nam Kỳ Lục Tỉnh từng là đỉnh cao cuộc Nam tiến của dân tộc Việt, biên thùy và châu thổ của các đợt giao lưu văn hóa giữa Việt, Chàm, Miên, Hoa với các sắc dân Đông Nam á cũng như Âu, Mỹ.

Truyền khẩu và lịch sử đan quyện vào nhau trong kiến thức và văn phong Hứa Hoành khiến tác phẩm của ông có hấp lực, thu hút độc giả.

ĐỨC TIN & LÝ TRÍ - Thông điệp thứ 13 của Giáo hoàng JOHN PAUL II, nhận định của Trần Văn Kha, tác giả xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành. Giá 25MK. Ngoài Mỹ 28MK.

Sách dày 765 trang.

Trong "Lời nói đầu", tác giả cho biết: "Thông điệp **Đức Tin & Lý Trí** (Encyclical Letter "Fides et Ratio") của Giáo hoàng John Paul II gợi ý cho chúng tôi viết ra sách này, mà chúng tôi cũng đặt tên là **Đức Tin & Lý Trí**, vì tất cả các bài trong sách này cũng chỉ nói về "Đức Tin & Lý Trí".

Đa số các bài đều là những bài dịch từ tiếng Pháp hay tiếng Anh của các học giả, hay các nhà thần học, nghiên cứu về tôn giáo (...) có thể giúp một phần nào cho người đọc hiểu một vấn đề vẫn còn mang nhiều bí mật, và nhiều tranh cãi.

GIÓ LỬA, truyện dài Nam Dao, nhà xuất bản Thi Văn (P.O.Box 42045, succ St Louis, St-Foy, Qc, Canada G1W 4Y3. E-mail: thivan@videotron.ca). Giá 20MK. Ngoài châu Mỹ thêm 2MK.

Gió Lửa được viết dựa trên không gian nước Việt Nam vào thời điểm Trịnh tàn Lê mạt ở cuối Thế Kỷ 18.

Trong lời ngỏ, tác giả quan niệm rằng "những trang sử Việt nam trên dưới năm trăm năm qua phơi trải chiều dài một cuộc nội chiến vẫn ám ảnh đâu đó như một thứ ác nghiệp đang còn rình rập ẩn náu chỉ đợi cơ hội là lại làm cho lệ rơi máu đổ. Tại sao? Dĩ nhiên, yếu tố tình cờ có, yếu tố khách quan có. Nhưng lịch sử vẫn là, nói cho cùng, sản phẩm của những con người suy tư và hành động trong một mẫu hình văn hóa nhất định. Vậy thì mẫu hình kia là nguồn căn của những cuộc nội chiến mà ta là nạn nhân của chính ta? Nặn đất sét làm tượng Thành Hoàng phải chăng chúng ta đã quì lạy thì thụp đến độ mê mụ để trở

thành nạn nhân của những *quyền lực* do chính chúng ta cùng dựng lên, một khi, theo qui luật tồn tại, những quyền lực đó xung đột với nhau? Tránh cho cảnh lệ lại rơi máu lại đổ, không thể không đặt cả cái mẫu hình văn hóa đó lên bàn giải phẫu để suy ngẫm, hội chẩn và rồi cắt bỏ những phần nhiễm độc trong tâm thức. Chỉ có như vậy, tương lai mới phần nào rõ nét ngõ hầu hiện tại cưu mang được hy vọng để tiếp tục sống còn..."

Cũng theo tác giả, "Mọi nhân vật, kể cả những nhân vật mang tên có thật trong chính sử, vẫn là những nhân vật hoàn toàn tiểu thuyết. Tiểu thuyết là cách tác giả đối thoại với lịch sử."

Cấu trúc của tiểu thuyết này được chia thành từng chương hồi, trong đó mỗi chương đều mang "tính cách"" truyện ngắn. Trong dĩ vãng, tác giả từng "lóc" ra vài chương, đăng tải trên các tạp chí *Hợp Lưu, Văn Học, Văn...* và đã được độc giả đón nhận với nhiều thiện cảm, nhờ những chiêm nghiệm sâu sắc cũng như bút pháp, văn phong điêu luyện của tác giả.

LM TRẦN LỤC, biên khảo Bùi Kha, Trần Chung Ngọc. Giao Điểm xuất bản. Giá 12MK. Liên lạc: P.O.Box 2188, Garden Grove, CA 92842. USA.

Ôn lại quá khứ, tìm sách cũ, sử xưa cộng với tài liệu mới để định vị ai là danh nhân, ai là anh hùng của dân tộc, cũng như ai là tay sai cho ngoại nhân , ai bán nước cầu vinh, là một việc làm cần thiết và rất có ý nghĩa.

Dĩ nhiên côngviệc này đòi hỏi một sự nghiêm cứu nghiêm túc, chính xác và tuyệt đối khách quan.

Vài năm gần đây, nhà xuất bản Giao Điểm đều đặn cho ra đời những tác phẩm với tham vọng định vị lại chỗ đứng của nhiều danh nhân trong lịch sử dân tộc.

Việc làm này dĩ nhiên có nhiều người đồng thuận, song cũng không ít kẻ phản bác. Bởi lẽ, hầu hết các "danh nhân" Giao Điểm đề cập đến đều ít nhiều liên quan đến một lĩnh vực cực kỳ tế nhị: tôn giáo.

Ở đây, chúng tôi không bàn đến chuyện "đúng, sai" của tác phẩm, chỉ xin trân trọng giới thiệu với độc giả một hướng nhìn, trong nhiều hướng nhìn, về LM Trần Lục, một nhân vật đã và đang được xem là danh nhân của dân tộc.

CỒN MÂY, truyện dài Hồ Minh Dũng, tựa Lâm Chương, phụ lục

Nguyễn Vy Khanh, bìa Đinh Cường, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành, giá 17MK, ngoài Mỹ 18MK.

Được biết đến như "một nhà văn trẻ" từ những thập niên sáu mươi, bảy mươi tại miền Nam Việt Nam, trên các tạp chí văn chương nghệ thuật như *Văn, Khởi Hành, Bách Khoa, Văn Học, Chính Văn, Thời Tập, Đất Nước....*

Định cư tại Hoa Kỳ tháng 11 năm 1993. Từ ấy đến nay, tên tuổi ông lại được độc giả tìm thấy đều đặn trên các diễn đàn văn chương hải ngoại: *Hợp Lưu, Văn Học, Văn, Thế Kỷ 21, Việt, Khởi Hành...* Đồng thời, liên tục nhiều năm, các tác phẩm của ông đã được xuất bản: *Hoa Vạn Hạt Cuối Mùa* (tập truyện ngắn, Đại Nam 1996); *Câu Nam Ai Thất Lạc* (Văn Mới, 1997); *Một Mình Em, Đến Giữa Đời* (Văn Mới, 1998).

Cồn Mây là truyện dài đầu tiên của nhà văn Hồ Minh Dũng. "Tình yêu, thù nhà, nợ nước, những ước mơ tối thượng của đời người đều tan tác, chia lìa trong một đất nước mà *dân tộc tồn tại trên đó thiếu khả năng xử sự cho đúng"*. Những lời trên của Lâm Chương, có lẽ khá đủ để tóm lược nội dung *Cồn Mây*. Nội dung đó, được Hồ Minh Dũng trải ra trên gần 350 trang giấy, bằng một văn phong mượt mà, chừng mực, cẩn trọng và rất đỗi thơ mộng.

Cồn Mây là một trong rất ít các tác phẩm xứng đáng được sự lưu tâm của độc giả.

PHÍA SAU CUỘC ĐỜI, phóng sự tiểu thuyết Thái Quốc Mưu, bìa, phụ bản Vũ Đức Thành, Danviet, Inc xuất bản. Giá 13MK, ngoài Mỹ 15MK. Liên lạc: Thái Quốc Mưu, P.O.Box 47074, Doraville - GA 30340. USA.

Tác phẩm thứ hai sau *Gió Quyện Hương Đồng*, thơ, 1988.

Chúng tôi được biết, Thái Quốc Mưu còn là chủ nhiệm kiêm chủ bút bán nguyệt san *Dân Việt* (tạp chí kiến thức phổ thông) tại Atlanta, GA.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU





KẾT QUẢ TRÒ CHƠI NHẬN DIỆN VĂN THI SĨ

TRẦN LONG HỒ

Sau bốn số Hợp Lưu từ 46 đến 49 (từ 04/99 đến 11/99), chúng tôi nhận được tổng cộng 72 độc giả gởi phiếu về tham dự cuộc chơi Nhận Diện Văn Thi Sĩ. Đa số quí vị, đến 65 người cư ngụ tại Hoa Kỳ. Số còn lại gồm 4 vị ở Canada, 3 vị ở Âu Châu gồm 2 ở Pháp và 1 ở Đức.

Cách thức gởi phiếu trả lời, phần lớn qua thư, kế đến là e mail, và qua fax. Nhận xét chung, các phiếu trả lời gởi càng về sau tức gần ngày hết hạn có số trúng càng nhiều. Điều này chứng tỏ người tham dự rất chịu khó suy nghĩ và nhất là tham khảo lại toàn bộ tạp chí Hợp Lưu từ số đầu. Chính những độc giả tham dự cũng cho biết, ngoại trừ các vị có giữ Hợp Lưu từ số đầu, các vị khác phải truy lùng các số Hợp Lưu cũ.

Khi soạn câu hỏi cho cuộc chơi, chúng tôi xếp đến 52 câu hỏi để độc giả nhận diện 52 văn thi sĩ. Chúng tôi để khá nhiều câu hỏi nhằm các mục đích như sau:

1. Độc giả có dịp thử kiến thức văn chương của chính mình và qua quá trình trả lời 52 câu hỏi sẽ có sự phân định mức độ nhận định của từng vị.

2. Độc giả có dịp đọc lại Hợp Lưu từ số đầu và những vị nào chưa có ý định, hoặc đã sưu tập Hợp Lưu mà chưa đủ, bây giờ là dịp thuận tiện nhất để tìm cho đủ tất cả các số Hợp Lưu.

Hôm nay, chúng tôi công bố kết quả:

- Giải nhất: 2 người cùng trúng hoàn toàn 52/52. Giải nhất US $300.00 và nhì US $200.00 sẽ được cộng lại và chia đôi cho hai vị. Mỗi người sẽ nhận giải thưởng US $250.00 bằng giá trị sách của nhà xuất bản Minh Văn.

- Lê Bình Phương (Pháp)
- Thúy Myers (Hoa Kỳ)

Giải ba (vì có hai người đoạt giải nhất): trúng 51/52, giải thưởng là US$100,00.

- Loan Võ (Hoa Kỳ)

Các vị khác có số trúng tương đối cao nhưng không trúng giải là:

Hải Phụng (Canada) 48/52
Huỳnh Văn Hiệp (Hoa Kỳ) 45/52
Đỗ Thị Xuân Hồng (Germany) 33/52

Nhà xuất bản Minh Văn sẽ gởi một quyển sách đến các vị này như một giải khuyến khích. Các vị đã trả lời trúng dưới 30 câu, chúng tôi mạn phép không kể ra đây.

Sau đây là bản trả lời các câu hỏi:

1.S 2.WW 3.E 4.D 5.QQ 6.GG 7.AA 8.ZZ 9.DD 10.J 11.F 12.OO 13.C 14.KK 15.L 16.G 17.W 18.H 19.UU 20.XX 21.TT 22.A 23.M 24.RR 25.MM 26.X 27.O 28.B 29.YY 30.CC 31.P 32.JJ 33.Z 34.U 35.N 36.FF 37.EE 38.II 39.HH 40.Y 41.T 42.BB 43.R 44.I 45.NN 46.SS 47.PP 48.V 49.LL 50.Q 51.K 52.VV.

Chúng tôi sẽ liên lạc trực tiếp đến từng vị trúng giải qua thư riêng.

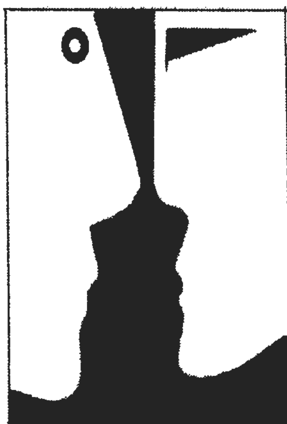
Thay mặt ban điều hành nhà xuất bản Minh Văn, chúng tôi trân trọng cám ơn tất cả quí vị đã nhiệt tình ủng hộ cuộc chơi Nhận Diện Văn Thi Sĩ. Và chúng tôi cũng chân thành cám ơn nhà văn / họa sĩ Khánh Trường, chủ biên tạp chí Hợp Lưu đã dành nhiều ưu ái cho cuộc chơi này.

TRẦN LONG HỒ



Với văn hữu và bạn đọc

THƯ VĂN HỮU & BẠN ĐỌC



Hợp lưu văn học và giao lưu văn hóa.

NGUYỄN HỮU LÊ

Năm 1975 đường ranh địa lý phân đôi dân tộc Việt được hàn gắn, nhưng một đường ranh khác, đường ranh chính trị, ý thức hệ lại bị khoét sâu thành vực thẳm ngăn cách. Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc ta, ranh giới chính trị ý thức hệ lại gây tổn thương cho dân tộc khủng khiếp đến thế.

Nếu chỉ tính đến con số hàng triệu người vượt biên lênh đênh trên biển đánh vật với sóng gió và hải tặc hoặc con số hàng trăm ngàn chiến binh Việt Nam cộng hòa bị đày ải trong các trại cải tạo, thì con số này dẫu sao mới chỉ nói lên được một phần cái hậu quả sau cuộc chiến. Cái mất mát lớn lao hơn nhiều so với các con số thống kê là cả một dân tộc bị đánh mất khả năng đồng thuận. Từng gia đình, mỗi quan hệ huyết thống cũng bị tổn thương bởi lằn ranh chính trị ý thức hệ. Người ta quay lưng lại với nhau hoặc đối đầu nhau. Mỗi phía đều cố chứng minh cái "chính nghĩa" thuộc về mình.Cả một dân tộc trên 80 triệu dân mà chỉ còn một cái tiêu chí phân loại còm cõi là cộng sản hay quốc gia. Nếu có ai lừng khừng đứng ngoài cuộc thì áp chế chính trị của chính thống hoặc dư luận chụp mũ cũng không buông tha. Rốt cuộc, những

người này buộc phải xếp vào một bảng phân loại nào đó.

Nhưng lịch sử một dân tộc vốn phong phú và giàu có hơn nhiều cái lằn ranh chính trị, ý thức hệ đó. Mỗi dân tộc có một nền văn minh, văn hóa đồng thuận. Nền văn minh, văn hóa này không chỉ rộng hơn mà còn sâu sắc hơn bất kỳ một thể chế chính trị nhất thời nào. Nó chính là tiêu chí chính xác để đánh giá một cách khách quan những quy luật tiến bộ xã hội. Từ cái tiêu chí văn hóa, văn minh của dân tộc, người ta dần dần nhận ra cái hạn hữu và phi lý của đường ranh chính trị.

Một nền chính trị độc tài chẳng hạn chỉ có thể tồn tại trên cơ sở một ý thức hệ chính trị chính thống nào đó. Điều này, tự thân nó đã mâu thuẫn với văn minh, văn hóa và tiến bộ xã hội là luôn hợp lưu văn hóa với tha nhân để đổi mới để tiến kịp với tầm vóc thời đại. Muốn thay đổi chế độ độc tài, vấn đề không chỉ là lật đổ hay thay thế một nhóm lãnh đạo. Vấn đề căn bản hơn nhiều là vấn đề phấn đấu để có một thể chế chính trị ngang tầm với tầm vóc văn hóa dân tộc. Đây không chỉ là một cuộc đảo lộn thay bậc đổi ngôi đơn giản. Vì nếu chỉ là một cuộc đảo chính chính quyền, người ta chỉ làm được cái điều từng lặp lại của lịch sử: Thay chế độ độc tài này bằng chế độ độc tài khác hoặc thay chính thống chính trị này bằng chính thống chính trị khác. Chính những biểu hiện chính trị trong giai đoạn hiện thời đã bộc lộ rõ nỗi lo ngại kể trên: Chúng ta bao vây chế độ cộng sản lẫn nhân dân đang sống dưới chế độ cộng sản, quay lưng lại với chế độ bằng cái cách quay lưng lại với một phần lớn dân tộc đang chịu đựng chính chế độ đó. Chúng ta chống giao lưu văn hóa với chế độ độc tài, nhưng còn nhân dân thì sao? Chẳng lẽ số phận một con người được định đoạt một cách giản dị là sinh ra ở phía này cầu Hiền Lương hay sinh ra phía bên kia câù Hiền Lương? Cá nhân con người có thể làm được gì trước một thể chế mạnh hơn gấp bội. Ngay cả những kẻ đang nằm trong guồng máy chế độ độc tài, họ đâu có bị tê liệt hòan toàn khả năng nhận thức tiến bộ xã hội nhờ giao lưu văn hóa?

Cách đây 10 năm, khi những vết thương hậu chiến còn rỉ máu trong lòng mỗi người Việt hải ngoại, một tập san văn học mang tên Hợp Lưu đã ra đời. Mục tiêu giản dị của tờ báo này là tập hợp những sáng tác văn học hay, không phân biệt nguồn gốc xuất thân hoặc ranh giới địa lý chính trị. Khuynh hướng biên tập bài vở này dĩ nhiên gặp nhiều sóng gió lúc ban đầu. Những người nhận ra thiện chí của nhóm chủ biên không phải là ít, nhưng phía ngờ vực lẽ dĩ nhiên là thuộc về đa số.

Vấn đề phức tạp là ở chỗ là mỗi chúng ta đều chịu ảnh hưởng

một thói quen không lấy gì làm hay ho lắm là đánh đồng một cục mối quan hệ giữa chính trị và văn học, giữa văn học và văn hóa. Thói quen này có nguồn gốc xuất thân từ chế độ độc tài : Chính thống chính trị thống soái trên tất cả. Trật ra khỏi đường rầy nói trên bị xem là phản bội, hoặc chí ít cũng bị xem là thiếu lập trường chính trị. Thực ra mối quan hệ giữa văn học và chính trị là một mối quan hệ phức tạp. Mỗi bên đều có ảnh hưởng qua lại lẫn nhau và đều có vị trí độc lập tương đối. Một tác phẩm, một tác giả hay rộng hơn là một trào lưu văn học có thể là phi chính trị đối với một thể chế chính trị cụ thể nhất thời, nhưng lại có ý nghĩa chính trị đối với các thể chế chính trị tiến bộ khác. Nói cách khác văn học luôn tiềm ẩn khả năng xé rào hoặc đi trệch đường rầy của một thể chế chính trị nhất thời. Hơn thế nữa, tự thân các hiện tượng văn học văn hóa thường phong phú và giàu có hơn các nhãn quan chính trị. Như vậy, cái dị ứng chung chung của thiên kiến chính trị đối với văn học đích thị là không công bằng và khách quan. Cũng như thế việc dị ứng với chủ trương hợp lưu văn học trước hết lại vi phạm chính lập trường quan điểm của một nền chính trị tiến bộ là sẵn sàng tiếp nhận cái hay cái đẹp của tha nhân để làm giàu cho chính cái ý tưởng chính trị tiến bộ của mình. ý tưởng đa nguyên bắt đầu bằng phương pháp nhận thức giản dị đó.

Trong suốt mười năm qua, tập san Hợp Lưu ngày càng được sự ủng hộ của công chúng độc giả trong cũng như ngoài nước. Mục tiêu của tập san ngày càng vượt xa cái đích giản dị ban đầu của nhóm chủ biên là hợp lưu văn học. Chính sự cộng tác của đông đảo các nhà khoa học, văn nghệ sỹ trong cũng như ngoài nước đã khẳng định tầm vóc văn hóa của tập san này. Phản ứng của các phía nhân danh một kiểu chính thống chính trị nào đó đối với Hợp Lưu thường thiếu thuyết phục, lạc lõng và sớm bị quên lãng. Cách đây vài năm, phụ họa theo nhãn quan cứng nhắc của ban văn hóa tư tưởng, Diệp Minh Tuyền cho ra bài "Khuynh hướng chống cộng, phản dân tộc của tập san Hợp Lưu..." Bài viết này chỉ đưa lại cái hiệu quả duy nhất là chôn vùi cái con người nghệ sỹ của tác giả trước cái chết có thật sau đó vài năm. Ngày nay, bạn đọc, nhất là thế hệ trẻ trong và ngoài nước có trình độ văn hóa ngày càng cao. Họ tự nhận biết ở đâu là chân lý và lẽ phải. Mọi sự phụ họa sống sượng thể chế chính trị này hay thể chế chính trị khác không bao giờ có khả năng thuyết phục. Đó chính là kết quả của giao lưu văn hóa mà tập san Hợp Lưu có thể được xem như là một viên gạch tạo nền khiêm tốn.

NGUYỄN HỮU LÊ

Đã phá thì dễ...

Thỉnh thoảng tôi vẫn thường nghe nói đến tạp chí Hợp Lưu, là một diễn đàn văn học tại hải ngoại có đường lối cởi mở, nơi hội tụ của người cầm bút trong và ngoài nước. Nghe thôi, qua trao đổi của giới viết văn làm báo, nhưng chưa một lần nhìn thấy. Mãi gần đây, một người bạn từ Pháp về thăm nhà, mang đến cho tôi cuốn Hợp Lưu số 44, đặc biệt về thi sĩ Bùi Giáng.

Nhìn hình thức, rồi xem qua nội dung, tôi thích lắm. Sau hai mươi mấy năm nước nhà thống nhất, lần đầu tiên tôi được cầm trên tay một tạp chí có khuynh hướng cấp tiến, khách quan, đưa văn học nghệ thuật vượt trên tranh chấp Quốc Cộng. Trước đây, thỉnh thoảng qua những Việt kiều, tôi cũng đã từng được đọc vài tờ báo xuất bản tại hải ngoại. Thật tình mà nói, tuy những tờ báo này đã cho tôi thấy được phần nào diện mạo của nền văn học viết bằng Việt ngữ bên ngoài quê hương, nhưng theo tôi, vẫn còn lắm điều lấn cấn, lắm điều bị chi phối bởi định kiến chính trị cực đoan, khiến cho vùng đất văn học của người Việt hải ngoại trở nên tù túng, chật hẹp.

Đất nước ta, sau thời gian dài nội chiến, ngày nay, sau hai mươi lăm độc lập, hẳn nhiêu sự tiêu cực, trên mọi lĩnh vực, còn đang là những nan đề mà bất cứ người Việt Nam nào, dù sống ngay trên quê hương, hay lưu lạc cùng trời cuối đất, vẫn không thể không trăn trở. Tuy nhiên, tất cả phải được khắc phục bằng trái tim độ lượng, chứ không thể bằng lòng thù hận triền miên.

Ngoài HL, tôi còn được đọc, tuy không thường xuyên lắm, một tờ báo khác, xuất bản tại Pari, Pháp, đó là tờ *Diễn Đàn*, cơ quan ngôn luận của nhiều trí thức hiện đang sống tại Âu châu. Tờ báo này nặng về chính trị, xã hội. Tôi cũng rất thích, bởi ý hướng xây dựng của nó. Ai cũng hiểu, đả phá thì dễ, nhưng đả phá với ý hướng xây dựng mới là công việc nên làm, cần làm của giới văn nghệ sĩ, nói riêng, trí thức, nói chung...

NGUYỄN H. (*thư qua email*)

HỢP LƯU TRẢ LỜI BẠN ĐỌC

Tôi muốn biết về một số nhạc khí dân tộc, tòa soạn HL có thể tra cứu giúp được chăng?

LÊ TR. TH. (Cali)

1) Chúng tôi tìm thấy trong **Tự Điển Bách Khoa Việt Nam,** tập

I (Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, Hà Nội, 1995) các loại đàn dân tộc sau đây:

- ***Đàn Bầu*** (độc huyền cầm): nhạc cụ độcđáo của VN, có hình dáng và cấu tạo đơn giản. Gồm một thân đàn và một sợi dây làm bằng kim khí. Trước đây thân đàn được làm bằng nửa ống bương, trên đầu có gắn một cần (vòi đàn) bằng tre vót nhọn, mảnh, dễ uống cong để điều chỉnh sự căng - chùng của dây đàn, tạo cao độ khác nhau của âm. Vì không có quả bầu ở vòi đàn cho nên âm phát ra là âm thật, thường dùng đệm cho người hát xẩm. Sau đó, thân đàn được làm bằng hộp gỗ, dài, vòi đàn được cắm xuyên qua một quả bầu rỗng có tác dụng cộng hưởng (do đó có tên Đàn Bầu), chính quả bầu tạo cho tiếng đàn có âm sắc độc đáo. Âm thanh được phát ra bằng cách bồi âm, khi gảy đồng thời ngón tay chạm nhẹ vào dây để lấy bồi âm, nên tiếng nghe thường êm ả, sâu lắng và quyến rũ. Đàn bầu có hai cách diễn tấu và kỹ thuật gẩy que. Trước đây dùng que đánh xuống, ngày nay nhiều người lại dùng que hất lên. Cách diễn tấu ở hát xẩm tiếng mạnh, tiết tấu nhanh và sôi động; ở Huế và các ban nhạc tài tử Nam bộ tiết tấu lại chậm rãi, thiết tha. Hiện nay ĐB có những cải tiến và có mặt ở khắp các dàn nhạc; ĐB không chỉ được người VN ưa thích mà được cả người nước ngoài hâm mộ.

- ***Đàn Đá*** (khảo cổ): nhạc cụ cổ gồm những thanh đá, khi gõ lên tạo ra những âm thanh khác nhau. Năm 1949, lần đầu tiên ở VN, ĐĐ được phát hiện ở làng Ndutlieng Krak (Đăc Lăc). Cho đến nay, đã phát hiện được trên hai chục bộ ĐĐ ở VN, gồm khoảng 250 thanh, như ĐĐ Bảo Lộc (Lâm Đồng), ĐĐ Khánh Sơn (Khánh Hòa), ĐĐ Bắc Ái (Thuận Hải) v.v... Đặc biệt di chỉ khảo cổ Bình Đa, Gò Ma (Đồng Nai) đã phát hiện được nhiều thanh ĐĐ trong tầng văn hóa thời đại kim khí. Đây là những thanh đá dài dẹt, có mặt cắt ngang hình thoi hoặc gần bán nguyệt, hai mặt phẳng hoặc cong lõm ở giữa được làm từ loại đá phiến biến chất. Mỗi bộ có 7, 9 hoặc 11 thanh. Về niên đại của ĐĐ có nhiều ý kiến khác nhau. Một niên đại C14 ở độ sâu 1,9m của di chỉ Bình Đa là 3190-50BP. ĐĐ nằm ở độ sâu 0,60-0,90m, có niên đại muộn hơn.

- ***Đàn Đáy*** (vô đề cầm: đàn không đáy): nhạc cụ họ dây, chi gẩy. Xưa kia chỉ dùng đệm cho hát ả đào (ca trù). Đàn có bầu cộng hưởng hình thang, đáy lớn khoản 25 cm nằm phía trên, đáy nhỏ khoảng 22 cm nằm phía dưới, hai cạnh bên khoảng 35 cm, dày 7 - 9 cm. Mặt đàn bằng gỗ xốp, thường là gỗ ngô đồng, còn gắn thêm mảnh gỗ hình chữ U có

lỗ để mắc gốc dây đàn. Cần đàn dài khoảng 1,2 m, gắn 10 - 12 phím gọt bằng bằng tre. ĐĐ có ba dây bằng tơ xe, cách nhau một quãng bốn, ứng với các nốt sol - đô - fa. Tiếng đần ấm, dịu và đục, đi với giọng nữ, kết hợp tiếng phách tre hài hòa, có khả năng thể hiện những cung bậc tinh tế của tình cảm.

- **Đàn Gáo**: nhạc cụ họ dây, chi cung kéo, bầu cộng hưởng làm bằng vỏ quả dừa khô như gáo dừa. là nhạc cụ trung âm, thường được dùng đệm khi hát xẩm.

- ***Đàn Hồ***: nhạc cụ họ dây, chi cung kéo, loại trung âm. ĐH có cấu tạo như Đàn Nhị, nhưng kích thước lớn hơn. Thường dùng đánh đệm cho giọng nam trung, và là cây đàn đặc trưng cho hát xẩm. Trong dàn nhạc hòa tấu, ĐH thường thể hiện giai điệu của đàn nhị, tầng âm thấp hơn một quãng tám.

- ***Đàn Môi***: tên gọi của một loại nhạc cụ tự thân vang. Đàn nhỏ, hình như chiếc lá tre, làm bằng đồng dát mỏng về phía ngọn. Ở bên trong, ứng với hai rìa, người ta cắt rời hai đường gặp nhau phía ngọn đàn, tạo thành một tam giác cân. Hình tam giác này chính là dây đàn. Khi chơi, nhạc công đặt ngang đàn ngay trước hai hàm răng cửa, dùng hai môi cặp lấy hai rìa đàn. tay trái giữ sợi dây tơ buộc vào gốc đàn. Ngón cái tay phải bật vào ngọn đàn làm rung dây. Khoang miệng trở thành bầu cộng hưởng đàn. Thay đổi hình thể khoang miệng sẽ tạo ra những âm khác nhau tương ứng. Đàn chỉ cho vài âm không chuẩn xác lắm. Đàn được dùng hầu hết các dân tộc VN và Đông Nam Á và một số nước khác, chủ yếu ở các bộ tộc thiểu số.

Đàn Nguyệt (đàn Kìm): nhạc cụ họ dậy, chi gẩy dùng độc tấu hay hòa tấu trong các tốp, các dàn nhạc tài tử, phường bát âm. mặt đàn hình tròn, đường kính khoảng 36 - 40 cm. Thùng đàn dẹt, cao 5 - 6 cm. Cần đàn dài gần, 2,5 lần đường kính mặt đàn, khoảng 90 - 100cm. Có 8 - 10 phím đàn cao, gần trên cần 6 - 8 cái, số còn lại gắn trực tiếp lên mặt đàn. ĐN có hai dây cách nhau một quãng bốn hoặc năm. Tiếng đàn Nguyệt đục, mềm, dịu, nhất là khi nghe nghệ nhân nhấn nhá các dây thì rất gần giọng người, còn khi vê dây thì tiếng đàn trong sáng, khỏe, rộn ràng.

- ***Đàn Sến***: tên gọi nhạc cụ họ dây, chi gẩy. cần đàn dài khoảng 70 cm, đường kính mặt đàn 25 - 30 cm, cao 0,8 cm. Rìa đàn được tạo

thành múi như bông hoa. Tiếng đàn sến đục. Ngày nay ít dùng.

- ***Đàn Tam***: nhạc cụ họ dây, chi gẩy của người Kinh và người Hà Nhì (Ta In). Cần đàn bằng gỗ cứng dài khoảng 70 cm, không gắn phím. Bầu đàn hình chữ nhật có các cạnh tròn, trông gần giống hình bầu duc. Mặt đàn bịt da rắn, trăn hay kỳ đà. Phía bầu đàn bịt bằng gỗ có đục lỗ. Đàn có ba dây bằng tơ xe. Tiếng ấm, vang. ĐT thường dùng trong các dàn hòa tấu.

- ***Đàn Tam Thập Lục***: nhạc cụ bằng gỗ, có 36 dây kim loại. Hiện nay đã cải tiến nhiều lần và không chỉ có 36 dây. Khi đánh đàn thì gõ vào dây bằng hai que. Được dùng trong các dàn nhạc sân khấu ca kịch dân tộc như tuồng, chèo, cải lương và các dàn nhạc dân tộc hiện đại. Âm thanh vang, to, trong sáng và có âm vực rộng. Thích hợp với những bản nhạc vui. Nhược điểm là âm thanh của các cao độ lấn sang nhau, nhất là khi tấu với nhip độ nhanh: vì nó không có bộ phận hãm âm nên khi đánh sang âm sau thì âm trước vẫn còn vang chưa tắt. ĐTTL từ 20 năm nay ở một mức độ nhất định đã được dùng trong việc diễn tấu các bài hát mới, nhạc mới.

- ***Đàn Tranh*** (đàn Thập Lục): nhạc cụ bằng gỗ có 16 dây kim loại, gảy bằng móng tay hoặc móng phụ làm bằng kim loại; gảy tay phải, tay trái nhấn dây. Âm thanh vang, trong sáng, trữ tình, sử dụng phổ biến cho các dàn nhạc dân tộc. ĐT cũng như Đàn Nguyệt phải nhấn và mượn nốt mới hay.

- ***Đàn Tứ*** (đàn Nhật, tức mặt trời): loại đàn có bốn dây bằng tơ (2 âm giống nhau), Nam Bộ gọi là Đàn Đoản vì cần đàn ngắn. Được xếp phím theo hệ thống 7 âm chia đều, cho nên khi đánh theo điệu thức 12 bình quân, cần phải nhấn mới đạt được cao độ như ý muốn. Âm thanh giòn, khỏe, vang, thích hợp với giai điệu vui, hoạt bát, dí dỏm. Đ.Tứ trước đây có mặt trong các dàn nhạc bát âm, tuồng, cải lương (ít dùng trong chèo).

2) Về hai câu hỏi nữa liên quan đến một nhạc sĩ lão thành tên tuổi của VN, rất tiếc chúng tôi không thể trả lời được. Đó là những chuyện thuộc đời tư, chúng ta, không đủ thẩm quyền để phán xét.

Thân mến.

HỢP LƯU

Trung Tâm William Joiner
Nghiên Cứu về Chiến Tranh và Hậu Quả Chiến Tranh
Đại Học Massachusetts-Boston
*

Đề Án Về Cộng Đồng Người Việt Ở Nước Ngoài
Nghiên Cứu Gia Khoa Học Nhân Văn
Quỹ Rockefeller 2000-2003

Diễn Trình (Tái) Xây Dựng Diện Mạo và Quê Hương
của Người Việt ở Nước Ngoài

Đề Tài Nghiên Cứu:
Khảo sát Những Quan Điểm Hình Thành Lịch Sử Việt Nam
Khảo sát Những Tiếng Nói của Người Việt ở Nước Ngoài - Qua Văn Học,
Ngôn Ngữ, Văn Hóa
Diễn Trình (Tái) Xây Dựng Diện Mạo và Quê Hương của Người Việt ở Nước Ngoài:
Một Cái Nhìn Dài Hạn

Chương Trình Học Bổng:
Đề án sẽ cấp học bổng cho 2 tới 5 nghiên cứu gia hàng năm, bắt đầu từ niên khóa
2000-2001, với những chương trình nghiên cứu từ 4 tới 9 tháng.
Trợ cấp tối đa cho một chương trình nghiên cứu 9 tháng là 35.000 Mỹ kim
cộng với một khoản chi phí di chuyển nhỏ.

Thời Hạn :
Hạn chót nộp hồ sơ : Ngày 31 tháng giêng năm 2000

Đề Án Với Sự Đồng Tham Dự:
Chương Trình Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Á Châu
Chương Trình Đông Á Học
Viện Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Á Châu
Liên Minh Thanh Niên Thanh Nữ Mỹ Gốc Vùng Á Châu - Thái Bình Dương
Học Viện Cao Đẳng Giáo Dục

Địa Chỉ Liên Lạc:
Nguyễn Bá Chung
William Joiner Center for the Study of War and Social Consequences
University of Massachusetts-Boston
Boston, MA 02125-3393
Tel: **(617)287-5850**, fax: **(617) 287-5855**
e-mail: **Chung.Nguyen@umb.edu**
Web Site: **http://omega.cc.umb.edu/Adiaspora**

*Cuốn sách **không phải ai** cũng mong đợi...*

Cuốn sách mô tả mặt trái tấm huy chương cuộc đời

Cuốn sách tập hợp các hí họa ETCETERA mỗi ngày trên nhật báo NGƯỜI VIỆT, và các báo Việt Ngữ trong vùng.

Hí Họa ETCETERA

XUẤT BẢN ĐẦU THẾ KỶ 21

tranh trên các diễn đàn báo chí do tòa soạn các báo chọn,

tranh trong sách của chính tác giả CHỌN!

365
hí họa
của
ETCETERA



MUỐN XEM THÊM 364 BỨC HÍ HỌA KHÁC?

Liên lạc để có sách: ***714✶804✶9445***
*7838 Westmister Ave. * Westminster, CA 92683 /*
Email: feelings@hotmail.com



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394. Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):

- *Một năm / One year*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
- *Hai năm / Two years*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US&96.00

Âu châu (Europe):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US&50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):

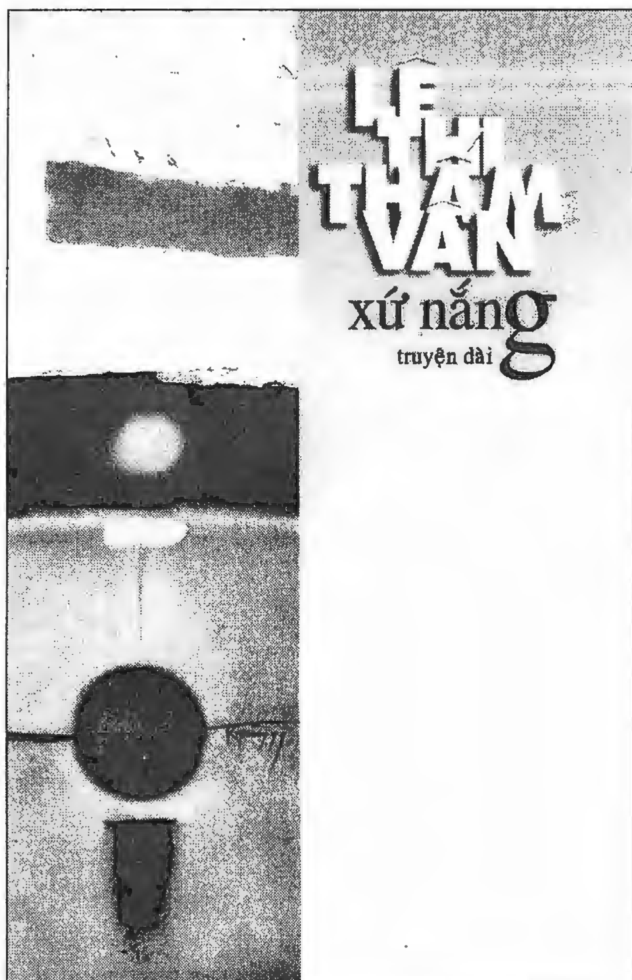
- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) để HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HO LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.

ANH THƯ xuất bản
VĂN NGHỆ tổng phát hành



LÊ THỊ THẤM VÂN

xứ nắng

truyện dài

Giá 8MK

Liên lạc với tác giả:
P.O.Box 360923
Milpitas, CA 95035. USA

51 Giá 8MK